

DICKENS



Đ Ê V Í T
Copóphin

Tập 1

DÊVIT COPÓPHIN

S.ĐICKENX

ĐÊVIT CÔPƠPHIN

Tập 1

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

LỜI NÓI ĐẦU

Năng lực làm việc kỳ diệu ấy kết hợp với cách làm việc có phương pháp đã đưa ông đến mọi thành công. Năm 20 tuổi, ông là *phóng viên tốc ký* chính thức ở Quốc hội cho tờ *Tám gương Quốc hội*. Nhưng ông không thích Quốc hội. Cho đến hết đời mình, bao giờ ông cũng giữ thái độ khinh miệt đối với những bài diễn văn ồn ào nhưng rỗng tuếch, phù phiếm, không ích lợi gì cho xã hội. Ông tìm một diễn đàn khác.

Vào tháng 12 năm 1833, *Tạp chí Nguyệt san* xuất bản một truyện ngắn dí dỏm mang tên *Bữa ăn ở Popla Uônơ*, và sáu tháng sau người ta bắt đầu thấy xuất hiện một bút danh mới là Bôđơ trên các tờ *Tin tức buổi sáng* và *Tin tức buổi chiều* với những bài *Những phác hoạ ngoài phố* và *Những phác hoạ về Luân đôn*. Dickens phác hoạ những cảnh sinh hoạt mà suốt đời ông đã nhìn với con mắt tò mò nghịch ngợm nhưng trào lộng, chua chát. Dickens đã tìm đường đi cho cái thiên tài khắc hoạ vô song của mình.

Ông đã tìm được nó vào năm 1836. Nhà hoạ sĩ Xaymơ muốn xuất bản một loạt tranh hài ước miêu tả những cảnh săn bắn, thể thao, cưới ngạ. Bức tranh có kèm

theo một văn bản. Người ta đề nghị Bôđơ viết. Bôđơ (bút danh của Đickenx lúc này) nhận, nhưng đề nghị thay đổi vài điểm: đề tài sẽ do nhà văn chọn và đó là những cuộc du lịch của một câu lạc bộ, sẽ có hai mươi bốn trang văn bản với bốn trang hoạ và các tập giá một si - linh. Quy chế này sau này thay đổi một chút, số tranh chỉ chiếm hai trang, trái lại số trang bản tăng lên ba mươi hai trang. Nhưng nói chung, phần lớn sự nghiệp văn học của Đickenx, không chỉ *Picých* và *Đêvit Copophin* mà cả *Nikônbi*, *Cô bé Đôrit*, *Cha con Đômbi*, *Ngôi nhà lạnh lẽo.v.v..* đã ra đời với bạn đọc dưới hình thức này. *Quyển Đêvit Copophin* chẳng hạn số 1 ra ngày 1 tháng 5 năm 1849 gồm 3 chương 1, 2, 3; số 2 ra ngày 1 tháng 5 năm 1849 gồm 3 chương 4, 5, 6.v.v... và ngày 1 tháng 2 năm 1850 hai số cuối là số 19 và 20 ra mắt gồm các chương từ 58 đến 64. Kỷ luật khe khắt ấy bắt tác giả phải viết dài là cho số nào cũng dài như nhau. Tác giả thường phải viết dài hơn quy định để khi in lên cắt bớt một số câu cho vừa. Trái lại có trường hợp viết ngắn hơn quy định, tác giả phải đi từ Pari về Luânđôn để bổ sung như trong số 6 của *Cha con Đômbi*.

Tác phẩm *Picých* ra đời thành công to lớn. Số đầu ra 400 bản, số 15 tăng lên đúng 100 lần là 4 vạn bản. Đickenx từ nay có thể rời bỏ cái nghề phóng viên tốc ký trở thành nhà văn chuyên nghiệp, ông lấy Catorin Hogac con gái ông chủ bút tờ *Tin tức buổi chiều*, một người thân phục ông. Ông trở thành nhà văn lớn nhất nước Anh. Lúc này Đickenx 24 tuổi.

Cuộc đời của Đickenx từ đó sáng tác văn học phong phú và rục rờ. Với tiểu thuyết "*Những cuộc đời phiêu lưu*

của Oliver Tuýt (1838), Dickens bước hẳn sang chủ nghĩa hiện thực phê phán. Ông phác họa cuộc đời của một cậu bé bị xã hội ruồng bỏ phải sống với bọn trộm cắp, và qua đó cuộc sống những người lạ "hạ lưu" của Luân đôn được vẽ lên với thái độ tố cáo xã hội. Trong tiểu thuyết "*Cuộc đời và những chuyện phiêu lưu của Nicolat Nickon*" (1839) ông miêu tả những phương pháp giáo dục học sinh man rợ và vạch trần thế lực của đồng tiền. Trong "*Martin Sazlouýt*" (1844) viết sau khi sang Mỹ lần đầu, ông phê phán xã hội Anh và Mỹ. Từ 1843 đến 1848 xuất hiện những *Chuyện kể ngày Chúa giáng sinh* ở đây lần đầu tiên yếu tố cổ tích xen vào và ông kêu gọi lòng nhân từ, bác ái trong khung cảnh tàn nhẫn của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa.

Năm 1848, "*Cha con Donibí*" ra đời, bóc trần những tội lỗi của đồng tiền tư bản. Tài năng của ông đang lên đến độ trưởng thành cao nhất. Cuộc đời nghèo khổ đã lùi lại phía sau. Nhà văn danh tiếng, giàu có và tự tin ở mình nhìn lại quá khứ và viết tiểu thuyết tự truyện của mình trong một kiệt tác. Đó là "*Đêvit Copophin*" (1849) - 1850).

Những thất bại của phong trào hiến chương ở Anh, những kết quả nửa vời của cuộc cách mạng 1848 ở lục địa châu Âu, cảnh nghèo khổ đã cơ cực ngày càng cơ cực của những người công nhân, những người lao động bình thường mà ông tin chắc là đạo đức hơn, cao quý hơn bọn quý tộc và giàu có đã thúc đẩy ông từ bỏ lối tiểu thuyết phiêu lưu, vui nhộn để bước sang tiểu thuyết luận đề - xã hội. "*Ngôi nhà lạnh lẽo*: (1853) tố cáo chế độ pháp luật, "*Thời gian khổ*" tố cáo bọn tư bản công nghiệp. "*Cô bé Đôrit*" tố cáo cuộc sống tù ngục. Thái độ trào lộng nhường

chỗ cho châm biếm chua chát. Thiện cảm của ông hoàn toàn dành cho những người bị chà đạp, bị khinh rẻ. Nhưng cho đến cuối đời, ông cũng vẫn không sao hiểu được cái công lý của một cuộc cách mạng giai cấp công nhân. Những ảo tưởng mà ông tin với thái độ chân thành tội nghiệp bắt ông phải tự họa cho các tiểu thuyết của ông một kết thúc tươi sáng, xuất hiện dưới hình thức những nhà giàu nhân từ (!) nhưng trong *Oliver Twist*, *Nicolat*, một thuyết bác ái toàn nhân loại, như trong *Những chuyện kể ngày Chúa giáng sinh* hay những cuộc phiêu lưu may mắn ở bên kia đại dương như trong *Đêvít Copơphin*. Nhưng những lầm lẫn ấy là dễ hiểu và dễ tha thứ vì con người Dickenx là con người của thời đại nữ hoàng Victoria, cái thời đại tư bản Anh hãy còn phát đạt, còn đủ sức chinh phục thế giới (“mặt trời không lặn trên đế quốc Anh”) và do đó, hòa hoãn nhất thời những mâu thuẫn nội bộ và đánh lừa con người ngây thơ và dễ cảm như Dickenx.

Nhưng cuộc sống văn học không phải là cuộc sống duy nhất của ông. Bản tính hoạt động, say mê nhiều việc cùng một lúc, ông làm chủ một tờ tuần báo, hoạt động chính trị, diễn kịch, làm việc từ thiện, đi du lịch. Ngoài ra từ năm 1858 Dickenx còn đọc những tác phẩm mình cho công chúng nghe để lấy tiền làm việc thiện. Từ đó, những việc đọc này trở thành bộ phận thường xuyên trong đời sống, nó làm cử tọa ngây ngất, làm ông càng gần với quần chúng nhưng cũng đồng thời làm cho sức khỏe của ông, vốn dĩ đã kém, lại càng sa sút nhanh chóng. Và tất cả những hoạt động ấy diễn ra trong một hoàn cảnh gia đình lục đục, vì trái ngược với Đêvít, Dickenx hoàn toàn không

thấy sự yên tĩnh trong gia đình. Sau hai mươi năm sống chung trong tình trạng cãi cọ thường xuyên, vợ chồng mỗi người một nơi, các con cũng chia đôi (Dickens có mười đứa con) và Dickens phải để các con đi ra nước ngoài, đứa thì đi Úc, đứa thì đi Trung - quốc, đứa thì đi lênh đênh trên đại dương để khỏi sống cuộc đời ngồi không ăn bám. Cuộc sống ấy chỉ có thể làm cho ông kiệt sức. Ông chết ngày 9 tháng 5 năm 1870 trong khi đang viết dở quyển tiểu thuyết. *Bí mật của Edin Drut.*

Dickens có viết trong tờ di chúc của mình xin đừng dựng cho ông một đài kỷ niệm nào hết. Ông tin rằng mình sẽ sống trong lòng con tim người đọc và đó là muôn vạn đài kỷ niệm. Không có gì đúng hơn. Trong văn học Anh, không có ai dân tộc hơn, quần chúng hơn Dickens. Không có ai mà tác phẩm được chờ đợi say sưa háo hức đến thế. Một giáo sĩ kể chuyện một người bệnh được rửa tội trước khi chết, chỉ chép miệng lác đác mà nói: “Lạy chúa! Dù sao thì ngày mai chuyện *Picuvich* vẫn cứ được đăng tiếp ! Thực tiếc không được đọc nó”. Ngay khi mới được tạo ra nhân vật của ông đã được nhận ra ngay ở trong đám đông và người xem trao đổi, thư từ với ông về nhân vật. Cô Maosơ mà chúng ta bắt gặp ở chương XXII chẳng hạn là một nhân vật có thực. Ngay sau khi được miêu tả, mọi người đều nhận ra cô, đến nỗi cô phải viết thư cho Dickens yêu cầu ông miêu tả cô ta kha khá một chút và cấp cho cô một kết thúc tốt.. Và như ta thấy. Dickens là nghệ thuật tuyệt mỹ nhất; đó là cái nghệ thuật làm mọi người thích thú”. Tất cả mọi người từ em bé đến ông già đều thích thú Dickens, và đều hiểu được Dickens, đều tìm thấy ở những tác phẩm của ông những

người bạn mà người ta có thể tin cậy và yêu mến.

Đánh goá Dickens, L.Cadarnian nói: “Trong số các nhà tiểu thuyết Anh, Dickens không phải là con người nghệ sĩ nhất, nhà tâm lý học tinh vi nhất, nhà hiện thực hoàn mỹ nhất, người kể chuyện quyến rũ nhất và lớn nhất”. Đúng thế, những người trí thức có thể thích một nhà tiểu thuyết khác hơn tùy theo sở thích riêng của họ về nghệ thuật, về tâm lý, về hiện thực hay về tài kể chuyện, nhưng nhân dân Anh hơn trăm năm nay trước sau vẫn chọn Dickens vì ông là “dân tộc nhất, điển hình nhất và lớn nhất”. Và cần phải nói thêm cái tính dân tộc ấy không phải chỉ dành riêng cho nước Anh. Ở Liên-xô, ở Pháp, ở Đức, đâu đâu tác phẩm của ông cũng được ưa thích. Chỉ nói riêng quyển “*Đêvit Copoplin*” thôi đã khiến cho nhiều tác giả viết hàng chục tiểu thuyết về tuổi thơ bị hắt hủi, về những cuộc phiêu lưu, của một đứa bé. Những chuyện này ít nhiều đều dựa vào khuôn mẫu của *Đêvit*. Nó đã mở đầu cho một trào lưu văn học về thiếu niên. Nếu tham vọng lớn nhất của một nhà văn là được tin và được yêu thì trong tất cả các nhà văn, Dickens là người đã thực hiện cái tham vọng ấy đến mức độ đầy đủ nhất.

*

Trong bài *Tự* của *Đêvit Copoplin*, Dickens viết: “Không ai đọc truyện này mà có thể tin nó hơn tôi đã tin khi viết nó ra”. Với tư cách một nhà văn mà những tác phẩm đã chinh phục không phải chỉ nước Anh, mà cả châu Âu và nước Mỹ, ông thú nhận: “Trong tất cả những quyển

sách của tôi, đây là quyển tôi yêu quý nhất". Ông gọi *Đêvít Copophin* là "đứa con cưng". Và hậu thế đã xác nhận nhận định ấy. *Picuych* có thể làm người ta thán phục hơn về tài trào lộng, *Oliver Tuit*, *Người bạn chung* có thể làm người ta bị lôi cuốn hơn vì câu chuyện có một kết cấu tài tình, *Cô bé Đôrit*, *Thời gian khổ*¹⁾, *Chuyện kể ngày lễ giáng sinh* có thể làm người ta thích hơn vì giá trị xã hội; *Cha con Donhi*, *Những niềm hy vọng lớn* có thể làm người ta cảm động hơn v.v... Nhưng cái đỉnh cao nhất của sự nghiệp văn học của ông, tác phẩm chân thực nhất, con cưng của nền văn học Anh, đó là *Đêvít Copophin*. *Đickên* đã làm làm thế để đạt được cái kết quả kỳ diệu ấy?

Đêvít Copophin chinh phục con người bằng tính chân thực đáng tin của nó. Cố nhiên đây không phải một quyển tự truyện đơn thuần, một quyển hồi ký đơn thuần mà là một quyển tiểu thuyết trong đó yếu tố hư cấu là chủ đạo xen lẫn với những sự thực rút ra từ cuộc đời của bản thân tác giả. Nhưng tác giả đã khéo kết hợp cái hư với cái thực và đưa vào đấy một sự phân tích nội tâm sâu sắc và triệt để, phanh phui tất cả những tâm trạng, những ý nghĩ của mình một cách công phu, và có thể nói tàn nhẫn, làm cho người ta thấy đây đúng là sự sống kết tinh lại, đây chính là con người *Đickên*.

Phân hư cấu và phần tự truyện đều biểu hiện rất rõ qua tiểu sử *Đickên*. Cố nhiên *Đickên* không hề mồ côi cha mẹ, không hề có bà cô mẫu nào như *Betxi*, không hề được học hành chu đáo như *Đêvít*, không hề có 'chị bảo

¹⁾ *Đickên*. *Thời gian khổ* Phạm Thuỷ Ba dịch, NXB văn học 4-1960

mẫu trung thành nào như Pecgôti, không hề lấy bà vợ trẻ con như Đơra.v.v. Những chi tiết tự truyện có thể thu hẹp trong bốn việc: cuộc đời của Đêvit làm lao công ở Công ty Mócxtôn và Grinbi là sao lại mấy tháng Saclơ sống ở xưởng làm xi, cuộc sống của ông bà Micôbơ là cuộc sống của cha mẹ chàng, tình yêu say đắm của Đêvit đối với Đơra là tình yêu của Saclơ đối với Maria Bitnen. Đặc biệt đối cái nghị lực hung bạo của Đêvit trong việc học làm biện lý - biện hộ sĩ, học tốc ký, viết báo, viết văn nói lên quyết tâm phấn đấu và con đường văn học của Saclơ. Về một số điểm khác các nhà nghiên cứu vẫn không nhất trí. Ai là Acnét, cô em gái, nàng tiên và sau này là vợ Đêvit ? Phải chăng đây chỉ là một ước mơ vì Đickenx không tìm được hạnh phúc trong gia đình ? Phải chăng nó ám chỉ cô em vợ là Joojina Hogac ? Ai là Tratđơn ? Phải chăng nó nhắc gợi bóng gió tới Jon Foocxtơ, người bạn trung thành nhất, người xuất bản các tác phẩm của ông và sau này là người viết quyển tiểu sử có uy tín nhất về ông: *Cuộc đời của Saclơ Đickenx* ? Về những chi tiết này và những điều kiện tương tự, đó là công việc của các nhà nghiên cứu. Đối với chúng ta, những người đọc giả của Đickenx chỉ có một điều quan trọng mà thôi: qua nhân vật Đêvit, Đickenx đã bóc trần tâm hồn mình và tính chân thực của *Đêvit Copophin* là tính chân thực của tâm hồn tác giả.

Và đây là điểm mới tác giả đã đem đến cho nghệ thuật của mình. Thực vậy, trước *Đêvit Copophin* ta có một Đickenx khác. Đickenx tiên - Đêvit là Đickenx của những bức khắc hoạ vô song. Hình ảnh của Micôbơ chẳng hạn là một thí dụ của lối khắc hoạ ấy. Lần nào ta bắt gặp ông, lập

tức ta thấy cái cổ giả, cái kính tay, cái giọng nói bẽ trên, cái ngôn ngữ khách khí (thế nào cũng có chữ “tóm lại, nói chung”), cái bệnh viết thư, cái thái độ chuyển nhanh chóng từ vui sang buồn, tái tâm trạng lạc quan và cả cốc rượu ngũ vị của ông ta nữa ! Và không phải chỉ có ông Micôbơ. Bà Micôbơ, Uria Hip, Tratdon, chị Pecgôti, cô Moxtôn.v.v... tất cả các nhân vật của Dickenx đều thế cả. Con người của Dickenx là con người của những tập quán, những cử chỉ những lời nói điển hình. Nghệ thuật tiền - Đêvit là nghệ thuật trào lộng. Nó bắt người ta cười trong khi nước mắt chảy, và bắt ta buồn thất ruột nhưng vẫn phải cười. Muốn thí nghiệm điều đó ta chỉ cần đọc bất cứ chương nào, chương XIV chẳng hạn. Nghệ thuật tiền - Đêvit là nghệ thuật bố trí sự việc dồn dập, tình tiết căng thẳng, ngôn ngữ đối chọi và làm sao cho bất cứ chi tiết nào nhỏ nhất trong một chương cũng đều có quy luật nhân quả với các chương khác làm thành một cấu trúc thực chặt chẽ như một vở kịch. Chính những ưu điểm ấy đã làm cho các tác phẩm của Dickenx lôi cuốn mọi người bất họ phải say mê như điên như dại.

Nhưng những ưu điểm ấy cũng có nhược điểm của nó. Sự khắc họa dễ thành biếm họa, khi những đường viền quá đậm, con người quá rõ thì cái mập mờ huyền ảo cũng mất đi. Khi cái tính máy móc của cuộc sống hiện ra với trình độ chính xác của cái đèn kéo quân thì cái chiều sâu, cái con người lưu chuyển và đa dạng, cái thế giới nội tâm khó lòng khỏi bị thương tổn. Chính vì vậy mà khi Thackerai xuất hiện với *Hội chợ phù hoa* (1747-1848)⁽¹⁾ với một

⁽¹⁾ Thackerai *Hội chợ phù hoa* Trần Kiêm dịch NXB Văn học 4-1963.

phương pháp miêu tả mới, bỏ bề ngoài, đi vào nội tâm thì cái uy tín của Dickens tuy vẫn lừng lẫy nhưng không còn là uy tín độc nhất nữa. Không những thế, ngay lúc *Đêvít Copophin* ra từng số một, thì Thackeray cũng cho ra từng số một quyển tiểu thuyết tự truyện của mình là *Pendennis*.

Chính trong hoàn cảnh đua tài ấy nghệ thuật của Dickens đã bước sang một bước chuyển quyết định. Trong khi vẫn giữ biện pháp khắc hoạ đối với những nhân vật mà ông căm ghét như Cô Moxtôn, Uria Hip, này đối với những con người của một động cơ duy nhất, dù động cơ đó là cô gái yêu (ông Uychophin), mẹ con bà chủ (chị Pecgôti), đứa cháu gái (ông Pecgôti), một dịp may hiếm có (ông Micôbơ).v.v...- nhưng ở đây tất cả đều chan chứa cái vẻ tươi tỉnh mát ngậy thơ làm cho họ trở thành đáng yêu hết sức - ông đã đưa ra những con người khác, uyển chuyển, đa dạng, mâu thuẫn đến khó hiểu, đó là cô Đacton, Xtiêcphooc, Emili và nhất là Đêvít. Cô Đacton - con người đã từng được yêu chuộng, nàng niu rồi bị vứt bỏ, hắt hủi - tha thiết sống bằng một cuộc sống nội tâm bị dồn ép, bị kiềm chế gắt gao, nhưng chỉ chờ một dịp nhỏ để bùng nổ. Xtiêcphooc, con người tài hoa, có thừa mọi khả năng để thành đạt, để có được danh vọng, nhưng lại vứt bỏ tất cả để chạy theo những ham thích mới, đi đến chỗ phá hoại hạnh phúc của người khác, làm những hành động bỉ ổi, hèn hạ, nhưng vẫn là một con quái vật hấp dẫn. Câu chuyện về Emili, cô gái hồn nhiên, trong trắng, tươi mát trong tuổi thơ ngậy, rồi bị quyến rũ, sa ngã và được cứu, bộc lộ một tài năng phân tích hiếm có. Nhưng Dickens không bao giờ biểu hiện cái thiện tài phân tích nội tâm cho

bằng khi ông tự bộc lộ mình.

Cũng như Dickens, Đêvit là một cậu bé quan sát tinh tế, có trí nhớ thực tốt, dễ cảm, dễ bị tổn thương về tình cảm. Dickens nhận thức sâu sắc nỗi đau khổ của một tâm hồn thơ ấu bị hắt hủi, khinh bỉ. Đêvit có nhiều mơ ước, có tham vọng cho nên càng đau đớn âm thầm khi những ước mơ ấy bị chà đạp. Đêvit là một người bạn tốt nhưng có phần ích kỷ, say mê bồng bột trong tình yêu, phần nào mù quáng trong tình bạn. Sự phân tích của Dickens tỏ ra táo bạo khi đề cập đến những quan hệ giữa Đêvit và Xtiécphooc, giữa Xtiécphooc và Đacton, cũng như giữa Đêvit với Đôra. Đó là một sự phân tích tàn nhẫn nhưng rất hiện thực, nó làm cho ta thấy tâm hồn của Dickens

Nhưng tính chất chân thực, đáng tin chỉ mới là một mặt. Quan trọng hơn, tác phẩm của Dickens bao giờ cũng rất đáng yêu và *Đêvit Copophin* là con cưng của bạn đọc cũng là vì thế.

Nó đáng yêu trước hết bởi cái chủ đề của tác phẩm: tuổi thơ ấu của những đứa trẻ mồ côi, và nhiệm vụ của xã hội đối với họ. Cố nhiên các trẻ em mồ côi chiếm một địa vị quan trọng trong các tác phẩm của Dickens. Nhưng không ở đâu ta thấy có nhiều trẻ em mồ côi như ở đây. Có những đứa mồ côi cha (như Uria Hip, Xtiécphooc), có những đứa mồ côi mẹ (như Tratdon, Emili, Ham, Đacton, Đêvit). Và điều đó cho phép ông nhìn vấn đề giáo dục, nghiên cứu hoàn cảnh sống của các em, đi sâu vào chủ đề gia đình ở mọi khía cạnh, mọi phương diện. Có những đứa trẻ vì được nâng niu chiều chuộng cho nên lớn lên hoặc không làm được gì (Đôra) hoặc trở thành phóng túng, liều

lĩnh, đi đến những hành động bỉ ổi phá tan hạnh phúc gia đình người khác cũng như hạnh phúc gia đình của mình (Xtiêcphooc). Có những đứa trẻ vì được giáo dục theo cái lối giả dối, đạo đức giả nên lớn lên thành những tên lừa bịp, đốn cáng (Uria Hip). Ông mơ ước có một bà mẹ dịu dàng như bà Copophin, nhưng ông muốn có một người đỡ đầu thân ái dù bên ngoài có phần nào nghiêm nghị, như Cô Betxi. Đó cũng là ý kiến của Xtiêcphooc khi nói “Đêvít ạ, giá hai mươi năm nay trời cho mình một người cha nghiêm nghị thì tốt quá !” (Chương XXI). Ông căm ghét lối giáo dục gia đình “cứng rắn”, tàn nhẫn, lạnh lùng, mà ông gọi là “tôn giáo” của chị em ông Mécxtôn, ông đòi hỏi đứa trẻ phải được đối xử “âu yếm”, phải được thông cảm: “Một lời khuyến khích và giải thích cho tôi, thông cảm với ý nghĩ rõ ràng rằng người ta tin vào những đức tính ấy của học sinh hề hoạ sinh tỏ ra xứng đáng với lòng tin” (chương XVI). Hình ảnh lý tưởng của nó là trường của Bác sĩ Xtrong, đối lập với trường học chỉ dùng roi vọt của ông Crickcon trong đó ông hiệu trưởng là một thứ “ôn thần” đối với các học sinh ngây thơ, vô tội.

Vì yêu cầu trẻ em phải được yêu quá, tin yêu và người ta phải tìm mọi cách đảm bảo cho chúng lớn lên thành những con người hữu ích, phát huy những năng khiếu của mình cho nên Đickenx đòi hỏi nhiều ở các bậc cha mẹ. Nếu ông không chấp nhận những bà mẹ chỉ lo nuông chiều con, làm hư con như bà Xtiêcphooc, hay những ông bố yêu con một cách bệnh hoạn, nhưng không nghĩ đến tương lai của con, suýt nữa làm hỏng cả đời con như ông Uychophin, thì ông lại càng không chấp nhận

những bậc cha mẹ vô trách nhiệm đối với con cái. Cuộc sống ấu thơ thiếu sự săn sóc, thiếu tình yêu của ông thường xuất hiện trong các tác phẩm. Nhưng nếu như trong *Nikolat Nikonbi* ông phê phán lo đến con cái, hay trong *Cô bé Đorit* ông phơi bày tâm trạng ích kỷ của người cha, thì không bao giờ sự phê phán ấy lại nghiêm khắc nhưng lại trù mến cho bằng lúc ông đứng lên hình ảnh ông mà Micôbơ.

Chính phương pháp tự sự này là thành tựu cao nhất của thái độ hóm hỉnh Anh, mặc dầu nền văn học ấy đã có Atdidon và Xuiphtơ. Sự chế nhạo xen lẫn với sự ái ngại, sự ghét bỏ xen lẫn với lòng thương. Người ta có thể đề phòng họ, sợ họ vay tiền hay mượn tên mình để vay nợ nhưng họ là những người đáng yêu và hấp dẫn. Thackơri gọi Micôbơ “Anh chàng tròn vẹn kia, hưởng lạc, bản thủ, và thú tuyệt”. Chính thái độ vừa dịu dàng trù mến lại vừa sắc sảo và khách quan làm cơ sở cho phong cách hóm hỉnh Anh đã cho phép Dickenx khắc hoạ thành công cả một loại nhân vật từ cô Bétxi, anh Backit đến anh bạn tốt là Tomat Tratdon.

Tất cả thiện cảm, tất cả sự thần phục của ông là đã cho những con người lao động bình thường, cho chị bảo mẫu Pecgôti, cho Ham người công nhân đóng thuyền, nhất là cho ông Pecgôti người đánh cá. Chị Pecgôti là hình ảnh lý tưởng của một chị đầy tớ trung thành, tận tụy, vô tư. Đêvit xem chị như bà mẹ của mình và chị chỉ sống để chăm lo chỗ quên mình. Chị quên mình vì người khác, vì mẹ Đêvit vì Đêvit, vì Backit, ở chị lòng thương, sự tận tụy hy sinh, thái độ quên mình trở thành bản tính. Ham và ông

Pecgôti xứng đáng với lời khen của Emili “Khi em nghĩ Chúa như thế nào, thì em nghĩ Chúa là như anh Ham và như cậu (Pecgôti)”. Đó là những con người giản dị, chất phác, chân thật, nhưng vô cùng cao quý. Họ cao quý trong cuộc sống, cao quý trong tình yêu, cao quý trong sự hy sinh. Ham chết để cứu những người bị đắm tàu trong đó có Xtiêcphooc. Ông Pecgôti suốt đời sống vì người khác. Là một người đánh cá, mình đầy “nước mặn” ông sống để giúp đỡ cứu mang những người nghèo khác như bà Gômmit, và những đứa cháu của ông. Tâm hồn ông cởi mở, đẹp dễ vui sướng vì hạnh phúc của hai cháu, cho đến khi lòng ông tan nát, ông lang thang trên lục địa châu Âu “để tìm con cháu và đem nó về”. Nhiều nhà phê bình đã chê trách Đickenx về điểm này, cho rằng ông đã biến ông Pecgôti thành một thứ Chúa cứu thế và như thế quá đáng. Nhưng chúng tôi nghĩ chính đó là ưu điểm. Đánh rằng hình ảnh ông Pecgôti có mang màu sắc Kinh thánh, nhưng ai sẽ cứu vớt cái nhân loại hiện tại nếu đó không phải là giai cấp của Ham và ông Pecgôti, cái giai cấp mà lòng tận tụy hy sinh quên mình cho kẻ khác là bản tính? Khi nói đến những con người mà xã hội thường bao giờ ông cũng tỏ thái độ thán phục không úp mở. Ông nói “nếu như xưa nay tôi có kính trọng thán phục một người, thì người đó là ông Pecgôti”, ông thừa nhận bà Gômmit, cái bà hay rên rỉ, đã “cho một bài học” về lòng tận tụy. Ngay cả đối với Macta, “một con giun tội nghiệp đã bị tất cả thành phố giẫm lên từ đầu phố đến cuối phố” cũng là một người đáng trọng vì chính cô đã cứu Emili khi nàng sắp rơi xuống “một nơi còn kinh khủng hơn là địa ngục”. Và tất

cả so với những bọn giàu có, sang trọng nhưng ích kỷ, hèn hạ như mẹ con Xtiêcphooc ! Và cái tốt, cái xấu, phân biệt rõ rệt, yêu, ghét, phân minh là đặc điểm bất biến của tiểu thuyết Dickenx, nó đã khiến cho những tác phẩm của ông tuy nói về hiện tại nhưng bao giờ cũng có cái hương vị của cổ tích.

Đevit Copplin là một tiểu thuyết viết với một tình thương trù mến. ở đây lần đầu tiên nhà văn tự xưng “tôi” với bạn đọc. ở đây chỉ kỷ niệm và những bóng hình của quá khứ. Nhưng điều quan trọng nhất là phải tìm một hình thức kể sao cho ăn khớp, sao cho người đọc tin yêu, và chính ở đây Dickenx đã đạt đến tột đỉnh của thiên tài của mình.

Hơn một trăm năm nay các nhà nghiên cứu đã cố gắng tìm hiểu tại sao mười bốn chương đầu của quyển truyện lại có thể tươi mát, trẻ trung đến thế ? Tác giả đã vận dụng nghệ thuật gì để khiến cho toàn bộ tác phẩm mãi đến ngày nay vẫn cứ lôi cuốn chúng ta, bắt chúng ta cứ hồi hộp chờ đợi rồi được hài lòng, nhưng lại càng khao khát mặc dù chúng ta đã đọc nó hàng chục lần chứ không phải như những độc giả đương thời phải sắp hàng từng dãy để đón mua từng số ? Phải chăng đó là nhờ chỗ tác giả đã biết kéo chúng ta vào những hồi tưởng của mình bằng cách trình bày cái lôgích câu chuyện theo cái lô gích của sự hồi tưởng.

Dickenx nhắc đi nhắc lại không biết bao lần những chữ “hiện nay tôi còn thấy”, “tôi hồi tưởng lại”, “ngay bây giờ tôi còn nhớ”, những chữ ấy lặp đi lặp lại quá khứ của mình. Ta gặp chị Pegôti lần đầu với hộp đồ may trên vế nhà thờ Xanhpôn, và lập tức chị là bạn quen biết của ta. Gặp lần thứ hai, hộp đồ may thành vật kỷ niệm, và mỗi lần

nhớ đến chị, gặp chị, tự nhiên ta lại nhớ đến hộp đồ may. Và cứ như vậy, kỷ niệm của Dickens biến thành kỷ niệm của ta, dường như chính ta nhắc Dickens yêu cầu anh ta cho biết: “Thế nào, hộp đồ may ra sao?”. Và cứ như thế cái bàn tay lạnh buốt, thân hình uốn éo của Uria, cái tính ghét lửa của Cô Bêtxi, cái vẻ cứng rắn của Cô Moxtôn. Những lời nói cũng vậy, trở thành kỷ niệm: hình như Backit chỉ sống để nói “Backit muốn”, ông Uychophin sống để nói “động cơ” và Uria xuất hiện là để nói “tôi rất hèn kém”. Một điều đáng chú ý trong khi vận dụng rất thành thạo nghệ thuật khắc hoạ của mình, ở đây Dickens vẫn sử dụng nó rất vừa phải, tất cả những nét khắc hoạ cũng như mọi hình ảnh quá khứ đều đi do chỗ xen lẫn với những cảm nghĩ của nhân vật chính. Chỉ thỉnh thoảng ông mới dùng đến lối khắc hoạ đậm nét như một bức phù điêu. Cảnh ông Micôbơ vạch trần những mưu đồ đối trá của Uria (chương LII) chẳng hạn sánh ngang với hài kịch Sêcxpia, và cái cảnh đắm tàu ở chương LV đã được xem là không kém Homêrô trong *Iliat*. Nhưng đó là ngoại lệ còn thường thường sự vật khách quan bao lần cũng xen lẫn với cảm nghĩ chủ quan như sự hồi tưởng yêu cầu.

Lại còn những cảnh lặp đi lặp lại của những người khác nhau. Phải chăng cần nhắc đến con số? Có bốn cảnh chết miêu tả tỉ mỉ, có hai mươi sáu cảnh khóc trong đó người khóc là người lớn, và nhất là bốn chương dành cho việc hồi tưởng quá khứ xuất hiện hài hoà sau những chặng đường quan trọng của cuộc đời Đêvi.

Phương pháp này còn có thể nói là vô cùng phù hợp với sự diễn biến nội tâm. Nếu như cái dòng nội tâm của

chúng ta là một bản nhạc với những chủ đề đi về, với những giai điệu, những hoà âm lặp đi lặp lại, thì ở đây cũng vậy, Dickens đưa chúng ta vào cái thế giới giao hưởng của nội cảm. Một hình ảnh hiện lên trong quá khứ, hình ảnh Xtiêcphooc chết “gối đầu lên cánh tay” chẳng hạn. Lập tức hình ảnh ấy lại nhắc đến một hình ảnh khác cũng ở quá khứ, nhưng ở một quá khứ xa hơn: hình ảnh Xtiêcphooc ngủ ở trường học, khi còn bé “gối đầu lên cánh tay”. Rồi cái chết ấy, hình ảnh ấy lại quyen vào hiện tại: tác giả nhắc đến bạn trong khi cầm bút. Và lát sau dòng tư tưởng lại quay về quá khứ, chúng ta thấy Đêvít ngồi trên chiếc xe đưa thi hài bạn về nhà Xtiêcphooc. Và cứ như vậy quá khứ, hiện tại, hiện thực, tâm tư xô đẩy nhau, quyen vào nhau để rồi cũng biến mất nhường chỗ cho một đợt sóng mới. Phải chăng chính vì thế mà tâm tư Đêvít, kỷ niệm Đêvít, biến thành tâm tư, kỷ niệm của ta, và cái giao hưởng vang lên trong tác phẩm nghe như bản giao hưởng của cuộc đời thơ ấu và thanh xuân của chính chúng ta ?

Nghệ thuật của Dickens là nghệ thuật của sự tính toán công phu. Không muốn làm bạn đọc bức mình, chúng tôi không trình bày con số các bức thư ông Micôbơ, con số các lần bà Micôbơ nhắc đến ông cụ thân sinh...⁽¹⁾ Dickens chu đáo vô cùng ở trong ngôn ngữ của mình. Hân hạnh là người dịch *Đêvít Copophin* chúng tôi thấy được rằng mỗi nhân vật đều có một tiếng địa phương riêng, có những chữ riêng, cách tự sự của Đêvít dựng lên một số chìa khóa như

⁽¹⁾ Chỉ xin nêu một trường hợp: Trong *Đêvít Copophin*, Uriah Hip xuất hiện 14 lần trong đó tác giả nhắc đến bàn tay dài, xương xẩu 25 lần, cái thân hình uốn éo 28 lần và Uriah nói chữ “hềng kềm” 106 lần !

litte "nhỏ" old "cũ" v.v... và rất nhiều điều tính toán công phu khác. Dickenx chú ý tới số phận của từng nhân vật, có thể nói của ngay cả số phận một con chó, không bao giờ ông bỏ sót một cái gì. Quả thực ông là "một ông cha trù mẩn đối với những đứa con của óc tưởng tượng của mình" như ông nói trong *Lời Tựa*. Nhưng những bức thư của ông gửi cho người bạn thân nhất là Poocxtơ cho ta biết ông đã để hết tâm lực vào tác phẩm, viết xong chương về Ham và Xtiêcphooc "tôi hoàn toàn kiệt sức, và nó đã làm tôi tê liệt hoàn toàn". Nghiên cứu chi ly từng câu, từng chữ, thấy tất cả cái công phu bố trí sắp xếp ấy, người ta sẽ ngỡ ngác không thể hiểu được khi xét đến cách làm việc của Dickenx. Dickenx không phải là một nghệ sĩ như Tônxtoi trau chuốt tác phẩm của mình cho xong toàn bộ, dù phải viết lại đến lần thứ năm mươi. Tác phẩm ông viết từng đợt theo từng số một, viết một hơi xong một số, không xóa bỏ một chữ (không kể những xóa bỏ vì phải rút lại cho vừa số trang) và toàn bộ tác phẩm là chỉ nằm trong đầu óc của ông chứ trên trang giấy thì Dickenx không có hơn đọc giả lấy một trang ! Chúng ta chỉ biết sự thực là thế. Còn tại sao nó lại có thể như thế được thì chỉ có thể nói đó là cái khả năng kỳ diệu của đầu óc con người.

Một điều khác cũng rất thú vị đối với những người đã đọc toàn bộ Dickenx. Bị thu hút bởi đối tượng, gần như đây là lần duy nhất tác giả quên đưa ra quan điểm của mình về cải thiện thế giới. Những ý kiến mà người ta rút ra về giáo dục, về xã hội là do hiện thực khách quan đưa đến hay là những ý nghĩa kín đáo của bản thân nhân vật, chứ Dickenx không đứng ra lên tiếng như ở các tác phẩm khác

của ông. Nhưng cũng chính nhờ thế mà người đọc đời sau không phải thấy tình trạng mâu thuẫn giữa cái hiện thực xã hội mà tác giả miêu tả với cái tư tưởng cải lương ngây thơ mà tác giả đề xướng. Tác giả có đưa ông Pecgôti, Emili, bà Gommit, Macta, và ông bà Micôbơ qua bên kia đại dương, sang úc, cũng như chỉ là tìm một thứ kết luận “đại đoàn viên” trong đó mọi người sung sướng để vừa lòng bạn đọc mà thôi, chứ không có ham vọng ra một lý thuyết xã hội nào. Tác giả có mĩa mai Quốc hội, toà án, thì cũng chỉ là nêu lên cái tính chất cổ hủ, lỗi thời của nó chứ không chủ trương phải thay đổi nó như thế nào. Chắc tác giả thấy rằng đây chỉ là kỷ niệm, chỉ là nơi tâm sự, chứ không phải là diễn đàn nên đã kiềm chế được cái tham vọng làm một hộ dân quan. Nhờ vậy khuynh hướng toát ra từ hiện thực và thời đại sau tìm được cái kết luận thích hợp mà tác giả không thể nào có được vì chưa nắm được cái khoa học duy nhất đúng đắn nhất để phân tích xã hội là chủ nghĩa xã hội khoa học. Và như bạn đọc có thể nhận thấy, *Đêvit Copophin* không phải vì thế mà bớt hấp dẫn.

Các thế hệ qua đi, nhưng tuổi trẻ còn lại. Tuổi trẻ mơ ước, tin yêu, nó bông bột, dễ cảm, khao khát tình bạn mong muốn một sự hướng dẫn đúng đắn. Nó dễ vui, dễ buồn, nó giàu tưởng tượng và tìm những tác phẩm nghệ thuật thoả mãn những nhu cầu trên của nó. Và hễ tuổi trẻ còn như thế thì nó còn tìm thấy ở *Đêvit Copophin* một người bạn, và *Đêvit Copophin* còn sẽ được tuổi trẻ tin và đối xử trù mến,

Nhà văn André Môroa có kể lại câu chuyện: “năm 1870 khi Dickenx mất và trong tất cả các gia đình ở Anh,

ở Úc, ở Canada, ở Mỹ người ta báo cái tin chết của ông cho cả các em nhỏ như một cái tang trong gia đình, người ta kể lại rằng có một cậu bé hỏi: “Bác Dickenx chết à ? Thế ông già Noen cũng sẽ chết sao ?”⁽¹⁾

Giới thiệu nhà tiểu thuyết “dân tộc nhất, điển hình nhất, lớn nhất” của văn học Anh với bạn đọc qua tác phẩm hoàn mỹ nhất của ông, người giới thiệu và người dịch tin rằng chắc bạn đọc Việt Nam sẽ thấy Dickenx gần gũi mình chẳng khác gì ông già Noen gần trẻ em Anh, và ông già Noen ấy bất tử.

NHỮ THÀNH

⁽¹⁾ Laffont Pompiant. Từ điển các tác gia. Mục Dickenx. Nhà xuất bản các từ điển và từ điển bách khoa. Paris 1958.

LỜI TỰA

Trong bài tựa thứ nhất tôi đã nói rằng vì lòng tôi hãy còn tràn ngập những cảm xúc khi vừa viết xong nên tôi cảm thấy khó khăn không thể tách rời ra khỏi tác phẩm để nói đến nó với tất cả thái độ bình thản mà cái danh từ trang trọng "Lời tựa" đòi hỏi. Sự quan tâm của tôi lúc bấy giờ hãy còn mới mẻ và mãnh liệt, đầu óc tôi còn bị chia xẻ những vui và tiếc - vui vì đã hoàn thành một công việc dài hơn, tiếc vì phải từ biệt bao người bạn đường - đến nỗi tôi sẽ làm bạn đọc bức mình nếu đưa ra những lời tâm sự riêng tấy và thổ lộ những cảm xúc thâm kín.

Tôi lại viết rằng tất cả những gì tôi có thể viết về chuyện này, tôi đã cố gắng nói ở trong câu chuyện.

Chắc chắn bạn đọc không cần biết người ta khổ tâm như thế nào khi đặt bút xuống kết thúc một công trình tưởng tượng mình đã theo đuổi hai năm trời. Bạn đọc cũng không cần biết tác giả có cảm tưởng gì trong việc vội vàng đưa ra một phần của mình do óc mình sang tạo ra, vĩnh biệt mình. Tuy vậy, tôi không còn điều gì để nói, ngoài việc thú nhận rằng - thực ra điều này lại càng không có gì quan trọng - không ai đọc truyện này mà có thể tin nó hơn tôi

đã tui khi viết nó ra.

Những lời thú nhận này, đến nay vẫn đúng, cho nên tôi chỉ cần thổ lộ thêm một lời tâm sự với bạn đọc. Trong tất cả những quyển sách của tôi, đây là quyển tôi yêu quý nhất. Người ta sẽ dễ dàng chấp nhận nếu tôi bảo rằng tôi là người cha triu mến đối với tất cả những đứa con do trí tưởng tượng của tôi tạo nên. Nhưng cũng như nhiều người cha triu mến khác, trong đáy lòng tôi có một đứa con cưng. Nó tên là **Đêvít Copophin**

CUỘC ĐỜI CỦA ĐÊVIT COPOPHIN^(*)

Chương I

TÔI RA ĐỜI

Tôi có trở thành một nhân vật chính của đời mình không hay một người khác sẽ chiếm mất địa vị ấy, những trang sách này sẽ có nhiệm vụ nói rõ điều đó. Để bắt đầu kể đời mình từ lúc nhỏ bắt đầu, tôi ghi rằng tôi sinh vào ngày thứ sáu, lúc mười hai giờ đêm (người ta bảo tôi thế và tôi cũng tin thế). Người ta nói đồng hồ mới bắt đầu đánh boong boong thì cũng lúc đó tôi ọc ọc tiếng khóc.

Chị bảo mẫu và mấy bà hàng xóm thông thái vốn chú ý nhiều đến tôi hàng tháng trước khi chúng tôi có thể quen biết nhau thực sự xem ngày sinh tháng đẻ của tôi, rồi đoán thế này: thứ nhất, số tôi thế nào cũng đen đủi, thứ hai, tôi sẽ có nhiều dịp thấy ma.

Họ bảo bọn con trai con gái xấu số sinh vào lúc nửa

^(*) Trong bản dịch này bạn Vũ Phan có dịch sáu chương, chúng tôi đã xem lại cẩn thận để cho thống nhất về văn với toàn bộ tiểu thuyết. (N.T)

đêm ngày thứ sáu thế nào cũng được trời phú cho hai đặc tính.

Ở đây, bắt tất phải nói về điểm thứ hai, vì chẳng có gì chứng minh lời tiên đoán trên của họ là đúng hay sai sự thực hơn câu chuyện của tôi. Còn về lời tiên đoán thứ hai, tôi chỉ xin lưu ý rằng không biết thời tằm bé tôi đã tiêu phí hết phần di sản ấy rồi hay sao, chứ sau này tôi chẳng hề thấy ma quỷ gì cả. Tuy vậy, tôi vẫn không hề phàn nàn gì về chỗ mình không được hưởng đặc quyền ấy, và hiện nay nếu có ai được hưởng ân huệ đó thì tôi vui lòng xin họ cứ việc giữ lấy cái của nợ ấy cho.

Khi sinh, tôi có tràng hoa quán cổ, và tràng hoa này được quảng cáo trên tờ báo với một giá rẻ là mười lăm “ghi-ni”. Không hiểu lúc đó dân đi biển thiếu tiền hay thiếu tin tưởng, nên thích thứ phao làm bằng nút chai hay sao, về điểm đó tôi không được rõ. Tôi chỉ biết một điều: chỉ độc có một người hỏi mua. Đó là ông biện hồ sĩ kiêm nghề cho vay. Ông chỉ đưa ra hai “bằng” tiền mặt, còn bao nhiêu thì giả bằng rượu anh đào chứ nhất định không giả thêm đồng nào nữa để được đảm bảo khỏi chết đuối. Kết quả là, lời rao hàng trên báo phải rút đi và thế là mất tiền tôi. Bởi vì khoản tiền rượu anh đào, thì lúc ấy ngay cả rượu anh đào của bà mẹ yêu quý và tội nghiệp của tôi cũng còn phải đem bán... Thế rồi, mười năm sau, cái tràng hoa của tôi được treo làm giải thưởng trong một cuộc xổ số ở địa phương, có năm mươi người tham dự, mỗi người nộp một đồng “nửa Cơ rao” còn người nào trúng số lại phải giả thêm năm đồng “si-linh” nữa. Lúc ấy tôi cũng có mặt ở đấy, và tôi nhớ rằng tôi khó chịu và ngượng vô kể khi thấy

một bộ phận người mình bị đưa ra làm cái trò ấy. Tôi nhớ trảng hoa ấy về tay một bà cụ xách rổ. Bà này uể oải lấy ở rổ ra số tiền năm “si-linh” như đã quy định, giả toàn bằng đồng “nửa pen-ni”. Cuối cùng đếm thấy thiếu hai “pen-ni” rưởi. Người ta phải hao hơi tốn sức tínhđi tính lại cho bà cụ thấy chỗ thiếu, nhưng vẫn chẳng ăn thua. Quả nhiên, bà cụ này không chết đuối bao giờ. Người địa phương sẽ còn nhớ mãi điều ấy, cho đó là một sự kiện đặc biệt vì bà cụ từ trần oanh liệt trên giường, hưởng thọ chín mươi hai tuổi. Tôi nghe nói: cho đến phút cuối cùng, điều làm bà kiêu hãnh nhất là suốt đời bà chưa hề ở trên mặt nước, (không kể trường hợp đứng trên cầu), và mỗi khi uống trà (bà cụ mê nhất khoản này) bao giờ bà cụ cũng tỏ ra bực tức về bọn thủy thủ vô đạo và những bọn khác dám cá gan “lang thang” trên thế giới. Không tài nào làm bà cụ hiểu rằng sở dĩ có một số lạc thú trên đời, trong đó có cả thú uống trà, chính là do cái việc làm đáng trách đó. Lúc nào bà cụ cũng đáp lại giọng càng kiên quyết và tin tưởng hơn nhiên vào sức mạnh của câu trả lời của mình: “Thôi xin miễn chuyện lang thang cho”

Và bây giờ về phần tôi, để khỏi nói “lan man”, tôi xin trở lại câu chuyện tôi ra đời.

Tôi sinh ở Blondxton thuộc xứ Xăppôc, hay như dân Xcốtlan thường nói: “ở loanh quanh đâu đấy”.

Chưa ra đời, tôi đã là đứa trẻ không cha. Mất cha tôi đã nhắm lại từ giã ánh sáng cõi đời này sáu tháng trước khi tôi mở mắt chào đời. Mãi đến nay, mỗi khi nghĩ đến tình trạng cha tôi chưa bao giờ thấy mặt tôi, tôi vẫn cảm thấy là lạ thế nào ấy. Và cái cảm giác lạc lòng này càng

tăng thêm mỗi khi tôi huângh khuângh nhó lại nhữngh cãm
nghi ngâyth thớ đầuth tiên về tấm bia đá trắng trên mộ cha tôi
nằm ngoài nghiã địa. Tôi nhó tôi thườngh xúc độngh một nôi
cãm thươngh khó tả, khi thấy nó nằm trớ trội ở đấyth giũra
đẽm tồith, trong lúc phỏngh khấch nhỏ chũngh tôi có đẽn có
lũa, ấm ấp, sắng trungh đấ lại cửa đóngh then cài chặth chẽ.
Đỏith tôi có cãm tưởngh là đóngh chặth chẽ đẽn tàn nhấn.

Một người cô của cha tôi, và như vậy là bà có mẫuth
của tôi¹¹⁾, mà sau này tôi sẽ có dịp nói đẽn nhiẽu, là nhậnth
vậth quyẽn hành nhấth trong gia đìngh chũngh tôi. Cô là cô
Tróttút hay cô Bếtxi như bà mẹ tộith nghiẽp của tôi thườngh
gỏith khi nào mẹ tôi có đủ can đắmh thắngh đượcth sự sợ hãi đốith
vớith nhậnth vậth để sợ này (viẽc này cũngh hoặth hoặnth lắmh). Cô
trướcth lấyth một ông chỏngh trẻ hơn mình và rất đẽp trai,
nhũngh lại không phạith “Đẽp trai là aith đẽp nết” như tục ngữ
thườngh nỏith, bởi vì người ta nghĩ rằng ông hay đắnth đậpth cô
Bếtxi, thắmh chí có lầnth vì cấith nhau về chuyẽnth tiẽn nong,
ông vớith vấyth và quyẽnth liệyth suýyth nũath nẻm cô quath cửa sổ, từ
tầng gắcth ba xuốnth đấyth. Cánh tĩnth khĩth xungh khắcth như vậy
bắyth buộcth cô Bếtxi đấyth phạith cho đứcth lang quậnth một mớnth tiẽnth
để tồnth khứyth và thu xếp chuyẽnth ly dị vớith sự ưngh thuậnth của
cả hai bẽnth. Ông chỏngh mang vốnth liẽngh sang Ấnth Độyth; và
theo một câu chuyẽnth độngh đạith trong gia đìngh chũngh tôi, có
lầnth người ta thấy ông cưỡith voi cũngh vớith một con hầnth,

¹¹⁾ Nhậnth vậth này tên là Bếtxi Tróttút copophin là “Bà cô mẫnth của Đẽvith
Copophin, nhũngh trong nguyên vậnth thườngh gỏith là “cô” Bết- xi (Miss
Betsey) hay “cô” Tróttút (Miss Trot-wood) chũngh tôi theo nguyên vậnth
gỏith là cô.

nhưng tôi đoán đây là một *hầu*⁽¹⁾ tước hay một *hoàng hậu* Ấn Độ. Dầu sao, non mười năm sau, cũng có tin từ ấn-độ về báo tin rằng ông ta đã chết. Chẳng ai biết tin ấy làm cô tôi xúc động ra sao; bởi vì ngay sau khi ly dị, cô đã lấy lại cái tên hồi con gái, mua một ngôi nhà ở thôn xóm rất xa, bên bờ biển, sống độc thân ở đó một cùng với một người đầy tớ gái, và từ đây kiên quyết sống cuộc đời ẩn dật xa cách mọi người.

Nghe đầu cha tôi trước kia đã có lần được cô nuông chiều lắm, nhưng cô tôi giận dữ vô cùng về câu chuyện hôn nhân của cha tôi vì cô bảo mẹ tôi chỉ là một con búp bê bằng sáp⁽²⁾. Cô chưa hề gặp mẹ tôi, nhưng cô biết rằng mẹ tôi chưa đến hai mươi. Từ đó, cha tôi và cô Betxi không bao giờ gặp nhau lại. Lúc lấy mẹ tôi, tuổi cha tôi gấp đôi tuổi mẹ tôi, và tặng người yếu đuối. Một năm sau, cha tôi mất, và như tôi đã nói, sáu tháng trước khi tôi ra đời.

Đây là tình hình buổi chiều cái ngày mà tôi xin mạn phép gọi là ngày thứ sáu quan trọng và lắm việc. Dầu sao, tôi cũng không dám khẳng định lúc đó tôi biết sự việc xảy ra như thế nào hay có nhớ được điều gì mắt thấy tai nghe về câu chuyện sau đây.

Mẹ tôi đang ngồi bên ngọn lửa, người mệt nhọc, tinh thần rất buồn nản, nhìn ánh lửa rung rung nước mắt, lo

⁽¹⁾ Tác giả dùng lối chơi chữ: *Bahoon* (con khi) *Bahoo* (đàn ông dòng dõi quý tộc ở Ấn Độ), *Begum* (phụ nữ quý tộc Ấn Độ).

Để tôn trọng lối chơi chữ của tác giả, chúng tôi tạm dịch là con hầu, hầu tước, hoàng hậu.

⁽²⁾ Chỉ một phụ nữ xinh đẹp nhưng ngốc nghếch vụng về, không biết làm ăn gì.

lẳng bần khoản cho số phận của mình và của đứa bé lạ mặt không cha: chỉ có mấy tá kim băng trong ngăn kéo tủ trên gác đón chào nó ra đời mà thôi, còn cuộc đời vẫn đứng đưng không quan tâm gì đến nó.

Như tôi vừa nói, mẹ tôi đang ngồi bên ngọn lửa, buổi chiều tháng ba sáng sữa, lộng gió ấy, lòng lo lắng buồn bã không biết có vượt qua cơn thử thách trước mắt không. Bỗng ngẩng đầu lau nước mắt, nhìn cửa sổ đối diện, mẹ tôi chợt thấy một bà lạ mặt ở ngoài vườn xăm xăm bước vào.

Chỉ liếc nhìn lần thứ hai linh tính đã báo ngay cho mẹ tôi biết đó nhất định là Cô Bét-xi. ánh trời chiếu rọi qua hàng rào ngoài vườn hắt vào cái bà kỳ dị. Bà ta bệ vệ bước đến cửa lớn với cái dáng điệu cứng cỏi, cái gương mặt lạnh lùng, mà ngoài Cô Bét-xi ra trên thế gian này không ai có thể có được.

Vừa bước tới nhà, cô đã có một cử chỉ khác chứng tỏ đây đúng là cô Bét-xi. Cha tôi trước đây vẫn thường nói cô chẳng mấy khi đi đứng như một người công giáo bình thường. Lúc này, đáng lý phải rung chuông, thì cô lại nhăm cửa sổ mà nhòm vào và ấn đầu mũi vào cửa kính mạnh đến nỗi bà mẹ yêu quý tội nghiệp của tôi thường kể lại là mũi cô bẹp dí và trắng bệch đi một lúc.

Cô đã làm mẹ tôi sợ hãi đến nỗi xưa nay tôi vẫn tin chắc rằng tôi ra đời vào phải ngày thứ sáu chẳng qua là tại cái cô Bét-xi kia cả.

Mẹ tôi bối rối đứng đây, đứng đằng sau ghế ở góc nhà. Cô Bét-xi đưa mắt chậm rãi và xoi mói nhìn khắp gian phòng một lượt, chẳng khác gì cái đầu người Hồi giáo trong chiếc đồng hồ Hà Lan, cặp mắt cô bắt đầu từ phía

trước mặt rồi cứ từ từ đưa quanh một vòng cho đến lúc bắt gặp mẹ tôi. Cô cau mày một cái, rồi ra hiệu cho mẹ tôi mở cửa như một người vẫn quen thói sai phái người khác. Mẹ tôi đi ra mở.

“Bà là bà Đevit Copophin có phải không ạ?” Cô Bétxi nói, nhấn mạnh vào những chữ sau, có lẽ muốn nói đến bộ đồ tang và tình trạng bụng mang dạ chứa của mẹ tôi.

“Vâng ạ” mẹ tôi đáp, giọng yếu ớt.

“Tôi là Cô Bétxi”, bà khách nói, “Chị đã nghe nói đến cô ta chứ?”

Mẹ tôi đáp rằng đã được cái hân hạnh đó. Nhưng mẹ tôi cảm thấy bực bội vì không sao tỏ được rằng đó là một hân hạnh to lớn.

“Bây giờ chị gặp cô ta đấy” Cô Bétxi nói.

Mẹ tôi cúi chào mời cô vào.

Hai người bước vào cái phòng khách nhỏ mẹ tôi vừa ngồi vì phòng khách lớn bên kia hành lang không đốt lửa, phòng này không đốt lửa kể từ ngày đám tang cha tôi. Cả hai người ngồi xuống ghế và Cô Bétxi không nói nửa lời. Mẹ tôi tự kiểm chế không nổi khóc òa lên.

“Ấy chết! ấy chết!” Cô Bétxi vội vàng bảo - “Đừng làm thế! Thôi nín đi”

Nhưng mẹ tôi vẫn không sao cầm được nước mắt, cứ khóc mãi cho đến hết cơn. Cô Bétxi bảo:

“Bỏ mũ ra cô bé, cho tôi ngắm cô nào”

Mẹ tôi sợ cô ta quá, nên không dám từ chối yêu cầu kỳ quặc ấy, dù có muốn từ chối đi nữa. Mẹ tôi nghe theo, cất mũ, tay run lập cập đến nỗi làm tóc xoắn cả xuống mặt

(tóc mẹ tôi dày và đẹp lắm!). Cô Bétxi kêu lên:

“Trời ơi! Chỉ là một con bé con thôi”

Rõ ràng là mẹ tôi trẻ lắm, trẻ hơn cả tuổi của mình. Mẹ tôi cúi gằm mặt, như đó là lỗi của mình, thực tội nghiệp. Rồi mẹ tôi khóc nói rằng mẹ tôi rất sợ vì mình chỉ là một quả phụ trẻ con và sẽ chỉ là một bà mẹ trẻ con nếu như sống sót.

Tiếp đó, là một lúc im lặng và mẹ tôi tưởng tượng rằng Cô Bétxi đưa bàn tay dịu dàng lên vuốt mái tóc của mình, nhưng khi rút rờ nhìn lên, lòng đầy hy vọng, mẹ tôi chỉ thấy cô vẫn ngồi im lặng, gấu áo lật lên, hai tay chấp lại để trên đầu gối, chân gác trên giá để củi trước lò sưởi, cau mày nhìn ngọn lửa. Bỗng cô Bétxi nói:

“Trời ơi! Sao lại đặt tên là Ô-lư⁽¹⁾ nhỉ?”

“Cô hỏi về tên nhà, phải không ạ?” Mẹ tôi hỏi!

“Sao lại gọi là Ô-lư nhỉ” Cô Bétxi nói. “Gọi là nhà bếp⁽²⁾ có phải hợp hơn không? Nếu một trong hai anh chị có đầu óc thực tế một chút”.

“Tên đó là do anh Copophin chọn đấy ạ”, mẹ tôi đáp - “Khi mua nhà, anh ấy thích tưởng tượng rằng có nhiều quạ ở chung quanh”.

Vừa lúc ấy, gió chiều thổi rào rào vào mấy cây du cao lớn và già cỗi ở cuối vườn, làm mẹ tôi và Cô Bétxi phải quay lại nhìn. Mấy cây du chạm đầu vào nhau, như những người khổng lồ đang ghé tai thăm thì những điều bí mật; và sau vài giây im lặng chúng bỗng rung chuyển dữ dội những cánh tay hung tợn, dường như những điều chúng

⁽¹⁾ Nguyên văn: Rookery (tổ quạ khoang), cookery (sự nấu nướng).

vừa tâm sự với nhau nó kinh khủng quá làm chúng hoảng hốt. Mấy tổ quả đã lâu đời gió mưa làm xơ xác tã tơi, ở trên cành cao chĩa xuống đu đưa như những mảnh tàu đắm trôi dạt trên mặt biển nổi giông.

“Chim chóc đâu cả rồi?” Cô Bétxi hỏi.

“Thưa con... gì ạ?” mẹ tôi đã nghĩ sang chuyện khác.

“Quạ kiếc ấy mà, chúng ra sao rồi?” Cô Bétxi hỏi lại.

“Từ khi chúng cháu đến đây thì chẳng có quạ kiếc gì hết”. Mẹ tôi nói “Chúng cháu tưởng... à... anh Copophin tưởng ở đây có rất nhiều quạ. Nhưng tổ chim thì lâu đời lắm, còn chim chóc thì đã bỏ tổ đi từ đời nào đời nào”.

“Đúng là Đêvít Copophin!” Cô Bétxi kêu lên. “Đêvít Copophin không chệch đi đâu được. Phải là Đêvít Copophin mới đặt tên nhà là “Ô-lu” trong khi chẳng có mống chim nào quanh đấy, và yên trí là có chim, chỉ vì trông thấy tổ!

“Anh Copophin đã mất” mẹ tôi nói. “Cô lại nói với cháu về anh ấy nặng lời như vậy...”

Tôi đoán lúc đó mẹ tôi trong phút chốc có ý tấn công cô Bétxi, con người chỉ cần một tay thôi, cũng đủ áp đảo mẹ tôi dễ dàng dù mẹ tôi có được chuẩn bị chu đáo hơn là buổi chạm trán chiều hôm đó. Nhưng ý ấy biến mất khi mẹ tôi đứng dậy và mẹ tôi lại nem nép ngồi xuống, và ngất đi.

Khi mẹ tôi tỉnh lại, hay khi Cô Bétxi đã làm mẹ tôi hồi tỉnh (đằng nào thì cũng là khi đó), mẹ tôi thấy cô đang đứng cạnh cửa sổ. Hoàng hôn tối dần, hai người chỉ còn thấy nhau mờ mờ, nhưng đó là nhờ ánh lửa ở lò sưởi. Cô Bétxi trở lại ghế ngồi dường như chỉ tình cờ ra ngắm cảnh

một lát, và hỏi:

“Thế nào? Chị thấy bao giờ thì...?”

“Cháu sợ lắm”, mẹ tôi lắp bắp, “cháu không biết rồi sẽ ra sao, cháu chết mất thôi, cháu chắc thế!”

“Không sao, không sao đâu. Chị uống nước trà nhé.”

“Trời ơi, trời ơi! Cô bảo uống nước trà mà đỡ mệt sao?” mẹ tôi kêu lên tuyệt vọng.

“Đỡ chứ lì” Cô Bétxi nói. “Toàn là tưởng tượng cả thôi... chị gọi con bé của chị là gì?”

“Cô ạ, cháu không chắc có phải là gái không” mẹ tôi trả lời, ngây thơ.

“Chúa phù hộ đứa bé!” Cô Bétxi thốt lên, bất giác nhắc đúng câu thứ hai viết trên gói kim băng để trong ngăn kéo tủ trên gác, nhưng cô lại dùng câu này để chỉ mẹ tôi chứ không phải để chỉ tôi. “Tôi không hỏi tên cháu bé đâu. Tôi hỏi tên người ở gái của chị cơ!”

“Pécgôti”, mẹ tôi nói.

“Pécgôti?” Cô Bétxi nhắc lại hơi bực tức. “Chị rõ thực trẻ con, đời thuở nhà ai bước vào nhà thờ đạo thiên chúa mà lại mang tên là Pécgôti?⁽¹⁾.”

“Đấy là họ của chị ấy” mẹ tôi nói khẽ. “Anh Copophin gọi chị ấy bằng họ, vì tên chị lại trùng với tên cháu”.

Cô Bétxi mở cửa phòng khách nhỏ gọi:

“Chị Pécgôti đâu? Bưng nước chè lên đây, bà chủ

⁽¹⁾ Trẻ con theo đạo được bế vào nhà thờ làm lễ đặt tên, lấy tên một vị thánh để làm tên riêng của mình. Tên và họ của chị Pécgôti là CLara Pécgôti. Cô Bétxi tưởng “Pécgôti” là tên riêng, nên lấy làm phiền nộ vì không có vị thánh nào tên là Pécgôti cả.

hơi khó ở!... đừng có dềnh dàng đấy!”

Sau khi ra lệnh này, giọng hách dịch như cô là một uy quyền được thừa nhận từ khi nhà này mới được xây dựng lên; và sau khi thò cổ ra để giáp mặt với chị Pécgôti đang cầm đèn nến ở đầu hành lang đi lại, sừng sốt nghe giọng người lạ gọi, Cô Bétxi lại đóng cửa lại rồi ngồi xuống như ban nãy, chân gác trên giá để cũi trước lò sưởi, gấu váy lật lên, và hai tay chấp lại đặt trên một đầu gối.

“Chị vừa bảo không biết nó có là con gái hay không”. Cô Bétxi nói. “Tôi thì chắc chắn là gái đấy. Tôi có linh cảm nhất định là con gái. Cho nên ngay từ lúc con bé này ra đời...”

“Biết đâu là con gái...” mẹ tôi đánh bạo nói xen.

“Tôi đã bảo chị tôi có linh cảm nhất định phải là con gái kia mà!” Cô Bétxi bảo. “Đừng nói trái ý tôi... Này cô bé ạ, ngay từ lúc đưa cháu gái này ra đời tôi có ý định giúp đỡ nó, làm mẹ đỡ đầu cho nó, và tôi đề nghị chị đặt tên nó là Bétxi Trôtút Copophin... Không thể để cho đời con bé tội nghiệp này có những điều đại đột về tình cảm. Phải giáo dục nó cẩn thận, và giữ cho nó đừng đại đột tin những kẻ không đáng tin. Thế nào tôi cũng phải quan tâm đến việc đó”.

Sau mỗi câu như thế, Cô Bétxi lại quay đầu một cái, dường như nỗi đau khổ ngày xưa đang dày vò cô, và cô đang cố sức tự kìm hãm để đừng nhắc rõ hơn nữa. Hay ít nhất đó là như mẹ tôi đoán, khi quan sát cô dưới ánh lửa leo lét chập chờn, phần thì sợ Cô Bétxi quá, phần thì trong người rất khó ở, đã thế lại vừa phục tùng vừa hoảng hốt, nên không thể quan sát cho rõ ràng hay nói thế nào cho

đúng.

Sau vài phút yên lặng và cái đầu cũng dần dần ngừng quay, Cô Bétxi hỏi:

“Đêvít có tốt với chị không? Vợ chồng ăn ở hòa thuận chứ?”

“Chúng cháu sống hạnh phúc lắm, anh Copophin yêu cháu lắm” mẹ tôi đáp.

“Chắc anh nuông chị lắm phải không?” Cô hỏi lại.

Mẹ tôi vừa nói vừa nức nở:

“Vâng. Cháu sợ anh ấy đã quá nuông cháu vì anh thấy cháu cô độc, tứ cố vô thân trong cuộc đời tàn nhẫn này”.

“Thôi đừng khóc nữa”, Cô Bétxi bảo, “Hai người lấy nhau thật không vừa đôi phải lứa... (vả lại làm gì có cặp vợ chồng, vừa đôi phải lứa kia chứ?) Vì thế nên tôi mới hỏi chị câu hỏi hời hợt này. Chị mò côi phải không?”

“Vâng ạ”

“Và làm nghề dạy trẻ phải không?”

“Vâng, cháu dạy trẻ ở một gia đình anh Copophin hay đến chơi. Anh Copophin đối với cháu rất tốt, rất chú ý đến cháu, rất săn sóc cháu, cuối cùng ngỏ ý muốn lấy cháu. Cháu nhận lời. Thế là chúng cháu lấy nhau”, mẹ tôi trả lời giản dị.

Cô Bétxi vẫn cau mày cúi nhìn ngọn lửa, nói mơ màng:

“Tội nghiệp con bé!... Đây, thế chị có biết làm gì không?”

“Xin lỗi cô, làm gì cơ?” Mẹ tôi đáp ứng.

“Coi công việc gia đình”

“Cháu sợ làm không được khá lắm”, mẹ tôi đáp...
“Không khá như cháu muốn. Nhưng anh Copophin đã bắt đầu dạy cháu”...

“(Nó thì biết cái gì?” Cô Bétxi lẩm bẩm).

“Và cháu cũng hy vọng sẽ tiến bộ vì cháu rất chăm học và anh ấy lại rất chịu khó dạy, nếu anh ấy không bất hạnh mất đi...” Đến đây mẹ tôi ghen ngào không nói được nữa.

“Thế rồi sao, thế rồi sao?” Cô Bétxi nói.

“Cháu ghi sổ chi tiêu đều đặn, và tối nào cũng tính toán với anh Copophin” Mẹ tôi lại ghen lời, nức nở đau xót.

“Thế rồi sao, thế rồi sao? Đừng khóc nữa chứ”. Cô Bétxi nói.

“Và chắc chắn là chúng cháu không có lúc nào cãi cọ nhau về chuyện này, không kể khi anh Copophin chê cháu viết những con 3 và con 5 giống nhau quá, hoặc những con 7 và con 9 đuôi loằng ngoằng”, mẹ tôi nói tiếp, nhưng lại ngừng lại nức nở khóc.

“Chị làm thế thì ốm mất đấy”. Cô Bétxi nói, “Chị nên biết khó như thế không lợi cho chị và cả đứa con gái đỡ đầu của tôi. Thôi đừng khóc nữa!”

Lý lẽ này làm mẹ tôi dịu lại một phần, nhưng chủ yếu có lẽ vì mẹ tôi thấy ngày càng khó ở. Sau đó là một lúc im lặng, chỉ thỉnh thoảng nghe Cô Bétxi thốt ra tiếng “Hừm” trong khi ngồi gác chân trên giá để củi trước lò sưởi. Sau đó Cô Bétxi hỏi:

“Tôi biết Đêvit Copophin có gửi tiền vào ngân hàng lấy lãi. Thế anh ấy có làm gì cho chị không?”.

“Anh Copophin đã chú ý và có lòng tốt bảo đảm cho cháu được lĩnh một phần số tiền ấy”, mẹ tôi trả lời hơi ngập ngừng.

“Bao nhiêu?” Cô Bétxi hỏi.

“Dạ, mỗi năm là một trăm linh năm bảng”, mẹ tôi trả lời.

“Lẽ ra nó đã đối xử tệ hơn” Cô Bétxi nói.

Câu này nói ra đúng lúc quá: mẹ tôi thấy sức khỏe trong người kém sút đến nỗi khi chị Pécgôti bung khay trà và đèn nến vào, chỉ thoáng nhìn, chị đã thấy mẹ tôi ở trong tình trạng nguy kịch. Cô Bétxi đã có thể thấy điều này từ trước nếu trong phòng có đủ ánh sáng. Chị Pécgôti vội vã mang mẹ tôi lên phòng riêng trên gác, rồi lập tức sai người cháu của chị là Ham Pécgôti đi gọi chị hộ lý và bác sĩ. (Anh Ham được chị Pécgôti giấu ở trong nhà đã mấy hôm không cho mẹ tôi biết để làm liên lạc viên đặc biệt trong trường hợp khẩn cấp).

Bác sĩ và chị hộ lý đến, cách nhau vài phút. Hai lực lượng liên minh này rất sững sốt khi thấy một bà lạ mặt, vẻ oai vệ ngồi trước lò sưởi, mũ buộc đằng quai vào cánh tay trái, đang lấy bông nút lỗ tai. Vì chị Pécgôti không biết tí gì về Cô Bétxi, và mẹ tôi cũng chưa hề cho biết gì về cô, nên việc cô ngồi trong phòng khách là một điều hoàn toàn bí mật, và mặc dầu cô có cả một kho bông trong túi, cứ ngối nhét bông vào lỗ tai như thế, cái vẻ trang nghiêm của cô cũng không giảm bớt đi chút nào.

Bác sĩ lên gác thăm rồi lại bước xuống. Tôi chắc ông thấy mình và bà lạ mặt xem ra phải ngồi đối diện nhau hàng giờ, nên ông cố sức tỏ ra lịch sự và nhã nhặn. Ông là

người hiền hành nhất trong giới nam nhi, mềm mỏng nhất trong những người nhỏ bé. Ông len lén đi ra đi vào, để choán càng ít chỗ càng hay. Ông bước cũng nhẹ nhàng, như cái hồn ma trong lịch Ham lét và còn chậm hơn cả hồn ma này nữa. Ông nghiêng cái đầu sang một bên, một phần để khiêm tốn thu nhỏ mình lại, một phần để gây cảm tình với mọi người. Nói rằng ông không thể vắng tục chửi một con chó cũng vẫn chưa đủ. Ngay đối với một con chó đại ông cũng không thể vắng tục chửi mắng nó nữa kia. Ông có thể nhả nhận nói một câu, hoặc nửa câu hoặc một lời thôi... vì ông nói cũng chậm chạp như ông đi, nhưng dẫu sau ông cũng không muốn đối xử thô bạo với nó, và không một lý do nào trên đời có thể làm ông giận nó được.

Ông Silip nghiêng nghiêng đầu về một bên, nhìn cô tôi một cách dịu dàng, khẽ cúi mình chào vừa nói vừa khẽ sờ lên tai trái của mình ý muốn hỏi tại sao, cô lại nhét bông vào tai:

“Thưa bà, bà bị nhức gì ở đấy phải không ạ?”

“Cái gì?” cô tôi hỏi lại, và rút bật cục bông ra khỏi một lỗ tai, như người ta rút cái nút chai.

Ông Silip hoảng hốt trước cử chỉ sỗ sàng ấy của cô tôi (như ông kể lại cho mẹ tôi sau này) đến nỗi ông không mất bình tĩnh kể cũng là phúc. Ông dịu dàng nhắc lại:

“Thưa bà, bà bị nhức gì phải không ạ?”

“Nói bậy!” cô tôi trả lời, và lập tức dứt nút lỗ tai lại.

Sau việc đó, ông Silip không còn biết làm gì hơn là ngồi xuống ghế và khẽ nhìn cô, trong khi cô cũng ngồi, mắt nhắm nhìn ngọn lửa, cho đến khi người ta lại gọi ông lên gác. Sau khi vắng mặt độ mười lăm phút, ông lại

xuống.

Cô tôi rút bông ra khỏi cái tai gần phía ông, hỏi:
“Thế nào?”.

“Thưa bà:, ông Silip trả lời. “Công việc vẫn... vẫn...
tiến triển từ từ đấy ạ!”.

“Hừ... ừm!” cô tôi nói một cách khinh bỉ, lắc đầu
một cái rồi lại nhét bông vào tai như cũ.

Thực là quá đáng... quá đáng (Ông Silip nói lại với
mẹ tôi sau này như vậy), ông suýt phát cáu, nói riêng về
mặt thầy thuốc mà thôi, cũng đã suýt phát cáu rồi. Tuy
vậy, ông lại ngồi và nhìn cô tôi trong gần hai giờ, trong khi
cô vẫn ngồi nhìn ngọn lửa, mãi cho đến lúc người ta lại gọi
ông lên gác. Sau khi vắng mặt lần nữa, ông lại trở xuống.

“Thế nào?” cô lại rút cục bông ra ở phía hồi nãy và
hỏi.

“Thưa tốt ạ!” ông Silip trả lời, “công việc... vẫn tiến
triển từ từ đấy ạ!”

“Ôi giời ôi!” Cô Bétxi cầu nhàu khó chịu đến nỗi
ông Silip không tài nào chịu được nữa. Nhưng về sau ông
ta nói: quả là bà ấy cố tình làm ông ta phát rồ lên. Ông
đành đi ra, ngồi ở bậc thang, trong bóng tối, giữa ngọn gió
lùa, cho đến khi người ta mời ông lên.

Ham Pécgôti người đã theo học ở trường quốc lập và
là học sinh xuất sắc về môn giáo lý, cho nên có thể xem là
một nhân chứng đáng tin cậy, hôm sau có kể lại: sau đó
một giờ, anh vô tình nhòm qua cửa phòng khách thì bị Cô
Bétxi đang đi đi lại lại rất bồn chồn bắt gặp, cô ta đã vỗ lấy
anh không để anh kịp trốn chạy - Lúc ấy trên gác thỉnh
thoảng lại có tiếng bước chân và tiếng nói, mà anh chắc đã

lọt vào tai cô dù tai cô nút bông. Chúng có rõ ràng là anh đã bị cô tóm làm nạn nhân và trút sự nồn nóng lên đầu anh mỗi khi tiếng động lên cao nhất. Lúc bấy giờ, cô túm cổ áo anh lôi đi xềnh xệch tường chừng như anh đã uống quá nhiều thuốc mê. Cô lắc cổ anh, xoa tóc rối bù, vò nát áo anh, bịt tai anh lại hình như cô đã làm tai anh là tai cô, và xô đẩy, hành hạ anh đủ cách. Điều này một phần lại được chị Pécgôti xác nhận, chị thấy anh khi mười hai giờ rưỡi đêm ngay sau khi thoát nạn, và đã khẳng định rằng khi ấy trông anh cũng đỏ hơn hồng như tôi vậy.

Ông Silíp bản tính hiền lành cố nhiên không thể nào có ác ý với ai trong tình cảnh ấy nếu như trong một lúc nào khác ông có thể chơi khăm. Ông len lén đi vào phòng khách, ngay sau khi đã rửa tay, và nói với cô tôi giọng hết sức nhã nhặn.

“Thưa bà, tôi sung sướng được chúc mừng bà”

“Mừng cái gì?” cô tôi nói bộp chát.

Ông Silíp lại luống cuống trước thái độ quá nghiêm khắc của cô tôi cho nên ông khẽ cúi chào và nhích mép cười với cô để xoa dịu. Cô tôi sốt ruột kêu lên:

“Rõ khổ cho cái ông này! Ông sao vậy? Ông cảm ả?”

Ông Silíp hết sức dè dàng nói:

“Tha bà, xin bà bình tĩnh. Thưa bà, không có gì đáng ngại nữa. Xin bà bình tĩnh”.

Cho đến nay, người ta vẫn thấy quả thật là lạ kỳ tại sao cô tôi lại không túm lấy ông mà lắc, và lắc cho đến khi cái điều ông muốn nói phải bật ra. Cô chỉ lắc đầu nhìn ông, nhưng cách nhìn này cũng đủ làm ông run lấy bầy.

Ông Silíp thu tất cả can đảm, nói tiếp:

“Thưa bà, tôi sung sướng được chúc mừng bà. Thưa bà, công việc đã xong xuôi, và mẹ tròn con vuông ạ”.

Trong khoảng trên dưới năm phút đồng hồ ông Silíp ậm à ậm ừ nói được câu đó, thì cô tôi cứ nhìn ông chăm chăm.

Cô tôi khoanh tay lại, mũ vẫn buộc ở cánh tay, hỏi giọng hơi xẵng:

“Con bé có khỏe không?”

“Thưa bà, ông Silíp trả lời” tôi mong rằng bà ấy sẽ chóng bình phục... rất chóng bình phục như ta có thể mong đợi ở một người mẹ còn trẻ hiện lâm vào cảnh ngộ gia đình buồn phiền như thế này... Thưa bà, tôi thấy bà có thể vào thăm bà ấy ngay, không có gì trở ngại hết. Như thế lại tốt cho bà ấy”

“Nhưng còn “*Con bé*”, con bé thì ra sao?” Cô Bétxi giật giọng hỏi.

Ông Silíp nghiêng nghiêng thêm cái đầu về một bên cô, trông giống như con chim ngoan ngoãn.

“Con bé mới sinh ấy mà, nó có khỏe không?” Cô tôi hỏi.

Ông Silíp trả lời:

“Thưa bà, tôi tưởng bà đã biết rồi: cháu giai đấy ạ!”

Cô tôi chẳng nói chẳng rằng, cầm lấy mũ dương quai vũ về phía ông Silíp như người bắn súng cao su: rồi đội chụp cái mũ dùm đó lên đầu, bước ra và không bao giờ trở lại. Cô biến đi như một bà tiên phật ý hoặc như một thứ ma quỷ gì đó mà theo ức thuyết của nhân dân thì tôi có đặc quyền được trông thấy: và mãi mãi không bao giờ cô ta trở lại.

Vâng, không bao giờ nữa! Tôi nằm trong nôi, mẹ tôi nằm trên giường; còn cô Bétxi Trốítút Copoplin thì mãi mãi sẽ ở trong cái thế giới mộng ảo, mịt mù, cái thế giới ghê sợ mà tôi vừa từ giã. Và ở ngoài cửa sổ căn phòng chúng tôi, ánh sáng chiếu trên mặt đất, cái đích của những người du khách như tôi, và chiếu trên nắm đất che phủ mộ tro tàn của con người mà nếu không có ông ta tôi chẳng bao giờ có thể có mặt trên đời.

Chương II

TÔI QUAN SÁT

Những hình ảnh đầu tiên hiện lên rõ rệt trước mắt tôi, khi tôi quay nhìn về quá khứ, về cái khoảng thời thơ ấu mịt mờ, đó là mẹ tôi, với bộ tóc óng ả, vóc người trẻ trung, và chị Pécgôti, chị không có vóc dáng gì nhưng có đôi mắt đen lay láy làm phản chung quanh trên gương mặt tối lại, có đôi má và đôi cánh tay chắc nịch và đỏ đến nỗi tôi lấy làm lạ tại sao chim chóc lại không đến mổ vào chị chẳng hơn sao cần gì phải mổ vào táo?

Tôi có cảm tưởng rằng tôi có thể nhớ hai người đứng cách nhau một quãng ngắn, tôi thấy họ nhỏ lại vì đang cúi mình hoặc quỳ trên sàn, còn tôi thì đang chập chững bước từ người này đến người kia. Trong trí óc tôi vẫn còn một cảm giác (mà tôi không thể nào phân biệt được với một ký ức xác thực) về ngón tay trở chị Pécgôti khi chìa nó ra cho tôi nắm: ngón tay bị công việc may vá làm cho nó ram ráp giống như cái bàn mài bỏ túi dùng để mài hột đậu khấu.

Điều này có thể là do tôi tưởng tượng ra cũng nên, mặc dầu tôi tin rằng trí nhớ phần đông chúng ta có thể nhớ

được những thời xa xôi hơn là người ta vẫn tưởng, cũng như tôi cho rằng có trẻ em có biệt tài kỳ lạ về năng lực quan sát chính xác và tinh tế. Thực thể tôi cho rằng phần nhiều những người lớn giỏi về mặt này, chẳng qua chỉ là đã không bỏ mất năng khiếu ấy, chứ không phải là đã nhờ tập được mà có được. Hơn nữa, tôi thường thấy những người này phần nào còn giữ được cái vẻ dịu dàng tươi má, dễ vui, những đặc điểm này cũng là di sản từ tuổi thơ vẫn còn giữ được.

Khi dừng lại để nói điều này, tôi sợ có thể mang tiếng “lan man;” nhưng do đó, tôi có thể nói rằng một phần những kết luận này là dựa vào những kinh nghiệm riêng của tôi. Những điều kể ở đây sẽ làm người ta thấy rằng tôi là một đứa trẻ có óc quan sát sắc bén và khi lớn lên, lại có trí nhớ rạch ròi về thời thơ ấu của mình, và tôi dám khoe là tôi có hai đặc tính đó.

Như tôi đã nói, khi quay nhìn lại cái thời thơ ấu mịt mờ, những hình ảnh đầu tiên tôi nhớ được, nổi bật ra khỏi mớ sự vật hỗn độn, đó là mẹ tôi, và chị Pécgôti. Tôi còn nhớ gì nữa không? Thử hồi tưởng xem.

Hình ảnh hiện lên nổi khỏi đám mây mù là ngôi nhà chúng tôi,... nó không mới lạ gì đối với tôi; trái lại rất là quen thuộc, thuộc vào số những kỷ niệm xưa nhất. ở tầng dưới cùng là nhà bếp của chị Pécgôti, nhìn ra sân sau. Giữa sân là cái chuồng bồ câu dựng trên một cái cột, trong chuồng không có mống bồ câu nào; một chuồng chó lớn ở một góc nhưng không có chó; và một đàn gà vịt (tôi thấy chúng cao lớn phát khiếp) đi tung tăng, có vẻ dễ sợ hung tợn lắm. Có một con gà trống đậu trên một cái cọc để gáy;

và khi tôi nhìn nó qua cửa sổ nhà bếp, thì hình như nó đặc biệt chú ý đến tôi, làm tôi run sợ, vì nó hung dữ quá chừng. Còn những con ngỗng ở ngoài hàng rào, thì mỗi khi tôi đến đó chúng lạch bạch chạy theo, cổ vươn dài làm tôi ban đêm cũng nằm mơ thấy chúng, chẳng khác gì một người đã bị ác thú vây quanh vẫn nằm mơ thấy sư tử vây mình.

Đây là một hành lang dài (tôi thấy nó dài đằng đặc) chạy từ nhà bếp của chị Pécgôti đến cửa ra vào. Cửa buồng kho tối om thông ra hành lang, đó là nơi ban tối đi qua thì phải chạy cho mau; vì không lường được sẽ có cái gì giữa những chậu, những chum vại, những hòm chè cũ, khi không có ai cầm một ngọn đèn leo lét đứng ở đó. Từ cửa phòng hắt ra một luồng không khí mỏng mỏng trong đó có mùi xà phòng, mùi dưa chua, mùi hồ, mùi nến và mùi cà phê lẫn lộn. Rồi đến hai phòng khách: cái phòng khách nhỏ mà tối nào mẹ tôi và tôi cũng ngồi chơi, và chị Pécgôti khi nào chị đã làm xong công việc, và chúng tôi ngồi một mình thì chị ngồi với chúng tôi; và cái phòng khách lớn chúng tôi ngồi vào những ngày chủ nhật. Nó trắng lè hơn, nhưng không ấm cũng bằng. Tôi thấy phòng này có vẻ buồn thảm thế nào ấy vì chị Pécgôti đã kể với tôi (tôi không nhớ là từ lúc nào, nhưng tôi có cảm tưởng như từ bao thế kỷ rồi) về chuyện đám tang cha tôi và chuyện những người mặc áo choàng đen, đến đó để đưa đám. Một buổi tối chủ nhật ở phòng ấy, mẹ tôi đọc cho chị Pécgôti và tôi nghe chuyện ông Ladarô⁽¹⁾ đã chết rồi được cứu sống lại. Tôi sợ quá, đến nỗi sau đó người ta phải bế tôi ra khỏi

⁽¹⁾ Một nhân vật trong kinh thánh, chết rồi được Giêxu, cứu sống lại

giường, chỉ cho tôi nhìn qua cửa sổ buồng ngủ thấy cái nghĩa địa tĩnh mịch ở đó những người chết đều yên nghỉ dưới mồ, dưới ánh trăng trang trọng.

Tôi không biết ở bất cứ đâu, có thể xanh tươi như bãi cỏ ở nghĩa địa này, rậm mát như cây cối của nó, yên tĩnh như những nấm mộ chỉ ở đây. Cừu gặm cỏ ở đây những sáng sớm tinh mơ khi tôi dậy, quỳ trên chiếc giường nhỏ ở chiếc phòng xếp trong buồng mẹ tôi để nhìn ra, ngắm cảnh. Tôi nhìn ánh mặt trời đỏ chiếu trên mặt nhật quĩ, và tôi nghĩ thầm: “Không biết nhật quĩ có vui sướng vì nó lại chỉ được giờ không nhỉ?”

Và đây là chiếc ghế dài của chúng tôi ở nhà thờ. Chỗ tựa lưng của nó cao ời là cao! Gần đây là cửa sổ, nhìn qua cửa là thấy được nhà chúng tôi, và chị Pécgôti trong khi dự lễ buổi sớm, cứ chốc chốc lại liếc nhìn về nhà để có thể yên trí rằng không ai vào ăn trộm và không xảy ra cháy nhà. Mắt chị Pécgôti cứ nhìn quanh nhìn quất, nhưng chị lại bực mình nếu mắt tôi cũng nhìn quanh nhìn quất như vậy, và chị cau mày lườm tôi trong khi tôi đứng trên ghế. Chị ra hiệu cho tôi phải nhìn vào ông mục sư nhưng tôi không nhìn ông ấy mãi được; tôi đã biết ông ta, lúc ông không mang cái vật trắng trắng ở mình; và tôi sợ ông sẽ lấy làm lạ tại sao tôi cứ giương mắt ra mà nhìn như thế, và có thể dừng lễ lại để hỏi, và lúc đó thì tôi sẽ phải làm thế nào? Ngáp là một điều rất xấu, nhưng tôi phải làm cái gì mới được chứ! Tôi nhìn mẹ tôi, nhưng mẹ tôi vờ làm như không trông thấy tôi. Tôi nhìn thằng bé ở gian bên cạnh, thì nó nheo mắt lại, trêu tôi. Tôi nhìn ánh mặt hắt qua cửa mờ lọt vào cổng lớn và tôi thấy một “con chiên lạc đường”

(tôi không nói “kẻ có tội” đâu, mà nói “con cừu con”) đang do dự, không biết có nên vào nhà thờ không. Tôi cảm thấy nếu nhìn nó lâu thêm chút nữa, thì tôi phải nói to lên một lời gì, và lúc đó tôi sẽ ra sao?

Tôi ngược nhìn những tấm bài vị trên tường, và cố nhớ đến ông Bốtgiơ đã qua đời ở địa phận này, cố đoán xem tình cảm của bà Bốtgiơ đã qua đời ở địa phận này, cố đoán xem tình cảm của bà Bốtgiơ ra sao, khi ông Bốtgiơ phải kéo dài tình trạng bệnh hoạn đau đớn không sao tả xiết còn các thầy thuốc đông chiều chịu không chữa nổi. Tôi tự hỏi ông Silip có được mời đến chữa không, ông ta có chịu bó tay không, và như vậy thì ông có thích không khi mỗi tuần một lần người ta nhắc nhở việc ấy cho ông?

Mắt tôi chạy từ ông Silip cổ đeo cà vạt diêm dúa đang nhìn lên bức giảng. Và tôi nghĩ rằng đùa nghịch ở chỗ đó thì thú quá: nó sẽ là một tòa thành trì rất tuyệt kỳ một thằng bé khác xông lên cầu thang để tấn công, và sẽ bị chiếc gối nhưng có tua phang vào đầu. Rồi dần dần mắt tôi nhắm lại. Và sau khi có cảm tưởng nghe ông mục sư hát một bài hát ngái ngủ trong bầu không khí nóng nực, tôi không nghe thấy gì nữa, cho đến khi tôi ngã lăn xuống đất, đánh huych một cái, được chị Pécgôti bế thốc ra bán sống bán chết.

Và bây giờ tôi lại thấy bề ngoài nhà chúng tôi với những cửa sổ để ngỏ có rèm đan mắt cáo, mở toang cho không khí thơm ngát lọt vào, và những tổ quạ đã lâu đời, tả tơi, đu đưa trên những cây du ở cuối vườn trước. Bây giờ tôi đang ở vườn sau nhà, cách cái sân có chuồng bồ câu và chuồng chó trống không, Trong trí nhớ tôi, vườn ấy là cả

một kho bướm bướm có hàng rào cao chung quanh, có cổng và ổ khóa. Ở đây, trên cây quả mọc hàng chùm, chín mọng và ngon ngọt hơn mọi thứ quả từ xưa đến nay trong bất kỳ vườn nào, và mẹ tôi đang hái quả bỏ vào một cái lẵng, trong khi đó tôi đứng bên cạnh, len lén nuốt chừng vài quả dương mai và cố làm ra vẻ thản nhiên. Một trận gió lớn nổi dậy, và mùa hạ bỗng tan đi trong khoảnh khắc. Khi đã mệt nhoài, tôi ngồi nghỉ trên ghế bành, tôi thấy mẹ tôi vào và dướn người lên, ngón tay quăn quăn những món tóc quăn óng ả, và không ai biết rõ hơn tôi rằng mẹ tôi hài lòng về vẻ xinh xắn của mình và tự hào vì thấy mình xinh đẹp như vậy.

Đó là những ấn tượng thuộc loại đầu tiên. Ngoài ra, tôi có cảm tưởng rằng cả hai chúng tôi đều hơi gồm chi Pécgôti và chịu sự điều khiển của chị về hầu hết mọi việc. Hai điều này thuộc vào số những ý kiến đầu tiên (nếu như có thể nói thế) mà tôi đã rút ra căn cứ vào những điều tôi trông thấy.

Một buổi tối chỉ có chị Pécgôti và tôi ngồi cạnh lò sưởi trong phòng khách. Tôi đọc cho chị Pécgôti nghe chuyện cá sấu. Chắc hẳn tôi đã đọc rành mạch quá, hay cái tâm hồn tội nghiệp ấy đã đọc rành mạch quá, hay cái tâm hồn tội nghiệp ấy đã quá say mê câu chuyện, cho nên sau đó, tôi còn nhớ rằng chị chỉ hiểu mang máng đó là một thứ rau cỏ gì đấy. Tôi chán không muốn đọc nữa, và buồn ngủ đến chết đi được. Nhưng vì tôi đã được phép (như một ân huệ đặc biệt) ngồi chờ cho đến khi mẹ tôi đi chơi buổi chiều ở nhà người láng giềng về, nên thà tôi chết gục tại vị trí chiến đấu, chứ không chịu vào giường ngủ. Tôi đã ở

trạng thái mơ mơ màng màng, thấy chị Pécgôti phồng lên, trở thành to tướng. Tôi lấy hai ngón tay trỏ bành mí mắt ra, và cố kiên gan ngắm chị ngồi khâu, ngắm mẫu nến nhỏ chị dùng để chuốt chỉ (có có vẽ cũ kỹ và từ phía đều *nhần* *neho*) ngắm bao đựng thước đo giống như cái nhà tranh nhỏ nhỏ, ngắm hộp đồ khâu có nắp rút ra rút vào, trên vẽ nhà thờ Xanh Pôn⁽¹⁾ (có cái nóc tròn màu hồng), ngắm cái “đê” bằng đồng ở ngón tay chị, ngắm người chị mà tôi thấy thật là đáng yêu. Tôi buồn ngủ quá, đến nỗi tôi biết chỉ cần chớp mắt một cái là ngủ mất. Bỗng tôi nói “Chị Pécgôti ơi, chị đã bao giờ lấy chồng chưa?”

“Trời ơi em Đêvít!” Chị Pécgôti nói. “Tại sao em lại nghĩ đến chuyện vợ chồng như thế?” Chị trả lời giật bắn người lên làm tôi tỉnh ngủ hẳn. Chị nhìn tôi, tay ngừng khâu, cái kim vẫn nằm nghiêng ở đầu sợi chỉ căng dài.

“Chị đã bao giờ lấy chồng chưa? Chị là một người rất đẹp có phải không?” tôi hỏi.

Dĩ nhiên là tôi thấy chị đẹp theo một kiểu khác mẹ tôi, nhưng tôi vẫn coi chị là mẫu mực hoàn toàn của một trường phái đẹp khác. Trong phòng khách lớn có cái ghế đầu bọc nhung đỏ, trên đó mẹ tôi có vẽ một bó hoa. Đối với tôi thì nền ghế đầu và màu da chị Pécgôti chỉ là một. Ghế thì nhẵn nhụi, da chị Pécgôti thì sần sùi, nhưng cũng chẳng sao.

“Chị mà đẹp à, em Đêvít? Em ngoan quá!... không phải đâu, em ạ!... nhưng cái gì làm em nghĩ đến chuyện vợ chồng thế kia?” chị Pécgôti nói.

⁽¹⁾ Nhà thờ lớn nhất ở Luân Đôn

“Em không biết!... Đây chị Pécgôti, có phải người ta không được lấy nhiều chồng một lúc có phải không?”

“Nhất định là không được!” chị Pécgôti vội vàng nói, giọng quả quyết.

“Nhưng nếu mình lấy một người, mà người ấy chết rồi, thì có thể lấy một người khác nữa, phải không chị Pécgôti?”

“*Có thể* được, nếu mình muốn. Đó là tùy ý mình thôi” Chị Pécgôti đáp.

“Nhưng chị Pécgôti, ý chị thì thế nào chứ?” tôi hỏi và tò mò nhìn chị, vì chị cũng đang nhìn tôi một cách tò mò thế nào ấy.

“Ý chị thì...” chị Pécgôti nói, mắt lảng đi không nhìn tôi nữa, và sau khi lưỡng lự một lát, chị lại tiếp tục khâu “chị chưa bao giờ lấy chồng, và chị cũng không bao giờ nghĩ đến chuyện lấy chồng, em Đêvi ạ. Về chuyện này thì chị chỉ biết có thế thôi!”

Tôi tưởng chị giận vì chị nói với tôi giọng cộc lốc, nhưng tôi đã lầm to: chị bỏ đồ khâu xuống một bên (đó là chiếc bút tất của chị), rồi giang rộng hai cánh tay ra, ôm chầm lấy cái đầu tóc quăn của tôi, và ghì thật mạnh. Tôi biết chị ghì thật mạnh vì chị mập lấm, nên mỗi khi đã ăn mặc rồi mà phải cứ động một tí là vài chiếc cúc ở lưng áo đứt phụt. Và tôi nhớ trong lúc chị ôm ghì lấy tôi có hai chiếc cúc đã bắn sang đầu bên kia phòng khách.

“Nào, bây giờ em đọc cho chị nghe thêm chuyện “Cá sáo” nữa đi” chị Pécgôti nói, vẫn chưa nhớ đúng tên cá “chị mới nghe được nửa chừng thôi”

Tôi hoàn toàn không hiểu tại sao chị Pécgôti lại có

về ngộ nghĩnh như vậy, hay tại sao chị lại vội vã quay về câu chuyện cá sấu như vậy. Dù sao thì chúng tôi cũng trở lại chuyện những con quái vật ấy, và tôi lại tỉnh táo... “Và người ta trốn chạy, làm chúng lúng túng bằng cách chạy quanh co, điều mà chúng không làm được vì thân hình chúng nặng nề. Và người ta lội xuống nước, đuổi theo chúng những mảnh gỗ nhỏ.” Tóm lại, chúng tôi đã đọc hết cả chuyện cá sấu từ đầu đến cuối. Ít ra, thì tôi cũng đã làm thế. Còn về chị Pécgôti thì tôi nghi lắm, vì suốt thời gian ấy chị cứ chọc chọc cái kim vào mặt, vào tay, có vẻ nghi ngờ.

Chúng tôi đã đọc hết chuyện cá sấu và bắt đầu sang chuyện ngạc ngư, bỗng chuông ngoài vườn rung lên. Chúng tôi ra cửa thì thấy mẹ tôi đẹp hơn hẳn ngày thường, bên cạnh là một ông khách có bộ tóc đẹp và bộ ria đen nhánh, đó là người hôm chủ nhật vừa rồi đã ở nhà thờ cùng với chúng tôi.

Khi mẹ tôi cúi xuống ở ngưỡng cửa để bế tôi lên hôn, ông ta bảo rằng tôi là cậu bé được cưng chiều hơn cả một ông vua... hoặc nói một câu gì na ná như vậy, vì tôi biết rằng ở đây những hiểu biết sau này của tôi giúp tôi hiểu biết điều đó.

Tôi nhìn qua vai mẹ tôi mà hỏi:

“Thế là thế nào hở mẹ?”

Ông vỗ vỗ lên đầu tôi, nhưng chẳng hiểu sao tôi chẳng thích ông và chẳng ưa giọng nói trầm trầm của ông, và tôi lấy làm tức tối sợ rằng tay ông khi sờ vào tôi, lại sờ sang tay mẹ tôi, và điều này thực tế đã xảy ra. Tôi cố ẩy tay ông ra xa. Mẹ tôi trách:

“Ồ, Đêvi!”

“Chú bé ngoan lắm!” Ông khách nói. “Nó tồn thờ mẹ nó thế cũng chẳng có gì lạ”.

Chưa bao giờ tôi thấy sắc mặt mẹ tôi ửng đỏ bằng lúc này. Mẹ tôi mắng yêu tôi về tội vô phép, đoạn ôm tôi sát vào khăn quàng, và quay lại cảm ơn ông khách đã chịu khó đưa mẹ tôi về đến nhà. Vừa nói, mẹ tôi vừa đưa tay ra, và khi ông ta nắm lấy, tôi cảm thấy hình như mẹ tôi đưa mắt nhìn tôi.

Sau khi cúi xuống hôn (tôi thấy rõ lắm mà) bàn tay đeo găng nho nhỏ của mẹ tôi, ông khách bảo tôi:

“Nào chú bé xinh xắn, chúng ta tạm biệt nhau nào!”

“Chào ông” tôi nói.

“Nào chúng ta hãy trở thành những người bạn thân nhất trên đời đi”, ông khách cười bảo: “Bắt tay tôi đi”.

Vì tay trái mẹ tôi đang nắm bàn tay phải tôi, nên tôi đưa tay kia ra.

“Nhưng... tay này không đúng, Đêvi ạ” ông khách cười.

Mẹ tôi kéo tay phải, đưa ra dằng trước, nhưng vì lý do đã nói trên, tôi nhất định không giơ tay phải ra. Tôi cứ chìa tay trái, và ông ta thân mật bắt tay tôi, nói rằng tôi là chú bé “ngoan”, rồi đi.

Trong phút này, trước khi cánh cửa đóng lại, tôi còn trông thấy ông ta ngoái lại ở giữa vườn nhìn chúng một lần cuối, với cặp mắt đen chứa đựng một điểm chẳng lành.

Chị Pécgôti đứng sững ở chính giữa phòng như cái thùng ton-nô, tay cầm cây đèn nến, hỏi:

“Thưa mợ, chắc mợ vừa đi chơi tối vui lắm phải

không ạ?”

“Cám ơn chị Pécgôti. Tôi nay tôi đi chơi vui vui là” mẹ tôi trả lời giọng vui vẻ.

Chị Pécgôti nói bóng gió:

“Một người là lạ thì cũng là một sự thay đổi hay hay”

“Đúng thế. Một sự thay đổi thật là hay” mẹ tôi nói lại.

Chị Pécgôti vẫn đứng im ở giữa phòng không nhúc nhích và mẹ tôi lại tiếp tục hát, và tôi thiếp đi, nhưng ngủ không say lắm, vì tôi vẫn nghe tiếng hai người lầm rầm, nhưng không nghe ra là nói gì. Khi tôi hơi tỉnh dậy, sau giấc ngủ mệt mỏi ấy, tôi thấy chị Pécgôti và mẹ tôi đều khóc và đang nói với nhau.

“Người như thế không được đâu!” chị Pécgôti bảo. “Ông Copophin không thể nào thích con người như thế. Tôi nói thế đây và tôi thế như thế”.

“Trời ơi! chị làm tôi phát điên mất... có bao giờ lại có người con gái đáng thương, bị đẩy tở hành hạ như tôi không?”... mẹ tôi kêu lên - “Nhưng tại sao tôi lại vô lý tự gọi mình mà một người “con gái”? Tôi đã lấy chồng rồi kia mà, phải không chị Pécgôti?”

“Thưa mẹ, trời chúng giám cho mẹ là đã có chồng rồi”, chị Pécgôti trả lời.

“Thế sao chị lại dám...” mẹ tôi nói, “chị Pécgôti, chị nên biết là tôi không nói “dám” đâu nhé..., sao chị lại tàn nhẫn nữa làm khổ tôi, nói những lời day nghiền tôi như thế, trong khi chị biết rõ rằng ngoài những người trong nhà này ra tôi chẳng còn ai là bạn bè để trông mong cả!”

“Vì vậy tôi lại càng phải nói rằng ông ấy thì không được” chị Pécgôti nói “Không! Không thể được. Không, với bất cứ giá nào, cũng không được. Không được!” vừa nói, chị Pécgôti vừa khua vung cây đèn nến. Chị hăng hái quá, làm tôi tưởng chị sẽ ném nó xuống đất.

Mẹ tôi càng khóc già và nói:

“Sao chị lại nặng lời với tôi vô lý như thế! Sao chị lại nói cứ như là câu chuyện đã định đoạt xong xuôi cả rồi? Trong khi tôi đã nói lại với cái đồ ác nghiệt là chị ấy, rằng ngoài việc chào hỏi nhau rất bình thường chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Chị bảo người ta mê tôi à! Thế thì tôi phải làm gì nào? Nếu có người đã dại dột say mê tôi, thì lỗi tại tôi à? Tôi hỏi chị, thế thì tôi phải làm gì nào? Hay là chị muốn tôi cạo trọc đầu, bôi đen mặt mũi, hay là đem vạc mặt đi, đốt lửa vào nhé, dội nước sôi vào nhé, hoặc là Mócxtônách gì tương tự như thế nhé? Chị Pécgôti, tôi dám chắc là chị muốn vậy đấy! Tôi dám chắc là như vậy chị mới hả lòng mát ruột!”

Tôi thấy chị Pécgôti có vẻ rất khổ tâm vì những lời vu vạ đó. Mẹ tôi đi đến chỗ tôi ngồi, vuốt ve tôi, và kêu:

“Con cưng của mẹ, con Đêvi bé bỏng của mẹ! Có phải người ta đã nói bóng gió trước mặt mẹ là mẹ không còn yêu hòn ngọc của mẹ, thằng bé thân yêu nhất trần đời này không?”

“Nào có ai nói bóng nói gió thế đâu?” Chị Pécgôti nói.

“Có, chị nói đấy!” mẹ tôi nói. “Chị Pécgôti ạ! Chị thừa biết chính là chị đấy! Qua lời chị vừa nói, thì còn kết luận nào khác được, cái chị tàn ác kia? Trong khi chị cũng

biết rành rành như tôi rằng vì nó mà ba tháng qua tôi đành chịu không dám mua chiếc ô mới, mặc dầu chiếc ô xanh cũ của tôi đã xác xơ cả đầu đuôi, viền xung quanh thì rách mướp ra. Chị biết rõ đấy chứ, chị Pécgôti? Nào, có chối được không nào?”

Đoạn mẹ tôi âu yếm quay lại tôi, áp má vào má tôi nói:

“Mẹ có là bà mẹ hư hỏng đối với con không, hờ Đêvi? Mẹ có là bà mẹ tai quái, độc ác, ích kỷ, xấu xa không? nói thế đi con! cứ ừ đi một tiếng, con yêu quý ơi, rồi chị Pécgôti sẽ yêu con đấy. Và chị Pécgôti yêu con còn giá trị hơn gấp vạn lần mẹ yêu con đấy, Đêvi ạ! Mẹ chả yêu con gì cả, phải không?”

Đến đây, chúng tôi để òa lên khóc. Tôi thấy hình như tôi khóc to nhất đám thì phải, và tôi chắc chắn là chúng tôi đều khóc chân tình cả. Tôi đứt cả ruột gan, và trong khi tình cảm bị thương tổn, tôi sợ tôi đã rửa chị Pécgôti là “Đồ súc vật”. Tôi nhớ rằng con người chung thủy ấy đã rất khổ tâm, và trong dịp này đã mất tiết cả cúc áo, vì người ta nghe cả một tràng cúc nổ tung bay đi như hoạt đạn khi chị quỳ xuống bên ghế bành để làm lành với tôi sau khi đã làm lành với mẹ tôi.

Chúng tôi đi ngủ lòng buồn rười rượi. Tôi cứ nấc mãi tha thức hồi lâu không ngủ được, và khi một cái nấc rất mạnh làm tôi giật bắn lên ở trên giường, thì tôi thấy mẹ tôi ngồi trên cái chân đấp chân đang cúi xuống nhìn tôi. Sau đó, tôi ngủ trong tay mẹ tôi, và thiếp đi.

Không biết ngày chủ nhật sau tôi lại trông thấy ông khách, hay là cách đó một thời gian dài hơn, ông ta mới lại

xuất hiện, tôi không nhớ. Về vấn đề thời gian tôi không có những khái niệm chính xác, chỉ biết là ông có mặt ở nhà thờ, rồi sau đó lại đưa chúng tôi về nhà. Hơn nữa, ông còn vào trong nhà để ngắm cây phong lan trứ danh của chúng tôi ở cửa sổ phòng khách. Tôi thấy hình như ông không chú ý đến nó cho lắm, nhưng trước khi ra về, ông xin mẹ tôi một bông hoa. Mẹ tôi bảo ông cứ việc chọn mà ngắt lấy, nhưng ông không chịu (tôi cũng không thể hiểu tại sao). Vì thế, mẹ tôi phải hái một bông, và đặt vào tay ông. Ông tuyên bố sẽ không bao giờ rời bỏ bông hoa ấy, và tôi nghĩ sao ông này lại dấn đến nỗi không biết rằng chỉ một hai ngày là hoa sẽ tàn rụng hết.

Chị Pécgôti bắt đầu không ở cạnh chúng tôi vào buổi tối như trước nữa. Mẹ tôi rất nể chị, (tôi thấy còn nể hơn trước nhiều); và ba chúng tôi vẫn tử tế với nhau, nhưng chúng tôi vẫn có cái gì khang khác trước, và không thông cảm với nhau như trước nữa. Thỉnh thoảng, tôi có cảm tưởng thấy chị Pécgôti phản đối việc mẹ tôi diện những áo đẹp để trong ngăn kéo tủ, hoặc sang chơi luôn nhà người bạn láng giềng kia, nhưng dù tôi muốn, tôi vẫn không có cách nào biết được việc đó xảy ra như thế nào.

Dần dần, tôi quen nhìn ông khách rìa đen. Tôi vẫn không ưa ông hơn lần đầu và vẫn ghen tức với ông như trước. Và nếu như đó là vì một lý do nào khác ngoài ác cảm bản năng của trẻ con, ngoài cái ý nghĩ mơ hồ rằng chị Pécgôti và tôi không cần có ông ta giúp vẫn có thể hiểu giá trị của mẹ tôi, và nếu lớn tuổi hơn tôi đã có thể thấy rằng đó không phải là lý do thực sự. Ớc tôi không hề nghĩ ra lý do ấy, hay một lý do tưởng tượng. Có thể nói là tôi chỉ biết

nhận xét, từng mảnh một; còn ghép những mảnh lại thành ra một màng lưới để bắt ai, thì việc ấy lúc này, còn ở ngoài khả năng của tôi.

Một buổi sáng mùa thu, tôi đang cùng với mẹ tôi ở vườn trước cổng ông Mócxtôn (bây giờ tôi biết tên ông ta là Mócxtôn) đi ngựa đến. Ông dừng ngựa chào mẹ tôi, và nói ông đến Laoxtôp thăm mấy người bạn đang chơi du thuyền ở đó, rồi lại vui vẻ đề nghị đèo tôi ngồi lên yên, ở đằng trước ông, nếu tôi thích đi chơi.

Không khí hôm ấy trong trẻo, thú vị quá, và con ngựa đứng ở hàng rào, giẫm chân, thở phì phì nhưng cũng rất thú vị về cuộc đi chơi mà tôi đang khao khát. Tôi được dẫn lên gác để chị Pécgôti làm dáng cho. Và trong khi chờ đợi, ông Mócxtôn xuống ngựa, tay khoác giày cương; đi đi lại lại khoan thai ở phía ngoài hàng rào đã tường vi, còn mẹ tôi cưỡi khoan thai đi đi lại lại ở phía trong, để tiếp chuyện ông. Tôi còn nhớ chị Pécgôti và tôi có nhìn trộm hai người qua cửa sổ nhỏ của phòng tôi. Tôi nhớ rằng trong khi đi bách bộ, họ giống như là đang ngắm nhìn hàng rào đã tường vi ngăn cách giữa hai người, và chị Pécgôti, con người tính tình hết sức phúc hậu bỗng nói câu và chải ngược tóc tôi hết sức mạnh.

Lát sau ông Mócxtôn và tôi ra đi, và chúng tôi phi nước kiệu trên cỏ xanh bên bờ đường. Một tay ông ôm ái dĩ lấy tôi: bình thường tôi không nghĩ tôi là đứa trẻ hiếu động; thế mà tôi không thể nào yên trí ngồi yên ở đằng trước, trái lại chốc chốc lại quay đầu, ngược nhìn lên mặt ông. Ông có một thứ mắt đen, nhưng cạn (tôi không có danh từ nào hơn để gọi một con mắt, nhìn vào không thấy

gì là sâu cã), khi nào nó lơ đãng thì ánh lên một cách đặc biệt thành ra lệch hẳn đi, trông như là lác. Nhiều lần liếc nhìn ông, tôi nhận thấy vẻ mặt như thế mà hoảng sợ và lấy làm lạ không biết ông nghĩ ngợi gì mà trầm ngâm dữ thế. Nhìn gần thì tóc và ria ông còn đen và rậm hơn tôi đã tưởng. Mặt phía dưới bạnh vuông, lấm chấm đen, chứng tỏ ông có bộ râu cằm rất rậm, hàng ngày được cạo nhẵn thín, và làm tôi nhớ đến cái nghề nặn hình nhân bằng sáp đã từng được đưa vào miển phụ cận của tôi độ nửa năm trước đây. Những đặc điểm ấy cùng với cặp lông mày đều đặn, và nước da trắng đen, nâu (da với dẻ! Kỷ niệm ấy ao mà khó chịu thế!) bắt tôi phải nhận rằng ông là người rất bảnh trai mặc dầu tôi có ác cảm với ông. Tôi chắc bà mẹ yêu quý và tội nghiệp của tôi cũng nghĩ như tôi thôi.

Chúng tôi đến một khách sạn ở bờ biển, ở đó chỉ có hai người đang bú xì gà trong phòng. Mỗi người nằm dài trên ít nhất là bốn cái ghế tựa và đều mặc áo chèn vải thô. Ở góc phòng có một đồng áo vét tông, áo di thuyền, và một cái cờ, tất cả buộc thành một bó. Khi chúng tôi vào, họ lồm cồm đứng dậy, và nói: “Thế nào, Mócxtôn! chúng tôi tưởng anh chết rồi!”.

“Chưa đâu”, ông Mócxtôn nói.

“Chú bé nào thế này?” một người nắm tôi hỏi.

“Đèvi đấy” ông Mócxtôn trả lời.

“Đèvi gì kia chứ...? người ấy lại hỏi.

“Copophin”, ông Mócxtôn nói.

“Sao, cái của nợ của bà Copophin mê hôn đấy à?” người ấy kêu lên, “cái cái bà quả phụ trẻ măng và xinh đẹp đấy à?”

“Anh Kiniôn, anh cẩn thận cho”. Ông Mócxtôn bảo.
“Có người tinh ranh lắm đấy!”

“Ai thế?” người ấy cười hỏi.

Tôi vội nhìn lên, tò mò muốn biết xem đó là ai.

“à! anh chàng Brúc ở Sếpphin đấy mà!” ông Mócxtôn nói.

Tôi nhẹ hẫng mình khi biết đó chỉ là anh chàng Brúc ở Sếpphin, vì lúc đầu tôi cứ ngỡ là tôi cơ đấy.

Hình như cái ông Brúc ở Sếpphin kia là một nhân vật rất buồn cười, nên khi nghe nói đến thì hai người cười rộ lên, và ông Mócxtôn cũng có vẻ khoái trá lắm. Sau khi cười một lúc, cái ông tên là Kiniôn hỏi:

“Thế ý kiến của anh chàng Brúc ở Sếpphin đối với kế hoạch đang dự tính thế nào?”

“Tôi thấy Brúc hiện chưa hiểu gì về vấn đề này”, ông Mócxtôn trả lời “Nhưng nói chung, thái độ hẳn là không tán thành”.

Đến đây, họ lại cười âm lên, và ông Kiniôn bảo:

“Phải bấm chuông gọi mang rượu anh đào lên để uống chúc sức khỏe anh chàng Brúc”.

Và ông ta thực hiện ngay. Khi rượu mang lên, ông cho tôi uống một chút với một chiếc bánh bích quy và trước khi tôi uống thì ông đứng dậy nói:

“Chúc cho anh chàng Brúc ở Sếpphin được một dịp bề mặt”.

Mọi người cạn chén vỗ tay hưởng ứng âm ỉ và cười khoái trá làm tôi cũng phải bật cười. Thấy thế, họ lại càng cười giã. Tóm lại chúng tôi rất là hoan hỉ.

Sau đó, chúng tôi dạo trên núi đá ven bờ biển, và

ngồi chơi trên cỏ, lấy ống nhôm để nhìn cảnh vật (riêng tôi thì khi để ống nhôm vào mắt, tôi chẳng nhìn thấy gì, nhưng tôi cứ làm ra vẻ thấy, rồi chúng tôi lại trở về khách sạn để ăn trước cho sớm. Trong khi đi chơi, hai người đàn ông cứ hút thuốc liên miên (tôi nghĩ nếu căn cứ vào cái mùi toát ra từ hai cái áo vải thô của họ mà xét, thì chắc hẳn họ đã hút từ lúc lấy áo ở hiệu thợ may về". Và cũng không nên quên kể lại rằng chúng tôi đã lên chơi trên một chiếc du thuyền. Cả ba người kia đều xuống khoang và loay hoay với một số giấy tờ. Khi nhìn xuống qua cửa sổ bỏ ngo ở nóc buồng, tôi thấy họ rất bận rộn. Trong thời gian này, họ để tôi ở trên với một người rất tử tế, có cái đầu rất to tóc đỏ, đội một cái mũ tí xíu óng ánh, mặc áo lót hay áo gi-lê có vân, ngang trên ngực có chữ "Son ca" viết hoa. Tôi tưởng đó là tên bác, và vì bác ở trên tàu, không có cửa nhà quay ra phố để đề tên, nên đã phải đề lên trên ngực. Nhưng khi tôi gọi bác là ông "Son ca" thì bác bảo đó là tên chiếc thuyền.

Suốt ngày, tôi thấy ông Mócxtôn có vẻ trầm lặng và đúng mực hơn hai người kia. Hai người kia rất vui vẻ và vô tư. Họ nói đùa với nhau thoải mái, nhưng rất ít đùa với ông Mócxtôn. Ông ta có vẻ thành thạo và lạnh lùng hơn họ, và đối với ông ta vậy. Tôi nhận thấy một hai lần, khi đang nói, ông Kiniôn nhìn trộm ông Mócxtôn để xem ông ta có phạt ý không; và một lần khi ông Pátnútgiơ (tức là ông kia) vui quá trớn thì ông này đập vào chân, nháy ông phải coi chừng ông Mócxtôn đang ngồi nghiêm nghị và lặng yên. Suốt hôm ấy, tôi nhớ rằng ông Mócxtôn không cười lần nào, trừ lúc pha trò về anh chàng Sepphin, và chính đó lại

là câu nói đùa của ông.

Chiều đến, chúng tôi trở về nhà sớm. Đó là một buổi chiều rất đẹp. Và mẹ tôi lại cùng ông Mócxtôn đi dạo bên hàng rào dã tường vì trong khi tôi phải vào nhà để uống trà. Khi ông đã về, mẹ tôi hỏi lại về tất cả cuộc đi chơi ban ngày của tôi, về những điều mà các ông ấy đã nói và đã làm. Tôi nhắc lại những câu họ nói về mẹ tôi, và mẹ tôi cười, bảo họ là người trơ trẽn ăn nói bậy bạ, nhưng tôi biết là mẹ tôi thích lắm. Tôi hiểu điều đó rõ như là giờ đây tôi đang hiểu. Nhân dịp này, tôi hỏi xem mẹ tôi có quen ông Brúc ở Sepphin không, nhưng mẹ tôi bảo không, và đoán có lẽ đó là một nhà sản xuất dao và nĩa.

Làm sao tôi có thể nói rằng gương mặt mẹ tôi đã phai mờ (mặc dầu tôi có lý do để nhớ rằng nó đã thay đổi, và tôi biết hiện nay đã biến mất), khi ngay giờ đây nó vẫn hiện ra trước mắt rõ ràng như bất cứ mặt người nào mà tôi nhìn ở ngoài đường phố đông đúc ? Làm sao tôi có thể nói rằng vẻ đẹp ngây thơ và tươi trẻ của mẹ tôi đã tàn tạ và không còn nữa, trong khi giờ đây tôi vẫn cảm thấy hơi thở của gương mặt ấy trên má tôi, như là tôi đã thấy buổi chiều hôm đó? Làm sao tôi có thể nói rằng mẹ tôi đã thay đổi, khi ký ức tôi đã làm mẹ tôi sống lại in hệt như xưa; đã thế lại còn giống cái tuổi thanh xuân tình tứ hơn tôi cũng như bất kỳ người nào khác vẫn còn giữ được cái mà họ yêu quý.

Tôi tả mẹ tôi đúng như là lúc mẹ tôi đến chúc tôi ngủ ngon sau khi chúng tôi nói chuyện với nhau và tôi đã lên giường ngủ. Mẹ tôi vui vẻ quỳ bên giường, tay đỡ lấy cằm, cười và nói:

“Đêvi, các ông ấy nói gì thế? Nhắc lại mẹ nghe! Mẹ không tin thế đâu”.

“...Mê hôn...” tôi nói.

Mẹ tôi lấy tay bịt môi tôi, không cho nói. Mẹ tôi cười bảo:

“Không phải mê hôn đâu, không thể nào mê hôn được, Đêvi ạ. Mẹ biết đúng là không phải thế”.

Tôi nhắc lại quả quyết:

“Đúng thế mà!... Bà Copophin mê hôn..., ... và xinh đẹp” nữa.

Mẹ tôi lại lấy tay bịt môi tôi, cãi:

“Không, không phải là “xinh đẹp” đâu! Không “xinh đẹp” đâu!”

Đúng thế mà! “Bà quả phụ trẻ măng và xinh đẹp!”

Mẹ tôi che mặt cười, kêu lên:

“Người đâu mà rõ đại và trơ trẽn!... Các ông ấy lỗ bịch lắm phải không Đêvi?”

“Thưa mẹ, vâng ạ”.

“Đừng nói cho chị Pécgôti biết nhé! Chị ấy có thể giận các ông ấy đấy. Chính mẹ cũng giận các ông ấy ghê lắm; nhưng mẹ thấy không nên cho chị Pécgôti biết thì hơn”.

Dĩ nhiên là tôi hứa điều đó, rồi chúng tôi ôm nhau hôn đi hôn lại mãi, và chẳng mấy chốc tôi ngủ say.

Bây giờ hồi tưởng lại hồi xưa, tôi nhớ đâu việc này xảy ra cách hôm ấy một hôm, nhưng kỳ thực có lẽ vào khoảng hai tháng sau. Một hôm chị Pécgôti đề nghị với tôi một việc rất mạo hiểm và bất ngờ mà tôi kể sau đây.

Một buổi tối, chúng tôi vẫn ngồi với nhau như mọi

ngày (trong khi mẹ tôi cũng đi chơi vắng như mọi ngày) cùng với chiếc bát tất, cái thước đo, và cái hộp trên nắp có cảnh nhà thờ Xanh Pôn, và quyển truyện cá sấu. Chị Pécgôti cứ nhìn tôi hoài mồm há ra như muốn bảo gì nhưng rồi lại thôi (tôi cứ ngỡ là chị ngáp, nếu không thì đã hoảng lên). Bỗng chị nói, giọng đồ dằn:

“Em Đêvi, em có muốn đi chơi độ nửa tháng với chị ở nhà người anh ruột của chị, ở Yacmao không? Em có thích thế không?”

“Anh của chị có vui tính không chị Pécgôti” tôi hỏi dò.

Chị Pécgôti giơ tay lên, nói:

“Ồ, vui tính lắm chứ!... Rồi lại có biển nữa, có thuyền, có tàu, có người đánh cá, có bãi biển...và có thằng Am nó chơi với em nữa...” Chị Pécgôti muốn nói đến cháu Ham của chị mà tôi đã kể ở chương thứ nhất, nhưng chị biến “Ham” thành “am” là một động từ trong tiếng Anh. Nghe chị kể những thú vui này tôi sướng mê đi được, và trả lời đi thì thích lắm, nhưng không biết mẹ tôi có cho phép không.

Chị Pécgôti nhìn chăm chặp vào mặt tôi mà nói:

“Ồ, chị đánh cuộc với em một đồng “Ghi-ni” đấy, thế nào mẹ cũng cho chúng ta đi chơi. Nếu em đồng ý chị sẽ xin phép cho, ngay khi mẹ về... Được chứ?”

“Thế nhưng trong khi chúng mình đi chơi thì mẹ làm gì? tôi nói và chống đôi khuỷu tay nhỏ xíu xuống bàn để thảo luận về điểm này,... Mẹ không thể sống một mình được”.

Chị Pécgôti bỗng cúi xuống tìm tôi một cái lỗ thùng

nào đó ở bí-tất, lỗ thủng này chắc là phải nhỏ lắm, không
bổ công mạng.

“Này chị Pécgôti, chị biết đấy, mẹ không thể ở một
mình được”.

Cuối cùng chị Pécgôti lại nhìn tôi, nói:

“Trời ơi!... Em không biết à? Mẹ sắp sang chơi độ
nửa tháng ở nhà bà Grâyơ; ở nhà bà Grâyơ sắp có đông
khách lắm đấy!”

Ồ! nếu thế tôi sẵn lòng đi chơi lắm. Tôi rất sốt ruột
ngồi đợi cho đến lúc mẹ tôi chơi ở nhà bà Grâyơ về (vì
mẹ tôi vừa đến chơi nhà bà này) để xem chúng tôi có được
phép thực hiện dự kiến lớn lao của chúng tôi không. Mẹ tôi
chấp thuận ngay tức khắc, không hề tỏ ra ngạc nhiên như
tôi đã tưởng. Ngay tối hôm đó, mọi việc được thu xếp
xong, cả tiền ăn ở của tôi trong thời gian đi chơi.

Thấm thoát ngày chúng tôi ra đi đã đến. Nó không
lâu la gì, nên đến nhanh lắm, ngay cả đối với tôi là người
sốt ruột chờ đợi nó; cứ lo lắng sợ một cuộc động đất, hoặc
một cái núi lửa, hoặc một sự đảo lộn nào khác của vũ trụ
có thể làm ngừng cuộc đi chơi. Chúng tôi sẽ đi bằng xe
ngựa của anh xà ích, khởi hành vào buổi sáng, sau bữa
điểm tâm. Tôi sẵn sàng trả bao nhiêu tiền cũng được để
được phép mặc quần áo ngay từ tối hôm trước và cứ để
nguyên cả mũ giày để đi ngủ.

Giờ đây, mặc dầu nói đến chuyện này một cách coi
thường tôi vẫn thấy cảm động khi nhớ rằng tôi đã hăm hở
rời khỏi cái gia đình êm ấm, và nghĩ rằng lúc đó tôi không
ngờ chút nào rằng mình sẽ rời nó mãi mãi.

Tôi sung sướng nhớ lại rằng khi chiếc xe anh xà ích

đổ ở cổng và mẹ tôi đứng ở đấy để hôn tôi, thì tôi thấy tràn ngập tình yêu thương cảm kích đối với mẹ tôi, đối với cái căn nhà quen thuộc mà tôi chưa rời khỏi bao giờ, nên đã khóc òa lên. Tôi sung sướng biết rằng mẹ tôi cũng khóc, và tìm mẹ tôi đập sát tìm tôi.

Tôi sung sướng nhớ lại khi chiếc xe của anh xà ích bắt đầu chuyển bánh, thì mẹ tôi bỗng lại chạy ra khỏi cổng, gọi anh dừng lại để hôn tôi một lần nữa. Tôi sung sướng khi nghĩ đến tình thương yêu thâm thiết của mẹ tôi lúc mẹ tôi ngẩng mặt lên để hôn tôi.

Khi chúng tôi đi rồi, bỏ lại mẹ tôi đứng ở giữa đường, thì ông Mócxtôn tiến tới chỗ mẹ tôi và có dáng điệu như trách mẹ tôi sao lại quá xúc động như vậy. Tôi thò đầu vòng quanh tám vãi bạt đằng sau xe, và tự hỏi việc gì đến ông ta kia chứ. Chị Pécgôti cũng đang ngoái lại nhìn ở phía bên kia, rồi rút đầu vào trong xe về mặt hình như không bằng lòng. Tôi ngồi nhìn chị Pécgôti một lúc, mơ màng nghĩ đến trường hợp giả thiết như sau: nếu chị có nhiệm vụ đem tôi đi để vất bỏ như đứa bé con trong chuyện cổ tích, thì tôi có thể tìm ra đường về nhà bằng cách lần theo những chiếc cúc chị để rơi suốt dọc đường không?

Chương III

MỘT SỰ THAY ĐỔI ĐỐI VỚI TÔI

Con ngựa của anh xà ích xem chừng lười nhất trên đời: Nó lê chân đi, đầu gục xuống tựa hồ như nó thích bắt những người nhận bưu kiện phải mỏi mắt trông chờ. Thực vậy, thỉnh thoảng tôi có cảm tưởng rằng nó đang nghĩ như thế và cười khúc khích; nhưng anh xà ích lại bảo là nó mắc bệnh ho đấy thôi.

Anh xà ích cũng có một cách gục đầu riêng cũng như con ngựa của anh; và hai tay đặt trên hai đầu gối, anh ngã người ra đằng trước ngủ gà ngủ gật trong khi vẫn đánh xe. Tôi nói là “đánh xe”, nhưng tôi nảy ra ý nghĩ rằng cỗ xe có thể đến Yacmao hoàn toàn không cần có anh, vì đã có con ngựa làm tất cả. Còn về khoản chuyện trò thì anh chẳng biết tí gì, chỉ biết huýt sáo mà thôi.

Chị Pécgôti đặt trên đầu gối một lẵng thức ăn nhiều đến nỗi dù có đến Luân-đôn bằng thứ phương tiện vận tải này cũng không ăn hết. Chúng tôi ăn nhiều, và ngủ cũng nhiều. Chị Pécgôti cứ một mực ngủ rên, tì cằm trên quai lẵng mà chị nắm khư khư, và nếu không nghe tiếng chị

ngáy khô khô thì tôi sẽ không thể tin được rằng một người đàn bà chân yếu tay mềm lại có thể ngáy to đến thế.

Chúng tôi đi ngoắt ngoéo quanh co hết lên lại xuống trên những con đường nhỏ và đã phải mất nhiều thì giờ để giao một cái giát giường cho một quán rượu và đồ lại ở nhiều nơi, đến nỗi tôi mệt phờ ra và mừng quýnh khi trông thấy Yácmao. Nơi này xem ra có vẻ ẩm ướt và lầy lội khi tôi đưa mắt nhìn cái bãi vẩn mênh mông, ẩm đảm ở bên kia sông; và tôi không khỏi tự hỏi thăm rằng nếu quả đất là tròn như trong sách địa lý của tôi nói thì tại sao có chỗ lại bẹt đến thế này. Nhưng tôi lại nghĩ Yácmao có thể là ở một trong hai cực và luận điểm này có thể giải thích được điều trên.

Khi chúng tôi đến gần hơn nữa, và nhìn thấy tất cả dải đất bên cạnh chạy thành một đường thẳng dài, dưới bầu trời, tôi bảo chị Pécgôti rằng nếu vài quả đồi nhỏ lên nữa thì phong cảnh sẽ đẹp hơn và nếu đất được tách rời khỏi biển hơn nữa và thành phố và sóng biển không lẫn lộn với nhau như bánh mì khô giẫm nước, thì có lẽ sẽ đẹp hơn nhiều. Nhưng chị Pécgôti nói, giọng kiên quyết hơn mọi khi, rằng “Sự vật như thế nào thì phải bằng lòng như thế”, và riêng về phần chị, chị rất kiêu hãnh được gọi là “Con cá mòi khô ở Yácmao”. Khi vào đến đường phố (mà tôi thấy thực kỳ lạ), và ngửi thấy mùi cá, mùi nhựa thông, mùi giấy gai, mùi hắc ín, nhìn thấy các thủy thủ đi qua đi lại, và những chiếc xe bò lăn lạch cách trên đường đá, tôi cảm thấy rằng tôi đã nhận xét oan về một nơi náo nhiệt như thế này; và tôi nói thế với chị Pécgôti. Chị cũng rất hả dạ khi nghe tôi tỏ vẻ thích thú; và chị bảo tôi rằng nhìn chung Yácmao nổi tiếng (tôi đoán là nổi tiếng đối với những

người có số phận may mắn sinh ra là “Cá mòi khô”) là nơi xinh đẹp nhất trên thế giới.

“Kìa thằng Am!” chị Pécgôti kêu lên, “... Lớn trông lạ hẳn đi!”

Đúng thế, Ham đang đứng ở tiệm rượu chờ chúng tôi; anh hỏi thăm sức khỏe của tôi, như một người bạn cũ. Lúc đầu tôi có cảm tưởng không quen biết anh như anh quen biết tôi, vì anh chẳng đến nhà tôi lần nào nữa từ đêm tôi ra đời, và cố nhiên như thế là anh có ưu thế hơn tôi. Nhưng lúc anh công tôi lên lưng để đưa về nhà thì thân mật giữa chúng tôi tăng lên nhiều. Bây giờ anh là một chàng trai to lớn, khỏe mạnh, cao thước chín, to ngang, vai tròn, nhưng vẻ mặt lại nũng nịu như trẻ con và tóc hung vàng loăn xoăn làm anh trông giống hệt con cừu. Anh mặc áo vải gai, và cái quần cứng đờ đờ, đến nỗi không cần có đôi chân ở trong ống, nó cũng có thể đứng một mình. Và người ta không thể bảo rằng anh đang đội mũ; vì trông anh giống như một tòa nhà cũ trên chóp che bằng một thứ gì đen đen như nhựa vậy.

Anh Ham vừa công tôi vừa cấp ở tay chiếc hòm nhỏ của chúng tôi, trong khi chị Pécgôti cũng mang một hòm nhỏ khác; và chúng tôi đi vào những con đường ngắn ngang những bờ rào, những đồng cát nho nhỏ, qua những xưởng chạy bằng hơi than, những xưởng làm thùng chảo, những công trường đóng thuyền, đóng tàu, những công trường tháo tàu, sơn tàu, trang bị dụng cụ cho tàu, những lò rèn... và vô số những nơi tương tự như vậy, cho đến khi đến cái bãi vắng âm đạm mà tôi đã thấy từ xa. Đến đây anh Ham nói:

“Này cậu Đêvi, nhà ta kia kìa!”

Tôi nhìn khắp tứ phía, trở mắt nhìn cái bãi hoang vắng, hết về phía biển lại về phía sông, nhưng chẳng nhận ra nhà cửa đâu cả. Cách đó không xa có một chiếc thuyền gỗ đen đen hay một thứ tàu nhỏ gì đó bị bỏ, đã được kéo lên cạn, với một cái ống khói bằng sắt nhô lên, thay cho ống khói lò sưởi và đang tỏa khói một cách bình yên; ngoài ra tuyệt nhiên tôi chẳng có nhà cửa gì cả.

“Cái giồng giống cái tàu kia, có phải là nhà ta đấy không?” tôi hỏi.

“Phải đấy cậu Đêvi ạ”, anh Ham trả lời.

Dù có là lâu đài của Aladanh⁽¹⁾ hay trứng chim đại bàng, hoặc là bất kỳ cái gì, cũng không thể làm tôi say mê hơn cái ý nghĩ lãng mạn là sẽ được sống ở đó. Một cửa hiệu xinh xắn được đục ở thành tàu, và tàu có một cái mái với những cửa sổ tí xíu; nhưng sức hấp dẫn kỳ diệu của nó là ở chỗ nó chính là một cái tàu thật, nhất định đã từng lênh đênh trên mặt biển hàng trăm lần rồi, và trước đây không bao giờ người ta nghĩ đến việc dùng nó làm nhà ở trên cạn. Đó là điều làm tôi ngây ngất. Nếu nó được đóng ra để làm nhà thì có thể tôi thấy là nó bé, bất tiện, trơ trọi; nhưng vì nó không phải đóng để dùng vào việc ấy, nên nó trở thành một chỗ ở tuyệt diệu. Bên trong, sạch bóng như chùi, và hết sức ngăn nắp. Có một cái bàn, một chiếc đồng hồ Ha-lan, một cái tủ có ngăn kéo trên tủ đặt một khay trà trên vế một bà cấm ô đi chơi với một cậu bé có dáng điệu nhà binh, đang

⁽¹⁾ Aladanh: Một nhân vật trong chuyện “Một nghìn một đêm lẻ” có cái đèn thần muốn ước gì cũng được

đánh vòng. Một quyển kinh thánh đỡ cho khay khỏi đổ; vì nếu khay đổ xuống thì sẽ làm tan tành bao nhiêu là tách, đĩa và một cái ấm để ở chung quanh quyển kinh thánh. Trên tường có vài bức tranh màu thông thường, đóng khung lồng kính, để tài lấy trong kinh thánh. Từ lúc ấy, mỗi khi trông thấy những bức tranh này ở tay người bán hàng rong tôi lại thấy hiện ngay ra trước mắt toàn bộ cảnh nhà của người anh của chị Pécgôti: Abraham⁽¹⁾ màu đỏ sắp sửa giết Ydaác để tế thượng đế và Đanien màu vàng bị ném vào hang sư tử màu xanh, là những bức nổi nhất trong những tranh đó. Trên cái giá lò sưởi nhỏ là bức tranh vẽ tàu Xarajan đóng ở Xondeclan với một cái đuôi tí xiu làm bằng gỗ và dính vào đấy, một công trình mỹ thuật đã kết hợp được nghệ thuật với nghề mộc, mà tôi coi như một tài sản quý báu nhất trên đời có thể có. Có vài cái móc trên xà nhà mà tôi chưa đoán ra là dùng làm gì, và vài cái hòm, vài cái học với những vật tiện lợi kiểu tương tự dùng làm chỗ ngồi và bổ sung thêm vào số ghế.

Tất cả những cái đó, chỉ liếc nhìn một cái là tôi thấy ngay, sau khi đã bước qua ngưỡng cửa (theo tôi nghĩ đối với trẻ con cái đó là tự nhiên). Đoạn chị Pécgôti mở một cái cửa nhỏ, dẫn tôi vào buồng ngủ của tôi. Thật là một cái buồng đầy đủ nhất, thú nhất, chưa từng thấy bao giờ. Nó ở đuôi tàu, có một cửa sổ xinh xinh trước kia là chỗ bánh lái, một cái gương soi nhỏ nhẵn vừa đúng tầm cao của tôi, đóng vào tường, khung của nó làm bằng vỏ hàu và một cái giường tí xiu vừa vặn đủ chỗ để tôi nằm duỗi ở đấy; và một

⁽¹⁾ Abraham, Ydaác, Đanien là những nhân vật trong kinh thánh

chùm rong biển cắm trong cái bình xanh để trên bàn. Tường quét vôi trắng bong như sữa, và chân đắp chân sặc sỡ làm tôi hoa cả mắt vì màu loè loẹt. Tôi nhận ra trong cái nhà thú vị này có một điều đặc biệt là mùi cá: nó thấm vào tất cả đến nỗi khi rút khăn tay ra chùi mũi thì tôi nghĩ thấy y như là nó đã gói một con tôm hùm. Khi tôi bảo nhỏ cho chị Pécgôti biết điều khám phá này, cua bể, và tôm he. Và sau đó, trong một cái chái nhỏ bằng gỗ để nổi và ẩm, tôi đã thấy một đồng tương những con vật này quán quít lấy nhau một cách kỳ lạ và luôn luôn thò càng ra cặp bắt cứ cái gì chúng vớ được.

Chúng tôi được một bà rất lễ độ mặc tạp dề trắng ra đón. Ở trên lưng anh Ham cách đây độ một phần tư dặm, tôi đã thấy bà ra đứng ở cửa, cúi chào chúng tôi. Đồng thời, lại có một cô bé hết sức xinh (ít nhất tôi cho là như thế), cổ đeo chuỗi hạt trai xanh xanh, cô ta không chịu cho tôi hôn và chạy trốn. Sau đó, khi chúng tôi đã ăn xong bữa ăn thịnh soạn có cá bơn luộc, bơ nước và khoai tây, với một miếng sườn cho riêng tôi, thì một ông lông lá, vẻ mặt hiền hậu bước vào. Vì ông gọi chị Pécgôti là “cô bé” và hôn chụt trên má chị một cách thân thiết, nên tôi không do dự gì kết luận rằng (căn cứ vào tư cách xưa nay đứng đắn của chị Pécgôti) đó là anh ruột chị; và quả nhiên người ta giới thiệu cho tôi ông ấy là ông Pécgôti, chủ của ngôi nhà này.

“Chào cậu”, ông Pécgôti nói: được gặp cậu tôi thật mừng lắm!⁽¹⁾ chúng tôi thì cục mịch nhưng rất sốt sắng,

⁽¹⁾ Ông Pécgôti nói tiếng địa phương miền Xăphốc (phía đông nước Anh). Để giữ màu sắc chúng tôi dùng cách nói lẫn lộn 1 thành n ở một vài vùng nông thôn Bắc bộ.

cậu ạ”

Tôi cảm ơn ông và trả lời rằng tôi tin chắc là sẽ vui sướng được ở một nơi thú vị như này.

“Mẹ cậu thế nào?” ông Pécgôti hỏi “Bà có được vui vẻ khỏe mạnh khi cậu ra đi không?”

Tôi cho ông biết rằng mẹ tôi hết sức vui vẻ khỏe mạnh, và có gửi lời chào... Đây chỉ là một sự bịa đặt lịch sự của tôi thôi.

“Nói để cậu biết nà tôi xin đa tạ bà” Ông Pécgôti nói - “Này cậu, nếu cậu có thể thu xếp ở đây độ nửa tháng với em nó (ông hất hàm về phía em gái). Ham và bé Emili, thì chúng tôi sẽ rất hân hạnh”

Sau khi tiếp khách niềm nở như vậy, ông Pécgôti ra rửa ráy với cả một nồi nước nóng, tuyên bố rằng “Nước nạnh không thể nào bo bở ghét của ông được”. Ông ta quay vào mặt mũi sáng sủa hẳn lên, nhưng đỏ gay đến nỗi tôi không khỏi nghĩ rằng mặt ông có chỗ giống như tôm hùm, cua bể và tôm he! Khi dúng vào nước nóng thì chúng đen sì, khi ra khỏi nước nóng thì chúng đỏ chói.

Sau bữa trà, lúc cửa đã đóng và mọi vật đều ấm áp (lúc này đêm lạnh và nhiều sương), thì đối với tôi đây là một nơi ở ấm cúng nhất mà người ta có thể tưởng tượng được. Thật là mê hồn khi nghe tiếng gió nổi dậy ngoài khơi, khi biết sương mù đang lan tràn trên khắp bãi vắng phẳng lì và thê lương, và khi nghĩ rằng gần đây không có một ngôi nhà nào ngoài ngôi nhà này, và ngôi nhà này lại là một cái tàu. Bé Emili đã thắng được sự e thẹn, cô ngồi cạnh tôi trên cái hòm nhỏ nhất và thấp nhất, vừa đủ cho hai chúng tôi, vừa kê khít vào góc lò sưởi. Bà Gômmit mặc tạp

dề trắng, đang đan ở phía đối diện lò sưởi. Chị Pécgôti thì bận khâu, vẫn rất thoải mái điem nhiên với cái hộp vẽ nhà thờ Xanh Pôn và mẫu sấp, dường như những thứ này xưa nay chưa hề ở -khác chỗ. Anh Ham sau khi đã dạy tôi bài học đầu tiên về đánh bài “Các-tê), đang thử nhớ lại một cách bói bài với những quân bài bản, và mỗi khi anh vật bài thì ngón tay cái nhòm cá củ anh lại in vào các con bài. Ông Pécgôti đang ngồi hút tẩu. Tôi cảm thấy đây là giờ chuyện trò và tâm sự.

“Ông Pécgôti !” tôi gọi.

“Cái gì thế cậu?” ông Pécgôti hỏi.

“Có phải ông đặt tên con ông là Ham vì ông sống trong một cái thuyền không?⁽¹⁾

Ông Pécgôti có vẻ cho đó là một ý kiến sâu sắc, nhưng ông trả lời:

“Không cậu ạ! Tôi có đặt tên cho nó bao giờ đâu?”

“Thế ai đặt tên cho anh ấy?” tôi hỏi ông Pécgôti câu hỏi số hai của sách đạo⁽²⁾

“Cha nó đặt cho nó chứ còn ai nữa!” ông Pécgôti bảo.

“Cháu cứ tưởng ông là cha anh ấy!”

“Anh ruột tôi nà Jô mới nà cha nó” ông Pécgôti nói.
Sau một lúc ngừng lại kính cẩn, tôi gọi:

⁽¹⁾ Theo “Kinh thánh” Chúa trời có một lần gây nên nạn hồng thủy giết tất cả loài người chỉ sống sót gia đình ông Nôê. Ông này được Chúa trời bảo trước phải đóng một chiếc thuyền lớn để ở đấy. Nôê có ba người con trai, người thứ hai là Ham.

⁽²⁾ Câu hỏi về cha mẹ. Đây nói về mười điều giáo huấn của Cơ đốc giáo - điều thứ hai là nói bốn phận đối với cha mẹ

“Ông ấy chết rồi à, có phải không ông Pécgôti?”

“Chết đuối!” ông Pécgôti nói.

Tôi ngạc nhiên về chỗ ông Pécgôti không phải là cha anh Ham, và bắt đầu tự hỏi không biết mình có làm về quan hệ của ông với những người khác không. Tôi rất tò mò muốn biết và định hỏi ông Pécgôti cho ra đầu đuôi.

“Còn bé Emili” tôi nói, liếc nhìn cô bé “...Em ấy có phải là con gái ông không, ông Pécgôti?”

“Không cậu ạ. Anh rể tôi nà Tôm mới nà cha nó!”

Tôi không nhin được nữa. Sau khi im lặng kính cẩn một lần nữa, tôi lại hỏi gọi: “Ông ấy chết rồi à, có phải không ông Pécgôti?”

“Chết đuối” ông Pécgôti nói.

Tôi cảm thấy thật khó lòng tiếp tục câu chuyện nhưng vẫn chưa ra manh mối nên tôi phải hỏi cho kỳ được bất kỳ bằng cách nào. Vì thế tôi lại nói:

“Ông có con không ông Pécgôti?”

“Không cậu ạ, tôi độc thân” Ông Pécgôti cười bảo.

“Độc thân à?”... tôi sùng sốt hỏi “Thế ai đấy ông Pécgôti?” tôi trở vào cái bà mặc tạp dề đang ngồi đan.

“Đó là bà Gommít!” Ông Pécgôti bảo.

“Bà Gommit à, ông Pécgôti?”

Nhưng đến đây thì Pécgôti (tôi muốn nói là chị Pécgôti của tôi) ra hiệu ráo riết cho tôi bảo đừng hỏi thêm gì nữa, nên tôi đành ngồi nhìn cả nhà đang ngồi im lặng, cho đến giờ đi ngủ. Lúc đó, ở trong buồng riêng, chị bảo cho tôi biết rằng Ham và Emili là cháu trai và cháu gái mồ côi mà ông chủ nhà của tôi đã lần lượt mang về nuôi, từ khi còn bé không nơi nương tựa, còn bà Gommit là vợ goá

một người bạn chài đã chết trong tình cảnh rất nghèo túng. Chị Pécgôti bảo ông Pécgôti tuy nghèo, nhưng “lòng vàng dạ ngọc, thật như đếm” (đó là những ẩn dụ của chị). Chị bảo tôi biết điều duy nhất làm ông nổi khùng đến nổi cắt lời chửi rủa, chính lại là khi người ta nhắc đến lòng tốt của ông. Hễ ai nhắc đến lòng tốt của ông thì ông đấm mạnh tay phải xuống bàn (có một lần ông đã đấm toác cả bàn) và chửi một câu khủng khiếp, thề rằng ai mà còn nói đến nữa thì ông sẽ đi thẳng, nếu không sẽ bị trời “đi”. Khi tôi hỏi vặn thì hình như không ai có một khái niệm gì về nguồn gốc của động từ “đi” ấy, nhưng họ đều cho đó là một tiếng chửi rất là nặng nề.

Tôi rất cảm kích lòng tốt của ông chủ nhà, và trong khi người khoan khoái lại thêm buồn ngủ, tôi nghe tiếng chân đàn bà đang đi ngủ trong cái buồng giống buồng của tôi nhưng ở đầu bên kia tàu, và ông Pécgôti và anh Ham đang treo hai cái vông của họ vào những móc tôi đã thấy trên xà. Trong lúc thiêm thiếp ngủ, tôi nghe tiếng gió ù ù ngoài khơi và thổi trên bãi vắng hết sức dữ dội, làm tôi ngài ngại sợ rằng đang đêm nước sẽ dâng lên. Nhưng tôi tự nhủ dầu sao tôi cũng đang ở trong một cái tàu, và nếu xảy ra việc gì thì có một người như ông Pécgôti trên tàu cũng không phải là vô ích.

Nhưng đêm ấy cũng như sáng hôm sau vẫn bình yên vô sự. Ánh mặt trời vừa lấp lánh trên cái gương có khung vỏ hàu của tôi thì tôi đã dậy đi với bé Emili ra bờ biển nhặt đá và sỏi.

“Cậu là dân thủy thủ chính cống phải không?” tôi bảo Emili. Thực ra, tôi biết tôi không hề có ý nghĩ như

vậy, nhưng để tỏ ra lịch sự tôi phải nói điều gì chứ, và vì ngay lúc ấy một chiếc buồm trắng xóa gần chúng tôi phản chiếu trong mắt long lanh của cô bé làm thành một hình ảnh rất xinh đẹp, nên tôi nghĩ đến điều đó.

“Không đâu!... Minh sợ biển lắm”. Emili lắc đầu trả lời.

Tôi ra vẻ can đảm ngạo nghễ nhìn ra biển bảo:

“Sợ gì! Minh thì chẳng sợ gì đâu”.

“Ồ! Nhưng biển độc ác lắm” Emili nói “Minh đã thấy nó rất độc ác với một số người ở đây. Minh đã thấy nó đánh một chiếc thuyền to bằng ngôi nhà chúng ta tan ra từng mảnh”

“Chắc không phải là chiếc thuyền mà...”

“Cậu bảo cha mình chết đuối ở đó phải không ?” Emili nói.

“Không phải... Không phải chiếc thuyền ấy ... Minh không thấy chiếc ấy bao giờ”

“Cậu cũng không thấy cha à ? “

“Minh cũng chẳng nhớ nữa” Bé Emili lắc đầu.

Quả là một sự giống nhau tình cờ! Tôi liền kể cho cô bé biết rằng tôi cũng thế, tôi không được thấy cha tôi. Mẹ tôi và tôi đã sống một mình, trong cảnh hạnh phúc tuyệt trần, chúng tôi hiện nay còn sống như thế, và định sống thế mãi, tôi kể rằng một cha tôi ở nghĩa địa, gần nhà chúng tôi, dưới bóng mát của một cái cây, nhiều buổi sáng đẹp trời tôi đã đi dạo chơi dưới cây này, nghe chim hót. Nhưng tôi cảm thấy giữa cảnh côi cút của Emili và của tôi có điểm hơi khác nhau: Cô mồ côi mẹ trước khi mồ côi cha; và không ai biết mộ cha cô ở đâu cả, chỉ biết rằng nó

ở đâu đó dưới đáy biển sâu.

Trong khi đưa mắt tìm vỏ hào và đá sỏi, Emili nói: “Vả lại, cha cậu là ông sang trọng, mẹ cậu cũng là một bà sang trọng còn cha mình là một người đánh cá, và mẹ mình là con một người đánh cá, và cậu Đan⁽¹⁾ cũng là một người đánh cá!”

“Đan là ông Pécgôti, có phải không?” tôi hỏi.

“Cậu Đan ở đằng kia kìa” Emili đáp, hất hàm về phía chiếc tàu.

“Mình hiểu rồi. Cậu ấy phải rất tốt nhỉ?”

“Tốt lắm” Emili nói. “Nếu mình là một bà sang trọng mình sẽ biếu cậu một cái áo màu xanh da trời có cúc kim cương, một cái quần bằng lụa Trung Quốc, một cái áo khoác nhung đỏ, một cái mũ có hai góc, một chiếc đồng hồ vàng to tướng, một cái tàu thuốc bằng bạc, và một két đẩy tiền”.

Tôi bảo tôi tin chắc ông Pécgôti rất xứng đáng được nhận những của quý đó. Nhưng phải công nhận rằng tôi khó mà hình dung được ông thoải mái trong bộ đồ cô cháu gái nhỏ biết ơn định biếu ông, và đặc biệt tôi rất ngại về khoản chiếc mũ có hai góc ; nhưng tôi giữ kín những cảm nghĩ này.

Bé Emili đứng lại, ngược mắt nhìn lên bầu trời khi kể về các vật đó, tưởng chừng như đó là một hình ảnh huy hoàng.

Chúng tôi lại tiếp tục đi nhặt vỏ trai và đá sỏi.

“Cậu có thích trở thành một bà sang trọng không ?”

⁽¹⁾ Đan là tên tắt của ông Pécgôti, tên đầy đủ là Đanien Pécgôti.

Tôi hỏi.

Emili nhìn tôi cười, gật đầu :

“Thích lắm chứ!...Lúc đó chúng mình sẽ trở thành những người lịch sự: Minh này, và cậu mình này, và anh Ham, và Gommít. Khi trời giông bão, chúng mình không phải lo nữa... Minh nói là mình không phải lo cho mình nữa; còn cố nhiên mình vẫn lo cho những người đánh cá tội nghiệp... và chúng mình sẽ giúp tiền cho họ nếu họ gặp nạn...”

Tôi thấy đó là một cảnh tượng hết sức thích đáng và không phải không thể thực hiện được. Tôi tỏ ý thích ngắm nhìn cảnh tượng. Và bé Emili đánh bạo hỏi tôi một cách rụt rè :

“Thế bây giờ cậu có sợ biển không nào ?”

Lúc đó biển rất phẳng lặng làm tôi yên tâm nhưng tôi chắc là nếu có một ngọn sóng vừa vừa xô vào, thì tôi sẽ ba chân bốn cẳng bỏ chạy và kinh hoàng nhớ đến những người thân thích của cô bé đã chết đuối.

Nhưng tôi vẫn trả lời : “Mình không sợ...”, và nói thêm : “Cậu bảo sợ, nhưng cậu chẳng có vẻ sợ hãi gì cả”. Vì khi ấy chúng tôi hay dạo chơi trên bờ đê hay con chạch bằng gỗ và cô lại đi sát bờ nên tôi sợ cô bị ngã hụt ra ngoài.

“Thế này thì mình không sợ” Bé Emili nói. “Nhưng lúc có gió to thì mình thức dậy và run sợ, nghĩ đến cậu Đan và anh Ham, mình tưởng như nghe tiếng họ kêu cứu. Vì thế mình rất muốn trở thành một bà sang trọng... Nhưng đi thế này thì mình không sợ,... chẳng sợ tí nào : cậu xem này...”

Cô liền bỏ tôi, chạy dọc trên một phiến gỗ lồi ra ở chỗ chúng tôi đang đứng, lơ lửng một quãng cao trên vực nước và không có gì để bắt vút. Hình ảnh này in sâu vào kí ức tôi : Nếu tôi là một hoạ sĩ giỏi chắc hẳn bây giờ tôi cũng vẽ lại được cảnh đó giống y như hôm ấy, bé Emili đang vươn mình ra phía trước, vào cõi chết (tôi nghĩ thế) mắt đắm đắm nhìn ra ngoài khơi, với cái nhìn tôi không bao giờ quên được.

Bóng người mảnh dẻ, nhẹ nhàng, táo bạo, nhanh nhẹn ấy quay lại và bình yên trở về chỗ tôi đứng. Tôi bật buồn cười về chỗ tôi đã hoảng sợ và kêu to lên một tiếng (kêu thế chỉ vô ích vì gần đấy chẳng có ai). Sau này, khi đã lớn lên, tôi đã nhiều lần nghĩ thầm: phải chăng trong cái hành động đột ngột liễu lĩnh của tuổi thơ, trong cái nhìn dài dại, xa xăm của cô, đã có một cái gì huyền bí lôi cuốn cô một cách phũ phàng vào cảnh hiểm nguy? Phải chăng người cha cô đã chết xui cô làm thế để cho số phận cô có thể kết liễu trong ngày hôm ấy ? Sau này, có một lần tôi đã tự hỏi : Nếu lúc đó cuộc đời sau này của cô hiện ra trước mắt tôi và hiện ra rõ rệt để cho một đứa trẻ có thể hiểu nó toàn vẹn và nếu cuộc sống của cô phụ thuộc vào một cử động của tay tôi, thì tôi có nên giơ tay ra để cứu cô không? Sau này có một lần (việc này không phải kéo dài nhưng đã có một lần xảy ra), tôi đã đặt cho tôi câu hỏi sau đây : Nếu buổi sáng hôm ấy, đầu bé Emili đã chìm ngụp trong sóng nước trước mắt tôi thì như thế có phải tốt hơn đối với Emili không ? và tôi tự trả lời : phải đấy như thế còn hơn!

Nói điều này sợ quá sớm. Có lẽ tôi đã quá vội viết điều này ở đây, nhưng tôi đã trót viết mất rồi!

Chúng tôi đi tha thẩn đã xa, mang tất cả những cái gì thấy hay hay, và thả xuống biển cần thận mấy con sao biển bị dạt lên bờ (đến nay tôi vẫn chưa hiểu rõ về giống này, nên không biết nó nên biết ơn chúng tôi hay là ngược lại), sau đó chúng tôi trở về nhà ông Pécgôti. Chúng tôi dừng lại hôn nhau một cách ngây thơ, dưới mái hiên của khoang để tôm hùm, rồi mới bước vào nhà để ăn cơm, người trông hồng hào, hớn hờ. Ông Pécgôti bảo :

“Thật như hai “con mĩ” vậy!” tôi hiểu rằng theo tiếng địa phương nói như thế có nghĩa là giống như “hai con hoạ mĩ”, và tôi xem đó là một lời khen ngợi

Đĩ nhiên là tôi mê bé Emili. Tôi tin chắc rằng tôi đã yêu cô bé ấy cũng chân thành, tha thiết lại còn trong trắng vô tư hơn cả tình yêu đẹp nhất của đời tôi sau này, mặc dù nó rất cao thượng, thanh khiết. Tôi tin chắc là trí tưởng tượng của tôi đã dựng lên một cái gì cao quý xung quanh cô bé tí xiu có đôi mắt biếc ấy, làm cho cô thanh cao thành một đáng thiên thần. Nếu một sớm mai nắng vàng, cô bỗng mọc đôi cánh bay đi trước mắt tôi thì tôi cũng không cho đó là một điều quá kì lạ.

Chúng tôi thường cùng nhau đi dạo như một cặp tình nhân hàng giờ trên bãi cát vắng bằng phẳng, âm đạm, thân thuộc ở Yácmao. Ngày nhớn như trôi qua chúng tôi, hình như chính cả thời gian cũng không già đi mà cũng là một đứa trẻ con, lúc nào cũng nô đùa. Tôi bảo Emili rằng tôi yêu cô, tôi bảo nếu cô không nói rằng cô cũng yêu tôi thì tôi sẽ phải lấy kiếm tự tử. Cô bé trả lời rằng cô cũng yêu tôi và tôi tin chắc là thế.

Bé Emili và tôi chẳng bận tâm gì về vấn đề địa vị

chênh lệch, hay tuổi quá trẻ, hoặc một trở ngại gì khác trên đường đời của chúng tôi, vì đối với chúng tôi thì không có ngày mai. Chúng tôi cũng chẳng bận tâm nghĩ rằng mình sẽ già đi hay trẻ lại. Chúng tôi làm bà Gommít và chỉ Pécgôti trầm trồ. Buổi tối khi chúng tôi thân yêu ngồi sát cánh nhau trên cái hòm con của chúng tôi thì họ thường thì thào: "Trời ơi! Xinh quá là xinh!" Ông Pécgôti chỉ mỉm cười với chúng tôi miệng ngậm cái tẩu và anh Ham chẳng làm gì cả, cứ ngồi nhàn rỗi cười. Tôi chắc là họ cảm thấy vui vui khi nhìn chúng tôi, như nhìn một thứ đồ chơi đẹp hoặc cái mô hình đại hỷ viện nhỏ xíu của người La Mã.

Chẳng bao lâu tôi nhận thấy bà Gommít do hoàn cảnh phải sống nhờ nhà ông Pécgôti nên không phải vui vẻ như người ta tưởng. Bà hay phiền muộn và thỉnh thoảng lại hay than thở, làm cho người khác phải khó chịu, nhất là ở trong một cái nhà nhỏ bé như thế này. Tôi cũng rất lấy làm tiếc cho bà; nhưng có những lúc tôi nghĩ giá có một cái buồng kín riêng để rút lui vào cho đến khi bà trở lại vui vẻ thì có lẽ sẽ dễ chịu hơn.

Đôi khi ông Pécgôti la cà đến một tiệm rượu gọi là "Quán người hảo tâm". Tôi khám phá ra điều này khi ông bỏ đi một lúc và tối thứ hai hay thứ ba gì đó từ hôm tôi đến đây. Bà Gommít cứ ngược mắt nhìn cái đồng hồ Hà-lan, giữa khoảng tám hoặc chín giờ, phàn nàn rằng ông đã đến "đấy" rồi, và bà biết ngay từ buổi sáng là ông ta sẽ đến "đấy".

Bà Gommít buồn rĩ rượi suốt cả ngày, và buổi sáng bà đã khóc oà lúc bếp bắt đầu um khói. Mỗi khi xảy ra chuyện phiền hà này thì bà lại nói :

“Tôi là con người cô độc, khốn khổ - cái gì cũng làm khổ tôi”.

Chị Pécgôti (đây là chị Pécgôti của tôi) nói :

“Rồi thì anh ấy sẽ bỏ... Và lại bà nên biết là chúng tôi cũng khổ tâm về chuyện này”.

“Tôi còn khổ tâm hơn” Bà Gommít nói.

Ngày hôm ấy rất lạnh, với những cơn gió rét như cắt thịt. Cái góc giành riêng cho bà Gommít sát lò sưởi là nơi ấm nhất, dễ chịu nhất trong nhà, và chỗ ngồi của bà chắc hẳn là chỗ tốt nhất, thế nhưng hôm đó bà chẳng thấy vừa lòng chút nào. Bà cứ phàn nàn là rét, và rét đến nỗi lưng bà bị cái chứng mà bà gọi là “nổi gai ốc”. Cuối cùng bà lại nhỏ nước mắt về chuyện kia, và lại than thở rằng bà là “con người cô độc khốn khổ, cái gì cũng làm bà khổ...”

“Tất nhiên là rét lắm”, chị Pécgôti nói “nhưng ai cũng rét cả”.

“Tôi còn thấy rét hơn” Bà Gommít bảo.

Đến bữa ăn cũng thế; bà Gommít là người được lấy thức ăn ngay sau tôi (trước kia bà lấy đầu tiên, nhưng khi có tôi thì tôi lấy trước vì được coi là khách quý). Cá thì nhỏ và lắm xương, khoai tây thì hơi bị cháy. Tất cả chúng tôi đều công nhận rằng điều này làm chúng tôi thất vọng, nhưng bà bảo bà còn cảm thấy thế hơn chúng tôi, lại nhỏ nước mắt và lại nói câu này một cách rất chua chát.

Vì thế vào khoảng chín giờ, lúc ông Pécgôti về, thì bà Gommít bất hạnh đang ngồi đàn trong góc của mình có vẻ khổ sở và thảm hại lắm. Chị Pécgôti đang hăng hái khâu. Anh Ham đang vá một đôi ủng lội nước lớn; và tôi ngồi cạnh bé Emili đang đọc truyện cho họ nghe. Từ lúc

uống trà đến giờ, bà Gommít không nói lời nào nữa (trừ một tiếng thờ dài nã nuốt), và cũng không ngược nhìn đồng hồ nữa. Ông Pécgôti ngồi xuống bảo:

“Cả nhà thế nào? Vui vẻ chứ?”

Chúng tôi hoặc nói hoặc tỏ ra vẻ niềm nở với ông, trừ bà Gommít cứ ngồi đan mà lắc đầu.

“Có chuyện gì thế?”... Ông Pécgôti đập tay một cái, “thôi phần khởi nên nào mẹ già ơi!” (ông muốn nói là “Cô bạn già” đấy).

Nhưng bà Gommít chẳng có vẻ phần khởi lên chút nào. Bà rút chiếc khăn tay cũ bằng lụa đen ra lau mắt, rồi đáng lẽ bỏ vào túi thì bà lại cứ cầm ở tay, rồi lại lau mắt, rồi vẫn cầm ở tay để sắp sửa dùng nữa.

“Có chuyện gì không hay thế bà ơi?” ông Pécgôti hỏi.

“Chẳng có chuyện gì cả...” bà Gommít trả lời “Ông Đanien, ông vừa ở “Quán những người hảo tâm” về phải không?”

“Vâng” ông Pécgôti nói “Tối nay tôi vừa tạt qua “Quán người hảo tâm” một lát”.

“Tôi lấy làm tiếc là tôi đã bắt ông phải đến đây!” Bà Gommít nói.

Ông Pécgôti cười thật thà:

“Bất à! tôi chẳng cần ai bắt tôi đâu. Tôi thích đến đấy quá đi mất”.

“Thích... à? phải, phải ông... thích...” bà Gommít vừa lắc đầu vừa chùi mắt nói “Tôi tiếc là vì tôi mà ông phải thích đến đấy”.

“Vì bà à?... không phải vì bà đâu! Bà không nên

nghĩ thế” Ông Pécgôti nói.

“Phải, đúng thế đấy” Bà Gommít kêu “Tôi biết tôi là người thế nào rồi. Tôi biết tôi là con người cô độc, khổ, và không những cái gì cũng làm tôi khổ mà tôi còn làm người khác khổ nữa. Phải, phải, tôi khó tính hơn người khác và lại tỏ điều ấy ra ngoài nữa. Đó là điều bất hạnh của tôi”.

Ngồi nhìn cảnh mè nheo đó, tôi không khỏi nghĩ rằng không những đó là bất hạnh của bà Gommít mà còn là bất hạnh cho những người khác trong nhà nữa. Nhưng ông Pécgôti không đáp lại như vậy, ông chỉ khuyên bà Gommít lần nữa hãy phấn khởi lên.

“Tôi có muốn tôi như thế này đâu” Bà Gommít nói. “Tuyệt nhiên tôi không muốn thế. Tôi biết tôi như thế nào rồi. Nỗi phiền muộn của tôi làm khổ tôi. Tôi thấy phiền muộn và khổ tâm. Tôi muốn không nghĩ đến nữa, nhưng cứ phải nghĩ. Tôi muốn trở thành sắt đá, nhưng không được. Tôi làm khổ cả nhà. Tôi không ngạc nhiên về việc đó... Cả ngày tôi đã làm khổ cô em gái của ông, và cả cậu Đêvi nữa”.

Đến đây, tôi bỗng mỉm lòng, rất buồn bã kêu lên:

“Không đâu, bà Gommít! Bà không làm thế đâu”

“Tôi làm như thế thật là không phải” bà Gommít nói “Thật là một cách trả ơn không tốt. Thà tôi vào ở nhà tế bần rồi chết ở đó cho xong. Tôi là con người cô độc, khổ, và không nên đến đây để làm khổ mọi người. Nếu cái gì cũng làm tôi khổ, và chính tôi cũng làm tôi khổ, thì thà là tôi đến làm phiền nhà xứ còn hơn. Anh Đanien, tôi phải vào ở nhà tế bần mới được, và chết ở đó, không làm phiền

mọi người nữa!”.

Nói đến đây, bà Gommít bỏ vào đi ngủ. Khi bà đi rồi, ông Pécgôti vẫn không tỏ ra có ý gì khác mà chỉ thông cảm rất sâu sắc, đã quay nhìn tất cả chúng tôi một lượt, gật gật cái đầu về mặt ái ngại, nói thầm:

“Bà ấy nài nhớ đến ông già rồi!”

Tôi cũng không hiểu bà Gommít đã tưởng nhớ đến ông già nào mãi đến lúc đưa tôi đi ngủ chị Pécgôti mới giải thích cho tôi rằng đó là ông Gommít đã quá cố ; và hẳn gặp trường hợp thế này lúc nào anh ruột chị cũng cho là vì điều ấy và lấy làm ái ngại lắm. Một lúc sau, tôi nghe tiếng ông nhắc lại với anh Ham : “Tội nghiệp! Bà ấy nài nhớ đến ông già rồi”. Trong những ngày tôi còn ở đấy, mỗi lần bà Gommít than thở như thế (và không phải là ít), thì ông ta lại nói thế để làm cho không khí dịu lại, và lần nào cũng biểu lộ một sự thương cảm chân thành nhất.

Cứ như thế, nửa tháng trôi qua không có một việc gì thay đổi trừ sự thay đổi của thủy triều, nó làm thay đổi thời giờ đi về của ông Pécgôti và công việc của anh Ham. Khi anh rỗi, thỉnh thoảng anh đi chơi với chúng tôi, chỉ cho xem tàu nhỏ và tàu lớn, và một hai lần cho chúng tôi đi chơi thuyền. Tôi không hiểu tại sao có sự vật lại gây cho ta cả một mớ ấn tượng về một nơi nào đó, còn có những sự vật khác thì lại không thế; nhưng tôi tin là hiện tượng này thường xảy ra ở một số đông người, nhất là đối với những kỷ niệm thời thơ ấu. Đối với tôi, không bao giờ tôi nghe đến hoặc đọc đến tên Yácmao mà tôi không nhớ tới một sáng chủ nhật nọ trên bãi biển với tiếng chuông nhà thờ vang lên, bé Emili tựa trên vai tôi, anh Ham uể oải thả

những hòn sỏi rơi xuống nước, và xa xa ngoài khơi mặt trời vừa mới hiện lên qua lớp sương mù dày đặc làm chúng tôi thấy những con tàu chỉ còn là những cái bóng trên mặt biển.

Cuối cùng, ngày ra về đã đến. Tôi chịu đựng được sự chia tay ông Pécgôti và bà Gommít, nhưng việc từ biệt bé Emili làm tôi đứt cả ruột gan. Chúng tôi khoác tay nhau đi đến tận chỗ tiệm rượu là nơi bác xà ích đỗ xe, và dọc đường tôi hứa với cô bé sẽ viết thư cho cô (Sau này tôi đã giữ đúng lời hứa, viết thư chữ to hơn là những chữ người ta thường để trên tấm biển những nhà cho thuê). Lúc chia tay, chúng tôi vô cùng khổ sở, và trong đời nếu tôi đã có một lần trống trải trong lòng thì nhất định phải là ngày hôm ấy.

Thế là trong suốt thời gian đi chơi tôi đã bạc bẽo đối với ngôi nhà của chúng tôi và ít nhiều quên mất nó. Nhưng vừa lên đường trở về thì lương tâm non nớt của tôi bắt đầu trách móc tôi dường như đang nghiêm khắc giơ tay lên trở về nhà và còn tôi đang cảm thấy buồn bã vì tôi biết rằng đây mới là tổ ấm của tôi, và mẹ tôi mới là người an ủi tôi, người bạn thân thiết của tôi.

Càng đi cái cảm xúc ấy càng ăn sâu vào lòng tôi. Càng đến gần, khi những vật đi qua càng trở nên quen thuộc, tôi càng háo hức nghĩ đến lúc về tới nhà và chạy xô vào lòng mẹ tôi. Nhưng chị Pécgôti đáng lý phải chia xẻ nỗi vui mừng ấy với tôi, thì lại tìm cách đẹp bót đi (dù là một cách dịu dàng thôi) và có vẻ ngượng ngập, thấp thỏm.

Mặc dầu thế, cái "Ôlư" ở Blondxtôn cũng phải hiện ra, một khi con ngựa của bác xà ích đã vui lòng đi tới. Tôi nhớ rõ lắm đó là một buổi chiều xám, lạnh lẽo với bầu trời

u ám, sắp đổ mưa.

Cửa mở ra; và giờ cười giờ khóc, tôi mừng mừng tủi tủi đưa mắt tìm mẹ tôi. Nhưng không phải mẹ tôi mà là một người đầy tớ gái lạ mặt. Tôi hoảng hốt hỏi:

“Sao thế chị Pécgôti? Mẹ em chưa về nhà à?”

“Rồi, rồi, em Đêvi.à” Chị Pécgôti bảo “Mẹ về nhà rồi hượm một tí, em Đêvi, rồi chị nói với em một điều”.

Chị Pécgôti vừa rồi cả ruột, vừa bước xuống xe một cách vụng về trông thật là lúng ta lúng túng; nhưng bây giờ tôi đang lo lắng, hồi hoảng nên không còn tâm trí nào để báo cho chị biết điều đó. Khi xuống xong, chị cầm tay tôi giắt vào nhà bếp trong khi đôi đang ngơ ngác, và đóng cửa lại.

“Chị Pécgôti, có việc gì thế?” tôi kinh hãi quá hỏi.

“Lạy Chúa, không có việc gì đâu em Đêvi: hị Pécgôti nhắc lại.

“Phải ! Sao mẹ em không ra cửa đón, và sao chúng mình lại phải vào đây? chị Pécgôti ơ!” Tôi giàn giụa nước mắt và thấy như là sắp ngã. Chị Pécgôti ôm lấy tôi, kêu lên “Chúa phù hộ thằng bé quý hóa. Em sao thế? Nói đi nào, em !”

“Chị Pécgôti, mẹ em cũng chết à?... Mẹ em không chế chứ ?”

Chị Pécgôti kêu lớn “Không!” giọng găm lên; rồi ngồi phịch xuống, thở hổn hển và bảo rằng tôi đã làm cho chị bị xúc động quá.

Tôi liền ôm ghì lấy chị để chị hết xúc động, hay là để làm chị trấn tĩnh lại rồi cũng ngồi xuống trước mặt chị, nhìn chị một cách dò hỏi, lo lắng. Chị Pécgôti bảo:

“Này em, đáng lẽ chị phải nói cho em biết sớm hơn, nhưng chị chưa có dịp nào nói. Có lẽ là chị nên nói trước mới phải, nhưng chị cứ “vẫn” không làm sao nói được (trong ngôn ngữ láu táu của chị Pécgôti, từ xưa đến nay “vẫn” cứ thành tiếng “vẫn”)

Tôi càng thêm hoảng hốt:

“Chị Pécgôti, chị cứ nói đi”.

Chị Pécgôti, tay run tun tháo mũ, nói giọng hồi hộp:

“Em Đêvi, em có biết không: em có “cha” đấy!”

Tôi run bắn người lên, tái cả người. Hình như có một sự gì (tôi không biết như thế nào và ra làm sao) gợi đến chuyện nắm mồ trong nghĩa địa, và chuyện người chết sống lại, nó đập mạnh vào tôi như một cơn gió độc.

“Một ông cha mới” Chị Pécgôti bảo.

“Một ông cha mới à?” Tôi nhắc lại.

Chị Pécgôti thở rốc như đang phải nuốt một cái gì cứng lắm, rồi chìa tay ra bảo:

“Nào em vào chào dượng đi”.

“Em không muốn gặp ông ấy đâu”.

“... Và chào mẹ nữa chứ!” Chị Pécgôti bảo.

Tôi không lẩn tránh nữa và chúng tôi đi thẳng vào phòng khách lớn, ở đó chị để mặc tôi một mình. Mẹ tôi ngồi ở bên lò sưởi, bên kia là ông Mócxtôn ngồi. Mẹ tôi bỏ rơi đồ đang khâu xuống, vội vàng đứng dậy, nhưng tôi thấy có vẻ sợ sệt. Ông Mócxtôn bảo:

“Nào, em Clara nhớ đấy: phải tự chủ mình, lúc nào cũng phải tự chủ mình!... Đêvi con, mạnh khỏe chứ?”

Tôi giơ tay cho ông bắt. Sau một lúc ngáp ngừng, tôi đến hôn mẹ tôi; mẹ tôi hôn tôi, vỗ lên vai tôi một cách dịu

đang rồi lại ngồi xuống khâu. Tôi không thể nhìn vào mẹ tôi, cũng không thể nhìn ông ta, tôi biết chắc là ông ta đang nhìn hai chúng tôi; và tôi quay mặt về cửa sổ, nhìn ra ngoài, vào mấy cái cây con đang cúi rạp đầu trong gió lạnh.

Sau lúc lên được ra ngoài, tôi lên ngay lên gác. Cái buồng ngủ thân thiết trước kia của tôi đã bị thay đổi, và tôi phải ngủ ở cách xa đó. Tôi lại đi xuống tìm xem còn cái gì giống trước nữa không, vì mọi cái đều có vẻ đổi thay cả. Và tôi thần thờ bước ra sân. Nhưng tôi vội lùi ngay lại, vì trong cái chuồng chó trống rỗng trước kia đã có một con chó to xù (mồm thì sâu hoắm, và lông đen xì xì cũng như “ông ấy” vậy), nó giận dữ khi trông thấy tôi, và nhảy xổ ra để cắn.

Chương IV

TÔI BỊ GHÉT BỎ

Nếu căn buồng trong đó giường ngủ của tôi được dọn đến, là một vật có tri giác, có thể làm chứng, thì ngày nay tôi có thể lấy nó (không biết bây giờ có ai ngủ ở đó nhỉ ?) để làm chứng rằng lúc đó tôi mang theo lên gác tấm lòng nặng trĩu. Tôi lên gác, và suốt thời gian bước trên cầu thang tôi vẫn nghe tiếng chó sủa theo ở ngoài sân. Rồi chấp hai bàn tay bé nhỏ lại, tôi ngồi xuống, nhìn khắp căn buồng với cặp mắt ngơ ngác và lạ lùng - trong khi hình như căn buồng cũng nhìn tôi như thế - và nghĩ vợ nghĩ vẩn.

Tôi nghĩ đến những điều kỳ quặc nhất... đến hình dáng căn buồng, đến những lỗ nứt trên trần, đến giấy dán ở tường, đến chỗ rạn của những ô kính làm cho cảnh vật nhìn qua bị nhăn nhó, cong queo, đến chậu rửa mặt khắp khiêng trên cái giá chỉ có ba chân: nó có vẻ nhăn nhó làm tôi nhớ đến bà Gommit lúc bà ta tưởng nhớ đến "ông già". Tôi khóc mãi, nhưng ngoài cảm giác thấy mình lạnh lùng và buồn nản, tôi chắc tôi không hề nghĩ đến lý do tại sao khóc. Cuối cùng, trong lúc tuyệt vọng tôi bắt đầu nhận

thấy rằng tôi yêu bé Emili tha thiết, và người ta đã chia rẽ tôi, lôi tôi về đây, là nơi xem ra không ai cần tôi, hoặc chú ý đến tôi, dù là chỉ bằng nửa cô ta thôi. ý nghĩ đó làm thắc mắc khổ cực quá đến nỗi tôi nằm co ro vào một góc cái chân đấp chân mà khóc cho đến khi ngủ thiếp đi.

Một người nào đó lật đầu nóng rực của tôi ra và nói: “Em đây rồi” làm tôi thức dậy. Mẹ tôi và chị Pécgôti đã đến tìm tôi, và một trong hai người đã làm cái cử chỉ ấy.

“Đêvi, con sao thế?” Mẹ tôi hỏi.

Tôi lấy làm lạ rằng sao mẹ tôi lại hỏi thế được và trả lời “không sao cả”. Tôi còn nhớ là tôi đã quay mặt đi để giấu đôi môi run bần bật, chính nó đã trả lời mẹ tôi một cách chân thật hơn.

“Đêvi, Đêvi con” Mẹ tôi gọi.

Tôi dám chắc là lúc đó không lời nói nào của mẹ tôi làm tôi cảm động hơn bằng tiếng “con”. Tôi trùm chăn che những giọt nước mắt, và lấy tay đẩy mẹ tôi ra khi mẹ tôi định bế tôi lên. Mẹ tôi bảo:

“Đấy, công lao của chị đấy, chị Pécgôti, đồ ác nghiệt!

Không còn nghi ngờ gì nữa. Tôi lấy làm lạ sao chị lại không bị lương tâm cắn rứt vì đã xui bầy con tôi ghét bỏ tôi hay ghét bỏ bất kỳ người nào thân yêu của tôi. Chị định giở trò gì thế, chị Pécgôti?”

Chị Pécgôti tội nghiệp ngước mắt và giơ tay lên trời và chỉ trả lời bằng cách nhắc lại câu kinh mà tôi thường đọc sau bữa cơm tối:

“Cầu Chúa tha tội cho bà, bà Copôphin ạ, về những lời bà vừa nói xong và mong bà đừng bao giờ phải thành

tâm hối tiếc về lời nói đó”.

“Thế là đủ để làm tôi phát điên lên được”. Mẹ tôi kêu lên. “Vả lại, ngay vào tuần trăng mật của tôi nữa... trong khi mà kẻ thù độc ác nhất của tôi cũng còn có thể rủ lòng thương cho tôi được hưởng chút hạnh phúc và yên ổn về tinh thần... Đêvi, đồ độc ác !... Pécgôti đồ dã man ! Trời ơi !” Mẹ tôi vừa kêu vừa quay nhìn chúng tôi, hết người này đến người kia, vẻ giận dữ, bướng bỉnh : “Cuộc đời sao lại buồn chán thế này, trong khi người ta có quyền thấy nó sung sướng nhất!”.

Tôi cảm thấy một bàn tay sờ vào tôi, tôi nhận ra đó không phải tay mẹ tôi, cũng không phải tay chị Pécgôti, và tôi tụt xuống đứng ở cạnh giường. Đó là bàn tay ông Mócxtôn; ông nắm cánh tay tôi và nói:

“Gì thế em Clara?... Em quên rồi à ? Phải cứng rắn em ạ”.

“Em rất lấy làm tiếc, anh Etuốt ạ” mẹ tôi nói “Em cũng muốn cư xử cho đúng... nhưng mà em khổ quá !”

“Thế à ? Thật là một tin đáng buồn... Nhất là vừa mới lấy nhau được ít lâu!” Ông ta trả lời.

“Em nói là rất khó cho em vì bị làm phiền vào lúc này.” Mẹ tôi phụng phịu “và như thế là rất khổ... khổ quá, phải không anh ?”

Ông ta kéo mẹ tôi lại, nói thầm vào tai, và hôn mẹ tôi. Khi nhìn thấy đầu mẹ tôi ngả trên vai ông và tay mẹ tôi bám vào cổ ông... tôi biết ngay, cũng như là giờ đây tôi hiểu rằng ông ta có thể nhào nặn cái bản chất mềm yếu của mẹ tôi, theo hình dáng ông muốn, và nhất định ông sẽ làm được thế. Ông Mócxtôn bảo:

“Em ạ, em xuống nhà đi. Đêvi và anh sẽ cùng xuống”.

Sau khi nhìn mẹ tôi đi xuống và gật đầu, mỉm cười, ông sa sầm nét mặt quay lại về phía chị Pécgôti.

“Này chị kia, chị biết tên bà chủ chị chứ?”

“Thưa ông, tôi ở với vợ ấy từ lâu” Chị Pécgôti đáp “Tất nhiên là tôi phải biết tên vợ ấy”.

“Đúng thế” ông ta bảo “... Nhưng khi tôi lên gác, hình như tôi nghe chị gọi bà ấy bằng một cái tên không phải là tên của bà ấy... Bà ấy đã lấy tên của tôi rồi kia mà, chị biết chứ! chị nhớ không?”

Sau khi nhìn tôi vài lần một cách lo lắng chị Pécgôti cúi chào đi ra không đáp, tôi có cảm tưởng rằng người ta yêu cầu chị đi ra và chị không còn lý do gì để ở lại nữa. Lúc chỉ còn lại hai chúng tôi, ông đóng cửa lại và ngồi xuống ghế, giữ tôi trước mặt và nhìn thẳng vào mặt tôi. Tôi cảm thấy mắt tôi cũng nhìn vào mắt ông, xoải thẳng chẳng kém. Bây giờ khi nhớ lại thái độ đối địch, mặt nhìn mặt, của chúng tôi như vậy, hình như tôi vẫn còn thấy tim tôi đập thình thịch. Ông mím chặt đôi môi thành mỏng dính và bảo.

“Đêvi, nếu tao phải trị một con ngựa hay con chó ương bướng thì mày có biết tao sẽ làm gì không?”

“Con không biết”.

“Tao quật”.

Tôi đã trả lời ông ta bằng một giọng thì thảo hỗn hển, nhưng khi đứng yên lặng tôi cảm thấy hơi thở còn ngắn hơn nữa.

“Tao trị cho nó phải chùn lại, phải đau đớn. Tao tự

bảo: “Phải trị bằng được thằng này”. Và nếu có phải tuốt xác nó, tao cũng làm cho kỳ được... Cái gì trên mặt mày kia?”

“Dạ, bẩm đây ạ”, tôi nói.

Ông cũn biết như tôi rằng đó là ngón nước mắt. Nhưng giả dụ như ông có hỏi tôi đến hai mươi lần, và mỗi lần đánh tôi hai mươi roi, tôi cũng tin là thà cái thân thể nhỏ bé bị tan xương nát thịt, chứ không đời nào tôi chịu nói thật.

“Mày mới ranh con mà đã láu lăm”. Ông nói với nụ cười nghiêm khắc đặc biệt của ông, “và tao thấy mày cũng hiểu tao rồi đấy... thôi, cậu rửa mặt cho tôi nhờ, rồi xuống với tôi”.

Ông trở vào cái chậu mà tôi đã nói là tựa tựa bà Gommít, và hát hàm ra hiệu cho phải tuân lệnh ngay. Tôi tin chắc và đến bây giờ tôi cũng tin chắc như vậy, là nếu tôi chân chừ thì ông ta sẽ đâm tôi gục xuống đất, không chút hối hận.

Khi tôi đã thi hành mệnh lệnh của ông, ông dắt tôi vào phòng khách, bàn tay vẫn đặt trên cánh tay tôi và nói:

“Em Clara ạ, anh mong rằng em sẽ không bị phiền lòng nữa. Chúng ta sẽ sửa chữa ngay tính ông ọ của thành này”.

Lạy Chúa! Lúc đó chỉ cần nói một lời âu yếm là có thể làm cho tôi sửa đổi tính nết suốt đời và có lẽ sẽ biến tôi suốt đời thành một con người khác hẳn. Một lời khuyến khích và giải thích cho tôi, thông cảm với sự đại dốt trẻ con của tôi, chào hỏi tôi về nhà, làm cho tôi thấy đây là gia đình, có lẽ sẽ làm tôi vui lòng phục tùng ông chứ không

phải là thù ghét ông. Hình như mẹ tôi lấy làm buồn phiền khi thấy tôi như thế, sợ sệt, ngổ ngàng, đứng ở trong phòng, và khi tôi len lén tìm ghế ngồi thì mẹ tôi lại nhìn theo với cặp mắt còn rầu rĩ hơn, có lẽ vì tiếc rằng tôi không còn cái dáng đi tự do thoải mái của đứa trẻ. Nhưng cái lời âu yếm kia vẫn không được nói ra, và cái lúc để nói lên lời nói đó đã qua đi mất.

Ba chúng tôi cùng ngồi ăn cơm trưa. Ông ta tỏ vẻ rất say mê mẹ tôi (tôi sợ rằng dù có như thế tôi cũng không yêu ông ta hơn), và mẹ tôi cũng rất say mê ông ta. Qua câu chuyện giữa hai người, tôi hiểu được rằng một bà chị ông ta sẽ đến đây cũng vào chiều này thì sẽ tới. Tôi cũng không nhớ rõ lúc ấy hay là mãi sau này, tôi mới biết rằng ông không thực tế tham gia công việc kinh doanh nào, nhưng vẫn có dự phần và hàng năm vẫn được chia lãi với một hãng buôn rượu nho ở Luân-đôn mà gia đình ông ta vẫn có liên hệ từ bốn đời nay, và bà chị ông ta cũng được chia phần lãi như thế. Biết được việc đó vào lúc nào, vấn đề này không có gì là quan trọng cả vì tôi vẫn có thể ghi lại việc đó ở đây hoặc không ghi lại.

Sau bữa ăn chiều, khi chúng tôi ngồi cạnh lò sưởi và tôi đang nghĩ cách len ra ra chơi với chị Pécgôti nhưng chưa dám chuẩn đi vì sợ làm phật ý ông chủ thì bỗng một chiếc xe ngựa đỗ ở cổng vườn. Ông đi ra đón khách, mẹ tôi đi theo sau. Tôi rụt rè đi theo mẹ tôi, chột đến chỗ tối ở cửa phòng khách mẹ tôi quay lại, ôm lấy tôi như ngày xưa mẹ tôi vẫn làm và thậm chí dặn tôi nên yêu mến và vâng lời người cha mới. Mẹ tôi làm việc ấy vội vàng, lén lút như đó là một điều sai trái, nhưng làm âu yếm vô cùng. Rồi

đưa bàn tay về phía sau, mẹ tôi nắm lấy bàn tay tôi dắt đi, cho đến khi ra ngoài vườn đến chỗ ông ta đang đứng. Lúc đó mẹ tôi buông tay tôi ra và khoác tay ông.

Cô Moxtôn đã đến, người trông vẻ lấm lì. Cô giống ông em như đúc, từ màu tóc nâu đến nét mặt, giọng nói. Cô có đôi lông mày rất rậm gần như là liền nhau trên cái mũi to tương đương như là để bù cho cái nhược điểm không có ria mép cầu giới phụ nữ, cô đã phải có kiểu lông mày đó để thay cho ria mép. Cô đem theo hai cái hòm đen cứng nhăng nhắc, trên nắp có những đinh đồng đóng theo hình những chữ đầu của tên họ cô. Khi cô giả tiến xe, cô rút tiền ra ở một cái túi cứng làm bằng thép mà cô giam giữ trong một chiếc túi đeo ở tay cô bằng một dây xích nặng, và khi đóng vào thì nó sập lại như độp một cái. Hồi đó tôi chưa từng thấy một người đàn bà nào “đanh thép” từ đầu đến chân như cái cô Moxtôn này.

Cô được kính cẩn đưa vào phòng khách với những lời chào niềm nở, và ở đó cô đã chính thức chào hỏi mẹ tôi như là một người thân thích mới vào gần. Đoạn cô nhìn tôi hỏi:

“Con trai của mợ đây phải không?” Mẹ tôi thưa “Phải”. Cô bảo:

“Nói chung, thì tôi chẳng tra con gái !... Chào chú, chú mạnh giỏi chứ?”

Trong cái hoàn cảnh phẩn khởi như thế, tôi đã phải thưa lại rằng tôi vẫn được mạnh khỏe và cũng xin chúc cô được mạnh khỏe, nhưng tôi nói một cách uể oải làm cô phải buông ra hai tiếng:

“Mất dạy!”

Sau khi đã dần giọng nói câu này rõ từng tiếng một cô xin phép được đưa về buồng của mình. Buồng này từ đây là chốn tôi vô cùng khiếp sợ ở đó người ta thấy hai cái hòm đen lúc nào cũng khoá chặt, và không bao giờ để ngỏ. Và ở đó (một vài lần, khi cô ra ngoài, tôi có nhìn trộm vào) có rất nhiều những giây xích và đinh nho nhỏ mà cô dùng để trang điểm những khi phải ăn mặc chỉnh tề, nó thường được treo ở trên gương soi làm thành một dãy trông đến khiếp.

Theo như tôi hiểu thì cô đến đây để ở hẳn và không định đi đâu nữa. Sáng hôm sau, cô bắt đầu “giúp đỡ mẹ tôi”, suốt ngày ra ra vào vào buồng kho chứa thức ăn, sắp sập dặt dặt, kê dọn tất cả lại. Điều đầu tiên mà tôi nhận thấy gần như là đặc biệt ở cô Mécxtôn là luôn luôn cô băn khoăn nghi ngờ không biết bọn đầy tớ gái có giấu một anh nhân tình ở chỗ nào đó trong nhà không. Bị tư tưởng này ám ảnh cô hay đột nhập vào hầm chứa than vào những giờ bất ngờ nhất, và khi mở một cái tủ tối mò nào đó ra thì cô liền sập ngay cánh tủ vào với ý định tóm anh chàng đó. Mặc dầu người cô Mécxtôn chẳng có tí gì là nhẹ nhõm, nhưng về cái khoản dậy sớm thì cô đúng là một con sơn ca. Cô thức dậy trước khi bất cứ người nào trong nhà cựa quậy) và tôi vẫn tin là cô dậy sớm để lòng cái anh chàng đó) chị Pécgôti đã có ý kiến là cô ngủ chỉ nhắm có một mắt thôi. Nhưng tôi không đồng ý với điểm ấy, vì sau khi nghe nói thế, tôi đã thí nghiệm thử nhưng không thể nào ngủ theo lối ấy được.

Ngay buổi sáng đầu tiên sau khi cô đến, cô đã dậy và rung chuông từ lúc gà gáy. Khi mẹ tôi xuống để ăn điểm

tâm và đang sắp pha trà, thì cô Mọcxtôn nhón mỏ chịn vào má mẹ tôi (đối với cô ta như thế là hôn đấy) và nói:

“Này mợ Clara, mợ cũng biết là chị đến đây để đỡ dần cho mợ khỏi làm mọi việc phiền toái. Mợ xinh đẹp quá và cũng vô tâm quá (mẹ tôi đỏ mặt lên nhưng vẫn cười và có vẻ thích thú về đặc điểm này), nên không thể ép mợ làm những việc mà chị có thể làm hộ được. Mợ ạ, nếu mợ vui lòng giao cho chị các chìa khóa của mợ thì từ nay chị sẽ coi sóc tất cả những việc này giúp mợ”.

Từ lúc đó trở đi, cô Mọcxtôn ngày thì “giam chặt” những chìa khóa trong bị, đêm thì đem nhét dưới gối, và mẹ tôi cũng như tôi không còn được đụng chạm đến nó nữa.

Mẹ tôi không phải chịu mất quyền hành mà không hề phản đối. Một tối, sau khi cô Mọcxtôn đã trình bày với ông em về một việc sửa sang trong nhà và ông em tỏ vẻ đồng ý, thì bỗng mẹ tôi òa lên khóc, nói rằng đáng lẽ phải hỏi ý kiến của mình nữa.

Ông Mọcxtôn nghiêm sắc mặt:

“Clara! Clara! Anh rất ngạc nhiên về em đấy!”

“Phải, cứ việc bảo là ngạc nhiên đi, anh Etuốt ạ!” Mẹ tôi kêu “Và cứ việc khuyên người khác là phải “cứng rắn” đi, nhưng giá anh ở vào hoàn cảnh ấy thì anh lại không muốn thế”.

Tôi có thể nhận xét rằng tính “cứng rắn” là phẩm chất vĩ đại của cả thái độ ông Mọcxtôn lẫn thái độ cô Mọcxtôn. Nhưng thời bấy giờ nếu có ai hỏi tôi hiểu chữ “cứng rắn” là như thế nào, thì tôi đã hiểu rất rõ theo lối của tôi và tôi có thể nói rằng đó là một danh từ thay cho chữ

chuyên chế, cho cái tính lăm lì, vênh váo, quý quyết của cả hai con người ấy. Cái giáo điều của họ, như hiện nay tôi đã xác định được, là như sau: Ông Mœxtôn “cứng rắn” đấy nhưng trong nhà không ai được quyền “cứng rắn” như ông, ngoài ông ra không ai ở trong nhà được quyền “cứng rắn” cả, vì mọi người đều phải cúi đầu trước sự “cứng rắn” của ông ta. Cô Mœxtôn thì lại khác. Cô phải tỏ ra “cứng rắn” để xứng đáng với ông em, nhưng “cứng rắn” với một mức độ thấp hơn và phụ thuộc thôi. Mẹ tôi thì lại khác nữa. Mẹ tôi có quyền và có nhiệm vụ phải “cứng rắn”, nhưng chỉ “cứng rắn” trong việc chịu đựng sự “cứng rắn” của hai người kia và tin tưởng chắc chắn là trên đời này không còn sự “cứng rắn” nào khác ngoài sự “cứng rắn” của họ.

“Thật khổ tâm là trong nhà riêng của em”. Mẹ tôi nói.

“Nhà riêng của em ?” Ông Mœxtôn nhại lại “Clara, em nói thế à ?”

“Em muốn nói là nhà riêng “nhà riêng của chúng ta đấy” mẹ tôi sợ hãi lộ ra nét mặt, ấp úng. “Anh Etuôt ạ, em mong rằng anh phải hiểu ý em định nói chứ... Thật khổ tâm là trong nhà riêng của anh mà em không được lời nào góp ý kiến vào những công việc nhà, em tin chắc là trước khi chúng ta lấy nhau em vẫn trông nom việc nhà chu đáo. Có chứng cứ đấy (mẹ tôi nức nở nói): Cứ hỏi chị Pécgôti mà xem khi không ai can thiệp vào công việc của em, em có làm công việc nhà được tốt không nào !”

“Etuôt, xin chấm dứt cái trò này đi thôi”. Cô Mœxtôn bảo “Ngày mai, tôi sẽ đi”.

“Chị Jan Mọcxtôn” Ông em nói “chị có im ngay không! Tại sao chị lại nói như thế là chị chưa hề hiểu tính nết tôi ra sao cả?”

Mẹ tôi bị lép vế thảm hại, sứt sùi nói tiếp:

“Tôi cam đoan là tôi không muốn ai bỏ đi. Nếu có ai phải đi khỏi đây thì tôi sẽ lấy làm khổ sở, buồn phiền lắm. Tôi có đòi hỏi nhiều nhận gì cho cam. Tôi không phải là không biết điều đâu. Tôi chỉ muốn thỉnh thoảng người ta hỏi ý kiến tôi một tí. Tôi rất cảm ơn người ta đã đến đỡ đần cho tôi, nhưng tôi chỉ yêu cầu thỉnh thoảng cũng nên hỏi ý kiến tôi, dù chỉ một cách hình thức thôi. Anh Etuôt, em thấy rằng ngày xưa anh yêu em vì cái tính ngờ ngếch và trẻ con của em (Em chắc thế vì anh nói thế). Nhưng bây giờ hình như anh lại ghét em vì cái tính ấy, anh nghiêm khắc quá”.

“Etuôt” Cô Mọcxtôn lại nói “Xin chấm dứt cái trò này đi thôi. Ngày mai, tôi đi khỏi đây”.

“Chị có im ngay không?” Ông Mọcxtôn găm lên. “Sao chị lại dám nói thế?”

Cô Mọcxtôn rút tuột cái khăn tay ra khỏi túi như người ta giải phóng cho một tù nhân và đưa lên mắt. Ông Mọcxtôn nhìn mẹ tôi nói tiếp:

“Clara, em làm anh ngạc nhiên, em làm anh kinh ngạc! Phải, trước đây anh thích thú khi nghĩ rằng mình lấy một người đàn bà ngây thơ, non trẻ về, rồi sẽ uốn nắn cho cô ta có một phần cái tính “cứng rắn”, “cương nghị”, cần thiết. Nhưng khi mà chị Jan Mọcxtôn đã có nhã ý đến giúp anh trong việc ấy, và vì anh, chị ấy đã đảm nhận một công việc gần như là của một mụ quản gia. Khi mà chị ấy đã bị

đối xử đến thế, thì...”

“Anh Etuốt, em xin anh, em xin anh !” Mẹ tôi kêu lên “Đừng buộc tội em là vô ơn. Em dám chắc không phải là con người vô ơn đâu. Trước đây, không hề ai đổ tội ấy cho em cả. Em có nhiều tật xấu, nhưng không có tật ấy. Em van anh, anh Etuốt yêu quý !”

Ông ta đợi cho mẹ tôi im lặng, lại tiếp tục:

“Khi mà chị Jan Mọcxtôn bị đối xử tệ đến thế, thì chính tình cảm của anh cũng nguội lạnh đi và thay đổi”.

“Đừng nói thế, anh của em” Mẹ em van lớn rất thảm hại “Anh Etuốt, anh đừng nói thế ! Nghe anh nói thế thì em khổ tâm lắm. Dù em có khuyết điểm nào nữa, em vẫn là một người dịu hiền. Em biết là em như thế. Nếu em không chắc chắn em là một người dịu hiền, thì em đã không nói ra. Anh thử hỏi chị Pécgôti xem. Em tin chị ấy cũng sẽ nói với anh rằng em là con người dịu hiền”

“Anh không bao giờ tr ra mềm yếu đâu, bất cứ là ở mức độ nào” Ông Mọcxtôn nói “Đừng nói nữa mà tổn hơi”

“Thôi, chúng ta làm lành với nhau đi” mẹ tôi nói “Em không thể sống trong không khí lạnh nhạt và ghét bỏ được. Em rất hối hận. Em biết là em có nhiều tính xấu; và anh Etuốt, anh thật là một người tốt đã cố gắng đem hết lòng cương nghị của anh ra để sửa chữa cho em... Chị Jan, tôi không phản đối việc gì cả đâu. Nếu chị định bỏ ra đi thì tôi sẽ buồn khổ lắm”. Mẹ tôi xúc động nghẹn lời không nói tiếp được nữa.

“Chị Jan Mọcxtôn”, Ông Mọcxtôn nói với chị “tôi thấy là chúng ta rất ít khi to tiếng với nhau. Cho nên việc bất thường xảy ra tối nay không phải là do lỗi tại tôi. Tôi

đã bị người khác lôi kéo vào. Cũng không phải do lỗi tại chị. Chị cũng đã bị người khác lôi kéo vào. Vậy chúng ta hãy bỏ qua chuyện này đi !”.

Sau những lời cao thượng đó, ông nói thêm:

“Và cái cảnh cãi cọ này thật là không tốt cho thằng bé... Đevit đi ngủ đi”.

Thấy mẹ tôi đau khổ, tôi cũng rất buồn phiền, nước mắt giàn giụa làm tôi tìm mãi không thấy cửa, nhưng rồi tôi cũng lần mò đi ra được và lần mò trong bóng tối đi lên buồng ngủ của tôi ở trên gác, không còn tâm trí nào đến gặp chị Pécgôti để chúc chị ngủ ngon hay mượn chị cây nến. Độ một giờ sau, khi chị lên tìm tôi và làm tôi thức dậy, chị cho tôi biết rằng mẹ tôi đã vào giường nằm, trông rất thảm hại, và hai chị em ông Mọcxtôn vẫn còn ngồi lại với nhau.

Sáng hôm sau, tôi xuống nhà, sớm hơn mọi khi và dừng lại ngoài cửa phòng khách khi nghe tiếng mẹ tôi. Mẹ ôi đang thành khẩn, thiết tha van xin cô Mọcxtôn, và cô đã tha lỗi cho mẹ tôi, thế là mọi người đã làm lành hẳn với nhau. Từ đấy trở đi, bao giờ, tôi cũng thấy rằng trong bất cứ vấn đề gì mẹ tôi cũng thỉnh thị cô Mọcxtôn thế nào đã, rồi mới góp ý kiến của mình; bao giờ tôi cũng thấy rằng mỗi khi cô Mọcxtôn giận dữ (đấy là nhược điểm của cô), cô với tay lấy cái bị, làm ra vẻ tìm chìa khóa để giả lại cho mẹ tôi, thì mẹ tôi lại vô cùng hoảng sợ.

Cái màu sắc ảm đạm trong giọng máu của anh em Mọcxtôn cũng làm cho tôn giáo của họ tối sẫm lại và trở thành khác khổ, dữ dội. Từ đấy, tôi vẫn cho rằng tính chất này là hậu quả tất yếu của tính “cứng rắn” của ông Mọcxtôn, tính cứng rắn này làm cho ông không để cho ai

thoát khỏi những hình phạt khắc nghiệt đến tột độ, hề ông có được một lý do nhỏ nhất nhất để làm. Đến nay dù sao đi nữa, tôi vẫn nhớ rõ rằng chúng tôi đi lễ nhà thờ với những bộ mặt dễ sợ, và quang cảnh nhà thờ cũng thay đổi hẳn. Ngày chủ nhật hải hùng kia lại cứ đến, và tôi len lén đi trước, đến cái ghế dài xưa của chúng tôi, như một tội nhân bị áp giải đến tòa án. Cô Moxtôn cứ đi sát theo sau tôi, mặc áo nhung đen dài trông như là bằng vải tang đen, rồi đến mẹ tôi; rồi đến người chồng của mẹ tôi. Bây giờ không có chị Pécgôti đi lễ như ngày xưa nữa. Tôi cứ nghe thấy tiếng cô Moxtôn ê-a đọc những câu trả lời, nhấn giọng vào những tiếng ghê gớm với một vẻ thích thú tàn ác. Mỗi khi cô đọc đến tiếng "... những kẻ có tội đáng thương" tôi cứ thấy mắt cô đảo nhìn khắp nhà thờ y như cô đang mắng chửi tất cả những người đi lễ. Tôi cứ thỉnh thoảng liếc thấy mẹ tôi đang mấp máy đôi môi, bên lên ở giữa hai người, mỗi bên tai có một người đang lẩm rầm khấn khứa như những tiếng sấm âm ỉ vậy. Tôi bỗng dưng giật mình tự hỏi không biết có phải vị mục sư già đáng kính của chúng tôi có thể sai nhầm chẳng và hai chị em ông Moxtôn là đúng chẳng, và thiên thần có lẽ toàn là những vị thần phá hoại cả chẳng. Mỗi khi một ngón tay tôi hay một thứ thịt trên mặt tôi đụng đây là tôi cứ bị ngay cô Moxtôn cầm quyển kinh thích vào lưng làm tôi đau nhói.

Vâng, cứ mỗi khi chúng tôi ở nhà thờ đi về, là tôi thấy vài người hàng xóm nhìn mẹ tôi rồi nhìn tôi và thì thầm với nhau. Trong khi ba người khoác tay nhau đi trước, tôi thì lê gót theo sau, tôi nhìn theo cặp mắt của vài người hàng xóm và cứ tự hỏi không biết có phải bước chân

mẹ tôi không còn nhẹ nhàng như trước nữa không, và mẹ tôi vì phiền muộn nên đã mất cái vẻ đẹp vui tươi rồi không. Tôi cứ tự hỏi không biết có ai trong số những người hàng xóm đó, cũng như tôi còn nhớ cảnh mẹ tôi ngày xưa ở nhà thờ về nhà không ?

Và suốt cái ngày âm đạm, thê lương đó, tôi cứ lẩn quẩn với những câu hỏi như vậy.

Thỉnh thoảng người ta đã có ý kiến gửi tôi đi trọ học. Hai chị em ông Mọcxtôn đã đưa ra ý kiến đó và cố nhiên là mẹ tôi đồng ý với họ. Nhưng họ vẫn chưa quyết định gì cả. Trong khi chờ đợi tôi vẫn học ở nhà.

Tôi làm sao quên những buổi học đó! Về danh nghĩa thì những buổi đó là do mẹ tôi điều khiển, nhưng thực tế thì chính là hai chị em ông Mọcxtôn. Họ bao giờ cũng có mặt và họ xem đây là những dịp thuận tiện để tập cho mẹ tôi cái mà họ gọi là tính “cứng rắn”, nhưng thực ra đó là cái tai họa cho cuộc đời của hai mẹ con tôi. Tôi tin là họ đã giữ tôi ở nhà nhằm mục đích ấy. Khi xưa lúc chỉ có mẹ tôi và tôi, tôi đã tỏ ra có khiếu và thích học tập. Tôi còn nhớ mang máng là tôi ngồi trên lòng mẹ tôi để học những chữ cái. Ngay đến nay khi tôi ngắm những chữ đen đậm nét trong quyển sách vỡ lòng thì hình chữ mới khó nhận và cái điệu dễ quen của những chữ O những chữ Q và những chữ S như hiện ra trước mắt tôi như ngày xưa vậy. Và chúng tôi không làm tôi ngại ngùng, sợ sệt chút nào. Trái lại, tôi có cảm tưởng đang đi trên một con đường đầy hoa tới chuyện cá sấu, và suốt dọc đường tôi được mẹ tôi dịu dàng khuyến khích, vuốt ve. Nhưng, còn những buổi học trình trọng về sau thì tôi tưởng như là một đòn thí mạng

phá tan sự êm ả của tôi, một cảnh khổ sai mệt nhọc diễn ra hàng ngày làm thành một tai hoạ. Những bài học vừa kéo dài, vừa nhiều, vừa căng thẳng (nhiều bài đối với tôi thật là không thể hiểu được) và nói chung làm cho tôi hoang mang và tôi tin là làm cả người mẹ tội nghiệp của tôi cũng hoang mang.

Để tôi nhớ lại việc học thường ngày ra sao nào, và gọi lại cảnh buổi học sáng xem.

Sau khi ăn điểm tâm, tôi mang sách vở và bảng đá vào phòng khách nhỏ. Mẹ tôi ngồi sẵn sàng ở bàn viết chờ tôi, nhưng không sẵn sàng bằng ông Mọcxtôn đang ngồi trong ghế bành cạnh cửa sổ (mặc dầu ông già vờ đọc một cuốn sách) hay bằng cô Mọcxtôn ngồi cạnh mẹ tôi, đang khâu chuỗi hạt đeo làm bằng sắt. Chỉ nhìn thấy hai người đó là tôi đã luống cuống đến nỗi những chữ mà tôi khổ công mới nhét được vào đầu bỗng nhiên đi đâu mất cả nhỉ ?

Tôi đưa quyển sách lần đầu tiên cho mẹ tôi. Có thể là quyển ngữ pháp, có thể là quyển sử ký hay địa lý gì đó. Tôi tuyệt vọng liếc một lần cuối cùng vào trang sách trong khi trao sách cho mẹ tôi. Rồi lớn tiếng tuôn ra hàng tràng, đọc như chạy, trong khi trí nhớ còn đang minh mẫn. Tôi bỏ mất một chữ. Ông Mọcxtôn ngược mắt lên nhìn. Tôi lại bỏ mất một chữ nữa. Cô Mọcxtôn ngược mắt lên nhìn. Tôi đỏ mặt ấp úng sáu, bảy chữ gì đó rồi tắc lại. Tôi tin rằng nếu có đủ can đảm, mẹ tôi sẽ giơ sách ra cho tôi nhìn, nhưng mẹ tôi không dám, nói se se:

“Ồ! Đêvit con, Đêvit!” “Clara!” ông Mọcxtôn bảo “Phải cứng rắn” với thằng bé chứ ! Đừng có nói “ồ ! Đêvit con, Đêvit !” như thế là tré con. Phải hỏi nó có thuộc bài

hay không ?”

“Nó ...không thuộc bài” Cô Mọcxtôn nói xen, giọng dễ sợ.

“Em cũng sợ rằng nó chưa thuộc bài” mẹ tôi nói.

“VẬY thì mợ Clara phải đưa lại quyển sách cho nó và bắt nó phải học cho thuộc chứ !” Cô Mọcxtôn đáp lại.

“Vâng, đúng thế”. Mẹ tôi nói “Em cũng định làm thế đấy, chị Jan ạ... Nào, Đêvit, bây giờ con cố học lại lần nữa; và đừng lảm cẩn nữa nhé !”

Tôi tuân theo điều khoản thứ nhất của mẹ tôi, và cố học lại một lần nữa, nhưng về điều khoản thứ hai thì tôi không đạt được vì tôi vấp cú rất lắm cảm. Tôi đọc vấp vấp trước khi đến đoạn mà trước kia tôi thuộc. Chỗ trước kia đọc trơn tru thì tôi phải ngừng lại để nghĩ. Nhưng tôi lại không thể nghĩ đến bài học. Tôi cứ nghĩ về chuyện cái mũ của cô Mọcxtôn đội khôngg biết phải mất bao nhiêu thước lưới, cái áo khoác ông Mọcxtôn mặc trong nhà không biết giá bao nhiêu và về những chuyện như thế không dính dáng gì đến tôi mà tôi cũng không muốn dấy vào đó làm gì. Ông Mọcxtôn cựa quậy tỏ ra sốt ruột, điều mà tôi đã chờ đợi từ lâu rồi. Cô Mọcxtôn cũng làm thế. Mẹ tôi len lén nhìn họ, gấp sách lại đặt xuống bên cạnh như đó là một món nợ chịu để thanh toán sau khi tôi đã làm xong những công việc khác.

Chẳng mấy chốc đã có một chồng những món chịu: nó cứ to dần lên mãi như một khối tuyết đang lăn. Nó càng to lên, tôi càng thêm lảm cẩn. Tình hình quả là tuyệt vọng, và tôi cảm thấy như đang thụt sâu xuống một cái hố ngu muội, đến nỗi tôi chẳng còn thiết vươn lên để thoát ra nữa

mà cứ phó mặc mình cho số phận thôi. Tôi cứ vấp hết hố này đến hố khác trong khi đó mẹ tôi và tôi tuyệt vọng đưa mắt nhìn nhau trông đến tội nghiệp.

Nhưng việc đáng sợ nhất của những buổi học khôn khổ này xảy ra khi mẹ tôi tưởng không ai nhìn mình mấp máy môi để nhắc tôi một chữ. Cô Mọcxtôn đã chú ý rình từ lâu mà chưa biết được gì, liền đánh tiếng một giọng cảnh báo hăm dọa:

“Mợ Clara !”

Mẹ tôi giật mình đổ mặt mím cười ngượng ngịu. Ông Mọcxtôn nhóm dậy khỏi ghế, vớ lấy quyển sách để ném vào tôi, hoặc bập tai tôi, rồi túm lấy vai tôi đẩy tôi ra khỏi phòng.

Cả khi học bài xong, tôi vẫn còn phải chịu tai vạ tệ hơn dưới hình thức một bài tính đồ kinh khủng bài này cốt đặt ra cho tôi và ông Mọcxtôn đọc mồm bắt đầu như thế này: “nếu tôi vào hiệu bán pho mat, mua năm nghìn bánh pho mat glôsextơ lớn mỗi cái giá bốn “pen-ni” rưỡi, giá tiền ngay. Trong khi đó tôi thấy cô Mọcxtôn khoái trá một cách kín đáo. Tôi vò đầu nghĩ ngợi về những bánh pho mát đó mà vẫn ông tìm ra một kết quả nào, một tia sáng nào. Tận cho đến giờ ăn cơm trưa, da tôi trở thành một người Mui - lát⁽¹⁾ vì bụi phấn bám cấu vào hết các lỗ chân lông. Đến bữa ăn, người ta chỉ cho tôi mỗi miếng bánh mì để giúp tôi xoay cho ra chuyện những bánh pho mát và tôi bị bỏ rơi suốt cả buổi chiều còn lại.

Dù đã lâu ngày rồi, nhưng tôi vẫn còn nhớ được là...

⁽¹⁾ Mui - lat người con của một người da đen và một người da trắng.

Sự học tập khó sở... của tôi đại khái cứ đều đều một điệu như vậy. Nếu không có hai chị em ông Mọcxtôn thì tôi có thể tiến bộ đấy. Nhưng họ đã ảnh hưởng đến tôi, giống như hai con rắn đang thôi miên một con chim non tội nghiệp. Ngay cả khi tôi đã vượt qua cuộc thử thách buổi sáng một cách tương đối khả quan, thì tôi cũng chẳng được gì hơn ngoài bữa cơm chưa. Vì cô Mọcxtôn không thể chịu được khi thấy tôi không có bài để làm và nếu tôi cả gan tỏ vẻ ít nhiều được rồi rãi thì cô nói bóng làm cho ông em chú ý tới.

“Mợ Clara ạ, không có gì tốt bằng làm việc ... Mợ ra cho thằng cháu một bài tập đi !”

Thế là lập tức tôi phải chúi đầu vào một công việc mới gì đó.

Ngoài ra, tôi rất ít được chơi đùa với các bạn nhỏ cùng lứa tuổi với tôi, vì cái thân học tối tăm của chị em ông Mọcxtôn coi trẻ con như một đàn rắn độc nhỏ (mặc dầu ngày xưa đã có một “nhị đồng” được đưa đến giữa hàng ngũ các ông đồ) và cho rằng trẻ con sẽ truyền những thói xấu cho nhau.

Cái lối giáo dục đó kéo dài đầu trong 6 tháng hoặc hơn, kết quả đã làm tôi trở thành một đứa trẻ lù đù, dần dện, bướng bỉnh, tôi lại càng không thể khác thế được, vì tôi cảm thấy tôi càng ngày càng tách rời và xa lạ hẳn với mẹ tôi. Nếu không có một hoàn cảnh đặc biệt thì có lẽ tôi sẽ trở thành ngu muội hẳn.

Hoàn cảnh này như sau: Cha tôi xưa có để lại một ít sách trong một cái phòng nhỏ trên gác bên cạnh buồng tôi, cho nên tôi thường vào đấy và không ai trong nhà lại vắng đến đó. Từ cái phòng nhỏ đầy phúc lành ấy, bao nhiêu là

nhân vật hiện lên như một đoàn quân vinh quang đến làm bầu bạn với tôi, nào là Rô-drích Random⁽¹⁾, Pirigrin Pichcon⁽²⁾, Hămfrej Clinco⁽³⁾, nào là Tôm Jôn⁽⁴⁾, Cha sứ Uâycophin⁽⁵⁾, nào là Đông Kisốt⁽⁶⁾, Gin Blat⁽⁷⁾, Và Rôbinxon Coruxâu⁽⁸⁾ họ làm cho óc tưởng tượng của tôi vẫn hoạt động, làm tôi hy vọng ở một cái gì khác cuộc đời tôi ở nơi này, lúc này... những quyển này cùng với chuyện “Nghìn lẻ một đêm” và “Chuyện thần tiên” chẳng làm hại gì tôi cả nếu một nhân vật nào đó có điều ác hại thì cũng chẳng ảnh hưởng đến tôi vì tôi cũng chẳng nhận ra được. Ngày nay nghĩ lại, tôi cũng lạ làm sao tôi lại có thì giờ đọc những sách đó trong khi tôi còn phải có bao nhiêu vấn đề gay go phải mò mẫm trật vật. Ngày nay tôi lấy làm lạ khi nghĩ rằng rồi đã có thể quên những nỗi đau khổ lặt vặt (đối với tôi lúc đó là nỗi đau khổ to lớn) bằng cách đóng vai những nhân vật tôi thích trong những sách này và gán cho chị em ông Moxtôn vai những nhân vật phản diện, tôi đã làm Tôm Jôn trong suốt một tuần lễ (một thứ Tôm Jôn trẻ con vô hại. Trong suốt cả một tháng, tôi yên chí là nhân

⁽¹⁾ Ba nhân vật chính trong quân tiểu thuyết cùng tên của Tôbiat Smônit (1721 - 1774).

⁽²⁾ Ba nhân vật chính trong quân tiểu thuyết cùng tên của Tôbiat Smônit (1721 - 1774).

⁽³⁾ Ba nhân vật chính trong quân tiểu thuyết cùng tên của Tôbiat Smônit (1721 - 1774).

⁽⁴⁾ Nhân vật chính trong tác phẩm nổi tiếng cùng tên của tác giả Henri Findinh (1707 - 1754).

⁽⁵⁾ Vị cha sứ ở Uâycophin của tác giả Oliver Gôximit (1728-1774).

⁽⁶⁾ Đông Kisốt của tác giả Xecvantét được Smôlét dịch ra tiếng anh.

⁽⁷⁾ Gin Blat của Loxagior, Xmonlét dịch ra tiếng anh

⁽⁸⁾ Rôbinxon Coruxâu của tác giả Danieu đi Fô (1661-1731).

vật Rôdorich Random. Tôi ngẫu nhiên đọc một số chuyện phiêu lưu trên đất và trên biển để trên các ngăn sách hiện nay tôi không nhớ là những chuyện gì nữa và tôi nhớ lại là hàng bao nhiêu ngày tôi đã đi khắp cái khu vực trong nhà của tôi, cầm cái khuôn gỗ cốt ủng giả làm khí giới, thủ đúng vai trò thuyền trưởng gì đó trong hải quân của nhà vua Anh đang bị quân mọi bao vây nguy hiểm, và sẵn sàng chiến đấu ác liệt để bảo vệ đời mình. Thuyền trưởng không bao giờ bị để mất danh dự dù bị tạt tai bằng quyền ngữ pháp La-tinh. Đó là nhân tôi mất danh dự, còn Thuyền trưởng thì vẫn là Thuyền trưởng và là một anh hùng bất chấp tất cả các cuốn ngữ pháp của các thứ tiếng trên thế giới này, sinh ngữ cũng như tử ngữ.

Đó là niềm an ủi độc nhất và thường xuyên của tôi. Mỗi khi đến điều đó trong óc tôi lại hiện ra hình ảnh một buổi chiều mùa hạ, bọn trẻ đang nô đùa ngoài nghĩa địa và tôi thì ngồi trên giường của tôi đang đọc chuyện bán sống bán chết. Mỗi vựa thóc quanh đó, mỗi hòn đá ở nhà thờ, mỗi tấc đất ở nghĩa địa đều được tôi liên hệ với những chuyện tôi tưởng như vậy. Tôm Paipơ⁽¹⁾ leo lên gác chuông nhà thờ, tôi thấy như là Xtrap⁽²⁾ lưng đeo bị đang dừng lại nghỉ ở ngoài hàng rào; và tôi tưởng như là phó đô đốc Trunion⁽³⁾ đang họp mặt với ông Pichcon ở tiệm rượu trong làng.

(1) Tôm Paipơ và phó đô đốc Trunion là những nhân vật trong chuyện Pirigrin pichcon.

(2) Xtrap là bạn của Rôdrich Random.

(3) Tôm Paipơ và phó đô đốc Trunion là những nhân vật trong chuyện Pirigrin pichcon.

Đến đây độc giả cũng hiểu rõ như tôi rằng lúc ấy tôi như thế nào khi tôi nói đến thời thơ ấu của tôi.

Một buổi sang khi tôi mang sách vào phòng, tôi thấy mẹ tôi có vẻ lo lắng, cô Mọcxtôn bảo:

“Em Clara, anh nói cho em biết là trước kia anh cũng bị đòn luôn đấy”.

“Phải rồi, đúng thế” Cô Mọcxtôn nói.

Mẹ tôi áp úng có vẻ sợ sệt:

“Hắn thế rồi, chị Jan ạ ! nhưng... nhưng chị có cho như vậy là lợi cho anh E tuốt không ?”

“Clara, thế em có cho như vậy là hại cho E tuốt à”

Ông Mọcxtôn nghiêm giọng hỏi vặn lại.

“Tất cả vấn đề là ở đó”. Bà chị nói.

“Hắn thế rồi chị Jan ạ !” Mẹ tôi đáp, rồi không nói thêm gì nữa !.

Tôi ngờ ngờ rằng câu chuyện trao đổi đó có liên quan đến bản thân tôi và đưa mắt xem ông Mọcxtôn nhìn đâu thì bỗng ông nhìn thẳng vào mắt tôi, ông nói:

“Nào Đêvit ! Hôm này mày phải cẩn thận nhiều hơn mọi ngày đấy !”

(Lúc ông nói, tôi lại thấy cặp mắt ông có vẻ lang lác). Ông nâng roi vụt vào không khí một lần nữa. Và sau khi đã sửa soạn như vậy xong, ông đặt roi xuống bên cạnh một cách bệ vệ và cầm lấy sách đọc.

Thật quá là phương pháp tốt làm cho tôi tĩnh trí ngay từ đầu. Tôi cảm thấy những chữ trong bài học chạy biến đi đâu hết không phải từng chữ một hay từng dòng một, mà là cả trang. Tôi cố lăm lăm chúng, nhưng chúng đi giầy trượt tuyết cả (nếu tôi có thể nói như vậy) và cứ nhẹ nhàng trượt

ra xa, tôi không tài nào níu lại được.

Bắt đầu đã hỏng, rồi cứ tệ đi mãi, lúc mới vào tôi còn tưởng như là mình sẽ nổi nữa là khác vì cho rằng mình đã chuẩn bị kỹ càng. Nhưng té ra hỏng bét. Mỗi lần tôi vấp thì một quyển sách được sắp lại, hết quyển này đến quyển khác, trông thành đống, trong khi đó cô Mọcxtôn cứ hằn học rình chúng tôi. Cuối cùng khi chuyển sang bài toán “năm nghìn bánh pho mát” (tôi còn nhớ hôm ấy ông đổi chữ “pho mát” thành chữ “roi”) thì mẹ tôi khóc oà lên.

“Kìa vợ Clara” Cô Mọcxtôn cất giọng đe

“Chị Jan ạ” mẹ tôi nói, “hình như em thấy khó chịu trong người”.

Tôi thấy ông ta đứng dậy trịnh trọng đưa mắt ra hiệu cho bà chị, rồi nhắc lấy roi nói:

“Chị Jan ạ, chúng ta không thể mong rằng em Clara có thể chịu đựng một cách hoàn toàn cứng rắn những điều phiền miện, rắc rối, mà thằng Đêvit này gây ra hôm nay. Vì muốn vậy phải gan dạ lắm mới được. Em Clara đã tiến bộ nhiều, kiên nghị nhiều rồi đấy, nhưng không thể đòi hỏi em quá sức... Nào, Đêvit mày lên gác với tao”.

Khi ông lôi tôi ra cửa thì mẹ tôi chạy số đến chỗ chúng tôi. Cô Mọcxtôn chạy lại bảo:

“Mợ Clara, mợ điên rồi à?”

Lúc đó tôi thấy mẹ tôi bịt tai lại và tôi nghe tiếng mẹ tôi khóc.

Ông thông thả, nghiêm trang áp tải tôi lên buồng của tôi trên gác - tôi tin chắc là ông rất khoái trá với cảnh thi hành pháp luật đường hoàng như thế, và khi đến nơi ông đột nhiên lấy cánh tay quặt lấy đầu tôi vặn lại. Tôi kêu với

ông ta:

“Dượng ! thưa Dượng, xin đừng đánh con ! con đã cố học đấy ạ, nhưng khi có dượng và cô Mécxton ở bên cạnh thì con không thể học được. Thật là con không thể học được.

“Thật mày không thể học được à ?” Ông nói: “Nào thử xem nào”.

Ông xiết đầu tôi như trong một cái kìm, nhưng tôi cứ luôn quanh người ông, làm ông phải ngừng lại một lúc và tôi van ông đừng đánh tôi. Tôi chỉ làm ông ngừng lại được một lúc thôi, vì sau đó ông đánh tôi túi bụi, và cùng khi ấy tôi ngoạm ngay được bàn tay ông tóm lấy tôi, rồi nghiêng răng cắn “bập” một cái, nghĩ đến điều đó bây giờ tôi còn thấy ghê cả răng.

Lập tức ông ta nện túi bụi tựa hồ như ông ta muốn đánh tôi kỷ chết. Bao chùm tiếng chúng tôi làm rầm rầm, tôi nghe tiếng chân người chạy lên thang gác, kêu âm ỉ. Tôi nghe thấy tiếng mẹ tôi kêu, và tiếng chị Becgôti. Rồi ông ta đi ra: cửa khóa trái lại và tôi nằm quay lơ ra đất, người phát sốt nóng như, tôi bối, ê ẩm và giận giữ theo cách trẻ con của tôi.

Tôi nhớ lại rất rõ là khi tôi rất bình tĩnh thì trong nhà hình như lặng lẽ một cách khác thường. Tôi nhớ lại rất rõ là khi tôi đã ngồi người người đau đớn và giận giữ thì tôi bắt đầu cảm thấy mình trở thành vô cùng độc ác !

Tôi ngồi lẳng tại một lúc, nhưng không nghe thấy tiếng động nào. Tôi bò dậy khỏi sàn, nhìn thấy mặt tôi ở trong gương xung vu, đỏ, và xấu xí đến nỗi làm cho tôi cũng phát sợ. Những vết roi lần cứng và đau làm mỗi khi

cử động tôi lại bật khóc. Nhưng cũng chưa thấm vào đâu so với cái cảm tưởng tôi là kẻ phạm tội. Tôi giám chắc rằng nó đè lên ngực tôi, y như tôi là một tên trọng phạm ghê gớm nhất.

Trời bắt đầu tối, và tôi đã bắt đầu đóng cửa sổ (đến lúc này, phần lớn thì giờ tôi vẫn cứ nằm, đầu tựa vào gióng cửa sổ, lúc khóc, lúc ngủ chập chờm, lúc buồn bã nhìn ra ngoài). Bỗng có tiếng chìa khoá vặn ở ổ khoá và cô Moxton vào, mang ít bánh mì, thịt, và sữa. Cô đặt các thức lên bàn không nói nửa lời đồng thời nhìn tôi hằm hằm một cách vô cùng cứng rắn, rồi đi ra khoá trái cửa lại.

Trời tối đã lâu mà tôi vẫn ngồi yên một chỗ, tự hỏi không biết có ai khác vào nữa không. Cho đến khi thấy rằng tối đó chẳng có thể có ai vào nữa, tôi mới cởi quần áo, lên giường ngủ. Nằm lên giường, tôi bắt đầu lo sợ không biết tôi sẽ bị xử chí ra sao... Không biết có phải tôi đã phạm một tội ác không? Không biết tôi có sẽ bị bắt và bỏ tù không? Liệu tôi có thể bị treo cổ không?

Tôi không bao giờ quên khi thức dậy buổi sáng hôm sau, đang vui vẻ, mát mẻ lúc ban đầu, bỗng sực nghĩ đến những kỷ niệm nặng trĩu thể thảm hôm qua thì lại buồn trĩu xuống. Cô Moxton lại hiện ra trước khi tôi ra khỏi giường, và bảo tôi, nói không thừa một lời, rằng tôi được tự do đi dạo trong vườn nửa giờ không hơn: rồi cô đi ra, để cửa mở để tôi, có thể sử dụng quyền đó.

Tôi ra đi dạo, và sáng nào tôi cũng đi dạo như thế, trong suốt thời kỳ tôi bị giam kéo dài trong 5 ngày. Giá tôi có thể gặp mẹ tôi một mình, tôi đã quỳ xuống trước mặt và xin mẹ tôi tha lỗi. Nhưng trong suốt thời gian này, ngoài

cô Mọcxtôn tôi không thấy ai ... trừ lúc cầu kinh buổi tối trong phòng khách: Khi mọi người đã ngồi yên rồi, cô Mọcxtôn mới áp tải tôi để tôi ngồi một mình cạnh cửa ra vào như một tên phạm pháp trẻ tuổi, rồi khi mọi người cầu kinh xong, chưa kịp đứng dậy, thì bà cai ngục của tôi lại trình trọng mang tôi đi. Tôi chỉ thấy mẹ tôi ngồi hết sức xa chỗ tôi, mặt cứ quay về phía khác làm tôi không bao giờ nhìn được, và ông Mọcxtôn thì tay quán băng to tướng.

Tôi không sao tả nổi năm ngày đó kéo dài như thế nào trong ký ức tôi. Năm ngày đó tôi nhớ tưởng như hàng năm vậy. Tôi còn nhớ mãi cách tôi lắng tai theo dõi tất cả những việc xảy ra trong nhà qua những tiếng động mà tôi có thể nghe: tiếng chuông rung, tiếng cửa sập ra đóng vào, tiếng người xì xào, tiếng chân bước ở cầu thang. Tôi lắng nghe mọi tiếng cười, tiếng huýt sáo, tiếng hát bên ngoài mà trong cảnh cô độc và bị ruồng rẫy tôi thấy còn thê thảm hơn bất cứ cái gì khác... Tôi theo dõi nhịp điệu không đều của thời gian nhất là về buổi tối, và khi tôi tỉnh giấc tưởng như đã sáng thì thấy cả nhà chưa đi ngủ, và còn cả một đêm dài đằng đẵng sắp đến với những giấc mơ mệt nhọc và những cơn ác mộng. Tôi chờ đến sáng, đến trưa, đến chiều, khi bọn trẻ còn nô đùa ngoài nghĩa địa, còn tôi chỉ đứng trong buồng nhìn chúng từ xa không dám thò mặt ra cửa sổ vì sợ chúng biết tôi là một thằng tù. Lại còn cảm tưởng lạ lùng không bao giờ nghe tiếng mình nói. Những khoảnh khắc tưởng như là vui vui khi được ăn được uống, nhưng ăn xong, uống xong thì lại hết ngay... Một buổi tối trời mưa toả hơi mát mẻ, rồi đưa cái nhà thờ và tối mưa ngày càng nặng hạt, cho đến khi đêm xuống lẫn lộn với

mưa, hình như chìm tôi vào bóng tối, sợ hãi, hồi hận... Tất cả những cái đó diễn di diễn lại giương như theo những chu kỳ kéo dài hàng năm chứ không phải hàng ngày và in sâu vào ký ức tôi mạnh mẽ vô cùng.

Đêm cuối cùng trong thời gian tôi bị giam, một tiếng thì thào gọi tên tôi làm tôi tỉnh giấc. Tôi nhòem dầy giờ tay sờ soạn trong bóng tối, hỏi:

“Chị Pécgôti đây phải không ?”

Không có tiếng trả lời ngay, nhưng tôi lại nghe thấy gọi tên tôi bằng một giọng bí mật và ghê sợ đến nỗi tôi có thể ngắt đi được nếu tôi không nghĩ ra là tiếng đó nói từ lỗ khóa lọt vào.

Tôi sờ soạn lần ra cửa, áp môi vào lỗ khóa, thì thầm: “Chị Pécgôti của em đây có phải không ?”

“Đúng rồi, em Đêvit yêu quý của chị” chị trả lời “Nhưng phải khe khẽ như chuột mới được nếu không Mèo nó nghe thấy”.

Tôi hiểu là chị muốn ám chỉ cô Mợxtôn và hiểu lời dặn này là rất cấp thiết vì buồn cô ta ở ngay sát buồn tôi.

“Chị Pécgôti mẹ em ra sao ? Mẹ em có giận em lắm không ?”

Tôi nghe tiếng chị Pécgôti khóc thút thút ở bên kia lỗ khóa trong khi tôi cũng khóc ở phía bên này và chị bảo:

“Không, không giận lắm đâu”.

“Chị Pécgôti họ định làm gì em thế ? chị có biết không ?”

“Đi trường học... gần Luân - đôn” chị Pécgôti trả lời.

Tôi phải bắt chị nhắc lại lần nữa, vì lần đầu khi chị

nói, tôi quên bằng không áp tai vào lỗ khóa mà cứ áp mồm vào, thành ra chị nói vào cổ tôi làm cho tôi buồn buồn ở hòng chẳng nghe gì cả.

“Bao giờ thì đi, chị Pécgôti ?”

“Mai !”

“Có phải vì thế mà cô Mœxtôn đã lấy hết quần áo của em ở ngăn kéo phải không ?” Tôi quên không kể ở trên rằng hôm ấy cô đã lấy quần áo tôi đi !

“Đúng đấy” chị Pécgôti báo... “Cho vào hòm rồi”

“Em có được gặp mẹ không ?”

“Có...” Chị Pécgôti nói “... Sáng mai...”

Rồi chị pécgôti áp sát mồm vào lỗ khóa, nói những lời sau đây, tôi dám nói là những lời cảm động nhất, nghiêm trang nhất và một cái lỗ khóa đã chuyển đi. Chị nói phều phào từng câu ngắn:

“Em Đêvít yêu quý ơi ! Vừa rồi chị không tỏ vẻ thân với em như ngày xưa. Không phải là vì chị không quý em nữa đâu: trái lại chị quý em hơn trước nhiều con búp bê của chị. Nhưng chị cho là làm như thế thì có lợi cho em - Và cho một người khác nữa - Em Đêvít của chị, em có nghe chị nói không ? Em nghe chứ ?”

“Có... có... có đấy, chị Pécgôti ạ !” Tôi nức nở nói. Chị Pécgôti nói giọng vô cùng thương cảm:

“Em yêu quý của chị ơi ! Chị muốn bảo em một điều này: là em đừng bao giờ quên chị nhé. Vì không bao giờ chị quên em đâu. Và chị sẽ hết sức chăm sóc mẹ em, Đêvít ạ như chị đã từng chăm sóc em - Chị sẽ không rời bỏ mẹ em - có thể một ngày kia, mẹ em sẽ sung sướng tựa cái đầu đáng thương của mẹ em... tựa đầu vào cánh tay con mụ

Pégôti ngu dân thô lỗ này và chị sẽ viết thư cho em, em ạ - mặc dầu chị không giỏi giang lắm- và chị - chị sẽ..." đến đây chị Pégôti hôn vào lỗ khóa vì chị không thể nào hôn tôi được.

"Chị Pégôti của em ơi!" tôi nói "Em cảm ơn chị, cảm ơn chị, cảm ơn chị lắm ! Chị có hứa với em điều này không, hờ chị ? Là chị sẽ viết thư nói với ông Pégôti em bé Emili, bà Gômít và anh Ham rằng em không hư như họ tưởng đâu chị báo em gửi lời hỏi thăm tất cả... nhất là em bé Emili. Chị hứa đi chị Pégôti nhé !"

Con người quý hoá này hứa với tôi, rồi cả hai chúng tôi cùng hôn vào lỗ khóa vô cùng triu mến. Tôi còn nhớ là tôi đã đưa tay lên vuốt ve ổ khóa tưởng như là vuốt ve bộ mặt trung hậu của chị. Và chúng tôi từ giã nhau.

Từ đêm hôm ấy trong lòng tôi nảy nở một thứ tình cảm với chị Pégôti mà tôi không sao tả rõ được. Chị không thay thế mẹ tôi (Không ai có thể thay thế được), nhưng chị choán cái chỗ trống rỗng trong tim tôi, làm nó tràn đầy. Và đối với chị, tôi đã có một thứ tình cảm mà tôi chưa từng có đối với một người nào khác. Đó là một thứ tình cảm cũng buồn cười nữa cơ: Nếu chị chết đi thì tôi không thể tưởng tượng tôi sẽ làm gì, hay sẽ đóng cái tấn bi kịch mà tôi phải đóng như thế nào.

Đến sáng, cô Moxtôn hiện ra như thường lệ và bảo tôi phải đi đến trường học. Điều này không làm tôi ngạc nhiên chút nào như cô tưởng. Cô cũng bảo cho tôi biết là khi mặc quần áo xong tôi phải xuống phòng khách ăn điểm tâm. Xuống đến nơi tôi thấy mẹ tôi mặt tái xanh, đôi mắt đỏ ngầu. Tôi chạy xỏ vào lòng mẹ tôi xin lỗi mẹ tôi,

trong lòng vô cùng đau khổ. Mẹ tôi bảo.

“Đêvít con ơi ! Sao con lại nỡ làm người mẹ thương yêu bị thương. Con phải cố ngoan lên nhé. Thế nào con cũng phải tiến bộ lên, tốt hơn lên con nhé. Mẹ tha lỗi cho con. Nhưng Đêvít ơi, mẹ rất buồn vì lòng con có những tình cảm ác độc như vậy”.

Thì ra “họ” đã thuyết phục mẹ tôi rằng tôi là một đứa bé độc ác và điều đó làm cho mẹ tôi buồn khổ hơn việc tôi phải đi xa. Tôi đau đớn nhận ra thế. Tôi cố nuốt trôi bữa điểm tâm tiễn biệt, nhưng nước mắt cứ rỏ xuống miếng bánh mì phết bơ và chảy ròng ròng vào cốc nước trà của tôi. Tôi thấy thỉnh thoảng mẹ tôi nhìn, rồi lại liếc sang cô Mọcxtôn đang hăm hăm rình, rồi lại cúi xuống hay nhìn đi nơi khác.

Bỗng có tiếng bánh xe đồ trước cổng và cô Mọcxtôn bảo:

“Đem hòm xiểng của Copophin lại !”

Tôi chờ đợi được gặp chị Pécgôti đến nhưng không thấy chị. Chị và ông Mọcxtôn đều không xuất hiện. Anh xà ích quen thuộc ngày xưa đang đứng ở cổng. Hòm quần áo của tôi được mang ra chuyển lên xe.

“Mợ Clara !” cô Mọcxtôn cất giọng đe.

“Em sẵn sàng đây !, Chị Jan ạ !” mẹ tôi trả lời.

“Nào tạm biệt Đêvít nhé. Con đi là có lợi cho con đấy. Thôi tạm biệt con nhé ! Đến nghỉ hè con lại về nhà và hãy ngoan hơn”.

“Mợ Clara !” cô Mọcxtôn nhắc.

“Thưa chị, vâng ạ, mẹ tôi vẫn ôm tôi nói... Con trai yêu quý của mẹ, mẹ tha lỗi cho con. Cầu chúa phù hộ cho

con”.

“Mợ Clara” Cô Mọcxtôn nhắc lần nữa.

Cô Mọcxtôn đã có nhā ý dẫn tôi ra xe và trong khi đi bảo tôi rằng cô mong tôi sẽ hối cải kịp thời để khởi đi đến chỗ hư hỏng. Rồi tôi leo vào trong xe, và con ngựa lười biếng cất bước, kéo xe đi...

Chương V

TÔI BỊ TỔNG KHỎI NHÀ

Chúng tôi đi được chừng nửa dặm, và chiếc khăn tay của tôi đã ướt đầm nước mắt, bỗng anh xà ích bỗng dừng xe lại đột ngột.

Khi nhìn ra ngoài để xem tại sao xe dừng lại như thế, tôi rất ngạc nhiên thấy chị Pécgôti từ một bờ rào nhảy ra leo vào trong xe. Chị giang cả hai tay ôm lấy tôi, ghì chặt vào ngực làm cho mũi tôi bị ấn bẹt đau quá, mặc dầu lúc đó tôi không cảm thấy đau, mà mãi sau tôi mới thấy mũi bị nhũn ra. Chị Pécgôti không nói một lời. Chị bỏ một tay ra thọc tay vào cái túi đến tận khuỷu rồi rút ra những gói giấy dày bánh ngọt nhét vào các túi tôi, và ấn túi tiền vào tay tôi nhưng không nói một lời. Sau khi lại ghì lấy tôi lần chót bằng cả hai tay, chị xuống xe, chạy biến và tôi tin cũng như tôi vẫn tin như thế, rằng áo chị không có chiếc cúc nào nữa. Tôi đã nhặt lấy một chiếc cúc trong số những cúc rơi vãi xung quanh và giữ lấy một thời gian dài như một vật kỷ niệm làm quý báu.

Anh xà ích nhìn tôi như muốn hỏi chị có trở lại nữa không. Tôi lắc đầu nói. Tôi chắc không lại “Thế thì lên

đường nào !" anh bảo con ngựa lười và con ngựa lại cất bước lên đường.

Sau khi đã khóc hết nước mắt tôi mới bắt đầu nghĩ rằng có khóc nữa cũng vô ích nhất là tôi lại nhớ Rôdrich Random cũng như vị thuyền trưởng trong hải quân hoàng gia Anh chưa bao giờ khóc trong những trường hợp thử thách. Anh xà ích thấy tôi đã quyết định như vậy, bèn đề nghị tôi trải cái khăn tay lên lưng ngựa để phơi cho khô. Tôi cảm ơn anh và nghe theo, cái khăn tay trải lên lưng ngựa thật bé tí sếu.

Lúc đó tôi mới rồi rỗi rãi xem xét ví tiền. Đó là một cái ví bằng da cứng có khóa bấm, đựng ba "Si-ling" sáng ngời mà chắc chị Pécgôti đã lấy thuốc đánh cho bóng loáng để làm tôi thích thú hơn. Nhưng vật đựng ở trong quý báu nhất là hai đồng lữa "Cơ rao" gói chung trong một mảnh giấy trên đó chính mẹ tôi viết "cho Đêvit, với tất cả tình thương của mẹ". Tôi xúc động quá đến nỗi tôi phải bảo anh xà ích làm ơn với lấy cho tôi cái khăn tay. Nhưng anh bảo theo ý anh thì không nên dùng nữa. Tôi cũng thấy anh nói thế là phải và tôi đã lau mặt bằng ống tay áo và thôi không khóc nữa. Và tôi thôi khóc hẳn, mặc dầu những xúc động vừa qua thỉnh thoảng làm tôi nức lên rất mạnh. Đi được một lúc tôi hỏi anh xà ích xem anh có đi suốt đến nơi không ? Anh hỏi:

"Suốt đến đâu kia ?"

"Đến đấy ấy mà ?" tôi nói.

"Đến đấy là đến đâu ?" anh bảo

"Đến gần Luân - đôn ấy mà" tôi nói.

Anh xà ích giật giây cương một cái để chỉ vào con

vật của anh và nói:

“Nhưng cái con ngựa này sẽ chết quay đơ trước khi đi được nửa đường”.

“Thế anh chỉ đi đến Yácmao thôi à ? tôi hỏi.

“Chỉ thế thôi, anh nói. Đến đây tôi sẽ đưa cậu lên xe ngựa trở khách và xe ngựa sẽ đưa cậu đến cái chỗ ấy đấy”.

Đối với anh xà - ích (tên anh là Báckít) thì nói như vậy là dài đấy, vì như tôi đã nhận xét ở một chương trên, tính anh lãnh đạm không thích bất chuyện. Cho nên để tỏ lòng chân trọng với anh tôi đã biếu anh một chiếc bánh ngọt và anh nuốt ực một cái, như voi nuốt và chiếc bánh chẳng còn để lại dấu vết gì trên bộ mặt to lớn của anh chẳng khác gì một con voi ăn bánh.

“Có phải chị ấy làm bánh đấy không ?” Anh Báckít hỏi, người vắn vể oải cúi về đằng trước, tựa vào bậc xe, hai tay đặt trên hai đầu gối.

“Thưa anh, anh định nói chị Pecgôtin à ?”

“Ừ, chị ta ấy mà !” anh Báckít bảo

“Vâng, chị ấy làm tất cả bánh trái và bếp núc ở nhà em đấy”

“Thật à ?” anh Báckít nói.

Anh chum miệng như để huýt sáo, nhưng anh không huýt. Anh ngồi thờ người, nhìn tai con ngựa như thấy một cái gì mới lạ ở đó, và cứ ngồi như thế rất lâu. Một lúc sau anh bảo.

“Chị ta chắc là chưa có “nhân tình nhân ngã”⁽¹⁾ gì chứ?”

⁽¹⁾ Báckít dùng chữ “Sweethearts (người yêu) do đó Đêvit hiểu lầm là “sweetmeats” (kẹo, bánh). Đây cũng là lối chơi chữ của tác giả.

“Này anh Báckít, anh muốn hỏi “bánh có nhân ấy à ?” Vì tôi tưởng là anh muốn ăn thêm thức gì khác và bóng gió hỏi đến thứ bánh ấy.

“Nhân tình cơ ! Anh Báckít nói “Người yêu ấy mà ... không có người đàn ông nào hay đến chơi với chị ta chứ ?”

“Đến chơi với chị Pécgôti à ?

“Ừ, với chị ta ấy” anh bảo

“Không ạ. Chị chưa bao giờ có người yêu”.

“Thật à ?” Anh Báckít hỏi.

Rồi anh lại múm miệng để huýt sáo nhưng lại không huýt mà ngời thờ nhìn tai con ngựa.

Sau khi suy nghĩ một lúc lâu, anh Báckít nói:

“Thế chị ấy làm tất cả các thứ bánh trái này và mọi việc bếp núc đấy à ?”

Tôi trả lời rằng đúng thế.

“À được, anh Báckít bảo. Tôi bảo chú việc này nhé... có lẽ rồi chú sẽ viết thư cho chị ta chứ ?”

“Nhất định là em sẽ viết cho chị”. Tôi trả lời.

Anh từ từ đưa mắt nhìn tôi, nói:

“Tốt lắm ! nếu chú viết cho chị thì nhớ nói là anh Báckít muốn... đấy nhớ không ?”

“Nói là anh Báckít muốn”. Tôi ngây thơ nhắc lại “chỉ nhắn có thể thôi à ?”

Anh vừa nghĩ ngợi vừa nói:

“Ừ... ừ có thể thôi, anh Báckít muốn...!”

“Nhưng anh Báckít mai anh lại trở về Blondsotôn kia mà !”

Nhưng anh vội lắc đầu không theo lời đề nghị đó mà vẫn yêu cầu tôi ráo riết một lần nữa, nói một cách vô cùng

trận trọng: “anh Báckít muốn... phải nhắc đúng như thế”. Tôi vui vẻ đảm nhiệm việc giao phó ấy. Ngay chiều hôm ấy, khi đợi xe ngựa trong hàng cơm ở Yácmáo, tôi đã kiếm một tờ giấy và lau mực viết thư cho chị Pécgôti: “Chị Pécgôti yêu quý. Em đã đến đây được bình yên vô sự. Anh Báckít muốn... đấy. Gửi lời kính thăm mẹ yêu quý của em. Em thân của chị. Tái bút: Anh ấy nói rất mong chị biết cho là anh Báckít muốn... đấy”.

Lúc tôi đã hứa sẽ giúp anh điều ấy thì anh Báckít lại ngồi im thin thít như cũ. Còn tôi thì mệt nhoài do những việc gần đây xảy đến nên nằm trên cái bao ở trong xe ngủ thiếp đi. Tôi ngủ li bì cho đến khi đến yácmáo. Trong khi xe chúng tôi vào sân hàng cơm, tôi thấy thành phố hoàn toàn mới lạ làm cho tôi hết cả cái hy vọng thầm mong sẽ được gặp ở đây một người nào đó trong gia đình ông Pécgôti hay thậm chí gặp chính bé Emili.

Xe ngựa trở khách bóng loáng từ đầu đến cuối, để ở trong sân nhưng không thấy có ngựa thắt vào, và tình trạng này thì rất có thể là còn xơi nói mới lên đường đi Luân đôn, tôi nghĩ thế và tự hỏi không biết rồi cái hòm quần áo của tôi mà anh Báckít đã đặt xuống (anh đã đánh xe vào sân để cho xe đi vòng) nên sân ở gần càng xe sẽ ra sao đây, và tôi tự hỏi rồi cả tôi nữa sẽ ra sao đây. Bỗng một bà thò đầu ra ngoài một cái vòm cửa sổ có treo gà vịt và thịch thà hỏi:

“Có cậu bé ở Blonđơxotôn đấy không?”

“Thưa bà có ạ” tôi nói.

“Tên là gì?” bà ta hỏi.

“Thế thì không phải rồi” bà đáp “Không có com đặt

trước cho cậu bé có tên như thế”. “Thưa bà thế có phải tên là Moxton không ạ ?” tôi nói.

“Nếu cậu là Moxton thì sao lúc đầu lại có tên khác?” Bà ta nói.

Tôi phải giải thích cho bà hiểu và rung chuông: “Uylian ! chỉ phòng ăn cho khách”. Lập tức một anh hầu bàn ở trong bếp đầu kia sân, chạy ra đón khách vào tỏ vẻ rất ngạc nhiên khi thấy rằng ông khách chỉ là tôi mà thôi.

Đó là một cái phòng rộng, dài ở trong có treo mấy cái bản đồ lớn. Nếu là những bản đồ này là những nước xa lạ thực sự và tôi bị vất vào đấy, tôi sợ tôi không bỏ ngỡ hơn là lúc bấy giờ. Tôi có cảm tưởng rằng ngồi ở góc ghế gần cửa sổ lớn nhất, tay cầm mũ thế là đã tự do quá trớn rồi. Và khi anh hầu bàn trải khăn bàn cho tôi, bày những bình dầu và dấm lên, thì tôi cảm thấy ngược chín cả người. Anh ta mang đến cho tôi món sườn và rau, mở nắp đĩa ra làm tôi tưởng đã làm anh mất lòng gì chẳng. Nhưng tôi yên tâm khi anh đặt ghế ra trước bàn cho tôi ngồi và nói rất niềm nở:

“Nào, xin mời “ông tướng” đến ăn”

Tôi cảm ơn ngồi vào bàn. Nhưng tôi vô cùng lúng túng dùng dao và nĩa làm bắn cả nước thịt vì anh cứ đứng trước mặt tôi, nhìn chăm chăm, làm tôi đỏ cả mặt mỗi khi bắt gặp đôi mắt của anh ta.

Sau khi thấy tôi ăn đến miếng sườn thứ hai, anh bảo:

“Có một cốc vại⁽¹⁾ bia cho chú đấy. Chú có uống bây

⁽¹⁾ Nguyên văn “half a pint” tức là nửa “pint” mỗi pint hơn một nửa lít

giờ không ?”

Tôi cảm ơn, nói “Có ạ”. Anh ta liền rót bia ở trong bình ra một chiếc cốc vaj, rồi giơ lên ánh sáng làm cho cốc bia trông thật đẹp mắt. Anh bảo.:

“Tuyệt ! trông nhiều không ?”

“Vâng nhiều ạ” Tôi đáp, mỉm cười thích thú vì anh vui vẻ như thế.

Anh là một người mắt hấp ha hấp háy, mặt đầy chúng cá, tóc trên đầu dựng đứng. Anh dùng một tay chống nạnh, một tay giơ cao cốc bia ra trước ánh sáng, trông có vẻ thân mật lắm. Anh nói:

“Hôm qua có một ông đến đây, một ông to béo, tên là Topxơ. Có lẽ chú biết ông ta chứ ?”

“Không ạ” tôi nói “Em không biết”

“Mặc quần chèn và đi ghệt ấy mà”. Anh hầu bàn lại nói “đội mũ rộng vành, áo màu nhạt, khăn quàng cổ lốm đốm”.

“Không ạ. Em không được hân hạnh biết...”. Tôi ngượng ngùng đáp.

Anh hầu bàn vừa giơ cao cốc bia, trước ánh sáng vừa nói:

“Ông ta vào đây, gọi một cốc cũng thứ bia này đây, mặc dầu tớ đã bằng lòng, nhưng ông ta cứ nhất định *gọi cho kỳ được* thứ này..., uống xong là lăn đùng ra chết. Thứ rượu này đối với ông ta lâu năm quá: đáng lý ra không nên uống”.

Tôi rất xúc động khi nghe kể chuyện tai nạn thảm thương này, và bảo anh ta có lẽ tôi uống nước lã thì hơn.

“Ồ, nhưng cậu nên biết rằng...” anh hầu bàn nói, vẫn

nhìn cốc bia trước ánh sáng và nheo mắt lại để ngắm..
“Nhà hàng không ưa khách gọi thức ăn thức uống rồi lại bỏ đầu. Thế là khinh nhà hàng đấy ! Nếu đằng ấy đồng ý thì tớ sẽ uống hộ cho. Tớ quen rồi, cứ quen là được thôi. Tớ tin rằng nếu tớ hất đầu ra đằng sau, uống ực một cái là chẳng sao cả. Nào đằng ấy đồng ý không nào ?”

Tôi xin anh uống giùm hộ nếu không có gì nguy hiểm cho anh, nhưng nếu có thì xin dứt khoát là đừng. Thú thật, lúc anh hất đầu ra phía sau, uống ực một cái thì tôi hốt quá, sợ anh cũng chung số phận với ông Tóp Xơ tội nghiệp mà bất tỉnh ngã lăn xuống thảm. Nhưng không thấy anh làm sao cả. Trái lại, tôi thấy anh càng khoan khoái hơn. Anh cầm nĩa thọc vào đĩa ăn của tôi nói:

“Món gì thế này ?.. Có phải sườn dê không ?”

“Sườn dê đấy” tôi báo

“Trời ơi !” Anh ta reo lên “Tớ không biết là sườn dê kia đấy. Món này chính là thức giải độc rượu bia đây mà ! May mắn chữa”

Một tay anh cầm xương sườn và tay kia tóm một củ khoai tây, rồi anh chén hết sức ngon lành, làm tôi hết sức há hê. Sau đó, anh lại nhót lấy một miếng thịt nữa và một củ khoai nữa, và rồi lại miếng thịt nữa củ khoai nữa. Khi đã ăn sạch, anh bung đến chỗ tôi một cái bánh pút - đinh⁽¹⁾. Rồi đặt xuống trước mặt tôi, anh có vẻ ngẫm nghĩ, tâm trí hình như lơ đãng trong giây lát.

“Cậu thấy món chả này thế nào ?” Đột nhiên anh hỏi
“Bánh pút - đinh đấy chứ” tôi trả lời.

⁽¹⁾ Nguyên văn: Pudding bánh làm bằng thịt băm, trứng sữa trộn lẫn.

“Hay quá, đúng thế” Anh ta kêu lên nhìn sát hơn nữa
“à, Đẳng ấy bảo là bánh put -đinh phải không ?”

“Phải, đúng thế !”

Anh tóm lấy một múc canh bảo:

“Hay quá ! Put -đinh là món thứ nhất ! May mắn chưa ! chén đi nào chú bé, thì xem ai chén được nhiều nào !”

Dĩ nhiên là anh hầu bàn chén nhiều. Nhiều lần anh đã động viên tôi cố mà thắng. Nhưng xét mối tương quan giữa cái môi to của anh và cái thìa nhỏ của tôi, giữa tốc độ của anh với tốc độ của tôi, giữa sự ngon miệng của anh với sự ngon miệng của tôi, ngay từ miếng đầu tôi đã bị bỏ xa và không có hy vọng gì thắng được anh. Tôi chưa từng thấy ai ăn bánh put - đinh ngon lành đến thế. Sạch đĩa rồi, anh cả cười như vẫn còn thấy sướng miệng.

Thấy anh vui vẻ và thân mật thế, tôi liền hỏi mượn giấy bút mực để viết thư cho chị Pécgôtin. Không những anh đem cho tôi ngay lập tức mà lại còn quá tử tế ghé nhòm thư xem tôi viết gì. Khi tôi viết xong anh hỏi tôi đi học ở đâu.

Tôi bảo: “ở gần Luân - đôn”, vì tôi cũng chỉ biết có thế.

“Khổ chưa!” anh nói vẻ rầu rĩ - “Tớ thật lo cho chú!”

“Tại sao thế ?” tôi hỏi anh

“Trời ơi !” anh lắc đầu bảo: “Đó là cái trường ở đây người ta đã đánh đến gần gãy xương sườn một cậu học trò, học trò còn bé thôi... gãy đến hai cái xương ấy. Tớ đoán hẳn vào trạc... à để tới nghĩ xem... thế thằng ấy độ bao nhiêu tuổi ?”

Tôi bảo là tuổi giữa tám và chín tuổi. Anh nói:

“Thì đúng cùng với tuổi hần rồi !- Họ đánh gãy cái xương sườn thứ nhất lúc hần tám năm sáu tháng, đánh gãy cái thứ hai tám năm tháng. Có chết không !”

Tôi không sao giấu bản thân tôi, cũng như giấu anh hầu bàn rằng tôi đã cảm thấy việc trùng tuổi này thật khó chịu và tôi hỏi anh xem đánh như thế nào mà gãy cả xương. Câu trả lời của anh không làm tôi phấn khởi tí nào vì chỉ gồm có ba tiếng kinh khủng: “Lấy gậy nện !”

Còi xe ngựa chở khách thối lên ở ngoài sân đã làm tôi khuấy quên câu chuyện này một cách đúng lúc, và tôi đứng dậy, vừa hãnh diện vừa sợ sệt vì có một ví tiền (tôi rút trong túi ra), ngập ngừng hỏi xem có phải trả gì không.

“À có món tiền giấy viết thư” anh đáp. “Đằng ấy đã bao giờ mua giấy viết thư chưa ?”

Tôi không thể nhớ lại đã mua lần nào. Anh ta bảo: “Đất đấy, bởi vì thuế. Ba pen-ni. ở đây chúng tớ bị đánh thuế nặng như vậy đấy. Ngoài ra, không phải trả gì nữa, trừ món trả cho người hầu bàn. Còn mực viết thì thôi, tớ chịu thiệt món ấy”.

Tôi đáp ứng, mặt cứ đỏ nhò:

“Thế anh,... thế tôi phải ... trả bao nhiêu... anh làm ơn bảo tôi phải trả tiền hầu bàn như thế nào thì phải ?”

“Nếu tôi không có con” anh hầu bàn nói “Và nếu con tôi không mắc bệnh đậu mùa thì tôi chẳng lấy đến sáu pen-ni đâu. Nếu tôi không phải nuôi dưỡng ch già và một em gái xinh xinh (chỗ này anh ta tỏ vẻ rất cảm động), thì tôi chẳng lấy một đồng tiền đâu. Nếu tôi có chỗ làm khăm

khá và được đối xử tốt ở đây thì tôi sẽ xin tặng chút quà chứ không đến nỗi phải xin chú cho đâu. Nhưng mà ở đây, tôi phải ăn cơm thừa, canh cặn, phải ngủ ở chỗ chứa than..." Nói đến đây anh oà lên khóc.

Tôi rất mừng lòng về nỗi khổ sở của anh, và thấy rằng nếu chỉ đưa một món tiền dưới chín pen-ni để tỏ vẻ ân tình, thì tàn nhẫn quá, chẳng còn tình nghĩa gì. Do đó tôi đã đưa một trong ba đồng hào sáng loáng của tôi. Anh nhận một cách vô cùng khúm núm, kính cẩn và ngay sau đó anh lấy ngón tay cái búng nó, để xem có đúng là hào thật không.

Khi người ta đỡ tôi lên đằng sau xe, tôi hơi khó chịu thấy mọi người tưởng rằng một mình tôi đã ngốn tất cả bữa cơm chẳng cần ai ăn giúp. Tôi khám phá ra điều ấy vì nghe người đàn bà ngồi ở cái cửa sổ ra ngoài bảo anh xà ích.

"Anh Jooc ơi, chú ý cẩn thận thằng bé kia đấy nó vỡ bụng ra mất!". Và nhìn thấy những chị đầy tớ gái loanh quanh đó, cứ ra nhìn tôi khúc khích cười, như nhìn tội quái tượng trẻ tuổi. Anh hầu bàn, ông bạn khổ sở của tôi lúc này lại vui vẻ như thường, không tỏ ra lúng túng vì chuyện đó, lại còn phụ họa vào sự thán phục của mọi người không chút ngượng ngịu. Nếu như tôi có ngờ vực gì thì điều này đã làm tôi đâm ra ngờ anh một phần, nhưng, nói chung, ngay lúc đó tôi cũng không nghi ngờ gì lắm vì trẻ con vẫn hay tin vào người lớn tuổi (những đức tính mà tôi rất buồn là trẻ con nào cũng sớm bỏ mất và thay vào đó bằng sự dối đời).

Xin thú thật là tôi hơi cay vì tự nhiên vô cớ mình bị anh xà ích và anh còi xe đem ra làm bung xung để pha trò, bảo rằng cái xe cứ nặng ở đằng sau, và đùa rằng chở tôi

bằng xe bò thì tiện hơn nhiều. Cái gọi là câu chuyện phàm ăn của tôi đến tại cả những khách hàng ngồi ở ngoài, và họ cũng đùa nghịch về điều đó. Họ hỏi ở nhà trường tôi có phải trả tiền ăn cho tôi gấp hay ba người không, tôi có phải trả tiền theo một mức đặt biệt hay theo mức của mọi người và nhiều câu hỏi bóng đùa khác. Nhưng khổ nhất là tôi biết rằng nếu có dịp ăn uống nào thì tôi sẽ xấu hổ không dám ăn gì nữa, và sau cái bữa ăn qua loa vừa rồi, tôi sẽ phải nhịn đói một đêm, vì trong khi vội vã tôi đã bỏ quên gói bánh ngọt ở hàng cơm. Nhưng lo ngại ấy quả nhiên thành sự thực. Khi xe dừng lại để tôi ăn bữa tối, thì mặt dầu rất thơm, tôi cũng không có can đảm ăn nữa và ngồi xuống cạnh lò sưởi rằng tôi không cần thức gì cả. Nhưng như vậy cũng không khỏi bị chế giễu. Một bác, cứ ngồi lo chén tí tí một hộp thức ăn suốt dọc đường đi (không kể lúc ông ta tu nước trong chai), giọng nói ồ ồ, mặt mũi sần sùi, tuyên bố rằng tôi giống như con trâu ăn thật nhiều trong một bữa để dự trữ cho cả một thời gian dài. Sau đó, chính bác ta lại nôn mửa thốc tháo, vì chén nhiều thịt bò hầm quá.

Chúng tôi khởi hành từ Yacmao lúc ba giờ chiều và phải đến Luân đôn lúc tám giờ sáng hôm sau. Bây giờ tiết trời giữa mùa hè và buổi chiều rất đẹp. Mỗi khi xe qua một làng, tôi tưởng tượng xem trong các nhà như thế nào và ở đó người ta đang làm gì. Và bọn trẻ con đuổi theo, leo lên đằng sau bám vào lưng xe một đoạn đường, thì tôi tự hỏi không biết cha chúng có còn sống không và ở nhà chúng có được sung sướng không ? Như vậy tôi có rất nhiều vấn đề suy nghĩ, ngoài việc tôi có luôn luôn bản khoăn không

biết cái nơi tôi sắp đến sẽ ra sao và đó là một vấn đề dễ sợ. Tôi còn nhớ là thỉnh thoảng tôi lan man nghĩ đến ngôi nhà của tôi đến chị Pécgôti và cố sức hồi tưởng mơ hồ và lẫn lộn xem ý nghĩ của tôi như thế nào và tôi là đứa trẻ như thế nào trước khi cảm thấy hình như mình đã cần ông ta vào cái thời gian tám hoành xa lắc xa lơ nào.

Buổi tối, trời lạnh nên không dễ chịu như buổi chiều. Tôi lại bị đặt ngồi giữa hai ống (cái ống mặt sần sùi và một ống nữa) để cho khỏi ngã bật ra ngoài xe, nên khi hai ông này ngủ gục, thì tôi bị hai người chèn cứng làm cho suýt nghẹt thở. Thỉnh thoảng hai ông ép tôi đau đến nỗi tôi không nhịn được, phải kêu lên: “ôi ! Hai bác làm ơn xích ra”. Điều này hai bác không ưa tí nào làm cho hai bác tỉnh giấc. Đối diện tôi là một bà đứng tuổi người choàng áo lông lù xù to tướng ăn mặc nhiều quần đến nỗi trong bóng tối trông tưởng là một đụn rạ chứ không phải là một người đàn bà nữa. Bà ta mang theo một cái thúng, loay hoay mãi không biết làm thế nào mà đặt, cho đến khi bà thấy có thể đặt nó ở dưới chỗ ngồi của tôi vì chân tôi ngắn. Cái thúng này làm tôi phải co quắp đau nhói đến nỗi tôi thật đến khốn khổ với nó. Nhưng nếu tôi hay cựa quậy làm cho một cái cốc trong thúng chạm vào lách cách vào một cái gì khác (điều này không sao tránh được), thì bà ta đập tôi một cái hết sức tàn nhẫn và bảo: “Này, đừng có cựa. Xương mày còn non nốt lắm !”

Cuối cùng mặt trời mọc, các bạn đồng hành của tôi có vẻ ngủ ngon lành hơn. Những khó khăn mà họ đã phải vật lộn suốt đêm và được biểu hiện bằng những tiếng thở những tiếng gáy khủng khiếp, thực vượt mọi óc tưởng

tượng. Mặt trời mọc càng cao, giấc ngủ của họ càng nhẹ nhàng và dần dần từng người một tỉnh giấc. Tôi nhớ lúc đó tôi rất lấy làm lạ tại sao mọi người rất phẫn nộ khi có ai nói ngược lại. Cho đến nay tôi vẫn rất ngạc nhiên như vậy, vì tôi vẫn nhận thấy trọng những nhược điểm của loài người, cái mà thường tình không ai muốn thú nhận (tôi cũng không hiểu tại sao) đó là việc ngủ ở trên xe ngựa.

Tôi bất tất phải dừng lại ở đây để kể rằng khi tôi nhìn thấy Luân đôn ở đằng xa, thì thành phố này đối với tôi về các hành động mạo hiểm của những nhân vật yêu quý của tôi đã diễn đi diễn lại nhiều lần ở đó và trong thâm tâm, tôi nghĩ mơ hồ rằng đó là một nơi đầy những điều thần kỳ và ác độc hơn mọi thành phố khác trên trái đất. Chúng tôi tiến dần đến thành phố vào đúng giờ đã định, tới hàng cơm khu phố Nhà thờ Trắng là trạm chúng tôi đến. Tôi quên, không nhớ đó là quán “Bò xanh” hay “Lợn lò xanh”, chỉ nhớ là con gì xanh ấy và hình ảnh của nó đã được sơn ở đằng sau xe ngựa.

Khi xuống xe, bác còi xe chọt nhìn tôi rồi hỏi của nhà trạm:

“Ở đây có ai ra đón một cậu bé tên ghi là Mọcxtôn gửi từ Blơndoxton, Xăpphóc đến đây chờ người ra nhận không ?

Không ai trả lời.

Tôi cúi đầu thiếu não nói:

“Thưa bác, bác làm ơn nói tên là Copophin xem sao”

Bác đánh xe nói

“Ở đây có ai ra đón một cậu bé ghi tên Mọcxtôn gửi

từ Blondoxton, Xăpphóc đến, nhưng cũng có tên là Copophin đến đây chờ người ra nhận không ?... Nào ! Có ai không ?

Không, không có ai cả.

Tôi nhón nhác nhìn quanh, nhưng câu hỏi đó không làm những người nào đứng cạnh đây chú ý, trừ một người đàn ông đi ghệt chột mắt, lên tiếng gợi ý rằng nên lấy một cái vòng bằng đồng mà trông vào cổ rồi xích tôi vào chuồng ngựa.

Người ta đem thang đến, và tôi xuống, sau cái bà trông như đụn rạ, không dám cựa quậy gì trước khi thúng bà ta được mang đi. Lúc đó, trong xe khách đã vắng, đồ đạc ngay sau đó đã hạ cả xuống, ngựa đã được tháo ra trước khi dỡ hành lý. Vậy bây giờ vài bác giữ ngựa đẩy quay xe lại để lấy lối đi. Nhưng vẫn không ai đến nhận cậu bé đây bụi bặm gửi từ Blondoxton, Xăpphóc đến.

Tôi vào nhà trạm, được bác gửi thư kỳ thường trực bảo vào sau quây, ngồi trên mặt bàn cân, nơi cân hành lý, trong lòng cảm thấy còn cô độc hơn là Rôbinxon Cruxau vì không có ai trông thấy anh ta và biết rằng anh ta cô độc. Tôi ngồi đấy, nhìn những gói hàng, bao hàng và sổ sách thờ hít mùi chuồng ngựa (sau này mỗi khi thấy mùi đó tôi lại nhớ đến buổi sáng hôm ấy), trong khi đó bao nhiêu ý nghĩ hết sức khủng khiếp diễn ra trong đầu óc tôi. Nếu không có ai đến tìm tôi thì họ sẽ cho tôi ở đây bao lâu ? Họ cứ giữ tôi ở đây cho đến khi tôi tiêu hết bảy si-linh không ? Đêm đến, tôi có được ngủ ở một trong số những hòm gỗ kia không, cùng với những đồ hàng khác và buổi sáng có được ra sân rửa mặt ở vòi nước không ? Hay là

đêm nào họ cũng đuổi tôi ra ngoài, để sáng hôm sau khi nhà trạm mở cửa thì tôi trở lại ngồi đợi cho đến khi có người đến nhận ? Nếu đúng như thế, và ông Moxton đã bày ra kế hoạch này để đuổi tôi đi cho rảnh, thì tôi sẽ phải làm gì đây ? Nếu người ta cho phép tôi ở đây cho đến lúc tiêu hết bảy si —lìng, thì tôi cũng không thể hy vọng ở lại đây nữa khi đã bắt đầu chết đói. Vì như thế thì sẽ bất tiện và khó chịu cho các hành khách, ngoài ra, lại còn làm cho quán... “Cái gì xanh ấy” phải chịu tiền chôn cất tôi. Nếu tôi lên đường ngay tức khắc tìm cách đi bộ về nhà, thì làm sao mà lần ra được đường về, làm sao mà có sức để đi xa như thế, và dù cho có về đến nơi nữa thì ngoài chị Pécgôti ra, tôi còn trông mong vào ai được nữa ? Nếu tôi đi tìm những vị có thẩm quyền ở gần đây nhất để xin đăng vào lục quân hay thủy quân thì chắc chắn là không được nhận vì tôi còn bé quá. Những ý nghĩa này và hàng trăm ý nghĩ khác tương tự làm tôi nóng cả ruột gan, sợ hãi hoang mang.

Tôi đang sốt ruột đến cực điểm thì một ông bước vào nói khẽ điều gì với bác thư ký. Bác lôi tôi từ bàn cân xuống, đẩy cho ông ta y như tôi là món hàng được đem cân, đem bán, giao cho khách hàng và ngã giá trả tiền.

Ra khỏi nhà trạm, nắm tay ông khách mới quen tôi liếc nhìn trộm ông ta. Ông còn trẻ người gầy nước da vàng ửng, má hóp, cằm cũng đen như cằm ông Moxton. Nhưng ông chỉ giống điểm đó thôi, vì râu mép ông cạo nhẵn còn tóc thì màu sắt gỉ và cứng chứ không bóng. Ông mặc một bộ đồ màu đen hơi tàng tàng và cứng đờ, tay áo và ống quần khít ngắn. Ông quần một cái khăn quần cổ trắng

không được sạch cho lắm. Lúc đó cũng như hiện nay tôi vẫn không tin ông có chỉ đọc cái khăn ấy ở trên người, nhưng lúc đó ông chỉ để hở ra cho người ta thấy có thể thôi - Ông hỏi:

“Em là học trò mới phải không ?”

“Thưa ông, vâng ạ” tôi nói.

Không biết tôi có phải là học trò mới không ? Nhưng tôi cứ cho là như thế. Ông bảo:

“Tôi là giáo sư ở Xalem học hiệu”

Tôi cúi đầu chào, vô cùng thán phục. Tôi rất ngược không dám nói với một nhà bác học giáo sư ở Xalem học hiệu về cái vật tầm thường của tôi là cái hòm. Đi khỏi sân một quãng ngắn, tôi mới có được can đảm để nói. Tôi khúm núm nói rằng hôm đó cần dùng cho tôi sau này. Chúng tôi quay trở lại. Rồi ông nói với người thư ký là sẽ bảo bác xà - ích đến lấy hòm vào buổi trưa.

Khi chúng tôi đã đi cách đó được một quãng, khoảng bằng lần trước, tôi hỏi:

“Thưa thầy, xin thầy cho em hỏi là còn xa không ạ?”

“Ở phía Bláchít”, ông nói

“Thưa thầy, thế có xa không ạ ?” Tôi ngập ngừng.

“Khá xa đấy” ông bảo “Chúng ta phải đi xe ngựa... vào khoảng sáu dặm đường”

Tôi mệt là cả người, nên nghĩ đến việc đi sáu dặm đường nữa thì ngại quá đi mất. Tôi lấy hết can đảm nói với ông là suốt đêm tôi không được ăn và nếu ông cho phép tôi mua thừa gì để ăn thì tôi rất cảm ơn. Nghe nói thế, ông tỏ vẻ ngạc nhiên (hiện nay tôi còn thấy ông dừng chân lại trở mắt nhìn tôi). Ông nghĩ ngợi một lúc đoạn bảo rằng ông

định đến thăm một bà cụ ở gần đó, và thích gì thì cứ mua, cốt nhất phải là thức ăn lành, bánh mì chẳng hạn, rồi đến nhà bà cụ ấy mà ăn, ở đó có thể có cả sữa nữa đấy.

Do đó, chúng tôi ngắm xem tủ hàng một hiệu bánh, tôi đề nghị mua hết thức này đến thức nọ, toàn là những thứ khó tiêu, nhưng đều bị ông bác hết, rồi cuối cùng chúng tôi quyết định mua một ổ bánh mì giòn trông rất ngon lành, giá là ba pen-ni. Sau đó chúng tôi mua ở hàng xén một quả trứng và một khoanh mỡ lợn sấy.

Sau khi đổi đồng si-ling thứ hai trong số ba si - ling sáng bóng của tôi để tiêu, tôi vẫn còn lại vô số là tiền lẻ, do đó tôi cho Luân Đôn quả là một nơi ăn tiêu không tốn kém gì. Mua xong các thức ăn, chúng tôi lại đi, giữa những tiếng rầm rầm, tiếng ồn ào làm đầu óc mệt nhọc của tôi cứ rối tung cả lên. Chúng tôi qua một cái cầu, chắc đó là cầu Luân Đôn (chắc là ông ta bảo tôi thế, nhưng lúc đó tôi đang ngủ gà ngủ gật). Cuối cùng chúng tôi đến nơi bà già nghèo khổ ở một khu nhà làm phúc. Tôi biết vậy, vì nhìn thấy vẻ nhà tồi tàn và thấy những chữ khắc trên biển đá ở cửa vào ghi rằng những gian nhà này được dựng lên cho hai mươi người đàn bà nghèo ở nhờ.

Vị giáo sư ở Xa-lem học hiệu nâng cái then ở trong những cái cửa vào trong dãy cửa nhỏ nhỏ, đen đen giống nhau. Một phía cửa ra vào có trở một cái cửa sổ bé có những ô kính hình quả trám, và trên cửa sổ đó lại có một cửa sổ bé ô kính hình quả trám khác. Chúng tôi vào cái nhà của một trong những cụ nghèo khổ này. Bà cụ đang thổi lửa, đun một thức gì trong xoong con. Thấy vị giáo sư vào, bà cụ ngừng tay, vẫn ôm bẻ thổi lửa trên đầu gối, nói

điều gì tôi nghe giống như là “Sácli của mẹ !” Nhưng khi thấy tôi cùng vào, bà đứng dậy, xoa tay, nghiêng mình chào ngưỡng ngiệm.

Vị giáo sư ở Xalem học hiểu hỏi: “Bà có làm ơn nấu giùm thức ăn cho cậu bé này được không ?”

“Nấu à ?” bà cụ bảo “Được, được lắm chứ”

“Hôm nay bà Phibitxon có được sức khoẻ không ?” vị giáo sư hỏi, quay nhìn một bà cụ khác đang ngồi trong ghế lớn cạnh bếp lửa. Bà cụ này ngồi trông giống như một đồng quần áo, đến nay tôi còn hú vía vì suýt nữa ngồi lằm phải bà ta. Bà cụ trước nói.

“Ồ, bà ta yếu lắm,... đang trong ngày gió trời đấy. Nếu không may tắt mất lửa thì tôi cho rằng bà cũng đến “nguội” mất, bà chẳng bao giờ hồi lại được nữa”.

Trong khi hai người nhìn bà cụ ấy thì tôi cũng nhìn bà cụ. Mặc dầu trời hôm ấy ẩm áp, bà có vẻ chỉ nghĩ đến ngọn lửa. Tôi có cảm tưởng bề ghen tức cả với cái xoong đặt trên bếp. Tôi có đủ lý do để biết rằng bà bực bội khi cái xoong tỏ ra tích cực trong việc luộc trứng và rán mỡ cho tôi. Vì trong khi nấu nướng lúc không có ai nhìn bà, có một lần chính mắt tôi đã buồn phiền trông thấy bà giờ quả dấm dứ tôi, ánh nắng qua cửa sổ tràn vào nhưng bà ngồi quay lưng lại, tựa vào lưng ghế rộng, chắn sát ngọn lửa dường như muốn ủ cho lửa được nóng chứ không phải là để sưởi cho mình, và chăm chú canh ngọn lửa một cách lo lắng. Khi nấu xong thức ăn cho tôi và ngọn lửa được giải phóng thì bà mừng rỡ đến nỗi phá lên cười và tôi phải nói là tiếng cười của bà nghe chả êm ái tí nào.

Tôi ngồi vào bàn trên để ổ bánh mì, miếng trứng và

khoanh thịt mỡ của tôi, ngoài ra còn có một bánh sữa, và ăn một bữa thực ngon lành. Trong khi tôi đang chén rất thích thú, thì bà cụ chủ nhà bảo vị giáo sư.

“Anh có mang theo cái sáo đấy không?”

“Có” ông đáp

Bà cụ nài nỉ, nói

“Anh thổi một bài đi nào”

Vị giáo sư bèn thò tay xuống dưới vạt áo, rút ra một cái sáo ba mảnh, rồi lắp vào nhau và bắt đầu thổi luôn. Tôi đã ngẫm nghĩ trong bao nhiêu năm rồi mà vẫn có cảm tưởng là trên đời này không thể có ai thổi sáo tôi hơn thế được. Ông ta phát ra những tiếng thê thảm nhất trong đời tôi chưa bao giờ nghe phát ra bằng bất cứ cách nào, tự nhiên hay nhân tạo. Tôi không hiểu ông đang thổi điệu gì (tôi ghi là chẳng có tí nhạc điệu nào trong bài sáo của ông ta), nhưng tiếng sáo đã có tác dụng đến tôi, trước hết nó làm cho tôi nhớ lại tất cả những nỗi buồn phiền của tôi, đến nỗi tôi rung rung nước mắt, sau bữa nó làm tôi ăn mất cả ngon, và cuối cùng, làm tôi buồn ngủ đến nỗi không sao mở mắt ra được nữa. Đến nay khi nhớ lại kỷ niệm ấy, cặp mắt của tôi cũng bắt đầu nhắm lại và đầu tôi cũng bắt đầu gật gù. Một lần nữa, hình ảnh cái phòng nhỏ nhòa dần trước mắt tôi với cái tủ đồ ăn ở góc phòng để ngó với những cái ghế ngồi có chỗ tựa lưng vuông vuông, với cái cầu thang nhỏ dốc thẳng để đi lên phòng trên gác, và ba cái lông công bày trên mặt lò sưởi (tôi nhớ là lúc mới vào, tôi đã tự hỏi không biết con công nó sẽ nghĩ gì, nếu nó biết rằng bộ cánh mỗi của nó phải chịu một số phận hẩm hiu như thế.)

Rồi tôi gục xuống ngủ. Tiếng sáo xa dần, thay vào đó là tiếng bánh xe ngựa chạy nổi dậy và tôi đang ngồi trong xe. Xe vấp một cái, tôi giật mình tỉnh dậy, và tiếng sáo lại trở lại, và vị giáo sư ở Xalem học hiệu đang ngồi vắt chân trằm ngâm thổi sáo trong khi bà cụ chủ nhà sửa sửa nhìn ông. Hình ảnh bà cụ mờ đi, ông cụ mờ đi, và tất cả nhòa dần, rồi không còn Đêvit Copophin nữa, không còn gì nữa ngoài giấc ngủ nặng nề.

Tôi tưởng như mơ thấy rằng khi ông đang thổi cái sáo thậm hại đó, thì bà cụ chủ nhà mê ly thần phục cứ xán đến gần, rồi cúi xuống lưng ghé ôm cổ ông ta một cách âu yếm làm ông phải ngừng lại trong giây lát. Không biết lúc đó hay là về sau này, lúc ông lại tiếp tục thổi sáo (vì đúng thật là ông có ngừng lại) tôi đang nửa tỉnh nửa mê thì trông thấy và nghe thấy vẫn bà cụ lúc không ai nhìn bà, có một lần chính mắt tôi đã buồn phiền trông thấy bà cụ đó hỏi bà cụ Phibitxon rằng có tuyệt hay không (hỏi về tiếng sáo). Bà Phibitxon đáp: “Ồ, ờ hay !” và gật gù về phía ngọn lửa: tôi chắc chắn là bà đã gán cho ngọn lửa tất cả ưu điểm của tiếng sáo.

Tôi cảm thấy mình đã ngủ được một lúc lâu, vì giáo sư ở Xalem học hiệu mới tháo ba mảnh sáo ra, bỏ vào chỗ cũ, rồi dắt tôi đi. Chúng tôi gặp xe ngựa ở ngay gần đó và lên mui ngồi. Nhưng vì tôi buồn ngủ quá nên khi xe dừng lại ở dọc đường để lấy khách, thì họ bế tôi vào trong xe ở trong không có khách ngồi và tôi ngủ thiếp đi, cho đến khi tôi thấy xe từ từ leo lên sườn đồi dốc giữa những cành lá xanh rờn. Rồi thì xe đến nơi, dừng lại..

Chúng tôi (nghĩa là vị giáo sư và tôi) đi bị một quãng

ngắn đến Xalem học hiệu, xung quanh có tường gạch cao bao bọc và trông rất âm u. Trên một cái cửa đục ở tường có bảng chữ đề “Xalem học hiệu”. Và khi chúng tôi kéo chuông thì một bộ mặt cau có thò ra. Khi cửa mở, tôi nhận thấy đó là mặt của một người đàn ông to béo, cổ bạnh như cổ bong mọng, có một chân gỗ, thái dương ụ lên, tóc xung quanh đầu cắt cụt ngắn.

“Học trò mới đây!” Vị giáo sư bảo.

Người chân gỗ nhìn từ đầu đến chân, nhìn cũng nhanh thôi, vì tôi chẳng to gì cho lắm, khóa cửa lại ở đằng sau, và rút chìa khóa ra. Chúng tôi đi lên phía nhà, giữa những cây cối rậm rạp, âm u. Bỗng người đó gọi cái ông đang dẫn tôi đi. “Này ông !” chúng tôi quay lại nhìn: người ấy đang đứng ở cửa gian buồng nhỏ, nơi hắn ở, tay cầm một đôi giấy cao cổ. Hắn nói: “anh thợ giấy có đến đây khi ông đi vắng đây, ông Mẹ ạ. Anh bảo không sao chữa được nữa! | anh ta bảo đôi giấy chẳng còn mảnh nào lành cả và lấy làm lạ tại sao ông lại bảo chữa”.

Vừa nói, hắn quăng đôi giấy cho ông Men. Ông phải lùi lại vài bước để nhặt, và khi chúng tôi tiếp tục cùng đi, ông cứ ngấm ngấm đôi giấy mãi (tôi thấy ông ta nhìn vô cùng rầu rĩ). Bây giờ lần đầu tiên, tôi mới nhận ra rằng ông đang đi một đôi giấy cao cổ mòn cũ lắm rồi, mà ở một chỗ tất ông lòi ra trông như một mầm cây.

Xalem học hiệu là một toà nhà vuông bằng gạch có hai chái có vẻ trơ trọi, trống trải. Các nơi đều rất yên tĩnh, làm tôi phải hỏi ông Men xem có phải học sinh đều đi chơi cả không. Ông ra vẻ ngạc nhiên vì thấy tôi không biết rằng hiện nay đang là kỳ nghỉ hè, tất cả học sinh đều về với gia

đình. Ông Críchcon hiệu trưởng, đang nghỉ mát ở bờ biển cùng với bà và cô Crichcon, còn tôi bị gửi đến đây trong thời gian nghỉ hè là để trừng phạt cái tội tôi đã phạm phải. Ông vừa đi vừa giải thích cho tôi rõ cả những điều ấy.

Ông ta đưa tôi vào một phong học, tôi thấy nó thật là một nơi tiêu điều, tồi tàn nhất trên đời. Hiện nay, tôi vẫn còn như trông thấy nó. Đó là một gian phòng dài có ba dãy bàn học dài, và sáu dãy ghế dài, chung quanh lờm chờm những móc treo mũ và bảng. Những mảnh vở cũ và bài làm ngổn ngang trên mặt sàn bản thủ. Những hộp để nuôi tằm cũng làm bằng thứ nguyên liệu trên rải khắp các mặt bàn. Hai con chuột bạch khổng nạn bị chủ bỏ rơi, chạy xuống chạy ngược trong cái lâu đài mốc meo làm bằng bìa cứng và giấy thếp, mắt đỏ ngầu sục sạo khắp cái góc xem có cái gì ăn được không. Một con chim nhốt trong cái lồng nhỉnh hơn nó một tí, thỉnh thoảng lại nhảy trên cái then ngang cao năm phân, hay từ chỗ đứng buông xuống những tiếng lách tách ảo não nhưng không hót mà cũng không kêu. Trong phòng có mùi là lạ, thum thum như mùi nhang ẩm, mùi táo bí hơi, mùi sách mốc. Khắp phòng vung vãi đầy mực y như nhà không có mái từ khi dựng lên và suốt cả bốn mùa trong năm bị mực xối xuống như mưa, như bão.

Trong khi ông Men bỏ tôi đứng một mình để mang đôi giấy cao cổ không vá vúi gì được nữa lên gác thì tôi thông thả đi lên đầu kia lớn, vừa im lặng đi vừa nhận xét những điều kể trên. Bỗng tôi vấp vào cái biển làm bằng bìa cứng, viết rất nắn nót đặt trên bàn học trò, trên có những chữ: “Coi chừng, nó cắn”

Tôi vội leo lên bàn thấy giáo, sợ rằng ở dưới gầm, ít nhất cũng phải có một con chó kéch xù. Nhưng đưa mắt lo lắng nhìn khắp nơi tôi vẫn chẳng thấy chó má nào cả. Tôi còn liếc tìm khắc nơi thì ông Men vào và hỏi tôi làm gì thế?

“Thưa thầy, xin lỗi thầy, con tìm con chó” tôi nói

“Con chó ả à” ông hỏi “... chó nào ?”

“Thế thưa thầy, thầy có con chó phải không ạ ?”

“Thế nào... chó à ?”

“Thưa thầy... thế phải coi chừng cái gì ạ... cái gì nó cắn ạ ?”

“Không, Copophin ạ” ông nghiêm nghị nói.

“Không phải là con chó đâu, mà là một thằng bé. Copophin, thầy được lệnh phải đeo cái biển này vào lưng em. Thầy lấy làm buồn vì phải bắt đầu làm quen với em bằng cách này, nhưng thầy bắt buộc phải làm thế”

Nói đoạn ông kéo tôi xuống đeo vào tôi cái biển làm cốt để đeo trên lưng như người ta đeo cái bị và từ đó về sau đi đâu tôi cũng được cái vinh hạnh mang nó đi.

Cái biển này làm tôi phải chịu những nỗi cơ cực không ai có thể tưởng tượng được. Dù người ta có trông thấy tôi hay không, vẫn tưởng như họ đang đọc dòng chữ đó chỉ khi quay lại không thấy ai ở đằng sau tôi mới hú vía, vì lúc nào tôi cũng tưởng có người đứng sau lưng tôi. Con người chân gỗ tàn ác lại càng làm tôi thêm khổ nhục. Hẳn là kẻ có thẩm quyền, nên khi thấy tôi tựa lưng vào cây, vào tường hay vào nhà, là hẳn từ ở cửa gian buồng nhỏ hẳn ở, cất giọng sang sảng quát:

“Này, cậu Copophin kia nhá ! quay biển ra cho mọi

người trông thấy, không thì tôi mách cho đấy”

Sân chơi lát sỏi tro trụi, quay vào phía nhà ở và nhà dưới. Tôi biết rằng những người đầy tớ ở đây đều đọc cái biển đó, người làm thịt, người làm bánh, trong nhà lúc buổi sáng. Tóm lại, lúc buổi sáng khi tôi bị bắt buộc phải đi dạo quanh thì tất cả các người qua lại trong nhà đều đọc thấy rằng phải coi chừng tôi, vì tôi cần đấy. Tôi còn nhớ là tôi bắt đầu cảm thấy mình dăm ra sợ mình tưởng mình là thằng bé rô đại cần người ta thật.

Ngoài sân có một cái cửa đã cũ trên đó học sinh thường quen khắc tên mình vào. Cửa đầy nhan nhản những tên khắc như thế. Tôi sợ hãi nghĩ rằng ngày nghỉ sắp hết rồi và chúng sắp trở lại trường, cho nên mỗi khi đọc một tên trong đó, tôi lại lo không biết chúng đọc câu “Coi chừng kéo nó cần !” thì giọng chúng sẽ như thế nào. Có một cậu học trò, tên là Xtiêcphoóc gì đó, đã khắc tên mình rất sâu, và tôi tưởng tượng cậu luôn luôn cất giọng khá to đọc dòng chữ này, rồi đến túm tóc tôi mà kéo. Có một cậu nữa tên là Tomi Trát đơn mà tôi sợ là sẽ làm điệu giả sợ hỏi tôi, để lấy tôi ra làm trò cười. Lại còn một thứ cậu ba, là Joóc Đempon mà tôi tưởng tượng là sẽ ngâm to câu đó lên. Co ro, bé nhỏ đứng nhìn cái cửa ấy. Tôi tưởng như đang đợi các ông chủ của những tên này (ông Men bảo tôi lúc đó trường có cả thầy bốn mươi lăm học trò) đồng thanh cất tiếng tẩy chay tôi, và mỗi người một giọng khác nhau réu lên: “Coi chừng, nó cần !”

Ở chỗ những bàn học và những ghế dài tôi cũng cảm thấy thế.

Và khi đi vào giường ngủ, liếc nhìn những dãy

giường vắng ngắt, cũng như khi đã nằm trên giường tôi đều cảm thấy như thế. Tôi nhớ lại là suốt mấy đêm liền, tôi mê thấy được ở cạnh mẹ tôi như ngày xưa vậy, hoặc đang đến chơi nhà ông Pécgôtin hoặc đang đi xe ngựa ngồi trên mũ xe hoặc lại ngồi ăn với anh hầu bàn, anh bạn khốn khổ của tôi. Và trong những giấc mơ này, những người đó đều tròn xoe mắt, kêu lên khi nhận ra rằng tôi chỉ mặc độc có mỗi cái áo ngủ phong phanh và đeo cái biển đó.

Trong cuộc đời tẻ nhạt luôn luôn sợ là trường sắp khai giảng, đó thực là một điều đau khổ không sao chịu nổi. Ngày nào tôi cũng phải làm những tài tập dài mà ông Men ra cho, và vì không bị ông Mocxtôn và cô Mocxtôn ám ảnh nên tôi làm được không đến nỗi tồi tệ. Trước và sau khi làm bài, tôi được đi dạo dưới sự kiểm soát của người chân gỗ, như tôi đã nói trên. Tôi nhớ lại rất cụ thể cái vẻ ươn ướt chung quanh nhà, những hòn đá lát sân nứt nẻ, rêu xanh rì, một cái thùng nước đã cũ rò chảy, và những thân cây bạc mầu của vài cái cây dữ dội hình như đã bị nước mưa sũng vào nhiều hơn cả, và ít được ánh nắng mặt trời chiếu hơn các cây khác. Đến một giờ thì ông Men và tôi ăn cơm ở cuối phòng ăn dài kê đầy những bàn gỗ tạp và sặc mùi mỡ. Rồi chúng tôi lại làm thêm bài tập cho đến lúc ổng trà, ông Men uống trong một cái tách xanh còn tôi thì trong một cái bình kẽm. Suốt ngày, cho đến bảy, tám giờ tối, ông Men ngồi ở bàn làm việc riêng của mình, trong lớp hì hục nào bút, mực, thước, nào sổ, nào giấy, làm những biên lai cho học kỳ trước (tôi đã phát hiện là ông đang làm biên lai). Khi thu xếp xong giấy má để đi ngủ, ông lấy sáo ra thổi mãi cho đến lúc tôi hơi có cảm tưởng là

cứ thổi như thế thì dần dần người ông sẽ chui vào miệng sáo to tướng và tan thành hơi, bốc ra ở những lỗ sáo.

Tôi hình dung hình ảnh bé nhỏ của tôi trong những gian phòng mờ mờ ánh đèn, đang ngồi dựa đầu vào tay vừa nghe tiếng sáo âu sầu của ông Men, vừa học thuộc lòng những bài học ngày mai, tôi như thấy hình ảnh tôi gấp sách lại ngồi im nghe tiếng sáo sầu thảm của ông Men, và qua cái nhạc điệu đó nghĩ đến cảnh tượng ở gia đình tôi, lắng nghe tiếng gió thổi trên bãi cát Yacmao, và tôi cảm thấy buồn bã, bơ vơ vô cùng. Tôi thấy hình ảnh tôi lên đi ngủ những cái buồng nhỏ trống, và ngồi xuống khóc ở thành giường vì thiếu một lời âu yếm của chị Pecgôti. Tôi thấy hình ảnh tôi đang đi xuống lúc sáng sớm và nhìn qua cái cửa sổ dài ở cầu thang trông như một cái sẹo ghê tởm, nhìn chuông nhà trường treo ở nóc một cái chòi trên có chong chóng, nôm nớp lo sợ ngày nó rung lên gọi Xtiêcphooc và các học sinh khác, nhưng sự lo sợ của tôi lúc này còn chưa bằng lúc người chân gỗ vặn khóa ở cửa song sắt đã gỉ và mở cho ông Críchcon khủng khiếp vào. Trong những hình ảnh trên, tôi không thấy tôi là một nhân vật nguy hiểm lắm, nhưng trong mỗi hình ảnh đó trên lưng tôi vẫn đeo cái biển báo rằng tôi là con người nguy hiểm.

Ông Men không bao giờ nói nhiều với tôi, nhưng ông cũng không bao giờ đối xử tệ với tôi, tôi thấy chúng tôi tuy không nói chuyện với nhau, nhưng là bạn của nhau. Tôi quên không nói là thỉnh thoảng ông hay nói một mình, cười gằn, nắm tay lại rồi nghiêng răng bứt tóc một cách khó hiểu. Đó là những đặc điểm đặc biệt của ông. Đầu tiên tôi thấy sợ, nhưng rồi dần dần cũng quen đi.

Chương VI

TÔI MỞ RỘNG PHẠM VI GIAO THIỆP

Tôi giống như vậy độ gần một tháng, bỗng thấy người chân gỗ xách chổi và xô nước bắt đầu tập tễnh đi khắp nơi. Tôi cho rằng người ta chuẩn bị đón ông Críchcon và học trò. Tôi đoán không nhầm vì trước đó đã lâu, người ta mang chổi vào phòng học đuổi tôi và ông Men ra ngoài rồi mặc chúng tôi muốn sống ở đâu được thì sống, muốn xoay xở ra sao thì xoay xở. Như thế mất đến vài ngày. Trong thời gian đó, chúng tôi luôn gặp hai ba người đàn bà trẻ từ trước đến nay chúng tôi không thấy bao giờ. Và chung quanh chúng tôi bụi mù trời đến nỗi ở Xalem học hiệu tôi cứ bị bắt hơi như là đang sống trong một hộp lớn đứng thuốc lá vụn.

Một hôm, ông Men cho tôi biết là có lẽ đến chiều thì ông Críchcon về. Đến tối sau bữa uống trà được biết ông đã về thật. Trước giờ đi ngủ, người chân gỗ đến tìm và đưa tôi đến trình diện với ông Khu nhà ông Crichcon ở có đầy đủ tiện nghi hơn nhà chúng tôi nhiều và có một khu vườn nhỏ nhìn rất vui mắt, rất đáng yêu sau cái sân chơi đầy bụi,

giống như một bãi sa mạc thu nhỏ lại, đến nỗi theo tôi ngoài lạc đà ra, không một con vật nào có thể sống ở đó thoả mái. Hành lang có vẻ sang trọng làm tôi sợ sợ, vừa tiến về phía ông Crichcon vừa run. Khi đến trước mặt ông, tôi mất hết tinh thần đến nỗi gần như không trông thấy bà Crichcon và cô Crichcon (cả hai đều ở đấy, trong phòng khách) mà chỉ trông thấy ông Crichcon người to lớn ngồi trong ghế bành với dây đeo đồng hồ và đồ trang sức đeo lủng lẳng và bên cạnh là một cái chai và một cái cốc. Ông Crichcon nói:

“À! Đây là ông tướng cần phải giữa răng phải không? Anh quay nó lại đây xem.”

Người chân gỗ xoay người tôi nửa vòng để ông ta trông thấy cái biển. Sau khi để ông ta đủ thì giờ ngắm nghía tôi kỹ càng, hắn lại bắt tôi xoay nốt nửa vòng nữa để tôi nhìn thẳng vào mặt ông Crichcon, rồi hắn đứng sừng sững cạnh ông ta. Ông Crichcon có bộ mặt đỏ, cặp mắt nhỏ và rất sâu, những đường gân đầy nổi lên trên trán, mũi thì bé và cằm lại to. Phía trên trán thì hói, lơ thơ vài sợi tóc mảnh hoa râm có vẻ uơn ướn chạy dọc theo thái dương rồi bắt chéo ở trên trán. Những điều làm cho tôi chú ý nhất là ông nói không ra hơi và thì thào. Sự cố gắng của ông ta khi nói, hay là ông ta thích nói theo kiểu nhỏ nhẹ đó, làm tăng thêm vẻ cấu kính trên bộ mặt của ông làm cho các đường gân càng nổi bật lên khi nói, và ngày nay nhớ lại thì tôi không lấy gì làm lạ vì sao đặc biệt đó lại làm cho tôi chú ý nhất.

“Thế bây giờ” ông Crichcon nói “anh có cần báo cáo gì về tên học trò này không?”

“Không có gì cả ạ” người chân gỗ trả lời. “Hắn

không có cơ hội nào để gỡ trò cả”.

Tôi có cảm tưởng là ông Crichcon thất vọng nhưng bà Crichcon và cô Crichcon (lúc đó mới nhìn thẳng vào họ lần đầu tiên và thấy cả hai người đều mảnh dẻ và lặng lẽ) thì không tỏ vẻ thất vọng gì.

“Mời ông tướng lại đây!” ông Crichcon nói, lấy tay ra hiệu cho tôi.

“Lại đây !” người chân gỗ nhắc lại và cũng bắt chước làm dáng điệu đó.

“Tao rất hân hạnh được quen bố dượng mày” ông ta kéo tai tôi và thêu thào nói như vậy “và bố dượng mày là một người đáng quý, một người kiên nghị. Ông ta biết tao và tao biết ông ta. Còn mày, mày có biết tao không ?” ông Crichcon vừa nói vừa khoai trs beo tai tôi.

“Thưa ông, chưa ạ” tôi trả lời, sợ run lrm.

“Chưa à ?” ông Críchcon nhắc lại “nhưng cũng chưa chậm lắm phải không ?”

“Chưa chậm lắm phải không ?” người chân gỗ nhắc lại. Sau này tôi mới rõ vì giọng hần to nên hần thường đóng vai thông ngôn cho ông Críchcon với học sinh.

Tôi rất sợ và nói rằng nếu ông cho phép thì tôi cũng hy vọng là chưa chậm lắm. Trong cả thời gian này tôi thấy tai nóng bỏng như lửa đốt vì ông beo mạnh quá.

“Tao sẽ bảo mày biết tao là ai” ông Críchcon lại thêu thào nói và buông tai tôi ra sau khi đã xoắn thêm một cái rất mạnh làm cho nước mắt tôi chảy giàn giụa. Ông Crichcon nói “Tao là người Tacta !”

“Khi tao nói tao sẽ làm việc gì là tao làm” ông Crichcon nói và khi tao bảo “ta muốn người ta làm việc gì,

thì người ta phải làm việc đó”.

“Muốn người ta làm việc gì thì người ta phải làm việc đó” người chân gỗ nhắc lại.

“Tao là một người rất cương quyết” Ông Crichcon nói. “Đó tao như vậy đấy, Tao làm nhiệm vụ của tao. Đây công việc tao là như vậy. Còn gia đình riêng của tao (hi nói câu này ông ta nhìn bà Crichcon) sẽ không phải là gia đình của riêng tao nữa, khi nó chống lại tao, tao từ nó. Còn gã ấy (lúc này ông ta nói với người chân gỗ) đã trở lại đây chưa.”

“Thưa chưa ạ”

“Chưa à ?” Ông Crichcon bảo. “Hắn thừa biết rằng ai đang ngồi đợi hắn đây. Hắn đã biết tôi đây. Hắn phải xa tôi ra. Tôi nói: hắn phải xa tôi ra” ông Crichcon vừa nói vừa đập tay xuống bàn và nhìn bà Crichcon “Vì hắn biết tôi...bây giờ mày cũng bắt đầu biết tao rồi đấy anh bạn trẻ, mày có thể rút đi được rồi đấy. Thôi tống cổ nó ra đi !”

Tôi rất mừng được rút lui, vì bà Crichcon và cô Crichcon cả hai đều lấy khăn thấm nước mắt và tôi cũng cảm thấy bất tiện cả cho họ lẫn cho tôi. Nhưng trong óc tôi còn có một điều băn khoăn nên không thể nhin được và tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại can đảm được như vậy.

“Thưa ông, ông cho phép”

“Mày muốn cái gì nữa?” ông Crichcon thêu thào đưa cặp mắt nẩy lửa nhìn tôi như muốn đốt cháy tôi bằng tia mắt đó.

“Thưa ông, ông cho phép” tôi lắp bắp “Ông có thể cho phép tôi... tôi rất thành thực hối hận về việc tôi đã làm. Xin ông cho phép tôi được bỏ tám biển này ra trước khi học sinh trở về”.

Không hiểu ông Crichcon hoá cho tôi sợ hay thực tâm hành động như vậy, nhưng bất thành linh ông ta chồm dậy khỏi ghế bành. Tôi vội vàng chuồn thẳng, không đợi người chân gỗ đưa về nữa, và đi tuốt về phòng. Về đến nơi không thấy ai đuổi theo, tôi liền đi nằm, vì đã đến giờ đi ngủ, và nằm trên giường hai tiếng đồng hồ mà vẫn còn run.

Sáng hôm sau, ông Sácơ về. Ông Sácơ là giáo sư chính và là cấp trên của ông Men. Ông Men cùng ăn cơm với học sinh, còn ông Sácơ ăn cơm với Crichcon. Ông là người nhu nhược, nhưng tôi thấy ông có vẻ tế nhị. Ông có cái mũi dài và thường hay nghiêng đầu về một bên, hình như đối với ông cái đầu như hơi quá nặng. Tóc thì mượt và quăn nhưng anh học sinh trở lại trường trước nhất bảo tôi rằng đó là bộ tóc giả (chắc là bộ tóc giả mua lại) và chiều thứ bảy nào ông Sácơ cũng phải đi uốn lại.

Chính Tomy Tratdon đã nói cho tôi biết điều đó. Cậu là người trở về trước nhất. Cậu tự giới thiệu với tôi bằng cách nói cho tôi biết tên cậu ghi ở góc phải cửa cửa ra vào, phía trên ổ khóa.

Tôi hỏi “Tratdon à ?” Cậu trả lời “Tớ đấy”. Rồi cậu hỏi tỉ mỉ về gia đình và bản thân tôi.

Tratdon về trước tiên thật là điều may cho tôi. Cái biến tôi đeo làm cho cậu thích thú đến nỗi việc cậu thấy tôi đeo biến không làm cho tôi lo lắng nữa về việc bị phát hiện cũng như việc che giấu vì cậu đã giới thiệu ngay tôi tất cả các học sinh lớn và bé khác khi chúng vừa đến: Lại mà xem các cậu ơi! có cái này hay lắm?” May thay, phần lớn học sinh về, đều đã mệt lử nên cũng không làm nhộn lấm như tôi tưởng. Tuy nhiên nhiều đứa xúm lại nháy khiêu vũ

như những người da đỏ mông muội chung quanh tôi và phần lớn không đấu tranh nổi với ý nghĩ giả vờ coi tôi là con chó, vuốt ve nịnh nọt tôi, sợ bị tôi cắn, nên quát “Nằm xuống đi !” và gọi tôi là “Con Quýt”. Tất nhiên điều đó làm tôi rất xấu hổ trước bao người lạ và làm cho tôi chảy nước mắt. Dẫu sao thế vẫn còn khá hơn điều tôi dự đoán trước rất nhiều.

Nhưng người ta vẫn chưa coi tôi như chính thức được nhận vào trường trước khi Xtiêcphooc đến. Tôi được dẫn đến trước anh ta như đến trước quan toà. Anh là một học sinh xuất sắc, bảnh trai, hơn tôi ít nhất sáu tuổi. Anh hỏi ở cái nhà chái ngoài sân chơi về trường hợp phạm lỗi của tôi và nhận xét rằng đó thật là “vô liêm sỉ”. Câu nói này làm tôi cứ mang ơn anh mãi.

Sau khi đã giải quyết xong công việc trên, anh kéo tôi riêng một nơi và hỏi tôi:

“Này Copophin, cậu có bao nhiêu tiền ?”

“Có bảy si-ling” Tôi nói

“Đáng lẽ cậu phải gửi tờ giữ cho” anh bảo tôi như thế “Cậu có thể đưa tờ nếu cậu đồng ý. Cái đó không bắt buộc đâu nếu cậu không gửi thì thôi”

Tôi vội vàng tuân theo sự gợi ý “thân mật” này và mở ví của chị Pécgôtin, dốc cả số tiền vào tay anh. Anh hỏi:

“Bây giờ cậu có muốn tiêu gì không ?”

“Cảm ơn anh, không ạ” Tôi trả lời.

“Nếu cậu muốn tiêu gì cũng có thể được” anh bảo

“Cậu cứ bảo tớ nghe không ?”

“Không, cảm ơn anh” tôi nhắc lại

“Chắc cậu muốn tiêu hai hay ba si-ling mua một chai

rượu ngọt chốc nữa về phòng ngủ uống phải không ?
Xtiêcphoóc nói: “Tớ biết cậu ở cùng phòng ngủ với tớ”.

Tất nhiên ý nghĩ đó trước kia tôi không có, nhưng lúc đó tôi nghĩ tán thành ngay. Xtiêcphoóc bảo.

“Thế thì tốt lắm. Chắc cậu cũng đồng ý tiêu thêm độ một hai si-ling nữa để mua bánh ngọt hạnh nhân chứ ?”

“Tôi cũng thích thế lắm” Tôi bảo

“Và mua thêm một hai si-ling bánh bích quy và một si-ling hoa quả nữa chứ” Xtiêcphoóc nói: “Này Copophin cậu đồng ý chứ ?”

Thấy anh mỉm cười tôi cũng mỉm cười nhưng không khỏi băn khoăn. Xtiêcphoóc bảo: “Chúng ta cần phải tận dụng số tiền này. Tớ sẽ hết sức giúp cậu. Tớ có thể ra ngoài lúc nào cũng được và mang lậu các thức ăn vào đây.”

Nói xong anh rút tiền vào túi và thân mật bảo tôi đừng lo anh sẽ để ý làm sao công việc được trôi chảy. Anh đã giữ đúng lời hứa. Nếu cho như thế là ổn lắm rồi thì cũng phải vì tôi ngại rằng như thế không ổn gì hết (vì tôi sợ rằng hai đồng nửa “cờ-rao” mẹ tôi cho đã bị tiêu phí sạch mặc dầu tôi còn giữ lại được tờ giấy gói số tiền đó, đó cũng là đã cứu vãn được một kỷ niệm quý báu). Khi chúng tôi lên phòng ngủ, anh đưa tôi xem tất cả những thức đã mua được với số tiền bảy si-ling và bày tất cả lên các giường dưới ánh sáng trăng rồi bảo.

“Đây này, Copophin! Cậu có một tiệc thật là “chúa” nhé!

Vào tuổi tôi, nhất là khi có anh ở bên cạnh, tôi không thể nghĩ đến việc mình phải chủ toạ bữa tiệc chỉ nghĩ tới việc đó thôi, tay tôi cũng đã run lên. Tôi bèn xin

anh làm ơn chủ tọa hộ bữa tiệc, và các học sinh trong phòng ủng hộ lời tôi yêu cầu. Anh nhận lời rồi ngồi trên cái gối của tôi và lần lượt chia phần (tôi phải nói là chia rất công bằng) và lấy một cái cốc đã mất chân của riêng anh ra để rót rượu chia cho anh em.

Còn tôi, tôi ngồi bên trái anh, những đứa khác thì vây quanh chúng tôi, ngồi trên giường gần đó và ngồi cả dưới đất nữa.

Bây giờ tôi còn nhớ lại quang cảnh lúc đó rất rõ ràng: chúng tôi nói chuyện thì thảo (hay nói đúng hơn, chúng nó nói, tôi nghe một cách trịnh trọng). ánh sáng trắng chiếu qua cửa sổ vào phòng in hình cửa sổ xanh mờ lên trên mặt đất. Phần lớn chúng tôi đều ngồi trong bóng tối, trừ khi cần tìm một vật gì trên bàn thì Xtiêcphoóc nhúng một que diêm vào cái hộp đựng lân tinh, và lúc đó một thứ ánh sáng xanh lè chiếu vào chúng tôi, rồi lại tắt ngay. Một thứ tình cảm huyền bí do bóng tối, do tính chất bí mật của cuộc liên hoan, do tiếng nói thầm thì gây nên, xâm chiếm tâm hồn tôi (và tôi nghe những lời chúng nó nói với tôi, có vẻ trịnh trọng, nề sợ) và làm cho tôi sung sướng thấy rất gần gũi chúng, đồng thời làm cho tôi sợ hãi (mặc dù tôi vẫn phải giả vờ cười gượng) khi Trátđơn bảo là trông thấy ma ở góc nhà. Nghe chúng nói, tôi biết được nhiều chuyện xảy ra trong trường cũng như về những nhân vật ở trường. Tôi biết được không phải là vô cơ mà ông Crichơn đã thích phong cho mình cái tên là “Tácta” và ông là giáo sư nghiêm nhất ngày nào ông cũng đánh tả đánh hữu xông xáo giữa đám học sinh như một người kỵ binh và vụt lia lịa. Xtiêcphoóc bảo là ông chỉ biết nghề đánh học

sinh thôi còn thì dốt hơn cả đứa học sinh kém nhất trường. Những năm trước đây ông ta bán cây “hốt bốt” ở khu phố Xaouót rồi chuyển sang kinh doanh nghề dạy học, sau khi bị vỡ nợ vì bán “hốt bốt” và làm khánh kiệt cả gia tài của bà Crichcon, và còn nhiều chuyện khác tương tự như thế mà tôi cũng không hiểu tại sao chúng nó lại biết được.

Tôi còn được biết rằng người chân gỗ tên là Tungay là một tên rất độc ác trước kia cùng tham dự nghề buôn bán “hốt bốt” nhưng sau cũng chuyển sang ngành giáo dục cùng với ông Crichcon. Hắn đã làm khá nhiều việc bất chính cho ông ta nên biết rõ bí mật của ông ta. Tôi còn được biết rằng ngoài ông Crichcon ra, Tungay coi mọi người trong nhà trường, thầy giáo cũng như học trò, như những kẻ thù tự nhiên của hắn, và niềm vui độc nhất của hắn là tố ra nghịêt ngã và độc ác đối với họ. Tôi cũng được biết rằng ông Crichcon có một cậu con trai không thân thiện với Tungay, cậu con làm việc ở trường và có hôm đã phản đối lại ông trong trường hợp nhà trường thi hành kỷ luật một cách quá độc ác, và người ta còn cho rằng anh phản đối cách ông đối xử với mẹ anh nữa. Tôi nghe nói rằng vì thế ông Crichcon đã đuổi anh đi và từ đó bà Crichcon và cô Crichcon rất buồn rầu.

Nhưng điều kỳ lạ nhất mà tôi được biết về ông Crichcon là trong trường có một học sinh mà ông ta không dám động tới, đó là Xtiécphoóc. Chính Xtiécphoóc khi nghe nói thế cũng công nhận là đúng, và lên tiếng thách xem ông ta có dám làm thế không. Có lần một cậu học sinh hiền lành (không phải là tôi đâu) hỏi anh ta rằng nếu ông ta đánh anh thì anh sẽ làm gì ? Anh liền có ý bật xoè một que diêm lên

như thể soi sáng cho câu trả lời của anh và nói là trước hết sẽ lấy chai mực giá bảy si-ling sáu pen-ni vặn để trên lò sưởi mà choảng vào giữa trán ông ta cho ông ta gục xuống. Chúng tôi ngồi yên một lúc trong bóng tối, nín thở.

Tôi được biết ông Sácơ và ông Men được trả lương rất tẻ, và khi nào có thịt nóng và thịt nguội để ăn bữa trưa ở bàn ông Crichcon thì ông Sácơ bao giờ cũng nói rằng mình thích ăn thịt nguội hơn (điều này cũng lại cho chính Xtiécphoóc người học sinh duy nhất ăn ở nhà ông Crichcon công nhận). Tôi được biết rằng bộ tóc giả của ông Sácơ không hợp với ông ta lắm và ông ta bắt tất phải “đương tự đặc như thế (có người nói là “ngạo mạn”) vì người ta trông thấy rõ cả tóc thật màu đỏ của ông lòi ra ở đằng sau.

Tôi lại biết có một học sinh là con một người bán than đã học để bù vào tiền nhà trường đã mua than (trong quyển sách số học có một danh từ thích hợp để chỉ cái lối thu xếp này, tức là danh từ “trao đổi phẩm vật”). Tôi biết rằng rượu bia để ở bàn ăn chúng tôi là để đánh lừa các phụ huynh và món pút-đinh cũng là để bịp. Tôi biết rằng toàn thể học sinh cho cô Crichcon say mê anh chàng Xtiécphoóc. Ngồi trong bóng tối này khi nghĩ đến giọng nói dịu dàng của anh, đến bộ mặt đẹp trai, cử chỉ dễ dàng và mái tóc loăn xoăn của anh, tôi thấy rằng có thể như thế lắm. Tôi biết ông Men không phải là người xấu, nhưng ông không có một xu dính túi, và bà Men, mẹ của ông cũng nghèo chẳng khác gì ông Jốp⁽¹⁾ vậy. Tôi chợt nhớ đến bữa ăn sáng hôm nào của tôi và cái câu tôi đã nghe thấy giống

⁽¹⁾ Tên một người trong kinh thánh rất giàu có, sau Chúa thứ thách làm cho gia tài khánh kiệt nhưng vẫn tin và cầu nguyện chúa.

như là “Sacli của mẹ”. Tôi rất sung sướng nhớ là tôi đã cảm như hén không đem chuyện đó nói ra.

Muốn biết tất cả những chuyện ấy và nhiều chuyện khác nữa, cần phải có một thời gian dài hơn thời gian bữa tiệc. phần lớn những khách dự tiệc đều nằm lăn quay ra sau khi chén hết sạch các thức ăn uống. Chúng tôi thì cởi một phần quần áo để đi ngủ nhưng còn ngồi lại thì thầm nói, và nghe nhau kể chuyện, rồi sau cùng đi vào giường nốt. Xtiécphoóc bảo:

“Thôi ngủ ngon nhé Copơpin. Tớ sẽ trông nom cậu”

“Anh tốt quá ! Tôi rất cảm ơn anh” tôi cảm kích đáp

“Cậu có chị em gái gì không ?” Xtiécphoóc ngập hỏi.

“Không ạ !”

“Thật rõ tiếc” Xtiécphoóc nói: “Nếu có, thì tớ chắc chị cậu, em gái cậu phải là một loại phụ nữ xinh xắn e lệ, nhỏ nhắn và có đôi mắt long lanh, và tớ thích được quen cô ta. Thôi Copơpin, ngủ ngon nhé !

“Chúc anh ngủ ngon”. Tôi đáp.

Sau khi nằm tôi vẫn còn nghĩ đến anh ta rất nhiều, và tôi nhớ là còn nhòm dậy nhìn anh đang nằm ngủ dưới ánh trăng ngẩng bộ mặt tuấn tú lên, tựa cái đầu rất duyên dáng trên cánh tay. Tôi thấy anh quả là một người có uy thế lớn, vì vậy tôi cứ nghĩ ngợi mãi về anh. Trên khuôn mặt của anh, dưới ánh sáng trăng không thấy một bóng sáng nào của tương lai hiện lên. Tôi nằm mơ đi chơi suốt đêm trong vườn nhưng không thấy ở bước chân anh có một chút hình bóng nào hết.

Chương VII

HỌC KỲ THỨ NHẤT CỦA TÔI Ở XA LEM HỌC HIỆU

Hôm sau, lớp học thật sự bắt đầu. Tôi nhớ là có một đối tượng rất sâu sắc, vì phòng học đang râm rĩ tiếng nói, bỗng im phăng phắc khi ông Crichcon bước vào, sau bữa ăn sáng, và đứng ở bậc cửa đưa mắt nhìn chúng tôi suốt lượt, như là anh khổng lồ trong truyện cổ tích đang ngắm nghía những người bị hấn bắt.

Tungay đứng bên cạnh ông Crichcon. Tôi cho rằng hấn không còn lý do gì để quát: “Im lặng !” một cách dữ tợn như vậy nữa vì học sinh đều đã đứng im như phỗng và câm như hến cả rồi. Người ta, thấy ông Críchcon lấp bấp và nghe Tungay nói như sau:

“Các chú học sinh ! giờ đây chúng ta bước vào học kỳ mới. Học kỳ này, thái độ các chú phải cẩn thận đấy. Tôi khuyên các chú học hành cho hăng hái bởi vì tôi cũng sẽ hăng hái trừng phạt. Tôi sẽ không chùn tay đâu. Tôi sẽ nện vào bạng sườn các chú và các chú dù có xoa bóp cũng không hết vết lằn đâu. Và bây giờ tất cả mọi người bắt tay

vào việc nào !”

Khi nói xong lời khai mạc dễ sợ này, và khi Tungay đã tập tễnh đi ra, ông Críchcon đến chỗ tôi ngồi, bảo tôi rằng nếu tôi nổi danh cán giỏi thì ông cũng có tiếng cán giỏi lắm đấy. Rồi ông giở cho tôi xem cái gậy của ông xem tôi nghĩ thế nào về “cái răng này”. “Cái răng nó có nhọn không hử ?” “Cái răng này có to không hử ?” “Nó có cán được không hử ?” Cứ hỏi mỗi câu hỏi như thế ông lại quật tôi một cái làm cho tôi đau quần quai cả người. Như Xtiecpheóc bảo như thế là tôi đã được làm quen với Xalem học hiệu đấy và chẳng mấy chốc mà tôi khóc suốt suốt.

Tôi không có ý nói rằng chỉ mình tôi được biệt đãi đặc biệt như thế mà thôi. Trái lại, phần lớn anh em học sinh (nhất là học sinh bé) đều được ông Crichcon chiều cố theo kiểu ấy trong khi ông đi vòng một lượt trong lớp. Một số học sinh trong trường quần quai kêu khóc trước khi bắt đầu vào học, và tôi không dám kể là bao nhiêu người đã giẫy giụa và kêu khóc trước khi tan học, sợ rằng mang tiếng là nói quá sự thực.

Tôi nghĩ rằng không bao giờ có thể có người nào thú cái nghề của mình hơn ông Críchcon. Ông ta cảm thấy khoái trá trong việc nện học sinh giống như người đói được bữa ăn rất ngon miệng. Tôi không dám chắc ông đặc biệt không sao nhịn được khi thấy một đứa trẻ bụ bẫm, và ông say mê nó quá đến nỗi đứng ngồi không yên nếu trong ngày đó không nائم được nó mà nện. Tôi cũng là đứa trẻ bụ bẫm nên tôi biết rõ điều đó lắm.

Giờ đây, khi nghĩ đến nhân vật này tôi lại tức lộn ruột, tôi dám chắc lòng công phần ấy cũng vô tư như khi

tôi không bị nằm trong tay lão và biết rõ sự thật về lão. Tôi nóng tiết lên vì biết rằng lão chỉ là đồ súc sinh vô tài không đáng được quyền giữ trách nhiệm đó chút nào, cũng như không nên được quyền lái đò đốc thuyền hay làm tổng chỉ huy (có lẽ là nếu làm hai chức sau thì lão sẽ đỡ làm hại nhiều hơn) -

Là những nạn nhân nhỏ bé của một ông thần tàn bạo, chúng tôi đã tỏ ra rất hèn hạ đối với lão. Ngày nay khi nghĩ đến thái độ xấu xa, khúm núm của tôi trước cái lão tầm thường và vênh váo ấy, tôi thấy tôi đã bước chân vào đời một cách quả là khốn nạn.

Giờ đây tôi lại ngồi ở bàn học, theo dõi cặp mắt ông ta len lét theo dõi cặp mắt ông ta trong khi ông ta dùng thước kẻ một quyển vở số học cho một nạn nhân khác mà ông ta vừa dết vào ngón tay cũng bằng cái thước kẻ đó và nạn nhân của ông đang lấy khăn xoa tay cho đỡ rát. Tôi có nhiều việc làm lắm. Không phải là vì ngồi rồi mà tôi theo dõi cặp mắt ông ta, nhưng chính là vì tôi bị cuốn hút vào ông ta một cách bệnh hoạn, lo lắng muốn biết lượt tôi phải chịu đựng hay là đến lượt đứa nào khác ? Gần tôi, một dãy trẻ khác cũng chú ý theo dõi cặp mắt ông ta như tôi. Tôi cho rằng ông ta cũng biết điều đó, mặc dầu ông làm ra vẻ như không nhận thấy gì. Ông nhăn nhó kinh khủng khi kẻ quyển vở tính, và bây giờ ông nhìn thẳng vào dãy chúng tôi ngồi, chúng tôi đều cúi mặt nhìn vào sách, trong bụng nơm nớp. Một lát sau, chúng tôi ngẩng lên nhìn ông ta. Một học sinh khác phạm lỗi làm bài sai bị ông ta gọi lại gần. Thủ phạm lắp bắp xin lỗi và quả quyết xin hứa rằng mai sẽ làm khá hơn. Ông Crichton trước khi đánh hẳn còn

pha trò làm chúng tôi cũng cười... và chúng tôi cười (thật là chó má quá !). Chúng tôi cười trong khi mặt tái mét như chàm và hôn vía lên mây xanh.

Giờ đây tôi ngồi ở bàn học, một buổi chiều hè oi ả. Tiếng vo ve rì rầm chung quanh tôi, nghe y như các học sinh đều lặng nhặng xanh cả. Mùi mỡ gây nồng (chúng tôi vừa ăn cơm được một hay hai giờ gì đó) làm tôi cảm thấy lợm giọng và đầu nặng như chì. Nếu được ngủ một giấc thì mất gì cũng không tiếc. Mắt tôi nhìn chăm chú vào ông Crichcon, hấp ha hấp háy như mắt con cú con... Trong giây lát tôi ngủ thiếp đi, còn nhìn thấy hình ảnh ông lơ mờ qua giấc ngủ chập chờn đang bận kẻ các vở toán. Cho đến lúc ông len lén đến sau tôi, đánh dẹt vào lưng tôi thành một vết lằn đỏ làm tôi tỉnh giấc và nhìn thấy ông rõ ràng hẳn ra.

Giờ đây, tôi đang ở ngoài sân, mắt lúc nào cũng bị ông ta thôi miên, mặc dầu tôi không thể trông thấy ông ta được ! Ông đang ăn ở gần cửa sổ. Cửa sổ là cái vật thay thế ông và tôi đang chăm chú nhìn vào cửa sổ đó. Nếu mặt ông ta hiện ra ở cửa sổ, thì khuôn mặt tôi liền có vẻ vanlơn, phục tùng ngay. Nếu ông nhìn qua cửa kính, thì anh học trò ngổ ngáo nhất (trừ Xtiécphoóc) đang thét la cũng phải ngừng bật lại và làm ngay ra vẻ trầm ngâm. Một hôm Trátđơn (đứa trẻ xấu số nhất trần đời) chẳng may ném bóng làm vỡ miếng kính ở cửa sổ đó. Đến bây giờ tôi hãy còn run, vì lúc thấy quả bóng đã nảy lên bắn vào cái đầu thiêng liêng của ông Crichcon.

Khổ thân cho Trátđơn ! Cậu ta mặc bộ quần áo màu xanh da trời chật quá, làm cho tay chân cậu giống như là những chiếc xúc-xích Đức hay những cái bánh pút-đinh

cuốn lại, và là cậu học sinh vui tính nhất lại khổ sở nhất. Lúc nào cậu cũng bị ăn đòn. Tôi nghĩ có lẽ cả học kỳ đó, không ngày nào là ngày cậu không bị nện, trừ một ngày thứ hai cậu chỉ bị nện thước vào hai bàn tay thôi (lúc nào cậu cũng định viết thư than phiền với chú cậu về việc này nhưng vẫn chưa bao giờ viết được). Sau khi gục đầu xuống bàn một lúc, cậu cố lấy lại can đảm và lại cười và trước khi ráo nước mắt cậu vẽ những bộ xương vào bảng con của cậu. Lúc đầu, tôi tự hỏi không hiểu cậu tìm được sự an ủi gì trong việc vẽ những bộ xương như thế và trong một thời gian tôi coi cậu như một nhà ẩn sĩ thích dùng những hình tượng của sự chết chóc để nhắc cho mình nhớ rằng chế độ roi vọt không thể cứ tồn tại mãi mãi. Nhưng tôi cho rằng cậu vẽ như vậy chính là vì vẽ như thế thì dễ dàng không cần phải vẽ mặt mày gì cả.

Trátđơn rất coi trọng danh dự, và coi tinh thần đoàn kết giữa các học sinh như một nhiệm vụ thiêng liêng. Đã nhiều lần, cậu bị khổ vì cái đó, nhất là hôm Xtiêcphoóc cười ở nhà thờ làm cho người coi nhà thờ tưởng lầm là cậu và đuổi cậu ra ngoài. Tôi còn trông thấy cậu bị dẫn ra ngoài dưới con mắt khinh bỉ của các tín đồ. Không bao giờ cậu ta tố cáo đích danh thủ phạm, mặc dầu hôm sau cậu bị trừng phạt nặng nề, và bị giam giữ hàng giờ, đến nỗi lúc được thả ra, thì cậu đã vẽ xong trên quyển tự vị la-tinh cả một nghĩa địa những xương là xương. Nhưng cậu đã được hả dạ, vì Xtiêcphoóc tuyên bố rằng Trátđơn không phải là đứa mách-lẻo, và chúng tôi cho rằng đó là lời khen tốt đẹp nhất. Về phần tôi, tôi cũng sẽ có thể chịu đựng nhiều thử thách (mặc dầu tôi không can đảm bằng Trátđơn

và ít tuổi hơn cậu) để được phần thưởng như vậy.

Một trong những việc lớn nhất mà đời tôi đã được chứng kiến là trông thấy Xtiêcphoóc đi trước chúng tôi khoác tay cô Crichcon đến nhà thờ. Tôi không cho rằng vẻ mặt sắc đẹp cô Crichcon bằng bé Emili, và tôi cũng không mê cô ta, (tôi không dám mê), nhưng cô ta là một người trẻ và hấp dẫn lạ lùng, không ai lịch sự hơn. Khi thấy Xtiêcphoóc diện quần áo trắng, cầm cái ô của cô để che cho cô, tôi cảm thấy rất hãnh diện được quen anh, và tôi tin chắc chắn rằng cô chỉ còn cách là hiểng dăng cả trái tim cho anh. Ông Sácơ và ông Men đối với tôi là hai nhân vật quan trọng, nhưng Xtiêcphoóc so với hai ông cũng ví như mặt trời so với hai ngôi sao vậy.

Xtiêcphoóc vẫn che chở cho tôi và tỏ ra là một người bạn thân rất có ích và không có một ai dám động đến con người đã được anh che chở. Anh không thể che chở cho tôi (hay nói đúng hơn anh tránh không làm điều đó) chống lại ông Crichcon là người rất “hắc” đối với tôi. Nhưng mỗi lần tôi bị ông ta đối xử tàn tệ là anh nói luôn với tôi rằng tôi thiếu can can đảm của anh, và nếu anh bị thế thì anh không chịu đâu. Tôi biết anh nói thế là để động viên tôi, và tôi cho rằng anh làm thế là rất tử tế. Thái độ nghiêm khắc của ông Crichcon có một cái lợi cho tôi (theo tôi biết thì chỉ có một người thôi). Ông thấy cái biển tôi đeo làm vướng ông khi ông đi lại sau ghế tôi ngồi và muốn nện cho tôi một aay lúc đi qua. Vì lẽ đó nên chẳng bao lâu cái biển tôi đeo được bỏ đi, và tôi không trông thấy nó nữa.

Một trường hợp nữa xảy ra thật chặt tình thân ái giữa tôi Xtiêcphoóc, làm cho tôi rất hãnh diện và hài lòng, tuy

đôi khi cũng gây những điều bất tiện. Một hôm anh hạ cố nói chuyện với tôi ở ngoài sân, tôi đánh bạo nói rằng có vật gì đây hay có người nào đó (tôi cũng quên bằng đi mất đó là cái gì) trông giống như một vật gì hay một người nào trong “Pirigrin Píchcom”. Ngay lúc ấy anh không nói gì, nhưng đến tối khi sắp đi ngủ, anh hỏi tôi có quyển sách đó không ? Tôi trả lời không có, và nói cho anh biết trong trường hợp nào tôi đã được đọc sách ấy cũng như các sách mà tôi đã nói ở trên. Xtiêcphoóc hỏi tôi:

“Thế cậu có nhớ những chuyện trong đó không ?”

“Có chứ !” tôi trả lời “Tôi có trí nhớ rất tốt và chắc rằng tôi còn nhớ hết”

“Vậy thì bây giờ Copophin ạ, cậu kể lại cho tớ nghe đi. Buổi tối tớ không ngủ được sớm và buổi sáng thì thường tớ hay dậy sớm. Cậu sẽ lần lượt kể các chuyện đó cho tớ nghe. Chúng ta lấy đó làm một thứ chuyện “Nghìn lẻ một đêm vậy”.

Tôi hết sức hãnh diện về việc này, và chúng tôi bắt đầu thực hiện ngay đêm hôm đó. Tôi cũng chưa đủ trình độ để nhận định được rằng tôi đã xuyên tạc các tác giả mà tôi thích đến mức độ nào trong khi kể lại các tác phẩm của họ, và chắc tôi sẽ không muốn biết điều đó. Nhưng tôi tin tưởng sâu sắc ở họ, và tôi kể chuyện đơn giản và nhiệt tình, và những đức tính này cũng đã đem lại kết quả tốt.

Điều trở ngại nhất là thường cứ đến tối thì tôi hay buồn ngủ, hay là tôi không được khoan khoái cho lắm, hơi khó chịu trong người khi tiếp tục kể chuyện. Trong trường hợp như vậy thì rất là gay. Nhưng vẫn cứ phải làm, vì cố nhiên không thể để cho Xtiêcphoóc thất vọng hoặc mất

lòng. Buổi sáng cũng vậy, khi tôi còn mệt và đang muốn nằm thêm một giờ nữa thì phải trở dậy để kể một câu chuyện dài trước khi có chuông báo thức. Thật là vất vả như hoàng hậu Ba-tư Sêhêradats⁽¹⁾ nhưng Xtiêcphoóc thì rất thích nghe kể chuyện. Ngược lại anh giảng cho tôi những bài tính đổ, những bài tập và những điều gì quá khó trong cái bài tập của tôi, nên trong việc trao đổi này tôi cũng chẳng thiệt gì. Nhưng tôi cũng phải thanh minh rằng tôi làm như vậy không phải vì động cơ vụ lợi hay cá nhân, và cũng không phải tôi sợ anh mà làm. Tôi phục và mến anh, nên chỉ cần anh tán thành thì cũng là một phần thưởng đầy đủ đối với tôi rồi. Phần thưởng đó quý đến nỗi bây giờ mỗi khi nghĩ tới những chuyện vất vả này tôi còn thấy cảm động.

Xtiêcphoóc rất nể tôi và chính vì vậy nên một lần anh làm cho cậu Trátđơn và các bạn khác đền tội nghiệp. Bức thư mà chị Pécgôti hứa hẹn (bức thư làm cho tôi phấn khởi quá) đã đến trước khi chỉ còn vài tuần thì hết học kỳ và thư đến cùng với bánh ngọt, cam và hai chai nước quýt. Tôi đặt tất cả những bảo vật đó ở dưới chân Xtiêcphoóc và yêu cầu anh phân phát, coi việc làm đó như nhiệm vụ của tôi. Anh bảo tôi:

“Này Copophin ơi, bây giờ chúng mình sẽ làm thế này nhé: Chúng tớ sẽ dành cho cậu hai chai nước ngọt này để cậu hấp giọng khi kể chuyện”.

Nghe vậy, tôi đỏ bừng mặt và tôi yêu cầu không nên

⁽¹⁾ Nhân vật trong “Một nghìn lẻ một đêm” đã kể lại cho nhà vua nghe toàn bộ chuyện này.

làm như thế, nhưng anh nói rằng anh nhận thấy tôi đôi khi khản cổ và giọng nói đôi khi khàn khàn hay như giọng vịt đực (đó là tôi dùng đúng danh từ của anh) cho nên tất cả nước quất sẽ dành cho tôi để tôi thực hiện tốt điều anh đã nói. Do đó, anh bỏ luôn vào hòm khóa rồi gạn dần sang một cái chai con có lông ngỗng xuyên qua nút khi thấy tôi cần uống nước giải khát. Có khi để cho vị thuốc linh nghiệm hơn, anh vắt thêm ít nước cam, cho thêm tí gừng hoặc cho viên kẹo bạc hà vào và tuy tôi không nhận định được rằng uống nước ngọt pha thêm các thức đó có ngon hơn không, hay thứ nước pha chế này có phải thứ nước bổ khoẻ cho da dày cần phải uống buổi tối lúc đi ngủ hay buổi sang lúc thức dậy, nhưng tôi vẫn biết ơn anh, và tôi rất cảm động về việc anh săn sóc tôi như thế.

Tôi nhớ lại hình như chúng tôi đã để hàng tháng kể chuyện Pirigrin và mất hàng tháng kể nhiều chuyện khác nữa. Kể chuyện như vậy đã thành một thói quen và chắc rằng sẽ tiếp tục được mãi vì không sợ thiếu chuyện và nước ngọt cũng vẫn còn kéo dài như đầu đề các câu chuyện kể vậy. Cậu Trátđơn tội nghiệp (bao giờ tôi nghĩ tới cậu tôi cũng buồn cười chảy nước mắt) thường phụ hoạ vào câu chuyện, cậu giả vờ lăn bò ra cười như nắc nẻ khi nghe kể đến những đoạn hài hước, rồi lại giả vờ ra vẻ rất sợ hãi khi câu chuyện có tình tiết bi thảm. Thường thường những hành động đó làm cho tôi rất lúng túng. Tôi nhớ lại một những cách phơ trò hay nhất của cậu là giả vờ không ngăn nổi sợ hãi làm hai hàm răng đánh vào nhau, mỗi khi nói đến tên viên cảnh sát trong câu chuyện Gin Blát; và tôi nhớ lại khi kể đến đoạn Gin Blát, cậu ta giả vờ sợ hãi kinh

hoảng đến nỗi ông Crichcon đi dạo chung quanh hành lang nghe thấy tiếng và đã chiếu cố ban cho cậu một trận đòn nên thân, vì làm mất trật tự trong phòng ngủ.

Vì bị ảnh hưởng những câu chuyện kể trong bóng tối như vậy, những yếu tố mơ mộng và lãng mạn trong người tôi được phát triển, cho nên về phương diện đó việc kể chuyện đối với tôi không bỏ ích cho lắm. Nhưng vì được cung như một thứ đồ chơi ở trong phòng ngủ và vì tiếng tăm về tài kể chuyện của tôi đã lan ra trong học sinh và thu hút được sự chú ý của nhiều học sinh, mặc dù tôi bé nhỏ nhất trường, cho nên điều đó đã động viên tôi cố gắng rất nhiều. Sống trong một nhà trường mà tổ chức hoàn toàn dựa vào sự tàn nhẫn, thì dù đứng đầu tổ chức này là một thằng ngốc hay không, có khó lòng nói đến chuyện học tập được gì. Tôi cho rằng bọn học sinh chúng tôi nói chung là dốt, dốt nhất trên thế giới. Chúng bị quấy nhiễu và bị roi vọt quá nên không học hành gì được, không thể nào tiến hành học tập một cách có kết quả tốt được khi đời sống đầy những đau khổ, lo âu và luôn luôn bị đe dọa. Tuy vậy, lòng tự hào của tôi và sự giúp đỡ của Xtiêcphoóc phần nào cũng thúc đẩy tôi tiến lên, và mặc dầu nó không giúp tôi tránh được chút gì về mặt bị trừng phạt, nó cũng làm cho tôi thành một ngoại tặc đối với quy luật chung: trong thời gian ở đó tôi đã thu lượm được một ít kiến thức.

Trong sự cố gắng học tập đó, ông Men đã giúp đỡ tôi rất nhiều, ông yêu mến tôi và tôi nhớ đến ông một cách biết ơn. Điều này cũng làm cho tôi khổ tâm khi nhận thấy rằng Xtiêcphoóc luôn luôn nói xấu ông, không bỏ lỡ một dịp nào để xúc phạm những tình cảm của ông, và xúi bẩy

bạn bè cũng hành động như vậy. Thái độ của anh càng làm cho tôi bức mình trong một thời gian dài, nhất là tôi lại vừa kể cho Xtiêcphoóc (tôi không thể nào giấu anh một điều bí mật thuộc về loài này, cũng như giấu anh một cái bánh ngọt hay một vật gì khác) nghe chuyện về lai lịch hai bà già mà ông Men đã đưa tôi tới thăm, và bao giờ tôi cũng sợ rằng Xtiêcphoóc lại khơi chuyện đó ra để nhiech móc ông ta.

Thực ra, tất cả chúng tôi chẳng ai nghĩ rằng việc tôi ăn điểm tâm buổi sáng đầu tiên hôm đó và ngủ dưới bóng những chiếc lông công, nghe tiếng sáo văng vẳng bên tai, việc một con người không nghĩa lý gì như tôi đi thăm nhà tế bản lại có những hậu quả tai hại. Nhưng cuộc đi thăm ấy đã mang lại những hậu quả bất ngờ và nghiêm trọng theo kiểu của nó.

Hôm ấy ông Crichơn bị mệt nằm trong buồng. Tin này cố nhiên làm cho cả trường rất vui sướng náo nức và trong giờ học buổi sáng anh em bàn tán nhiều về việc đó. Học sinh cảm thấy nhẹ nhõm và khoan khoái nên thành khó cai quản. Và mặc dầu tên Tungay đáng sợ đã xuất hiện hai ba lần với cái chân gỗ và biên tên những thủ phạm chính, điều đó cũng không làm chúng sợ chút nào vì chúng biết chắc chắn rằng hôm sau đảng nào cũng bị raày rà cho nên tốt hơn hết là hôm nay hãy chơi đùa cho hả.

Theo nguyên tắc thì chúng tôi được nghỉ nửa ngày vì đó là ngày thứ bảy. Nhưng vì nếu làm ồn ngoài sân thì sẽ động đến ông Crichơn; và lại đi chơi lúc đó thì thời tiết cũng không tiện cho nên chúng tôi bị bắt vào lớp sau bữa ăn trưa, và bị bắt làm bài. Bài làm trong trường hợp này

không nặng như bài ngày thường. Hôm ấy, cữn là ngày ông Sácơ đi uốn lại bộ tóc giả, chỉ còn có ông Men (người bao giờ cũng phải làm mọi thứ khổ dịch) phải coi lớp một mình.

Nếu tôi có thể so sánh hình ảnh của một con gấu hay một con bò tót với hình ảnh của một người hiền lành như ông Men, thì tôi sẽ nói rằng buổi trưa hôm đó giữa những tiếng ồn ào lên đến cực điểm ông ta trông giống như những con vật nói trên đang bị một ngàn con chó bao vây. Hiện nay, tôi còn thấy ông đang nghiêng cái đầu đau như gối lên bàn tay xương xẩu tì lên quyển vở để ở bàn và đang cố gắng tiếp tục cái công việc nhọc nhằn một cách thảm hại giữa những tiếng ồn ào có thể làm ngay cả ông chủ tịch Hạ-viện cũng phải chóng mặt. Có những học sinh bất thành lĩnh bỏ chỗ ngồi ra chơi ú tim ở bốn góc sân với học sinh khác, học sinh đùa cười, đùa hát, có đứa nói chuyện, có đứa nhảy múa, có đứa hò hát, có đứa kéo lê chân, có đứa quay tròn xung quanh mình ông, nhe răng cười và nhăn mặt, nhại ông khi ông quay mặt đi, và ngay cả trước mặt ông nữa. Chúng nhại lại sự nghèo khổ của ông, chế nhạo đôi ủng, cái áo của ông, mẹ ông và tất cả cái gì của ông, mà đáng lý ra chúng phải kính trọng mới phải.

Ông Men bỗng đứng phắt dậy, quật quyển vở xuống bàn, thét lên:

“Ngồi im....cái trò gì thế này ? Thật không thể chịu được. Có thể phát diện lên được đấy. Tại sao các anh lại đối xử với tôi như vậy ?”

Chính ông đã dùng quyển vở của tôi để đập xuống bàn vì tôi đứng bên cạnh ông theo dõi cặp mắt ông khi ông

nhìn quanh khắp phòng. Tôi thấy mọi học sinh đều dừng lại, có đứa vì ngạc nhiên, có đứa vì sợ và cũng có đứa có lẽ hối hận.

Xtiêcphoóc ngồi ở cuối lớp, đầu bên kia phòng học dài. Anh uỷ oải dựa vào tường, tay rút túi, môi tròn xoe như đang huýt sáo, khi ông Men nhìn anh - ông Men nói:

“Im ngay, Xtiêcphoóc”

Xtiêcphoóc trả lời mặt đỏ gay:

“Ông im đi thì có. Ông nói với ai thế?”

“Ngồi xuống” ông Men lại nói

Xtiêcphoóc quật lại:

“Ông ngồi xuống đi và hãy làm công việc của ông đi thì có”.

Có tiếng cười khúc khích và vài tiếng vỗ tay. Nhưng ông Men tái mặt đi, đến nỗi làm cho liên sau đó không khí im bật. Có một học sinh chạy lại phía say ông, định bắt chước mẹ ông, nhưng phải thay đổi ý định và giả vờ sửa lại ngòi bút. Ông Men lại nói:

“Xtiêcphoóc ! anh tưởng rằng tôi không biết anh có ảnh hưởng đối với học sinh ở đây thế nào à ?” Ông để tay lên đầu tôi, tôi chắc khi làm như vậy ông không nghĩ ngợi gì về công việc ông làm cả. “Hay anh tưởng rằng tôi không biết vừa rồi anh xúi bẩy chúng nó trêu ghẹo tôi à ? Như vậy là anh nhảm”

Xtiêcphoóc điềm nhiên:

“Tôi không mất thì giờ phải nghĩ ngợi về ông. Như vậy là tôi không bị nhảm nữa”.

Ông Men tiếp tục nói, giọng run lấy lấy:

“Và khi nào anh dựa vào địa vị học trò cưng của anh

ở đây để chửi một ông...”

“Một cái gì...ở đâu ?” Xtiêcphoóc nhắc lại
Giữa lúc đó có tiếng hét lên:

“Xtiêcphoóc ! Nhục nhĩ lắm ! bậy quá !”

Đó là Trátđon, nhưng ông Men đã lập tức ra lệnh cho cậu câm miệng lại.

“Nhiếc móc một người gặp phải nhiều điều không may trong cuộc sống, mà người đó lại không động chạm gì đến anh, tôi chắc anh cũng đã khá lớn khôn để hiểu rằng mình không nên làm như vậy”, ông Men nói, giọng nói ngày càng run, “làm như vậy là một hành động xấu và bi ối. Anh muốn ngồi hay đứng thì tùy anh... Copophin tiếp tục đi”.

Xtiêcphoóc vừa nói vừa tiến ra giữa lớp học:

“Copophin cậu hãy đợi một chút đã... ông Men, tôi sẽ nói với ông một điều để chấm dứt. Khi ông đã dám cá gan gọi tôi là xấu xa bi ối thì ông là một thằng ăn mày vô liêm sỉ. Xưa nay ông vẫn là đồ ăn mày ông biết chưa ? Nhưng khi ông làm một việc như vậy thì ông vừa là ăn mày lại vừa là đồ vô liêm sỉ.

Tôi không biết rõ rằng có phải anh sắp sửa đánh ông Men hay ông Men sắp đánh anh, hay cả hai bên đều có ý định sắp đánh lộn nhau. nhưng tôi thấy tất cả học sinh đứng đờ như tượng đá, và thấy ông Crichcon hiện ra ở giữa chúng tôi, có Tungay bên cạnh, và Crichcon và cô Crichcon thì đứng ở cửa có vẻ hoảng hốt. Ông Men chống khuỷu tay xuống bàn, hai tay ôm lấy đầu, ngồi một lúc im lặng không nhúc nhích.

“Ông Men !” ông Crichcon vừa nói vừa lấy tay lau

ông Men, tiếng kêu thào của ông hôm nay nghe rõ đến nỗi Tungay thấy không cần phải lặp lại nữa “tôi hy vọng ông chưa quên hiện nay ông đang ở đâu chứ?”

“Chưa..., thưa ông chưa” giáo sư trả lời. Ông ngẩng mặt lên gật gật cái đầu, xoa hai tay một cách rất cảm động “Chưa, thưa ông chưa. Tôi rất nhớ hiện nay tôi ở đâu. Thưa ông, tôi... tôi... tiếc rằng ông không nhắc tôi sớm hơn một chút rằng tôi đang ở đâu ông Crichcon ạ. Nếu ông nhắc tôi sớm một chút, thưa ông, thì... như vậy có lẽ sẽ độ lượng hơn, có lẽ đúng hơn, thưa ông, và câu đó, câu đó cũng có thể tránh được cho tôi được một điều gì rồi đấy.”

Ông Crichcon nhìn thẳng vào mặt ông Men, tay đặt lên vai Tugay, chân để lên cái ghế dài gần đấy nhất, rồi đứng lên trên bàn học. Ngồi trên cái ngai ấy, sau khi nhìn thẳng vào ông Men một lần nữa, (ông Men đang gật gật cái đầu, xoa tay vào nhau và vẫn ở tình trạng xúc động vừa rồi), ông Crichcon quay lại về phía Xtiêcphoóc và nói:

“Này, nếu ông ta không chịu hạ cố nói với tôi thì anh nói đi, có việc gì xảy ra thế?”

Xtiêcphoóc tránh không trả lời ngay vào câu hỏi, nhìn thẳng vào đối thủ của mình một cách khinh bỉ giận giữ và đứng im lặng. Tôi nhớ lại rằng ngay lúc đó tôi không thể không nhận thấy anh là oai vệ, còn ông Men do với anh thì tầm thường lại vừa xấu xí.

“Ông định tâm nói gì mà lại dùng danh từ học trò cưng?” Xtiêcphoóc cuối cùng cũng lên tiếng.

“Học trò cưng à?” Ông Crichcon nhắc lại, gân trán nổi hằn lên nhanh chóng. “Ai nói đến học trò cưng?”

“Ông ấy chứ còn ai” Xtiêcphoóc nói

Ông Crichcon quay về phía người giúp mình hỏi với một giọng ngạo nghễ đầy tức bực.

“Thưa ông, ông định tâm nói gì khi ông dùng danh từ đó ?”

Ông Men đáp, hạ thấp giọng:

“Thưa ông Crichcon, ý tôi nói là...không một học sinh nào có thể lợi dụng địa vị học trò cung của mình để làm mất uy tín của tôi”.

“Làm mất uy tín của ông ấy à ?” ông Crichcon nói, “Trời ơi ! nhưng này ông hãy nghe tôi nói đây, cái ông “mà -tôi-không-biết-là-ai” kia ơi ! (vừa nói ông Crichcon vừa khoanh tay trước ngực, tay vẫn cầm gậy, và cau mày nhiều đến nỗi gần như không nom thấy đôi mắt tí hí của ông nữa). Khi dùng danh từ “học trò cung” đó, tôi xin hỏi rằng ông đã tỏ ra thật kính trọng đối với tôi chưa ? Đối với tôi, ông nghe rõ chưa ?” Ông Crichcon nói và bất thành linh nhô đầu về phía ông Men, rồi lại kéo đầu lùi lại, “...đối với tôi là người vừa là chủ nhà trường vừa là chủ của ông nữa”.

“Thưa ông” ông Men trả lời. “Tôi xin nhận rằng nói thế là không đúng, nhưng nếu tôi bình tĩnh được thì ông nói như vậy”.

Giữa lúc đó thì Xtiécphoóc xen vào:

“Ông còn nói tôi là xấu xa và bỉ ổi nữa. Vì vậy cho nên tôi đã gọi ông là đồ ăn mày. Nếu tôi tự chủ được có lẽ tôi đã không gọi ông là đồ ăn mày, nhưng tôi đã nói thì xin chịu trách nhiệm về lời nói đó”.

Tôi cũng không tự hỏi mình xem anh sẽ chịu trách nhiệm về lời nói đó như thế nào, nhưng tôi cảm thấy phục

anh vì bài diễn văn can đảm đó. Nó cũng gây tác dụng với cả bọn học sinh vì mặc dầu không ai nói một câu nào, nhưng tôi thấy chúng nhốn nháo một lúc. Ông Crichcon bảo:

“Xtiêcphoóc tôi thấy làm lạ, mặc dầu sự thành thực của anh là đáng khen, và chắc chắn là anh đã được kính phục vì sự thành thực đó,... nhưng tôi đã lấy làm lạ không hiểu tại sao anh đã dùng những lời như vậy để gọi một người làm việc và ăn lương ở Xalem học hiệu ?”

Xtiêcphoóc bật cười lên. Ông Crichcon chỉnh luôn:

“Đấy không phải là cách trả lời câu hỏi của tôi. Tôi chờ đợi ở anh một cái gì hơn nữa, anh Xtiêcphoóc”

Trước mắt tôi, nếu ông Men so với anh chàng thanh niên đẹp trai kia trở thành tầm thường bao nhiêu, thì cũng thật là khó mà đánh giá được rằng ông Crichcon còn tầm thường hơn đến mức độ nào nữa. Xtiêcphoóc bảo:

“Hãy để ông ta chối điều đó đã”

Ông Crichcon thét lên !

“Chối rằng ông là ăn mày ư ? Xtiêcphoóc, anh thấy ông ta đi ăn mày ở đâu mà nói như vậy ?”

“Nếu ông ta không phải ăn mày thì cũng là người thân trong gia đình ông, đảng nào cũng thế thôi”

Xtiêcphoóc đáp

Anh nhìn tôi và bàn tay ông Men vỗ lên vai tôi một cách nhẹ nhàng. Tôi ngẩng lên nhìn, mặt đỏ ửng, trong lòng đầy hối hận, nhưng ông Men thì nhìn chăm chăm vào mặt Xtiêcphoóc. Ông vẫn tiếp tục vuốt ve vai tôi đầy vẻ thân mật, nhưng cặp mắt vẫn nhìn Xtiêcphoóc. Xtiêcphoóc nói.

“Ông Crichcon, vì ông muốn tôi chứng minh rằng tôi nói đúng và tôi giải thích để ông rõ những điều tôi đã nói thì đây: Mẹ ông ấy sống bằng của bố thí ở nhà tế bần”.

Ông Men vẫn nhìn anh và vẫn nhẹ nhàng lấy tay vuốt ve cái tôi, và hình như tôi nghe thấy ông tự nhủ thầm: “Đúng, mình cũng nghĩ thế”

Ông Crichcon quay mặt về phía người giúp việc mình, nhìn một cách nghiêm khắc và nói giọng lễ phép rất kiểu cách:

“Bây giờ ông đã nghe thấy anh thanh niên này nói gì rồi đấy, ông Men ạ. Vậy mong ông hãy nói rõ sự thực trước cả trường tập hợp ở đây đi.”

Ông Men trả lời trong không khí im lặng như chết:

“Sự thật đã quá rõ ràng, thưa ông, tôi không cần phải thêm bớt gì nữa, điều anh ta nói là đúng sự thật”.

Ông Crichcon nghiêng đầu về một bên, tròn tròn mắt lên nhìn chung quanh lớp một vòng rồi nói:

“Vậy bây giờ ông làm ơn tuyên bố công khai hộ tôi rằng trước giờ phút này tôi đã biết sự việc đó hay chưa?”

“Tôi nghĩ rằng có lẽ ông chưa được biết một cách trực tiếp”, ông Men trả lời.

“Ông nói rằng tôi chưa hề biết chứ gì?” Ông Crichcon nói “Tôi chưa hề biết có phải không ông bạn?”

“Tôi nghĩ rằng có lẽ chưa bao giờ ông cho tôi là người giàu có cả” người giúp việc ông Crichcon trả lời.

“Từ trước và bây giờ nữa, ông đã biết địa vị của tôi ở đây như thế nào.”

Ông Crichcon nói, gân trán lại nổi lên và nổi to hơn bao giờ hết.

“Nếu như ông đã giở cái giọng ấy ra thì tôi nghĩ rằng địa vị của ông ở đây hoàn toàn không xứng đáng và ông đã coi nơi này như trường bó trí. Ông Men ạ, chúng ta phải từ biệt nhau thôi, càng sớm càng hay”.

Ông Men vừa đứng dậy vừa trả lời:

“Không lúc nào thuận tiện bằng ngay lúc này”

“Vâng, tùy ý ông !” ông Crichcon nói

“Ông Crichcon, tôi xin từ biệt ông và từ biệt tất cả” ông Men vừa nói vừa đưa mắt nhìn cả lớp tay vịn nhẹ nhàng vỗ nhẹ trên vai tôi. “Jem Xtiêcphoóc trong khi từ biệt anh, điều mà tôi mong muốn nhất là một ngày kia anh sẽ hối hận vì công việc anh đã làm hôm nay. Còn bây giờ thì tôi thích coi anh như bất cứ vật gì hơn là người bạn của tôi, hay là bạn của bất kỳ người nào mà tôi quan tâm đến”

Một lần nữa, ông Men đặt tay lên vai tôi, rồi lấy cái sáo và quyển sách trên bàn, để chìa khoá lên bàn cho người sẽ đến thay mình: ông cấp tài sản đi ra.

Ông Crichcon thông qua Tungay đọc một bài diễn văn cảm ơn Xtiêcphoóc (một cách có lẽ quá nồng nhiệt) là đã làm cho trường Xalem giữ được tính chất độc lập và tính chất đáng kính của nó. Cuối cùng ông kết luận bằng cách bắt tay Xtiêcphoóc, trong khi đó chúng tôi hoan hô luôn ba lần (tôi không hiểu rõ là hoan hô ai, nhưng tôi cứ coi như là hoan hô Xtiêcphoóc nên cũng tham gia nhiệt liệt, mặc dầu trong lòng rất khổ tâm).

Sau đó, ông Crichcon đánh Tommy Trátđon vì thấy cậu hoan nghênh ông Men đi bằng những tiếng sụt sịt, chứ không phải bằng những tiếng hoan hô lớn, rồi cuối cùng ông trở về ghế xô pha, hay về giường, hay là về nơi ông

vừa đến.

Lúc này chỉ còn trơ lại chúng tôi đứng một mình nhìn nhau hết sức ngỡ ngàng. Riêng phần tôi, tôi rất hối hận và đau đớn vì vài trò của tôi trong những sự việc vừa xảy ra. Tôi đau đớn đến nỗi không có cái gì có thể khiến tôi cầm được nước mắt, nhưng vì sợ Xtiêcphoóc (tôi thấy anh luôn luôn nhìn tôi) có thể cho như thế là không tốt với bạn bè, nói cho đúng hơn nếu tôi tỏ ra xúc cảm mạnh trước sự việc đó, anh có thể cho là tôi không kính trọng anh, căn cứ vào tuổi tôi và tuổi anh và mối cảm tình tôi vẫn có đối với anh từ trước đến nay; anh rất giận Trátđơn và nói rằng anh hài lòng khi thấy Trátđơn bị ăn đòn như thế.

Còn Trátđơn đã qua cái giai đoạn ngồi gục đầu xuống bàn, và đang tiêu khiển bằng cách vẽ những bộ xương người nhe mọi khi. Trátđơn nói cậu ta chẳng cần để ý đến điều đó và dù sao thì ông Men cũng đã bị đối xử tàn tệ.

“Mày bảo ai đối xử tàn tệ với hần, thằng nhãi ranh kia” ?” Xtiêcphoóc hỏi

“Mày chứ còn ai nữa !” Trátđơn trả lời

“Thế tao làm gì nào ?” Xtiêcphoóc hỏi

“Mày còn hỏi mày đã làm gì à ?” Trátđơn vặn lại

“Mày đã phạm đến lòng tự ái của ông ta và làm ông ta mất việc”

Xtiêcphoóc nhắc lại một cách mỉa mai:

“Chạm lòng tự ái à ! Tự ái của ông ta sẽ không bị mất đâu mà sợ, tao cam đoan với mày như vậy đó ! Nhưng tự ái của ông ta không giống như tự ái của mày đâu, nhãi con ạ ! Còn công việc của ông ta (đấy cũng là việc quý đấy

chứ phải không ?) thì có lẽ mày cho rằng tao sẽ không viết thư về nhà bảo nhà cho ông ta ít tiền có phải không, thằng nhãi ?”

Chúng tôi thấy ý định này của Xtiêcphoóc rất cao quý vì mẹ anh vừa giàu lại goá và sẽ làm bất cứ việc gì anh yêu cầu. Tất cả chúng tôi đều hết sức bằng lòng thấy Trátđon trở về chỗ ngồi, và chúng tôi liền tặng bốc Xtiêcphoóc lên mây xanh... nhất là khi anh ta chịu hạ cố thú nhận rằng công việc anh vừa làm đó chính là vì chúng tôi, vì lợi ích chung, và anh đã làm ơn cho chúng tôi bằng hành động đầy lòng vị tha đó.

Nhưng tôi phải nói rằng tối hôm đó khi kể chuyện trong bóng tối, tôi nhiều lần có cảm giác như âm thanh của chiếc sáo cũ kỹ của ông Men cứ luôn luôn văng vẳng buồn bã bên tai và khi Xtiêcphoóc đã mệt và tôi cũng đã lên giường nằm, tôi vẫn tưởng chừng như nghe thấy tiếng sáo ông ta thổi buồn rầu day dứt đầu đầy làm tôi hết sức khổ tâm.

Tôi cũng chóng quên việc đó khi ngắm Xtiêcphoóc với điệu bộ ung dung, trong tay không có sách vở gì cả (tôi có cảm giác là anh thuộc lòng tất cả) lên phụ trách lớp một cách tài tử chờ khi tìm được giáo viên mới. Thầy giáo mới ở một trường trung học đến, và trước khi nhận chức ông ta ăn cơm ở bàn ông hiệu trưởng một ngày và được giới thiệu với Xtiêcphoóc. Xtiêcphoóc đánh giá ông ta rất cao và cho rằng ông ta là dân lịch sử !. Mặc dầu tôi không hiểu thuật ngữ đó ứng với thuật ngữ khoa học gì, nhưng tôi rất kính trọng ông và không nghi ngờ gì học thức cao siêu của ông cả, mặc dầu ông chẳng bao giờ chịu khó chăm sóc tôi (tôi

biết rằng tôi chẳng phải là nhân vật gì quan trọng) như ông Men đã làm.

Trong học kỳ đó, còn có một hiện tượng khác thường nữa xảy ra, gây cho tôi một ấn tượng sâu sắc còn mãi đến tận bây giờ. Nó sở dĩ tồn tại được đến bây giờ cũng là vì nhiều lý do.

Một buổi chiều, trong khi chúng tôi đều đã mệt lử đang xấu hổ và kinh hoàng vì ông Crichcon đánh mọi người trong khi đi dạo vòng quanh, thì Tungay vào và kêu to bằng tiếng oang oang quen thuộc:

“Copophin ra có khách”

Ông Crichcon và hần trao đổi với nhau vài câu về chỗ khách là ai, và tiếp khách ở đâu, còn tôi theo thói quen đứng dậy khi nghe có báo tin đó, và cảm thấy sững sốt vì ngạc nhiên. Tôi được lệnh đi theo lối cầu thang gác sau thay áo sạch sẽ rồi mới ra phòng ăn. Tôi thi hành lệnh đó một cách vội vàng và nhanh nhẹn. Và khi tôi vừa đến cửa phòng thì nảy ra ý nghĩ, có thể mẹ tôi tới thăm (trước đó, tôi chỉ nghĩ đến ông Mọcxtôn hay cô Mọcxtôn thôi), tôi rút tay lại không sờ vào khóa vội, và dừng lại để nắn nột cái trước khi vào phòng.

Thoạt tiên, tôi không trông thấy ai cả, nhưng khi cảm thấy có người đẩy cửa, tôi vội vàng nhìn sang phía đó, và rất ngạc nhiên khi thấy ông Pécgôti và Ham đang lấy mũ vẫy tôi và đang đẩy nhau vào sát tường. Tôi không nhìn được cười, nhưng cười vì rất thích thú được gặp học chú không phải vì bộ dạng của họ. Chúng tôi bắt tay nhau rất thân mật, rồi tôi cười mãi đến nỗi cuối cùng phải lấy khăn tay lau nước mắt.

“Can đảm lên cậu Đêvit ạ !” Ham nói giọng rất ân cần “Cậu chóng lớn quá nhỉ !”

“Tôi lớn rồi à ?” tôi vừa nói vừa lau nước mắt. Tôi thấy tôi không có lý do gì để khóc, nhưng không hiểu tại sao lại gặp những người bạn cũ tôi lại muốn khóc.

“Lớn thật !” Ham nói “Cậu Đêvit ạ ! Lớn ra phết”

“Nớn ra phết” ông Pécgôti nhắc lại.

Họ lại làm tôi bật cười vì cả hai đều cười, và cuối cùng cả ba cùng cười cho đến lúc tôi sợ muốn khóc.

Tôi hỏi:

“Mẹ cháu có mạnh khoẻ không, ông Pécgôti ? Và còn chị Pécgôti yêu quý của cháu có mạnh khoẻ không ?”

“Mạnh lắm” Ông Péc gôti trả lời.

“Còn bé Emili và bà Gommít ?”

“Cũng... mạnh lắm” ông Pécgôti trả lời.

Một phút im lặng trôi qua. Để phá vỡ sự im lặng ông Pécgôti bèn móc túi lấy ra hai con tôm vĩ đại, một con của rất lớn, và một túi vải đựng đầy tôm nhỏ, và chất vào đây hai bàn tay của Ham. Ông Pécgôti nói:

“Biết nà cậu thích ăn những món quà nhỏ mọn này, trong khi cậu ở nhà tôi, cho nên tôi, à chính bà già đã tự nuộc đấy. Phải chính là bà Gommít đấy” ông Pécgôti nói chậm rãi (và theo ý tôi thì ông cố tình nói dài về vấn đề này vì không còn câu chuyện gì khác mà nói nữa) “chính nà tự tay bà Gommít đã nuộc đấy, tôi cam đảm với cậu đấy”

Tôi cảm ơn ông Pécgôti sau khi đã nhìn Ham đang cười một cách ngây thơ với những con cua và những con tôm mà chẳng chịu cố gắng nói giúp ông chút nào, ông nói

tiếp:

“Cậu thấy đấy, nhờ có gió và thủy triều nên tôi và Ham đã chèo thuyền từ Yacmao đến Grâyvoxen. Cô em tôi đã viết tên nơi này cho tôi và dặn tôi nếu có đến Grâyvoxen thì phải đến đây hỏi thăm Đêvit, gửi lời chào mừng cậu họ em nó, chúc cậu mạnh khỏe và nói cho cậu biết tin rằng gia đình vẫn bình yên. Bé Emili, cậu biết không, sẽ viết thư cho cô ấy khi tôi về nhà và kể lại chuyện tôi đã gặp cậu như thế nào, cậu cũng mạnh khỏe như thế nào. Và nằm như vậy thì thật nà giống như cuộc đua ngựa gỗ chạy vòng quanh vậy”.

Tôi bắt cuộc phải suy nghĩ một chút rồi mới hiểu nổi hình ảnh báo tin theo lối giấy chuyển mà ông Pécgôtin đã dùng. Tôi cảm ơn ông rất thân mật và nói - mặt hơi đỏ và xấu hổ - rằng có lẽ bé Emili cũng đã thay đổi nhiều so với hồi chúng tôi còn đi nhặt vỏ hén và nhặt sỏi trên bãi biển. Ông Pécgôti nói:

“Cháu đang trở thành một thiếu nữ đấy. Hồi chú này thì biết !”

ý ông muốn chỉ Ham, anh chàng đang tươi cười hơn hở tán thành, tay ôm bị tôm.

Ông Pécgôti nói, cặp mắt cũng sáng lên:

“Mặt em có xinh năm”

“Em nó học khá lắm !” Ham nói

“Em nó viết chữ đẹp lắm !” ông Pécgôti nói tiếp.

“Chữ viết đen và rất nỏn đến nỗi đứng đâu cũng nhận ra được”

Nhìn ông Pécgôtin rất hào hứng khi ông nghĩ đến cô con nuôi yêu quý của mình thật thú tuyệt. Giờ đây hình

ảnh của ông lại hiện ra trước mắt tôi, bộ mặt rắn rỏi, râu ria, toả ra một thứ tình yêu vui sướng và một niềm tự hào mà tôi không sao tả được. Cặp mắt trung thực của ông sáng lên và bùng cháy lên dường như đang chứa đựng một thứ cảm xúc sâu xa. Cái ngực rộng phồng lên vì sung sướng. Đôi bàn tay rắn rỏi buông thõng nắm chặt lại vì ngây ngất, và giờ tay phải lên khi nói say sưa và theo một kẻ nhỏ như tôi nhìn thấy trông tay ông giống như một cái búa máy vậy.

Ham cũng say sưa như chú anh. Tôi chắc rằng họ còn nói với tôi nhiều hơn nữa về Emili nếu Xtiécphoóc không vào một cách bất ngờ làm họ ngỡ ngác. Thấy tôi đang đứng ở một góc nhà nói chuyện với hai người lạ mặt, anh đang hát bỗng ngừng bật và nói:

“Tớ không biết cậu ở đây đấy, Copophin ạ” (Vì ở đây ngày thường không phải là nơi tiếp khách). Đoạn anh đi sát cạnh chúng tôi để đi ra phía bên kia. Tôi không nhớ rõ rằng vì tự hào có một người bạn thân như Xtiécphoóc hay vì muốn giải thích cho anh ta hiểu tại sao tôi lại có một người bạn thân như ông Pécgôti nên khi anh vừa đi tôi liền gọi giắt lại. Nhưng tôi nói một cách hết sức nhũn nhặn (Trời ơi, khônghiều tại sao cảnh đó làm tôi nhớ lâu thế !)

Xtiécphoóc vừa nói vừa quay lại:

“à, thế à ? Tôi rất vui mừng được gặp. Thế nào ? Hai bác đều mạnh khoẻ chứ ?

Trong cử chỉ anh có vẻ tự nhiên (anh có những cử chỉ vui vẻ và dịu dàng chứ không âm ỉ) làm cho người ta thích mê. Bấy giờ vẫn tin rằng vì cách đối xử, vì tính tình vui vẻ, vì giọng nói dịu dàng, vì hình dạng và bộ mặt dễ

thương của anh và theo nhe tôi biết thêm, thì như vì anh còn có sức hấp dẫn tự nhiên nữa (chỉ có ở một số ít người thôi), nên anh lôi cuốn được người bắt họ phải nhường bộn không thể cưỡng lại được. Tôi thấy anh làm cho ông Pécgôti và Ham vui vẻ tiếp đón một cách rất nhiệt tình, tôi nói:

“Ông Pécgôti ạ, khi nào lá thư ông nói lúc nãy được gửi đi thì nhờ ông báo cho gia đình cháu biết hộ rằng anh Xtiêcphoóc đây rất tốt với cháu, và cháu không hiểu nếu cháu ở đây một mình không có anh ấy thì cháu sẽ ra sao”

Xtiêcphoóc vừa nói vừa cười:

“Cậu chỉ nói vậy ! Không nên báo cho gia đình biết những chuyện vớ vẩn ấy”.

“Và nếu anh Xtiêcphoóc đến Noocphốc hay Xấp-phốc, ông Pécgôti ạ, khi cháu hãy còn ở đó cháu có thể dẫn anh ấy đi Yácmao thăm nhà ông nếu anh ấy muốn. Anh Xtiêcphoóc ạ ! Anh chưa bao giờ được trông thấy một căn nhà thú như thế đâu ! Nhà làm ở trong một cái tàu thủy cơ !”

“Nhà ở trong tàu thủy à ?” Xtiêcphoóc hỏi “Thế tức là cái nhà thích hợp với một thủy thủ lão luyện đấy nhỉ ?”

“Đúng đấy” Ham nói với nụ cười trên môi “Anh nói rất đúng đấy. Anh nói có lý đấy anh bạn trẻ ạ. Cậu Đêvit ơi, anh bạn nói có lý đấy. Một thủy thủ lão luyện. ờ hay đấy ! Đúng, chú tôi là một thủy thủ lão luyện.

Ông Pécgôti cũng hài lòng không kém gì cháu mình, tuy tính khiêm tốn không cho ông nhận lời khen ngợi âm ỉ như vậy.

Ông vừa nói vừa cúi đầu dặng hắng khoái trá, và kéo

hai đầu khăn quàng vào trong áo gi-lê.

“Anh bạn ạ ! Xin cảm ơn anh, anh bạn ạ, xin cảm ơn. Tôi quả thực nằm hết sức trong cái nghề của mình anh bạn ạ !”

“Những người giỏi nhất cũng không thể làm hơn ông Pécgôti ạ” Xtiêcphoóc nói. Anh đã nhớ tên ông Pécgôti. Ông Pécgôti lắc đầu nói:

“Tôi cam đoan là anh cũng nằm thế, mà anh nằm thì chắc là khá nằm, hết sức khá. Tôi cảm ơn anh, anh bạn ạ ! Tôi cảm ơn anh vì cử chỉ nhiệt tình của anh đối với tôi. Tôi vựng về, anh bạn ạ, nhưng tôi rất ân cần... ít nhất là tôi rất ân cần, mong anh biết cho. Đến thăm nhà tôi cũng không có gì là hay nằm đâu anh bạn ạ, nhưng chúng tôi sẽ hết lòng đón tiếp nếu anh đến thăm cùng với cậu Đêvit. Tôi quả thực là con sên (ông Pécgôti nói, ý ông muốn nói ông chậm như con sên vì sau một câu nói ông đã muốn lui nhưng rồi lại cứ nấn ná). Thôi chúc hai cậu mạnh khoẻ và hạnh phúc”.

Ham cũng nói lời chúc ấy và chúng tôi từ giã nhau hết sức thân mật. Tối hôm đó, tôi suýt nói cho Xtiêcphoóc nghe về chuyện bé Emili xinh đẹp nhưng tôi lại thấy ngượng ngượng khi nói đến tên cô ta, và tôi lại sợ anh cười. Tôi nhớ lại rằng tôi suy nghĩ nhiều và tôi thắc mắc về câu chuyện ông Pécgôti (nói rằng có ta đang trở thành một thiếu nữ) nhưng sau tôi cho rằng nói như vậy là vô lý.

Chúng tôi mang cua, ốc, tôm hay “những món quà nhỏ mọn” như ông Pécgôti đã gọi một cách khiêm tốn, về phòng ngủ, không ai trông thấy cả và tối hôm đó chúng tôi chén một bữa tối thịnh soạn. Nhưng Trátđơn thì không

thấy gì làm sung sướng về bữa ăn đó lắm. Cậu đen đến nỗi ngay cả đến bữa ăn tối bình thường cũng không hưởng được như người ta. Suốt đêm đó cậu bị ốm (bị nằm liệt không dậy được vì ăn cua), và sau khi đã uống thuốc nước màu đen và những thuốc viên màu xanh, theo liều lượng mà thằng Đempon (bố Đempon là bác sĩ) bảo là có thể đủ sức mạnh để giết một con ngựa, cậu còn bị đòn và phải phạt chép sáu chương Tân ước bằng tiếng Hi-Lạp vì không chịu thú tội.

Thời gian còn lại của học kỳ trong ký ức tôi, là cả một mớ rối bòng bong về cuộc đấu tranh vật lộn hàng ngày trong đời sống chúng tôi. Mùa hạ hết dần và thời tiết thay đổi; những sáng mai giá lạnh, bỗng nghe tiếng chuông thức dậy, những đêm tối âm u lạnh lẽo, buốt đến tận xương. Và tiếng chuông lại rung lên báo hiệu giờ ngủ: lớp học buổi chiều thiếu ánh sáng và ít được sưởi ấm; và lớp học buổi sáng chỉ là một bộ máy lớn làm cho người ta run sợ, thịt bò hầm ăn xen kẽ với thịt bò rán, thịt cừu hầm xen kẽ với thịt cừu quay; những mẩu bánh phết bơ, những cuốn sách quăn góc, những bảng đá rạn vỡ, những quyển vở thấm nước mắt, những ngọn roi, những trận đòn bằng thước kẻ, những mái tóc bị cắt, những buổi chủ nhật giới mưa, những bánh pudding mỡ bò, tất cả bao phủ bởi một bầu không khí đầy mực bẩn.

Tuy vậy, tôi còn nhớ lại rằng ý nghĩ xa xăm về nghĩ hè lúc đầu xuất hiện như một chấm nhỏ xa lắc xa lơ, im lìm trong một thời gian dài vô tận. Những chấm nhỏ đó xích lại dần và to lên dần. Tôi còn nhớ chúng tôi đã tính như thế nào, hết tính tháng lại tính tuần lễ, rồi đến tính

ngày, rồi lại lo cho gia đình không hỏi han gì đến, và khi được Xtiécphooc nói cho biết gia đình đã xin cho tôi về nghỉ hè và tôi sắp được về nhà thì tôi lại lo rằng mình sẽ bị gãy chân và không về được. Tôi còn nhớ lại ngày cuối cùng ra trường đã tới, sau khi đã chờ hết tuần nọ qua tuần kia, rồi đến tuần này, ngày kia, ngày mai, hôm nay... và chiều hôm nay... là tôi đã ngồi trên xe thư Yacmao về nhà.

Ngồi trên xe ngựa Yacmao, tôi ngủ vật vờ và thấy tất cả những việc đó một cách lộn xộn và mỗi khi bừng mắt dậy, phong cảnh tôi thấy qua cửa sổ xe ngựa không còn cảnh sân trường Xalem nữa, và tiếng động ở bên tai tôi không phải là tiếng ông Crichcon đánh Trátđơn, mà lại là tiếng roi anh Xà-ích quất ngựa.

Chương VIII

NHỮNG NGÀY NGHỈ HÈ CỦA TÔI, MỘT BUỔI CHIỀU HẠNH PHÚC

Chúng tôi đến quán trọ trước lúc mặt trời mọc. Chiếc xe trạm đang dừng ở đây (đây không phải là quán trọ anh hầu bàn của tôi trước kia ở). Người ta đưa tôi lên gác vào một căn phòng nhỏ xinh xắn ở ngoài cửa đề mấy chữ “Cá heo”. Tôi nhớ bấy giờ tôi rất lạnh, mặc dầu đã uống một cốc trà nóng sôi người ta mang đến cho tôi ở từng dưới trước một ngọn lửa lớn. Tôi rất vui mừng được nằm trong cái giường của con cá heo, được kéo cái chăn của con cá heo lên quấn kín mít cả đầu và tôi ngủ thẳng một mạch.

Anh Báckít, người Xà-ích, có nhiệm vụ đánh thức tôi dậy lúc chín giờ sáng. Tôi dậy lúc tám giờ, đầu óc hơi choáng váng vì giấc ngủ đêm quá ngắn ngủi và trước giờ đã định để sẵn sàng chờ anh đến. Anh tiếp tôi cũng hệt như trước, tựa hồ như chúng tôi chỉ xa cách nhau không đầy năm phút và tôi chỉ vào khách sạn để đổi một đồng sáu pen-ni hay làm một việc gì đại khái như vậy.

Khi tôi cùng với gói hành lý đã lên xe, và anh xà-ích

đã ngồi vào chỗ thì con ngựa lười biếng kia lại được kéo tất cả chúng tôi đi theo cái bước đi quen thuộc của nó.

“Này anh Báckit, trông anh đẹp trai lắm !” tôi nói và nghĩ thầm rằng anh biết được điều đó thì sẽ thú lắm đây.

Anh Báckit lấy ống áo lau má rồi lại nhìn vào ống áo, hình như anh muốn tìm xem ở trên ống áo có dính chút nhan sắc nào của anh đấy không. Nhưng anh không cảm ơn gì tôi về lời khen ấy. Tôi nói:

“Anh Đắckit ạ, em đã làm cái việc anh nhờ em giúp đấy mà. Em viết thư cho chị Pécgôti rồi !”

“Thế à ?” Anh Báckit nói

Anh Báckit có vẻ cầu nhàu và trả lời một cách lạnh lùng. Tôi ngần ngại một lát rồi hỏi.

“Anh Báckit ! Làm như thế được chứ ?”

“Không được” anh Báckit đáp.

“Em viết thư như thế là tốt” Anh Báckit nói.

“Nhưng câu chuyện cũng chỉ đến đấy là chấm dứt thôi”

Tôi không hiểu ý anh muốn nói gì, nên cứ hỏi vắn vãi.

“Như thế là chấm dứt phải không anh Báckit ?”

Anh ta liếc mắt nhìn tôi và cắt nghĩa.

“Chẳng ăn thua cóc gì ! Người ta không trả lời”

Tôi mở to đôi mắt, điều này quả thực mới lạ đối với tôi:

“Như thế là phải có thư trả lời sao ?”

Anh Báckit lại đưa mắt thẩn thờ nhìn tôi:

“Khi anh đàn ông nói anh ta muốn... như thế tức là anh ta mong thư trả lời”.

“Thế rồi thế nào anh Báckít ?”

Anh Báckít lại đưa mắt nhìn đôi tai con ngựa của anh và nói:

“Như thế là anh đàn ông cứ đợi thư trả lời mãi cho đến nay”

“Anh Báckít có bảo chị như thế không ?”

Anh Báckít, suy nghĩ về điều đó và cầu nhàu:

“Không ! Anh không có lý do gì lại đến nói với cô ta điều đó. Anh chưa hề nói với cô ta được sáu chữ. Nói với cô ta điều đó không phải việc của anh”

“Anh Báckít, anh có muốn em nói giúp anh không ?”

Tôi ngần ngại hỏi anh.

Anh Báckít lại nhìn tôi một cách chậm chạp và nói:

“Nếu em vui lòng thì em nói giúp với cô ấy rằng Báckít mong cô trả lời. Em bảo cô ấy tên là gì nhỉ ?”

“Anh hỏi tên chị ấy à ?”

“Phải” anh Báckít gật đầu.

“Tên chị ấy là Pécgôti”

“Đó là tên thánh hay tên họ ?”

“Không, đó không phải là tên thánh. Tên thánh của chị là Clara”

“Thế à ?” anh Báckít hỏi

Anh xem ra suy nghĩ nhiều về chi tiết này. Anh ngồi mơ màng và huýt sáo khe khẽ một mình một lát.

Cuối cùng, anh quay trở lại câu chuyện.

“Bây giờ em nói thế này nhé ! Chị Pécgôti ơi ! Anh Báckít đang chờ chị trả lời đấy”. Có lẽ chị ấy sẽ hỏi: “Trả lời cái gì chứ ?” Em nói “Trả lời điều anh nói với chị ấy mà !” Chị ta sẽ nói “Nói cái gì chứ ?” Em sẽ nói “Báckít

muốn đấy.”

Anh Báckít gợi ý cho tôi hết sức khéo léo như vậy và kèm theo đó, anh lấy cùi tay thúc vào tôi làm cho hông của tôi ê ẩm.

Đoạn anh lại cúi mình trên lưng ngựa như mọi ngày và không hề nhắc gì đến việc đó, chỉ trừ trường hợp xảy ra độ gần nửa giờ sau, khi anh lấy trong túi áo ra một viên phấn rồi viết vào cái diêm ở phía trong xe hai chữ “Clara Pécgôti” có lẽ để cho dễ nhớ.

Lúc bấy giờ tôi cảm thấy một cảm giác thực lạ lùng: trở về nhà trong khi ngôi nhà không còn là nhà của tôi, và thấy rằng tất cả mọi vật nhìn đến đều nhắc cho tôi nghĩ đến ngôi nhà cũ sung sướng ngày xưa nay chỉ còn là một giấc mơ, không bao giờ dám mơ thấy lại ! Trên đường về, lòng tôi buồn rầu, băng khuâng nhớ lại những ngày xưa khi mẹ tôi, Pécgôti và tôi chỉ là một người, không có ai xen lẫn vào giữa chúng tôi, và tôi không biết nên vui vì được trở về hay nên ở xa còn hơn để quên tất cả và để sống cạnh Xtiêcphoóc. Nhưng nó đã kia rồi ! Tôi đã về đến nhà, những cây du già trụi lá đang hoa tay trong bầu không khí giá lạnh mùa đông trong khi ngọn gió đánh tan tác những tổ quạ ngày xưa.

Anh xà ích đặt hòm của tôi ở cổng vườn rồi bỏ đi. Tôi theo con đường nhỏ về đến nhà, mắt nhón nha nhón nhắc nhìn tất cả các cửa sổ, vì mỗi bước đi lại sợ trông thấy bộ mặt dễ sợ của ông Mọcxtôn hay cô Mọcxtôn ở cửa lò ra. Nhưng không có cái đầu nào lộ ra và về đến nhà vào lúc xẩm tối, không cần gõ cửa vì đã biết cách mở cửa, tôi rón rén bước nhẹ nhàng vào nhà. Biết bao nhiêu kỷ niệm

tuổi thơ đã sống dậy trong lòng tôi khi nghe giọng nói mẹ tôi vang lên từ căn phòng khách cũ của chúng tôi, lúc tôi bước vào phòng áo. Mẹ tôi hát khe khẽ. Cố nhiên tôi đã nghe mẹ tôi hát như vậy khi tôi còn là một đứa trẻ nằm trên cánh tay mẹ tôi. Điều hát đối với tôi mới mẻ nhưng nó thân mật quá, nên nói tràn ngập tim tôi, như một người bạn thân trở về sau một thời gian lâu ngày vắng mặt.

Nghe mẹ tôi hát thì thầm một cách tư lự và cô độc như vậy, tôi đoán rằng mẹ tôi đang ngồi một mình, và tôi rón rén bước vào phòng. Mẹ tôi đang ngồi bên cửa cạnh lửa cho đứa bé bú và lấy bàn tay nhỏ nhắn của nó áp vào cổ mẹ tôi. Mẹ tôi nhìn nó mà hát. Thế là tôi chỉ đoán sai có một nửa, vì mẹ tôi không ngồi với ai ngoài nó. Tôi gọi mẹ tôi, mẹ tôi giật mình kêu rú lên. Nhưng nhìn thấy tôi, mẹ tôi gọi tôi là thằng bé Đêvit, đứa con yêu quý của người. Rồi mẹ tôi đến trước mặt tôi, quỳ xuống đất, hôn tôi, kéo đầu tôi vào lòng bên cạnh đứa nhỏ đang nằm gọn gàng ở đấy và áp bàn tay đứa bé lên môi tôi.

Ước gì tôi được chết ! Tôi tiếc rằng không được chết ngay lúc đó với cái cảm giác êm đềm kia tràn ngập con tim ! Nếu được thế thì tôi gần thiên đường hơn bao giờ hết. Mẹ tôi vuốt ve tôi và nói.

“Em con đây này. Đêvit đứa con xinh đẹp của mẹ ! Đứa con tội nghiệp của mẹ !”

Và mẹ tôi lại hôn tôi lần nữa, hai tay bá lấy cổ tôi. Mẹ tôi đang làm thế thì chị Pécgôti chạy vào, ngồi phệt xuống đất bên cạnh chúng tôi và biểu lộ tình cảm thân yêu điên cuồng đối với mẹ con tôi suốt mười lăm phút.

Xem ra người ta không ngờ tôi lại về sớm như vậy,

bởi vì anh xà ích về quá sớm so với mọi ngày. Hình như ông Mócxtôn và Cô Mócxtôn đi thăm ở quanh đấy và đến khuya mới về. Tôi không thể tin rằng ba người chúng tôi có thể gặp lại nhau một lần nữa mà không bị quấy nhiễu và trong giây lát tôi có cảm tưởng rằng cái thời xa xưa đã trở về.

Chúng tôi cùng ăn bên ngọn lửa. Chị Pécgôti muốn phục vụ chúng tôi. Tôi lại được ăn cái đĩa cũ của tôi, trên đấy có sơn một chiếc tàu chiến màu nâu có đủ tất cả các buồm. Pécgôti đã cất nó đi cẩn thận trong khi tôi vắng , bởi vì chị nói rằng dù người ta cho chị một trăm bảng Anh, chị cũng không muốn nhìn nó vỡ. Tôi lại dùng cái chén cũ của tôi mang tên tôi và bộ đồ muống nữa nhỏ xíu thân thiết của tôi với một con dao không cắt được nữa.

Trong bữa ăn, tôi thấy lúc này là thời cơ thuận tiện để nói cho chị Pécgôti nghe về anh Báckit, nhưng tôi chưa nói hết điều cần nói thì chị đã cười ồ và lấp tấp để che mặt. Mẹ tôi nói:

“Chị Pécgôti có việc gì thế?”

Chị Pécgôti lại càng cười rộ lên, lấy tạp dề áp vào mặt trong khi mẹ tôi tìm cách kéo nó xuống, trông chị thật giống như con người đút đầu vào bị. Mẹ tôi cười và nói.

“Chị làm gì thế? Sao chị ngốc thế?”

“Cái anh phải gió! Anh ta muốn lấy tôi!” Chị Pécgôti kêu lên.

“Thế là xứng đôi vừa lứa chứ gì nữa” mẹ tôi nói.

“Ồ! Tôi chẳng biết quái gì về việc đó. Bà đừng nói điều đó với tôi nữa. Dù anh ta có tốt như vàng tôi cũng không lấy anh ta đâu. Tôi không lấy anh ta, không lấy ai

hết.”

“Đã thế, tại sao chị không nói với anh ta ? Cái chị này mới lạ chứ !” mẹ tôi nói.

Chị Pécgôti kéo tạp dề xuống một chút và trả lời:

“Nói với anh ta à ? Anh ta có bao giờ hé môi nói việc đó đâu ? Anh ta giữ mồm giữ miệng như thế là khôn đấy, chứ nếu anh ta liều mạng nói thì tôi vả vào mặt”.

Tôi thấy chị mặt đỏ bừng, tôi chưa bao giờ thấy chị hay ai mặt đỏ như vậy, chị không che mặt nữa chỉ trừ khi lấy tạp dề để che trận cười dữ dội. Sau hai, ba lần như vậy chị lại ngồi ăn.

Tôi thấy mẹ tôi cười khi nhìn chị Pécgôti, nhưng mắt mẹ tôi bây giờ đượm vẻ lo buồn và nghiêm nghị. Ngay từ giây phút đầu, tôi đã thấy người thay đổi. Gương mặt người vẫn rất xinh nhưng phiền muộn và quá yếu đuối. Hai bàn tay mẹ tôi gầy và trắng đến nỗi tôi có cảm tưởng nó gần như trong suốt. Nhưng trong cử chỉ của mẹ tôi lại biểu lộ thêm một vẻ thay đổi khác mà tôi muốn nói. Mẹ tôi đã thành ra lo lắng và hốt hoảng. Cuối cùng mẹ tôi đưa bàn tay ra đặt nó âu yếm trên bàn tay người đầy tớ gái quen thuộc và nói:

“Chị Pécgôti, thế chị không lấy chồng à ?”

“Thưa bà, lay Chúa, tôi không lấy chồng” chị Pécgôti trả lời, mở to đôi mắt.

“Không bao giờ lấy chồng chứ?” mẹ tôi hỏi dịu dàng.

“Không bao giờ lấy chồng cả” chị Pécgôti nói to.

Mẹ tôi cầm lấy tay chị và nói:

“Chị đừng bỏ tôi, chị Pécgôti ạ. Chị cứ ở với tôi, có

lẽ không phải ở lại lâu lắm đâu. Nếu không có chị thì tôi sẽ ra sao ?”

“Tôi mà lại bỏ đi à ?” chị Pécgôti kêu to. “Cho tôi tất cả vàng bạc trên thế gian này tôi cũng không bỏ bà đâu. Nhưng tại sao cái đầu óc nhỏ bé này lại điên đại nghĩ đến điều đó mới được chứ ?” .

Chị Pécgôti lâu nay vẫn quen thỉnh thoảng nói với mẹ tôi như nói với một đứa trẻ con. Mẹ tôi nói rằng mẹ tôi cảm ơn và chị Pécgôti nói tiếp theo lối nói của chị.

“Tôi mà lại bỏ bà đi à ? Ồ ! Pécgôti mà lại bỏ bà à ?

Để xem bao giờ nào? Không, không bao giờ”. Chị Pécgôti vừa nói vừa lắc đầu và khoanh tay. “Bà đừng lo gì hết, bà ạ. Có những con mèo sẽ vừa lòng nếu như tôi bỏ đi, nhưng tôi không làm như thế đâu. Tôi cứ để cho chúng tức tối vì tôi sẽ ở với bà cho đến khi tôi chỉ còn là một mẹ già lắm cảm nói năng lắm nhảm. Và khi tôi nặng tai quá, què quặt quá, mù loà quá, nói phều phào vì không có răng, khi nào tôi không làm được, việc gì nữa, ngay cả việc chịu mắng chửi cũng không làm được, thì tôi sẽ đến tìm em Đêvit của tôi nhờ nó nuôi !”

“Chị Pécgôti ạ” tôi nói, “em sẽ rất vui mừng được đón chị và em sẽ tiếp chị như một bà hoàng”

“Chúa phù hộ em, vì em có lòng tốt. Chị cũng tin chắc như thế”

Và chị liền hôn tôi trước cảm ơn lòng hiếu khách của tôi. Sau đó, chị lại lấy tạp dề che mặt và cười rữ rượi về cái anh Báckit. Rồi chị bế em tôi ra khỏi nôi và ru. Rồi chị dọn dẹp đồ ăn để rồi lại xuất hiện với một cái mũ khác, với cái hộp kim chỉ, cái thước và cái mẫu nắn của chị in

hết như ngày xưa.

Chúng tôi ngồi cạnh lửa, nói chuyện say sưa. Tôi kể cho hai người nghe ông Crichcon là ông thầy độc ác như thế nào và hai người rất thương hại cho tôi. Tôi kể cho hai người nghe Xtiêcphoóc tốt như thế nào che chở tôi thế nào, và chị Pécgôti tuyên bố sẵn sàng đi bộ hai mươi dặm để thăm anh. Em tôi thức dậy, tôi bế nó và ru nó âu yếm. Khi nó ngủ lại, tôi lại ngồi cạnh mẹ tôi theo cái thói quen ngày xưa nay đã bỏ bằng một thời gian dài, hai tay ôm lấy lưng, áp cái gò má đỏ hồng vào vai mẹ tôi, và một lần nữa, tôi cảm thấy mớ tóc xinh xắn của người xoã trên đầu tôi — tôi nhớ tôi thường so sánh nó với đôi cánh của thiên thần — và cảm thấy rằng tôi thực là hạnh phúc.

Trong khi tôi ngồi như thế mắt đắm đắm nhìn những hình ảnh trong bếp than hồng đỏ rực, tôi hầu như tưởng rằng mình chưa bao giờ rời khỏi nhà này, rằng ông Moxtôn và cô Moxtôn đều chỉ là những hình ảnh sẽ biến đi khi ngọn lửa hạ xuống, và trong tất cả những điều tôi nhớ lại không có gì là thực cả trừ mẹ tôi, chị Pécgôti và tôi.

Chị Pécgôti đang ngồi vá một chiếc tất chân và chị cá mai miết lúc còn nhìn thấy nó. Sau đó, chị luồn tay trái xỏ vào tất chân, như xỏ vào một cái găng tay, tay phải cầm kim sẵn sàng chích một cái mỗi khi ngọn lửa bùng sáng lên. Tôi không thể tưởng tượng được những cái thứ tất tiếc kia mà chị cứ vá liên miên là của ai, ở đâu lại có nhiều tất cần vá như thế. Từ khi còn nhỏ bé, tôi đã có cảm tưởng rằng bao giờ cũng chỉ thấy chị làm có mỗi việc kim chỉ này mà thôi, ngoài ra không làm việc gì khác.

Tính chị Pécgôti đôi khi đột nhiên tò mò muốn biết

“Tôi cho rằng bây giờ cô ta đã tha thứ cho nó” chị Pécgôti gợi ý.

“Chị bảo tại sao cô ta sẵn sàng tha thứ cho nó nào ? mẹ tôi nói hơi xằng.

“Tôi muốn nói rằng bây giờ nó đã có em” chị Pécgôti nói.

Mẹ tôi liền khóc oà và nói rằng không hiểu tại sao chị Pécgôti dám cả gan nói với mẹ tôi một điều như vậy.

“Chị làm như thể cái thằng bé thơ ngây tội nghiệp đang nằm trong nôi này đã làm hại đến chị, hay đến một người nào khác. Người đâu mà hay ghen như thế ! Thôi. Chị đi lấy anh xà ích Báckít đi còn hơn. Tại sao chị lại không đi cơ chứ ?”

“Tôi mà đi thì cô Mọcxtôn sẽ bằng lòng lắm đấy !” Chị Pécgôti nói

“Người đâu mà tính khí khó chịu thế” mẹ tôi đáp. Chị cứ ghen với cô Mọcxtôn thực rõ buồn cười. Thế chị muốn giữ tất cả chìa khóa phải không, chắc là chị muốn phân phát các thức ăn thì phải. Nếu chị nghĩ như thế thì tôi cũng chẳng lấy gì làm lạ. Chị biết rằng cô ta làm thế là hoàn toàn xuất phát từ lòng tốt và thiện chí ! Chị Pécgôti chị biết điều đó, chị biết rõ điều đó lắm chứ !”

Chị Pécgôti lẩm bẩm điều gì hình như nói “Ma bắt cái lòng tốt của cô ta đi” và nói bóng nói gió “kể thực cô ta cũng tốt bụng quá đi đấy”

“Tôi hiểu ý chị muốn ám chỉ gì rồi” mẹ tôi nói.

“Người đâu mà cau có đến khó chịu ! Tôi hiểu chị lắm. Chị Pécgôti ạ chị cũng biết rõ điều đó và đáng lý mặt chị phải đỏ như gấc. Nhưng thôi, mỗi lúc ta chỉ nên nói về

một việc nào thôi. Hiện nay ta đang bàn về cô Mọcxtôn và tôi không cho chị nói lảng sang chuyện khác đâu. Chị Pécgôti ạ, chẳng phải chị vẫn thường nghe cô ta nói đi nói lại rằng tôi là một người quá ngớ nghếch và quá...”

“Quá xinh đẹp!” chị Pécgôti nói thêm.

Mẹ tôi cười và đáp lại:

“Này nếu cô ta điên đến nỗi nói như vậy, thì đó có phải là lỗi của tôi đâu?”

“Chẳng có ai nói đó là lỗi của bà hết” chị Pécgôti đáp.

“Tôi hy vọng rằng không phải như thế” mẹ tôi nói lại rằng cô ta làm như vậy là để cho tôi tránh khỏi nhiều điều lo lắng không biết tôi có thể làm được không. Chị cũng thấy đấy chứ, từ sáng sớm cô ta đã dậy, đi đi lại lại không biết mệt cho đến tối để làm đủ mọi thứ, đồ ăn và tất cả những nơi khác, từ cái hầm đựng than đến cái tủ đồ ăn và tất cả những nơi khác không thú vị gì cho lắm. ấy thế mà chị còn muốn nói bóng nói gió rằng đó không phải là một thứ tình thần tận tụy!”

“Tôi không nói bóng nói gió gì hết”

“Có, chị Pécgôti ạ” mẹ tôi đáp “Ngoài công việc của chị, chị không làm việc gì khác. Cả ngày chị cứ lo nói bóng nói gió. Chị cho thế là sướng lắm đấy và khi nào chị nói đến những ý định tốt của ông Mọcxtôn...”

“Ồ! Tôi không bao giờ nói đến điều đó”, chị Pécgôti nói.

“Không, nhưng chị nói bóng nói gió” mẹ tôi đáp.

“Đúng như điều tôi vừa nói lúc nãy, tật xấu của chị là ở đấy. Chị cứ muốn nói bóng nói gió. Lúc nãy tôi vừa

nói rằng tôi hiểu chị và chị hiểu rằng đó là đúng. Khi chị nói đến những ý định tốt của ông Moxtôn và chị có cái thái độ khinh họ (bởi vì tôi tin chắc rằng trong thâm tâm chị thực sự khinh họ, chị Pécgôti ạ) chị cũng phải tin chắc như tôi rằng những ý nghĩ kia là tốt và những ý nghĩ ấy thúc đẩy anh ấy trong tất cả những việc anh ấy làm. Nếu như anh ấy hơi nghiêm khắc với một người nào đó (Chị Pécgôti ạ, chị hiểu điều đó lắm và Đêvit cũng vậy chắc hẳn cũng hiểu rằng tôi không nói đến một người nào có mặt ở đây) thì đó chỉ vì anh ấy tin chắc rằng điều anh ấy làm là vì lợi ích của người ấy. Cố nhiên anh yêu người ấy vì anh yêu tôi và anh làm là chỉ vì lợi ích của người ấy mà thôi. Anh có năng lực nhận xét hơn tôi bởi vì tôi là một người yếu đuối, trẻ con và nhẹ dạ, trái lại anh ấy là một người kiên quyết, nghiêm nghị và trang trọng. Anh ta đã khổ tâm nhiều vì tôi". Mẹ tôi vừa nói vừa khóc sụt sùi vì bản tính của mẹ tôi rất dịu dàng "Tôi biết ơn anh ấy và rất phục tùng anh ấy, ngay cả ở trong ý nghĩ và khi nào tôi không nghĩ như vậy thì tôi tự dằn vặt, tôi tự trách móc, tôi nghi ngờ cả con tim của tôi và tôi không biết nên làm gì".

Chị Pécgôti im lặng nhìn ngọn lửa, cầm áp vào cái tất chị đang vá. Mẹ tôi đổi giọng:

"Thôi chị Pécgôti ạ. Chúng ta đừng giận nhau nữa nhé, bởi vì nếu như thế thì tôi không thể chịu nổi. Chị là người bạn trung thành của tôi nếu như trên đời này tôi có một người bạn. Khi tôi nói rằng chị buồn cười hay khó chịu, hay một điều gì tương tự như thế thì tôi chỉ muốn nói rằng hì là người bạn trung thành của tôi, từ buổi chiều anh Copophin đưa tôi đến lần đầu tiên và chị ra cổng đón".

Chị Pécgôti liền biểu lộ ngay tình cảm của mình đối với những lời tâm sự ấy và ký ngay cái hoà ước hữu nghị bằng cách ra sức ôm ghì lấy tôi. Tôi tin rằng trong lúc ấy thỉnh thoảng tôi cũng thoáng biết tính chất chính của câu chuyện vừa trao đổi, nhưng bây giờ thì tôi tin chắc rằng việc này là do con người quý hoá kia có ý gây ra và tham dự vào đấy để cho mẹ tôi có thể lấy cái kết luận ngắn ngủi và mâu thuẫn mà mẹ tôi vừa nói để tự an ủi.

Kế hoạch của chị đã thành công rực rỡ và tôi nhớ rằng mẹ tôi sau lúc ấy có vẻ khoan khoái hơn trước và chị Pécgôti cũng ít chăm chú nhìn mẹ tôi hơn.

Sau bữa ăn tối, sau khi Pécgôti một chương trong ngọn nến, tôi đọc cho chị Pécgôti một chương trong quyển sách cá sấu để nhớ lại ngày xưa (chị lấy nó ở trong túi áo từ khi tôi ra đi không). Chúng tôi nói chuyện về Xalem học hiệu, điều này lại khiến tôi quay trở về sung sướng. Đêm hôm ấy là cái đêm cuối cùng chúng tôi sống như vậy và từ đó về sau nó vĩnh viễn chấm dứt chương này trong quyển sách đời của tôi và tôi sẽ không bao giờ quên nó nữa.

Lúc gần mười giờ đêm thì nghe tiếng bánh xe. Tất cả chúng tôi đứng dậy. Mẹ tôi nói vội vã rằng bây giờ đã khuya lắm, ông Mécxtôn và cô Mécxtôn muốn trẻ con đi ngủ sớm, cho nên tôi nên đi ngủ thì hơn. Tôi hôn mẹ tôi và lập tức cầm nến đi về phòng trước khi họ vào. Khi tôi bước từng bước vào cái phòng ngủ mà trước đây tôi đã bị giam giữ, trí óc ngây thơ của tôi cảm thấy hình như họ đưa vào nhà một cơn gió lạnh thổi tan tất cả cái bầu không khí thân mật êm ấm trong nhà như một ngọn gió thổi một cái lông chim.

Sáng hôm sau, tôi cảm thấy khó chịu khi xuống ăn sáng, vì từ hôm tôi đã phạm cái tội đáng nhớ ấy thì chưa bao giờ tôi nhìn ông Mọcxtôn. Nhưng bây giờ không có cách nào khác tránh nên tôi đành phải bước xuống. Sau khi hai ba lần đi được nửa đường rồi rón rén về phòng, cuối cùng tôi phải bước vào phòng khách. Ông Mọcxtôn đang đứng trước ngọn lửa lung quay vào ngọn lửa trong lúc ấy cô Mọcxtôn đang nấu trà. Ông chăm chú nhìn tôi khi bước vào nhưng không có chút gì chứng tỏ ông nhận được tôi.

Sau một lúc lúng túng tôi bước đến và nói với ông ta “Con xin lỗi dượng, con rất hối hận về điều đã làm và mong rằng dượng sẽ tha lỗi cho con”

“Tao rất vui lòng thấy mày đã hối hận” ông đáp.

Ông đưa cho tôi cái bàn tay mà tôi đã cần để bắt tay tôi. Tôi không thể tự cấm mình không nhìn thấy cái dấu đỏ ở trên bàn tay, nhưng nó cũng không đỏ bằng mặt của tôi lúc tôi nhìn thấy cái vẻ đe dọa trên khuôn mặt của ông. Tôi nói với cô Mọcxtôn.

“Cô mạnh khoẻ chứ?”

Cô Mọcxtôn thở dài và nói:

“Trời ơi!” và đưa cho tôi cái thìa uống trà, chứ không đưa tay ra bắt “Mày nghỉ hè bao lâu?”

“Thưa cô một tháng ạ!”

“Kể từ hôm nào!”

“Thưa cô kể từ hôm nay”

“Ồ! Nhưng thế cũng bớt đi được một ngày” Cô Mọcxtôn nói.

Cô ta giữ một quyển lịch về ngày nghỉ nhằm mục đích ấy, mỗi buổi sáng cô ta xóa đi một ngày một cách in

hết như nhau. Cô làm một cách cau có cho đến khi đến số hàng chục thì cô càng ngày càng nhiều hy vọng, và dần dần cô lại tỏ ra hí hửng nữa kia.

Chính trong ngày đầu tiên này lại là ngày tôi gặp phải điều không may là bất cô phải kinh hoàng dữ dội mặc dầu tính cô không có cái nhược điểm ấy. Tôi bước vào phòng, Cô và mẹ tôi đang ngồi ở đấy, thằng bé (nó mới vài tuần thôi) đang nằm trên đùi mẹ tôi. Tôi bế nó lên tay hết sức âu yếm nâng niu. Đột nhiên cô Mợxtôn thét lên một tiếng làm tôi suýt nữa buông rơi thằng bé.

Mẹ tôi kêu lên

“Chị Jan, cái gì thế?”

“Trời ơi, Có có thấy gì không?” cô Mợxtôn kêu lên

“Chị Jan thấy cái gì? ở đâu?” mẹ tôi hỏi

“Nó bế thằng bé!” Cô Mợxtôn kêu lên “Con chị đã bế thằng bé”

Cô ta hoảng sợ quá nên người mềm nhũn ra nhưng rồi lại cứng lại ngay và nhảy chồm về phía tôi giằng nó ra khỏi tay tôi. Sau đó cô ta ngắt đi và bệnh tình trầm trọng đến nỗi người ta phải cho cô uống rượu anh đào. Khi tỉnh dậy, cô ta ra lệnh nghiêm cấm không cho tôi động đến em vì bất cứ lý do nào và người mẹ tội nghiệp của tôi (mặc dù tôi có thể thấy rằng mẹ tôi muốn khác) đã khẳng định lại lệnh cấm ấy một cách dịu dàng và nói:

“Cố nhiên chị Jan ạ, chị nói có lý”

Có một lúc khác khi cả ba người chúng tôi cùng ngồi thì cũng thằng bé ấy (tôi thành thực yêu nó vì tôi yêu mẹ tôi) lại là duyên cớ khiến cho cô Mợxtôn nổi giận. Trong khi nó nằm trên đùi mẹ tôi, mẹ tôi nhìn vào mắt nó mà nói:

“Đêvit , con đến đây”. Và mẹ tôi bắt đầu nhìn vào mắt tôi.

Tôi thấy cô Mọcxtôn đặt chuỗi ngọc cô đang khâu xuống. Mẹ tôi nói dịu dàng:

“Em thấy giống nhau như đúc, tôi thấy đúng là mắt của tôi, tôi thấy đúng là màu mắt của tôi. Giống ghê lắm !”

“Mợ nói gì thế, mợ Clara ?” Cô Mọcxtôn hỏi

Mẹ tôi áp úng vì hơi bị giọng nghiêm khắc của cô Mọcxtôn làm cho lúng túng.

“Em thấy mắt thằng bé và mắt thằng Đêvit giống in hệt nhau”

Cô Mọcxtôn đứng dậy, giận dữ.

“Mợ Clara ạ! Tôi thấy đôi khi mợ thực đến ngớ ngẩn”

“Chị Jan, chị nói thế nào ?” mẹ tôi phản đối.

“Thực rõ ngớ ngẩn ! Ai lại như mợ dám so sánh đứa con của em tôi với đứa con của mợ ? Chúng chẳng giống nhau chút nào hết. Chúng hoàn toàn khác. Chúng hoàn toàn khác nhau về tất cả mọi mặt. Tôi hy vọng rằng chúng sẽ suốt đời như vậy. Tôi không muốn ngồi đây để nghe so sánh như thế”

Nói xong cô đồng dục bước chân và đóng sầm cửa lại

Tóm lại, tôi không phải là người được cô Mọcxtôn nuông chiều. Tóm lại, tôi không phải là người được ai nuông chiều, ngay đến cả bản thân tôi cũng vậy, bởi vì những người thực sự yêu tôi không có thể tỏ điều ấy ra, trái lại những người không yêu tôi thì lại biểu lộ điều đó liều đến nỗi tôi có cái cảm giác đau đớn là bao giờ cũng tỏ ra

mất tự nhiên, vụng về và cau có.

Tôi cảm thấy tôi đã làm phiền họ, cũng như họ đã làm phiền tôi. Nếu tôi bước vào trong lúc họ đang ngồi nói chuyện với nhau và mẹ tôi xem ra rất vui vẻ thì một đám mây u ám lập tức tre phủ khuôn mặt của mẹ tôi ngay từ lúc tôi bước vào. Nếu ông Mọcxtôn hết sức cao hứng thì tôi sẽ làm cho ông cụt hứng. Nếu ông Mọcxtôn đang bực bội thì tôi lại càng làm cho ông thêm bực bội.

Tôi rất biết rằng mẹ tôi bao giờ cũng là nạn nhân, rằng mẹ tôi sợ sẽ không dám nói chuyện với tôi hay tỏ ra hiền từ với tôi vì sợ làm như thế họ sẽ giận và sau đó lại được một bài giáo huấn. Tôi có cảm tưởng rằng không những mẹ tôi luôn luôn sợ mẹ tôi làm họ giận, mà lại sợ tôi làm họ giận nữa, và cứ lo lắng, nhìn sắc mặt của họ mỗi khi tôi cử động một chút.

Vì vậy, tôi quyết định cố sức tránh họ và có nhiều giờ mùa đông năm ấy tôi ngồi trong phòng ngủ buồn rầu, mình khoác cái áo khoác nhỏ bé, đọc sách mãi miết trong khi tai nghe chuông nhà thờ điểm.

Buổi chiều, đôi khi đến ngồi cạnh chị Pécgôti ở nhà bếp. ở đây, tôi cảm thấy mình thoải mái và không sợ rằng mình không phải là mình. Nhưng các biện pháp này không được những người phòng khách tán thành. Thái độ thích hình phạt thống trị ở đây cản trở những điều đó. Người ta cho rằng tôi cần thiết đối với việc giáo dục mẹ tôi và vì tôi là một thử thách đối với mẹ tôi nên tôi không được phép vắng mặt.

Một hôm, sau bữa ăn trưa, trong khi tôi sắp sửa ra khỏi phòng như thường lệ, thì ông Mọcxtôn nói:

“Đêvit ! Tao rất buồn vì thấy mày là một đứa trẻ tính tình cau có”

“Cau có như gấu” Cô Mọcxtôn nói

Tôi đứng yên cúi gằm mặt xuống. Ông Mọcxtôn nói

“Đêvit ! Tao nói cho mày biết, trong mọi tật xấu thì tính cau có, bướng bỉnh là tật xấu tệ hại nhất”

Bà chị nhận xét:

“Thằng bé này là thằng bé cau có, bướng bỉnh nhất trên đời, xưa nay tôi chẳng thấy ai như nó. Nó bướng bỉnh và cứng cổ nhất. Mẹ Clara chắc mẹ cũng nhận thấy điều đó ?”

“Chị Jan ạ” mẹ tôi nói “Chị tha lỗi cho em, chị có chắc chắn là chị hiểu được Đêvit không ?”

“Nếu không hiểu được thằng bé này hay bất kỳ một thằng bé nào khác thì đó là một điều làm tôi hổ thẹn”. Cô Mọcxtôn đáp “Tôi không tự cho mình là người sâu sắc, nhưng tôi cũng có óc nhận xét thông thường như mọi người”

“Cố nhiên óc nhận xét của chị rất là chính xác” mẹ tôi nói.

Cô Mọcxtôn nói xen vào một cách giận dữ.

“Ồ, không đâu, mẹ Clara, mẹ đừng nói thế !”

“Nhưng em tin chắc chắn là như thế” mẹ tôi nói tiếp “Và mọi người đều nhận thấy như thế, bản thân em cũng đã thu được nhiều điều bổ ích hay ít nhất em phải thu được nhiều điều bổ ích và không ai có thể điều đó rõ hơn em. Vì vậy, lúc này em nói với chị một cách do dự, chị Jan ạ, em nói thật với chị như vậy”.

“Ừ, thì cho rằng tôi không hiểu thằng bé” Cô

Mơxtôn nói, vừa nói vừa xếp lại những sợi dây xích ở trên cổ tay “Chúng ta hãy đồng ý như mọi muốn rằng tôi không hiểu nó một chút nào cả. Nó là quá sâu sắc đối với tôi. Nhưng có lẽ trình độ quan sát sâu sắc của em tôi sẽ nhìn thấy một phần trong tính cách của nó. Và tôi tin rằng em tôi đang nói điều này khi chúng ta ngắt lời một cách không lấy gì làm nhã nhặn cho lắm.”

“Clara ạ” ông Mơxtôn nói hạ thấp giọng và nghiêm trang “anh nghĩ rằng có những người nhận xét vô tư và đứng đắn hơn em về vấn đề ấy.”

Mẹ tôi đáp rụt rè:

“Anh Etuôt ạ, em biết rằng về bất kỳ vấn đề gì, nhận xét của anh, cũng như của chị Jan cũng sâu sắc hơn ưm. Em chỉ nói rằng”

“Em vừa nói một điều chứng tỏ rằng em yếu ớt và không suy nghĩ chín chắn. Từ nay đừng làm như thế nữa Clara ạ, em phải để ý đến em” ông Mơxtôn nói.

Đôi môi của mẹ tôi mấp máy hình như mẹ tôi nói

“Vâng, anh ạ”. Nhưng mẹ tôi không nói gì rõ. Ông Mơxtôn quay đầu và đưa mắt về phía tôi một cách nghiêm khắc nói:

“Này Đêvit tao rất buồn vì thấy mày là một thằng tính khí cau có. Tao không chịu để cho cái tính cau có ấy phát triển tự do ở dưới mắt tao mà không tìm cách sửa chữa. Ông ơi ông phải cố gắng thay đổi cái tính khí kia đi: và chúng tôi, chúng tôi cũng phải cố gắng giúp ông thay đổi nó.”

“Con xin lỗi dượng” tôi đáp ứng “Từ khi con trở về đây, không bao giờ con có ý tỏ ra cau có”

“Mày đừng có chối quanh” ông đáp một cách hung tợn đến nỗi tôi thấy mẹ tôi vô tình đưa bàn tay run run ra can chúng tôi. “Mày cứ cau có mà rút lui về cái phòng của mày. Đáng lý mày phải ngồi đây, thế mà mày cứ ngồi ở trong phòng. Tao nói lần cuối cùng cho mày biết, tao muốn mày phải ngồi ở đây chứ không phải ngồi ở đấy. Tao lại còn muốn mày phải biết vâng lời, Đêvit mày biết tao thế nào rồi chứ, tao muốn thế đấy”

Cô Mócxtôn buông miệng cười khàn đặc ra vẻ khoái trá. Ông Mócxtôn nói tiếp.

“Tao muốn mày tỏ ra lễ phép, nhanh nhẩu và ân cần đối với tao, đối với cô Jan cũng như đối với mẹ mày. Tao không muốn thấy một thằng bé tự ý trốn khỏi phòng này như ở đây có bệnh dịch hạch. Mày ngồi xuống!”

Ông ra lệnh cho tôi như ra lệnh một con chó và tôi vâng lời ngồi như một con chó vâng lời. Ông nói tiếp.

“Lại còn một việc này nữa. Tao nhận thấy mày cứ thích bạn bè với bọn bình dân hèn hạ. Mày không được chơi bời với bọn đấy tớ. Cái nhà bếp không có giúp mày tiến bộ về nhiều mặt cần phải tiến bộ đâu. Còn về người đàn bà bệnh vực mày thì tao không nói gì, vì Clara ạ” đến đây ông hạ giọng và nói với mẹ tôi. “Em còn giữ những kỷ niệm cũ và những ảo tưởng ngày xưa đã bắt rễ từ lâu nên em có thái độ yếu đuối đối với nó mà em vẫn chưa khắc phục được”.

“Thực là một ảo tưởng không sao cắt nghĩa được Cô Mócxtôn kêu lên.

Ông lại nói tiếp với tôi:

“Tao chỉ nói rằng tao không tán thành chuyện mày

lân la bên cạnh con mẹ Pécgôti. Đêvit ! Mày phải chừa cái lối đó đi. Đêvit ! Bây giờ mày đã hiểu tao như thế nào rồi và mày đã hiểu nếu không phục tùng tao từng lời một thì sẽ có hậu quả gì chứ ?”

Cố nhiên là tôi hiểu... Có lẽ tôi còn hiểu hơn điều ông nói nếu xét về quyền lợi người mẹ tội nghiệp của tôi, và tôi vâng lời ông ta từng chữ một. Tôi không tìm cách lẩn tránh bên cạnh chị Pécgôti nữa, trái lại tôi ngồi trong phòng khách mệt mỏi, hết ngày này sang ngày khác cứ mong sao đêm đến và nóng ruột đợi giờ đi ngủ.

Sáng hàng giờ tôi đã phải đứng chịn một sự câu thúc thực là mệt nhọc, cứ phải ngồi giữ một thái độ không thay đổi, không dám cử động tay chân vì sợ cô Mọcxtôn sẽ than phiền bảo tôi láu táu (gặp một cơ rất nhỏ là cô nói như vậy), không dám ngược mắt nhìn vì sợ gặp phải một cái nhìn hằn học hay soi mói sẵn sàng tìm thấy trong cái nhìn của tôi một duyên cớ để than phiền ! Có gì bức boội cho bằng ngồi im lặng nghe tiếng đồng hồ kêu tích tắc, nhìn cô Mọcxtôn xâu những viên sắt tròn giả làm ngọc lóng lánh và tự hỏi có bao giờ cô ta lấy chồng không và nếu như vậy thì anh chàng bất hạnh kia sẽ là ai, ngồi đếm những hoa văn trên lò sưởi, mắt nhìn từ dưới lên trên, xem những nét vẽ quanh co và xoắn ốc của tờ giấy trên tường chạy lên đến trần ! Trong những ngày dòng tiết trời khó chịu đã bao lần tôi đi dạo chơi một mình trên những con đường lầy lội, đi đâu cũng nghĩ đến cái phòng khách nhỏ kia với ông Mọcxtôn, cô Mọcxtôn, như đang mang một gánh nặng khủng khiếp canh cánh bên lòng mà tôi đành phải chịu đựng, nó như một cơn ác mộng không có cách gì xua đuổi,

đề nặng lên tâm trí của tôi làm cho tôi thành dân dộn !

Bao nhiêu bữa cơm tôi ngồi ăn im lặng và lúng túng luôn luôn cảm thấy rằng có một đồ dao nĩa thừa ra, đó là bộ đồ dao nĩa của tôi, có một cái dạ dày thừa ra đó là dạ dày của tôi, có một cái ghế và một cái đĩa thừa ra đó là cái ghế và cái đĩa của tôi, cuối cùng có một con người thừa ra, đó là bản thân tôi !

Lại còn những buổi tối người ta đem nến đến và bắt tôi phải lo việc học tập. Vì tôi không dám đọc một cuốn sách thú vị, tôi chỉ còn biết ngồi nghiền ngẫm một quyển sách toán nào đó đã khô khan lại tàn nhẫn và các bản đo lường cũng hòa theo nhịp điệu những bài hát: “nước Anh hãy trị vì” hay “Xua đuổi u sầu” Nó vào lỗ tay này lại ra đằng lỗ tai kia mà không chịu kể cho tôi nhớ.

Tôi cứ ngồi ngáp ngắn và ngủ gà ngủ gật mặc dầu đã hết sức cố gắng. Sau những giấc ngủ vụng trộm, tôi bừng tỉnh dậy và người ta không đáp lại những câu hỏi mà ngẫu nhiên tôi đánh bạo hỏi. Tôi hình như là một con số không, không ai thèm để ý đến và làm cho mọi người khó chịu. Tôi thật thấy làm khoan khoái như trút một gánh nặng khi nghe tiếng đồng hồ đánh tiếng đầu tiên báo hiệu chín giờ tối và cô Mợxtôn ra lệnh cho tôi được phép về buồng ngủ.

Những ngày nghỉ hè kéo dài lê thê như vậy cho đến khi cô Mợxtôn kêu lên: “Hôm nay là ngày chót !” và cho tôi chén trà cuối cùng trong thời gian nghỉ hè.

Tôi không buồn vì phải ra đi. Tôi đã rơi vào một tình trạng ngơ ngẩn. Nhưng tôi hơi vui một chút khi nghĩ đến Xtiêcphoóc, mặc dầu bóng ông Crichcon đã hiện ra đằng

sau anh ta. Rồi anh Báckit lại hiện ra ở cổng và cô Moxtôn lại kêu lên đe dọa “Mợ Clara !” khi mẹ tôi cúi đầu về phía tôi để từ biệt.

Tôi hôm mẹ và đưa em nhỏ và lúc bấy giờ tôi cảm thấy rất buồn nhưng không phải buồn vì phải đi xa bởi vì ở giữa chúng tôi vẫn có một hố sâu ngăn cách và ngày nào đối với chúng tôi cũng là những ngày xa cách. Mặc dầu cái hôn của mẹ tôi có thân thiết đến đâu, nó cũng không làm tôi nhớ mãi bằng việc xảy ra sau đó:

Tôi đang ngồi trên xe ngựa thì tiếng mẹ tôi gọi tôi. Tôi nhìn ra và thấy mẹ tôi đứng một mình ở cổng vườn, hay tay giơ đứa bé lên cao cho tôi nhìn. Trời hôm ấy lạnh và không có gió, không một sợi tóc nào, không một nếp áo nào của mẹ tôi cử động trong lúc mẹ tôi nhìn tôi đắm đắm tay vẫn giơ cao đứa trẻ cho tôi thấy.

Và thế là tôi mất hút mẹ tôi. Sau này, tôi thấy lại mẹ tôi trong những giấc mơ ở trường cũng trong dáng điệu như thế: đứng yên lặng bên cạnh giường tôi, mắt đắm đắm nhìn tôi... hay tay giơ đứa bé lên cao.

Chương IX

TÔI CÓ MỘT NGÀY SINH NHẬT ĐÁNG GHI NHỚ

Tôi bỏ qua không nói đến những ngày xảy ra ở nhà trường trước ngày sinh nhật của tôi vào tháng ba. Tôi không còn nhớ gì nữa trừ điểm Xiêcphoóc lại càng đáng khen hơn bao giờ hết. Anh phải rời khỏi trường vào cuối học kỳ nếu không phải sớm hơn. Tôi thấy anh lại càng hứng và tự do hơn trước, và do đó, anh lại càng làm cho tôi mê. Nhưng ngoài việc đó ra thì tôi không còn nhớ gì nữa. Cái kỷ niệm lớn đánh dấu thời kỳ ấy ở trong óc tôi dường như đã nuốt mất tất cả những kỷ niệm khác nhỏ hơn và chỉ tồn tại một mình.

Thậm chí, tôi khó lòng tin rằng giữa thời gian tôi ở lại Xalem học hiệu và ngày sinh nhật ấy lại có cả một lỗ trống những hai tháng trời rỗng rã. Tôi chỉ có thể hiểu rằng sự thực là như vậy, bởi vì tôi biết nó phải như thế, nếu không, tôi sẽ yên trí rằng không có khoảng cách nào cả và sự kiện sau kế tiếp liền ngay sự kiện trước.

Tôi còn nhớ rõ ràng ngày hôm ấy thời tiết như thế

nào. Tôi ngửi thấy mùi sương mù bao phủ chung quanh. Tôi thấy sương giá trắng xóa hiện ra dễ sợ qua màn sương mù, tôi cảm thấy mớ tóc ẩm sương của tôi dính vào hai má, tôi nhìn thấy dãy phòng học hiện ra lơ mờ đây đó những ngọn đèn chiếu sáng nổ lách tách trong buổi sáng đầy sương mù và hơi thở của học sinh cuộn tròn như khói trong bầu không khí giá lạnh mỗi khi chúng thổi vào ngón tay và giẫm chân trên đất.

Chúng tôi đã ăn cơm sáng xong và vừa ở sân chơi vào, thì ông Sácơ đến nói.

“Đêvit Copophin ! lên phòng khách !”

Tôi hy vọng ông Pécgôti sẽ đem đến cho tôi một giỏ gì đây, cho nên nghe gọi thì mừng quỳnh. Trong khi nhanh nhẩu đứng dậy và mấy đứa ngồi xung quanh dặn tôi đừng có quên phần chúng khi chia các thứ quà thì ông Sácơ nói:

“Đêvit, em còn chán thì giờ không cần gì phải vội”

Nếu tôi để ý một chút thì tôi sẽ ngạc nhiên về giọng nói ái ngại của ông, nhưng lúc bấy giờ tôi không hề để ý đến điều đó. Tôi vội vàng chạy lên phòng khách. Tôi thấy ông Crichcon đang ngồi ăn sáng ở đấy, trước mặt là một tờ báo và một cái gậy và bà Crichcon tay cầm một lá thư để ngó. Còn chẳng thấy rõ rá nào cả.

Bà Crichcon đưa tôi đến một cái ghế xô-pha và ngồi bên cạnh tôi và nói:

“Đêvit Copophin, bác muốn nói riêng với em một điều. Bác muốn nói với con một điều”

Cố nhiên, tôi nhìn ông Crichcon. Ông lắc đầu không nhìn tôi và lấy một miếng bánh mì nước to tướng

phét bơ nhét vào miệng nuốt để bịt tiếng thở dài. Bà Crichcon nói:

“Con còn nhỏ quá nên không biết rằng thế giới này thay đổi từng ngày, và con người ta trên thế giới này đi mất như thế nào. Nhưng Đêvít ạ, ai cũng phải biết điều đó, có người biết khi còn trẻ, có người biết khi đã già, lại có người suốt đời lúc nào cũng không biết”

Tôi nhìn bà ta dăm dăm

“Lúc nghỉ hè xong con rời khỏi nhà”. Bà Crichcon dừng lại một lát, “tất cả nhà có mạnh khoẻ không ?” và dừng lại một lần thứ hai “mẹ em có mạnh khoẻ không ?”

Mặc dầu tôi không hiểu rõ tại sao, tôi đã run hẫ lên, mắt dăm dăm nhìn bà, không tìm được câu trả lời bà ta nói:

“Bởi vì, bác đau đón nói cho em biết rằng sáng nay bác được tin rằng mẹ em đau nặng lắm”

Một lớp sương mù bốc lên giữa bà Crichcon và tôi và hình ảnh của bà hình như chuyển động ở trong đám sương mù này trong một lát. Rồi tôi cảm thấy những hạt nước mắt nóng ran chạy xuống má và hình ảnh của bà lại im lìm như cũ. Bà nói tiếp.

“Bệnh tình mẹ em rất trầm trọng”

Bây giờ tôi đã biết tất cả.

“Mẹ em đã mất”

Thực ra, bà không cần phải nói với tôi điều đó. Tôi đã khóc oà lên một cách tuyệt vọng và cảm thấy mình đã thành một đứa mồ côi ở trong cái thế giới bao la này.

Bà đối với tôi rất tử tế. Bà giữ tôi ở đấy cả ngày đôi khi lại để tôi ở đấy một mình. Tôi khóc mãi và mệt quá

nên ngủ thiếp đi. Khi tỉnh dậy, tôi lại khóc nữa. Khi tôi không còn khóc được nữa, tôi bắt đầu suy nghĩ và lúc bấy giờ tôi cảm thấy ngực nặng trĩu và nỗi buồn của tôi làm cho tôi đau âm ỉ không có cách gì xoa dịu được.

Tuy nhiên, tư tưởng của tôi rất tản mạn, nó không tập trung vào cái tai nạn đang đè nặng lên tim tôi, mà lại đi lan man chung quanh tai nạn ấy. Tôi nghĩ đến cái nhà cửa đóng then cài của chúng tôi từ nay lặng ngắt. Tôi nghĩ đến thằng bé mà bà Crichcon nói mấy lâu nay vẫn ồm mồm ồm mồm và họ nghĩ rằng cũng sẽ chết. Tôi nghĩ đến ngôi mộ của ba tôi ở ngoài nghĩa địa cạnh nhà tôi, và nghĩ đến người mẹ tôi ở ngoài nghĩa địa ở dưới cái cây mà tôi biết rất rõ. Khi tôi ngồi một mình, tôi đứng lên ghé và nhìn vào gương, xem cặp mắt của tôi đỏ ngầu và mặt của tôi buồn bã như thế nào. Vài giờ sau, tôi tự hỏi không biết có phải bây giờ nước mắt của tôi chảy ra có vẻ khó khăn hay không (nhưng tôi cảm thấy thế) và lần này về nhà để đi đưa đám thì trong các tổn thất của tôi cái gì sẽ làm tôi đau xót nhất. Tôi nhớ rằng tôi có vẻ oai trong bọn học sinh, và cảnh ngộ đau buồn của tôi đã biến tôi thành quan trọng.

Nếu xưa nay có một đứa trẻ đau khổ thành thực thì đứa đó là tôi. Tuy vậy, tôi còn nhớ rằng chiều hôm ấy khi học sinh đều lên lớp, còn tôi vẫn đi dạo chơi ở ngoài sân, cái vẻ quan trọng này làm cho tôi hơi thoải mái. Khi tôi thấy chúng nhìn trộm tôi qua cửa sổ lúc lên lớp học, tôi cảm thấy tôi có vẻ oai nên tôi lại càng làm ra vẻ buồn bã và bước đi càng chậm rãi. Hết giờ học, chúng đến nói chuyện với tôi, tôi cảm thấy vừa ý vì tôi không kêu ngoạ

đối với ai và đối xử với tất cả cũng hết như ngày trước.

Đêm hôm sau, tôi phải về nhà, nhưng không phải về xe thư mà ngồi trên một cái xe ngựa đi đêm to lớn gọi là “Chị nông dân”, những người nông dân thường dùng xe này để đi những đoạn đường ngắn. Chiều hôm ấy, chúng tôi không kể chuyện và Trátđơn nhất thiết đòi nhường gối của nó cho tôi cho bằng được. Tôi không hiểu làm như thế có ích lợi gì cho tôi không, bởi vì tôi cũng đã có một cái gối rồi, nhưng cậu ta tội nghiệp chẳng biết có gì mà cho, trừ một tờ giấy viết thư vẽ đầy những bộ xương người mà cậu cho tôi khi chúng tôi từ biệt để an ủi nỗi đau buồn của tôi và giúp cho tâm hồn tôi được yên tĩnh.

Chiều hôm sau, tôi rời khỏi Xalem học hiệu. Bấy giờ tôi không ngờ rằng tôi sẽ không bao giờ trở lại đây nữa. Xe chúng tôi đi rất chậm suốt cả đêm và mãi đến mười hai giờ sáng mới đến Yacmao. Tôi nhìn quanh quần tìm anh Bắckít nhưng không thấy anh ta đâu cả; trái lại thấy một người béo mập, ngắn hơi, mặt mày vui vẻ, mặc đồ đen có những chùm giấy vãi đã cũ cuộc thất cái quần cụt bó ở đầu gối, chân đi tất đen đầu đội mũ rộng vành, vừa đi đến cửa xe vừa thở hổn hển và nói.

“Em Copophin ?”

“Cháu đây ạ”

“Em có muốn đi với tôi không ? Tôi rất vui lòng đưa cậu về”

Ông vừa nói vừa mở rộng cửa xe. Tôi chìa tay ra cho ông bắt, trong lòng suy nghĩ không biết ông là ai. Chúng tôi đi đến một cửa hiệu ở trên một đường phố hẹp, ở trước cửa có cái biểu đề “*Ấm, bán dạ, thợ ma bán đồ làm sẵn,*

đồ tung.v.v.. Đó là một cửa hiệu nhỏ chật chội và ngột thở, đầy mọi thứ có quần làm sẵn hay chưa làm xong, kể cả một tủ kính đựng đầy những mũ lá mũ bằng da hải - ly và mũ chup. Chúng tôi bước vào một cái phòng khác nhỏ ở đằng sau, ở đây có ba cô gái trẻ tuổi đang may một đồng vải màu đen chống chấy trên bàn, mụn vải rơi vung vãi dưới đất. Trong phòng có một lò lửa sáng và co mùi cờ-rếp đen, ấm làm người ta ngột thở - lúc bấy giờ tôi không hiểu là mùi gì, nhưng ngày nay thì tôi hiểu.

Ba cô gái có vẻ hết sức chăm chỉ và thư thái, ngẩng đầu lên nhìn tôi, rồi lại tiếp tục công việc của họ. Họ cứ ngồi may mãi miết. Đồng thời ở một cái xưởng bên kia cái sân nhỏ ở ngoài cửa sổ nghe tiếng búa đều đều: cạch, cạch, cạch... Không thay đổi.

Người dẫn tôi đi hỏi một trong ba cô:

“Thế nào Mini, con làm đến đâu rồi?”

Cô ta trả lời vui vẻ, mặt không ngẩng lên”

“Gần thử được rồi đấy, ba cứ yên trí”

Ông Âumơ cất cái mũi rộng vành, ngồi xuống thở hỏn hển. Ông béo quá nên phải thở một lát trước khi nói gì

“Thế là tốt”

Mini nói vui vẻ:

“Ba biến thành cá voi rồi!”

Ông Âumơ đáp lại với vẻ trầm ngâm:

“Này con ạ, không hiểu tại sao lại như thế, ba biến thành cá voi mất”

“Đó là vì ba bao giờ cũng thoải mái, trong việc gì ba cũng chỉ nhìn mặt tốt của nó mà thôi”

“Không nhìn như thế thì cũng chẳng có ích gì, con ạ” ông Ấmơ nói.

“Cố nhiên là chẳng có ích gì” cô con gái đáp.

“Nhờ trời chúng ta ở đây đều hết sức vui vẻ, có phải thế không ba ?”

“Ba mong được như thế con ạ” ông Ấmơ nói

“Bây giờ ba đã thở được rồi, ba phải lo cho cậu học sinh này. Em Copophin ! mời em vào hiệu !”

Tôi vâng lời ông Ấmơ và bước vào. Ông đưa tôi xem một tấm vải mà ông bảo là thượng hảo hạng và quá sang đối với đồ tang của một đứa mồ côi cha mẹ, rồi ông đo người tôi và ghi vào một quyển sổ. Trong khi ghi, ông bảo tôi chú ý đến hàng hóa ở trong kho, nói đến một vài kiểu áo “mới lưu hành” và một vài kiểu khác “vừa hết thời”. Ông Ấmơ nói.

“Chính vì các kiểu áo quần cứ thay đổi luôn như thế cho nên chúng tôi thường mất tiền. Nhưng thời thượng thì cũng như con người ta thôi. Nó đến không ai biết lúc nào và tại sao, hay đến như thế nào. Và cũng không ai hiểu lúc nào nó đi, tại sao, và nó đi như thế nào. Theo tôi thấy thì cái gì cũng như cuộc đời, nếu như người ta đứng trên quan điểm đó mà nhìn”

Lúc bấy giờ tôi buồn quá nên không thảo luận với ông ta về mặt đó, và chẳng có lẽ sức tôi không thể làm được việc này trong bất kỳ trường hợp nào. Ông Ấmơ kéo tôi quay trở lại phòng khách vừa đi vừa thở hổn hển.

Ông quay mặt về phía cái cửa dẫn đến một cầu thang gác rất dốc và gọi xuống phòng dưới.

“Đem trà và bánh mì phết bơ lên !”

Ông Âumơ chăm chú nhìn tôi vài phút, trong lúc đó tôi đã không chú ý đến các món điểm tâm vì các đồ vật màu đen kia đã làm tôi mất ngon, và nói:

“Bác biết cháu từ lâu, chú bé ạ”

“Thưa bác thế cơ ạ ?”

“Từ khi cháu sinh”. Ông Âumơ nói “Bác có thể nói bác biết cháu trước khi cháu sinh cơ. Bác biết ông thân cháu, ông cụ cạo năm bộ chín lông rươi và cái mộ ông cụ rộng hai mươi lăm bộ⁽¹⁾”

Bên kia sân nghe tiếng cạch, cạch,... cạch, cạch.

“Mộ ông hai mươi lăm bộ không kém một ly”. Ông Âumơ nói vui vẻ. “Bác không nhớ đó là lời yêu cầu của ông hay là lệnh của bà”

“Bác có biết em của cháu thế nào không ?” Tôi hỏi, ông Âumơ lắc đầu.

Cạch, cạch... cạch, cạch,...cạch, cạch !

“Nó nằm trong lòng mẹ nó !” ông nói

“Tội nghiệp thằng bé ! thế nó chết rồi ư ?”

“Cháu không nên buồn phiền nhiều quá” ông Âumơ đáp. “Phải đấy, thằng bé đã chết rồi”

Nghe tin ấy vết thương cũ của tôi lại nứt ra. Tôi bỏ bữa cơm sáng hầu như chưa đụng đến và đến một cái bàn khác ở góc phòng, gục đầu xuống bàn. Cô Mini vội vàng lo dọn bàn này vì sợ nước mắt của tôi làm ố mất đồ trang phục trên bàn. Cô là một cô gái xinh đẹp, tốt bụng, cô lấy bàn tay dịu dàng êm ái vén mớ tóc của tôi đang xoã che tất cả mắt nhưng cô rất mừng vì làm gần xong công việc hoàn

⁽¹⁾ Một bộ (foot) Anh bằng 30 centimét.

cánh cửa tôi thực khác nhau xa !

Lát sau, tiếng búa ngừng đập và một chàng thanh niên đẹp trai đi qua sân và bước vào phòng. Tay anh ta cầm một cái búa, miệng ngậm toàn đinh nhỏ đến nỗi phải lấy đinh ra rồi mới nói được. Ông Âu mơ nói:

“À! Anh Jôram, công việc thế nào ?”

“Đâu vào đây cả, xong rồi thấy ạ”

Má Mini ửng đỏ, hai cô kia nhìn nhau mỉm cười. Ông Âu mơ nheo một con mắt hỏi:

“Thế nào, có phải tối qua lúc tôi ở câu lạc bộ, thì anh vẫn thấp nển làm việc chứ gì ?”

“Thầy nói làm việc xong con, Mini và thầy có thể đi chơi một lát” Jôram nói.

Ông Âu mơ cười đến vãi ho.

“Ô! Tôi tưởng anh sẽ gạt tôi ra ngoài”

Chàng thanh niên nói tiếp:

“Vì thầy đã bảo thế, cho nên thầy thấy đấy, con có sức làm. Mời thầy sang xem, và cho ý kiến”

Ông Âu mơ đứng dậy nói:

“Được” Và đứng lại, quay về phía tôi. “Này cháu ! Cháu có muốn xem...”

“Ba ạ, không nên” Mini gạt lời.

“Con ạ, ba nghĩ xem thì chú bé sẽ vừa lòng” ông Âu mơ nói “Nhưng con nói cũng đúng đấy”

Tôi không hiểu tại sao tôi lại biết điều họ nói đó là làm cái quan tài của bà mẹ thân yêu của tôi. Trước đây, tôi chưa bao giờ nghe tiếng đóng quan tài, và tôi chưa bao giờ thấy một cái gì mà tôi biết là một cái quan tài, nhưng nghe tiếng cạch, cạch, tôi đoán biết ngay đó là cái gì, và người

thanh niên kia bước vào thì tôi biết chắc anh ta vừa làm gì. Khi công việc đã xong, hai cô gái - tôi không nghe nói tên họ là gì - chải áo để giũ hết mụn vải, chỉ rồi bước ra hiệu để dọn dẹp và đợi khách đến. Mini ngồi lại xếp đồ đã may riêng vào hai cái thúng. Cô quỳ xuống mà làm, đồng thời hát nhẹ nhẹ một điệu hát vui vẻ. Joram, mà tôi biết chắc là người yêu của cô, bước vào hôn trộm cô một cái trong khi cô đang làm việc (Xem chừng anh không hề để ý đến tôi cả) anh nói rằng ông cụ của cô đang đi tìm xe ngựa và anh phải chuẩn bị nhanh cho sẵn sàng đâu vào đấy. Rồi anh lại đi ra, sau đó cô ta bỏ “đề” và kim vào túi, găm cẩn thận một cái kim có chỉ đen vào ngực áo, mặc áo khoác và đội mũ một cách đóm dáng trước một cái gương mặt đặt đằng sau cửa, và tôi thấy trong tâm gương hiện lên gương mặt hân hoan. Tôi ngồi ở góc bàn, hai tay ôm lấy đầu, quan sát tất cả những điều đó và suy nghĩ miên man. Một lát sau chiếc xe ngựa đến trước cửa hiệu. Các thùng hàng được đưa đến trước, tôi được đưa lên sau, rồi đến ba người kia cùng lên xe. Tôi nhớ đó là một thứ xe một nửa là xe ngựa, một nửa là xe chở dương cầm, sơn màu xẫm, do một con ngựa đen đuôi dài kéo. Trong xe có chỗ ngồi rộng cho tất cả chúng tôi.

Trong đời tôi chưa bao giờ tôi cảm thấy (có lẽ bây giờ tôi khôn hơn) một cảm giác kỳ lạ như khi chúng tôi cùng ngồi với họ, biết rằng họ vừa làm xong công việc và thấy họ rất sung sướng được đi chơi. Tôi không giận gì họ, thực ra tôi sợ họ. Hình như tôi bị ném vào giữa những sinh vật bản tính hoàn toàn khác hẳn tôi. Họ rất cao hứng. Ông già ngồi trước đánh xe, hai người trẻ tuổi ngồi đằng sau và

mỗi khi ông nói với họ thì họ lại nghiêng mình ra phía trước mỗi người ở mỗi bên cái má béo phì của ông và có vẻ rất nuông ông. Họ cũng muốn nói chuyện với tôi nhưng tôi ngồi co ro buồn sầu ở một góc, bực mình vì thấy họ yêu nhau vui vẻ. Mặc dầu điều vui vẻ của họ không ồn ào, nhưng tôi cũng lấy làm lạ tại sao Chúa không trừng phạt họ vì họ vô tình đến thế.

Vì vậy cho nên khi họ dừng lại để cho ngựa ăn, đồng thời để ăn uống và nô đùa thì tôi không sờ được vào món gì mà cứ tiếp tục nhịn đói dài. Vì vậy cho nên khi về đến nhà tôi vội vàng xuống đàng sau xe hết sức nhanh để khỏi vùng đứng với họ trước những cửa sổ nghiêm trang đang nhìn tôi với cặp mắt xưa kia sáng quắc nhưng bây giờ đã nhắm lại như mù. Tôi thật hoài công nghĩ đến việc đoán xem cái gì sẽ làm tôi khóc khi tôi trở về. Thưa ra, chỉ cần nhìn cửa sổ phòng mẹ tôi và bên cạnh đó là cửa sổ phòng tôi trong những ngày sung sướng là tôi đã khóc !

Chị Pécgôti ôm choàng lấy tôi trước khi tôi đi đến cửa và chị kéo tôi vào nhà. Vừa nhìn thấy tôi, nỗi đau buồn của chị đã bộc lộ ra ngay: Nhưng chị liên tục kiên chế và nói khe khẽ và bước nhẹ nhàng như sợ làm phiền đến người chết. Tôi nhận thấy đã lâu nay chị không ngủ. Ban đêm chị ngồi im lặng canh gác. Chị nói hễ bà chủ xinh xắn yêu quý kia còn ở trên mặt đất thì chị quyết không rời bỏ bà.

Ông Mócxtôn không để ý đến tôi khi tôi bước vào phòng khách và thấy ông ở đấy. Ông ngồi bên cạnh lò lửa, khóc thút thút và trầm ngâm trên chiếc ghế bành. Cô Mócxtôn đang ngồi ở bàn viết, trên bàn đầy thư và giấy.

Cô giơ những móng tay lạnh lẽo cho tôi nắm và hỏi tôi giọng thì thào lạnh như sắt, xem tôi đã đo quần áo tang hay chưa.

“Đã” Tôi đáp.

“Mày có mang áo somi của mày về không ?”
Mocxtôn hỏi

“Thưa cô cháu đã mang tất cả áo quần về nhà”

Đó là điều an ủi duy nhất mà tính cứng rắn của cô đã ban cho tôi. Tôi tin chắc rằng cô đặc biệt thích khoe cái mà cô gọi là tính tự chủ, tính cứng rắn, nghị lực và lương tri của cô cũng như tất cả cái danh sách quái gở những đức tính khả ố của cô trong trường hợp này. Cô đặc biệt tự hào về cái tài xử lý công việc của mình và bây giờ cô biểu lộ điều đó bằng cách quy tất cả thành bút, mực, và tuyệt nhiên không để cho cái gì làm cảm động. Suốt ngày hôm đó, từ sáng đến tối cũng như những ngày su, cô vẫn ngồi ở cái bàn viết ấy điềm nhiên cạo giấy với một ngòi bút cứng rắn và hể nói với ai là dùng cái giọng lạnh lẽo thì thầm mà không bao giờ để cho thớt thịt trên mặt nó bớt đi căng thẳng, hay nói một cách nhẹ nhàng, hay dùng thanh điệu êm đềm hay để một ly quần áo bị nhàu.

Ông em còn đôi khi cầm một quyển sách, nhưng không bao giờ tôi thấy ông đọc. Thỉnh thoảng ông lại giở sách ra và làm ra vẻ đọc, nhưng ông thường ngồi suốt cả giờ không giở một trang rồi lật đặt sách xuống đi bách bộ trong phòng. Tôi thường ngồi hàng giờ vòng tay nhìn ông và đếm bước chân ông đi. Ông rất ít khi nói với cô Mocxtôn và không bao giờ nói với tôi. Ông hầu như là vật cử động duy nhất nếu không kể chiếc đồng hồ quả lắc ở

trong cái nhà im vắng này.

Trong những ngày trước hôm đưa đám, tôi rất ít gặp chị Pécgôti chỉ trừ khi bước lên hay bước xuống cầu thang bao giờ tôi cũng thấy chị ngồi cạnh cái phòng trong đó có mẹ tôi và em tôi nằm, và đêm nào chị cũng đến với tôi và ngồi đầu giường trong khi tôi ngủ. Một hay hai ngày trước khi ăn sáng (tôi nhớ đó là một ngày hay hai ngày, nhưng tôi cũng biết óc tôi lẫn lộn về cái thời gian nặng nề này và không có cái gì làm mốc để đánh dấu nó cả), chị giắt tôi vào phòng ấy. Tôi chỉ nhớ rằng ở dưới lớp vải trắng phủ trên giường và chung quanh mát mẻ sạch sẽ lạ kỳ. Tôi có cảm tưởng tất cả sự im lặng trang nghiêm ở trong nhà đều nằm ở đây. Chị Pécgôti muốn nhẹ nhàng lật tấm vải trắng lên nhưng tôi kêu lên “Đừng, đừng” và tôi giữ tay chị.

Ví thử tang lễ chỉ mới khởi hành hôm qua, có lẽ tôi cũng không nhớ kỹ càng hơn. Tôi nhớ rõ bầu không khí ở trong phòng khách khi tôi bước vào cửa, ánh sáng của lửa ở trong lò sưởi, rượu nho lấp lánh ở các cốc phe lê và các đĩa bàn, mùi thơm nhẹ nhàng của bánh ngọt, mùi áo quần của cô Moxtôn và những bộ quần áo đen của chúng tôi.

Ông Silip đang ở trong phòng. Ông đến nói với tôi một cách dịu dàng.

“Em Đêvit mạnh khỏe chứ?”

Tôi không thể nói với ông rằng tôi rất mạnh khỏe. Tôi đưa tay cho ông nắm và ông nắm lấy tay tôi. Ông Silip mỉm cười hiền lành, trong khoé mắt có cái gì lấp lánh.

“Trời ơi ! các ông bạn nhỏ của chúng ta đều lớn lên cả. Họ lớn lên nhanh quá đến nỗi chúng ta nhận không ra.

Có phải thế không hở cô ?”

Câu nói này là nói với cô Mọcxtôn, nhưng cô không trả lời. Ông Silíp lại nói

“Thưa cô, ở đây có một tiến bộ quan trọng phải không a ?”

Cô Mọcxtôn chỉ trả lời bằng cách cau mày và cúi mình kiêu cách. Ông Silíp cụt hứng, lại kéo tôi đến ngồi ở một góc nhà và không mở miệng nữa.

Tôi để ý điều đó chỉ bởi vì tôi để ý đến mọi việc xảy ra, chứ không phải vì tôi chú ý đến tôi, hay sau khi về nhà tôi có tính hay chú ý như thế. Và bây giờ chuông bắt đầu rung, ông Âumơ và một người khác đến bảo chúng tôi chuẩn bị. Như chị Pécgôti thường nói với tôi trước đây đã lâu, những người đã từng đi đưa ba tôi đến mộ cũng đã sẵn sàng ở trong phòng.

Có ông Mọcxtôn, có người láng giềng của chúng tôi là ông Giayơ có ông Silíp và tôi. Khi chúng tôi bước ra cửa, những người khiêng quan tài và chiếc quan tài đều đã ở ngoài vườn, và họ đi trước mắt chúng tôi dọc con đường nhỏ theo những cây du, đi qua cổng lớn, bước vào nghĩa địa, ở đấy tôi vẫn thường nghe chim hót trong những buổi sáng mùa hè.

Chúng tôi đứng chung quanh huyệt. Ngày hôm ấy đối với tôi có vẻ khác hẳn những ngày thường, màu ánh sáng hôm ấy cũng khác, nó âm đạm hơn, một vẻ im lặng trang nghiêm bao phủ chúng tôi, sự im lặng này chúng tôi đã mang từ trong nhà ra với cái vật hiện này đang nằm dưới ba tấc đất, và trong khi chúng tôi đã cất mũ đứng yên thì tôi nghe tiếng nói của vị giáo sĩ, giọng nghe xa xa ở

ngoài khoảng trống nhưng vẫn rõ ràng và dễ hiểu: “Cháy phán: Ta là sự hồi sinh, ta là sự sống !” Rồi tôi nghe những tiếng nước nổ và tôi thấy người đẩy tó gái tốt bụng và trung thành kia mà tôi yêu hơn tất cả mọi người trên thế gian này hơi đứng tách ra ngoài đám đông, và tôi tin ngay thơ một ngày kia Chúa sẽ nói với chị:

“Con làm như thế là đúng”

Trong đám nhỏ này có nhiều bộ mặt tôi biết: có những khuôn mặt tôi thấy ở nhà thờ trong khi tôi suy nghĩ lòng bồng, có những khuôn mặt mà mẹ tôi thấy lần đầu tiên khi người về làng này trong thời gian trẻ trung xinh đẹp của người. Nhưng tôi không để ý đến họ, tôi chỉ để ý đến điều đau buồn của tôi, và tuy vậy, tôi vẫn thấy ở đằng sau đang liếc mắt đưa tình với người yêu đang đứng bên cạnh tôi.

Thế là hết, người ta lấp đất và chúng tôi quay trở về. Trước mắt chúng tôi là ngôi nhà của chúng tôi vẫn đứng sừng sững xinh đẹp quá và không mảy may thay đổi, gần liền với con người vừa mất đi, đến nỗi những nỗi buồn từ trước không thấm gì với nỗi buồn nó gây nên lúc này. Nhưng người ta vẫn dắt tôi đi, ông Silip nói với tôi khi chúng tôi quay về tới nhà, ông cho tôi uống nước và khi tôi xin phép trở về phòng thì ông chào tôi với cái vẻ dịu dàng của một người đàn bà.

Tất cả những việc ấy, tôi nhớ rõ như vừa xảy ra hôm qua. Những biến cố gần hơn đã trôi đi đến cái bờ biển mà một ngày kia tất cả những cái gì quên đi đều sẽ xuất hiện lại: Riêng biến cố này vẫn tro tro như một tảng đá lớn giữa đại dương.

Tôi biết rằng chị Pécgôti sẽ đến thăm tôi ở trong phòng tôi. Sự im lặng của ngày thứ bảy trong những lúc ấy (ngày hôm ấy sao mà giống ngày chủ nhật đến thế ! Tôi vừa quên mất chi tiết ấy) rất thích hợp với cả hai chúng tôi. Chị ngồi cạnh tôi, trên cái giường nhỏ của tôi và chị cầm lấy tay tôi, thỉnh thoảng lại đưa bàn tay tôi lên môi và hôn, thỉnh thoảng chị lại vuốt ve bàn tay tôi tựa hồ như muốn dỗ em tôi, trong khi đó chị dùng cách kể chuyện riêng của chị để kể lại cho tôi nghe những việc đã xảy ra. Chị Pécgôti nói.

“Đã từ lâu mẹ không bao giờ khoẻ mạnh. Tinh thần mẹ hoảng hốt và không vui khi đứa con của mẹ ra đời. Lúc đầu chị cũng tưởng là mẹ sẽ khoẻ mạnh hơn nhưng trái lại mẹ lại càng yếu đuối và càng ngày càng suy nhược. Trước khi đứa bé ra đời, mẹ thích ngồi một mình và lúc đó mẹ khóc; nhưng từ lúc ấy mẹ thường hát cho em nó một cách nhẹ nhàng, đến nỗi có lần nghe hát, chị tưởng nghe một giọng nói ở trên không bay lên và biến mất.

“Chị thấy mẹ càng ngày càng nhút nhát, hình như trong những ngày cuối thì lại càng sợ sệt hơn trước ! một lời nói nặng nề đối với mẹ như là một cái tát. Nhưng đối với chị thì mẹ trước sau như một. Con bé đáng của chị không bao giờ thay đổi thái độ đối với con Pécgôti ngu xuẩn này”

Nói đến đây chị Pécgôti dừng lại, và vỗ nhẹ nhẹ vào bàn tay tôi một lát.

“Lần cuối cùng chị thấy mẹ lại bình thường là tối hôm em về nhà, em thân yêu của chị. Ngày em ra đi mẹ nói với chị: “Tôi sẽ không bao giờ trông thấy thằng bé

xinh xắn của tôi nữa. Có một cái gì nói với tôi điều đó, và tôi biết đó là sự thực” Sau điều đó, mẹ cố gắng trấn tĩnh và nhiều lần khi họ nói với mẹ rằng mẹ đại dốt và nhẹ dạ thì mẹ giả làm bộ đại dốt và nhẹ dạ. Kỳ thực, cái thời đó đã qua hẳn rồi. Mẹ không bao giờ nói với chồng điều mà mẹ đã nói với chị. Mẹ không dám nói với ai trừ chị. Cho đến một đêm độ hơn một tuần lễ trước khi việc ấy xảy ra mẹ nói với chồng: “mình ơi em sợ rằng em chết mất”

“Đêm hôm ấy, khi chị đưa mẹ đi ngủ, mẹ nói với chị: “Bây giờ tôi không nghĩ đến điều đó nữa, trong mấy ngày sắp đến, ông ta sẽ càng ngày càng tin điều đó, con người tội nghiệp. Nhưng rồi tất cả sẽ chấm dứt. Tôi rất mệt. Nếu như đây là giấc ngủ thì chị hãy ngồi bên cạnh tôi, trong khi tôi sắp ngủ. Chị đừng rời bỏ tôi. Cầu chúa phù hộ cho hai đứa con của tôi. Cầu chúa phù hộ cho đứa con trai không cha của tôi !”

“Từ lúc ấy chị không bao giờ rời mẹ. Mẹ thường nói chuyện với hai người kia ở dưới nhà bởi vì mẹ yêu họ (mẹ không thể nào yêu những người chung quanh). Nhưng khi họ vừa rời khỏi giường thì bao giờ mẹ cũng quay về phía chị, hầu như chỉ ở cạnh con Pécgôti thì mẹ mới có thể nghỉ yên và bao giờ mẹ cũng ngủ như vậy. Hôm cuối cùng vào lúc chiều mẹ hôn chị mà nói: “Nếu như thằng cháu của tôi cũng chết thì chị Pécgôti à tôi xin chị hãy để tay tôi ôm lấy nó và cùng chôn chung” Điều đó người ta đã làm, bởi vì con cừu con tội nghiệp kia chỉ sống hơn mẹ có một ngày. Mẹ nói: “Hãy để đứa con trai yêu quý của tôi tiễn hai mẹ con tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng, và hãy nói với nó rằng: bà mẹ của nó trong tất cả thời gian nằm ở đây, không phải

chỉ cầu nguyện Chúa ban cho nó một lần, mà đã cầu nguyện một ngàn lần”

Nói đến đây chị lại im lặng một lát rồi chị vỗ nhẹ vào bàn tay tôi. Chị Pécgôti tiếp.

“Khi mẹ bảo chị đưa nước cho mẹ uống thì đêm cũng đã khuya và sau khi uống nước mẹ mỉm cười một nụ cười nhẵn nại đẹp lạ lùng !.

“Lúc bình minh và mặt trời lên, mẹ nói với chị rằng ông Copophin xưa kia rất tốt và rất chu đáo đối với mẹ. Ông to ra kiên nhẫn đối với mẹ, mỗi khi mẹ ngờ vực về bản thân mình thì ông thường nói rằng một con tim biết yêu quý hơn và mạnh hơn trí tuệ và mẹ làm cho ông rất sung sướng. Mẹ nói với chị: “Chị Pécgôti yêu quý ơi, chị hãy cúi gân tôi (vì mẹ rất yếu) chị hãy lấy tay đặt dưới cổ tôi và quay người tôi về phía chị. Hình ảnh của chị đang xa dần và tôi muốn giữ hình ảnh ấy ở gần tôi”. Chị đã làm như điều mẹ yêu cầu. Và Đêvit em ơi, cái điều mà chị đã nói khi chúng ta xa cách nhau lần đầu tiên đã thành sự thực. Mẹ đã sung sướng gổi cái đau đáng thương lên cách tay của con Pécgôti già và ngu xuẩn này và mẹ đã nhắm mắt qua đời như một đứa trẻ nằm ngu”.

Câu chuyện kể của chị Pécgôti đến đây chấm dứt. Từ giây phút tôi biết mẹ tôi mất thì ấn tượng gần đây về mẹ tôi đã biến mất ở trong tâm trí tôi. Ngày từ giây phút ấy, tôi chỉ còn nhớ đến người mẹ trẻ tuổi trong những ấn tượng đầu tiên của tôi, con người thường khiêu vũ với tôi ở trong phòng khách trong bóng hoàng hôn. Câu chuyện của chị Pécgôti không những không kéo tôi về những ngày sống cuối cùng của mẹ tôi, trái lại nó càng làm cho hình ảnh

dầu tiên của mẹ tôi in sâu vào trí não tôi, điều đó có lẽ kỳ lạ, nhưng thực tế là như vậy. Khi chết, mẹ tôi đã quay trở về thời thiếu thanh xuân yên vui và làm mờ tất cả những cái khác.

Bà mẹ đang nằm dưới mộ là bà mẹ của thời thơ ấu của tôi. Đứa bé người đang bế chính là tôi ngày xưa đã từng nằm yên lặng trong lòng người, vĩnh viễn không bao giờ lên tiếng.

Chương X

NGƯỜI TA BỎ RƠI TÔI VÀ TÔI KIẾM KẾ SINH NHAI

Khi cái ngày quan trọng kia đã qua, và ánh sáng lại được tự do vào trong nhà, thì công việc cô Mợxtôn làm đầu tiên là báo trước cho chị Pécgôti biết rằng chị sẽ bị thải sau một tháng. Mặc dầu chị Pécgôti sẽ bị thải sau một tháng. Mặc dầu chị Pécgôti không thú gì công việc đang làm, nhưng vì chị thương tôi nên tôi tin rằng chị không muốn bỏ nó để đổi lấy một công việc khác, dù tốt nhất thế gian này. Chị bảo tôi rằng chúng tôi đành phải xa nhau và vì sao phải như vậy, và chúng tôi an ủi nhau một cách hết sức thành thực.

Còn về tôi, hay về tương lai của tôi thì người ta không nói một lời, cũng không có một hành động gì. Tôi dám chắc nếu họ có thể đuổi tôi ra khỏi nhà sau khi báo trước một tháng thì họ sẽ sướng lắm. Có một lần tôi đánh bạo hỏi cô Mợxtôn xem bao giờ tôi sẽ trở về trường, thì cô trả lời lạnh lùng rằng theo ý cô có lẽ tôi không bao giờ trở lại trường nữa. Ngoài ra, người ta không nói gì với tôi

nữa. Tôi hết sức nóng ruột muốn biết số phận mình rồi sẽ ra sao, và chị Pécgôti cũng thế: nhưng chị và tôi đều không biết được điều gì về việc ấy.

Tuy nhiên, trong cảnh ngộ của tôi, cũng có một điều thay đổi. Điều này tuy cũng làm cho tôi tránh khỏi nhiều điều bực bội trước mắt, nhưng nếu tôi biết suy nghĩ cẩn thận hơn, thì nó lại càng làm tôi lo lắng cho tương lai. Việc đó như sau: Sự trói buộc trước đây đối với tôi nay đã mất hẳn. Người ta không yêu cầu tôi phải ngồi lăm lì ở trong phòng khách nữa, trái lại có nhiều lần khi tôi ngồi ở đấy thì cô Mócxtôn cau mày bảo tôi đi ra. Không những họ không cảnh cáo tôi, không cho tôi chơi bời với chị Pécgôti; trái lại miễn là tôi đừng ở cạnh ông Mócxtôn là không bao giờ người ta tìm tôi hay hỏi xem ở đâu. Lúc đầu, ngày nào tôi cũng nơm nớp sợ ông Mócxtôn đảm nhiệm việc giáo dục tôi, hay là cô Mócxtôn sẽ phụ trách điều đó, nhưng chẳng bao lâu tôi bắt đầu hiểu rằng những điều lo ngại kia đều vô căn cứ, và bây giờ tôi chỉ còn lo ngại một điều là bị bỏ rơi.

Tôi không thấy điều phát hiện kia lúc bấy giờ làm cho tôi đau khổ cha lắm. Tôi vẫn còn bị choáng váng bởi cái chết của mẹ tôi, và ở trong tình trạng thờ ơ đối với tất cả những việc thứ yếu. Cố nhiên thân hoặc cũng có khi tôi băn khoăn nghĩ đến tình trạng mình có thể không được dạy dỗ và thành một người nghèo khổ, bẽ rạc sống một cuộc đời lê lết ở trong làng, cũng như tôi đã tự hỏi xem mình có thể thoát khỏi cảnh ngộ này bằng cách đi phưu lưu nơi khác như những nhân vật trong tiểu thuyết không. Nhưng đó chẳng qua chỉ là những ảo tưởng thoáng qua, những

giấc mộng ban ngày nghĩ đến tựa hồ như đó chỉ là những hình vẽ trên tường của phòng tôi, và sau khi tan đi thì cái tường lại hiện ra trơ trọi.

Một buổi chiều, khi tôi đang ngồi sưởi tay trước lò lửa ở nhà bếp, tôi thì thào một cách lo lắng với chị Pécgôti.

“Chị Pécgôti ạ ! ông Mọcxtôn lại càng yêu em ít hơn ngày trước. Xưa nay ông ta chẳng bao giờ yêu em mấy, nhưng lần này thậm chí ông ta không nhìn mặt em nữa nếu như ông ta có thể làm thế”

Chị Pécgôti vuốt tóc tôi, nói

“Có lẽ ông ta buồn”

“Chị Pécgôti ạ ! Em dám chắc em cũng buồn chứ ! Nếu như em biết vì ông ta buồn thì em cũng chẳng nghĩ đến điều đó. Nhưng không phải thế đâu! ô! không phải thế đâu”.

Chị Pécgôti ngồi im lặng một lát rồi hỏi:

“Tại sao em lại biết không phải thế ?”

“Ồ! điều buồn bã của ông là một việc khác và hoàn toàn khác. Bây giờ ông ta đang ngồi với cô Mọcxtôn bên lò lửa thì ông ta buồn đấy, nhưng chị Pécgôti ạ nếu như em bước vào thì ông ta sẽ cảm thấy một cái gì khác nữa”.

“Sẽ cảm thấy gì ?” chị Pécgôti nói

“Sẽ nổi giận” tôi đáp lại và vô ý bắt chước cách cau mày nghiêm nghị của ông ta. “Nếu như ông ta chỉ buồn mà thôi thì ông ta đã không nhìn em như ông ta đã nhìn. Em chỉ buồn mà thôi và điều đó chỉ làm cho em thêm dụi dàng”

Chị Pécgôti không nói gì trong một lát, và tôi cũng ngồi bó tay im lặng như chị. Cuối cùng chị nói

“Em Đêvit ơi !”

“Cái gì thế hở chị Pécgôti ?”

“Em ơi ! Chị đã tìm mọi cách có thể được, vô luận cách nào, để có thể kiếm một việc làm hợp với chị ở đây, ở Blondonxtôn, nhưng không có việc nào cả em ạ ?”

“Thế thì bây giờ chị định thế nào, chị Pécgôti ?” tôi hỏi giọng lo lắng. “Chị định đi kiếm ăn ở đâu ?”

“Chị xem chừng đành phải trở về Yácmao và sống ở đây thôi”

Tôi hỏi vui vẻ một chút:

“Đáng lý chị có thể đi xa hơn” tôi nói hơi tươi hân lên một chút “nhưng thế thì gần như là em hoàn toàn mất hẳn chị. Nhưng nếu thế thì chị Pécgôti yêu quý của em ơi, thỉnh thoảng em sẽ lại gặp chị ở đây. Chị sẽ không ở nơi góc biển chân trời chứ ?”

“Trái lại, lạy chúa! Hễ em còn ở đây, hòn ngọc của chị, thì tuần nào chị cũng đến thăm em, suốt đời như vậy. Mỗi tuần một lần, suốt đời như vậy”

Tôi cảm thấy lời hứa của chị làm cho lòng tôi trút được gánh nặng. Nhưng không phải chỉ có thế. Chị Pécgôti tiếp tục:

“Này em Đêvit, như em biết, chị sắp về nhà anh chị. Trước là lại về thăm trong nửa tháng để vừa vặn có thì giờ nhìn xung quanh và để nghỉ ngơi cho lại sức. Chị nghĩ rằng bây giờ vì lẽ họ không muốn thấy em trong lúc này nên họ có thể cho em cùng đi với chị”.

Ngoài cái ý muốn có một quan hệ khác với những cái người ở xung quanh tôi - không kể chị Pécgôti thì không có kế hoạch nào bấy giờ có thể làm cho tôi vui thích

bằng kế hoạch ấy. Nghĩ đến việc có chung quanh mình những gương mặt trung hậu tươi cười đón tiếp tôi, nghĩ đến việc có thể hưởng cái êm ả của buổi sáng chủ nhật đáng yêu, trong khi tiếng chuông rung, trong khi ném đá xuống nước, và nhìn những con thuyền mập mờ hiện ra qua lớp sương mù, nghĩ đến việc đi chơi thơ thẩn khắp nơi với bé Emili, trong khi kể cho cô ta nghe những điều phiền não của tôi, và tìm những điều bù đắp sự phiền não ở trong những cái vỏ sò và những hòn sỏi ở trên bờ biển, tôi cảm thấy êm ả trong lòng. Cố nhiên lát sau, khi nghĩ đến việc cô Mọcxtôn chưa chắc đã bằng lòng thì tôi cuống quýt lên. Nhưng chẳng bao lâu điều lo ngại này cũng được giải quyết, bởi vì cô đã đi ra lần mò khám xét lúc ban đầu ở nhà kho, trong khi tôi và chị Pécgôti đang nói chuyện và chị Pécgôti với một sự táo bạo đã làm cho tôi kinh ngạc, đề xuất ngay vấn đề. Cô Mọcxtôn mắt vẫn nhìn vào hũ dấm, nói.

“Thằng ấy ở đây thì sẽ chơi bời lêu lổng, và sự lêu lổng là nguồn gốc của mọi điều xấu xa. Nhưng thực ra ở đây hay bất kỳ ở đâu, tôi dám chắc nó cũng lêu lổng cả”

Tôi có thể thấy rằng chị Pécgôti đã có sẵn một câu trả lời giận dữ, nhưng chỉ vì tôi nên nén giận đứng yên. Cô Mọcxtôn nói, mắt vẫn nhìn vào các cái hũ:

“Hèm! Điều quan trọng hơn cả, cái này là quan trọng nhất, là đừng có quấy rầy em tôi hay làm cho em tôi bực bội. Tôi thấy tôi nên trả lời “được” thì tốt hơn”

Tôi cảm ơn cô, nhưng không chút nào để lộ sự vui vẻ, bởi vì tôi sợ điều đó sẽ làm cô rút lui ý kiến. Tôi cũng thấy ngay rằng thái độ như thế là khôn ngoan vì khi cô đưa

mắt nhìn từ cái hũ dấm đến toot, tôi thấy cặp mắt cô nhìn chua chát hầu như nó đã ngốn hết cả dấm chua ở trong vại. Nhưng dầu sao tôi cũng xin được phép và khi hết tháng, tôi và chị Pécgôti đều sẵn sàng ra đi.

Anh Báckít vào nhà đẩy lấy rương hòm của chị Pécgôti. Trước đây tôi chưa bao giờ thấy anh đi qua cửa vườn, nhưng lần này thì anh bước vào nhà, và anh liếc nhìn mắt tôi trong khi anh đặt cái hòm lớn nhất lên vai và bước ra. Tôi đoán cái nhìn ấy là có ý nghĩa, nếu như người ta có thể nói đến việc tìm thấy ý nghĩa trên khuôn mặt của anh.

Chị Pécgôti cố nhiên buồn bã vì phải rời bỏ ngôi nhà của chị gần bó bao nhiêu năm ở đây chị đã gặp hai tình cảm gần bó mãnh liệt ở trong đời - tình yêu đối với tôi và đối với mẹ tôi. Chị đã đi dạo chơi ngoài nghĩa địa từ sáng sớm, và đã bước lên xe ngược ngồi, tay cầm khăn tay đưa lên mắt.

Trong khi chị ngồi như vậy anh Báckít không may mắn biểu lộ rằng anh còn sống. Anh vẫn ngồi ở chỗ cũ với cái thái độ mọi ngày trông như một con vật độn rom. Nhưng khi chị vừa bắt đầu cái đầu nhìn chung quanh và để nói với tôi thì anh giật cái đầu và nhăn nhó cười mấy lần. Tôi tuyệt nhiên không hiểu anh cười với ai và tại sao lại cười như thế.

“Hôm nay đẹp trời anh Báckít nhỉ?” tôi nói, lễ phép.

“Không đến nỗi xấu” anh Báckít nói. Tính anh rất dè dặt trong việc nói năng và ít khi để cho người ta bắt bẻ.

“Chị Pécgôti bây giờ hoàn toàn thoải mái rồi, phải không anh Báckít?” tôi nói để làm anh vừa lòng.

“Thế à ! thật không ?” anh Báckít nói.

Và sau khi nghĩ một lát anh Báckit nheo mắt nhìn chị một cách ranh mãnh và nói.

“Cô thoải mái chứ?”

Chị Pécgôti cười và trả lời rằng “Phải đấy!”

“Có thật không, cô có chắc không?” anh Báckit cau nhàu xích đến gần chị ở trên ghế và lấy cùi tay huých vào chị: “Thật chứ, cô thoải mái chứ?” Cô không khó chịu chứ? Thật không?”

Và cứ mỗi lần hỏi như thế thì anh Báckit lại xích gần hơn và lại lấy cùi tay huých một cái. Kết quả là cuối cùng chúng tôi chen nhau ở góc trái chiếc xe và tôi bị ép đến nỗi suýt ngạt.

Khi chị Pécgôti nhắc đến anh Báckit chú ý đến sự khổ sở của tôi, anh Báckit liền để cho tôi một chỗ hở và dần dần xích ra. Nhưng tôi không thể nào không nhận thấy rằng anh đã nghĩ ra một biện pháp tuyệt diệu để biểu lộ tình cảm của mình một cách lịch sự, thú vị và sắc sảo mà không cần phải dùng đến lời nói. Rõ ràng anh cười khanh khách một lát. Rồi anh lại quay lại phía chị Pécgôti và nhắc lại “Cô thoải mái chứ, thế nào?” và lại xích về phía chúng tôi đến nỗi tôi suýt ngạt thở. Anh lại xâm lấn một lần nữa như vậy, cứ hỏi mỗi câu ấy và với kết quả là như thế. Cuối cùng, tôi đứng lên mỗi khi thấy anh xích lại gần, tôi đứng trên miếng gỗ để chân, mượn cớ là quan sát phong cảnh và tôi cảm thấy như thế rất tiện.

Anh có nhĩa ý cho xe dừng lại ở trước một quán rượu nhằm mục đích dãi chúng tôi uống bia và ăn thịt cừ rán. Ngay cả trong khi chị Pécgôti uống, anh lại cảm thấy muốn xích lại gần và làm cho chị chết ngạt. Nhưng chúng

tôi càng đến gần địa điểm đi chơi thì anh có nhiều việc phải làm nên chẳng còn thì giờ đâu nghĩ đến việc tán tỉnh và khi chúng tôi đến đường Yácmáo thì chúng tôi bị xe xóc dữ quá chẳng còn thì giờ đâu mà nghĩ đến việc khác.

Ông Pécgôti và Ham đợi chúng tôi ở chỗ cũ. Họ niềm nở đón tôi và chị Pécgôti và bắt tay Báckit, anh ta mũ hất ngược ra đằng sau, cười một cách ngượng ngùng, thậm chí cặp chân cũng lúng túng, tôi có cảm tưởng anh ta như người mất hồn. Mỗi người khiêng một cái hòm của chị Pécgôti và chúng tôi sắp sửa đi, bỗng anh Báckit lấy ngón tay trỏ ra hiệu có vẻ nghiêm trang cho tôi đến đứng dưới một cái vòm cửa, và nói giọng cầu nhàu.

“Này em, công việc tốt đẹp lắm !”

Tôi ngẩng lên nhìn vào mặt anh và cố làm ra vẻ thâm thúy lắm: “Ồ”

Anh Báckit gật đầu có vẻ thân mật:

“Công việc không phải dừng lại ở đó, công việc tốt đẹp”

“Ồ!” tôi lại trả lời

Ông bạn của tôi nói

“Em biết anh muốn chứ, trước kia chỉ có Báckit và chỉ có Báckit muốn mà thôi”

Tôi gật đầu tán thành. Ông bạn của tôi nói tiếp:

“Bây giờ công việc tốt đẹp, anh là người bạn của em. Em là người đầu tiên đã làm công việc thành tốt đẹp. Tốt lắm!”

Vì muốn nói năng cho rõ ràng, anh Báckit trở thành hết sức bí mật, đến nỗi tôi có thể nhìn anh suốt một giờ mà không thấy vẻ mặt anh nói với tôi một điều gì. Nhưng chị

Pégôti đã gọi tôi đi, trong khi đi đường chị hỏi tôi xem anh nói gì. Tôi bảo chị rằng anh Bácti nói công việc rất tốt đẹp ! Chị Pégôti nói:

“Anh chàng đến trơ, nhưng kể gì việc đó. Này em Đêvit, nếu chị nghĩ đến việc lấy chồng thì em thấy thế nào?”

Tôi nghĩ ngợi một lát rồi đáp.

“Nhưng mà... em nghĩ rằng chị cũng vẫn cứ yêu em như hiện nay chứ?”

Con người quý hoá kia liền đứng phắt lại và ôm chầm lấy tôi mà hôn lấy hôn để, để tỏ rằng tình yêu của chị không hề thay đổi, làm cho những người qua đường và những người trong gia đình đều hết sức ngạc nhiên.

Sau đó chúng tôi lại lên đường, chị Pégôti

“ơ kìa ! Em nói gì thế ?”

“Nếu như chị nghĩ đến việc lấy... anh Bácti chẳng hạn” tôi nói

“Phải” chị Pégôti nói”

“Theo em thì đó là một việc rất hay. Bởi vì lúc đó chị Pégôti ạ, chỉ sẽ có sẵn một cái xe và con ngựa để đến thăm em, và cố nhiên là chị đến không phải trả tiền !”

Chị Pégôti kêu lên:

“Thằng bé này hóm quá! Đã một tháng nay, chính chị vẫn nghĩ như vậy em ạ. Phải đấy, hòn ngọc của chị ơi, chị lại nghĩ rằng như thế thì chị sẽ càng độc lập hơn em biết không ? Đó là chưa nói làm việc ở nhà mình bao giờ cũng thú vị hơn là làm việc ở nhà người ta. Chị cũng không biết nếu làm đầy tớ cho một người xa lạ chị có thể làm gì. Và rồi chị lại có thể luôn luôn ở gần chỗ an nghỉ của con

người thân xinh đẹp của chị". Chị Pécgôti nói có vẻ mơ màng "Chị lại có thể đến thăm khi nào chị muốn, và khi nào đến lượt chị, người ta có thể chôn chị không xa đứa con gái yêu quý của chị !"

Chị và tôi im lặng một lát. Chị Pécgôti nói vui vẻ:

"Nhưng nếu như em Đêvit của chị có điều phản đối thì chị sẽ không nghĩ đến đâu, dù cho người ta có hỏi ý kiến chị ở nhà thờ, hàng chục lần và cái nhẫn cưới nằm trong túi áo chị !"

"Chị Pécgôti" tôi nói "Chị hãy nhìn em xem em có thực sự vui mừng không, xem em có thành thực muốn điều đó không ?"

Thực vậy, tôi hết sức mong muốn điều đó. Chị Pécgôti ôm ghì lấy tôi và nói:

"Này em! Ngày đêm chị vẫn nghĩ đến điều đó. Chị đã nghĩ đến mọi điều và chị hy vọng rằng chị nghĩ đúng. Nhưng chị sẽ còn nghĩ đến nữa và sẽ nói cho anh chị biết. Tạm thời, chúng ta hãy giữ kín điều đó. Đêvit ạ, anh Báckit là một người trung hậu, rất mộc mạc. Nếu chị làm tròn bổn phận của chị đối với anh thì chắc rằng... nếu chị ông... nếu chị không được sung sướng thì đó là lỗi ở chị"

Chị Pécgôti nói và cười vui vẻ. Việc nhắc đến anh Báckit rất hợp cảnh và làm cho chúng tôi buồn cười vui vẻ vang lên. Vì vậy cho nên chúng tôi rất là vui vẻ khi ngồi nhà ông Pécgôti hiện ra trước mắt chúng tôi.

Ngôi nhà này vẫn y nguyên như cũ, chỉ có một tôi thấy hình như nó thu nhỏ lại và bà Gommít đợi chúng tôi ở ngoài cửa như là bà vẫn đứng ở đấy từ khi chúng tôi gia di. ở trong nhà, mọi vật đều y nguyên, đến cả cái độc bình

xanh dựng rong biển vẫn ở trong phòng tôi như trước. Tôi đi ra ngoài xem cái nhà nhỏ, ở đây cũng vẫn những con tôm hùm đấy, vẫn những con cua và những con tôm he ấy cứ quẩn quýt lấy nhau làm thành một cục ở trong cái góc ngày xưa và cũng như xưa chúng muốn kẹp tất cả mọi vật ở trên thế giới.

Nhưng không thấy bé Emili đâu cả. Tôi hỏi ông Pécgôti xem cô ta ở đâu. Ông Pécgôti vừa đáp vừa lau mồ hôi trán vì ông “vừa khiêng cái hòm của chị Pécgôti.

“Cháu nó ở trường, chốc nữa nó về”

Ông vừa nói vừa nhìn cái đồng hồ Hà -lan

“Trong hai mươi phút nữa, nhiều lắm là nửa giờ; mẹ cậu mất ở nhà tất cả chúng tôi đều buồn”

Bà Gommít rên rĩ.

“Bà mẹ ! trấn tĩnh lên chứ ông Pécgôti kêu to.

“Tôi lại càng buồn hơn ai hết bà Gommít nói.

“Tôi là một con người cùng khổ, tứ cố vô thân, chỉ có mới không làm tôi phật ý.

Bà Gommít vừa rên rĩ vừa lắc đầu, bắt đầu hý hoáy thổi lửa. Ông Bécgôti đưa mắt nhìn chúng tôi trong khi bà đang bận làm việc, và giơ tay lên miệng nói khẽ;

“Lại nhớ ông già”

Do đó tôi biết rằng tinh thần của bà Gommít vẫn không khá lên chút nào từ dạo tôi tới đến thăm lần cuối cùng.

Tất cả nơi này vẫn xinh đẹp hay ít nhất cũng phải xinh đẹp hơn bao giờ hết, thế mà mà nó vẫn gây cho tôi một ấn tượng khác được. Tôi hơi cảm thấy thất vọng: Có lẽ là vì bé Emili không ở nhà. Tôi biết Emili trở về nhà theo

con đường nào và lát sau tôi đi dọc theo con đường nhỏ ấy để đón.

Một lát sau, xa xa xuất hiện một bóng người, và tôi nhận ra đó là Emili, vóc người vẫn nhỏ nhắn, mặc dầu đã lớn lên. Nhưng khi cô ta đến gần khi tôi thấy cặp mắt biếc của cô còn biếc hơn trước, khuôn mặt núm đồng tiền lại càng lõng lầy hơn xưa và tất cả người cô càng xinh xắn và đáng yêu hơn, bỗng nhiên trong lòng tôi nảy ra một tình cảm kỳ quặc, nó bắt buộc tôi giả vờ làm như không nhận ra Emili và tôi bước bên cạnh cô tựa hồ như mắt còn nhìn cái gì đó đằng xa tít. Về sau này trong đời tôi, tôi cũng làm đại khái như thế nếu như tôi không lầm.

Bé Emili không hề để ý đến điều đó. Cô nhận ra tôi rõ ràng, nhưng cô không quay lại gọi tôi, trái lại cô cười khanh khách và bỏ chạy. Điều đó bắt tôi phải chạy theo, nhưng cô chạy nhanh đến nỗi khi tôi bắt được cô thì chúng tôi đã về đến cạnh nhà. Bé Emili nói:

“À! Anh đấy à?”

“Emili cậu nhận ra ngay mình à?” Tôi nói.

“Thế còn anh, anh không nhận ra em sao?”

Tôi muốn ôm lấy cô mà hôn nhưng cô giơ tay lên đôi môi đỏ thắm nói rằng cô không còn là trẻ con nữa và bỏ chạy vào nhà, cười to hơn bao giờ hết.

Hình như cô thích trêu tôi và điều thay đổi này làm cho tôi rất đôi ngạc nhiên. Bữa cơm chiều đã chuẩn bị xong, cái hòm của chúng tôi đã được đặt vào chỗ cũ của nó, nhưng cô không đến ngồi bên cạnh tôi mà lại ngồi bên cạnh cái bà Gommit hay cầu nhàu kia và khi ông Pécgôti hỏi tại sao thì cô lấy tay kéo tóc xuống để che kín mặt và

chỉ cười khúc khích. Ông Pécgôti lấy bàn tay to lớn mình vuốt ve cô và nói:

“Cô bé này lém lỉnh lắm !”

“Ồ, phải đấy, lém lắm! đúng đấy cậu Đêvit ạ, cô ta lém lắm !”

Ham nói. Và Ham nhìn cô ta mà cười một cách vừa dịu dàng vừa yêu mến, say sưa làm má cô đỏ bừng bừng như gấc.

Thực vậy, tất cả mọi người đều nuông bé Emili mà nhất là ông Pécgôti. Cô mà đến áp má cô vào bộ ria mép cứng của ông thì bất ông làm gì cũng được. Đó là ý kiến của tôi (ít nhất khi tôi thấy cô ta làm thế) và tôi cho rằng ông Pécgôti làm thế là phải. Nhưng cô là người bản tính hết sức dịu dàng và dễ thương, cô rất khéo phối hợp tính ranh mãnh với then thùng nên lại càng làm tôi mê mẩn hơn bao giờ hết.

Cô lại là người rất dễ cảm nữa, vì sau bữa cơm chiều trong khi chúng tôi ngồi thành vòng tròn xung quanh lò lửa, ông Pécgôti châm lửa vào cái tẩu và nhắc đến việc tổn thất mà tôi vừa phải chịu thì cô nhìn tôi hết sức dịu dàng, làm cho tôi cảm kích vô cùng. Ông Pécgôti lấy tay cầm lấy mớ tóc quăn của cô, để tóc cô chảy trên bàn tay như nước và nói:

“Đây lại là một cô bé mồ côi khác, cậu thấy không” và đây ông Pécgôti vừa đi vừa lấy sống tay đánh vào ngực Ham “lại là một đứa bé mồ côi nữa, mặc dầu cậu ta không có vẻ trẻ con mồ côi lắm”.

“Nếu như tôi có ông làm người cha đỡ đầu” tôi vừa nói vừa lắc đầu “thì tôi nghĩ rằng tôi sẽ không cảm thấy có

vẻ trẻ mồ côi lắm”

“Cậu Đêvit nói đúng đấy !” Ham ngây ngất nói
“Hoan hô ! nói đúng đấy, cậu sẽ không cảm thấy như thế
đâu, hoan hô, hoan hô !”

Nói đến đây Ham lại lấy sống tay đánh trả vào ông
Pécgôti trong lúc đó bé Emili đứng dậy hôn ông Pécgôti.
Ông Pécgôti nói với tôi:

“Còn anh bạn của cậu thì mạnh khỏe chứ ?”

“Ông nói Xtiêcphoóc phải không ?” tôi hỏi.

“Đúng rồi, họ anh ta là thế” ông Pécgôti quay lại
phía Ham “tôi cũng nhớ một cái gì đại khái như vậy”.

“Chú nói tên anh ta là Rátgiophoóc”, Ham cười và
nói.

“Chứ thế nào nữa ?” Ông Pécgôti đáp lại. Stia hay
Rátdophoóc thì cũng là “lái” cả phải không à ?⁽¹⁾ anh ta có
mạnh khỏe không ?”

“Thưa ông, khi rời khỏi trường anh ta rất khỏe
mạnh”

“Bạn như thế mới là bạn chứ !” Ông Pécgôti vừa nói
vừa giơ cái tẩu lên. “Đó mới là bạn nếu như cậu nói đến
bạn bè. ô ! Cậu chúa phù hộ cho tôi sống để nhìn anh ta
một cái thì chắc là thú lắm”.

Tim tôi nóng ran vì nghe người ta khen Xtiêcphoóc:

“Anh ta đẹp trai chứ ?”

“Đẹp trai chứ lý !”

Ông Pécgôti kêu lớn “anh ta với cậu mà cũng đứng
với nhau thì đều giống như... giống như một... tôi không

⁽¹⁾ Steer theo nghĩa đen là bè lái, Rudder là cái lái

biết nói giống như cái gì !” Anh ta can đảm lắm !”

“Chuyện !” tôi nói “Can đảm chính là tính của anh. Anh ta dũng cảm như một con sư tử và ông phải biết ông rất thực thà, ông Pécgôti ạ”.

Ông Pécgôti vừa nói vừa nhìn tôi qua làn khói của cái tàu:

“Tôi nghĩ rằng về mặt học hành trong sách vở thì anh chẳng thua ai.”

“Phải đấy !” tôi nói, ngây ngất “anh ta biết mọi thứ, anh ta thông minh lạ”

Ông Pécgôti gật đầu có vẻ trang trọng.

“Thế mới là bạn chứ !”

“Hình như không có cái gì làm cho anh lúng túng” tôi nói “anh chỉ liếc mắt nhìn là thuộc bài. Còn chơi cầu trự thì chẳng ai bằng anh, khi chơi cờ anh để người ta muốn lấy ba con cờ cũng được và anh ta vẫn đánh bại dễ dàng”. Ông Pécgôti lại gật đầu một cái, tựa hồ như muốn nói “Chuyện !”

“Anh nói hay lắm” tôi tiếp tục đến nỗi ai anh cũng thuyết phục được, và tôi biết ông sẽ nói thế nào khi ông nghe anh hát, ông Pécgôti ạ”.

Ông Pécgôti lại gật đầu một cái nữa, chừng như muốn nói: “tôi cũng tin như thế”.

“Anh lại là người hào hiệp, đẹp đẽ, cao thượng” tôi bị vấn đề tôi thích thú lôi cuốn”. Thực là khen báo nhiêu cũng khó mà xứng với anh, tôi chắc chắn bao giờ tôi cũng biết ơn lòng tốt của anh đã che chở tôi là đứa nhỏ hơn, và học lớp thấp hơn anh nhiều”.

Tôi đang thao thao bất tuyệt, rất nhanh đột nhiên tôi

đưa mắt nhìn mắt của bé Emili. Cô đang cúi đầu lên bàn, lắng nghe tôi hết sức chăm chú, nín thở, cặp mắt biếc lấp lánh như ngọc và hai gò má ửng hồng. Cô có vẻ chăm chú và xinh đẹp một cách kỳ lạ, làm cho tôi ngừng bật và ngỡ ngác, và tất cả mọi người đều chú ý nhìn cô cùng một lúc, bởi vì cô ngừng bật. Họ đều phá lên cười và nhìn cô. Chị Pécgôti nói:

“Emili cũng như chị đều muốn gặp Xtiêcphoóc”. Thấy mọi người đều chú ý đến mình, Emili cúi đầu mặt đỏ bừng. Một lát cô liếc mắt nhìn tôi qua mớ tóc xòa và nhìn thấy mọi người vẫn chú ý đến mình “riêng về phần tôi, tôi chắc chắn có thể nhìn cô hàng giờ, cô bỏ chạy và chồn mãi đến giờ đi ngủ mới xuất hiện.

Tôi lại nằm trong cái giường nhỏ xíu ngày xưa ở đuôi tàu và gió vẫn rì rào trên bãi cát bằng phẳng như ngày xưa. Nhưng lần này tôi không thể không nghĩ đến và tưởng tượng rằng ngọn gió đang rền rĩ sót thương những người đã khuất. Tôi không nghĩ như ngày trước rằng ban đêm thủy triều có thể lên trước thuyền đi trên sông nhưng tôi lại nghĩ rằng, mặt biển sẽ dâng lên làm tắt cái gia đình êm ấm của tôi bị chìm đắm. Tôi nhớ lại trong khi tiếng gió và tiếng nước ở bên tai tôi bắt đầu nghe yếu dần và tôi đang cầu nguyện, tôi có thêm một câu cầu nguyện ngắn rằng khi lớn lên chúa cho tôi lấy bé Emili làm vợ, và tôi ngủ tràn đầy cả tình yêu.

Ngày trôi qua gần hết như ngày trước, nhưng chỉ có một ngoại lệ quan trọng là tôi và bé Emili ít khi đi dạo chơi trên bờ biển. Cô phải học bài, lo đường kim mũi chỉ, và phần lớn trong ngày cô vắng mặt. Nhưng tôi cảm thấy

rằng dù cho không có những điều ấy đi nữa, chúng tôi vẫn không được đi dạo chơi như trước. Mặc dù Emili tảo bạo đây những ý nghĩ trẻ con như bây giờ cô đã thành một cô thiếu nữ, hơn là điều tôi tưởng. Hình như cô đã hơn tôi một tuổi hay hơn nữa, và do đó có một khoảng cách lớn giữa chúng tôi. Tuy cô yêu tôi, nhưng cô vẫn chế nhạo tôi và làm tôi khổ sở. Khi nào tôi đi đón thì cô trốn về nhà theo một con đường khác, và khi nào tôi trở về thất vọng thì cô lại cười khanh khách ở ngoài cửa. Những giờ phút thú vị nhất là khi cô ngồi làm việc ở ngưỡng cửa còn tôi thì ngồi ở trên bậc thềm bằng gỗ dưới chân cô và đọc chuyện cho cô nghe. Ngay giờ đây, hồi tưởng lại tôi vẫn thấy như chưa bao giờ ánh mặt trời lại đẹp như những buổi chiều tháng tư rực rỡ kia, chưa bao giờ có một thân hình nhỏ bé ngập tràn ánh nắng như cô bé ngồi ở ngưỡng cửa trước tàu huy hoàng hơn gương buồn trôi đi trong bóng chiều vàng.

Ngay từ buổi chiều đầu tiên sau khi chúng tôi đến, anh Báckit đã xuất hiện với cái vẻ ngơ ngác và vụng về của anh. Anh cầm ở tay một gói cam ở trong cái khăn tay. Vì anh không hề nhắc gì đến vật này, cho nên sau khi anh ra về người ta tưởng rằng anh vô tình bỏ quên cho đến khi Ham chạy theo để trả cho anh, rồi trở về nói đấy là để biếu chị Pécgôti. Sau việc đó, chiều nào anh cũng xuất hiện vào đúng giờ ấy, bao giờ cũng cầm một gói nhỏ, nhưng anh không bao giờ nói gì về vật này và cứ chiếu lệ bỏ nó ở sau cửa hay vất nó ở đấy. Những thứ quà để tỏ tình thương này rất khác nhau và rất kỳ quặc tôi nhớ trong những ngày này có hai chân giò lợn, một cái gói to tướng cặp kim, một nửa bát táo, một đôi hoa tai bằng ngọc hiền,

một ít hành Tây-ban-nha, một hộp con cò, một con hoàng yến với cả cái lông và một cái giò dăm bông. Tôi nhớ anh Backit ve vãn một cách rất đặc biệt. Anh rất ít khi nói khi ngồi cạnh lửa với cái dáng điệu cũng hết như anh ngồi trong xe, mắt trần trần nhìn chị Pécgôti đang ngồi trước mặt. Một buổi tối chắc là được tình yêu khuyến khích đột nhiên anh đưa tay ra chụp lấy cái mẫu sáp ong chị dùng để cất kim, bỏ nó vào túi gi- nê rồi mang đi. Từ đó, điều vui sướng nhất của anh là đưa cái mẫu sáp ấy ra mỗi khi chị Pécgôti cần đến mẫu sáp ấy lính vào lót của anh, và một phần đã chảy rồi anh lại bỏ nó vào túi áo khi nào chị Pécgôti dùng xong. Hình như anh hết sức sung sướng và cảm thấy không cần phải nói câu nào. Ngay cả khi nào anh dẫn chị Pécgôti đi chơi trên bờ biển, tôi nghĩ rằng anh muốn nói chuyện thì cũng không có gì bất tiện, thế mà anh cũng chỉ thỉnh thoảng hỏi chị có mạnh khoẻ không. Tôi nhớ rằng đôi khi sau khi anh đi rồi, chị Pécgôti úp tạp rề vào mặt mà cười suốt nửa tiếng đồng hồ. Thực vậy, tất cả chúng tôi ít hay nhiều đều cảm thấy thú vị, chỉ trừ bà Gommít vì bà cũng được ve vãn hoàn toàn bằng cách tương tự, cho nên nhìn cái cảnh ấy bà lại buồn bã nhớ tới "Ông già"

Cuối cùng, khi thời hạn đi thăm của tôi đã gần hết, người ta báo rằng chị Pécgôti, anh Báckit sẽ cùng đi chơi suốt một ngày và cô bé Emili có nhiệm vụ đi theo. Tôi nằm thao thức suốt cả đêm trước vì suy nghĩ đến điều sung sướng là được sống cả một ngày với Emili. Từ sáng sớm, chúng tôi đã dậy và chúng tôi chưa ăn xong bữa ăn sáng thì xa xa đã thấy anh Báckit đánh một cái xe ngựa về phía

người yêu.

Chị Pécgôti vẫn mặc bộ đồ tang như ngày thường sạch sẽ và đơn giản, nhưng anh Báckit thì rực rỡ trong cái áo Véc-tông mới tinh. Anh thợ may đã khéo cắt áo cho anh ta đến nỗi anh không cần phải đeo tất tay dù thời tiết có lạnh nhất, còn cổ áo thì cao đến nỗi đẩy tóc dựng ngược ở trên đỉnh đầu. Cúc áo hết sức lớn. Anh lại mặc cái quần dài màu hạt dẻ và một cái gi-nê bằng da mềm khiến cho tôi thấy anh Báckit thành một nhân vật đáng kính muôn phần.

Khi chúng tôi đang bận rộn ở ngoài cửa thì tôi thấy ông Pécgôti chuẩn bị một chiếc dây cũ ném sau lưng chúng tôi để cầu phúc cho chúng tôi. Ông đưa chiếc dây cho bà Gommít để bà làm việc đó. Bà nói:

“Để một người khác làm thì hơn. Tôi chỉ là một người nghèo khổ tứ cố vô thân, hể nghĩ đến người cô độc là tôi bực mình”

“Thôi đi bà !” ông Pécgôti nói (bà cầm lấy chiếc dây và ném nó đi).

“Không đâu !” bà Gommít vừa cầu nhàu vừa lắc đầu. Nếu như tôi không phải là người nhiều xúc cảm thì tôi đã làm. Ông không có những xúc cảm như tôi, không có cái gì làm cho ông bực mình và ông cũng không làm cho ai trái ý. Ông nên ném thì hơn”.

Nhưng lúc này chị Pécgôti đã lần lượt hôn tất cả mọi người một cách vội vàng, ngồi trên cái xe trên cộ hai chúng tôi (Emili và tôi cạnh nhau trên hai cái ghế con). Chị Pécgôti nói rằng bà Gommít phải làm điều đó, cho nên bà đành phải làm. Nhưng tôi rất bực mình và nói rằng bà làm cho cái cảnh ra đi vui vẻ của chúng tôi thành mất vui,

bởi vì bà liên khóc, gục vào cánh tay của Ham và ngất đi, rồi bà lại nói rằng bà biết bà chỉ là một gánh nặng và tốt hơn hết là đưa bà đến nhà tế bần, lúc bấy giờ tôi nghĩ rằng bà nói như thế là phải và Ham đáng lý nên làm như vậy.

Chúng tôi liền ra đi dạo chơi. Việc làm đầu tiên của chúng tôi là dừng xe lại trước một nhà thờ. Anh Báckit buộc ngựa vào sau hàng rào sắt của nhà thờ, rồi cùng chị Pécgôti bước vào, để tôi ngồi một mình với bé Emili trên xe. Tôi nhân dịp ấy ôm lấy người cô và đề nghị với cô rằng. Vì chẳng bao lâu nữa tôi phải rời cô, nên hôm nay nhất thiết chúng ta phải rất thân mật và sung sướng hết ngày. Bé Emili bằng lòng cho phép tôi hôn. Tôi nhớ rằng tôi đã đánh bạo nói với cô rằng mãi mãi tôi không thể yêu một người nào khác và tôi sẵn sàng giết bất kỳ ai muốn được cô yêu.

Bé Emili rất vui sướng vì vui sướng về việc đó làm ra vẻ lớn tuổi hơn tôi và khôn ngoan hơn cô nhiều, cô tiên nữ tí hon kia gọi tôi là “anh ngọc” rồi cười xinh đến nỗi tôi cũng quên vừa bị thoái mạng với cái danh từ xấu xa kia và chỉ biết ngồi nhìn cô ngây ngất.

Anh Báckit và chị Pécgôti ở trong nhà thờ một lúc khá lâu, nhưng cuối cùng họ cũng bước ra và chúng tôi cho xe đi trên đường ở thôn quê. Trên đường đi, anh Backit quay lại nheo mắt nói với tôi-quả thực trước đây tôi cũng không ngờ anh biết nheo mắt cơ đấy:

“ở trong xe trước đây anh viết tên gì nhỉ?”

“Clara Pécgôti” tôi đáp.

“Và bây giờ nếu như chiếc xe này có một cái diềm thì anh sẽ viết chữ gì?”

“Vấn Clara Pécgôti chứ phải không anh ?”

“Clara Pécgôti Báckit” anh đáp lại cười giòn giã làm cho cả cái xe cũng chuyển động.

Thế là hai người đã thành hôn: Và chính vì vậy nên họ bước vào nhà thờ. Chị Pécgôti muốn mọi việc sẽ diễn ra một cách yên lặng và muốn chỉ có người giáo sĩ ở giáo sĩ đường làm chứng hôn lễ mà thôi, ngoài ra không có một người chứng thực nào khác. Chị hơi lúng túng khi nghe anh Báckit tuyên bố việc kết hôn của hai người một cách đột ngột như vậy, và chị thấy dù có ôm ghì lấy tôi bao nhiêu cũng không hề thay đổi. Nhưng lát sau, chị trấn tĩnh và tuyên bố rằng chị sung sướng khi thấy mọi việc đều xong.

Chúng tôi dừng xe lại trước một cái quán nhỏ cạnh con đường rẽ nhỏ ở đây người ta ngồi chờ chúng tôi và đã có sẵn một bữa cơm rất là thịnh soạn, và chúng tôi sống một ngày hết sức thoả thích. Giá như chị Pécgôti mười năm nay ngày nào cũng kết hôn, chị cũng không thể thoả mái hơn. Đối với chị chẳng có cũng chẳng có chút gì thay đổi, chị cũng ăn hết như trước và trước bữa cơm chiều chị cũng dạo mát cùng Emili trong khi anh Báckit hút cái tẩu của anh ra vẻ triết và theo ý tôi, anh đang suy nghĩ một cách thú vị đến hạnh phúc của mình. Dẫu sao hạnh phúc này cũng làm cho anh ăn thêm ngon miệng: bởi vì tôi hết sức nhớ rõ ràng mặc rầu trong bữa cơm trưa anh đã ăn rất nhiều thịt lợn và rau, đồng thời lại ăn thêm một hay hai con gà con: nhưng người ta vẫn phải đưa thêm cho anh thịt mỡ nấu để nguội để anh ăn vào bữa cơm chiều. Và anh ăn rất nhiều không chút khó khăn.

Về sau tôi vẫn thường nghĩ cái lễ kết hôn ấy sao mà kỳ lạ ngay thơ đến thế. Sau khi trời tối được một lát, chúng tôi lại lên xe ngựa, đánh xe về nhà một cách thoải mái, mắt nhìn lên những ngôi sao và nói chuyện về những ngôi sao. Tôi là người thuyết minh chủ yếu và tôi mở tầm mắt cho anh Báckít thấy những chân trời mới. Tôi nói cho họ nghe tất cả những điều tôi biết, nhưng kỳ thực tôi muốn nói gì cũng được anh tin vì rất tôn kính tài năng của tôi, và nhân dịp ấy anh nói với vợ anh rằng tôi là một thứ “thần đồng”, tôi đoán anh muốn nói một thứ kỳ quan gì ấy.

Khi chúng tôi đã nói hết câu chuyện về những ngôi sao, hay nói khác đi khi tôi đã mơ màng tất cả khả năng trí tuệ của anh Báckít thì cô bé Emili và tôi cùng đắp một cái chăn cũ làm bằng áo khoác và chúng tôi ngồi như thế trên suốt cả đoạn đường đi ! ôi ! Tôi yêu cô biết bao ! Tôi vẫn thường tự nghĩ thật là hạnh phúc biết bao nếu như chúng tôi được lấy nhau, được sống bất kỳ ở đâu, ở giữa ngàn cây, ở ngoài đồng, không bao giờ già hơn, không bao giờ khôn hơn, suốt đời là những đứa trẻ con dắt tay nhau dạo chơi đây đó, dưới ánh mặt trời, giữa những đồng cảnh, đầy hoa và ban đêm gối đầu lên rêu để ngủ một giấc ngủ êm đềm trong trắng và êm ả cho đến khi những con chim sẽ chôn chúng tôi sau khi chúng tôi chết. Những hình ảnh này không có một chút gì của thế giới thực tế, nó trong sáng với cái ánh sáng của tuổi thơ ngây của chúng tôi và mập mờ như những ngôi sao xa tít vẫn tràn ngập đầu óc tôi trên suốt đoạn đường về. Tôi rất vui sướng khi nghĩ rằng trong ngày chị Pécgôti kết hôn lại có hai con tim ngây thơ như con tim của bé Emili và của tôi.

Tôi cũng sung sướng rằng thân ái tình và thân sắc đẹp trong ngày lễ kết hôn mộc mạc này đã khoát những hình ảnh phiêu diêu như vậy.

Tối hôm ấy chúng tôi lại về sớm đến cửa của chiếc tàu cũ: Đến đó anh chị Báckít từ biệt chúng tôi ngồi sát bên nhau âu yếm đánh xe trở về nhà. Bây giờ lần đầu tiên tôi cảm thấy tôi mất chị Pécgôti. Tôi sẽ rất buồn bực khi đi ngủ nếu như tôi không được ở cùng một mái nhà với cô bé Emili.

Ông Pécgôti và Ham cũng hiểu lòng tôi đang nghĩ gì và họ chuẩn bị bữa cơm tối với vẻ mặt hân hoan và để xoa dịu những ý nghĩ của tôi lần đầu và lần cuối cùng trong thời gian tôi đến thăm, bé Emili đến ngồi cạnh tôi trên cái hòm và đó là một cách tuyệt diệu chấm dứt một ngày thân tiên.

Hôm ấy ban đêm có thủy triều lên. Một lát, sau khi chúng tôi đi ngủ thì ông Pécgôti và Ham ra khơi đánh cá. Tôi cảm thấy mình rất dũng cảm vì tôi được ở một mình trong cái nhà cô độc này. Để che chở cho bé Emili và bà Gommít, tôi chỉ mong rằng có một con sư tử, một con mãng xà, hay bất cứ một loài quái vật độc ác nào tấn công chúng tôi để cho tôi tiêu diệt nó và để nổi danh. Nhưng đêm ấy không có một con vật nào như thế đi lang thang trên bờ biển Yacmao: Cho nên để đi vào đây tôi chỉ có cách nằm mơ đến dao lòng mãi cho đến sáng.

Vừa sáng thì chị Pécgôti đã đến, chị vẫn đến cửa sổ gọi tôi như trước, tựa hồ như anh Báckít đánh xe ngựa cùng đi là một nhân vật trong mộng không hơn, không kém. Ăn sáng xong chị đưa tôi đến xem ngôi nhà mới của

chị. Đó là một cái nhà rất nhỏ, rất xinh. Trong tất cả đồ đạc trong nhà. Cái gây cho tôi ấn tượng sâu sắc nhất cố nhiên là cái bàn giấy cũ ở phòng khách “nhà bếp lát gạch vuông đồng thời lại là phòng khách” bàn này làm bằng thứ gỗ mầu sẫm, mặt bàn có thể mở ra khi đóng lại làm thành một cái bàn viết ở trong có quyển sách “những người tử vì đạo” của Phôcxơ in khổ rất lớn. Tôi phát hiện ra quyển sách quý báu này mặc dầu hiện nay tôi không còn nhớ chữ nào nữa và tôi lập tức vùi đầu vào quyển sách đó nữa. Và sau đó tôi không bao giờ đến thăm nơi này mà không quy trên một cái ghế đỡ cái hộp chứa đựng trên một cái kho tàng quý báu này rồi hai tay ôm lấy cái bàn viết, tôi bắt đầu đọc ngấu đọc nghiền quyển sách ấy một lần nữa ! tôi sợ tôi được cảm hóa chủ yếu là do bức tranh miêu tả mọi thứ hình phạt kinh khủng: nhưng từ đó về sau mãi đến nay quyển sách “những người tử vì đạo” và cái nhà của chị Pécgôti vẫn gắn chặt vào trí não của tôi.

Ngày hôm ấy, tôi từ biệt ông Pécgôti, Ham, bà Gômmit và bé Emili và tôi nghỉ đêm tại nhà chị Pécgôti trong một phòng nhỏ ở dưới mái (với quyển sách về xấu nằm trên một cái giá ở đầu giường). Chị Pécgôti nói cái phòng này là để giành cho tôi và nó sẽ được giữ nguyên như vậy.

“Em Đêvit ơ ! Trong khi chị còn trẻ cũng như khi chị già hễ còn sống, và cái nhà này còn ở trên đầu chị, thì em sẽ thấy nó in hệt như em vừa thấy. Em yêu quý của chị, ngày nào chị cũng sẽ săn sóc đến nó cũng như chị đã từng săn sóc cái phòng nhỏ bé của em ngày xưa, dù em có đi Trung quốc em cũng vẫn có thể yên trí rằng phòng

này vẫn giữ nguyên vẹn trong suốt thời gian em vắng mặt”.

Trong thâm tôi cảm kích lòng chân thành của người bảo mẫu của tôi và tôi hết sức cảm ơn chị. Nhưng tôi không thể biểu lộ đầy đủ lòng biết ơn của tôi, bởi vì khi chị lấy tay ôm quàng lấy cổ tôi mà nói như vậy thì sáng hôm ấy tôi đã phải về nhà. Và sáng hôm ấy tôi trở về nhà cùng đi xe ngựa với anh Pécgôti và anh Batkít. Họ để tôi ở ngoài cổng và chúng tôi chia tay nhau không phải là dễ dàng và nhẹ nhàng. Đối với tôi quả thực là một điều kỳ lạ khi tôi nhìn thấy một chiếc xe ngựa đi xa mang theo chị Pécgôti và để tôi lại một mình giữa những gốc du già, nhìn vào cái nhà trong đó không còn một bộ mặt nào nhìn tôi một cách dịu dàng thân ái.

Và bây giờ tôi rơi vào một tình trạng bị ruồng bỏ, mà mỗi khi nghĩ đến, tôi không sao khỏi đau xót. Tôi liền rơi ngay vào tình trạng cô độc xa cách mọi sự săn sóc thân yêu, xa cách tất cả những đứa trẻ cùng trạc tuổi với tôi không còn có ai làm bạn bè ngoài những ý nghĩ buồn rầu của tôi mà đến nay hầu như vẫn còn ngả bóng xuống trang giấy trong khi tôi đang viết.

Tôi sẽ vui sướng biết bao dù phải đến cái trường học nghiêm khắc nhất trên đời để được học một cái gì không kể học như thế nào và học ở đâu. Nhưng không loé lên một tia hy vọng nào ! họ ghét tôi và ruồng bỏ tôi một cách kiên quyết âm thầm và lạnh lùng. Tôi cho lúc bấy giờ kinh tế ông Mócxtôn cũng có phần nào eo hẹp, nhưng điều này không liên quan gì đến việc đó lắm, không thể chịu đựng được tôi, và trong khi tìm cách gạt bỏ tôi, tôi nghĩ rằng ông

cũng gạt bỏ luôn cái quan niệm rằng tôi có quyền đòi hỏi ở ông, và ông đã thành công.

Kể ra, tôi không bị ngược đãi trắng trợn, người ta không đánh tôi và không bắt tôi nhịn đói. Nhưng những cách đối xử với tôi không lúc nào bớt căng thẳng và điều đó được thực hiện có hệ thống và thân nhiên. Ngày lại ngày, tuần sang tuần, tháng sang tháng tôi vẫn bị ruồng bỏ một cách lạnh nhạt. Lúc nào tôi cũng nghĩ đến điều này, đôi khi tôi tự hỏi nếu như tôi ốm thì không biết họ sẽ làm gì ? phải chăng tôi sẽ phải nằm trong cái phòng cô độc của tôi chết dần chết mòn trong cái cảnh cô tịch hàng ngày, hay là một con người nào sẽ cứu tôi thoát khỏi cảnh này ?

Khi ông Mécxtôn ở nhà thì tôi vẫn ăn cơm với họ. Khi họ đi vắng thì tôi ăn uống một mình. Nhưng lúc nào tôi cũng thơ thẩn trong nhà và ở chung quanh đấy, không được dòm ngó đến, chỉ trừ một điểm họ ghen ghét không muốn cho tôi chơi bời với ai, có lẽ họ sợ rằng nếu làm như thế thì tôi sẽ than phiền. Chính vì vậy, mặc dầu ông Silip thường bảo tôi đến thăm ông (ông ta góa vợ, cách đây mấy năm ông mất một bà vợ nhỏ nhắn tóc hung, tôi chỉ nhớ mẩu tóc giống như mẩu hoe hoe của cái mai rùa) nhưng ít khi tôi được may mắn ở trong phòng làm việc của ông một buổi chiều để xem một quyển sách mới lạ đối với tôi cái mùi thuốc xông nặc cả mũi, hay giữ một thứ gì đó ở trong một cái cối dưới sự coi sóc hiền từ của ông.

Cũng vì vậy, chắc chắn vì trước đây người ta vẫn ghét chị Pécgôti, cho nên ít khi người ta cho phép tôi đến

thăm chị. Trung thành với lời hứa, mỗi tuần một lần, chị đến thăm tôi hay hẹn gặp tôi ở gần đấy và không bao giờ chị đến tay không. Khi nào tôi xin phép đến thăm chị ở nhà chị thì tôi vẫn thường bị cự tuyệt một cách đau đớn, người ta cũng cho phép tôi đến đấy theo những khoảng thời gian rất xa. Bây giờ tôi mới thấy rằng anh Báckit có phần nào hà tiện, hay như chị Pécgôti nói một cách lễ phép anh ấy “hơi khít khao”. Anh giữ một số tiền lớn trong một cái hòm đặt dưới chân giường, nhưng anh nói rằng nó chỉ có áo quần mà thôi. Tất cả của cải của anh đều ẩn nấp một cách khiên tốn nhưng kiên quyết ở trong cái hòm ấy và muốn lấy ra khoản nhỏ nhất cũng phải dùng mưu mới được, vì vậy chị Pécgôti đã phí hao nhiều tâm lực để có một kế hoạch phức tạp đúng là một âm mưu dùng thuốc súng làm nổ quốc hội Anh để trang trải việc tiêu dùng vào mỗi ngày thứ bảy.

Trong tất cả thời gian ấy, tôi hết sức có ý thức về chỗ tất cả những mong ước của mình đều đã bị vứt bỏ, về tình trạng bị ruồng bỏ hoàn toàn của mình và chắc chắn sẽ hết sức khổ sở nếu như không có những quyển sách xưa. Nó là nguồn an ủi duy nhất của tôi tôi rất trung thành với nó cũng như nó trung thành với tôi, và tôi đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần mà kể.

Bây giờ tôi đến gần một đoạn đường của cuộc đời tôi, mà tôi không thể nào quên được hề tôi còn có một chút trí nhớ và mỗi khi nhớ lại - thường không phải do tôi cố tình nghĩ đến - nó giống như một con ma đến ám ảnh những ngày sung sướng hơn của tôi.

Có một hôm, tôi đang lang thang đầu đấy với vẻ mặt

thờ ơ, ngơ ngác do lối sống của tôi gây nên, tôi đi quanh vào một con đường nhỏ gần nhà thì gặp ông Mọcxtôn đang đi với một người khác. Tôi lúng túng đi qua bên cạnh họ, thì người kia kêu:

“Thế nào có phải Brúc đấy không?”

“Dạ không ạ” tôi đáp “Cháu là Đêvit Copophin”

“Nói thế không được đâu. Người kia nói, mày là Brúc ở Sepphin. Đó là tên mày đấy”

Nghe nói thế tôi nhìn người kia một cách chăm chú hơn. Nghe tiếng cười tôi chợt nhớ ra ông ta là ông Kiniôn, tôi đã đến thăm ông ta ở Laoxtốp với ông Mọcxtôn, trước đây... nhưng điều đó không quan trọng... Tôi không cần nhắc lại lúc này. Ông Kiniôn nói:

“Brúc ! độ này mày làm gì và mày học hành ở đâu?” Ông đặt tay lên vai tôi và bắt tôi quay lại để cùng đi. Tôi không biết trả lời như thế nào, đưa mắt nhìn ông Mọcxtôn có vẻ lưỡng lự. Ông Mọcxtôn nói:

“Độ này nó ở nhà. Nó không học ở đâu cả. Tôi không biết dùng nó vào việc gì. Nó là một đứa khó dạy”

Hai con mắt giả dối ấy mà tôi biết quá rõ nhìn tôi một lát. Rồi cái lông mày đen nhú lại, và ông quay mặt đi chỗ khác có vẻ chán ghét. Tôi thấy hình như ông Kiniôn nhìn cả hai chúng tôi và nói.

“À ! trời đẹp quá”

Tiếp đó, là một phút im lặng vì tôi đang nghĩ cách gì tốt nhất để thoát khỏi cái bàn tay đặt lên vai tôi để đi, thì ông ta nói:

“Này Brúc, mày tinh quái lắm phải không?”

“Ồ ! Anh để nó đi cho rảnh” ông Mọcxtôn nói có vẻ

nóng ruột “Anh làm phiền nó chẳng được nó cảm ơn đâu”

Nghe nói vậy, ông Kiniôn buông tôi ra. Tôi liền vội vàng về nhà. Khi tôi bước vào cái vườn ở trước nhà tôi quay lại nhìn thấy ông Moxtôn đang dựa mình vào cái hàng rào ở nghĩa địa và ông Kiniôn đang nói chuyện với ông ta. Hai người đều nhìn tôi và tôi cảm thấy rằng họ đang nói chuyện về tôi.

Đêm hôm ấy, ông Kiniôn ngủ tại nhà tôi. Sau bữa ăn sáng, ngày hôm sau, khi tôi đã đặt lại cái ghế ngồi của tôi vào chỗ cũ và định bước ra khỏi phòng thì ông Moxtôn gọi tôi lại. Ông ngồi có vẻ trang trọng trước một cái bàn khác và bà chị của ông ngồi ở bàn giấy. Ông Kiniôn dút tay vào túi đứng nhìn ra ngoài cửa sổ. Còn tôi đứng nhìn cả ba người. Ông Moxtôn nói:

“Đêvit ! Đối với người trẻ tuổi thì thế giới này phải là một thế giới để hoạt động chứ không phải là một nơi chơi bời lêu lổng”

“Như mày vẫn làm” bà chị nói thêm

“Chị Jan Moxtôn, chị cứ để tôi nói. Này Đêvit ! Tao nói rằng đối với người trẻ tuổi thì thế giới này là thế giới để hoạt động chứ không phải là nơi chơi bời lêu lổng. Điều đó lại càng đặc biệt đúng đối với một đứa trẻ tính khí như mày là đứa trẻ cần phải được dạy dỗ. Mà dạy dỗ thì không có gì ích hơn là bất tính khí của mày phải phục tùng theo phép tắc của thế giới hoạt động, làm việc để khắc phục và trừ bỏ cái tính khí ấy đi”

Bởi vì ở đó bướng bỉnh mấy rồi cũng nhũn” bà chị tiếp “Tính bướng bỉnh của mày bị tiêu diệt, người ta sẽ tiêu diệt nó giúp mày”

Ông Moxtôn nhìn bà chị một nửa tán thành một nửa trách móc. Và tiếp tục

“Như mày đã biết tao không giàu có gì. Dầu sao nữa, bây giờ mày cũng biết điều đó. Mày đã được học hành nhiều rồi. Việc học hành tốn tiền, và dù cho không tốn đi nữa tao cũng không chịu mất tiền. Tao không muốn mày ở trường học vì trường học không có ích lợi cho mày một chút nào. Cái đáng chờ đợi mày đó là cuộc đấu tranh để sống ở đời. Mày càng bắt đầu cuộc đấu tranh ấy sớm lại càng tốt.

Tôi thoáng nghĩ rằng tôi đã bắt đầu cuộc đấu tranh kia theo cách tội nghiệp của tôi và bây giờ cuộc đấu tranh ấy đến với tôi dù muốn hay không. Ông Moxtôn hỏi:

“Mày có khi nào nghe nói đến cửa hàng không?”

“Cái cửa hàng nào thưa ông?” tôi hỏi.

“Cửa hàng Moxtôn và Grinbi buôn rượu” ông ta đáp.

Tôi cảm thấy hình như tôi có vẻ ngần ngại bởi vì ông ta tiếp tục nói một cách vội vã:

“Mày đã từng nghe nói đến cái xưởng hay là nói đến công việc, bến tàu, hầm rượu hay là cái gì tương tự như thế không?”

“Con nhớ con có nghe nói đến việc buôn bán” (tôi có nghe mang máng về nguồn kinh tế của chị ông và của ông) “Nhưng con không biết lúc nào”

“Mày nghe nói lúc nào thì chẳng quan trọng” ông đáp. “Ông Kioniôn là người điều khiển công việc ấy”

Tôi cung kính nhìn ông Kioniôn nhưng ông ta vẫn đứng nhìn ra ngoài cửa sổ.

“Ông Kiniôn có ý kiến rằng ông ta thuê nhiều đứa trẻ để làm công ở trong nhà, và ông thấy không có lý do gì mà mày không được thuê với những điều kiện như vậy”

Ông Kiniôn quay lại nửa người và nói nhỏ: “Vì anh Mọcxtôn ạ, không có lối thoát nào khác cho nó”

Ông Mọcxtôn không để ý đến câu nói kia vẫn tiếp tục nói với cái cử chỉ nóng ruột thậm chí giận dữ.

“Những điều kiện là mày có thể có đủ tiền ăn uống và có tiền tiêu vặt. Tao sẽ trả tiền ở (điều kiện này tao đã thu xếp rồi) cũng như tiền giặt quần áo cho mày”

“Số tiền ấy ở trong một giới hạn mà tao sẽ tính sau” bà chị nói.

“Người ta cũng sẽ lo đến quần áo cho mày” ông Mọcxtôn nói, “Bởi vì tạm thời mày cũng chưa có thể lo đến điều đó được. Vì vậy cho nên, Đêvit, bây giờ mày phải lên Luân đôn với ông Kiniôn để bắt đầu tự kiếm cách sinh nhai”

“Tóm lại, như thế là ông có đủ ăn và ông sẽ được mời làm tròn nhiệm vụ của ông” bà chị nói.

Mặc dầu tôi biết rất rõ rằng mục đích của việc tuyên bố này chỉ là để đuổi tôi đi, nhưng tôi không nhớ rõ nó làm tôi sợ hay vui mừng. Nói chung, tôi có cảm tưởng rằng tôi ở trong một tình trạng mê loạn hoang mang giữa hai thái cực kia, mà không chạm đến thái cực nào cả. Vả chăng, tôi cũng không hiểu có nhiều thì giờ để suy nghĩ cho rõ ràng bởi vì đến ngay mai ông Kiniôn đã phải ra đi.

Các bạn hãy nhìn tôi ra đi buổi sáng hôm sau như thế nào: đầu tôi đội cái mũ trắng rất nhỏ đã cũ, trên mũ viền đen vì để tang mẹ tôi, trên người mặc một cái áo gi-lê đen,

một cái quần nhung cứng cộm cộp mà cô Moxtôn cho là thứ áo giáp tốt nhất cho đôi chân để chiến đấu với cuộc đời đang bắt đầu. Các bạn hãy nhìn tôi mặc như vậy với tất cả cái hóm nhỏ, một đứa trẻ cô đơn tội nghiệp trên đời (Bà Gommít sẽ nói như vậy) ngồi ở trong cái xe trạm đã đưa ông Kiniôn đến Yacmao để đánh đường lên Luân đôn ở. Kìa ngôi nhà và mái nhà thờ cứ nhỏ dần ở đằng xa, cái nghĩa địa ở dưới lùm cây đã bị những vật khác che khuất, cái gác chuông của nhà thờ đánh dấu sân chơi của tôi ngày xưa đã biến mất vào một bầu trời từ nay trống không !

Chương XI

TÔI BẮT ĐẦU KIẾN KẾ SINH NHAI: TÔI KHÔNG THẤY THÍCH THÚ GÌ CẢ

Ngày nay, tôi đã chán biết thế thái nhân tình rồi cho nên hầu như không còn cái gì có thể làm tôi ngạc nhiên. ấy thế mà, ngày đến nay mỗi lần nghĩ đến cảnh mình có thể bị ruồng bỏ dễ dàng trong khi hãy còn nhỏ dại như vậy, tôi cũng vẫn sùng sốt. Một đứa trẻ, có nhiều năng lực, có óc quan sát tốt, nhanh nhẹn, nhiệt tình, dễ cảm, dễ bị thương tổn về thể xác và tinh thần như tôi, thế mà chẳng có ai rủ lòng can thiệp giúp, điều đó cũng thật kỳ lạ. Nhưng sự thực là thế, chẳng có ai can thiệp gì hết. Và mới mười tuổi đầu tôi đã thành một lao công nhỏ làm thuê ở công ty Mœxtôn và Grinbi.

Nhà kho của Công ty Mœxtôn và Grinbi ở bờ sông Tembor thuộc khu "Blăcfrai". Những sự cải thiện gần đây đã thay đổi bộ mặt những nơi này, nhưng đó là ngôi nhà cuối cùng ở đầu mút một con đường phố chật hẹp chạy dốc xuống theo đường vòng cho đến bờ sông. Ở cuối đường có một vài bậc lên xuống là nơi người ta xuống

thuyền. Đó là một ngôi nhà cũ kỹ, hư hỏng, với một cái bến riêng lúc nước lên thì bến này liền với nước, nhưng lúc nước xuống thì thể nó nhàn nhán những chuột là chuột. Các gian phòng với những bức tường lát gỗ có thể nói, đã một trăm năm nay, đầy những bụi bặm và khói nên đã đổi màu, sàn gỗ và thang gác hư hỏng, chuột xám và già kêu chu chéo và cắn nhau ở dưới hầm rượu, tình trạng bẩn thỉu và mục nát ngự trị ở đây là những vật hiện ra trước mắt tôi, không phải cách đây lâu năm mà là những vật trước mắt. Tất cả hiện ra trước mắt tôi hiện nay cũng giống hệt như vào giờ phút bất hạnh khi tôi bước chân đến đây lần đầu bàn tay nắm run lấy bẫy ở trong bàn tay của ông Kiriôn.

Công ty Moxton và Grinbi buôn bán với nhiều hạng người, nhưng việc cung cấp rượu nho và tỉnh rượu cho một số tàu thủy là một bộ phận quan trọng trong công việc buôn bán. Hiện nay tôi quên không nhớ những chiếc tàu kia chủ yếu đi đâu, nhưng tôi nhớ trong số này có những chiếc đi đến tận Ấn Độ và quần đảo Ăngti. Tôi biết do kết quả của việc buôn bán này nên có rất nhiều chai không và người ta dùng một số trẻ con và người lớn vào việc kiểm nghiệm những chai này dưới ánh sáng để loại những chai nào nứt rạn, sứt và rửa những chai khác. Khi nào không có chai không thì phải dán nhãn vào những chai đầy, vặn nút vào chai, đóng dấu xi lên trên nóc, rồi bỏ chai vào thùng. Đó là tất cả công việc của tôi và tôi là một trong số những đứa trẻ được thuê để làm việc ấy.

Tất cả có ba bốn người kể cả tôi. Nơi làm việc của tôi đặt ở một góc nhà nhỏ để cho ông Kiriôn có thể thấy tôi khi nào ông đứng lên cái thanh gỗ ngang cuối cùng

dưới chiếc ghế đầu ở trong phòng giấy. Buổi sáng đầu tiên của cái ngày tôi phải bắt đầu kiếm kế sinh nhai người ta gọi cậu lớn tuổi nhất trong những đứa trẻ làm việc ở đây đến phòng ấy để hướng dẫn cho tôi cách làm việc. Cậu tên là Mích Oan và mặc một chiếc tạp dề đã rách và dãi một cái mũ giấy. Cậu cho tôi biết rằng cha cậu làm nghề chèo thuyền và đội mũ nhung đen đi trong đoàn du hành của thị trưởng thành Luân-đôn. Cậu cũng cho tôi biết rằng bạn cộng tác chính của chúng tôi sẽ là một cậu khác mà cậu giới thiệu với cái tên kỳ quái là "Khoai Bọt", song tôi phát hiện ra rằng đó không phải là cái tên thánh của cậu bởi vì da cậu tái mét và trắng bạch như bọt. Cha của Khoai Bọt ngoài nghề lái đò còn làm thêm nghề cứu hoả và được một rạp hát lớn thuê vào việc ấy; rạp này có một người bà con trẻ tuổi của Khoai Bọt, hình như là em gái Khoai Bọt, đóng vai tiểu quỷ trong những vở kịch câm.

Thực không lời nào tả được nỗi buồn khổ âm thầm trong lòng tôi khi tôi rơi vào giữa những anh bạn như thế, mỗi khi tôi so sánh những người từ nay sẽ là bạn trong cuộc sống hằng ngày hiện nay với những người bạn của tuổi thơ ngay hạnh phúc - đó là chưa nói đến Xtiêcphoóc, Trátđơn và các bạn khác - và tôi cảm thấy mọi hy vọng của tôi muốn lớn lên thành một người có học thức và cao quý nay đều tan vỡ. Tôi còn nhớ sâu sắc không sao tả xiết cái tâm trạng về tình cảm hoàn toàn tuyệt vọng, sự xấu hổ về cảnh ngộ của mình và niềm đau đớn của con tim thơ dại khi nghĩ rằng tất cả những điều tôi đã học và đã nhớ, tất cả những gì làm thành nguồn vui thúc đẩy óc tưởng tượng và lòng hiếu thắng của tôi sẽ ngày một mất dần mà không

bao giờ trở lại. Sáng hôm ấy, mỗi khi Mich Oancơ để tôi ngồi một mình là nước mắt lại giàn giụa hòa lẫn với nước tôi dùng để súc chai và tôi khóc nức nở tưởng chừng như tim tôi cũng nứt rạn và sắp vỡ tan.

Khi đồng hồ bàn giấy điểm mười hai giờ rưỡi và mọi người đều chuẩn bị ăn trưa thì ông Kiniôn gõ gõ vào cửa sổ phòng giấy và ra hiệu cho tôi bước vào. Tôi bước vào và thấy ở đấy đã có một ông trạc tuổi trung niên, béo phì mặc áo khoác màu nâu, quần quạt ống, chân đi giày, đầu chẳng có một sợi tóc (đầu ông ta to tướng và bóng loáng chẳng kém gì một quả trứng) mặt rất to quay về phía tôi. Áo quần của ông ta đã sờn, nhưng ông có một cái cổ áo rất diện. Tay ông cầm một thứ gậy đẹp trên gậy có hai quả sỏi thất tua màu xám, túi áo của ông để lộ một cái kính một mắt - vật này chỉ để diện thôi vì sau này tôi thấy ông ta ít khi dùng và mỗi khi dùng thì ông chẳng thấy gì hết. Ông Kiniô chỉ tôi.

“Nó đấy”

“Cậu đấy à” người lạ mặt nói với cái giọng ban ơn và muốn làm ra vẻ lịch sự rất khó tả, điều này gây cho tôi một ấn tượng rất sâu sắc. “Có phải cậu Copophin đấy không ? Cậu mạnh khỏe chứ ?”

Tôi trả lời rằng tôi rất mạnh khỏe và tôi hy vọng rằng ông cũng mạnh khỏe. Thưa ra, bấy giờ tôi rất khó ở nhưng vào thời kỳ ấy trong đời tôi, tính tôi không thích than phiền, cho nên tôi nói tôi rất mạnh khỏe và hy vọng rằng ông ta cũng thế. Người lạ mặt nói:

“Nhờ trời, tôi hết sức khỏe mạnh. Tôi có nhận được một lá thư của ông Mọcxtôn nhờ cậu ở cái phòng đằng sau

nhà tôi hiện nay còn trống”. Và người lạ mặt điểm thêm một nụ cười và tỏ vẻ vồn vã thân mật “mà tôi rất hân hạnh được nói là thuê làm phòng ngủ”... Đến đây người lạ mặt lại giơ tay lên kéo cằm vào cổ sơ mi.

“Đây là ông Micôbơ” ông Kiniôn nói

“Vâng đó là tên tôi”, người lạ mặt nói.

“Ông Moxtôn với ông Micôbơ là chỗ quen biết” ông Kiniôn nói: “Khi nào ông Micôbơ có đơn đặt hàng thì ông đưa đến cho chúng tôi và kiếm được một ít tiền. Ông Moxtôn đã viết cho ông ta về vấn đề chỗ ở của cháu, và ông ta sẽ nhận cháu ở trọ.”

“Địa chỉ của tôi là phố Uynxo Teráyxơ, đường Đô thị” ông Moxtôn nói “Tóm lại...” ông Micôbơ lại nói với vẻ cái vồn vã thân mật “tôi sống ở đây”.

Tôi cúi đầu chào ông. Ông Micôbơ nói:

“Vì tôi thấy rằng trong thủ đô này cậu chưa đi được bao nhiêu, cho nên muốn tìm đường Đô thị trong cái thành phố Tân Babilon, đường sá chằng chịt thế này cũng gay đây, tóm lại” ông ta nói với cái vẻ thân mật “cậu có thể lạc đường, cho nên chiều này tôi rất sung sướng được đến đây đưa cậu về để chỉ cho cậu biết con đường gần nhất”.

Tôi thành thực cảm ơn ông bởi vì chịu khó như vậy đối với tôi là một điều rất tử tế. Ông Micôbơ hỏi:

“Đến mấy giờ, tôi sẽ”

“Vào khoảng tám giờ” ông Kiniôn nói.

“Vậy thì tám giờ nhé!” Ông Micôbơ nói “Xin chào cô Kiniôn, tôi không muốn quấy rầy ông”.

Nói đoạn, ông Micôbơ đội mũ đi ra, tay cắp gậy. Ông đi rất thẳng và vừa bước ra khỏi phòng giấy thì miệng

đã ngheu ngao một bài hát.

Bây giờ ông Kiriôn chính thức khuyên tôi phải hết lòng hết sức làm việc trong nhà nhỏ của công ty Moxtôn và Gribi với số lương tôi nhớ là sáu si-ling mỗi tuần. Tôi không nhớ rõ đó là sáu hay bảy si-ling. Tôi có cảm tưởng lúc đầu thì sáu và sau đó thì bảy. Ông trả ngay cho tôi tiền lương một tuần lễ (hình như ông móc túi tiền ra) và ông móc túi ra lấy sau pen-ni đưa cho Khoai Bột bảo nó chiều hôm ấy mang hòm của tôi đến phố Uynxo Terâyxơ, hôm ấy tuy nhỏ nhưng vẫn quá nặng đối với tôi. Tôi đã thêm sáu pen-ni tiền ăn trưa gồm vốn vẹn một cái bánh mì nhân thịt, tu một ngụm nước là uống nước lã uống ở cái vòi nước bên cạnh, và tôi dùng thời giờ dành cho bữa ăn trưa để đi lang thang ngoài phố.

Buổi chiều, đúng giờ đã định, ông Micôbơ lại xuất hiện. Tôi rửa tay, rửa mặt để tỏ lòng tôn trọng đối với thái độ nhã nhặn của ông và chúng tôi cùng về nhà mình (tôi nghĩ rằng bây giờ tôi cần phải gọi như thế), trong khi đi, ông Micôbơ dặn tôi nhớ kỹ tên các phố, hình dáng những ngôi nhà ở góc phố để sáng mai ra đi có thể dễ dàng tìm được đường về nhà.

Khi đến nhà ông ta ở phố Uynxo Terâyxơ (tôi thấy nhà này cũng bệ rạc như ông, nhưng cũng như ông nó tìm mọi cách để tỏ ra có vẻ diện), ông giới thiệu tôi với bà Micôbơ, một bà mảnh dẻ xanh xao, đã hết thời son trẻ từ lâu đang ngồi trong phòng khách nhỏ (tầng dưới nhà không có đồ đạc gì và người ta buông sáo xuống để lừa những người láng giềng) với một đứa bé đang bú. Đó là một trong hai đứa con sinh đôi, và tôi có thể nói là suốt cả

thời gian tôi sống trong gia đình này có thể nói chẳng khi nào tôi thấy cả hai đứa em sinh đôi đều không ở trên tay bà Micôbơ. Bao giờ cũng có một trong hai đứa lo giải khát.

Lại có hai đứa trẻ khác là cậu Micôbơ độ bốn tuổi và cô Micôbơ độ ba tuổi. Gia đình có thêm một người đầy tớ gái trẻ tuổi da ngăm ngăm đen có thói hay khịt mũi ăm ỉ. Trong vòng không đầy nửa giờ, chị ta tập nghề Xanh Lúc, cạnh đấy. Phòng của tôi ở sát mái đằng sau nhà, đó là một căn phòng kín đáo, khắp nơi trên tường vẽ đầy hoa, nhưng trí tưởng tượng trẻ con của tôi lại cho đó là một thứ bánh màu xanh, đồ đặc trong phòng bày biện rất sơ sài. Bà Micôbơ bước lên thang gác để chỉ phòng cho tôi đồng thời mang theo đứa trẻ sinh đôi. Bà ngồi phệt xuống thảm và nói

“Trước khi lấy chồng, khi tôi còn sống với ông bà cụ thân sinh, tôi không bao giờ nghĩ rằng một ngày kia tôi lại phải cho người ở trọ. Nhưng bây giờ, anh Micôbơ gặp khó khăn cho nên mọi sở thích cá nhân đều phải vứt bỏ”.

“Thưa bà phải đấy” tôi đáp.

“Hiện nay những khó khăn của anh Micôbơ xem ra đã lên đến cực điểm, tôi không hiểu anh có cách nào vượt qua không. Khi sống ở nhà ông bà cụ thân sinh thực ra tôi khó lòng hiểu được chữ “tùng bản” là thế nào theo nghĩa bây giờ tôi vẫn dùng, nhưng kinh nghiệm dạy cho người ta biết - như ông cụ tôi thường vẫn nói”

Tôi không nhớ rõ có phải bà Micôbơ nói ông Micôbơ trước đây làm sĩ quan ở trong thủy quân lục chiến hay đó là điều tôi tưởng tượng ra. Tôi chỉ biết cho đến nay tôi vẫn tin trước kia ông ở trong thủy lục chiến nhưng không hiểu tại sao. Ông làm nghề mách mối hàng cho

nhiều nhà buôn, nhưng không kiếm được bao nhiêu và tôi sợ là không kiếm được gì. Bà Micôbơ nói:

“Nếu các chủ nợ không chịu để cho anh Micôbơ có thì giờ lo liệu, thì họ sẽ phải chịu hậu quả và việc này xảy ra càng sớm càng hay. Không thể nào vớt chày ra nước được! Hiện nay có bức bách đến đâu, anh Micôbơ cũng không có thể đưa ra được khoản tiền nào, không kể số tiền dùng vào việc kiện tụng”.

Tôi không bao giờ hiểu được phải chăng vì tôi sống tự lập quá sớm cho nên bà Micôbơ không để ý đến tuổi của tôi hay là vì bà bị vấn đề này ám ảnh, cho nên nếu không có ai để thổ lộ thì bà sẽ đem nói với hai đứa con sinh đôi, nhưng đó là cái điệp khúc mà bà bắt đầu và sẽ tiếp tục như vậy trong một thời gian tôi quen biết bà.

Tội nghiệp cho bà Micôbơ! Bà bảo tôi rằng bà đã làm mọi cách, và riêng tôi, tôi cũng tin thế. Trước cửa giữa treo một cái biển đồng to tướng, trên đấy khắc mấy chữ “Trường học có ký túc xá của bà Micôbơ dành cho nữ sinh”. Nhưng tôi chưa bao giờ thấy một cô học trò nào học ở đấy, cũng chưa hề thấy một cô nào đến, hay có ý đến đấy, hay trong nhà có một sự chuẩn bị tối thiểu nào để đón một cô gái nào. Những người khách duy nhất mà tôi thấy, hay tôi nghe nói đến là chủ nợ. Họ thường đến bất kỳ giờ giấc nào và trong số này hẳn thú (tôi chắc anh là một thợ đóng giấy) thường lách vào hành lang từ bảy giờ sáng và nói lên gác cho ông Micôbơ nghe: “Thôi đi! Chưa đi ra sao? Trả tiền đi chứ! Đừng có ỉn nắp nữa, làm trò ấy xấu lắm! Nếu tôi ở vào địa vị ông thì tôi không muốn làm một người hèn hạ. Phải trả tiền cho chúng tôi, ông nghe không

? Phải trả tiền ngay ông nghe ôi, ông nghe không ? Phải trả tiền ngay ông nghe chưa !" Nhưng dù có lảng mạ như vậy cũng không được trả lời, nên anh ta nổi giận dùng đến chữ "đồ lừa gạt" rồi "đồ ăn cắp". Và vì những danh từ này cũng không có tác dụng gì cho nên đôi khi anh ta sang bên kia đường, rồi nhả vào cái cửa sổ của tầng thứ hai mà hét vì anh ta biết ông Micôbơ ở đấy. Trong những lúc này, ông Micôbơ thường đau xót và buồn bực đến nỗi có một lần (tôi biết vì nghe tiếng kêu thất thanh của bà vợ) ông lấy dao cạo để tự sát. Những chỉ trong không đầy sức cẩn thận rồi bước ra ngoài ngao một bài hát với cái vẻ trang nhã hơn bao giờ hết. Tính khí của bà Micôbơ cũng hay thay đổi như thế. Tôi nhớ có một lần bà ngắt đi lúc ba giờ chiều vì người ta đến đòi tiền thuê trực thu. Nhưng đến bốn giờ chiều, tôi lại thấy bà ăn sườn dê với bánh mì và uống rượu mạch hâm nóng (sau khi đã đem cầm hai thìa trà ở nhà cầm đồ). Có một lần, tôi trở về nhà sớm hơn vào lúc sáu giờ sau khi người ta đã tịch biên gia sản, tôi thấy bà nằm (có vẻ nhiên ở trong tay vẫn có một đứa con sinh đôi) cạnh lò sưởi bên tường, đầu tóc bơ phờ phủ cả mặt. Nhưng lại không bao giờ tôi thấy bà vui vẻ hơn buổi tối hôm ấy, khi bà ăn sườn dê trước bếp lò và kể chuyện cho tôi nghe về ông cụ và bà cụ thân sinh cũng như về bạn bè của gia đình ông cụ thân sinh.

Tôi sống trong nhà với gia đình tất cả những lúc rảnh. Bữa ăn sáng của tôi gồm một bánh giá một đồng pen-ni và một đồng pen-ni sữa do tôi trả tiền. Tôi lại cắt một cái bánh mì nhỏ khác và một miếng pho mát ở trên một cái ngăn riêng của một cái tủ đồ để ăn tối khi ban đêm

tôi trở về. Tôi rất biết điều này làm thành một lỗ hổng trong số sáu hay bảy si-linh, tôi ở nhà kho suốt ngày và tôi phải dùng số tiền ấy để tiêu pha trong suốt cả tuần. Từ sáng thứ hai cho đến tối thứ bảy, tôi chẳng được một lời bàn, một lời khuyên, một lời an ủi, chẳng được sự giúp đỡ, sự che chở nào của bất cứ ai, điều đó cũng khó như muốn lên thiên đường vậy.

Bấy giờ tôi còn trẻ con ngây thơ và thiếu tư cách (làm sao có thể khác được?" không thể đảm nhiệm toàn bộ sự chi phí về sinh hoạt, cho nên nhiều khi buổi sáng trên đường đi đến công ty Moxton và Grinbi tôi không sao chống lại được sức quyến rũ của những chiếc bánh ngọt tốt qua bán hạn giá nửa pen-ni một chiếc ở cửa hàng bánh ngọt và tôi bỏ tiền ra mua bánh ngọt mà không nghĩ đến việc dùng số tiền ấy để ăn trưa. Những ngày ấy, tôi nhịn buổi trưa hay mua một ổ bánh mì hay một khoanh put đinh. Tôi nhớ có hai cửa hiệu put đinh tôi thường đến tùy theo tình hình kinh tế. Một hiệu ở trong cái sân cạnh nhà thờ Xanh Máctanh ở đằng sau nhà thờ và bây giờ đã rời hẳn đi nơi khác. Bánh put đinh khá đặc biệt nhưng phải cái đắt tiền, hai pen-ni của nó cũng không lớn hơn một penni của thứ put đinh thường. Một hiệu khác cũng khá về mặt put đinh là ở Xtrandơ, ở mỗi chỗ ngày nay đã xây dựng lại. Đó là thứ put đinh màu tro, nặng và mềm với những hạt nhỏ khô dẹt, dính rải rác cách nhau rất xa ở trên mặt. Mỗi ngày vào khoảng tôi ra đi thì bánh này cũng vừa nấu xong, nóng hôi hổi và có nhiều bữa tôi ăn trưa bằng thứ bánh này. Khi nào ăn đang hoàng và sang thì tôi chén một khúc lap xường khô và một pen-ni bánh mì hay một đĩa thịt bò

nấu đỏ ở cửa hàng ăn giá bốn pen-ni, hay một đĩa bánh mì phết pho mát và uống một cốc bia mua trong quán rượu tồi tàn và cũ kỹ đối diện với chỗ làm việc của chúng tôi, gọi là quán “sư tử” hay là “sư tử” với cái gọi đó nhưng tôi đã quên mất. Có một lần, tôi nhớ tôi cấp cấp bánh mì ở tay (bánh mì này tôi đã mua từ nhà lúc sáng) quán trong một tờ giấy trông như một quyển sách và đến một hàng thịt bò trứ danh ở gần ngõ Đruri và bảo dọn “Một đĩa thịt bò nhỏ” ăn với bánh mì. Tôi không hiểu anh hầu bàn nghĩ gì khi anh thấy một chú tiểu quỷ kỳ quái như vậy bước vào một mình, nhưng ngay giờ đây tôi vẫn còn có thể thấy anh trở mặt nhìn tôi trong khi tôi ăn bữa trưa và kéo những người hầu bàn khác đến nhìn. Tôi cho anh ta một đồng nửa pen-ni tiền phong bao nhưng tôi rất mong rằng anh ta không nhận.

Chúng tôi được nghỉ nửa giờ để uống nước trà. Khi nào túi tiền kha khá, tôi thường mua một cốc cà phê pha sẵn và một khoanh bánh mì phết bơ. Khi nào không có tiền, tôi thường “nhìn các đĩa thịt nai ở đường phố Pholit hay là tôi đi lang thang đến chợ vườn tu viện nhìn những quả dưa. Tôi rất thích đi quanh quán ở Adenphi bởi vì đó là một nơi thần bí với những vòm cầu âm u. Đến nay, tôi vẫn còn thấy một buổi sáng mai tôi từ một cái vòm cầu kia xuất hiện ra để đi đến một quán rượu cạnh bờ sông với một khoảng đất trống đằng trước, ở đấy một số người khuôn vác thân đang khiêu vũ và tôi ngồi trên một cái ghế dài để nhìn họ. Tôi không hiểu họ nghĩ gì về tôi.

Tôi còn trẻ con quá và nhỏ quá cho nên nhiều khi tôi vào quầy hàng một cốc bia để nuốt trôi thức ăn bữa trưa thì

người ta ngại không muốn đưa rượu cho tôi. Tôi nhớ có một buổi chiều nóng nực tôi bước vào quầy hàng của một tiệm rượu và tôi nói với ông chủ hiệu.

“ở đây thứ bia thượng hạng, thượng hảo hạng giá bao nhiêu?”

Đây là một trường hợp đặc biệt, tôi không hiểu trường hợp nào. Có thể hôm ấy là ngày sinh nhật của tôi. Ông chủ nhiệm nói.

“Bia thượng hạng giá hai pen-ni rưỡi một cốc”

Tôi đưa tiền ra và nói

“Vậy thì ông rót cho tôi một cốc bia thượng hạng, bọt lên cao quá cốc”.

Ông chủ nhiệm nhìn tôi từ đầu đến chân trong khi ông ngồi ở quầy hàng trên mặt nở một nụ cười tò mò. Ông ta không rót rượu mà quay mình nhìn sang phía bình phong và nói điều gì với bà vợ. Bà vợ ở sau bình phong bước ra, tay vẫn cầm đồ vật bà đang làm, và cùng ông theo dõi tôi. Hiện nay tôi vẫn thấy ba người chúng tôi đứng trước mắt. Ông chủ hiệu mặc áo sơ mi dựa vào khung cửa sổ quầy hàng, bà vợ nhìn qua cái cửa nhỏ, còn tôi thì lúng túng đứng ngoài quầy hàng ngược mắt nhìn họ. Họ hỏi tôi nhiều câu hỏi: chẳng hạn tên tôi là gì, bao nhiêu tuổi, làm việc gì và tại sao đến đây. Đối với những điều có thể liên can đến người khác thì tôi bịa ra những câu trả lời mà tôi cho là thích hợp. Họ rót rượu cho tôi uống, mặc dầu tôi ngỡ đó không phải là bia thượng hảo hạng. Đoạn bà chủ hiệu mở cửa quầy hàng, cúi xuống trả tiền lẻ lại cho tôi và hôn tôi, nửa phục và nửa thương hại, nhưng tôi tin chắc rằng hoàn toàn xuất phát từ lòng của một người đàn bà.

Không, tôi không phóng đại một cách vô ý thức hay vô tâm về sự túng thiếu về kinh tế cũng như về những khó khăn trong cuộc sống của tôi. Tôi biết rằng nếu như ông Kiniôn thỉnh thoảng có cho tôi một si-linh thì tôi lại đem lại tiêu vào bữa ăn trưa hay lúc uống trà. Tôi biết rằng tôi làm việc từ sáng đến tối với những người lớn và những đứa trẻ bình thường ăn mặc lam lũ. Tôi biết rằng tôi đi lang thang ngoài phố ăn uống thiếu thốn và tồi tàn. Tôi biết rằng nếu không có lòng từ bi của thượng đế thì tốt rất dễ dàng biến thành một thằng bé ăn cắp hay một thằng ma cà bông bởi vì không có ai săn sóc gì đến tôi hết.

Tuy vậy, tôi vẫn còn có một địa vị tương đối ở công ty Moxton và Grinbi. Không kể ông Kiniôn cố gắng đối xử với tôi không phải như đối với những người khác, mặc dầu ông ta rất lơ đãng và rất bận việc và ở trong một tình trạng bất thường như thế, tôi không bao giờ cho một người nào hay một đứa trẻ nào biết tại sao tôi lại ở đây, tôi cũng không bao giờ tỏ cho họ biết tôi buồn bã vì phải ở đây. Ngoài tôi ra, không ai biết rằng tôi đau khổ âm thầm và cùng cực. Như tôi đã nói ở trên, tôi không đủ sức để nói tôi đã biết rằng nếu tôi làm việc không thành thạo như những người khác thì thế nào cũng bị chửi bới và khinh bỉ.

Chẳng bao lâu, ít nhất tôi cũng nhanh nhẹn và thông thạo như hai đứa trẻ kia ở đấy. Mặc dầu tôi hết sức thân mật với họ, hành vi và thái độ của tôi cũng khác họ và do đó ở giữa chúng tôi vẫn có một khoảng cách. Các cậu này và những người lớn thường gọi tôi là “ông nhỏ” hay gọi là “chú bé Xăppóc”. Có một người tên là Grêgôti coi những người khiêng hòm và một người khác tên là Típ làm nghề

đánh xe, mặc một cái áo chèn đỏ, đôi khi gọi tôi là “Đêvit” nhưng tôi nhớ chỉ nói trong những trường hợp rất tâm sự, trong khi tôi cố gắng đem những câu chuyện đã đọc và đang nhanh chóng mất dần trong ký ức để giải trí cho họ. Có một hôm Khoai Bọt bất bình muốn chống lại vì cậu thấy tôi được biệt đãi như vậy, nhưng Mich Oancơ giải quyết ngay vấn đề trong chốc lát.

Tôi nhận thấy không còn có hy vọng gì thoát khỏi sách sống này và tôi đã hoàn toàn bị bỏ rơi. Tôi tin chắc rằng tôi không thể nào chịu yên phận dù chỉ trong một tiếng đồng hồ về cuộc sống vô cùng cực khổ này. Nhưng tôi chịu đựng nó, và tôi không bao giờ nói sự thực trong những bức thư gửi cho chị Pécgôti, một phần vì tôi yêu chị, một phần vì xấu hổ, mặc dầu chúng tôi viết cho nhau nhiều thư.

Cảnh túng bấn của ông Mécôbơ lại càng làm cho tình trạng tinh thần của tôi thêm tuyệt vọng. Trong hoàn cảnh tứ cô vô thân, tôi đã trở thành rất gắn bó với gia đình này và khi lang thang tôi thường suy nghĩ miên man về những tính toán chi tiêu của ông Micôbơ, lòng nặng trĩu những món nợ của ông. Những buổi tối thứ bảy, là những tối sung sướng nhất của tôi, một phần vì được trở về nhà với sau hay bảy si-linh trong túi, mất dán vào các hiệu và nghĩ xem với số tiền như vậy tôi có thể mua được thứ gì, và đó là một niềm vui lớn, một phần, bởi vì tôi về nhà sớm. Lúc ấy bà Micôbơ thường thổ lộ cho tôi biết những điều tâm sự đau đớn nhất, cũng như vào buổi sáng chủ nhật khi tôi quấy cái phần chè hay cà phê tôi đã mua tối qua cất trong một chiếc bình nhỏ đựng nước cạo râu và tôi

ngồi ăn sáng muộn hơn. Tôi vẫn thường thấy ông Micôbơ nức nở khi bắt đầu những câu chuyện tối thứ bảy như thế để kết thúc bằng một bài hát trong đó có Nan xinh đẹp làm thành nguồn vui của chàng Jack. Tôi đã từng thấy ông ta trở về nhà ăn tối, khóc sụt sùi và tuyên bố rằng bây giờ chỉ còn một cách là vào tù, nhưng đến khi đi ngủ lại tính xem muốn làm những cửa sổ nhỏ rang ngoài thì mất bao nhiêu tiền nếu như có dịp may (như ông thường vẫn nói) và bà Micôbơ cũng in hệt như vậy.

Một tình trạng bình đẳng kỳ quái trong tình bạn đã xuất hiện, có lẽ là do cảnh ngộ chúng tôi tương tự như nhau, mặc dầu giữa chúng tôi có tình trạng chênh lệch buồn cười về tuổi. Nhưng tôi không bao giờ chịu để cho họ mời tôi ăn và uống bằng thức ăn thức uống của họ (tôi biết rằng xung đột với ông hàng thịt và ông hàng bánh và bản thân họ cũng không có nhiều nhận gì) cho đến khi bà Micôbơ xem tôi là một người hết sức thân tín. Một buổi tối bà bảo tôi:

“Cậu Copophin ạ, tôi không muốn xem cậu là người xa lạ, vì vậy tôi không ngần ngại nói cho cậu biết rằng những khó khăn của ông Micôbin đã đến chỗ nguy ngập”

Nghe nói thế, tôi cảm thấy rất đau xót và ngược mắt nhìn đôi mắt đỏ ngầu của bà Micôbơ, lòng hết sức ái ngại, Bà Micôbơ nói:

“Trừ một mẫu pho mát Hà lan không thích hợp với nhu cầu của bọn trẻ nhỏ thì ở trong tủ thức ăn chẳng còn miếng gì nữa. Tôi vẫn quen dùng danh từ tủ thức ăn khi tôi sống với ông bà cụ thân sinh và ở đây tôi dùng nó hầu như vô ý thức. Điều tôi muốn nói là trong nhà không còn gì ăn

nữa”.

“Trời ơi !” tôi nói sững sờ.

Trong túi tôi có hai hay ba si-linh tiền lương hàng tuần còn lại - căn cứ vào đó mà xét thì hôm chúng tôi nói chuyện phải là tối thứ tư. Tôi vội vàng đưa số tiền ra, thành khẩn xin bà Micôbơ tạm vay. Nhưng bà hôn tôi, bắt tôi bỏ lại tiền vào túi và trả lời rằng bà không thể nào nghĩ đến việc đó. Bà nói.

“Không đâu, cậu Copoplin ạ, tôi tuyệt đối chẳng nghĩ đến điều đó. Nhưng cậu là người khôn sớm hơn tuổi, cậu có thể giúp tôi một việc khác nếu như cậu muốn, và tôi rất cảm ơn cậu nếu cậu giúp tôi”

“Tôi yêu cầu bà Micôbơ cho biết việc đó là việc gì.
Bà Micôbơ nói:

“Tôi đã tự tay mình bán đồ bát đĩa bằng bạc. Sáu thìa trà, hai bình muốn, một cái cặp gắp đường và nhiều lần chính tay tôi đã vay tiền một cách bí mật. Nhưng hai cháu sinh đôi rất bận, và đối với tôi, mỗi khi nhớ đến ông bà cụ thân sinh, thì việc bán chác này làm tôi rất khổ tâm. Trong nhà, còn một vài đồ vật có thể bán được Anh Micôbơ không bao giờ nỡ đem đi bán và Clíkét (tên cô gái ở nhà tập nghề) thì tính tình thô lỗ, tôi sợ nó tự do quá trốn nếu người ta tin cậy nó quá. Cậu Copoplin ơi, không biết tôi có thể nhờ cậu được không”

Bấy giờ tôi đã hiểu bà Micôbơ muốn gì, và tôi yêu cầu bà cứ tận dụng tôi như thế nào cũng được. Ngay từ tối hôm đó, tôi bắt đầu bán hàng những vật dễ khiêng nhất ở trong nhà, và hầu như sáng nào tôi cũng ra đi làm công việc ấy trước khi đến công ty Mócxtôn và Grinbi.

Ông Micôbơ có một ít sách ở trên một cái tủ áo nhỏ mà ông gọi là cái “thư viện” của ông và những quyển sách này được mai đi trước. Tôi lần lượt mang hết quyển này đến quyển khác, đến một hàng sách ở đường Đô thị (một phần của con đường này cạnh nhà chúng tôi lúc bấy giờ gồm toàn là hàng sách và hàng bán chịu) và họ trả bao nhiêu thì tôi bán bấy nhiêu. Chủ hiệu sách này sống trong một cái nhà nhỏ ở đằng sau hiệu, đêm nào cũng say bí tỉ và sáng nào cũng bị vợ mắng nhiếc thậm tệ. Nhiều lần, khi tôi đến đây sớm, tôi phải yết kiến ông ta bên ghế xếp, trên trán ông ta là một vết thương hay một con mắt bị thâm tím chứng tỏ đêm qua ông đã quá chén (tôi sợ rằng lúc này ông hay cãi cò), và bàn tay run rẩy ông cố gắng tìm cho tôi những đồng si ling cần thiết ở một trong những túi áo quần của ông đang vương vãi ở trên sàn, trong khi bà vợ tay bế một đứa bé và đi đôi giày mòn cả đế, vẫn mắng ông như tát nước. Đôi khi, ông bỏ mất tiền và bảo tôi lần khác lại đến, nhưng bà vợ bao giờ cũng có một ít tiền - tôi có thể nói rằng bà lấy tiền của chồng trong khi ông say - đã bí mật giải quyết xong việc buôn bán này ở cầu thang gác khi chúng tôi cùng nhau bước xuống cầu thang.

Tôi cũng bắt đầu thành một nhân vật rất quen thuộc ở hàng cầm đồ. Người làm công chủ yếu làm việc đằng sau quầy hàng rất chú ý đến tôi và tôi nhớ ông thường bắt tôi đọc cho ông ta nghe hệ biến cách của một danh từ hay một tính từ la-tinh, hay bắt tôi đọc cách biến ngôi của một động từ la-tinh trong khi ông ta mua đồ của tôi. Sau mỗi lần việc giao dịch như vậy, mà Micôbơ tổ chức một bữa tiệc nhỏ, thường thường là bữa ăn tối, những bữa ăn này có

một hương vị đặc biệt mà tôi còn nhớ rất rõ.

Cuối cùng, những khó khăn của ông Micôbơ đã đi đến mức nguy ngập và một buổi sáng, từ sáng sớm ông ta đã bị bắt đưa đến nhà tù Tối cao Pháp viện ở khu phố. Khi bước chân ra khỏi nhà, ông nói với tôi rằng ông tan nát và mệt vụn, và tôi cũng thành thực tin rằng ông tan nát và lòng tôi cũng vậy. Nhưng sau đó, tôi lại nghe rằng người ta thấy chiều hôm ấy ông ta chơi cầu trụ⁽¹⁾ rất vui vẻ.

Ngày chủ nhật đầu tiên, sau khi ông Micôbơ bị đem đến đây, tôi có nhiệm vụ đến thăm và ăn trưa với ông. Tôi phải hỏi đường đến một nơi nào đó nhưng trước khi đến đây tôi phải đến một nơi khác, và trước khi đến cái nơi thứ hai này tôi phải đi qua một cái sân và cứ đi thẳng mãi cho đến lúc gặp người cai ngục. Tôi cứ theo những lời chỉ dẫn của ông ta mà đi cho đến khi cuối cùng tôi gặp người cai ngục (thực tội nghiệp cho tôi lúc bấy giờ chỉ là một đứa trẻ!). Tôi nghĩ đến việc Rôđơrich Ransom xưa kia cũng ở tù vì nợ và con người chỉ có một mảnh giẻ rách che thân cùng ở với ông, rồi mắt tôi mờ đi, tim tôi đập mạnh, hình ảnh người cai ngục trôi bập bênh trước mắt tôi.

Ông Micôbơ đang đợi tôi ở đằng sau cách cổng và chúng tôi bước lên phòng ông (tầng gần cuối) và chúng tôi khóc suốt suốt. Tôi nhớ ông Micôbơ trình trọng khuyên tôi hãy nhìn đời ông đấy mà làm gương và phải biết rằng nếu một người một năm kiếm được hai mươi bảng mà tiêu mười chín bảng, mười chín si linh và sáu pen-ni thì anh ta

⁽¹⁾ Cầu trụ: Trò chơi gồm chín khúc gỗ đặt đứng, người chơi đánh hòn ban vào cho đổ những khúc này.

sướng nhưng nếu tiêu hai mươi bằng một pen ni thì anh ta sẽ khổ cực. Ngay sau đó, ông ta vẫn vay tôi một si-linh để mua bia đen uống, viết một cái giấy cho bà Micôbơ trả số tiền ấy rồi lại bỏ khăn tay vào túi có vẻ cao hứng.

Chúng tôi ngồi trước một ngọn lửa nhỏ với hai viên gạch đặt ở trong hàng song sắt gỉ, mỗi viên một bên để không đốt quá nhiều than, cho đến lúc một người mắc nợ khác cũng ở một phòng với ông Micôbơ ở lò bánh mì về tay cầm một miếng thịt cừu làm bữa ăn chung tiền của chúng tôi. Rồi người ta đưa tôi lên gặp “Đại úy Hốpkinx” ở phòng tầng trên với lời chào của ông Micôbơ để nói rằng tôi là người bạn trẻ của ông ta và nhờ “Đại úy Hốpkinx” cho tôi mượn một con dao và một cái nĩa.

“Đại úy Hốpkinx” đưa dao, nĩa cho tôi và gửi lời chào ông Micôbơ. Trong phòng nhỏ này có một bà rất bản thủý và hai cô gái đầu bù tóc rối. Tôi nghĩ bụng đến mượn dao và nĩa của “Đại úy Hốpkinx” hơn là mượn lược của ông ta. Bản thân “Đại úy” cũng bệ rạc hết chỗ nói với bộ ria mép to tướng và một cái áo khoác rộng màu nâu, nhưng ở dưới không có áo ngắn nào nữa. Tôi thấy cái giường của ông ta được quấn tròn ở một góc phòng và tất cả cái gì gọi là bát đĩa và bình đặt ở trên bàn một cái giá. Và tôi đoán (tại sao tôi đoán như vậy hoá có trời biết !) mặc dầu hai cô gái đầu bù tóc rối là con gái “Đại úy Hốpkinx” nhưng người đàn bà bản thủý thì không phải là vợ ông ta. Tôi chỉ đứng rụt rè ở ngưỡng cửa nhiều lắm không quá hai phút, nhưng tôi đi xuống với điều nhận xét ấy và tôi tin cũng chắc chắn như tin rằng con dao và cái nĩa đang nằm trong tay tôi.

Dầu sao, bữa ăn trưa ấy cũng có một cái gì giang hồ phiêu lãng và thú vị. Tôi lại mang trả dao nĩa cho “Đại uý Hốpkinx” rất sớm vào buổi chiều và về nhà cho bà Micôbơ nghe câu chuyện đi thăm của tôi để an ủi bà. Bà ngất đi khi thấy tôi trở về, sau đó bà nấu một bình nước trứng gà để an ủi chúng tôi trong khi trò chuyện.

Tôi không hiểu đồ đạc trong nhà được bán đi để giúp gia đình này bằng cách nào và ai bán đi, tôi chỉ biết một điều là tôi không làm. Tuy vậy, tất cả đều được bán đi và chở đi trong một cái xe ba gác, chỉ để lại cái giường, cái ghế và cái bàn ở nhà bếp. Kết quả chúng tôi di chuyển với những tài sản ấy đến ở hai phòng khách của gian nhà trống ở phố Uynxo Terâyxơ. Bà Micôbơ, bốn con và cô con gái mồ côi và tôi sống ở đấy cả ngày lẫn đêm. Tôi không có một kỷ niệm nào về chỗ chúng tôi ở đấy bao lâu mặc dầu tôi có cảm tưởng đã sống một thời gian dài. Cuối cùng bà Micôbơ quyết định dời khỏi đến ở trong nhà tù vì bây giờ ông Micôbơ đã có một gian phòng riêng ở đấy. Tôi cầm chìa khoá nhà đưa đến cho ông chủ nhà và ông ta rất vui mừng nhận được chìa khoá và các giường đều được đem đến Tối cao Pháp viện trừ cái giường của tôi, và người ta tìm cho tôi một phòng nhỏ ở gần “cơ quan” này. Điều này làm cho tôi rất thích vì từ lâu và gia đình Micôbơ đã thành quen biết thân thiết trong cảnh ngộ túng bần nên không nỡ chia tay. Người ta cũng tìm cho cô gái mồ côi một chỗ rẽ tiền ở gần đấy. Chỗ ở của cô là một gian phòng sát mái đằng sau nhà, nó yên tĩnh và có cái mái nghiêng nhìn ra quang cảnh thú vị của một công trường gỗ, và khi tôi làm chủ gian phòng này, nghĩ đến những khó khăn của

ông Micôbơ bây giờ đã lên được cực điểm, tôi tưởng rằng tôi ở thiên đường.

Suốt thời gian này, tôi vẫn làm việc ở công ty Moxtôn và Grinbi, làm cái việc tầm thường ấy với những người bạn tầm thường ấy trong đầu vẫn mang cái ý nghĩ không thay đổi về sự sa sút bất công của tôi như lần mới đến. Nhưng không bao giờ (Và chắc chắn đó là một điều may mắn cho tôi) tôi làm quen với một ai hay nói chuyện với một trong nhiều đứa trẻ mà ngày nào tôi cũng thấy, khi đi đến nhà kho, khi trở về nhà, hay đi lang thang ngoài phố trong giờ ăn. Tôi vẫn sống cuộc đời bất hạnh âm thầm ấy, nhưng tôi vẫn sống cô độc, bao giờ cũng chỉ tin vào mình như trước. Tôi nhớ rằng những điều thay đổi duy nhất là: thứ nhất, áo quần của tôi càng bệ rạc hơn trước, thứ hai tôi khỏi cái gánh nặng vì phải lo lắng về ông bà Micôbơ bởi vì một số bà con và bạn bè của ông đã giúp đỡ cho ông trong tình trạng gay go trước mắt, nên ở trong ngục gia đình ông sống một cuộc sống có phần sung túc hơn mấy lâu nay ở ngoài. Tôi thường ăn sáng với họ, dựa vào một sự thu xếp nào đó mà tôi quên mất chi tiết. Tôi cũng quên giờ nào thì cổng ngục mở buổi sáng cho phép vào, nhưng tôi biết rằng tôi thường dậy lúc sáu giờ và nơi tôi thích đi chơi nhất trong khi chờ đợi là cái cầu Luân đôn cũ kỹ, tôi thường ngồi trong một cái hốc đá ở cầu nhìn người ta đi qua đi lại, hay dựa vào lan can nhìn mặt trời chiếu lấp lánh trên nước và làm sáng rực ngọn lửa vàng chói trên đỉnh đài kỷ niệm. Cô gái mồ côi đôi khi gặp tôi ở đấy và yêu cầu tôi kể cho chị ta nghe những câu chuyện quái lạ về các bến tàu và về ngọn tháp Luân đôn, về những câu chuyện này tôi chỉ có

thể nói rằng bản thân tôi hy vọng rằng chính tôi cũng tin. Buổi chiều tôi thường trở về ngục và cùng với ông Micôbơ đi bách bộ ở sân hay đánh bài với bà Micôbơ và nghe bà kể chuyện về ông bà cụ thân sinh. Ông Mọcxtôn có biết tôi ở đâu không, tôi không thể khẳng định. Nhưng tôi không bao giờ nói những điều đó với những người ở công ty Mọcxtôn và Grinbi.

Những khó khăn của ông Micôbơ mặc dầu đã qua khỏi điểm khủng hoảng nhưng cũng còn rất gay go do một đạo luận nào đó mà tôi thường nghe nói đến nhiều. Theo sự xét đoán của tôi hiện nay thì có lẽ là do một bản giao ước nào đó của ông ta với chủ nợ, mặc dầu đến nay tôi cũng không hiểu cho rõ đó là cái gì. Tôi nhớ rằng trước đây tôi vẫn lẫn lộn bản này với những thứ giấy tờ quý quái mà người ta cho rằng có một thời rất lưu hành ở Đức⁽¹⁾. Cuối cùng văn kiện này không có hiệu lực nữa, tôi thấy không rõ vì có gì nhưng ít nhất thì nó cũng không còn là một trở lực đáng sợ như trước; và bà Micôbơ báo cho tôi biết “gia đình bà” đã quyết định rằng gia đình anh Micôbơ phải làm đơn để xin được tha căn cứ vào đạo luận đối với những người mắc nợ không trả được, và như thế thì theo như bà dự đoán, trong vòng sáu tuần lễ nữa thì ông sẽ được tự do.

Bấy giờ ông Micôbơ ngồi ở đấy nói:

“Và lúc đó, cố nhiên nhờ tôi tôi sẽ sống hoàn toàn khác hẳn, vì tôi không còn mắc nợ nữa, nếu như tóm lại tôi gặp may”

⁽¹⁾ Nói đến những chuyện hoang đường về đề tài Fauxtơ ký giao kèo với quỷ sư.

Tôi nhớ rằng lúc bấy giờ... để ứng phó với những trường hợp có thể xảy ra, để đừng bỏ qua một dịp may nào hình như ông Micôbơ có thảo một lá đơn thỉnh cầu lên Hạ viện yêu cầu sửa một điểm đạo luận những người tù nọ. Tôi ghi lại đây cái kỷ niệm này vì đối với tôi nó nêu rõ cách tôi kết hợp những điều tôi đọc sách trong sách ngày trước với sự thay đổi trong cuộc sống hiện nay của tôi và cách tôi xây dựng những câu chuyện với người đàn bà mà tôi thấy. Nó cũng nêu rõ một số điểm chính của tính cách (mà tôi sẽ nêu bật một cách ngẫu nhiên trong khi tôi viết tự truyện của đời tôi) đã hình thành dần dần từ lúc đó như thế nào.

Trong nhà tù này có một câu lạc bộ, trong đó ông Micôbơ là một nhân vật rất có uy tín vì ông là một nhân sĩ. Ông Micôbơ đã trình bày đại ý của tờ thỉnh cầu với câu lạc bộ và câu lạc bộ nhiệt liệt tán thành. Vì vậy, ông Micôbơ (vốn là người rất tốt bụng và tích cực đối với bất kỳ việc gì trừ những việc của bản thân ông và không bao giờ vui sướng cho bằng lúc ông làm một việc không đưa đến cho ông một lợi ích nhỏ nào) bắt đầu chuẩn bị thảo bản thỉnh cầu. Thảo xong ông ta lại chép lại bằng chữ lớn trên một tờ giấy to tương, trải nó trên bàn và định giờ cho đến cả câu lạc bộ và tất cả những người trong ngục đến phòng ông ta và ký tên vào đấy nếu như họ muốn.

Khi tôi được tin lễ này sắp cử hành, tôi rất nóng ruột muốn thấy tất cả lần lượt bước vào (mặc dầu tôi đã quen một phần lớp và họ cũng quen tôi) đến nỗi tôi xin nghỉ một giờ ở công ty Moxtôn và Gribi và đứng ở một góc nhà để xem.

Tất cả những thành viên chính trong câu lạc bộ có

thể lọt vào cái gian phòng nhỏ bé ấy đều bao quanh ông Micôbơ, trong khi ông ta đang đứng trước bàn thính cầu và ông bạn già của tôi, đại úy Hốpkinx (ông ta đã tắm rửa để làm vinh dự cho ngày lễ long trọng này) đứng sát một bên để đọc nội dung bản thính cầu cho tất cả những người không biết nghe rõ. Cánh cửa lớn rộng mở, toàn thể mọi người bắt đầu bước vào thành một hàng dài... Nhiều người đứng đợi bên ngoài trong khi chỉ một người bắt đầu bước vào phóng ký tên rồi lại đi ra. Đại úy Hốpkinx lần lượt hỏi từng người: “Ông đã đọc nó chưa ? “Chưa” “Ông có muốn tôi đọc nó không ?” Nếu người kia tỏ vẻ muốn nghe thì - Đại úy Hốpkinx đọc lên sang sảng từ đầu chí cuối không bỏ sót một chữ. Đại úy sẵn lòng đọc nó hai vạn lần nếu như có hai vạn người lần lượt muốn nghe ông ta. Tôi còn nhớ cái giọng ngọt ngào của ông khi ông đọc những câu như : “Các vị đại biểu nhân dân họp tại quốc hội” “Chúng tôi, những người viết bản thính cầu này kính cẩn thỉnh cầu quý vị” “Những thần dân bất hạnh của Hoàng đế”... dường như những lời nói này là những vật ngọt ngào ở trong miệng. Trong lúc đó, ông Micôbơ đưa mắt nhìn lơ đãng lên cái tường trước mắt lắng tai nghe với cái vẻ đặc chí của một tác giả.

Trong khi ngày ngày tôi đi từ đường Nam-oác đến đường Blacfrai và ngược lại, và lang thang trong những giờ ăn cơm trên những con đường tối tăm mà có lẽ những hòn đá của nó đến nay vẫn còn mang dấu vết những bước chân trẻ con của tôi, đoàn người kia vẫn đi qua trước mắt tôi cùng với giọng nói của đại úy Hốpkinx và tôi ngạc nhiên tại sao mình còn nhớ nhiều như vậy? Khi tôi hỏi tường lại

cái thời u buồn nặng nề của ngày ấu thơ, tôi ngạc nhiên tại sao những câu chuyện tôi đã tưởng tượng ra về những người này lại bao phủ những kỷ niệm chính xác như một lớp sương mù ? Ngày nay, tuy tôi bước đến những nơi ấy, tôi vẫn không ngạc nhiên khi nghĩ rằng trước mắt tôi có một đứa trẻ ngây thơ và lãng mạn kia đã tự tạo cho mình một thế giới tưởng tượng bằng những câu chuyện kỳ quặc và những việc hèn hạ như vậy.

Chương XII

SỞ THÍCH KIỂM KẾ SINH NHAI CỦA TÔI CÙNG KHÔNG TĂNG THÊM VÀ TÔI QUYẾT ĐỊNH MỘT VIỆC QUAN TRỌNG.

Sau một thời gian, bản thỉnh cầu của ông Micôbơ được chấp nhận và ông được tha theo đạo luật về những người mắc nợ bị phá sản, điều đó làm tôi vui sướng vô cùng. Các chủ nợ của ông cũng không phải là khắc nghiệt và bà Micôbơ cho tôi biết rằng ngay anh thợ giấy hần học cũng tuyên bố trước toà rằng anh không ghét bỏ gì ông, nhưng khi người ta mượn tiền anh thì anh muốn người ta trả. Anh nói anh cho rằng đó là bản tính con người.

Khi vụ này đã xong, ông Micôbơ trở về nhà ngục Tối cao Pháp viện để thanh toán một số tiền chi phí và làm một số thủ tục trước khi được hoàn toàn tự do. Câu lạc bộ niềm nở đón ông và tổ chức một buổi họp có hòa nhạc và tối hôm đó để chúc mừng ông trong khi bà Micôbơ và tôi ăn thịt bê chiên ở nhà và chung quanh chúng tôi là cả gia đình đang nằm ngủ. Bà Micôbơ nói:

“Cậu Copoplin ạ, tôi gặp dịp này mời cậu uống thêm

một ít bia ngũ vị để nhớ lại ông bà cụ thân sinh”

“Ông cụ, bà cụ mất cả rồi à ?” Tôi hỏi sau khi đã uống cốc rượu.

“Bà cụ tôi đã từ trần”, bà Micôbơ đáp “trước khi những khó khăn của anh Micôbơ bắt đầu hay ít nhất trước khi những khó khăn đã đến tình trạng quần bách. Ông cụ thân sinh tôi sống để làm người bảo đảm cho anh Micôbơ nhiều lần rồi sau đó từ trần và được nhiều người thương tiếc”

Bà Micôbơ lắc đầu nhỏ một giọt nước mắt chỉ hiệu lên trên đứa con sinh đôi bà đang bế.

Vì tôi thấy lúc này là cơ hội thuận tiện nhất để hỏi một câu hỏi liên quan mật thiết đến tôi, nên tôi nói với bà Micôbơ

“Bây giờ ông bà đều thoát khỏi khó khăn và được tự do vậy ông bà định làm gì ?” Ông bà đã quyết định chưa?”

“Gia đình tôi” (bà Micôbơ giờ cũng nói ba chữ này với cái vẻ trang trọng mặc dầu tôi không bao giờ hiểu được là muốn nói ai) gia đình tôi cho rằng anh Micôbơ phải rời bỏ thành Luân Đôn và đem tài năng dùng ở nhà quê. Anh Micôbơ là một người có tài cậu Copôphín ạ”.

Tôi nói rằng tôi cũng tin như vậy.

“Rất có tài” bà Micôbơ lặp lại “Gia đình tôi cho rằng nếu anh được chiếu cố một chút thì một người có tài như anh có thể làm một việc gì ở sở thuế quan. Vì gia đình tôi có thể lực ở đây, nên họ muốn rằng anh Micôbơ sẽ về Plaimao. Họ cho rằng nhất thiết anh phải về đây”

“Như thế để có thể sẵn sàng có phải không ?” tôi gợi ý.

“Đúng thế” bà Micôbơ đáp “Để có thể sẵn sàng khi có dịp may”

“Còn bà thì cũng đi chứ?”

Những biến cố ban ngày kết hợp với những đứa con sinh đôi, nếu không phải là rượu bia ngũ vị đã làm cho thần kinh của bà Micôbơ rối loạn. Bà chảy nước mắt và trả lời.

“Tôi quyết không bao giờ bỏ rơi anh Micôbơ. Anh Micôbơ lúc đầu có thể giấu tôi những khó khăn của anh, tính lạc quan của anh có thể làm cho anh tưởng lầm rằng anh có thể khắc phục được nó. Chuỗi ngọc trai và những chiếc xuyên mẹ tôi để lại, tôi đã bán đi không được nửa tiền và vật trang sức trên đầu bằng san hô là đồ cưới ba tôi cho tôi, nói trắng ra là cho không. Nhưng tôi sẽ không bao giờ rời bỏ anh Micôbơ. Không bao giờ!” Đến đây, bà Micôbơ kêu lên lại càng cảm xúc hơn bao giờ hết “Tôi không bao giờ làm thế, đừng có đòi hỏi tôi điều đó mà vô ích”

Tôi cảm thấy hết sức khó xử, bởi vì hình như bà Micôbơ cho rằng tôi đòi hỏi bà một điều gì như thế. Và tôi ngồi nhìn bà, kinh hãi.

“Anh Micôbơ cũng có khuyết điểm. Tôi không phủ nhận rằng anh giấu giếm không cho tôi biết tình hình nợ nần và tài sản của anh”. Rồi bà lại nhìn vào tường mà nói tiếp “nhưng tôi không bao giờ rời bỏ anh Micôbơ”.

Giọng bà Micôbơ bây giờ đã lên cao thành tiếng hét. Tôi hãi quá nên bỏ chạy vào phòng cầu lạc bộ và báo cho ông Micôbơ biết trong khi ông ta đang chủ tọa ở một cái bàn dài và đang chỉ huy ban đồng ca hát.

“Tiến lên, ngựa ơi !

Tiến lên nào, ngựa ơi,

Tiến lên ngựa ơi

Tiến lên, tiến lên, tiến !”

Nghe nói bà Micôbơ ở trong tình trạng đáng lo ngại, ông liền khóc và đi theo tôi trong khi áo gi-lê vẫn đầy những đầu tôm và đuôi tôm ông vừa ăn xong. Ông Micôbơ chạy xô vào phòng kêu lên “Emma yêu quý của anh có việc gì thế ?”

“Em không bao giờ bỏ anh, anh Micôbơ” bà ta kêu lên

Ông Micôbơ bế bà vào lòng và nói

“Anh là cha các con em, anh là cha của hai đứa sinh đôi, anh là người chồng em yêu quý” bà Micôbơ vừa nói vừa giẫy giụa “Em không bao giờ... rời bỏ anh Micôbơ”.

Ông Micôbơ rất xúc động trước cách biểu lộ tình chung thủy như thế (riêng về phần tôi, tôi khóc sụt nước), đến nỗi ông âm lấy bà tha thiết, cầu khẩn bà nhìn lên và hãy trấn tĩnh. Nhưng ông càng bảo bà Micôbơ nhìn lên thì bà lại càng không chịu nhìn, ông càng bảo bà trấn tĩnh thì bà lại càng không chịu trấn tĩnh. Kết quả, ông Micôbơ không nén nổi lòng thương xót và ông hòa lẫn nước mắt của ông với nước mắt của bà, của tôi, cuối cùng ông nhờ tôi làm ơn khiêng cho ông một cái ghế đến cầu thang, trong khi ông bế bà lên giường. Tôi cũng rút lui để về ngủ, hưng ông không muốn tôi làm thế trước khi chuông tiền khách rung lên. Vì vậy, tôi ngồi ở cửa cầu thang cho đến khi ông đi ra với một cái ghế khác và cùng ngồi với tôi. Tôi hỏi:

“Bà bây giờ như thế nào hở ông ?”

“Rất suy nhược” Ông Micôbơ lắc đầu và trả lời:

“Đây là phản ứng. Hôm nay dễ sợ quá ! Bây giờ chúng tôi tứ cố vô thân, không còn gì nữa”

Ông Micôbơ nắm chặt tay tôi rên rỉ rồi chảy nước mắt. Tôi cũng hết sức cảm động và thất vọng, bởi vì tôi tưởng đâu rằng chúng tôi sẽ hoàn toàn vui sướng nhân cái dịp vui sướng và mong đợi từ lâu. Nhưng theo tôi, ông bà Micôbơ vốn đã quen với những khó khăn bỗng cảm thấy như mình là những người đắm đuối. Tất cả cái vẻ nhanh nhẹn của họ đều biến mất và tôi chưa bao giờ thấy họ khổ sở như vào buổi tối hôm ấy đến nỗi khi chuông rung và ông Micôbơ cùng đi với tôi đến cửa phòng, từ biệt tôi và ban phúc cho tôi, tôi cảm thấy sợ hãi không muốn để ông ngồi một mình vì vẻ mặt ông thảm hại quá. Nhưng mặc dầu chúng tôi ở trong tình trạng hỗn loạn và tuyệt vọng (một điều tôi thực không ngờ đến), tôi vẫn sợ rằng ông bà Micôbơ sẽ rời bỏ Luân đôn và ngày biệt ly của chúng tôi đã đến gần. Chính tối hôm ấy khi về nhà, và trong những giờ mất ngủ kế tiếp theo khi đang nằm trên giường, một ý kiến nảy ra trong óc tôi (tôi không biết nó vào đầu óc tôi lúc nào) và sau đó thành một quyết định vững chắc.

Bấy giờ tôi đã quen sống với gia đình ông Micôbơ và đã thành một người thân thích đối với họ ở trong cảnh cùng khổ đến nỗi không có họ tôi cảm thấy hoàn toàn không có bạn bè. Nghĩ đến chuyện phải tìm một chỗ ở khác và phải sống một lần nữa giữa những người xa lạ, tôi cảm thấy cuộc sống tôi hiện nay lại bị phiêu bạt và kinh nghiệm đã cho tôi biết trước là thế nào. Tất cả những tình

cảm tế nhĩ của tôi đã bị cuộc sống này làm thương tổn nặng nề, tất cả cảnh nhục nhã và đau khổ dồn chứa trong lòng tôi càng thêm thất ruột khi tôi nghĩ đến điều đó, và tôi quyết định không thể nào chịu đựng cuộc sống này nữa.

Tôi thừa hiểu rằng nếu tôi không chủ động bỏ trốn thì tôi không hy vọng gì thoát khỏi nơi này. Tôi ít khi nghe tin tức về cô Mọcxtôn và không bao giờ nghe tin về ông Mọcxtôn. Nhưng chỉ có hai hay ba gói áo quần may sẵn hay đã vá được gửi cho tôi, nhờ ông Kiniôn giao lại, và trong mỗi ngày gói kèm thêm một mảnh giấy chỉ nói rằng cô Mọcxtôn hy vọng rằng Đêvit Copophin sẽ nỗ lực làm việc, đem toàn tâm toàn ý vào nhiệm vụ chứ tuyệt đối không hề nhắc gì đến điểm tôi có hy vọng gì thoát khỏi cái thân phận lao động tầm thường này đã thành số phận đã được quyết định đối với cô.

Ngày hôm sau, khi trong lòng tôi còn bị xáo động bởi cái ý nghĩ vừa nảy sinh, tôi nhận thấy rằng bà Micôbơ nói với tôi về việc ra đi không phải không có căn cứ. Họ thuê một căn nhà trong ngôi nhà tôi ở trong thời hạn một tuần lễ rồi sau đó sẽ đi Plaimao, Ông Micôbơ đến tận phòng giấy vào buổi chiều để báo cho ông Kiniôn biết vì ông ta đi nên phải buộc xa cách tôi. Ông ra sức tán dương tôi và tôi chắc rằng tôi cũng xứng đáng với lời tán dương ấy. Và ông Kiniôn gọi ông Típ là người đánh xe ngựa (ông này đã lập gia đình và có một cái phòng cho thuê). Ông Típ giữ sẵn một cái phòng này cho tôi thuê (ông có mọi lý do để nghĩ rằng cả hai chúng tôi đều tán thành bởi vì tôi không nói năng gì, mặc dầu điều quyết định của tôi đã dứt

khoái).

Buổi tối, tôi sống với ông bà Micôbơ trong thời gian chúng tôi còn sống cùng chung một nhà, và tôi cảm thấy rằng chúng tôi càng ngày càng gắn bó với nhau. Đến ngày chủ nhật cuối cùng, họ mời tôi ăn trưa. Hôm ấy, chúng tôi ăn thịt lợn, với sốt táo và bánh pút dinh. Tối hôm trước, tôi đã mua một con ngựa gỗ lốm đốm hoa để là con trai và mua một con búp bê cho cô bé Emma. Tôi cũng biểu chi mô côi sắp sửa thôi việc một sĩ-linh.

Hôm ấy, chúng tôi rất vui, mặc dầu tất cả đều rất cảm động vì cảnh biệt ly sắp đến. Bà Micôbơ nói

“Cậu Copophin ạ, mỗi lần hồi tưởng lại cái thời anh Micôbơ gặp khó khăn thế nào tôi cũng sẽ nghĩ đến cậu. Bao giờ cậu cũng tỏ ra hết sức ân cần và chu đáo. Cậu không bao giờ là một người ở trọ. Cậu là bạn”.

Ông Micôbơ nói:

“Cậu Copophin thân mến (gần đây ông thường quen gọi tôi như thế) có con tim biết thương xót nỗi khổ sở của đồng loại khi họ ở trong nghịch cảnh, óc cậu biết tìm kế hoạch, và tay cậu biết... tóm lại, biết bán các đồ đạc có thể bán được”

“Lời khen này làm cho tôi rất cảm động”, tôi nói “và tôi rất buồn vì phải xa nhau”

“Anh bạn nhỏ thân mến của tôi” ông Micôbơ nói “tôi nhiều tuổi hơn cậu, là một người có một ít kinh nghiệm ở đời và... có một ít kinh nghiệm, tóm lại về những khó khăn nói chung. Hiện nay và cho đến khi có dịp may (và điều này thì có thể nói tôi mong đợi từng giờ), tôi vẫn không có gì cho cậu ngoài những lời khuyên. Tuy vậy,

những lời khuyên của tôi cũng nên theo, bởi vì tóm lại, tôi không bao giờ theo nó và tôi thành ra..." đến đây, ông Micôbơ từ nãy vẫn tươi cười hớn hở bỗng nghiêm sắc mặt và cau mày "thành ra cái thằng khốn nạn, hèn hạ như cậu thấy".

"Ồ kìa anh Micôbơ !" bà vợ phản đối.

Ông Micôbơ hầu như giấu hẳn cử chỉ của mình và lại cười như trước, nói.

"Phải đấy thằng khốn nạn, hèn hạ như cậu thấy. Lời khuyên của tôi là như sau: đừng bao giờ hoãn đến ngày mai những việc mà cậu có thể làm hôm nay. Thời gian mất đi không bao giờ lấy lại được. Phải tóm lấy cổ nó".

"Đó là châm ngôn của ông cụ thân sinh tội nghiệp của tôi" bà Micôbơ nhận xét.

"Này mình !" ông Micôbơ nói "Ông cụ là một người hiếm có, và nếu tôi nói xấu ông cụ thì có trời phạt. Không bao giờ, tóm lại thấy có ai cao tuổi như thầy mà lại có đôi chân đi ủng oai vệ như thế, có thể đọc chữ sách in nhỏ xiu không cần kính như thế. Nhưng mình ạ, ông cụ đã áp dụng câu châm ngôn này vào đám cưới chúng ta, và do đó, đám cưới tổ chức quá sớm đến nỗi không bao giờ thanh toán được những khoản chi tiêu".

Ông Micôbơ liếc mắt nhìn bà Micôbơ rồi nói thêm

"Không phải anh hối tiếc điều đó đâu. Trái lại mình ạ"

Sau đó ông im lặng một vài phút ra vẻ nghiêm trang:

"Một lời khuyên nữa của tôi, cậu Copophin ạ, như cậu đã biết; thu nhập hàng năm hai mươi bảng, chi tiêu mười chín bảng, mười chín si-linh, sáu pen-ni. Kết quả:

hạnh phúc: Thu nhập hàng năm hai mươi bảng, chi tiêu hàng năm hai mươi bảng sáu pen-ni, kết quả khổ sở. Đóa hoa đã tàn, chiếc lá đã khô, vị thần may mắn biến mất trong cái cảnh u ám, tóm lại người ta vĩnh viễn bị đánh gục... như tôi đây”

Và để làm cho cái gương này thêm nổi bật, ông Micôbơ uống một cốc ngũ vị với cái vẻ rất thoải mái và thích thú và huýt một điệu nhạc học sinh.

Tôi liền cam đoan với ông ta rằng tôi sẽ nghĩ nhớ những chiêm ngôn này trong tâm khảm, mặc dầu thực ra, không cần phải làm như thế, bởi vì ảnh hưởng của nó đối với tôi cũng đã quá rõ rệt. Sáng hôm sau, tôi gặp cả gia đình ở trạm xe ngựa và trong lòng tan nát, tôi thấy họ ngồi phía ngoài ở đằng sau xe.

“Cậu Copophin !” bà Micôbơ nói “cầu chúa phù hộ cho cậu ! Tôi không bao giờ quên tất cả những điều đó như cậu biết và tôi không bao giờ muốn, nếu tôi có thể quên”

“Cậu Copophin, xin chúc cậu hạnh phúc và giàu có”, ông Micôbơ nói “Nếu sau này tôi có thể yên trí rằng số phận đen đủi của tôi đã là một bài học cho cậu thì tôi sẽ cảm thấy mình không phải sống một cuộc đời hoàn toàn vô dụng. Trong trường hợp nếu như có dịp may (điều này tôi cũng rất tin) thì tôi cũng sẽ hết sức sung sướng nếu có cách làm cho số phận của cậu khá hơn”.

Trong khi bà Micôbơ ngồi với các con đằng sau xe ngựa và tôi đứng đường buồn rầu nhìn họ, tôi chắc rằng đám sương mù che mắt bà đã tan đi và bà thấy tôi thực ra là đứa trẻ nhỏ bé như thế nào. Tôi nghĩ vậy, bởi vì bà vậy

tay bảo tôi trèo lên xe và với một cái vế âu yếm mới mẻ của một người mẹ, bà lấy tay ôm choàng lấy cổ tôi mà hôn đứa con của bà. Tôi chỉ vừa kịp bước xuống xe trước khi chiếc xe chạy và tôi hầu như không thấy họ sau những chiếc khăn tay họ vẫy.

Trong một phút, chiếc xe đã đi mất. Tôi và chị mồ côi đứng trơ trọi ở giữa đường nhìn nhau ngơ ngác, chúng tôi bắt tay nhau từ biệt. Tôi chắc chị quay lại nhà tập nghề Xanh Lúc, còn tôi lại bắt đầu cái ngày buồn nản ở công ty Moxton và Gribi.

Nhưng tôi không có ý định sống ở đây những ngày buồn nản nữa. Không, tôi đã quyết định bỏ trốn... ra đi bằng cách này hay cách khác về quê người ba con duy nhất trên đời này của tôi và kể lại câu chuyện của tôi cho bà cô của tôi là cô Betxi nghe.

ở trên, tôi đã nói không hiểu ý nghĩ tuyệt vọng này nảy sinh trong đầu óc tôi như thế nào. Nhưng một khi nó đã ở đây thì nó cứ nằm lì ở đây thành một quyết tâm và trong đời tôi không bao giờ có một quyết tâm nào vững chắc hơn. Tuyệt nhiên tôi không tin rằng tôi có hy vọng gì ở đây nhưng điều quyết định của tôi đã hoàn toàn dứt khoát, và nhất định nó phải được thi hành.

Lần này lượt khác, một trăm lần như vậy từ cái tối khi ý nghĩ kia lặn đầu tiên đến với tôi và làm cho tôi mất ngủ, tôi lại ôn lại câu chuyện cũ của người mẹ tội nghiệp của tôi về ngày sinh của tôi. Đó là câu chuyện ngày xưa tôi rất thích nghe mẹ tôi kể lại và tôi đã nhớ thuộc lòng: bà cô của tôi bước vào câu chuyện ấy rồi lại bước ra, trước sau vẫn là một nhân vật dễ sợ và kinh khủng. Nhưng trong

cử chỉ của bà vẫn có chi tiết nhỏ tôi thích nhắc lại và nó làm cho tôi có một tia hy vọng. Tôi không thể nào quên mẹ tôi đã từng nghĩ rằng bà cô tôi vuốt mớ tóc xinh xắn của mẹ tôi một cách dịu dàng. Mặc dầu điều đó có thể có căn cứ thực tế gì cả, nhưng tôi vẫn căn cứ vào đó để tạo nên một bức tranh nhỏ, trong đó bà cô dễ sợ của tôi cảm động trước vẻ đẹp trẻ trung của mẹ tôi mà tôi còn nhớ rõ rệt và tôi yêu quý hết sức. Hình ảnh này làm cho tất cả câu chuyện thành ra dịu dàng. Rất có thể là chi tiết này sau khi đã khắc sâu vào trí não tôi đã dần dần tạo nên quyết định của tôi.

Vì tôi không biết ngay đến cả chỗ ở của cô Betxi nên tôi viết một bức thư dài cho chị Pécgôti, trong đó tôi nhân tiện hỏi chị xem chị có nhớ địa chỉ không. Tôi giả vờ làm như đã nghe nói đến một bà nào đó, ở một nơi nào đó, tôi viết địa chỉ một cách ngẫu nhiên rồi tôi muốn hỏi xem có phải đó là địa chỉ của cô Betxi không. Trong bức thư này, tôi nói với chị Pécgôti rằng tôi cần một đồng nữ ghi-ni và một lý do nào đó và nếu như chị có thể cho tôi số tiền ấy cho đến khi tôi có thể trả lại, thì tôi sẽ rất cảm ơn chị và sau này tôi sẽ nói cho chị biết tôi cần nó để làm gì.

Bức thư trả lời của chị Pécgôti đến ngay và cũng như thường lệ bức thư đầy cả tinh thần tận tụy thân ái nhất chị đã bỏ một đồng nửa ghi-ni vào bức thư (tôi đoán chắc chị đã phí không biết bao nhiêu tâm lực để lấy nó ra khỏi cái hòm của anh Báckit). Chị nói với tôi rằng cô Betxi ở gần Đôvơ, nhưng chị không biết à ở ngay tại Đôvơ hay ở Haithơ, ở Xangâyto, ở Phônketxtơ. Khi tôi hỏi dò một người làm việc với tôi cho biết về những nơi này rất gần nhau, cho nên

tôi cho rằng như thế cũng đủ để thực hiện ý định của tôi và tôi quyết định lên đường vào cuối tuần lễ ấy.

Vì tôi là một đứa trẻ rất trung thực và tôi không muốn làm bẩn thanh danh của mình ở công ty Moxton và Grinbi cho nên tôi cảm thấy bắt buộc phải ở lại cho đến chiều thứ bảy... và vì tôi đã nhận trước tiền lương một tuần lễ nên tôi quyết định không đến phòng giấy đến giờ mọi người lĩnh lương như thường lệ. Chính vì vậy nên tôi đã mượn một đồng nửa ghi-ni để có thể dùng vào việc chi tiêu khi đi đường. Do đó, đến ngày thứ bảy khi chúng tôi ở trong nhà kho và đợi trả lương và anh đánh xe Típ là người bao giờ cũng vào trước tiên đang vào trước tiên để lĩnh tiền lương, thì tôi nắm lấy tay Mích Oancơ và nhờ cậu ta nói lại với ông Kiniôn khi đến lượt tôi lĩnh lương rằng tôi bận về nhà để kiêng cái hòm của tôi đến nhà ông Típ. Và sau khi chào Khoai Bọt lần cuối cùng, tôi bỏ chạy.

Cái hòm của tôi vẫn ở chỗ cũ của tôi bên kia sông. Tôi đã chuẩn bị một tờ địa chỉ viết trên mặt sau một tờ danh thiếp gửi hàng mà người ta đóng đinh vào các thùng rượu dê: Ông Đêvit, để lại ở trạm xe ngựa Đơvơ cho đến khi có người đến lấy". Tôi đã giữ sẵn tờ giấy này ở trong túi để đóng vào hòm, sau khi đã đem hòm ra khỏi nhà và trong khi về nhà, tôi đưa mắt nhìn quanh tìm một người có thể giúp tôi khuân hòm ấy đến trạm.

Có một anh chàng chân dài đứng canh cái "cột bia" trên đường Blacfrai với một cái xe nhỏ trống không. Trong khi đi bên cạnh, tôi bắt gặp cái nhìn của anh ta. Anh ta gọi tôi là thằng "nửa xu" và hy vọng rằng "tao sẽ nhận ra mặt nó để sửa cho nó một mẻ". Chắc hẳn anh ta

nói đến cách tôi nhìn anh ta chăm chú. Tôi dừng lại trình trọng bảo anh ta biết rằng tôi làm như vậy không phải vì vô lễ mà chỉ vì tôi muốn hỏi xem anh có thể giúp tôi một việc nhỏ không.

“Việc gì ?” người trẻ tuổi chân dài nói

“Mang hộ tôi một cái hòm” tôi đáp

“Hòm gì ?” người trẻ tuổi chân dài hỏi

Tôi bảo anh ta biết đó là cái hòm của tôi ở cuối phố đằng kia, và tôi nhờ anh đem nó đến trạm Đơvơ với sau pen-ni tiền công.

“Nào, sáu pen-ni !” người thanh niên chân dài nói và lập tức thượng lên xe. Chiếc xe này chỉ là một cái khay gỗ có bánh không hơn không kém và chạy lạch cạch nhanh đến nỗi tôi phải cố hết sức mới theo kịp con lừa.

Thái độ khinh thường của anh ta và đặc biệt cái cách anh ta nhai rơm trong khi nói chuyện với tôi không làm cho tôi thích lắm. Nhưng dẫu sao, giá đã ngã rồi, tôi đưa anh la lên gác, vào phòng của tôi và chúng tôi mang hòm xuống bỏ vào xe. Tôi không muốn đóng địa chỉ vào, sợ có người nào trong gia đình chủ nhà đoán được điều tôi làm và giữ tôi lại, cho nên tôi nói với người trẻ tuổi kia rằng anh ta hãy chịu khó dừng lại một phút khi anh ta đến cái tường ngoài của nhà tù Tối cao Pháp viện. Tôi chưa dứt lời thì anh ta đánh xe chạy biến tựa hồ như anh ta, cái hòm của tôi và con lừa đều phát điên. Tôi vừa chạy theo anh ta vừa gọi đến đứt hơi, cho đến khi tôi bắt gặp anh ta ở chỗ đã định trước.

Mặt đỏ bừng và hoảng hốt, tôi làm đồng nửa ghi-ni rơi khỏi túi khi kéo tờ danh thiếp ra. Tôi bỏ đồng nửa ghi-

ni vào miệng cho được yên ổn, và mặc dầu hai tay run lấy bầy, tôi vừa đóng xong địa chỉ một cách rất vừa ý, thì đột nhiên tôi thấy người trẻ tuổi chân dài kia đánh một cái thật mạnh vào cằm tôi và đồng nửa ghi-ni bay ra khỏi miệng tôi và lọt vào tay anh ta.

Người trẻ tuổi túm lấy cổ áo ghi-lê của ôi, cười nhân nhở dễ sợ:

“À! Tao gọi cảnh sát! Mà muốn chạy trốn phải không ? Đi đến sở cảnh sát, đồ khốn nạn! Đi đến sở cảnh sát!”

“Anh làm ơn đưa lại cho tôi” tôi nói, hết sức sợ hãi “Anh cứ để mặc tôi”

“Đi đến sở cảnh sát” người trẻ tuổi nói “Mày muốn chứng minh là của mày thì cứ đến sở cảnh sát mà chứng minh”.

“Trả hòm và tiền lại cho tôi !” tôi khóc oà, kêu lên.

“Mày đến sở cảnh sát !” người trẻ tuổi đáp và kéo tôi một cách dữ dội về phía con lừa tưởng chừng như giữa con vật này và một ông chán án có quan hệ gì mật thiết thì phải, rồi anh ta thay đổi ý kiến nhảy tót lên cái hòm của tôi nói to lên rằng sẽ đưa thẳng đến sở cảnh sát, và quát xe chạy cách cách nhanh hơn bao giờ hết.

Tôi cố hết sức chạy theo nhưng không còn hơi để kêu gào cũng không dám dù có thể kêu. Ít nhất là hai mươi lần trong vòng nửa dặm tôi suýt bị xe cán. Khi thì tôi mất hút anh ta, khi thì tôi lại thấy, khi thì tôi bị roi đánh, bị mắng nhiếc, lăn tòm xuống bùn, rồi lại chồm dậy, lại lao vào cánh tay một người nào đó, rồi lại va đầu vào cột. Cuối cùng vừa nóng, vừa sợ, tôi tự hỏi không biết một nửa thành

phố Luân đôn có chạy ra để bắt tôi không, tôi để cho người trẻ tuổi kia mang hòm và tiền của tôi đi đâu thì đi và vừa khóc vừa thở hổn hển nhưng vẫn không bao giờ dừng lại, tôi nhằm hướng Grinbi mà đi vì biết đó là đường đi đến Đôvơ để đến nơi cô tôi, cô Betxi ở trên người tôi cũng không gì mang theo nhiều hơn cái đêm tôi ra đời và đã gây cho còn hiểu điều phật ý.

Chương XIII

HẬU QUẢ CỦA QUYẾT ĐỊNH CỦA TÔI

Theo thư tôi biết, tôi dám nói rằng, khi tôi bỏ không đuổi theo chàng thanh niên đánh xe lừa và bắt đầu đi theo con đường đến Ginich thì tôi đã có cái cuồng vọng cứ chạy mãi một mạch cho đến Đơvơ. Nhưng một lát sau thì những ý định phân tán của tôi đều được tập trung lại ở điểm này nếu như tôi có ý định khác, bởi vì tôi dừng lại trên con đường Kentơ ở một phố đằng trước có một bể nước ở giữa có cái tượng lớn ngốc nghếch đang thổi vào một cái vỏ sò khô. Tôi ngồi ở đấy trên thềm nhà mặt lừ, kiệt sức vì đã gắng sức nhiều quá và hết hơi, ngỗ hầu không còn đủ sức để than khóc về cái hòm và đồng nửa ghi-ni của tôi đã mất.

Bây giờ trời đã tối. Trong khi tôi ngồi nghỉ ở đấy tôi nghe chuông đồng hồ điểm mười giờ. Nhưng cũng may, đêm ấy là đêm hè, khí trời mát mẻ. Khi tôi đã lấy lại hơi và thấy cái cảm giác nghẹt thở ở cổ họng đã mất đi, tôi lại đứng dậy và bước lên đường. Mặc dầu lâm vào cảnh khốn khổ, tôi vẫn không hề có ý nghĩ quay về. Giá bấy giờ có bão tuyết ở trên đường Ken-tơ như ở Thụy sĩ chắc chắn tôi

cũng không nghĩ đến việc quay về.

Nhưng toàn bộ tài sản của tôi lúc bấy giờ chỉ có ba đồng nửa pen-ni (quả thực tôi cũng thấy lạ tại sao nó lại còn sót lại trong túi tôi thứ bảy!) tình cảm này cũng làm cho tôi bối rối không kém vì tôi tối tục lên đường. Tôi bắt đầu tưởng tượng một hai ngày sau người ta sẽ thấy tôi nằm chết dưới một hàng rào nào đó và biến thành một mẫu tin tức cho các tờ báo. Tôi cố bước chân một cách khốn khổ và hết sức nhanh cho đến khi tôi đi qua một cửa hiệu nào ở đây có cái biển nói mua quần áo đàn ông, đàn bà theo cái giá quý hoá dành cho giẻ rách, xương và những phế phẩm ở nhà bếp. Ông chủ hiệu ngồi ở ngoài cửa mặc áo sơ mi và đang hút thuốc. Có vô số quần áo treo lủng lẳng từ trên trần nhà thấp với chỉ có hai ngọn nến leo lét ở trong để cho biết nó là thứ gì, cho nên tôi tưởng tượng ông ta giống một người khao khát phục thù đã treo cổ bọn thù và đang hết sức hoan hỉ.

Những kinh nghiệm vừa qua của tôi với ông bà Micôbơ đã nhắc cho tôi biết đây có thể là một cách hòa hoãn tình thế trong một thời gian. Tôi bước vào con đường nhỏ cạnh đấy, cởi áo gi-lê ra, cuộn nó gọn gàng cặp dưới nách rồi quay lại hiệu.

“Này ông! cháu muốn bán cái áo này theo giá phải chăng”

Ông Đolôbi (Đolôbi ít nhất là cái tên ở ngoài cửa hiệu) cầm lấy áo gi-lê, đặt úp sấp cả tầu xuống cửa hiệu và bước vào hiệu. Tôi theo sau. Ông lấy ngón tay khêu hai ngọn nến, trải áo gi-lê lên trên hàng xem và ngấm một lát rồi lại giơ lên soi trước ánh đèn và cuối cùng nói:

“Cậu đòi áo gi-lê này bao nhiêu ?”

“Cái đó thì ông biết rõ hơn ai hết” tôi trả lời khiêm tốn.

“Không thể đồng thời cả mua lẫn bán được” ông Đolôbi nói “Cậu đòi cái áo gi-lê nhỏ bao nhiêu ?”

Tôi lưỡng lự một lát rồi nói ngập ngừng

“Mười tám pen-ni có được không ?”

Ông Đolôbi cuộn áo lại và trả cho tôi, nói

“Nếu trả nó chín pen-ni thôi cũng đã cướp mất cơm con tôi rồi”

Cái lối mua bán này quả thực chẳng thú vị gì vì nó khiến cho tôi - một người hoàn toàn xa lạ - bắt buộc phải làm một điều khó chịu là bảo ông Đolôbi cướp cơm con ông cho tôi. Nhưng hoàn cảnh của tôi thật là quẫn bách, tôi nói tôi sẽ bán lấy chín pen-ni nếu ông ta bằng lòng. Ông Đolôbi cầu nhàu đưa cho tôi chín pen-ni, tôi chào ông và đi ra khỏi cửa hiệu, giàu hơn trước vì có thêm chín pen-ni, nhưng nghèo hơn trước vì mất một chiếc gi-lê. Nhưng khi tôi cúc cái áo chèn lại thì điều đó cũng không quan hệ lắm.

Thực vậy, tôi cũng đoán trước chắn chắn thế nào cái áo chèn của tôi rồi cũng bước theo chiếc gi-lê, thế nào tôi cũng phải mặc áo sơ mi và quần dài cuộc bộ phần lớn đoạn đường cho đến Đơvơ và nếu tôi có thể đến đấy với bộ y phục ấy thì cũng còn may phúc cho tôi lắm. Nhưng óc tôi không phải cứ bần nghĩ mãi về điều đó như người ta tưởng. Ngoài ấn tượng mơ hồ rằng đoạn đường đi còn xa và anh chàng đánh xe lừa đã đối xử với tôi tàn nhẫn, tôi không cảm thấy một cách bức thiết đến những khó

khăn đang chờ đợi tôi một khi tôi lại bước lên đường với chín pen-ni trong túi.

Tôi đột nhiên nghĩ đến một cách ngủ đêm và tôi sẽ đem nó ra thực hiện: đó là nằm ngoài bức tường phía sau trường học của tôi ở trong cái góc xưa kia có một đụn rơm. Tôi tưởng tượng rằng đó sẽ là một cách ở cạnh các bạn học và cái phòng ngủ trong đó trước đây tôi thường kể chuyện, mặc dầu họ không hề biết tôi nằm ở đấy và phòng ngủ không che chở gì cho tôi cả.

Ban ngày tôi đã mệt nhọc suốt ngày, và chân tay rã rời tôi mới trèo lên đến đôi Blächit. Tôi phải lúng túng một lát mới tìm ra được Xalem học hiệu. Cuối cùng tôi đã tìm ra, và tôi thấy ở góc tường có một đụn rơm. Sau khi đã đi quanh tường một vòng, nhìn lên các cửa sổ và thấy rằng ở bên trong tối đen và im lặng, tôi nằm bên cạnh đống rơm. Tôi không bao giờ có thể quên cái cảm giác bơ vơ lần đầu tiên khi nằm xuống thấy trên đầu không có mái nhà.

Rồi tôi nằm ngủ như bao nhiêu kẻ không cửa không nhà, cửa nhà mọi người thì khóa lại và chó canh gác sủa vang không cho vào - Đêm ấy tôi nằm mờ thấy mình nằm trên chiếc giường xưa ở trường đang nói chuyện với bạn học sinh ở trong phòng và khi tỉnh dậy tôi đang ngồi miêng nói tên Xtiécphoóc, mắt sợ hãi nhìn những ngôi sao lấp lánh trên đầu. Khi tôi nhớ rằng trong đêm hôm khuya khoắt này tôi đang ngồi ở đâu, một cảm giác sợ hãi, không hiểu sợ hãi cái gì, xâm chiếm lấy tôi làm cho tôi phải đứng dậy đi lang thang. Nhưng ánh sáng lấp lánh của sao nhợt dần và ở phía mặt trời mọc bầu trời rạng dần làm cho tôi yên tâm. Cặp mắt của tôi nặng trĩu và tôi lại nằm xuống

ngủ mặc dầu trong khi ngủ tôi biết rằng tôi lạnh, cho đến khi ánh nắng ấm áp của mặt trời và tiếng chuông báo thức của Xalem học hiệu thức tôi dậy. Nếu tôi có thể hy vọng rằng Xtiêcphoóc còn ở đấy, thì tôi đã đi lang thang đâu đó cho đến khi cậu ta ra đi một mình, nhưng tôi biết rằng cậu từ lâu đã rời khỏi trường. Có lẽ Trátđơn vẫn còn ở đấy, nhưng điều này cũng không có gì chắc chắn và tôi cũng không tin tưởng cho lắm vào sự khôn ngoan và sự may mắn của cậu để có thể nói cho cậu biết cảnh ngộ của tôi, mặc dầu tôi rất tin ở bản tính tốt của cậu. Vì vậy, tôi lùi khỏi bức tường trong khi học sinh của ông Crichcon thức dậy và tôi đi theo con đường dài đằng đặc và bụi bặm mà trước đây trong thời gian tôi là học sinh, người ta đã cho tôi biết là con đường đi đến Đơvơ nhưng lúc tôi là học trò ông Crichcon không bao giờ tôi lại tưởng rằng một ngày kia người ta có thể thấy tôi là một lữ hành trên con đường ấy như hôm nay.

Sáng chủ nhật hôm ấy quả thực khác xa chủ nhật trước kia tôi sống ở ýacmao. Đến giờ rung chuông, trong khi tôi đang cuốc bộ mệt nhọc, tôi nghe tiếng chuông nhà thờ rung, tôi gặp người ta đi lễ ở nhà thờ, tôi đi qua một hay hai nhà thờ tong đó các con chiên đang làm lễ. Tiếng hát ở nhà thờ vang ra, bay lên trong ánh mặt trời và người chấp sự ngồi ở dưới bóng vòm cửa mát mẻ hay đứng ở dưới một cây tử sam, tay để lên trán trở mắt nhìn tôi đi qua. Cái vẻ bình yên và lặng lẽ của ngày chủ nhật bao trùm tất cả mọi vật, nhưng không ở trong lòng tôi. Điều khác nhau là ở đó. Người đầy bụi bặm, đầu bù tóc rối, tôi có cảm tưởng tôi là một tên độc ác. Nếu không có cái hình

ánh êm đềm mà tôi nghĩ đến, hình ảnh bà mẹ của tôi trẻ trung xinh đẹp đang khóc bên cạnh lò sưởi và bà cô tôi thương hại người thì tôi sợ khó lòng có đủ can đảm tiếp tục đi cho đến hôm sau. Nhưng hình ảnh ấy vẫn đi trước mắt tôi và tôi bước theo.

Ngày chủ nhật hôm đó, tôi đi hai mươi ba dặm. Anh, nếu tính theo đường thẳng mặc dầu không phải dễ dàng lắm, vì tôi chưa quen cái lối lao động này. Khi trời chập choạng tối, tôi thấy tôi đi qua cầu Rôsetxtơ chân đau nhức, người mệt mỏi và ăn chiếc bánh tôi đã mua để ăn đêm. Một hai ngôi nhà nhỏ, ngoài cửa treo cái biển “cho khách ngủ trọ” quyến rũ tôi, nhưng tôi sợ tiêu mất thêm mấy đồng pen-ni nữa và tôi lại càng sợ những cái nhìn độc ác của bọn đi lang thang mà tôi đã gặp hay đi vượt qua. Vì vậy tôi không tìm chỗ trọ mà ngủ ở ngoài trời. Tôi khó khăn lắm mới đến Satham. Ban đêm, nhìn nơi này đâu đâu cũng đá vôi trông giống như cảnh trong mộng, với những chiếc cầu treo và những chiếc tàu không cột buồm và có mái trông như chiếc tàu của ông Nôê trên một con sông bùn lầy. Cuối cùng tôi tìm đến một bãi cỏ gần một cỗ trọng pháo ở dưới là một con đường nhỏ. Tôi sung sướng vì nghe tiếng bước chân của người lính đi tuần, mặc dầu anh ta chẳng hề biết tôi có ở trên đầu cũng như các cậu học sinh ở Xalem học hiệu chẳng hề biết rằng tôi nằm bên tường, và tôi ngủ một mạch cho đến sáng.

Đến sáng, tôi cảm thấy chân tê và nhức. Nghe tiếng trống và tiếng chân quân lính đi lúc tôi bước xuống để đi theo con đường dài và hẹp, đầu óc tôi choáng váng, tôi có cảm tưởng rằng họ bao vây tôi tứ phía. Tôi cảm thấy rằng

hôm ấy tôi chỉ có thể đi được một quãng đường rất ngắn nếu tôi muốn giữ gìn sức lực để đi cho đến nơi đến chốn. Tôi quyết định công việc chính hôm nay là bán cái áo chèn đi. Do đó, tôi cởi cái áo ra, để tập không mặc nó cho quen rồi tôi bắt đầu đi một vòng quan sát các hiệu bán áo quần cũ.

Chỗ tôi chọn có thể xem là một chỗ tốt để bán cái áo chèn vì ở đây có nhiều người buôn bán quần áo cũ và nói chung đều đang ngồi ở cửa hiệu đợi khách hàng. Nhưng vì phần lớn có trong cửa hiệu một hai cái áo véc-tông của sĩ quan có đủ cầu vai và các thứ phụ tùng khác. Thấy họ buôn bán sang trọng như thế, tôi cũng đâm sợ và tôi đi lang thang một hồi lâu mà vẫn không đem món hàng của tôi ra bán cho ai cả.

Tính khiêm tốn này làm cho tôi chú ý đến những cửa hiệu bán giẻ rách và đồ sắp hỏng của lính thủy và những cửa hiệu như cửa hiệu ông Đôlôbi hơn là những hiệu buôn bán đồ cũ. Cuối cùng, tôi tìm ra một cửa hiệu mà tôi cho là dở nhất, nó ở góc một con đường hẻm bẩn thỉu, cuối đường là một khoảng đất đai, có một cái hàng rào bao bọc ở đây treo những áo quần cũ của lính thủy tựa hồ như ở trong cửa hiệu tràn ra ngoài và bay phấp phới cùng với những chiếc nôi trẻ em, nhưng súng sỉ, những cái mũ bằng vải dầu và những cái khay đầy vỏ sò thìa khóa đã gỉ đủ mọi kiểu, đến nỗi nó hầu như có thể dùng để mở tất cả mọi thứ cửa trên đời.

Tôi bước vào cửa hiệu này, trông ngực đập thành thịch. Đó là một cửa hiệu nhỏ và thấp, cái cửa sổ nhỏ chỉ làm cho nó tối thêm chứ chẳng soi sáng được gì. Hiệu treo

đây áo quần. Sự lo sợ của tôi chẳng bớt đi được chút nào khi một cụ già xấu xí, nửa dưới của mặt đầy râu xám mọc lộn xộn giống như là rạ trong một cái hang ở đằng sau nhảy ra tóm lấy tôi. Cụ là một cụ già nhìn dễ sợ mặc áo gi-lê bằng nỉ bẩn thỉu và toát ra mùi rượu “rum” nồng nặc. Cái giường của cụ phủ một mảnh vải rách vá chằng chịt, ở trong cái hang cụ vừa ra ở đấy lại có một cái cửa sổ khác nhìn ra một nơi chỉ có cây gai và một con lừa què

“Mày muốn gì ?” cụ già nhăn nhó, giọng dễ sợ và đều đều “Trời ơi ! Mắt tao và tay tao ! Mày muốn gì ?

Trời ơi ! phổi tao và gan tao ! mày muốn gì ? gu-ru!”

Nghe những lời ấy tôi hoảng quá, đặc biệt khi cụ lặp lại lời cuối cùng chẳng ai hiểu nghĩa là gì (nó là một thứ tiếng khò khè trong cổ họng) nên tôi không biết trả lời thế nào. Cụ già vẫn cứ nắm tóc tôi mà kêu:

“Mày muốn gì ? Trời ơi ! Mắt tao và tay tao ! Mày muốn gì ? Trời ơi ! Phổi tao, gan tao ! Mày muốn gì ? gu-ru”

Và ông ra sức kêu lên cái tiếng cuối cùng này đến nỗi con mắt muốn nhảy ra khỏi đầu. Tôi run sợ nói:

“Cháu hỏi cụ có muốn mua cái áo ngắn này không?”

“Đưa cái áo chèn đây xem nào” cụ già kêu lên. “Trời ơi ! Tim tao như lửa đốt, ô mắt tao ! tay chân tao ! Đưa áo ngắn đây tao xem !”

Vừa nói, cụ rút cái bàn tay run lẩy bẩy giống như móng một con chim lớn ra khỏi tóc tôi và đeo một cái kính chả có chút gì mỹ quan đối với cặp mắt đỏ ngầu của cụ. Sau khi xem cái áo, cụ kêu lên

“Mày bán cái áo chèn này bao nhiêu ? ô gu-ru !”

Tôi trấn tĩnh đáp:

“Một nửa cơ-rao”

“Ồ phổi tao và gan tao ! Không đâu ! ồ mắt tao ! Tay chân tao ! Không đâu ! Mười tám pen-ni ! Gu-ru !”

Mỗi khi ông ta thốt lên tiếng này thì cặp mắt lại muốn rơi ra khỏi đầu và ông ta nói tất cả những câu này với cái giọng hoàn toàn như nhau. Tôi có thể so sánh nó giống hệt tiếng gió, bắt đầu thì thấp, to dần lên, rồi lại dịu đi, rồi lại lên rất cao trước khi hạ thấp hơn là giống bất kỳ cái gì khác. Vì muốn chấm dứt việc buôn bán này cho xong tôi nói:

“Thôi được mười tám pen-ni cũng được”

“Ồ gan tao !” cụ già kêu lên ném cái áo chèn lên tấm gỗ “Mày ra khỏi hiệu đi ! ồ phổi tao, mày ra khỏi cửa hiệu, ồ mắt tao, chân tay tao ! Gu-ru ! Mày đừng hỏi tiền tao ! Chúng ta trao đổi đồ vậy lấy đồ vật thôi”

Trong đời tôi chưa bao giờ tôi hoảng sợ đến thế, kể cả ngày trước cũng như sau này, nhưng tôi nói với ông một cách nhũn nhặn rằng tôi chỉ muốn có tiền chứ không cần gì hết. Và nếu như cụ muốn thì tôi sẽ ngồi đợi ở ngoài cửa chứ không muốn giục cụ phải trả tiền ngay. Và tôi ngồi ở đấy hàng giờ đến nỗi ánh sáng ban ngày thay thế ánh đèn buổi sớm, rồi ánh sáng ban ngày nhường chỗ cho bóng tối, mà tôi vẫn cứ ngồi ở đấy để đợi tiền.

Trong cái phường bán hàng ngày xưa này không có ai say rượu và điên rồ như thế. Cụ nổ tiếng trong vùng là lân cận và người ta cho rằng cụ bán linh hồn cho quỷ. Tôi biết được điều đó vì chỉ một lát sau là bọn trẻ con đến thăm. Chốc chốc chúng lại đột nhập vào cửa hiệu, kêu lên

như vậy và bảo cụ phải đưa vàng ra.

“Cụ không phải nghèo đâu cụ Sáclây ạ, cụ giả vờ nghèo đấy thôi ! Cho chúng tôi xin vàng của cụ nào ! Cho em một ít vàng cụ đã có được về khoản bán linh hồn cho quý nào ? Vàng ở trọng tằng lót nệm của cụ đất mà ! Cụ Sáclây, cụ thử tháo tung nó ra cho chúng tôi một ít nào !”

Chúng nói thế và nhiều đứa đưa cho cụ một con dao để cụ làm việc đó. Chúng làm cụ điên lên đến nỗi một ngày cụ cứ phải nhảy xổ ra tóm lấy bọn trẻ con và bọn này ù té chạy. Đôi khi, trong lúc nổi điên cụ cho tôi cũng là một đứa trong bọn và cụ xông ra tóm lấy tôi, mặt mày nhăn nhó như muốn xé nhỏ tôi ra, nhưng nhận ra tôi kịp thời, cụ lại vào ngay trong hiệu nằm dài trên giường. Tôi đoán như thế căn cứ theo hướng giọng của cụ, và cách cụ gào lên hát bài “cái chết của Nenxôn”⁽¹⁾ với một giọng điệu giống như tiếng giá than vãn, mỗi câu thơ mở đầu bằng chữ “ô” và xen vào giữa vô số chữ “gu-ru”. Hình như tôi bị khổ như thế cũng chưa đủ, bọn trẻ cho rằng tôi và cửa hiệu này có liên quan gì đây, vì chúng thấy tôi cứ ngồi lì bên ngoài một cách kiên nhẫn, áo phong phanh nên chúng ném đá vào tôi và hành hạ tôi suốt ngày.

Cụ nhiều lần tìm cách rủ tôi đổi cái áo lấy một vật khác. Có khi cụ đi ra với một cái cần câu, một lần nữa, cụ đi ra với một cái mũ bẻ cụp một bên, một lần nữa, cụ đi ra với một cái sáo. Nhưng tôi kiên quyết chống lại mọi đề nghị ấy và vừa khóc vừa van lơn, tôi xin cụ trả tiền hay trả áo cho tôi. Cuối cùng, cụ trả cho tôi từng nửa pen-ni một

⁽¹⁾ Bài hát nổi tiếng nhất của Jon Braham (1774-1856)

và phải mất tròn hai giờ chúng tôi mới dần dần đi đến một si-linh.

“Ồ ! mắt tao, tay chân tao !” ông ta đứng trong cửa hiệu lộ mắt nhìn ra. Sau một hồi lâu ông nói: “Hai pen-ni nữa, mày có đi không ?”

“Tôi không đi được đâu” tôi nói

“Ồ, phỉu thao gan tao, ba pen-ni mày có đi không ?”

“Nếu đi được thì tôi đã đi rồi, chẳng cần đòi hỏi gì hết” tôi nói “Nhưng tôi nhất thiết phải có số tiền ấy”

“Ồ gu-ru !” (tôi không thể nào diễn tả cách cụ ta thốt lên lời nói này khi cụ liếc mắt nhìn tôi đằng sau cái cột cửa, chỉ để lộ cái đầu tinh quái) “Bốn pen-ni mày có đi không ?”

Tôi mệt mỏi quá nên phải chấm dứt việc mua bán với đề nghị ấy và tôi lấy số tiền ra khỏi móng tay của cụ trong khi người tôi không khỏi run bắn lên. Tôi ra đu trước khi mặt trời lặn một chút, vừa đói vừa khát hơn bao giờ hết. Nhưng với ba pen-ni tôi đã ăn uống đầy đủ, và phần khởi hơn trước, tôi khập khiễng kéo thêm bảy dặm nữa.

Cái giường của tôi tối hôm ấy lại là dưới một đụn rơm khác và tôi nằm thoải mái sau khi đã rửa đôi chân đầy chỗ sung dưới giòng nước và cố hết sức lấy lá tươi băng hai bàn chân. Sáng hôm sau, khi tôi lại lên đường tôi thấy con đường đi qua những cánh đồng “hốt bốt” và những vườn trái. Bấy giờ đã vào lúc cuối năm, vì các vườn trái đầy cả táo chín đỏ ối. Và ở một vài nơi, những người hái “hốt bốt” đã làm việc. Tôi cho cảnh này là hết sức xinh đẹp và quyết định tối hôm ấy sẽ nằm ngủ ở giữa cánh đồng hốt bốt, tưởng tượng rằng tôi sẽ làm bạn vui chơi với

những dày sào dài với những ngọn lá xinh xắn quần chung quanh.

Những bọn du đảng hôm ấy tệ hơn bao giờ hết và gây cho tôi một nỗi sợ hãi đến nay vẫn còn như mới xảy ra. Có một số là những tay côn đồ có vẻ hết sức hung ác, họ quát mắng nhìn tôi khi tôi đi qua và dừng lại gọi tôi quay lại nói chuyện với họ và lấy đá ném tôi trong lúc tôi ba chân bốn cẳng bỏ chạy. Tôi nhớ có một người trẻ tuổi làm nghề hàn nôi (tôi đoán thế vì thấy anh ta mang bị và có một cái hoả lò). Bên cạnh anh ta là một người đàn bà. Anh ta quay mặt về phía tôi, trợn mắt nhìn rồi gào thét bảo tôi quay lại. Giọng anh ta dữ dội quá nên tôi dừng chân và ngoảnh lại. Anh thợ hàn nôi nói:

“Khi tao gọi mày thì mày phải lại, nếu không ta đâm lòi ruột ra bây giờ”

Tôi nên quay lại thì hơn. Trong khi tôi đến gần hai người, tôi làm ra vẻ tội nghiệp để mong được anh thương hại, tôi thấy vợ anh ta tím bầm ở một con mắt.

“Mày đi đâu ?” Người thợ hàn giơ bàn tay đen thui nắm lấy phía trước áo sơ mi của tôi.

“Tôi đi Đôvơ” tôi nói.

Anh ta lại nắm xoắn lấy áo sơ mi của tôi một vòng để giữ cho tôi khỏi bỏ chạy.

“Mày ở đâu đến ?”

“Tôi ở Luân Đôn đến”

“Mày làm nghề gì ?” có phải mày là thằng nhãi ăn cắp không ?”

“Khô-ông” tôi nói.

“Tiên nhân mày ! Mày cứ làm bộ thực thà thì tao

đánh vỡ sọ ngay bây giờ !”

Anh giơ cái bàn tay còn tự do dọa muốn đánh tôi, rồi anh ta nhìn tôi từ đầu đến chân.

“Mày có tiền mua một cút bia không ? Có tiền thì đưa ngay đây để tao khỏi phải lấy”

Đáng lý tôi đưa tiền ra rồi nhưng bắt gặp cái nhìn của bà vợ. Bà ta khế lắc đầu và ra hiệu bằng môi “không” tôi nói.

“Tôi nghèo lắm” và cố gắng mỉm cười “Tôi không có tiền”

Anh thợ hàn nhìn tôi có vẻ nghiêm khắc đến nỗi tôi sợ anh ta nhìn thấy cả tiền trong túi.

“À ! Mày nói cái gì thế ?”

“Thưa ông” tôi lắp bắp

“Mày nói cái gì thế ? Mày mang chiếc khăn quàng bằng lụa của em tao. Đưa nó ngay cho tao”. Và anh ta lập tức giăng lấy cái khăn, kéo nó ra khỏi cổ tôi rồi ném nó cho người đàn bà.

Người đàn bà cười rộ lên, làm như chị cho đó là chuyện bông đùa và ném khăn quàng trả lại cho tôi, chị lại gạt đầu cũng nhẹ nhàng như trước và dùng môi ra hiệu bảo “đi đi”. Nhưng trước khi tôi vâng theo lời chị ta thì anh thợ hàn đã giật cái khăn ra khỏi tay tôi một cách thô bạo và quần lên cổ làm cho tôi ba chân bốn cẳng bỏ chạy. Đoạn anh quay lại mắng người đàn bà và dấm ngã lăn ra đất. Tôi không bao giờ quên hình ảnh của chị ngã ngửa trên nền đường cứng rắn và nằm ở đấy, mũ lặn ra một nơi, tóc trắng xoá vì lấm đầy bụi, cũng như hình ảnh của chị khi tôi đã đi được một quãng và quay lại nhìn thấy chị ngồi trên bờ đất

trên đường cái, lấy một góc khăn sau để lau máu trên mặt trong khi anh ta vẫn tiếp tục đi.

Biến cố này làm cho tôi hoảng sợ đến nỗi sau đó, mỗi khi tôi nhìn thấy những hạng người này đến thì tôi quay lưng đi cho đến khi tìm được một chỗ ẩn và đứng ở đấy cho đến khi họ đã đi khuất. Việc này cứ xảy ra luôn, và do đó tôi đi hết sức chậm. Nhưng trước khó khăn này cũng như trước mọi khó khăn trên đường đi, tôi cảm thấy vẫn được khuyến khích và nâng đỡ bởi hình ảnh tôi tưởng tượng ra về bà mẹ của tôi trong thời kỳ trẻ trung trước khi tôi ra đời. Hình ảnh ấy bao giờ cũng đi với tôi. Nó vẫn ở cạnh tôi trong đám "hốt bốt" khi tôi nằm ngủ, nó ở cạnh tôi buổi sáng, khi tôi lên đường suốt ngày nó đi trước tôi. Từ đấy, tôi cứ liên tưởng đến nó mỗi khi nhìn thấy con đường Contobori đầy ánh nắng hình như ngủ dưới ánh nắng nóng nực, với những ngôi nhà và những cái cổng cũ kỹ, với ngôi nhà thờ nghiêm trang và xám có những con quạ lượn trên các ngọn tháp. Cuối cùng tôi đi đến những dãy đồi đá vôi tro tro ở Đơvơ, hình ảnh này đưa lại một ít hy vọng làm tôi đỡ cảm thấy cái cảnh cô độc của thiên nhiên. Ngay cả khi tôi vừa đặt đến cái mục tiêu quan trọng đầu tiên của cuộc hành trình và thực sự bước chân vào thành phố sáu ngày sau khi bỏ trốn, thì hình ảnh kia vẫn không rời tôi một bước. Nhưng lạ thay, khi tôi đứng ở cái nơi bấy lâu nay mong đợi với đôi giày rách tươm và thân hình đầy bụi, râm nắng, quần áo tả tơi, thì nó biến mất, như một giấc mơ và tôi đứng một mình tứ cố vô thân và chán nản.

Trước tiên, tôi hỏi những người thuỷ thủ xem họ có

biết cô tôi không và mỗi người trả lời một phách. Người thứ nhất nói với tôi rằng “bà ta sống ở cạnh ngọn hải đăng ở mũi đất phía nam và do đó râu mép bà ta bị cháy sém” Người thứ hai nói “bà ta đã bị buộc vào cái phao lớn ở ngoài cảng và chỉ khi nào nước thủy triều xuống thời mới thả ba ta được”. Người thứ ba nói ba ta bị giam trong nhà giam “Mecxtơn” vì tội bắt cóc trẻ con, người thứ tư nói trong trận gió ta gần đây, người ta thấy bà cười một cái chói và bay thẳng về phía Cale. Sau đó tôi hỏi đến những người đánh xe ngựa. Những người này cũng thích bông đùa không kém và cũng không lễ phép hơn. Còn về những người bán hàng thì nhìn thấy bề ngoài của tôi, họ đã không thích rồi, nên họ thường đáp rằng họ không có gì để cho tôi, chứ không để tai nghe tôi hỏi gì. Bấy giờ, tôi cảm thấy còn khốn khổ và bơ vơ hơn lúc nào hết từ khi trốn đi. Tất cả tiền bạc của tôi đều tiêu hết nhẵn, tôi không còn có gì để bán, người đã đói, khát lại mệt nhoài, và tôi vẫn cảm thấy cách xa mục tiêu của tôi như khi ở Luân đôn.

Tôi mất cả buổi sáng cứ đi lân la hỏi dò như thế, và tôi đang ngồi trên bậc tam cấp của một cửa hàng trông rõ ở góc phố gần chợ, còn đang băn khoăn tự hỏi có nên đi phiêu lưu đến những nơi khác mà người ta đã cho tôi biết hay không, thì bỗng một người đánh xe ngựa đánh xe đi qua để rơi một cái chân ngựa. Trong khi đưa cái chân cho anh ta, tôi nhận thấy mặt anh ta có vẻ hiền lành cho nên tôi đánh bạo hỏi xem anh ta có biết cô Trótut ở đâu không, mặc dầu tôi hỏi câu này đã nhiều lần quá cho nên mở miệng ra thì hầu như nó đã bị nuốt mất. Anh nói:

“Trótút à ! Để xem. Anh cũng biết cái tên ấy. Một bà

già chứ ?”

“Vâng người đã già”

“Ngồi thẳng đứng” anh ta vừa nói vừa ngồi thẳng đứng.

“Đúng đấy ! Có lẽ như thế thực”

“Mang một cái bị chứ ! Một cái bị to tướng, người cầu cạo, ăn nói thì gắt gòng chả kể gì ai”

Nghe anh ta tả đúng như vậy, tôi mừng quỳnh. Anh nói:

“Em muốn tìm phải không ? Để anh chỉ cho”. Anh giơ tay chỉ những ngọn đồi cao. Nếu em đi qua đồi mà đi thẳng mãi cho đến khi em đến mấy ngôi nhà nhìn ra biển thì chắc thế nào em cũng nghe tin tức của bà ta. Nhưng anh biết bà ta sẽ chẳng cho em gì đâu, thôi em cầm lấy một pen-ni.

Tôi cảm ơn nhận món quà của anh và mua một cái bánh mì. Trong khi ăn điểm tâm, tôi đi về phía mà người bạn của tôi đã chỉ và đi một đoạn dừng xe trước khi tôi đến những ngôi nhà như anh nói. Cuối cùng tôi thấy trước mắt tôi có mấy ngôi nhà và tôi đến gần bước vào một cửa hiệu nhỏ (người ta thường gọi loại hiệu buôn này là hiệu tạp hóa) tôi nhờ họ làm ơn cho biết cô Trótút ở đâu. Tôi hỏi một người đàn ông đứng sau quầy hàng đang cầm một ít gạo cho một chị con gái. Chị này cho tôi hỏi chị nên quay lại đáp ngay

“Em hỏi bà chủ chị cái gì thế ?”

“Tôi muốn nói với bà ta” tôi nói

“Có phải là để xin tiền không ?” chị kia hỏi

“Không, cố nhiên là không”

Tôi nói vậy, nhưng đột nhiên nhớ ra rằng thực ra tôi đến chẳng có mục đích nào khác, tôi đứng yên lúng túng và cảm thấy mặt nóng bừng.

Người đẩy tờ giấy của cô tôi (tôi đoán như thế, căn cứ theo điều chị vừa nói) trút gáo vào một cái rá con và đi ra khỏi hiệu. Chị bảo tôi có thể đi theo nếu tôi muốn biết cô Trótút ở đâu. Tôi không đòi hỏi gì hơn, mặc dầu lúc bấy giờ tôi xúc động và lúng túng đến nỗi hai chân cứ run lên cầm cập. Tôi đi theo chị ta và một lát sau chúng tôi đi đến một ngôi nhà nhỏ rất sạch sẽ với những cửa sổ nhỏ ra thành hình bán nguyệt xinh xắn, và đằng trước là một cái sân rải sỏi trồng đầy hoa, chăm sóc cẩn thận và thơm ngào ngạt. Chị nói

“Đây là nhà của cô Trótút ! Bây giờ em biết nhà rồi đấy nhé, chị chỉ có thể nói với em như thế mà thôi”

Nói đoạn, chị chạy biến vào trong nhà dường như để trút trách nhiệm về việc tôi xuất hiện, và chị để tôi đứng ở trước cổng vườn nhìn một cách rầu rĩ qua cổng vào cái cửa sổ phòng khách ở đấy một chiến màn sa mỏng ở giữa hé mở và một cái bình phong lớn màu lục buộc vào cửa sổ, một cái bàn nhỏ và một cái ghế lớn làm cho tôi cảm thấy rằng lúc này cô tôi đang ngồi ở đấy với tất cả vẻ uy nghi của mình.

Đôi giấy của tôi lúc bấy giờ rất thảm hại. Để thì đã rơi từng mảnh, miếng da trên mặt giấy đã rách và hoàn toàn mất hình dáng của chiếc giấy, cái mũ của tôi (tôi cũng dùng nó để làm mũ đội ban đêm) đã nhăn nheo và nhàu nát quá đến nỗi người ta có thể so sánh nó với một cái xoong cũ mất quai bị vất trên một đồng phân mà không

oan uổng chút nào. áo sơ mi và quần dài của tôi bị bụi bặm và mồ hôi, sương, cỏ và đất Kentơ trên đó tôi nằm ngủ làm bẩn, đã thế lại còn rách tả tơi nên cũng đủ để làm cho chim chóc trong vườn cô tôi sợ hãi trong khi tôi đứng ở ngoài cổng. Tóc tôi từ khi tội rời khỏi Luân đôn vẫn chưa hề được chải lần nào. Mặt mày, cổ và bàn tay tôi vốn không quen ở ngoài trời và chịu ánh nắng mặt trời nên đen như than. Tôi bị phủ đầy bụi phấn từ đầu đến chân và cũng gần trắng như người mới ở trong lò nung vôi ra. Trong tình trạng này (tôi có ý thức rất rõ rệt về điều đó) tôi đứng chờ để ra mắt và gây ấn tượng đầu tiên cho bà cô đáng sợ của tôi.

Cửa sổ phòng khách vẫn phẳng lặng như tờ nên một lúc sau tôi kết luận rằng cô tôi không ở đây. Tôi ngược mắt nhìn lên cái cửa sổ ở tầng hai thì thấy một người da mặt hồng hào, mặt mày vui vẻ, đầu tóc hoa râm đang nheo một con mắt nhìn tôi có vẻ kỳ quặc, gật đầu với mấy cái rồi cười và bỏ đi.

Trước đây, trong lòng tôi đã cảm thấy hoang mang như nhìn thấy cái thái độ bất ngờ này tôi lại càng hoang mang hơn, đến nỗi tôi sẵn sàng lùi đi để nghĩ cách thu xếp thế nào cho ổn nhất, thì một bà ở trong nhà bước ra, trên mũ buộc một cái khăn tay, bà đeo tất tay để làm vườn, mặc một cái tạp dề rộng túi như một người thu thuế thông hành, tay cầm một con dao lớn. Tôi nhận ra ngay đó là cô Betxi vì cô bước ra khỏi nhà dáng người cứng rắn như con người mà ba mẹ tội nghiệp của tôi vẫn thường tả cho tôi khi cô bước vào vườn nhà “ô-lư” của chúng tôi ở Blonđoxtôn. Cô Betxi lắc đầu và tư xa hoa con dao

“Đi đi ! cút đi ! Trẻ con không được vào đây”

Tôi nhìn cô, tim đập mạnh. Tôi thấy cô bước đồng dục đến một góc vườn và cúi xuống nhổ một vài cây gì đấy. Bấy giờ, tuy không còn mấy may dưng khí nào nữa mà chỉ còn sự tuyệt vọng tràn đầy, tôi rón rén đến gần và lấy ngón tay chạm vào người cô tôi. Tôi bắt đầu nói

“Thưa bà”

Cô tôi giật nảy mình và ngẩng lên nhìn

“Thưa cô”

“Cái gì thế ?” Cô Betxi nói với giọng kinh ngạc xưa nay tôi chưa hề nghe giọng nào tương tự như thế.

“Thưa cô, cháu là cháu của cô”

“Trời ơi !”

Cô ngồi phệt xuống đất trên lối đi ở trong vườn

“Cháu là Đêvit Copophin ở Blondoxton xứ Xấp-phốc. Cô đã đến đây thăm mẹ cháu đêm cháu ra đời. Từ khi mẹ cháu mất đi cháu rất khổ cực. Họ ruồng bỏ cháu, không cho cháu đi học hành gì cả, bỏ rơi cháu và bắt cháu phải làm một công việc không hợp với cháu. Vì vậy nên cháu bỏ trốn để đến đây tìm cô. Lúc ra đi, người ta cướp mất tiền của cháu và từ lúc ra đi cháu vẫn đi bộ trên đường và chưa hề ngủ trên giường một lần nào”.

Nói đến đây, sức tự chủ của tôi đột nhiên tiêu tan hết, và khi giơ tay chỉ cho cô tôi thấy cái quần rách rưới của tôi để cho cô tôi chứng kiến những đau khổ mà tôi đã chịu đựng, đột nhiên tôi khóc oà lên không sao kiềm chế nổi những giọt nước mắt hình như tôi đã tích lại trong suốt cả tuần.

Sự kinh ngạc đã lấn át hết tất cả những cảm giác

khác trên khuôn mặt của cô tôi. Cô tôi vẫn ngồi trên cát tro mắt nhìn tôi, nhưng thấy tôi khóc oà, cô tôi vội vàng đứng dậy, túm lấy cổ áo kéo tôi xềnh xệch vào phòng khách. Vào đến đây, việc đầu tiên của cô tôi là mở một cái tủ ra lấy nhiều thứ chai đồ mỗi thứ một ít vào miệng tôi. Tôi đoán rằng cô tôi lấy các thứ chai kia một cách ngẫu nhiên vì tôi đã nếm nước dầu hồi, cốt cá thanh ngư và nước chấm rau xà lách. Sau khi đã cho tôi uống những thứ thuốc kích thích này, thấy tôi vẫn ở trong tình trạng mất tự chủ nên không thể nào nín khóc, cô tôi đặt tôi nằm trên chiếc xô-pha, đầu gối lên một cái khăn san, và chiếc khăn tay ở trên đầu cô tôi thì nằm ở dưới chân tôi vì sợ tôi làm bẩn lớp vải lót. Sau đó, cô lại ngồi sau cái bình phong xanh mà tôi vừa nói ở trên, làm cho tôi không còn trông thấy mặt và thỉnh thoảng lại kêu lên “Chúa phù hộ chúng con !” nghe như tiếng sấm liên thanh. Sau đó một lát cô rung chuông. Người đầy tớ gái lên, cô tôi nói

“Jannét, lên gác nói tôi gửi lời chào ông Đích và nói với ông tôi muốn nói chuyện”

Chị Jannét hơi ngạc nhiên khi thấy tôi nằm thẳng cẳng trên cái xô-pha (tôi không dám cử động vì sợ làm thế cô tôi giận) nhưng chị vẫn làm theo lời sai bảo. Cô tôi đi đi lại lại trong phòng tay chấp sau đít cho đến khi con người hời nãy nheo một mắt nhìn tôi ở cửa sổ của tầng thứ hai tươi cười bước vào, cô tôi nói

“Ông Đích, ông đừng giả vờ ngạc nữa đấy, bởi vì khi cần thì chẳng có ai thông minh bằng ông đâu. Điều đó ai cũng biết. Bây giờ nhất thiết ông không được giả vờ ngạc nữa đấy”.

Ông kia lập tức làm ra vẻ nghiêm trang và nhìn tôi, tôi nghĩ bụng là ông có vẻ muốn cầu khẩn tôi đừng nói gì đến chuyện xảy ra ở cửa sổ. Cô tôi nói:

“Này ông Đích, ông đã nghe tôi nói về Đêvit Copophin chứ ? Ông đừng có giả vờ làm như người không có trí nhớ đấy, vì tôi cũng như ông đều biết điều ấy rất rõ”

“Đêvit Copophin à ?” Nhìn cách ông nói tôi có cảm tưởng ông ta không nhớ gì về điều này “Đêvit Copophin à? Phải đấy, có chứ, Đêvit đúng là Đêvit rồi !”

“Đây này ! Đây là thằng con trai của nó đấy. Đáng lý nó sẽ giống hệt cha nó nếu nó không giống mẹ nó như đúc khuôn thế này”

“Con ông ta à ? con ông Đêvit đây à ? thực không ?”

“Phải rồi ! Và hắn đã làm một việc hay ! Hắn đã bỏ trốn. Nếu đó là chị Betxi Trótút của nó thì nhất định không bỏ trốn” Cô tôi lắc đầu kiên quyết, tin chắc vào tính cách và hành vi của người con gái chưa bao giờ sinh

“Cô tưởng nó không bỏ trốn hay sao” ông Đích nói.

“Trời ơi cái ông này mới lạ chứ !” cô tôi kêu lên hơi gắt gỏng “Ông nói gì thế ? Tôi biết nó không bỏ trốn hay sao ? Nó đã ở với bà mẹ đỡ đầu của nó rồi và chúng tôi đã thân thiết với nhau lắm rồi. Nếu thế thì chị Betxi Trótút của nó còn bỏ trốn làm gì và bỏ trốn đi đâu mới được chứ?”

“Chẳng bỏ trốn đi đâu cả” Ông Đích đáp

Cô tôi nghe nói như vậy, đầu dúi.

“Này ông ! ông tinh khôn như ranh ấy, ông không được giả vờ làm anh ngốc đấy. Ông xem, đây là thằng Đêvit Copophon, và vấn đề tôi muốn hỏi ông như sau:

“Bây giờ phải đối xử với nó như thế nào à ?” Ông Đích khe khẽ nói và gãi đầu “ồ” ! Phải đối xử với nó... !”

Cô tôi nhìn ông ta có vẻ nghiêm trang, ngón tay trở gờ lên.

“Xem nào! ông phải cho tôi một lời khuyên đúng đấy”

“Để xem nào ! Nếu như tôi là bà” ông Đích vừa nói vừa suy nghĩ và nhìn tôi có vẻ ngơ ngác.

“Tôi...”

Nhìn thấy tôi, hình như đột nhiên ông ta nảy ra một ý nghĩ và lập tức nói:

“Tôi sẽ nấu nước tắm cho nó”

Cô tôi quay lại với cái vẻ im lặng đầy tự đắc mà lúc bấy giờ tôi chưa hiểu được ngay và nói.

“Chị Jannét ! ông Đích nói đúng lắm ! Nấu nước tắm cho nó !”

Mặc dầu tôi hết sức chú ý đến cuộc đối thoại này, tôi cũng không thể quan sát cô tôi, ông Đích và Jannét trong khi họ đang nói chuyện và nhìn xem cái gian phòng này một lượt.

Cô tôi người cao lớn nét mặt nghiêm nghị nhưng không phải là khó coi. Vẻ mặt giọng nói bước chân và thái độ của cô đều có cái gì cứng rắn đủ để cắt nghĩa cái ấn tượng cô đã gây cho một con người hiền lành như mẹ tôi, nhưng xét ra không thể nói về mặt của cô không xinh đẹp, tuy có phần nghiêm nghị và cứng rắn. Tôi đặc biệt chú ý thấy cô có đôi mắt rất nhanh và sáng. Tóc cô đã bạc, đường ngôi ở giữa chia thành hai phần ngay ngắn, đầu đội một cái mũ che kín đầu (thứ mũ này lúc bấy giờ người ta

thường đội hơn ngày nay) hai bên có dải buộc ở dưới cằm. áo cô màu tím nhạt và hết sức gọn gàng nhưng ngắn cũn, hình như cô muốn cử động càng khỏi bị vướng víu càng tốt. Tôi nhớ lúc bấy giờ tôi cho nó giống hệt cái bộ đồ cưỡi ngựa với cái tà áo thừa bị cắt cụt hơn giống cái gì hết. Cô mang bên hông một chiếc đồng hồ vàng đàn ông (tôi đoán thế vì căn cứ vào hình dáng và cách chế tạo) với một sợi dây xích và một con đầu thích hợp, ở cổ thấy lộ một cái gì giống cái cổ sơ mi và ở cổ tay có những cái gì giống ống tay áo sơ mi đàn ông.

Ông Đích, như tôi đã nói, đầu tóc hoa râm và da dẻ hồng hào. Đặc điểm ông ta chỉ có thế, trừ cái đầu cúi xuống một cách kỳ quái - mà không phải do tuổi tác, nó làm tôi nhớ đến đầu học trò ông Crichcon sau khi bị đòn - và cặp mắt xám lồi và to lấp lánh ướt một cách kỳ lạ kết hợp với cái thái độ ngơ ngác, cái vẻ phục tùng đối với cô tôi, làm cho tôi ngỡ ông ta hơi điên, mặc dầu, nếu ông ta điên, thì tôi rất thắc mắc không hiểu tại sao ông ta lại ở đây. Ông ăn mặc như mọi người đàn ông thường, mang một chiếc áo véc-tông rộng màu xám, một áo gi-lê, và cái quần trắng. Trong túi nhỏ ở quần có một chiếc đồng hồ và trong túi có tiền. Ông thường rung tiền kêu leng keng và ra vẻ đắc ý lắm.

Jannét là một cô gái rất xinh, da mặt tươi tắn trạc từ mười chín hai mươi, hết sức sạch sẽ. Mặc dầu lúc bấy giờ tôi không thấy có gì để tả nữa, nhưng ngay từ giờ tôi có thể nói rằng sau này tôi mới phát hiện ra rằng chị là một người thuộc hạng con gái mồ côi mà cô tôi nuôi với mục đích giáo dục cho chị xa lánh đàn ông, nhưng điều sợ hãi này

thường thường kết thúc bằng việc bỏ đạo để lấy anh hàng bánh mì.

Gian phòng này cũng sạch sẽ như cô tôi hay Jannét trong khi đặt bút xuống một lát để nghĩ đến nó, tôi đã cảm thấy không khí ở ngoài kia bay vào hoà lẫn với hương thơm của hoa, tôi thấy đồ đạc cũ kỹ lau chùi nhẵn bóng, cái ghế bành bất khả xâm phạm của cô tôi và cái bàn ở sau bức bình phong màu lục và tròn ở cái cửa sổ nhô ra hình vòng cung, cái thảm bằng len, con mèo, cái giá để ấm trà, hai con hoàng anh, đồ sứ cũ, cái bát đựng rượu ngũ vị đầy cả lá hồng khô, cái tủ lớn đựng mọi thứ chai lọ và lạ kỳ thay lại có cả cái thùng tôi nằm trên ghế xô-pha, người đầy bụi bặm đang để ý đến mọi vật nhưng chẳng ăn khớp gì với khung cảnh này cả.

Jannét đã đi nấu nước, bỗng đột nhiên tôi hoảng hốt vì thấy cô tôi giận đến nổi toàn thân cứng đờ và không còn đủ hơi mà kêu.

“Jannét ơi ! Lừa, lừa”

Nghe gọi Jannét vội vàng chạy lên tường chừng như cái nhà phát hoả, nhảy xổ đến một bốn cở ở đằng trước nhà và kéo hai con lừa đã dẫm cả gan giẫm chân lên bốn cở, không kể gì đến chỗ có hai người đàn bà ngồi trên yên, trong lúc đó, cô tôi nhảy xổ ra khỏi nhà nắm lấy giây cương của một con lừa thứ ba do một thằng bé cười và bắt cậu ta phải quay trở lại rồi khỏi cái lãnh thổ thiêng liêng này và cái tát đũa trẻ vô phúc kia đã dẫm dẫn lừa đến vi phạm cái đất đai thần thánh.

Mãi đến giờ, tôi vẫn không hiểu pháp luật cho cô tôi quyền gì về cái bốn cở ấy không, nhưng cô tôi vẫn định

ninh rằng cô có quyền, cho nên đối với cô nó chẳng thành vấn đề nữa. Điều lãng mạn duy nhất trong đời cô mà cô yêu cầu phải trả thù ngay lập tức đó là việc để một con lừa đi qua cái miếng đất thanh khiết ấy. Dù bận tâm vào công việc gì, dù câu chuyện đối thoại cô đang tham dự có thú vị đến đâu, chỉ cần một con lừa xuất hiện là cái luồng tư tưởng kia lập tức thay đổi, và cô nhảy xổ ra. Những bình nước và những bình tưới nằm ở những chỗ bí mật sẵn sàng đổ xuống đầu những đứa trẻ dám xâm phạm. Đằng sau cánh cửa có gậy bất kỳ giờ nào cũng xảy ra những cuộc đột kích và tình trạng chiến tranh diễn ra thường xuyên. Có lẽ đây là một điều kích thích thú vị cho các cậu bé cười lừa, hay có lẽ những chú lừa thông minh nhất đã biết được tình hình này thế nào, nên thích đến gây sự cho thoả cái bản tính bướng bỉnh của chúng chẳng. Tôi chỉ biết rằng trong lúc người ta chuẩn bị nước tắm thì có ba lần bạo động tất cả, trong đó lần cuối là lần kịch liệt nhất. Tôi thấy cô tôi một mình tấn công một chú bé tóc hoe trạc mười lăm tuổi và đập đầu chú vào cổng vườn trước khi chú hiểu cơ sự vì sao. Những sự gián đoạn này đối với tôi lại càng buồn cười hơn, vì đúng lúc ấy cô tôi đang lo cho tôi ăn từng thìa cháo (cô yên trí rằng tôi đang chết đói nên phải bắt đầu cho ăn từng ít một) và chính trong lúc tôi đang há hốc miệng ra thì cô đã bỏ thìa vào bát, mà kêu lên "Jannét ! có lừa !" rồi xông ra tấn công.

Lần tắm này làm cho tôi hết sức dễ chịu. Tôi mới bắt đầu cảm thấy tay chân đau đớn vì nằm ở ngoài đồng và bây giờ tôi mệt mỏi và yếu đuối đến nỗi hầu như không thể tỉnh táo trong năm phút liền. Sau khi tôi tắm xong, hai

người (đây là cô tôi và Jannét cho tôi mặc sơ-mi và quần của ông Đích và quần tôi lại trong hai hay bà cái khăn san lớn. Tôi không biết tôi giống cái gói gì nhưng tôi cảm thấy rất nóng. Tôi cũng cảm thấy rất mệt và buồn ngủ nên tôi lại nằm trên xô-pha như trước và ngủ thiếp:

Điều này có thể là một giấc mơ do hình ảnh tượng tượng mấy lâu nay in vào tâm khảm của tôi, nhưng tôi tỉnh dậy với cảm tưởng rằng cô tôi đã đến cúi đầu vào mặt tôi, vén mớ tóc trên mặt tôi nằm cho dễ chịu, rồi đứng ngắm tôi một hồi lâu. Tai tôi hình như nghe những tiếng “Thằng bé kháu khỉnh” hay “thằng bé tội nghiệp”. Nhưng khi tỉnh dậy, thực không có cái gì khiến cho tôi có thể tin rằng chính cô tôi đã nói thế, vì cô tôi đang ngồi cạnh cánh cửa sổ lớn nhìn ra biển đằng sau cái quạt xanh cắm vào một thứ trục và quay tứ phía.

Sau khi tôi dậy, chúng tôi ăn trưa gồm một con gà quay và một cái bánh pút dinh. Tôi ngồi vào bàn chẳng khác một con gà bị trói, và tay cử động rất khó khăn. Nhưng vì chính cô tôi đã gói ghém tôi lại như thế cho nên tôi không hề than phiền rằng mình bị vướng. Suốt thời gian ấy, tôi hết sức băn khoăn muốn biết cô tôi định đối xử với tôi như thế nào, nhưng cô vẫn ăn trưa hết sức yên lặng, trừ khi thỉnh thoảng nhìn thẳng vào tôi đang ngồi đối diện và nói “Chúa phù hộ chúng con !” điều này cố nhiên không làm cho tôi bớt băn khoăn chút nào.

Sau khi đã cất dọn khăn bàn, và đem rượu anh đào ra (tôi được một cốc) cô tôi cho gọi ông Đích đến. Ông Đích ngồi với chúng tôi và ngó có vẻ hết sức thông minh khi cô tôi bảo ông chú ý đến câu chuyện của tôi mà cô tôi bắt tôi

kể dần dần bằng cách đặt cho tôi một số câu hỏi. Trong khi tôi kể, mắt cô đắm đắm nhìn ông Đích, tôi nghĩ rằng ông này đáng lý ngủ thiếp rồi nếu cô tôi không làm như thế, và mỗi khi ông ta sắp mỉm cười thì lại dừng lại vì thấy cô tôi cau mày. Khi tôi kể xong, cô tôi nói:

“Tại sao con bé tội nghiệp ấy lại lấy chồng lần thứ hai, đó là điều tôi không thể hiểu được”

“Có lẽ cô ta yêu chồng thứ hai !” ông Đích nói.

“Yêu à !” cô tôi lặp lại” ông nói gì thế ? yêu để làm cái gì mới được chứ !”

Ông Đích suy nghĩ một lát, mỉm cười.

“Có lẽ vì cô ta thích”

“Thích à ! Thích với thú, tội nghiệp con bé gặp thằng cha căng chú kiết nào cũng tin nó, rồi để nó hành hạ cho bằng cách này hay cách khác. Tôi không hiểu nó còn muốn gì nữa chứ ! Nó đã có chồng. Nó đã thấy anh chàng Đêvit Copophin từ trần sau khi cả đời chạy theo những con búp bê bằng sáp từ khi còn ở trong nôi. Nó có con rồi, thậm chí có thể nói rằng tối thứ sáu hôm ấy khi nó sinh ra cái thằng đang ngồi đây thì có hai đứa bé ! Thế thì còn đòi gì nữa kia chứ ?”

Ông Đích lắc đầu ngăm với tôi hình như ông ta cho lý luận kia là chắc như đinh đóng cột.

“Thậm chí nó cũng không có được đứa con như mọi người. Tại sao chị của thằng bé này, là Betxi Trótút lại không ra đời ? Thôi, đừng nói với tôi điều đó nữa”.

Ông Đích hình như hoảng hốt lắm.

“Lại còn cái lão thầy thuốc người nhỏ nhắn kia cái đầu nghiêng, cái lão Jenlip hay là cái tên gì tương tự, lão

làm cái trò gì thế ? Lão ta chỉ biết làm mỗi một việc là nói với tôi điều bộ giống như một con chim đỏ, thực đấy, hết như một con chim cổ đỏ “Đó là một thằng bé ! Một thằng bé ! Cả một lũ khốn nạn !”

Cô tôi nói một tràng say sưa làm cho ông đích hoảng hốt hết sức, và thực ra tôi cũng hoảng hốt.

“Thế rồi, hình như thế vẫn còn chưa đủ thì phải, hình như thế vẫn còn chưa đủ tai hại cho người chị thằng này là Betxi Trốítút, nó lại lấy chồng. Nó lấy một thằng giết người⁽¹⁾ (hay một người có tên gì tương tự) và người chồng hành hạ cái thằng bé này ! Và kết quả tự nhiên (điều này chỉ có một đứa trẻ như nó mới không đoán trước được) là cái thằng này lưu lạc cầu bơ cầu bất như một thằng bán rong khi chưa đến tuổi trưởng thành”

Ông Đích nhìn tôi chăm chú xem tôi có giống như điều cô tôi miêu tả không. Cô tôi nói

“Lại còn cái con mụ tên như tên bọn dị giáo, con mẹ Pécgôti kia thế mà cũng đi lấy chồng được ! Chắc là nó chưa thấy hết những tệ hại do hành động này gây ra cho nên nó lại đi lấy chồng như lời thằng bé này kể. Tao chỉ mong sao chồng nó - cô tôi lắc đầu - là một thằng thứ chồng vũ phu như hạng chồng đây rầy trong báo chí và thằng chồng sẽ lấy cái que cời than nện cho nó một trận”.

Nghe người ta phỉ báng người bảo mẫu của tôi như vậy cũng như nghe lời chúc chị Pécgôti như thế tôi không chịu nói. Tôi nói với cô tôi rằng cô đã lầm, tôi nói rằng chị Pécgôti thực là người đầy tớ và người bạn tốt nhất, thành

⁽¹⁾ Cô của Đêvít gọi nhảm Mœxtôn thành Murderer tức là kẻ giết người.

thực nhất, trung thành nhất, tận tụy nhất, vô tư nhất trên đời, rằng bao giờ chị cũng yêu tôi thân thiết và bao giờ chị cũng yêu quý mẹ tôi thân thiết, chị đã lấy tay đỡ lấy cái đầu của mẹ tôi khi mẹ tôi hấp hối và đã được mẹ tôi hôn cái hôn cuối cùng tỏ lòng cảm kích. Trong khi tôi nhớ lại hai người nói rằng nhà của chị Pécgôti là nhà của tôi và đáng lý tôi đã chạy đến nương náu ở đây nhưng vì địa vị thấp hèn của chị nên tôi sợ gây cho chị nhiều khó khăn. Lúc tôi đang tìm cách cắt nghĩa tất cả những điều đó thì tôi khóc oà và gục đầu xuống bàn hay tay úp lấy mặt. Cô tôi nói:

“Phải đấy! Thành bé này bênh vực những người bênh vực nó là phải lắm... Kìa Jannét lừa, lừa”

Tôi tin chắc rằng nếu không có những con lừa bất hạnh kia thì chúng tôi đã hiểu được nhau và cô tôi đã đặt bàn tay lên vai tôi và được khuyến khích, tôi cảm thấy có một cái gì thúc giục tôi cầu xin cô tôi che chở. Nhưng sự gián đoạn này và tình trạng hỗn loạn do trận chiến đầy bên ngoài gây ra đã tạm thời chấm dứt tất cả những ý nghĩ dịu dàng hơn và cô tôi luôn luôn tuyên bố với ông Đích rằng cô kiên quyết yêu cầu pháp luật quốc gia bồi thường và trừng trị tất cả các chủ lừa ở Đơvơ đã xâm phạm vào quyền sở hữu, và việc này kéo dài cho đến bữa uống trà.

Sau khi uống trà, chúng tôi ngồi bên cửa sổ để rình những kẻ xâm lăng mới (nhìn trên vẻ mặt nghiêm trang của cô tôi người ta có cảm tưởng như thế) cho đến khi hoàng hôn xuống và Jannét đặt nển lên bàn cùng với bàn cờ song lục rồi kéo màn. Cô tôi nói với cái vẻ nghiêm trang, ngón tay trở gờ lên như lần trước:

“Bây giờ, ông Đích ạ, tôi có một điều nữa muốn hỏi ông. Ông hãy nhìn đứa bé này”

“Đứa con của Đêvit phải không ?” ông Đích nói, vẻ mặt chăm chú và lúng túng.

“Đúng đấy. Bây giờ ở trong trường hợp ông sẽ làm gì cho nó ?”

“Tôi sẽ làm gì cho đứa con của Đêvit à ?” ông Đích nói.

“Phải đấy” cô tôi nói “vâng, tôi sẽ... tôi sẽ đưa nó đi ngủ”

“Phải đấy Jannét !” cô tôi kêu với cái vẻ đặc ý khoan khoái mà tôi đã nhận thấy từ trước. “Ông Đích thấy đúng quá ! Giường đã chuẩn bị xong chưa, để chúng ta đưa nó lên đi ngủ”

Jannét đáp rằng giường đã chuẩn bị xong và người ta đưa tôi lên gác một cách dịu dàng nhưng có phần nào giống như một anh tù, cô tôi đi trước và Jannét đi cuối cùng. Trường hợp duy nhất làm cho tôi có đôi chút hy vọng là khi cô tôi dừng lại ở cầu thang hỏi tại sao có cái mùi khen khét ở đây, thì Jannét đáp lại rằng chị đã đốt cái áo sơ mi cũ của tôi ở trong bếp. Nhưng ở trong phòng của tôi không có thứ áo quần nào khác trừ cái đồng đồ vật kỳ quái mà tôi đang mặc cô tôi để tôi ngồi lại đấy và báo trước rằng cây nến nhỏ bé của tôi chỉ cháy đúng năm phút và tôi nghe tiếng cửa khóa ở ngoài. Tôi suy nghĩ đi nghĩ lại, đoán rằng có lẽ cô tôi không thể biết gì về tôi nên ngờ rằng tôi có thói quen bỏ trốn, và do đó đã đề phòng để giữ tôi cho chắc chắn.

Căn phòng của tôi xinh xắn ở trên tầng cao nhất nhìn

ra mặt biển sáng ngời ánh trắng. Sau khi cầu nguyện xong và cây nến đã tắt, tôi nhớ rằng tôi ngồi nhìn ánh trắng trên nước, hình như tôi muốn hy vọng nhìn thấy tương lai của tôi trong đó như thấy trong một quyển sách sáng ngời, hay thấy mẹ tôi với em tôi trên trời xuống đi theo con đường sáng ngời kia để nhìn xuống tôi như người đã nhìn tôi khi tôi thấy khuôn mặt đáng yêu của người lần cuối cùng. Tôi nhớ rằng, cái cảm giác trang nghiêm khiến cho tôi mê mải ngắm nhìn cuối cùng nhường chỗ cho tình cảm biết ơn và khoan khoái khi nhìn thấy cái giường căng màn trắng nhất là lại càng biết ơn và khoan khoái khi nằm êm ả trên giường, nấu mình trong những cái khăn giải giường trắng muốt. Tôi nhớ rằng tôi nhớ đến tất cả những nơi vắng vẻ dưới bầu trời ban đêm mà tôi đã ngủ và tôi cầu mong rằng sẽ không bao giờ không cửa không nhà và sẽ không bao giờ quên những người không cửa không nhà - Tôi nhớ, tôi cảm thấy mình bập bênh trôi đi, trôi vào trong thế giới chiêm bao trên con đường sáng ngời mơ mộng kia chạy dài trên mặt biển.

Chương XIV

CÔ TÔI QUYẾT ĐỊNH VỀ SỐ PHẬN TÔI

Buổi sáng, khi tôi xuống nhà, tôi thấy cô tôi đang ngồi trầm ngâm suy nghĩ trước bàn ăn sáng, cùi tay chống lên khay trà đến nổi nước trong cái ấm trà tràn ra ngoài và làm ướt sũng tất cả khăn bàn. Vừa lúc ấy tôi bước vào làm cho những điều suy nghĩ mơ màng của cô tôi biến đi mất. Tôi biết chắc cô tôi đang suy nghĩ về tôi, và hơn bao giờ hết, tôi lo lắng muốn biết ý kiến của cô tôi về tôi như thế nào. Nhưng tôi không dám bày tỏ nỗi lo lắng của mình vì sợ cô tôi nổi giận.

Tuy nhiên, cặp mắt của tôi không dễ bị khống chế như cái lưỡi của tôi, cho nên, trong bữa ăn sáng nó cứ luôn luôn hướng về phía cô tôi. Lần nào cũng thế, tôi không thể nhìn cô tôi suốt mấy phút mà không nhận thấy rằng cô tôi cũng nhìn tôi một cách tò mò và lo lắng, hình như tôi cách cô tôi một khoảng cách mênh mông chứ không phải cô ở bên kia cái bàn tròn. ăn sáng xong, cô tôi dựa vào lưng ghế có vẻ kiên quyết cau mày lại, vòng tay và thả hổ ngấm tôi với một vẻ chú ý căng thẳng đến nỗi tôi cảm thấy hết sức

lúng túng. Vì ăn chưa xong, tôi tìm cách che giấu sự lúng túng của mình bằng cách tiếp tục ăn sáng. Nhưng con dao của tôi chạm vào cái đĩa làm nhúng miếng mỡ bắn thật cao trên không trung chứ không phải là cắt nó để ăn và tôi uống nước chè mắc nghẹn, nước không chịu vào cổ họng. Cuối cùng tôi đành hoàn toàn bỏ bữa ăn và ngồi ở đấy, mặt đỏ bừng, dưới cái nhìn chăm chú của cô tôi. Sau một lúc lâu cô tôi nói “Này cháu !”

Tôi ngẩng đầu lên cung kính nhìn cặp mắt sáng như chớp của cô tôi. Cô tôi nói:

“Cô đã viết thư cho ông ta”

“Cho... ?”

“Cho ông dượng ghê của cháu” Cô tôi nói “Cô đã gửi cho ông ta một bức thư trong đó cô nói rằng ông ta phải chú ý đến, nếu không cô sẽ gây sự với ông ta, cô cam đoan là thế”

“Thưa cô, ông ta có biết cháu ở đây không ?”

Cô tôi gật đầu nói: “Cô nói cho ông ta biết”

“Như thế cháu có bị trao trả lại cho ông ta không ?” tôi lo lắng hỏi:

“Cái đó cô cũng chưa biết” cô tôi nói “Chúng ta hãy xem sao”

“Trời ơi !” tôi kêu lên. “Nếu như cháu phải trở về nhà ông Mocxtôn thì không biết sau này cháu ra sao ?”

“Về vấn đề đó, cô chẳng biết nói sao” cô tôi vừa nói vừa lắc đầu “Thật cô cũng chẳng biết nói gì với cháu. Chúng ta sẽ xem sao...”

Nghe những lời nói ấy tôi mất hết can đảm, cảm thấy rất chán nản và lòng nặng trĩu. Cô tôi không hề tỏ ra

chú ý đến tôi lắm. Một mặt cái tạp dề có yếm bằng cái vải thô mà cô tôi lấy trong tủ ra, cô thân hành rửa sạch tất cả các chén trà và đặt lại lên khay và sau khi đã gấp khăn bàn, đoạn đặt cái khay lên trên, cô rung chuông gọi Jannét bảo đem khay đi. Đoạn cô quét những mẩu bánh với một cái chổi nhỏ (trước đây đã đeo tất tay), cẩn thận đến nỗi cuối cùng trên thảm dường như không còn một chút bẩn còn con nào: Rồi lau chùi vào dọn dẹp căn phòng đã được lau chùi và dọn dẹp như ly như lau. Sau khi đã làm tất cả những công việc này một cách chu đáo, cô tôi tháo tất tay, cởi tạp - dề, gấp lại và đặt đúng vào cái góc tủ mà cô tôi đã lấy ra, cầm hộp đồ may đến đặt lên bàn của mình trước cửa sổ mở rộng rồi ngồi làm việc, đằng sau bức bình phong màu xanh. Cô tôi vừa khâu vừa nói với tôi:

“Cô muốn cháu lên gác hỏi thăm chú Đích và nói cô rất muốn biết quyển “Hồi ký” của chú đã tiến được bước nào chưa?”

Tôi vội vã đứng dậy và làm nhiệm vụ ấy. Cô tôi nhìn tôi bằng khoé mắt một cách chăm chú như nhìn cái kim để khâu chỉ và nói:

“Chắc cháu cho Đích là một cái tên rút ngắn lại chứ gì?”

“Hôm qua cháu vẫn có cảm tưởng rằng cái tên ấy là một cái tên rút ngắn lại, tôi thú nhận”.

“Đừng tưởng chú không có một cái tên dài hơn, nếu như chú thích như vậy”, Cô tôi nói có vẻ kiêu kỳ, “Bablây... ông RixaBablây, đó là tên chính thức của chú ấy”. Tôi đang định hỏi nhỏ, trong lòng cảm thấy tôi sẽ sẵn sàng không đúng với tuổi của mình nếu tôi không nói tên

ông một cách trọn vẹn, nhưng cô tôi đã nói tiếp:

“Nhưng nhất thiết không được gọi chú như thế đấy nhé !” chú không muốn nghe nói đến tên mình. Đó là một điểm đặc biệt của chú. Nhưng dẫu sao cô cũng không tin chắc rằng điều đó không phải là kỳ quặc cho lắm, bởi vì chắc hẳn chú đã bị những người mang tên ấy hành hạ khổ sở, cho nên chú có ác cảm dữ dội. Đích đó là cái tên chú ở đây, cũng như bất kỳ ở đâu, nếu như chú có đi đâu, nhưng điều này không có gì là chắc chắn. Cháu hãy nhớ bao giờ cũng chỉ được gọi chú là chú Đích thôi nhé”.

Tôi hứa vâng lời cô tôi và tôi lên gác để làm nhiệm vụ của mình. Trong khi đi tôi tự nhủ nếu như ông Đích từ lâu đã viết quyển “Hồi ký” với cái tốc độ như tôi đã thấy ông ta làm khi bước xuống cầu thang (nhìn ra cánh cửa mở rộng) chắc hẳn quyển hồi ký đã xong được nhiều. Bao giờ tôi cũng thấy ông ta làm việc chăm chỉ như vậy, cái đầu gần như úp xuống tờ giấy. Ông bị thu hút hoàn toàn đến nỗi tôi có tha hồ thì giờ ngắm một cái điều to tướng bằng giấy đặt ở góc phòng, những cuốn bản thảo lộn xộn, nhiều bút lông ngỗng và đặc biệt một số lượng mực kinh khủng (hình như ông ta có đến hàng tá chai mực, mỗi chai hai lít), trước khi ông nhận thấy sự có mặt của tôi. Ông Đích đặc bút xuống nói:

“À ! thế giới này như thế nào rồi ? chú muốn nói với cháu một điều”, ông nói thêm một giọng rất khẽ “chú không muốn cháu nói với anh... nhưng đến đây ông ra hiệu bảo tôi và ghé môi vào sát lỗ tai của tôi mà nói, “cái thế giới này điên rồi. Điên như ở một nhà thương điên, cậu bé ạ !” ông Đích nói trong khi hít thuốc trong một hộp thuốc

lá hình tròn để trên bàn và cười khanh khách ra vẻ khoái trá lắm. Tôi làm nhiệm vụ của tôi, không dám tỏ ý kiến của mình về vấn đề này. Ông Đích nói:

“Này nhé, cháu hãy gửi lời chào cô Trótút và nói rằng... chú cho rằng chú đã bắt đầu”. Ông Đích nói, đưa tay vuốt những mớ tóc hoa dâm trong khi ngược mắt nhìn có vẻ ái ngại về phía tập bản thảo “cháu có đi học chứ?”

“Thưa chú”, tôi đáp, “Cháu có đi học ít lâu ạ”.

“Cháu có nhớ năm nào”, ông Đích nói, tay cầm lại cái bút mắt nhìn tôi chăm chú để ghi, năm nào vua Saclo I bị chặt đầu không?”

Tôi nói với ông ta theo tôi biết câu này đã xảy ra từ năm một nghìn sáu trăm bốn mươi chín.

“Đúng thế!” Ông Đích nói lấy ngòi bút ngai ngái lỗ tai đưa mắt nhìn tôi ra vẻ ngờ vực “các quyển sách đều nói thế, nhưng chú không hiểu một việc như vậy làm sao có thể xảy ra được. Bởi vì nếu như việc này xảy ra lâu như thế, làm thế nào những người trung quanh ông ta lại có thể phạm điều sai lầm là đem nhồi vào đầu óc chú một phần những điều rối rắm trong đầu óc ông ta sau khi nó đã bị chặt?”

Tôi rất ngạc nhiên về câu hỏi ấy nhưng tôi không trả lời một điều này. Ông Đích buông khuông nhìn những tờ giấy của mình. Rồi lại đưa tay lên vuốt tóc và nói “Thực là lạ nhưng chú không làm sao hiểu được điều đó. Nhưng thôi, kệ xác nó, kệ xác nó!” ông nói vui vẻ, trút bỏ những điều suy nghĩ “ta còn chán thì giờ để nghĩ đến điều đó. Cháu hãy gửi lời chào cô Trótút và bảo cô rằng công việc của chú tiến hành rất tốt đẹp.

Tôi định đi xuống bỗng ông khiến tôi lưu ý đến cái điều ông hỏi tôi:

“Cháu thấy cái điều này thế nào ?”

Tôi trả lời “Nó đẹp lắm” tôi nghĩ rằng nó phải cao đến hai mét. Ông Đích trả lời:

“Chú làm đấy, cả hai chú cháu ta sẽ thả. Cháu có thấy cái này không ?” ông chỉ cho tôi cái điều ấy những chữ viết rất khít nhau và cẩn thận. Những chữ này viết rõ đến nỗi khi liếc mắt nhìn tôi có cảm tưởng còn thấy một hai chỗ nhắc đến cái đầu vua Saclo I ông Đích nói:

“Chú có khối dây và khi nào cái điều lên thật cao thì nó mang những sự kiện đi xa. Đó là cách chú phổ biến những sự kiện đấy. Chú không biết chúng có thể xuống những nơi nào. Cái đó tùy hoàn cảnh, tùy sức gió... nhưng dẫu sao chú vẫn cố gắng.

Ông có một gương mặt hiền lành dễ thương, với cái vẻ đáng kính đến nỗi, tuy bên ngoài ông tỏ ra mạnh khỏe và chắc chắn, nhưng tôi không tự hỏi không biết ông ta có đùa tôi một cách vô hại không. Tôi bèn cười khanh khách, và ông cũng cười, và chúng tôi chia tay một cách thân mật vô cùng. Khi bước xuống, cô tôi hỏi:

“Thế nào cháu, sáng nay ông Đích như thế nào ?”

Tôi nói với cô tôi rằng ông gửi lời chào và công việc ông tiến hành tốt đẹp. Cô tôi hỏi:

“Cháu thấy chú ấy thế nào ?”

Tôi thoáng có ý định trốn tránh câu hỏi ấy bằng cách nói rằng ông là một người rất dễ thương, nhưng cô tôi không phải là hạng người để cho người ta đánh lừa, bởi vì cô tôi đặt túi đồ may lên gối, chấp hai tay lên trên và nói.

“Cứ nói đi, chị Betxi Trótút của cháu chắc chắn sẽ không ngần ngại nói ý nghĩ của mình về bất cứ điều gì. Cháu hãy tỏ ra hết sức giống chị và cứ nói thực đi.

“Có phải... Cháu hỏi cô bởi vì cháu không rõ... có phải đầu óc chú hơi nghênh ngang không?” tôi nói hơi ấp úng bởi vì tôi cảm thấy mình bước vào một nơi nguy hiểm.

“Làm gì có !” cô tôi nói. “Nếu như trên đời có một cái gì không bị rối loạn, thì đó là đầu óc của chú Đích” cô tôi nói giọng kiên quyết và khẳng định.

Tôi không có cách nào hơn là lập lại những lời rụt rè của tôi: “À! Thế à!”.

“Có người cho chú là điên”, cô tôi nói. “Cô cảm thấy một thích thú ích kỷ khi nói rằng người ta cho chú là điên bởi vì nếu như không thế cô đã không được cái đặc quyền làm quen với chú và nghe những lời khuyên của chú, ít nhất là hai mươi năm nay và hơn thế nữa... thực ra thì từ ngày bà chị Betxi Trótút của cháu đã làm cho cô thất vọng.

“Lâu đến thế kia à?” tôi nói.

“Thực rõ buồn cười họ dám cả gan cho chú là điên” cô tôi nói tiếp. “Chú Đích một phần là bà con họ hàng xa với cô không cần phải nói chi tiết về điều đó. Nhưng nếu như không có cô thì anh ruột chú đã giam chú suốt đời...Chỉ có thế”.

Tôi sợ mình đã tỏ ra đạo đức giả, nhưng khi thấy rằng cô tôi tỏ ra phần nộ về vấn đề ấy, tôi cũng cố gắng làm ra vẻ phần nộ.

“Thằng cha ngốc ngếch hợm hĩnh !” cô tôi nói. “Bởi vì ông ta cũng hơi kỳ quặc (tuy vẫn chưa kỳ quặc bằng nhiều người khác), không muốn người ta thấy chú Đích ở

trong nhà mình nên đã đưa chú đến một thứ nhà tế bần của tư nhân: Tuy vậy mồ ma ông cụ thân sinh đã ân cần giao chú Đích cho lão và xem chú Đích gần như là một người bình thường. Ông cụ chắc là một người thông thái mới nghĩ như vậy. Chắc hẳn chỉ có lão là điên mà thôi”.

Một lần nữa cô tôi có vẻ hoàn toàn kiên quyết, nên tôi cũng cố làm ra vẻ kiên quyết. Cô tôi nói:

“Vĩ vậy nên cô đã can thiệp và đề nghị với lão. Cô nói với lão: “Em của anh là một người đầu óc lành mạnh, còn lành mạnh hơn anh nhiều, và anh trước đây cũng như sau này sẽ không bao giờ được như vậy, ta có thể hy vọng như thế. Anh hãy để anh ta hưởng số tiền thu nhập của anh ta và để anh ta đến ở nhà tôi. Tôi không sợ anh ta đâu. Tôi không tự phụ đâu nhưng tôi sẵn sàng chăm sóc anh ta. Và tôi sẽ không ngược đãi anh ta như những người khác đã làm (không kể những người ở nhà tế bần)” “Sau khi đã bàn bạc chán” cô tôi nói, “người ta mới trao chú cho cô và từ lúc ấy đến nay chú vẫn sống ở đây. Chú là con người hiền lành và dễ thương nhất trên đời - nhất là về những lời khuyên ! Nhưng cô là người duy nhất đánh giá được đầu óc của con người này”

Cô tôi vuốt áo và lắc đầu với một cử chỉ dường như thân bành đứng ra thách thức tất cả thế giới.

“Chú có một cô em yêu quý”, cô tôi nói “một người đàn bà hào hiệp, rất tốt đối với chú. Nhưng cô ta đã làm như tất cả mọi người... Cô đã lấy chồng và người chồng đã làm tất cả như mọi người khác... hán đã làm cho cô khổ sở ! Những biến cố này đã tác động mạnh mẽ đầu óc chú Đích (tuy chưa làm cho chú hóa điên !) đến nỗi, cộng với

việc sợ ông anh và thái độ độc ác của người kia, chú ốm. Việc này xảy ra trước khi chú bắt đầu đến đây nhưng ngay cả bây giờ kỷ niệm này cũng vẫn làm cho chú khổ sở. Chú có nói gì với cháu về vua Sácơ đệ nhất không ?”

“Thưa cô, có ạ”

“Ồ!” cô tôi nói, vừa nói vừa gãi mũi có vẻ hơi bực mình “đó là cách nói bóng gió của chú. Dĩ nhiên trong đầu óc chú khi nhớ đến bệnh của mình chú liên tưởng đến sự sáo trộn to lớn và những sự sung đột mãnh liệt và đó là cách nói ẩn dụ và so sánh chú vẫn dùng cháu muốn gọi nó là cái gì cũng được. Và lại tại sao chú lại không làm như vậy, nếu như chú thích ?”

“Cố nhiên là thế” tôi đáp

“Cháu ạ ! nhưng nói như vậy không phải là cách nói thực tiễn, cũng không phải là cách nói của mọi người. Cô biết thế cho nên vẫn nhắc nhở chú đừng nhắc đến nó trong hồi ký”.

“Thưa cô có phải chú đang viết quyển “Hồi ký” về đời mình không ạ ?”

“Đúng đấy cháu ạ !” cô tôi vừa nói lại vừa gãi mũi một lần nữa. “Chú viết hồi ký về đời một ông thủ tướng hay một vị hầu tước nào đấy nhưng dù sao đi nữa ông này cũng trả tiền về việc người ta viết hồi ký những việc làm của mình. Theo ý cô, một ngày kia quyển hồi ký này sẽ đệ trình. Chú vẫn chưa có thể viết mà không đưa nội diễn đạt riêng của chú vào, nhưng cái đó không quan trọng: nó làm chú có công việc để làm”.

Thực vậy sau này tôi nhận thấy rằng đã hơn mười năm nay ông Đích cố gắng không cho vua Sácơ I lọt vào

quyển hồi ký: Nhưng ông vua này cứ luôn luôn lọt vào và vẫn còn nằm lỳ ở đấy. Cô tôi nói:

“Cô nhắc lại rằng không có ai ngoài cô biết giá trị đầu óc con người ấy, con người dễ thương và hiền lành nhất trên đời. Cố nhiên thỉnh thoảng chú cũng muốn thả điều. Điều đó quan hệ gì. Franklin cũng thả điều. Ông ta là một người quay cơ hay một người đại khái như thế. Còn về cái khoản thả điều chỉ một người quay cơ còn lỗ bịch hơn bất kỳ một người nào khác.

Nếu như tôi có thể giả thiết rằng cô tôi đã kể lại những chi tiết này để giáo dục tôi hay để tỏ ra tin cậy tôi thì tôi sẽ rất hân hạnh và tôi sẽ thấy biểu hiện thái độ tin cậy như vậy là một triệu chứng tốt. Nhưng tôi khó lòng không nhận thấy sở dĩ cô tôi giải thích như vậy chủ yếu là vì câu hỏi này hiện lên trong óc cô tôi, chứ không phải vì cô quan tâm đến tôi: Cô nói chuyện với tôi về việc đó chẳng qua chỉ vì không có người nào khác.

Đồng thời, tôi phải nói rằng lòng nhân từ của cô trong việc bênh vực con người tội nghiệp và vô hại là ông Đích không những làm cho con tim thơ dại của tôi nẩy ra một ít hy vọng riêng ích kỷ về phần mình, mà còn khiến cho nó có những tình cảm nồng nhiệt và vị tha đối với cô. Tôi cảm thấy tôi bắt đầu hiểu rằng mặc dầu cô có những cử chỉ kỳ quặc và những tính khí lạ lùng, nhưng lại có đức tính đáng được kính trọng và tin cậy. Mặc dầu hôm ấy cô cũng đột ngột như hôm qua và cứ chốc chốc xông ra đuổi đánh những con lừa và tỏ ra vô cùng phần nộ khi một người trẻ tuổi đi qua trước nhà liếc mắt về phía chị Jannét đang đứng ở cửa sổ “đó là một điều làm tổn hại nhiều nhất

với danh giá của cô” tuy vậy, tôi có cảm tưởng rằng tôi kính trọng cô hơn và bớt sợ cô hơn trước.

Tôi lo sợ của tôi trong thời gian tất yếu xảy ra trước khi ông nhận được thư ông Mọcxtôn trả lời đã lên đến tột bậc. Nhưng tôi cố gắng che giấu nó và cố gắng hết sức để làm cho cô và ông Đích vui lòng. Tôi và ông Đích phải ra ngoài thả cái điều to tướng trong khi tôi không có bộ quần áo nào khác ngoài những thứ áo quần chẳng lịch sự tí nào mà tôi đã mặc ngày đầu tiên. Điều đó bắt buộc tôi phải ở lý trong nhà trừ phi sau khi trời đã tối được một giờ, bởi vì lúc ấy cô tôi dẫn tôi đi bách bộ một cách long trọng trên bờ biển dốc trước giờ đi ngủ để bảo vệ sức khỏe.

Cuối cùng thư trả lời của ông Mọcxtôn đến và tôi hết sức hoảng hốt khi cô tôi cho biết rằng ngày hôm sau ông ta sẽ thân hành đến nói chuyện với cô. Sáng ngày hôm sau, trong khi vẫn bị gói gém trong thứ y phục kỳ quái ấy, tôi ngồi đếm từng giờ, lòng bị sâu sẽ giữa nhưng tia hy vọng mong manh với những mối lo càng ngày càng lớn đến nỗi mặt nóng bừng bừng và đỏ ửng, tôi ngồi đợi cái bộ mặt ứ đọng làm tôi hoảng sợ. Nhưng vì ông chưa đến, nên thỉnh thoảng tôi lại cứ rùng mình.

Cô tôi hơi oai vệ và nghiêm khắc hơn ngày thường nhưng tôi cũng không nhìn thấy cô tỏ ra vẻ chuẩn bị đón ông khách mà tôi hết sức sợ hãi. Cô vẫn ngồi cạnh cửa sổ làm việc và tôi ngồi bên cạnh cho đến lúc đã xế chiều. Tôi nghĩ miên man đến mọi hậu quả có thể xảy ra khi ông Mọcxtôn đến thăm. Bữa ăn trưa bị hoãn lại vô thời hạn. Thấy đã muộn. Cô bảo giọng ăn bồng nhiên cô ra lệnh báo động có lửa đến. Và trời ơi ! kinh hoàng quá ! Tôi thấy cô

Mơxtôn đang ngồi trên cái yên ngựa đàn bà kiên quyết cho lừa đi qua cái bốn cò thiêng liêng và dừng lại ở đằng trước nhà, đưa mắt nhìn quanh.

“Bà đi đi !” cô đứng trước cửa sổ kêu lên, vừa kêu vừa lắc đầu và hoa nắm tay “bà không có phận sự gì ở đây cả ! thế nào ! dám xâm phạm nhà cửa người ta à, cút đi, đồ láo xược !”

Trước thái độ bình tĩnh của cô Mơxtôn cứ đứng nhìn quanh nhìn quẩn cô tôi phát cáu đến nỗi tôi đoán rằng cô tôi sừng sốt trong giây lát nên không thể nào nhảy xổ ra tấn công như ngày thường. Nhân cơ hội ấy, tôi nói cho cô tôi biết đó là cô Mơxtôn, và con người đàn ông lúc này đã đến cạnh cái bà xâm phạm kia (Vì con đường rất dốc nên ông tụt lại sau) chính là ông Mơxtôn đấy.

“Ai thì cũng thế thôi” cô vừa nói vừa lắc đầu hoa tay, những cử chỉ chẳng tỏ ra niềm nở chút nào: “Tao không cho phép bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của tao, tao không chịu được, cút đi ! Jannét đuổi ông ta đi ! Kéo ông ta đi !”.

Và lấp mình sau lưng cò, tôi thấy một cảnh chiến đấu vội vàng. Cô lừa guỗi thẳng bốn vó ra bốn phía, kháng cự lại tất cả mọi người, Jannét nắm cương để kéo nó quay ra, ông Mơxtôn tìm cách làm cho nó tiến lên. Cô Mơxtôn lấy cái ô đánh vào người Jannét và mấy thằng nhãi đến nhìn trận chiến đấu cứ trương gân trương cổ ra mà hét. Đột nhiên cô tôi nhận ra trong số này có thằng nhãi con tai ác vốn là một trong những kẻ thù sinh tử của cô mặc dầu nó không đến mười ba tuổi, nên cô nhảy xổ ra chiến trường tóm lấy nó và bắt nó làm tù binh. Cô tôi kéo

nó vào vườn, cái áo chèn của nó bị chùm lên cả đầu và hai gót chân nó kéo lê dưới đất. Cô vừa kéo vừa kêu Jannét đi tìm cảnh sát và toà án để bắt xử và thi hành ngay tại trận, trong khi vẫn giữ chặt đến nó ở đấy. Tuy nhiên giai đoạn này không kéo dài được bao lâu, vì thằng lưu manh này lại rất thạo cái mảnh khoé lẩn tránh, một thứ nghệ thuật mà cô tôi không hề nghĩ đến, nên chỉ trong chốc lát là nó chạy trốn được, vừa chạy vừa reo, để lại dấu giày dính của nó, trên các bồn hoa và dẫn con lừa đi, dương dương tự đắc.

Trong giai đoạn cuối cùng của trận chiến đấu này, cô Mécxtôn đã bước xuống, cô cùng đứng với ông em ở dưới thêm đợi cho cô tôi có thì giờ rảnh để tiếp nhưng hơi bức mình về cuộc chiến đấu này, cô đi bên cạnh họ hết sức trang trọng rồi bước vào nhà hầu như không hề biết rằng họ đang đợi ở đấy, cho đến khi Jannét đến báo.

“Thưa cô cháu có nên rút lui không ?” Tôi vừa hỏi vừa run.

“Không ! Cố nhiên là không !”

Nói xong cô đẩy tôi vào góc bên cạnh cô và lấy một cái ghế chặn lại, tựa hồ như đó là một nhà tù hay một cái vành móng ngựa. Tôi vẫn ngồi ở cái vị trí như thế suốt cả một cuộc hội đàm và đứng đấy tôi thấy ông Mécxtôn và cô Mécxtôn bước vào phòng. Cô tôi nói:

“Trước hết, tôi không biết là phải nói chuyện với ai, nhưng tôi không cho phép ai được cười lừa đi qua bồn cỏ. Bất kỳ ai cũng thế, tôi không cho ai làm thế cả”

“Luật lệ của cô quả là phiền phức cho những người lạ” cô Mécxtôn nói.

“Thật không ?” cô tôi nói.

“Ông Mọcxtôn hình như sợ chiến sự lại tái diễn nên ông vội vàng nói xen vào: Thưa cô Trótút”.

“Xin lỗi ông !” cô nói đưa mắt nhìn ông một cách sắc sảo “có phải ông là cái ông Mọcxtôn đã lấy bà vợ của người cháu của tôi đã qua đời là Đêvit Copophin ở nhà Ô-lư ở Blondoxton không ? Thực ra tại sao lại gọi là Ô-lư nhỉ? tôi vẫn không rõ”.

“Chính tôi” ông Mọcxtôn nói:

“Xin ông tha lỗi” cô tôi nói “tôi muốn nói với ông rằng lẽ ra ông nên để con bé tội nghiệp được yên thân thì tốt hơn nhiều !

Cô Mọcxtôn ngẩng đầu lên:

“Tôi rất đồng ý với cô Trótút về nhận xét ấy, vì theo tôi thấy, cô Clara tội nghiệp của chúng ta chỉ là một đứa trẻ con về tất cả những điều căn bản ở trên đời”

“Thưa cô” cô tôi đáp “quả là một điều an ủi cho tôi và cô là những người đã đứng tuổi khi không còn phải sợ rằng sức hấp dẫn của chúng ta sẽ là một điều bất hạnh cho chúng ta và cũng không sợ ai nói về chúng ta như thế”.

“Dĩ nhiên !” cô Mọcxtôn đáp lại. Nhưng tôi thấy cô ta nói thể chẳng vui lòng và niềm nở tí nào, “lẽ ra em tôi không nên kết hôn với cô ta thì hơn nhiều. Xưa nay tôi vẫn nghĩ thế”

“Cố nhiên tôi vẫn tin rằng cô nghĩ như vậy” cô tôi nói và rung chuông gọi chị Jannét “Jannét chị lên bảo ông Đích tôi gửi lời chào và mời ông xuống”

Trong khi chờ đợi ông đến, cô tôi ngồi thẳng tắp nhìn vào tường vẻ mặt nghiêm nghị. Khi ông đến, cô tôi giới thiệu:

“Đây là ông Đích, một người bạn già thân” và cô tôi lên giọng để cho ông cảnh giác vì ông đang cần ngón tay trở có vẻ ngốc nghếch “Tôi rất tin ở nhận xét của ông ta”.

Ông Đích nghe lời nói bóng gió ấy liền rút ngón tay ra khỏi miệng và đứng thẳng ở giữa nhóm lộ vẻ trang trọng và chú ý. Cô tôi nghiêng đầu về phía ông Mợxtôn và ông nói tiếp:

“Thưa cô, nhận được thư cô, tôi thấy dễ lòng tỏ ra công bình với tôi hơn, và có thể dễ tỏ lòng kính trọng cô hơn”.

“Rất cảm ơn” cô tôi vừa nói vừa quan sát ông chăm chú “Xin ông đừng bận tâm về tôi”

“Tôi phải thân hành đến trả lời trực tiếp, dù cho đường xa cách trở diệu vợi đến thế nào, chứ không trả lời bằng thư về thằng bé bất hạnh này là đứa đã chạy trốn bạn bè và cộng việc...”.

“Và bộ tịch thì” bà chị nói xen và, làm cho mọi người chú ý đến bộ quần áo khó tả của tôi “đến là xấu hổ nhục nhã !”

“Chị jan !” ông em nói “xin chị đừng ngắt lời tôi. Đứa bé bất hạnh này, thưa cô, đã gây nhiều buồn phiền và rầy rà trong gia đình chúng tôi, khi bà vợ thân yêu của tôi còn sống và từ khi nhà tôi mất. Nó là đứa trẻ cau có, đầu óc bướng bỉnh, ngang ngạnh, tính khí hung dữ, bản chất ngỗ ngược và bất trị. Chị tôi và tôi đã hết sức chữa những thói hư tật xấu của nó, nhưng đầu lại hoàn đẫy. Và tôi đã nhận thấy (hai người chúng tôi hoàn toàn tin cậy) rằng nên để cho cô nghe lời tuyên bố trịnh trọng và vô tư của chúng tôi”.

“Tôi chẳng cần phải chứng thực gì thêm để khẳng định lời em tôi đã nói” cô Mọcxtôn nói “Tôi chỉ xin mạn phép nói thêm rằng trong tất cả những đứa trẻ trên thế gian này nó là đứa trẻ hư hỏng nhất”

“Nói thế cũng hơi quá” cô tôi trả lời.

“Không quá đâu” cô Mọcxtôn nói “sự thực là thế”

“Ghê nhỉ !” cô tôi hỏi “còn ông, ông thấy thế nào ?”

“Tôi có ý kiến riêng của tôi về vấn đề giáo dục của nó”. Ông Mọcxtôn nói tiếp nét mặt càng ngày càng sa sầm, trong khi cô tôi và ông ta nhìn càng sát mặt nhau hơn, điều đó căn cứ một phần theo những điều tôi biết do nhận xét của tôi và sự hiểu biết của tôi. “Tôi chỉ chịu trách nhiệm trước tôi, tôi làm việc là có căn cứ và không cần phải nói thêm gì nữa. Tôi chỉ cần nói rằng tôi đã giao thằng bé này cho một người bạn giám sát, làm một nghề vinh dự, nhưng hắn không thích, hắn bỏ trốn chạy lang thang như một thằng ma cà bông khắp thôn quê. Hắn đến đây ăn mặc rách rưới nhờ cô che chở. Cô Trótút ạ tôi muốn nói trắng với cô không úp mở gì hết, để cho cô thấy kết quả cụ thể của sự giúp đỡ mà cô có thể đưa đến cho hắn”.

“Nhưng trước hết ta hãy nói đến cái nghề vinh dự kia đã” Cô tôi nói “Nếu nó là con đẻ của ông thì ông có để nó làm như thế không ?”

Cô Mọcxtôn nói xen vào.

“Nếu nó là con trai em tôi thì tính khí nó chắc đã khác hẳn rồi”

“Hay là nếu như người mẹ tội nghiệp của nó còn sống thì nó có được làm cái nghề vinh dự ấy không ?” cô tôi nói.

Ông Mọcxtôn nghiêng đầu nói

“Tôi tin rằng Clara sẽ không bao giờ phản đối điều mà chúng tôi, chị Jan Mọcxtôn và tôi cho là tốt nhất”

Cô Mọcxtôn xác nhận điều đó bằng một lời lẩm bẩm nghe rất rõ. Cô tôi nói:

“Hèm ! Con bé tội nghiệp”

Ông Đích từ nãy đến giờ vẫn cứ mãi lo lúc lắc tới tiền, lúc bấy giờ lại càng lúc lắc mạnh đến nỗi cô tôi cảm thấy cần phải đưa mắt bắt ông ta ngồi yên trước khi nói.

“Thế tiền lời hàng năm của con bé tội nghiệp kia cũng mất luôn khi nó chết hay sao ?”

“Vâng... mất luôn khi chết” ông Mọcxtôn trả lời

“Và tài sản nhỏ bé của nó, cái nhà và cái vườn cái Ô-lư, Ô liếc gì đấy mà chẳng có quạ kiếc gì cả, không phải là để lại cho đứa con bà ta à ?”

“Tất cả những cái đó đã được người chồng cũ để lại cho nhà tôi vô điều kiện...”

Ông Mọcxtôn bắt đầu nói thì cô tôi ngắt lời một cách hết sức bức bối và giận dữ:

“Trời ơi ! Đúng là như thế rồi. Để lại vô điều kiện. Tôi chẳng thấy Đêvit Copophin nghĩ trước đến một thứ điều kiện nào hết, mặc dầu tình hình đã rõ như ban ngày. Cố nhiên là gia tài để lại cho vợ không có điều kiện gì hết. Nhưng khi con bé tái giá, khi nó phạm cái sai lầm thảm hại là lấy ông, tôi xin nói thẳng không úp mở gì, chẳng có ma nào nói một lời giúp thẳng bé này hay sao ?”

“Mồ mà nhà tôi yêu người chồng thứ hai thừa cô” ông Mọcxtôn nói “và hoàn toàn tin ở ông ta”

“Mồ ma nhà ông, thừa ông” cô tôi lắc đầu “là một

con bé không hiểu nhân tình thế thái, bất hạnh nhất trên đời. Nó như thế đấy. Và bây giờ ông muốn nói gì nữa”

“Cô Trốtút, chỉ thế này thôi” ông ta đáp lại. “Tôi đến đây là để đem thằng Đêvit về. Đem nó về không có điều kiện gì hết. Để đối xử với nó như thế nào thì mặc xác tôi, để xử trí với nó như thế nào thì thấy kệ tôi. Tôi không đến đây để hứa hẹn, cũng không phải để cam kết với bất kỳ ai. Có thể là cô đã khuyến khích nó bỏ trốn và nghe theo lời kêu ca của nó. Thái độ của cô, tôi phải nói rằng không phải là thái độ hoà giả chút nào cả, và nó bắt tôi phải nói như vậy. Vậy thì bây giờ tôi phải báo trước cho cô biết rằng, nếu cô ủng hộ nó một lần thì cô phải ủng hộ nó đến cùng, nếu cô đã xen vào giữa nó và tôi, thì sự can thiệp của cô phải là vĩnh viễn. Tôi không đùa đâu và đừng có đùa với tôi. Lần này tôi đến đây là để đem nó đi và đó là lần cuối hay nếu cô bảo với tôi rằng nó không muốn, thì thưa cô, vì bất kỳ lý do gì tôi cũng mặc, cánh cửa nhà tôi vĩnh viễn đóng lại không cho nó vào và tôi cho rằng đương nhiên cô sẽ mở cửa đón nó”.

Cô tôi lắng nghe bài diễn văn này với cái vẻ chăm chú hết sức, người ngồi thẳng tắp hơn bao giờ hết, hai tay vòng lại trên đầu gối và mắt nhìn một cách dữ tợn vào người nói. Khi ông ta nói xong, cô quay mắt như ra lệnh cho cô Mọcxtôn nhưng vẫn không hề thay đổi dáng điệu và nói với cô ta.

“Còn cô, cô có gì nói thêm nữa không?”

“Thưa cô” cô Mọcxtôn nói “Thực quả tất cả những điều tôi muốn nói đã được em tôi nói đầy đủ rồi. Tất cả những sự thực mà tôi biết đã được em tôi trình bày rõ rệt

quá rồi, đến nỗi tôi chỉ còn biết cảm ơn sự nhả nhận... sự nhả nhận hết sức quý hóa của cô”

Cô Mọcxtôn nói một cách mỉa mai nhưng chẳng hề ảnh hưởng gì đối với cô tôi, cũng như nó chẳng hề gây ảnh hưởng gì đối với khẩu súng lớn ở Sátham mà tôi đã nằm ngủ bên cạnh.

“Còn thằng bé này”, cô tôi nói “Mày nói gì, mày có muốn đi không hở Đêvit?”

Tôi đáp lại rằng “không” và tôi van lay cô tôi đừng để tôi đi. Tôi nói rằng ông Mọcxtôn và cô Mọcxtôn chẳng bao giờ yêu tôi cả, rằng họ không bao giờ đối tốt với tôi, tôi biết rõ rằng họ đã làm cho mẹ tôi nghiệp của tôi khổ sở về tôi, và chị Pécgôti cũng biết điều đó. Tôi nói rằng chỉ nhìn tuổi của tôi thì người ta không thể tin rằng tôi đã khổ sở đến thế. Tôi xin và tôi cầu khẩn cô tôi (tôi không nhớ tôi nói như thế nào nhưng tôi nhớ rằng những lời nói làm cô tôi rất cảm động) che chở tôi và bảo vệ tôi vì tình yêu đối với cha tôi. Cô tôi nói:

“Ông Đích ! Bây giờ tôi phải đối xử với đứa bé này thế nào?”

Ông Đích suy nghĩ, ngần ngại, rồi vẻ mặt của ông sáng bừng lên và ông nói:

“Đo và cắt ngay cho nó một bộ quần áo”

Cô tôi đắc chí.

“Ông Đích ! cho tôi được bắt tay ông, kiến thức của ông thật là vô giá”

Rồi sau khi bắt tay ông Đích nồng nhiệt, cô tôi kéo tôi về phía cô tôi và nói với ông Mọcxtôn:

“Ông muốn đi khi nào tùy ý, tôi giữ thằng bé này, tôi

chịu mọi may rủi. Nếu nó thật ra như ông nói, thì ít nhất tôi cũng có thể làm như ông đã làm. Nhưng tôi chẳng tin ông chút nào hết”

Ông Mọcxtôn nhún vai đứng dậy.

“Thưa cô... nếu cô là đàn ông”

“Ồ nói bậy ! Im đi !” cô tôi nói.

Cô Mọcxtôn đứng dậy:

“Thực nhả nhẩn quá thể ! thể này là quá lắm !”

“Ông tưởng” cô tôi giả vờ không nghe lời nói của bà chị và vẫn tiếp tục nói với ông em, đồng thời lắc đầu một cách đầy ý nghĩa “ông tưởng tôi không biết con bé khổ sở tội nghiệp lắm đường lạc lối đã bị ông bắt nó phải sống như thế nào sao ? Ông tưởng rằng tôi không biết cái ngày rủi ro kia đối với con bé hiền lành ấy, khi ông xuất hiện trên đường đời của nó lần đầu tiên mỉm cười liếc mắt đưa tình sao ? Lúc bấy giờ tôi đánh cuộc rằng ông có vẻ hiền lành như căn cục cơm không vỡ”

“Tôi chưa hề nghe ai nói nhả nhẩn như thế bao giờ “
Cô Mọcxtôn nói

“Ông tưởng rằng tôi không hiểu ông rất rõ mặc dầu tôi không thấy bao giờ sao ?” cô tôi nói tiếp “Bây giờ được thấy ông và được nghe ông nói (tôi xin nói thẳng với ông rằng đó không chút nào là một điều vui thú cho tôi). Ôi ! Lay chúa ! Trước kia có ai hiền lành và mềm mỏng cho bằng ông Mọcxtôn. Con bé tội nghiệp ngây thơ chưa hề thấy ai như thế. Ông ta dịu hiền tốt bụng ! Ông ta nuông chiều thẳng bé, ông ta say mê nó.

Ông ta sẽ là một ông bố thứ hai của thằng bé và họ sẽ sống cùng nhau vui sướng trong một cái vườn hồng chứ

gì nữa ? Thôi ông đi đi cho tôi nhờ ! ông đi đi !” cô tôi nói.

“Tôi chưa bao giờ nghe ai nói thế bao giờ” Cô Mọcxtôn kêu lên.

“Thế rồi một khi ông đã nắm chắc được đứa bé đại đột kia (Chúa tha lỗi cho tôi, vì đã gọi như thế đối với một người nay đã ở một nơi mà ông chẳng vội vàng gì đến đó) hình như ông chưa cho như thế đã là khổ cho mẹ con nó lắm rồi, nên ông mới bắt đầu huấn luyện nó chứ gì ? Ông bắt đầu bằng cách bắt nó phải phục tùng, ông bỏ nó vào lồng, ông làm cho nó chết dần chết mòn bằng cách bắt nó phải hát theo điệu hát của ông. Đúng chưa nào ?”

“Quả thực là điên rồ hay say rượu mới nói như thế”. Cô Mọcxtôn, nói trong cảnh tuyệt vọng vì không thể nào làm cho cô tôi hướng mũi về phía mình và tôi ngờ rằng cô ta say.

Cô Betxi không hề chú ý đến việc cô Mọcxtôn ngắt lời mình, vẫn tiếp tục nói với ông Mọcxtôn.

“Ông Mọcxtôn”, cô tôi vẫy ngón tay trở về phía ông, “ông đã biến thành một tên bạo quân đối với con bé ngây thơ kia và ông đã làm cho con tim nó tan nát. Nó là một đứa bé dễ thương, tôi biết như thế và tôi biết điều đó từ lâu trước khi ông thấy nó, thế mà ông lại đã chọn chỗ nhược điểm nhất của nó để đánh những đòn trí mạng làm cho nó chết. Sự thực là thế đấy, tôi xin nói cho ông rõ, dù ông thấy thích hay không cũng mặc. Và ông và những kẻ là công cụ của ông, có thể tận dụng kinh nghiệm ấy”

Cô Mọcxtôn ngắt lời:

“Cô cho phép tôi hỏi cô dùng cái danh từ kỳ quặc mà tôi không quen nghe: “công cụ của em tôi” để ám chỉ

ai đây ?

Cô Betxi vẫn giả vờ điếc không nghe gì và vẫn cứ trơ trơ.

“Như tôi đã nói với ông, rõ rệt là đã nhiều năm trước khi ông thấy nó (và tại sao tạo hoá lại xếp đặt một cách huyền bí để cho ông không thấy nó thì quả là điều lý trí con người không thể hiểu được), rõ ràng là con bé tội nghiệp hiền lành kia trước sau gì cũng tái giá. Nhưng tôi hy vọng rằng việc này sẽ không đưa đến những kết quả tai hại như thế. Đó là lúc nó đã sinh thằng bé này, thưa ông Mocxtôn, cái thằng bé tội nghiệp mà về sau thỉnh thoảng ông lại đem ra hành hạ để làm cho mẹ nó khổ sở. Nó là một cái kỷ niệm không thú vị, nên nhìn thấy nó là ông khó chịu. Khốn nạn ! ông cau mày làm gì” cô tôi tiếp tục “ông không cau mày tôi cũng thừa biết là đúng”.

Trong suốt thời gian này, ông Mocxtôn đứng ở gần cửa nhìn cô tôi chăm chú miệng mỉm cười nhưng đôi lông mày đen cau nhú lại. Bấy giờ tôi nhận thấy rằng trong khi đang cố mỉm cười, mặt ông ta đột nhiên tái mét và có vẻ thờ hỏn hển, như một người vừa chạy xong. Cô tôi nói.

“Xin chào ông ! và từ biệt”. Và đột nhiên quay lại về phía bà chị, cô tôi nói “Chào cả cô nữa. Nếu tôi còn thấy cô cười lừa đi qua bốn cửa nhà tôi thì thế nào tôi sẽ vứt mũ ném xuống đất và lấy chân mà chà. Tôi không nói đùa đâu!”.

Phải có một hoạ sĩ, và một hoạ sĩ tài giỏi mới có thể diễn tả được bộ mặt của cô tôi trong khi cô tôi phát biểu cái tư tưởng hết sức đột ngột ấy, cũng như bộ mặt của cô Mocxtôn khi nghe nói. Nhưng giọng nói của cô tôi cũng

hung tợn chẳng kém gì nội dung câu nói, cho nên cô Moxton chẳng nói chẳng rằng len lén nắm lấy tay em và vênh váo bước ra khỏi nhà. Cô tôi vẫn đứng ở cửa sổ nhìn họ đi. Tôi biết chắc chắn cô tôi sẵn sàng thực hiện điều hăm dọa nếu con lừa lại xuất hiện. Nhưng vì không ai tìm cách thách thức cô tôi, nên gương mặt cô tôi tươi dần và có vẻ đáng yêu đến nỗi tôi đánh bạo ôm hôn cô và cảm ơn. Tôi làm điều đó rất thật tình hai tay bá lấy cổ cô tôi. Đoạn cô bắt tay ông Đích và ông bắt tay tôi ríu rít, và chào mừng kết quả may mắn này của các biến cố bằng những tràng cười rộn rã. Côi tôi nói với ông Đích.

“Ông với tôi sẽ cùng bảo lãnh thằng bé này”

“Tôi rất sung sướng được làm người bảo lãnh cho đứa con của Đêvít” ông Đích nói.

“Tốt lắm” cô tôi nói “công việc như thế là xong. Tôi đang nghĩ đến một việc ông Đích ạ. Tôi có thể gọi nó là Trốtút được không?”

“Cố nhiên cứ gọi nó là Trốtút chứ” ông Đích nói “Trốtút con Đêvít”.

“Ông nói Trốtút Copophin chứ?” cô tôi hỏi.

“Cố nhiên. Vâng Trốtút Copophin” ông Đích nói hơi sùng sốt.

Cô tôi rất làm khoái chí về những ý nghĩ này đến nỗi cô thân hành viết bằng mực giặt không phai vào những áo quần may sẵn mà chiều ấy người ta mua cho tôi hai chữ “Trốtút Copophin” trước khi tôi mặc vào người, và người ta đã quyết định tất cả những quần áo khác cắt may theo người (cả một mớ áo quần đặt may chiều hôm ấy) cũng sẽ mang nhãn hiệu ấy.

Và thế là tôi bắt đầu một cuộc đời mới với một cái tên mới và giữa những sự việc hầu hết đều mới mẻ đối với tôi. Bây giờ một khi tình trạng ngỡ vực đã qua tôi cảm thấy trong bao nhiêu ngày như mình sống trong giấc chiêm bao. Tôi không bao giờ nghĩ rằng tôi có hai người đỡ đầu kỳ quặc là ông Đích và cô tôi. Tôi không nghĩ rõ rệt về phần tôi. Có hai việc hiện ra rõ rệt nhất ở trong óc tôi, đó là cuộc đời ở Blonđoxton nay đột nhiên đã thành xa lơ xa lắc - hình như nó nằm trong đám sương mù, một nơi nào xa tít và một tấm màn đã vĩnh viễn rơi xuống cuộc đời của tôi ở Công ty Mọcxtôn và Grinbi. Từ bây giờ không ai vén tấm màn này lên nữa. Ngay trong khi kể lại ở đây, tôi cũng vén nó lên một chốc một cách ngại ngùng và vui vẻ buông nó xuống. Kỷ niệm của cuộc đời ấy làm tôi đau đớn quá, nó bắt tôi khổ sở về tâm hồn và tuyệt vọng đến nỗi tôi không bao giờ đủ can đảm nhìn xem tôi đã phải chịu đựng nó bao lâu. Nó kéo dài một năm, hơn một năm hay ít hơn, tôi không biết. Tôi chỉ biết rằng điều đó đã xảy ra và thôi không xảy ra nữa, và tôi đã nói rồi và không nhắc đến nó nữa.

chương XV

TÔI LẠI BẮT ĐẦU.

Chẳng bao lâu, ông Đích và tôi trở nên đôi bạn chí thân, và nhiều khi, sau công việc hàng ngày của ông đã xong, chúng tôi kéo nhau ra ngoài thả cái điều to tướng. Ngày này trong đời tôi cũng ngồi một hồi lâu để viết quyển “Hồi ký” của mình. Nhưng công việc này chẳng tiến được bước nào, dù ông có việc làm kỳ khu đến đâu, bởi vì chỉ trong chốc lát là vua Sácơ đệ nhất lại lọt vào đầu óc ông, và thế là ông phải bỏ “Hồi ký” để viết một cái khác. Nhìn thái độ kiên nhẫn và hy vọng của ông trước những thất vọng liên tiếp, nhìn ông bất lực không sao xua đuổi vua Sácơ đệ nhất ra khỏi quyển “Hồi ký”, ở đất ông cảm thấy mang máng rằng sự có mặt của vua Sácơ là quái gở. Thấy ông Vua kia luôn luôn xuất hiện trong tập “Hồi ký”, làm cho tất cả các kết cấu của tác phẩm bị xáo trộn hết, tôi rất cảm động. Quyển “Hồi ký” này nếu viết xong thì ông Đích sẽ dùng để làm gì, sẽ gửi nó đi đâu, ông sẽ chờ đợi nó đem đến những kết quả gì ? Tôi nghĩ rằng ông Đích không biết điều đó được cũng như bất kỳ ai. Và

chăng, ông hoàn toàn không cần phải bận tâm về những câu hỏi như vậy, bởi vì nếu như trên đời có một điều gì chắc chắn thì đó là quyển “Hồi ký” này sẽ không bao giờ xong.

Nhìn ông Đích theo dõi cái điều khi điều đang bay trên bầu trời lồng lộng thật là một cảnh tượng đến cảm động. Khi ngồi trong phòng, ông bảo tôi rằng ông tin cái điều sẽ truyền bá những ý kiến ông dán ở trên (Vì những tờ này chính là những tờ “Hồi ký” đã vứt bỏ). Có lẽ ý nghĩ kỳ quặc ấy thỉnh thoảng cũng đến với ông, những ông đã quên bằng điều đó mỗi khi đứng ngoài trời, mắt nhìn lên cái điều vọi vọi trên trời cao và cảm thấy sợi dây của nó đang giật giật trong tay. Lúc bấy giờ về mặt ông bình thản vô cùng. Buổi chiều khi đứng bên cạnh, trên sườn đồi cỏ xanh mơn mẫm, và cứ nhìn ông theo dõi cái điều bay trên trời cao tít trong không khí yên lặng, trí óc non nớt của tôi có cảm tưởng rằng nó nó đang mang tinh thần ông vượt qua khỏi tình trạng rối loạn, đưa tinh thần ông lên bầu trời cao tít. Mỗi lần ông cuốn sợi dây và cái điều cứ hại xuống dần, rồi khỏi ánh sáng rực rỡ để cuối cùng rơi xuống nằm run rẩy trên mặt đất như một con vật chết, ông Đích dường như dần dần bình tĩnh khỏi một giấc mơ, và tôi hồi tưởng thấy ông nhặt cái điều đoạn đưa mắt nhìn quanh có vẻ hốt hoảng dường như bản thân ông cũng vừa rơi tõm xuống đất đến nỗi trong thâm tâm ông ái ngại cho ông quá.

Trong khi càng ngày càng được ông Đích yêu mến, tôi cũng được người bạn chân thành của tôi là cô tôi yêu quý không kém. Cô tôi đối xử với tôi thân mật đến nỗi sau

vài tuần cô rút ngắn cái tên mới chấp nhận là Trốtút

thành Trốt và thậm chí khuyên tôi hãy hy vọng rằng nếu như ngoan ngoãn như từ trước đến giờ, thì tôi có thể được cô tôi yêu như chị Betxi Trốtút của tôi.

Một buổi tối, khi bàn cờ song lục đã đặt trước lên bàn như mọi ngày để cho cô tôi và ông Đích chơi, cô tôi nói:

“Trốt ạ, không thể nào quên lãng việc học hành của cháu được”

Điều đó là điều duy nhất làm tôi băn khoăn lo lắng cho nên khi cô tôi nhắc đến thì tôi mừng quỳnh. Cô tôi nói.

“Cháu có muốn đi học ở Cantorbori không?”

Tôi trả lời rằng tôi rất thích được đi học vì học ở đây sẽ được gần cô. Cô tôi nói:

“Được, cháu có muốn đi ngay ngày mai không?”

Việc làm của tôi vẫn thường nhanh chóng như vậy. Tôi đã quen với điều đó, nên cũng không ngạc nhiên trước đề nghị đột ngột này. Tôi đáp:

“Thưa cô, có ạ”

“Thế thì tốt lắm!” cô tôi lại nói tiếp “Jannét”, chị đi thuê chiếc xe ngựa và con ngựa xám để mười giờ sáng mai ta đi, và sắp xếp áo quần cho cậu Trốtút ngay tối nay”

Nghe cô tôi ban bố những mệnh lệnh ấy, tôi sướng mê, nhưng con tim tôi lại trách rằng tôi ích kỷ khi tôi nhận thấy ảnh hưởng của nó đối với ông Đích. Ông Đích nghĩ đến cảnh tượng sắp phải chia tay mà đắm nản, do đó đã chơi cờ tới đến tối, sau khi lấy cái hộp đựng “đê”⁽¹⁾ gõ lên

⁽¹⁾ Vật lỏng ở ngón tay để khâu và thêu

ngón tay ông mấy lần để cảnh cáo, cô tôi bèn xếp bàn cờ lại không chịu chơi với ông nữa. Nhưng khi nghe cô tôi nói rằng thỉnh thoảng ngày thứ bảy tôi sẽ được về nhà, còn thỉnh thoảng cũng có thể đến thăm tôi vào ngày thứ tư, thì ông bỗng tươi tỉnh hẳn lên. Ông hứa sẽ làm cho tôi một cái điều mới, kích thích to hơn nhiều so với cái điều cũ để thả chơi vào dịp ấy. Sáng hôm sau, ông lại ỉu xiu xiu và sẵn sàng cho tôi cả số tiền ông có, cả những đồng tiền vàng cũng như những đồng tiền bạc, nếu như cô tôi đã không cản lại và chỉ cho ông tặng tôi năm si-linh mà thôi. Nhưng vì ông khẩn khoản yêu cầu nên sau đó số tiền này đã được nâng lên mười si-linh. Chúng tôi chia tay bên hàng chân song ở cửa vườn hết sức thân mật, và ông Đích chỉ bước vào nhà sau khi chiếc xe ngựa do cô tôi đánh đã mang tôi đi khuất.

Cô tôi phớt tỉnh dư luận, cứ đánh con ngựa xám đi qua các đường phố thành Đơvơ một cách rất cừ, cô ngồi thẳng tắp và ngất ngheo như một người đánh xe của nhà nước, đôi mắt luôn luôn để ý đến con ngựa và kiên quyết không cho nó được tự do một phút. Nhưng khi đã ra đến ngoại thành thì cô cũng để cho nó đi thông thả đôi chút. Cô cúi xuống nhìn tôi trong khi tôi đang ngồi bên cạnh, lọt thỏm trong cả một thung lũng những gối là gối, và cô hỏi tôi có sung sướng không ? Tôi nói

“Cháu sung sướng lắm cô ạ, cháu cảm ơn cô lắm”

Cô tôi rất hài lòng, nhưng vì cả hai tay đều bận nên cô tôi lấy cái roi ngựa gõ gõ lên đầu tôi. Tôi hỏi:

“Trường ấy có to không hở cô ?”

“Của đáng tội cô cũng có biết đâu. Ta hãy đến ông

Uychcophin trước đã”.

“Có phải ông ta quản lý một cái trường à ?” tôi hỏi.

“Không ! Ông ta coi một phòng quản lý văn khế”

Thấy cô tôi không cho tôi biết một chi tiết nào khác về ông Uychcophin, nên tôi cũng thôi không hỏi về chuyện ấy nữa. Chúng tôi nói những chuyện khác cho đến khi tới Cantobori. Hôm ấy là phiên chợ, cô tôi có dịp cho con ngựa xám lén vào những chiếc xe bò, những rổ rá, rau củ và hàng hóa của những người bán rong. Chúng tôi đi quanh co ngoặt ngoẹo sát từng ly một làm cho những người đi quanh đấy xì xào, mà những lời này không phải bao giờ cũng khen ngợi cả, nhưng cô tôi vẫn phớt tỉnh, tiếp tục cho xe đi và tôi tin rằng cô tôi sẽ đi theo con đường mình đã chọn dù là qua một nước thù địch, cũng điềm nhiên như vậy.

Cuối cùng, chúng tôi dừng lại trước một ngôi nhà cổ kính nhô ra ngoài đường. Đó là một ngôi nhà có những cửa sổ dài và thấp đan mắt cáo còn nhô ra ngoài đường hơn nữa, và những cái cột trên đầu có những hình chạm trổ cũng nhô ra ngoài đến nỗi tôi tưởng tượng toàn bộ ngôi nhà đang chồm ra phía trước để cố nhìn những gì diễn ra trên lề đường chật hẹp.

Ngôi nhà sạch như chùi. Cái búa gỗ cửa bằng đồng đã quá thời ở trên cái cửa thấp và cong chạm hình hoa và quả lấp lánh như một ngôi sao, hai bậc thềm bằng đá đi xuống đến cửa ra vào trắng tinh như bọc vải mỏng. ở tất cả các góc, tất cả các mũi nhọn, tất cả các chỗ chạm trổ, tất cả những chỗ đắp lồi, tất cả các tấm kính nhỏ đều ngộ nghĩnh, cũng như tất cả các cửa kính nhỏ còn ngộ nghĩnh hơn

nữa, tuy đã cũ kỹ không biết từ đời thuở nào, và tất cả những thứ này đều sạch bóng như tuyết rơi trên đồi.

Khi chiếc xe ngựa dừng lại trước cửa lớn và đôi mắt tôi dán vào ngôi nhà, tôi bỗng thấy ở cái cửa nhỏ của tầng dưới cùng (cửa này ở trong một cái tháp nhỏ tròn làm thành một góc của ngôi nhà) xuất hiện một bộ mặt xanh xao, rồi cái mặt này bỗng biến đi mất. Cánh cửa thấp, cong mở ra và bộ mặt kia lại thò ra. Nó cũng vẫn xanh xao gầy gò như khi nãy, mặc dầu trên lớp da cũng có đôi chút ánh đỏ như người ta thường thấy trên lớp da của những người tóc đỏ. Bộ mặt này là của một anh chàng tóc đỏ, một anh chàng mười lăm như bây giờ tôi đoán, nhưng có vẻ già hơn nhiều, tóc cắt cụt như những đụn rạ bị cắt cụt nhất, hần hầu như không có lông mày và đặc biệt không có lấy một sợi lông mi. Mặt hần màu nâu và đỏ đỏ, trơ trẽn quá đến nỗi lúc ấy tôi đã tự hỏi là làm sao mà hần có thể ngủ được kia chứ. Hần gầy khẳng khiu, đôi vai rộng, mặc một bộ đồ đen chững chạc, thắt chiếc ca-vát trắng bé tí xiu, cúc áo cài lên tận sát cằm. Hai bàn tay hần dài ngoẵng dài ngoẵng và gầy gò xương đã khiến tôi đặc biệt chú ý khi hần đứng cạnh con ngựa, lấy bàn tay xoa xoa lên cằm đoạn ngược mắt nhìn chúng tôi đang ngồi trên xe. Cô tôi hỏi.

“Anh Uria Hip, ông Uychcophin có nhà không ?

“Thưa cô, ông Uychcophin có nhà đấy ạ. Mời cô qua bộ vào phòng này”.

Rồi hần giơ bàn tay dài ngoẵng chỉ căn phòng mà hần muốn nói.

Chúng tôi xuống xe và để hần giữ ngựa, chúng tôi bước vào một phòng khách dài và thấp trông ra đường. Khi

bước vào, qua cửa sổ tôi thoáng thấy Uria - Hip đang thò vào mũi con ngựa rồi lập tức lấy tay che mũi nó, dường như hắn muốn phù phép gì đó thì phải. Trước mặt chiếc lò sưởi cao, cũ kỹ, có hai bức chân dung: bức chân dung của một người tóc hoa râm (tuy không có vẻ gì là già) có đôi lông mày đen, đang nhìn những giấy tờ được buộc lại bằng một sợi dây đỏ và bức chân dung của một bà đang nhìn tôi với nét mặt rất dịu dàng, thủy mị.

Tôi đang nhìn quanh nhìn quẩn để tìm bức chân dung của Uria-Hip thì đột nhiên ở đầu đằng kia phòng cách cửa mở ra và một người bước vào. Vừa thoáng thấy ông ta, tôi liền quay lại phía bức chân dung thứ nhất để hoàn toàn yên trí rằng ông ta phải từ trong cái khung ảnh đó bước ra. Cái khung ảnh không cử động và khi ông tiến về phía ánh sáng, tôi mới thấy rằng ông già hơn mấy tuổi so với khi nhờ vẽ bức chân dung này. Ông nói:

“Cô Betxi Trốtút mời cô vào. Tôi đang bận một lát, mong cô thứ lỗi cho, chắc cô hiểu động cơ gì làm tôi bận tâm như vậy. Tôi chỉ có một động cơ trên đời”.

Cô Betxi cảm ơn ông và chúng tôi bước vào phòng làm việc của ông. Phòng này bày biện như mọi bàn giấy, đầy những sổ sách, giấy tờ, những chiếc hộp bằng sắt tây v.v... Căn phòng nhìn ra vườn và có một kết sắt ăn sâu vào trong tường, đứng trên lò sưởi, khiến tôi phải tự hỏi, những anh nạo ông khới làm thế nào để có thể đi quanh cái kết sắt ấy mà làm việc được. Ông Uychcophin (chỉ trong chốc lát tôi đã biết ông là một luật sư và ông quản lý ruộng đất cho một điền chủ giàu có trong quận) nói:

“Thế nào cô Trốtút, ngọn gió nào đã đưa cô đến đây

thế ? Một ngọn gió tốt là đấy chứ ?”

“Phải” cô tôi đáp “Tôi đến đây không phải vì chuyện kiện cáo gì đâu”

“Thế lại càng hay cô ạ” ông Uychcophin nói, “đến vì bất kỳ chuyện gì cũng vẫn hơn là chuyện ấy”

Lúc này tóc ông đã bạc phơ, nhưng lông mày vẫn đen. Khuôn mặt ông trông rất dễ thương, và theo con mắt của tôi, thì rất đẹp. Nước da của ông có cái vẻ hồng hào mà từ lâu, nhờ chị Pécgôti dạy, tôi đã biết màu da đó là do uống rượu Poóc-tô mà có. Tôi có cảm tưởng rằng rượu poóc-tô đã có ảnh hưởng ngay cả trong giọng nói của ông và sự phát phì đang chớm nở ở ông chắc cũng do nguyên nhân ấy thôi. Ông mặc một bộ đồ màu lam rất diêm dúa, một chiếc gi-lê kẻ sọc, một chiếc quần bằng lụa Thượng hải, còn chiếc sơ mi xinh xắn gấp nếp như tổ ong của ông cũng như cái khăn quàng cổ bằng vải gai mịn cũng có cái vẻ dịu dàng và trắng muốt đặc biệt làm cho trí tưởng tượng miên man của tôi nhớ đến những chiếc lông tơ trên cổ những con thiên nga. Cô tôi nói

“Đây là thằng cháu của tôi”

“Thế mà tôi không biết cô có cậu cháu kia đấy, cô Trốtút ạ” ông Uychcophin nói.

“Đúng hơn, nó là thằng cháu gọi tôi bằng bà” cô tôi nói vậy.

“Tôi cũng không biết có một cậu cháu như thế, tôi cam đoan như thế”, ông Uychcophin nói.

“Tôi đã nhận nó làm cháu” cô tôi vừa nói vừa xoa tay dường như muốn bảo rằng việc ông ta biết hay không đối với cô tôi thì cũng chẳng can hệ gì cả “và tôi đưa nó

đến đây là để cho vào học một trường, ở đây nó sẽ được học hành cẩn thận và được đối đãi tử tế. Ông cho biết ở đâu có một cái trường như vậy, và cho biết mọi điều cần thiết về vấn đề này”.

“Trước khi có thể khuyên cô thực đúng đắn, tôi phải hỏi cái câu hỏi thường ngày mới được. Cô làm việc này vì động cơ gì ?” ông Uychcophin hỏi.

“Rõ khi, người đầu mà lại ăn nói thế ?” cô tôi nói to - “Cứ luôn luôn lo đi tìm một động cơ bí ẩn trong động cơ thực thể sờ sờ trước mắt ! Thì để cho thằng bé thành con người có ích và được sung sướng chứ còn động cơ nào nữa?”

Ông Uychcophin lắc đầu nở một nụ cười ngờ vực:

“Tôi nghĩ rằng thế nào cũng có một động cơ gì đi kèm theo”

“Động cơ với động kiếc !” cô tôi đáp “Ông cho rằng ông có một động cơ duy nhất và đơn giản trong tất cả những việc ông làm. Chắc hẳn ông không cho mình là con người trung thực duy nhất trên trái đất này chứ !”

“Phải đấy, tôi thì chỉ có một động cơ duy nhất trong đời thôi cô ạ”. Ông trả lời, mỉm cười. “Những người khác họ có hàng chục, hàng tá, hàng trăm, chứ tôi chỉ có một động cơ duy nhất. Sự khác nhau là ở đấy! Nhưng thôi, nói thế này thì lạc đề mất. Cô hỏi trước nào là tốt nhất à ? Dù động cơ của cô là thế nào đi nữa, cô cũng muốn cái trường tốt nhất chứ gì ?”

Cô tôi gật đầu tán thành. Ông Uychcophin nói, có vẻ nghĩ ngợi.

“Thằng cháu của cô hiện nay không thể vào cái

trường tốt nhất của thành phố chúng ta với tính cách học sinh kỹ túc.”

“Thế thì nó vẫn có thể trọ ở chỗ khác chứ ?” cô tôi gợi ý.

Ông Uychcophin cho là có thể được. Sau khi bàn bạc một lát, ông ta đề nghị sẽ đưa cô tôi đến trường để thân hành nhìn tận mắt và nhận xét, đồng thời đưa cô tôi đến hai hay ba nhà, ở đấy ông cho là có thể ở trọ được. Cô tôi đồng ý, chúng tôi sắp ra đi, bỗng ông ta dừng lại nói.

“Ông bạn nhỏ của chúng ta có thể có một động cơ để chống lại những sự sắp xếp của chúng ta. Tôi nghĩ rằng chúng ta không nên mang cậu ấy đi thì hơn”.

Cô tôi có vẻ sẵn sàng phản đối lại điều đó, nhưng để cho công việc trôi chảy, tôi nói rằng tôi sẵn lòng ở nhà một mình nếu như hai người muốn, đoạn tôi quay vào phòng giấy của ông Uychcophin và tôi lại ngồi trên chiếc ghế lúc nãy đã ngồi để chờ hai người về.

Chiếc ghế này đặt đối diện với một hành lang hẹp dẫn đến một căn phòng nhỏ hình tròn, ở đó tôi đã thấy bộ mặt xanh xao của Uria Hip lộ ra ngoài. Sau khi dẫn ngựa vào chuồng gần đấy, Uria đã quay lại làm việc trước một cái bàn giấy, trên đó có một cái khung bằng đồng để giữ giấy tờ và có tập bản thảo mà hắn đang chép lại. Đầu hắn quay về phía tôi, lúc đầu tôi tưởng rằng tập bản thảo ngăn cách chúng tôi không cho hắn nhìn thấy tôi, nhưng khi nhìn lại chăm chú hơn về hướng này, tôi bực mình nhận thấy cặp mắt mắt ngủ của hắn chốc chốc lại hiện ra trên tờ giấy như hai ngôi sao đỏ lén lút nhìn tôi, ít nhất là một phút một lần, trong khi ngòi bút vẫn chạy, hay giả vờ chạy

nhẹ nhàng như thường. Tôi đã nhiều lần tìm cách thoát khỏi cái nhìn ấy (chẳng hạn đứng lên một cái ghế để nhìn một tấm bản đồ ở bên kia phòng, hay cúi đầu mê mải xem những cột báo của một tờ báo ở Kentơ), nhưng cặp mắt hần vẫn thu hút tôi và mỗi khi mắt tôi hướng về phía hai ngôi sao đỏ kia là thế nào cũng thấy chúng mọc lên hoặc lặn ngay trong lúc đó.

Cuối cùng, may mắn làm sao, cô tôi và ông Uychophin trở về sau khi vắng mặt một hồi lâu. Họ không thu được kết quả hoàn toàn như tôi mong muốn bởi vì nếu như trường học có những ưu điểm không thể chối cãi, thì cô tôi vẫn không bằng lòng cho tôi ở trọ bất kỳ nhà nào mà người ta đề nghị cho tôi đến ở.

“Rõ tiếc”, cô tôi nói “Cô không biết làm thế nào cá, Trốt ạ”.

“Quả là đáng tiếc” ông Uychophin nói - “Nhưng tôi sẽ nói cô có thể làm gì, cô ạ”.

“Việc gì thế” cô tôi hỏi.

“Bây giờ tạm thời hãy cứ để em nó ở đây. Em có vẻ hiền lành. Em sẽ không quấy rầy tôi gì đâu. ở nhà này mà học hành thì rất tốt. Nó cũng yên tĩnh như một tu viện và cũng rộng rãi gần như thế. Cứ để em nó ở đây.

Đề nghị này dĩ nhiên là cho cô tôi rất vừa ý, tuy cô tôi ngần ngại sợ phiền nên chưa dám nhận. Về phần tôi cũng thế. Ông Uychophin nói:

“Thôi, thế này vậy nhé, đây là cách để thoát khỏi tình trạng bế tắc này, chỉ là sự thu xếp tạm thời, cô có hiểu không ? Nếu như thế này vẫn không ổn, nếu như điều này bất tiện cho cô và tôi thì thay tôi cũng dễ thôi. Trong khi

chờ đợi, chúng ta sẽ có thời giờ tìm một nơi tốt hơn cho em. Bây giờ tốt nhất là cứ để em nó ở đây”.

“Tôi rất cảm ơn ông” cô tôi nói “và cháu nó cũng vậy, nhưng mà!”

“Thôi đi, tôi hiểu cô muốn nói gì rồi” ông Uychcophin nói “Tôi không muốn cô mang ơn mang huệ gì đâu, cô ạ. Cô cứ trả tiền trọ cho em nếu cô muốn, tôi không kỳ kèo về giá cả đâu - Nhưng nếu cô muốn thì cô cứ trả”.

“Nếu thế thì được” cô tôi nói. “Tuy vậy điều đó cũng không làm giảm ơn huệ ông đối với tôi, tôi rất sung sướng được để cháu nó ở lại đây”.

“Bây giờ mời cô đến đây xem cô nội trợ tí xiu của tôi” ông Uychcophin nói.

Chúng tôi đi lên một chiếc cầu thang cổ đẹp tuyệt trần, chỗ tay vịn rộng đến nỗi chúng tôi có thể đi trên đó cũng dễ dàng như đi trên cầu thang vậy. Chúng tôi tới một phòng khách cổ kính được chiếu sáng lờ mờ bởi ba bốn cánh cửa ngò nghĩnh mà tôi thấy từ khi đứng ngoài đường ngược mắt nhìn lên. Dưới những cửa sổ này có những chiếc ghế dài cũ bằng gỗ sồi, hình như cũng là bằng một thứ gỗ với chiếc sàn sáng bóng loáng và những dầm cột to tướng ở trần. Đây là một căn phòng bày biện xinh xắn có một chiếc đàn dương cầm, có những bàn ghế màu sắc tươi mát được bọc bằng vải hoa xanh, đỏ. Phòng này dường như chỉ gồm toàn những chỗ lõ ra thụt vào, và cứ ở trong mỗi góc, mỗi chỗ lõ ra thụt vào như vậy lại có một thứ đồ đặc kỳ quặc, chẳng hạn như cái bàn con, cái tủ đựng thức ăn, cái tủ sách, cái ghế, hay không biết bao nhiêu thứ khác

khiến tôi nghĩ rằng không có góc nào thú vị cho bằng, cho đến khi tôi nhìn cái góc tiếp theo thì thấy nó thú vị chẳng kém nếu không phải là thú vị hơn. Tất cả mọi vật ở đây đều có cái vẻ sạch sẽ và êm ả mà người ta thấy ở phía ngoài ngôi nhà.

Ông Uychcophin gõ vào một cánh cửa ở một góc tường lát gỗ, và một cô gái nhỏ vào trạc tuổi tôi liền nhanh nhẹn bước ra, đến ôm hôn ông ta. Trên gương mặt cô tôi nhận thấy ngay những nét dịu dàng thủy mị của người đàn bà mà tôi đã nhìn thấy chân dung ở tầng dưới. Tôi tưởng tượng rằng dường như bức chân dung đã thành một người đàn bà, còn trái lại người mẫu thì vẫn là trẻ con. Mặc dầu gương mặt cô bé rất vui vẻ, tươi tắn, trên gương mặt cũng như toàn bộ con người cô toát ra ấn tượng về một cái gì êm dịu làm người ta liên tưởng đến sự nghỉ ngơi, lòng nhân từ và sự yên tĩnh, điều mà tôi chưa bao giờ và cũng sẽ không bao giờ quên.

Ông Uychcophin giới thiệu với chúng tôi đây là cô nội trợ tí hon của ông, cô bé Acnét. Nghe giọng ông khi nói câu ấy và cử chỉ ông nắm tay cô bé, tôi đoán biết ngay động cơ duy nhất của ông là cái gì.

Cô có một cái làn tí xiu đựng đồ lật vật buộc lưng lỏng vào thắt lưng, ở đây có những chiếc thìa khóa, trông đúng đắn và nghiêm chỉnh ra vẻ người nội trợ của ngôi nhà cổ kính này lắm. Khi ông nói về tôi, cô bé lắng nghe cha với vẻ mặt dễ thương và khi ông vừa dứt lời, cô liền đề nghị tôi lên xem phòng của tôi, chúng tôi theo cô bước lên. Đó là một căn phòng cổ kính, xinh tuyệt, với những cột bằng gỗ sồi, những tấm kính hình thoi và cái tay vịn to

tướng của cầu thang đưa lên mãi đến đây.

Tôi không nhớ lúc còn nhỏ, tôi có thấy một cái cửa kính ghép ở trong nhà thờ lúc nào hay ở đâu. Tôi cũng không nhớ nó miêu tả đề tài gì. Nhưng tôi nhớ, khi thầy cô ta quay lại dưới ánh sáng trang nghiêm của cái cầu thang cổ kính và đứng trên cao đợi chúng tôi, tôi bỗng nghĩ đến cái hình ảnh ấy và trong óc tôi, ánh sáng dịu dàng của nó vĩnh viễn gắn chặt với con người của cô Acnet Uychcophin.

Cô tôi cũng sung sướng như tôi về chỗ ăn ở của tôi đã thu xếp xong và chúng tôi rất hài lòng, vui sướng trở về phòng khách. Vì cô tôi không muốn nghe nói đến việc ở lại ăn trưa, sợ phải đánh con ngựa xám về nhà khi về tối (và lại ông Uychcophin cũng thừa hiểu tính tình của cô tôi nên không thảo luận gì với cô tôi) cho nên người ta mời cô tôi ăn lót dạ ở ngay phòng khách, còn Acnet trở lại với cô giáo của cô, và ông Uychcophin lại bước vào phòng giấy của mình. Thế là chỉ còn lại chúng tôi và chúng tôi có thể từ biệt nhau không chút ngưng ngừng.

Cô tôi nói với tôi rằng ông Uychcophin sẽ lo liệu tất cả cho tôi và tôi sẽ không thiếu thốn gì hết. Đoạn cô tôi nói với tôi những lời hết sức âu yếm và cho tôi những lời khuyên nhủ quý báu nhất. Cô tôi kết luận.

“Trót cháu phải cố gắng làm vinh dự cho cô, cho ông Đích cũng như cho cháu, và cầu Chúa phụ hộ cháu”

Tôi rất cảm động, chỉ biết ơn cô rất rất và nhờ cô chuyển lời chào thân mật đến ông Đích. Cô tôi nói:

“Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được làm những điều hèn hạ, đừng bao giờ nói dối, đừng bao giờ tàn

nhân. Cháu tránh ba thói xấu ắt Trốt ạ, và thế là cô có thể tin tưởng cháu”.

Tôi hứa sẽ không phụ lòng tốt và không quên những lời dạy của cô tôi. Cô tôi nói:

“Con ngựa đang ở ngoài cửa, cô đi đây. Cháu cứ ở đây”.

Nói đoạn, cô tôi vội hôn tôi, bước ra khỏi phòng và đóng cửa lại. Lúc đầu tôi sửng sốt thấy cuộc từ biệt đột ngột quá nên sợ có điều gì làm phật ý cô tôi

chẳng, nhưng khi nhìn ra đường thấy cô tôi rầu rĩ bước lên xe và đánh xe đi không ngược mắt lên, tôi hiểu cô tôi hơn và không có ý nghĩ bất công đối với cô tôi nữa.

Đến năm giờ chiều (giờ ăn chiều của ông Uyhcophin), tôi đã có đủ can đảm như vũ và sẵn sàng ngồi lại bàn ăn. Chỉ có dao nĩa cho hai chúng tôi mà thôi nhưng Acnet vẫn đợi ở phòng khác và ngồi trước mặt cha cô. Tôi tự hỏi không có cô không biết ông có ăn được không ?

Sau bữa ăn, chúng tôi lên phòng khách và ở đấy trong một góc nhà ấm cúng. Acnet đã sắp sẵn cho cha những chiếc cốc và một bình rượu poóctô. Tôi có ý nghĩ rằng nếu như một bàn tay nào khác đặt rượu ở đây cho ông uống, ông sẽ cảm thấy hương vị của rượu không giống như hương vị thường ngày.

Ông ngồi uống rượu poóctô (ông uống khá nhiều) suốt hai tiếng đồng hồ trong khi Acnet chơi dương cầm, làm việc và nói chuyện với chúng tôi. Thường thường ông Uyhcophin tỏ ra vui vẻ và sôi

nổi, nhưng đôi khi đôi mắt ông đắm đắm nhìn cô và ông bỗng trở nên mơ màng, trầm lặng. Cô con gái nhận thấy ngay điều đó, và bao giờ cũng làm cho ông ra khỏi tình trạng thờ thần bằng một câu hỏi hay một cái vuốt ve. Thế là ông rời khỏi giấc mơ, và lại uống rượu nữa.

Acnét pha trà và cùng uống với chúng tôi, và sau lúc uống trà, thời gian cũng trôi qua như sau bữa ăn chiều cho đến khi cô đi ngủ. Cha cô ôm hôn cô và khi cô đã đi khỏi, ông sai mang đến nến vào phòng làm việc. Sau đó tôi cũng đi ngủ.

Nhưng đến tối, tôi cũng xuống cầu thang ra cửa, bước ra ngoài đường một đoạn để nhìn lại lần nữa ngôi nhà cũ kỹ và ngôi nhà thờ xám xám, nhớ lại cái ngày tôi đã đi qua thành phố cổ kính này trong cuộc hành trình của mình, khi đó tôi đã đi qua ngôi nhà hiện nay tôi đang ở mà không hay biết. Khi trở lại, tôi thấy Uria Hip đang đóng cửa phòng làm việc và, vì cảm thấy hàm ân đối với tất cả mọi người, nên tôi bước vào nói chuyện với hắn, và khi chia tay, tôi đã bắt tay hắn. Trời! bàn tay hắn ướt nhờn nhờn và lạnh làm sao! Sờ vào nó cũng dễ sợ như lúc nhìn! Sau đó, tôi xoa tay cho ấm lại và để xóa bỏ cái cảm giác đáng kinh sợ ấy đi.

Bàn tay ấy khó chịu đến nỗi khi bước lên phòng, tôi cảm thấy lạnh lạnh vì nhớ lại sự ẩm ướt của bàn tay hắn. Khi nhô người ra cửa sổ và nhìn một trong những bức chạm ở trên đầu một cái cột đang nghiêng mặt nhìn tôi, tôi có cảm tưởng rằng đó chính là Uria Hip đã tìm được cách leo lên đến tận đây và tôi vội vàng đóng sầm cửa lại.

Chương XVI

TÔI LÀ MỘT ĐỨA TRẺ MỚI MẺ VỀ NHIỀU MẶT

Hôm sau, ăn sáng xong, tôi lại trở lại cuộc đời học sinh. Cùng với ông Uychcophin, tôi đến nơi sau này tôi sẽ theo học; đó là một ngôi nhà trang nghiêm ở cuối một cái sân; nó có cái vẻ thông thái dường như rất thích hợp với những con quạ khoang và những con quạ lạc đàn từ trên các tháp ở nhà thờ bay xuống để đi đi lại lại ra vẻ thông thái trên nền cỏ của cái sân này. Tôi được giới thiệu với ông thầy mới của tôi là bác sĩ Xtrong.

Tôi có cảm tưởng rằng bác sĩ Xtrong cũng han gủ như những thanh sắt lớn làm chấn song ở hàng rào quanh ngôi nhà. Ông cũng cứng đờ gần như vậy và cũng nặng trĩu như những cái vại lớn bằng đá đặt cạnh hàng chấn song cách nhau đều đặn trên bức tường gạch đỏ xung quanh sân giống như những cái “trụ” đặt đáy để cho thần thời gian chơi câu trụ. Ông đang ở trong thư viện (đây tôi muốn nói đến bác sĩ Xtrong), quần áo không được chải kỹ cho lắm, đầu tóc bơ phờ, cái quần ngắn lồi thối, đôi ghệt dài hở cúc và đôi

giấy há mồm như những hang đá ở trước lò sưởi. Ông đưa đôi mắt đục lờ về phía tôi (con mắt ấy làm tôi nhớ đến mắt một con ngựa già mù từ lâu đã bị lãng quên trước đây vẫn ăn cỏ ở nghĩa địa Blondexton và đi lang thang thất thểu giữa những ngôi mộ). Ông bảo tôi rằng ông rất vui lòng được gặp tôi, đoạn ông giơ tay cho tôi bắt nhưng tôi không biết làm gì với bàn tay ấy vì nó cứng đờ như khúc gỗ.

Có một cô rất xinh đang làm việc cạnh bác sĩ Xtrong, ông gọi người ấy là Ami và tôi đoán rằng đó là con gái ông. Cô làm cho tôi hết lúng túng vì cô quỳ xuống xỏ giày cho ông và cái cúc lại đôi ghệt, cô làm việc này rất nhanh nhẹn và vui vẻ. Khi cô ta đã làm xong và chúng tôi sắp sửa đến lớp học, tôi ngạc nhiên quá vì nghe ông Uychcophin gọi người thiếu phụ này là “bà Xtrong” khi từ biệt bà ta; và tôi tự hỏi không biết đó là cô con dâu của bác sĩ hay là vợ của ông ta? Vừa lúc đó, bác sĩ Xtrong vô tình đã giải thích cho tôi rõ. Ông dừng lại ở một hành lang, đặt một tay lên vai tôi nói:

“Nhân tiện tôi hỏi ông điều này, ông Uychcophin, ông đã tìm thấy việc làm gì thích hợp cho ông anh của nhà tôi chưa?”

“Chưa ạ” ông Uychcophin đáp, “vẫn chưa tìm được”

“Mong ông tìm chong chóng cho, ông ạ” - bác sĩ Xtrong nói “bởi vì Jắc Mandon tưng bán và ngồi không; hai việc xấu xa này đôi khi còn gây ra những điều tệ hại hơn nữa. Bác sĩ Oát⁽¹⁾ nói gì nhỉ?” - Bác sĩ Xtrong đưa mắt

⁽¹⁾ Idac Oat (1674-1778): nhà thần học và nhà thơ đã viết nhiều bài thơ có mục đích giáo dục. Lời trích dẫn ở đây là lấy trong những bài hát cho trẻ con xuất bản năm 1715, bài *Chống lại tội ngồi không*.

nhìn tôi và gật gật cái đầu như để đánh nhịp cho lời trích dẫn: “Quý sa tăng bao giờ cũng tìm được những việc xấu xa cho những bàn tay rồi rã!”

“Ồ, bác sĩ ạ” Ông Uychcophin đáp “Nếu như bác sĩ Oát thao đời, thì ông ta có thể đã viết đúng dẫn như vậy rằng: “Quý sa tăng bao giờ cũng tìm được những việc hư hỏng cho những bàn tay bận rộn”. Bọn bận rộn cũng làm khá nhiều việc bậy bạ ở trên đời này, ông có thể tin chắc như vậy. Một hai thế kỷ nay, những tay hoạt động nhất đã làm gì để có được tiền tài và quyền lực? Chẳng phải là làm những việc bậy bạ đó sao?”

Bác sĩ Xtrong lấy tay xoa cằm có vẻ tư lự, nói:

“Jac Mandon chẳng bao giờ bận rộn cho lắm để có được của cải hay quyền lực”.

“Có lẽ thế thực” ông Uychcophin nói “Ông vừa kéo tôi trở lại vấn đề, tôi xin lỗi đã đi lạc đề. Không, tôi vẫn chưa làm sao giải quyết số phận của Jac. Mandon được, tôi nghĩ rằng... (ông ta nói câu này hơi lưỡng lự một chút) tôi hiểu động cơ của ông và điều đó làm cho câu chuyện càng khó khăn hơn”.

“Động cơ của tôi ấy à?” Bác sĩ Xtrong nói - “Đây là tôi muốn tìm một hoàn cảnh thích hợp cho ông anh họ và cũng là một người bạn cũ của Ami”.

“Phải, tôi biết lắm” ông Uychcophin nói “ở đây hay ở nước ngoài?”

“Ồ!” Bác sĩ đáp, có vẻ ngạc nhiên, “tại sao ông Uychcophin lại nhấn mạnh mấy chữ “ở đây hay ở nước ngoài” đến thế?”

“Có phải ông nói hay ở nước ngoài không?”. Ông

Uychcophin nói.

“Cố nhiên”, bác sĩ đáp, “cố nhiên, điều đó chẳng quan trọng”.

“Điều đó không quan trọng ư? Ông không có chủ định riêng hay sao?” Ông Uychcophin hỏi.

“Không!” bác sĩ đáp.

“Không à?” ông Uychcophin nhắc lại có vẻ sừng sốt.

“Không chút nào hết!”

“Không có động cơ nào khiến ông muốn ông ta ở nước ngoài chứ không phải là ở đây hay sao?” ông Uychcophin hỏi.

“Không”. Bác sĩ đáp.

“Tôi phải nói để ông biết rằng, cố nhiên là tôi tin ở ông”, ông Uychcophin kết luận. “Nhiệm vụ của tôi lẽ ra sẽ dễ dàng rất nhiều nếu tôi biết điều đó sớm hơn. Nhưng thú thật với ông, tôi có cảm tưởng khác”.

Bác sĩ Xtrong nhìn ông ta có vẻ bối rối và ngờ vực, thái độ này bỗng chốc biến thành một nụ cười, điều đó làm cho tôi rất phấn khởi, vì nó đầy vẻ hiền từ và dịu dàng. Trong nụ cười này có cái vẻ giản dị cũng như trong tất cả cử chỉ của bác sĩ một khi người ta đã đi qua cái vẻ bên ngoài có vẻ trầm tư và suy nghĩ, và điều đó là rất hấp dẫn và đầy hứa hẹn đối với một người học trò trẻ tuổi như tôi. Trong khi vừa nhắc lại “không” và “không chút nào hết” cũng như những lời cam kết chắc chắn và ngăn ngừa khác, ông Xtrong đi trước chúng tôi, bước đi khập khễnh kỳ quặc và tôi nhận thấy ông Uychcophin có vẻ tự lự và lắc đầu một mình, không biết rằng tôi đang nhìn ông.

Lớp học là một căn phòng khá rộng ở phía yên tĩnh nhất của ngôi nhà, trước khoảng sáu chiếc bình lớn uy nghi, và nhìn ra một cái vườn kín đáo của bác sĩ, ở đấy những quả đào đang chín trên bức tường quay về hướng nam đầy ánh nắng. Ngay đấy có hai cây trầm hương lớn trồng trong những chiếc thùng đặt trên cỏ phía dưới cửa sổ. Những chiếc lá rộng và cứng của cây này (có vẻ như là bằng sắt tây và được sơn) từ bấy giờ đối với tôi là tượng trưng của sự im lặng và cô tịch. Khoảng hai mươi lăm cậu học trò chăm chỉ cúi đầu trên sách khi chúng tôi bước vào, họ đứng lên chào bác sĩ và vẫn đứng yên khi thấy tôi và ông Uychcophin. Bác sĩ giới thiệu:

“Các bạn, đây là Trốtút Cốpophin, một cậu học trò mới”.

Một cậu Adam vào đó, người đầu lớp, rời khỏi ghế chào đón tôi. Với chiếc cà-vạt trắng, cậu có cái dáng của một ông mục sư trẻ tuổi nhưng rất dịu dàng và niềm nở. Cậu chỉ chỗ ngồi cho tôi và giới thiệu tôi với hai vị giáo sư một cách lịch sự làm cho tôi thoải mái hơn bất kỳ điều gì hết.

Tuy nhiên, tôi có cảm tưởng rằng cái thời gian tôi sống với những cậu bé như vậy, với những người bạn cùng lứa tuổi, không kể Mich Oancơ và thằng Khoai Bột, đã lâu quá nên tôi cảm thấy lạc lõng hơn bao giờ hết. Tôi nhận thấy mình đã trải qua những cảnh ngộ mà họ không thể nào quan niệm được, ở giữa họ tôi đã có được những kinh nghiệm không phù hợp với cái tuổi của tôi, với cái vẻ bên ngoài và địa vị của tôi đến nỗi tôi có cảm tưởng việc tôi đến đây như một cậu học trò nhỏ bình thường là một hành

động lão xược. Trong thời gian ở Công ty Moxtôn và Grinbi, cho dù thời gian thực tế là bao nhiêu, tôi đã trở nên xa lạ đối với những thứ tiêu khiển và trò chơi của trẻ con đến nỗi tôi cảm thấy vụng về và không có kinh nghiệm trong những việc làm thông thường nhất của đời họ. Tất cả những điều tôi học đều đã bay vù đi đâu mất vì suốt ngày đầu óc tôi còn mãi bận bịu về những lo toan thấp hèn trong cuộc sống hàng ngày, đến nỗi hôm ấy sau khi người ta hỏi tôi về tình hình những hiểu biết của tôi, người ta thấy tôi không biết gì cả và tôi đã bị đưa xuống lớp thấp nhất! Nhưng nếu như tôi cảm thấy lúng túng vì thiếu sự thông thạo của trẻ con cũng như thiếu những kiến thức sách vở, tôi lại còn lúng túng hơn khi nghĩ rằng, những điều mà tôi biết còn làm tôi cách xa các bạn của tôi hơn là những điều tôi không biết ! Tôi tưởng tượng không biết họ sẽ nghĩ về tôi như thế nào nếu họ biết rằng tôi quen thuộc nhà tù Tối cao Pháp viện? ở tôi phải chăng có cái gì bất giác có thể bộc lộ những mối liên hệ của tôi với gia đình Micôbơ (tất cả cái trò cầm cố, bán chác và những bữa ăn tối kia)? Nếu như có một vài cậu học sinh đã thấy tôi đi qua Cantobori, áo quần rách rưới, lời thôi lếch thếch và nhận ra tôi, thì sẽ ra sao? Những người không phải lo lắng gì về tiền bạc như họ sẽ nói gì nếu họ có thể biết rằng tôi đã tốn bao nhiêu công sức mới có được vài Pen-ni để mua miếng thịt mỡ, cốc bia hay những khoan pút-đinh hàng ngày? Những người không hề biết gì đến cuộc sống ở Luân-đôn và những đường xá ở đây như họ, khi họ nhận thấy rằng tôi rất thành thạo (tôi xấu hổ về việc đó) về một vài cạnh khía xấu xa nhất của thành phố thì họ sẽ suy nghĩ gì về tôi? Tất

cả những câu hỏi này đã làm cho tôi băn khoăn trong suốt cả ngày đầu tiên ở nhà bác sĩ Xtrong đến nỗi tôi đã phải lo lắng để phòng đến từng cái nhìn và từng cử chỉ của tôi; tôi co lại mỗi khi thấy một người bạn mới lại gần tôi, và tôi đã vội vã ra về ngay lúc tan học, vì tôi sợ sẽ bị lộ tẩy khi phải trả lời những câu hỏi hay những nhận xét thân mật của các bạn.

Nhưng ngôi nhà cổ kính của ông Uychcophin đã toát ra một ảnh hưởng mạnh mẽ đến nỗi khi gõ cửa với những quyển sách học mới tinh trong tay tôi cảm thấy những lo lắng của tôi dịu dần đi. Khi tôi bước lên căn phòng cổ kính và rộng rãi của tôi thì bóng tối trang nghiêm của cầu thang dường như đã xoa dịu những nỗi lo lắng hoài nghi và xóa nhòa quá khứ của tôi đi. Tôi ngồi trong phòng chăm chỉ học cho đến bữa cơm chiều (mãi đến ba giờ chiều chúng tôi mới tan học) và khi xuống cầu thang, tôi hy vọng sẽ trở nên một cậu bé tạm được.

Acnet ngồi trong phòng khách đợi cha vì cha cô đang bận tiếp khách trong phòng giấy. Cô tiếp tôi với một nụ cười hiền hậu và hỏi tôi có thích trường ấy không. Tôi đáp rằng tôi hy vọng sẽ thích trường ấy, nhưng mới buổi đầu cũng còn cảm thấy bỡ ngỡ. Tôi hỏi:

“Thế cậu chưa bao giờ đến trường cả à?”

“Có chứ! Ngày nào mình cũng học”.

“Ừ, nhưng cậu học ở đây, ở nhà chứ gì?”

“Ba mình không thể rời mình một bước” cô mỉm cười đáp lại và lắc đầu, “Cậu thấy đấy, ba mình cần có cô nội trợ ở nhà”.

“Mình chắc rằng ba cậu yêu cậu lắm” tôi nói.

Cô gật đầu, đoạn đến gần cửa lảng nghe xem cha cô đã lên chưa để ra cầu thang đón. Nhưng thấy ông Uychcophin chưa lên, cô lại đến gần tôi và nói, giọng bình thản:

“Mẹ mình mất khi sinh mình. Mình chỉ biết mặt mẹ qua bức chân dung dưới nhà. Hôm qua mình thấy cậu nhìn nó. Cậu có biết đấy là chân dung của mẹ mình không?”

Tôi nói có biết và nói thêm rằng sở dĩ tôi đoán như vậy vì nó giống cô như đúc. Acnét thích thú:

“Ba mình cũng nói thế đấy! Kìa! Ba mình lên rồi”.

Gương mặt bình tĩnh và tươi tắn của cô sáng bừng lên sung sướng khi cô chạy ra đón cha cô và khi hai người dắt tay nhau bước vào phòng. Ông Uychcophin thân mật chào tôi và bảo rằng tôi sẽ được sung sướng ở trường học của bác sĩ Xtrong vì ông ta là con người hiền lành nhất trên đời. Ông Uychcophin nói:

“Có thể có những người (điều đó tôi cũng chưa chắc chắn lắm) lợi dụng lòng tốt của ông ta. Cháu Trốtút ạ, cháu chờ bao giờ làm một người như thế, dù bất kể thế nào. Ông là con người cả tin nhất trên đời, chú chưa biết đó là ưu điểm hay khuyết điểm, nhưng có một điều là cần phải để ý đến điều đó trong mọi mối quan hệ với bác sĩ trong việc lớn cũng như việc nhỏ”.

Tôi có cảm giác rằng ông đang mệt mỏi và bức mình vì một việc gì đó; nhưng tôi không để ý đến điểm này lâu bởi vì ngay lúc đó, người ta báo bữa ăn chiều đã dọn xong. Chúng tôi xuống nhà dưới, ngồi vào đúng chỗ hôm qua.

Chúng tôi vừa ngồi xuống thì Uria Hip đã thò cái đầu tóc đỏ và bàn tay khẳng khiu của hắn vào cái cửa và

nói:

“Có ông Mandon muốn nói chuyện với ông một lát”.

“Nhưng tôi vừa từ già ông Mandon đấy mà” ông chủ anh ta nói:

“Vâng” Uria nói, nhưng ông Mandon lại quay lại và yêu cầu được nói với ông một lời”.

Trong khi vẫn lấy bàn tay giữ cánh cửa mở rộng Uria đưa mắt nhìn tôi, nhìn Acnet, rồi nhìn những thức ăn, hẳn hết nhìn những đĩa thức ăn lại nhìn tất cả đồ đạc trong nhà, nhưng đồng thời tôi vẫn có cảm tưởng là hẳn chẳng nhìn gì hết vì hẳn có vẻ như gương cặp mắt đỏ kính cản nhìn vào ông chủ

“Tôi xin lỗi ông, tôi chỉ muốn nói với ông rằng sau khi nghĩ lại” (dằng sau lưng Uria có tiếng nói và cái đầu Uria bỗng biến mất, nhường chỗ cho cái đầu đang nói)... Xin lỗi ông, tôi đã đến đây đường đột... bởi vì tôi không thể lựa chọn gì trong việc này. Tôi càng đi nước ngoài sớm thì càng hay. Cô em họ Anni của tôi nói với tôi khi chúng tôi bàn việc này rằng cô thích có bạn bè ở bên cạnh hơn là thấy bạn bè bị đẩy đi biệt xứ, thế mà bác sĩ già...”

“Ông nói bác sĩ Xtrong phải không ạ?” Ông Uychcophin ngắt lời, giọng nghiêm nghị.

“Tất nhiên là tôi nói bác sĩ Xtrong” người kia trả lời “tôi bảo ông ta là bác sĩ già thì cũng thế thôi, ông cũng thấy thế chứ?”

“Tôi không thấy thế đâu? ông Uychcophin trả lời.

“Thế thì bác sĩ Xtrong vậy” người kia đáp. “Tôi thấy hình như bác sĩ Xtrong cũng rất đồng ý với ông. Nhưng cứ xét thái độ của ông đối với tôi thì thấy bác sĩ đã thay đổi ý

kiến. Nếu như vậy thì không cần phải nói thêm gì, chỉ có một điều là tôi đi càng sớm càng hay. Cho nên tôi nghĩ đến việc quay lại nói với ông điều đó. Khi người ta phải nhảy xuống nước thì đứng trên bờ ngăn ngừa mà làm gì?”

“Trong hoàn cảnh của ông thì càng bớt ngăn ngại càng tốt, ông Mandon ạ. Ông có thể tin chắc như vậy” ông Uychcophin nói.

“Cám ơn ông” - người kia nói “rất cảm ơn ông, tôi không muốn làm con người há miệng chờ sung. Làm như thế không lịch sự gì cả, nếu không tôi tin chắc rằng Anni có thể dễ dàng thu xếp việc này theo sở thích của cô ấy. Theo ý tôi thì Anni chỉ cần nói với bác sĩ già một tiếng thôi”.

“Có phải ông muốn nói rằng bà Xtrong chỉ cần nói với chồng một tiếng... có phải ông muốn nói như thế không?” ông Uychcophin hỏi.

“Chứ gì nữa!” người kia đáp.

“Anni chỉ cần nói rằng cô ta muốn một việc nào đó sẽ được làm như thế nào là điều đó sẽ được thực hiện như thế?” ông Uychcophin hỏi, trong khi vẫn điềm nhiên ngồi ăn.

“Có gì đâu, Anni là một thiếu phụ xinh đẹp còn bác sĩ già, bác sĩ Xtrong ấy mà... không phải là một anh chàng keng trai cho lắm” - Jắc Mandon cười khanh khách - “Tôi nói đây không phải cố tình làm phật ý ai đâu, ông Uychcophin ạ. Tôi chỉ muốn nói rằng, trong một cuộc hôn nhân như vậy thì nếu có chỗ phải “bồi thường” cũng là hợp lý và đúng mà thôi”.

“Phải bồi thường cho bà vợ phải không ạ?” Ông

Uychcophin hỏi, giọng nghiêm nghị.

“Chứ gì nữa! Phải bồi thường cho bà vợ” ông Jắc Mandon đáp, cười khanh khách.

Nhưng nhận thấy ông Uychcophin vẫn tiếp tục ăn với cái vẻ điềm nhiên và phớt lạnh nhất đời và thấy không có gì hy vọng gì có thể làm cho một thớ thịt nào trên gương mặt ông Uychcophin bớt cau lại, ông nói thêm:

“Dẫu sao tôi cũng phải quay lại nói với ông, và xin lỗi một lần nữa vì đã đường đột vào đây, rằng tôi chỉ còn cách bán xối. Cố nhiên tôi sẽ theo những lời chỉ dẫn của ông; câu chuyện này sẽ chỉ giải quyết giữa tôi với ông mà thôi và không nên nhắc đến nó ở nhà bác sĩ”.

“Ông ăn cơm chưa?” Ông Uychcophin hỏi, đoạn đưa tay chỉ bàn ăn.

“Cám ơn” ông Mandon nói, “tôi sẽ đến ăn ở nhà cô em họ Anni. Chào ông”.

Ông Uychcophin không đứng dậy, đưa mắt nhìn theo có vẻ tự lự khi người kia bước ra. Theo tôi ông ta là một chàng thanh niên khá nhẹ nhõm, gương mặt tuấn tú, nói năng lưu loát có vẻ tự tin và mạnh dạn. Đó là lần đầu tiên tôi gặp ông Jắc Mandon. Tôi cũng không ngờ rằng lại gặp ông ta sớm như thế, khi buổi sáng vừa mới nghe ông bác sĩ nói đến ông ta.

Ăn tối xong, chúng tôi lên gác và mọi việc diễn ra hệt như hôm qua. Acnet đặt cái cốc và cái bình vào chỗ cũ. Ông Uychcophin chơi dương cầm cho ông nghe, ngồi cạnh ông nói chuyện và đánh vài ván cờ Đô-mi-nô với tôi. Sau đó cô pha trà, và khi tôi lấy sách ra cô liếc mắt nhìn và nói cho tôi biết về nội dung những quyển sách này (đó không

phải là chuyện thường, mặc dầu cô ta nói thế) và bảo tôi cách học tập tốt nhất. Khi viết những dòng này, tôi còn như thấy cô với thái độ khiêm tốn, bình tĩnh và chu đáo, tôi còn như nghe thấy giọng nói trong thanh và êm dịu của cô. ảnh hưởng hết sức tốt đẹp của cô đối với tôi sau này, từ lúc ấy đã bắt đầu tràn ngập tim tôi. Tôi yêu bé Emili, tôi không yêu Acnét... không yêu như Emili, nhưng tôi cảm thấy ở đâu có Acnét là ở đấy sẽ có lòng tốt, sự yên tĩnh và sự thực; ánh sáng êm ả của cái cửa sổ bằng kính ghép mà ngày xưa tôi đã thấy trong nhà thờ bao giờ cũng dội xuống người cô và cũng dội xuống người tôi khi tôi ở bên cô, cũng như dội xuống tất cả mọi vật ở chung quanh cô.

Đã đến giờ cô từ giã chúng tôi để đi ngủ. Acnét tạm biệt chúng tôi, và tôi cũng tôi tay bắt tay ông Uychcophin để đi ngủ. Nhưng ông giữ tôi lại và nói:

“Cháu Trótút, cháu có mồn ở nhà chú không hay đi nơi khác?”

“Ở nhà chú” tôi trả lời ngay.

“Cháu có chắc không?”

“Nếu như chú vui lòng, nếu như cháu được ở!”

“Nhưng cuộc sống của cha con chú ở đây chán lắm, anh bạn ạ, và chú sợ cháu cũng chán”.

“Nó không chán đối với cháu cũng như đối với Acnét đâu chú ạ! Không chán chút nào hết”.

“Cũng như đối với Acnét?” ông nhắc lại thông thả bước đến cái lò sưởi cao và dựa vào đấy. “Cũng như đối với Acnét!”.

Tối hôm ấy ông uống nhiều rượu lắm (phải chăng đó là do óc tưởng tượng của tôi) nên đôi mắt ông đỏ như máu.

Tôi không nhìn thấy mắt ông lúc này vì ông cúi mặt xuống và lấy tay che mắt, nhưng tôi đã quan sát trước đây một chút, ông lắm bầm:

“Phải đấy, chú cũng tự hỏi, em Acnét của chú có chán vì phải ở gần chú không? Còn chú thì chú không thể nào thấy chán nếu có em nó ở bên cạnh! Nhưng đó là hai việc khác nhau, khác hẳn nhau”.

Ông có vẻ như nói trong mơ chứ không phải nói với tôi. Tôi vẫn đứng yên. Ông nói:

“Ngôi nhà này cổ và buồn, cuộc sống ở đây đơn điệu, chán ngắt, nhưng Acnét phải ở gần chú. Khi nghĩ rằng chú có thể chết và bỏ lại đứa con yêu quý trên đời, hay nghĩ rằng đứa con yêu quý của chú có thể chết bỏ lại chú cô độc một mình thì ý nghĩ ấy như một con ma ám ảnh những giờ phút sung sướng nhất của chú, và chú chỉ biết chìm ý nghĩ ấy trong....”

Ông không nói hết câu, chậm rãi bước đến chỗ hồi nãy ông đã ngồi, với lấy bình rượu đã hết nhãn và rót vào cốc như một cái máy, đoạn đặt bình xuống, đến gần tôi:

“Acnét còn ở đây mà ý nghĩ ấy còn làm chú đau xót như vậy thì khi không có em nó chú sẽ còn đau xót đến đâu? Không! Không! Chú không thể nào chịu đựng được thử thách này”.

Ông dựa vào lò sưởi, trầm ngâm một hồi lâu. Bị lôi cuốn theo những ý nghĩ u buồn, tôi tự hỏi không biết có nên quấy rầy ông bằng cách đi chỗ khác hay cứ đứng yên ở đây cho đến lúc cơn ác mộng của ông chấm dứt. Cuối cùng, ông bừng tỉnh, đưa mắt nhìn quanh phòng và mắt ông gặp mắt tôi.

“Cháu Trốtút, cháu muốn ở lại với chú chứ?” Ông nói với cái giọng thường ngày, dường như ông trả lời một câu mà tôi vừa hỏi “Chú sung sướng lắm, cháu sẽ làm bạn với hai cha con chú. Có cháu ở đây thì sẽ tốt. Tốt cho chú, tốt cho Acnét. Có lẽ tốt cho tất cả chúng ta”.

“Cháu tin chắc rằng ở đây rất tốt cho cháu, chú ạ” tôi nói” Cháu rất thích được ở đây”.

“Cháu là một em bé ngoan!” ông Uychcophin nói “Hề cháu còn thích ở đây thì cháu cứ ở”.

Đoạn ông nắm chặt tay tôi, vỗ lên vai tôi và nói buổi tối, sau khi Acnét đã về phòng riêng, nếu tôi làm việc hay muốn đi chơi thì tôi được tự do vào phòng làm việc của ông, nếu có ông ở đấy thì sẽ ngồi thức với ông, nếu như tôi không thích ngồi một mình.

Tôi cảm ơn lòng tốt của ông. Một lát sau ông xuống gác, còn tôi cũng không mệt nên đi theo, tay cầm quyển sách để tận dụng quyền hạn của mình trong nửa tếng đồng hồ nữa.

Nhưng khi thấy trong phòng giấy nhỏ hình tròn có ánh đèn, tôi liền cảm thấy mình bị Uria Hip lôi cuốn, hẳn đã gây cho tôi một thứ hấp dẫn đặc biệt và cuối cùng tôi lại bước vào phòng hắn. Tôi Thấy Uria đang đọc một quyển sách to tướng, dày cộp, và có vẻ hết sức chăm chú, ngón tay trở khẳng khiu của hắn chạy theo mỗi dòng chữ hắn đọc và để lại trên trang giấy những vết ươn ướt như vết con sên (hay ít nhất là tôi tin như vậy). Tôi hỏi:

“Đêm nay anh làm việc khuya thế?”

“Vâng, cậu Copophin ạ? Uria nói.

Tôi trèo lên chiếc ghế đầu trước mặt hắn để có thể

nói chuyện với hần thuận tiện hơn. Tôi thấy trên bộ mặt của hần chẳng có cái gì giống như một nụ cười, hần chỉ làm một việc là há hốc mồm ra, tạo thành hai nếp nhăn sâu hoắm ở hai bên má để thay thế cho nụ cười. Uria nói:

“Tôi không làm việc giấy tờ”.

“Thế anh làm gì đấy?” tôi hỏi.

“Tôi đang bổ sung những kiến thức của tôi về pháp luật. Tôi đang đọc quyển sách của ông Tít. Ông Tít này thực là một nhà văn tài giỏi, cậu Tróút ạ!”

Chiếc ghế đầu của tôi là một cái đài quan sát rất tốt; sau khi thốt ra sáu nói say sưa ấy, tôi thấy hần vẫn tiếp tục đọc, lấy ngón tay trở theo dõi từng hàng. Tôi nhận thấy mũi của hần gầy, nhọn và đầy những nếp nhăn sâu hoắm, hai cánh mũi đang nở ra, hóp lại một cách kỳ quặc và hết sức khó chịu, chúng dường như nhấp nháy để thay thế cho đôi mắt bao giờ cũng im lìm. Sau khi quan sát hần một lúc tôi nói:

“Chắc anh là một nhà luật học sự phách?”

“Tôi ấy à, cậu Copophin? “Uria nói - “ô, làm gì có, không đâu! Tôi là một người rất *“Hềng kềm”*.”

Ý nghĩ của tôi và bàn tay của hần theo như tôi nhận xét không phải là một cái gì bịa đặt, bởi vì tôi nhận thấy hần cứ xoa hai bàn tay vào nhau dường như muốn làm cho nó khô và ấm lại, ngoài ra hần còn lén lút lấy khăn tay lau bàn tay. Uria Hip nói khiêm tốn:

“Tôi thấy rất rõ rằng tôi là con người *“hềng kềm”* nhất trên đời, dù cho có những người khác rất *hềng kềm*. Mẹ tôi cũng là một người rất *hềng kềm*. Chúng tôi sống trong một ngôi nhà rất *hềng kềm*. Cậu Tróút ạ. Nhưng

chúng tôi phải biết ơn về điều đó. Cha tôi trước đây làm một nghề rất *hềng kém*, là nghề đào huyệt”.

“Bây giờ ông cụ làm gì?” tôi hỏi.

“Bây giờ cha tôi ở thế giới vinh quang, cậu Copophin ạ” Uria Hip nói tiếp. “Chúng tôi có mọi lý do để cảm ơn Chúa. Được sống với ông Uychcophin thực là may mắn cho tôi”.

Tôi hỏi Uria Hip rằng hần ở nhà ông Uychcophin đã lâu chưa?

“Tôi ở nhà ông ấy đã gần bốn năm, cậu Copophin ạ”, Uria Hip vừa nói vừa gấp sách lại sau khi đã đánh dấu cẩn thận chỗ hần đang đọc dở, “từ năm sau khi ông cụ tôi mất. Ông Uychcophin thật tử tế với tôi, tôi rất biết ơn ông ấy vì ông sẽ miễn cho tôi không phải trả tiền giao kèo về việc học nghề. Nếu không thì mẹ con tôi vốn dĩ túng thiếu, tôi sẽ không có cách nào theo học nghề này”.

“Thế khi nào thời gian tập sự của anh chấm dứt, anh sẽ trở thành một luật gia chính thức chứ gì?” tôi hỏi.

“Vâng, nếu được Chúa phù hộ, cậu Copophin ạ” Uria đáp.

“Có lẽ anh sẽ trở thành người cộng tác trong công việc của ông Uychcophin và một mai đây - tôi nói để cho hần thích tôi - ngôi nhà gọi là *Uychcophin và Hip* hay *Hip, người kế nghiệp ông Uychcophin* .

“Ồ, không! Không! Cậu Copophin ạ” Uria Hip lắc đầu nói, “tôi *hềng kém* lắm, làm điều đó sao được?”.

Kể ra, khi hần ngồi một cách *hềng kém*, há hốc mồm, hai má hần hai vết nhăn sâu hoắm và nhìn trộm tôi, tôi thấy hần rất giống cái hình ảnh khắc trên cột ở ngoài cửa

sổ phòng tôi. Uria nói:

“Ông Uychcophin là một người hết sức quý hóa, cậu Copophin ạ. Nếu như cậu biết ông ta từ lâu thì chắc chắn cậu sẽ biết rõ điều đó hơn là điều tôi có thể nói với cậu.

Tôi đáp rằng tôi cũng tin như vậy, nhưng trước đây tôi chưa quen ông ta, mặc dầu ông là bạn của cô tôi. Uria nói:

“Cậu Copophin ạ, cô của cậu thực là một người đàn bà dịu dàng”.

Hắn có thói quen uốn éo một cách đặc biệt khi hắn muốn tỏ ra mình thích thú, nhưng cái lối ấy hết sức ghê tởm khiến tôi không để ý gì đến lời hắn khen ngợi cô tôi, mà chỉ để ý nhìn cái cổ và thân hình uốn éo như một con rắn của hắn. Uria Hip nói:

“Một bà hết sức dịu dàng, cậu Copophin ạ. Chắc bà ta rất phục cô Acnet, có phải không cậu Copophin?”

Tôi trả lời “có” một cách mạnh dạn, nhưng thực ra tôi chẳng biết gì về việc đó hết (cầu Chúa tha lỗi cho tôi!). Uria nói:

“Tôi hy vọng rằng cậu cũng phục cô ấy, cậu Copophin ạ. Tôi tin rằng cậu phải phục cô ấy”.

“Ai cũng phải phục”, tôi đáp.

“Ồ, cảm ơn cậu về nhận xét ấy, cậu Copophin” Uria nói “Nhận xét ấy thật rất đúng quá! Tôi là một người *hềng kém*, nhưng tôi cũng biết điều đó là đúng! Cảm ơn cậu, cậu Copophin ạ”.

Trong khi tình cảm bị kích thích mạnh hắn uốn éo người dữ quá, rồi hắn đứng lên khỏi cái ghế đầu và bắt đầu thu xếp để chuẩn bị về nhà. Hắn nhìn chiếc đồng hồ cũ kỹ

và trở lại trong túi, rồi nói:

“Mẹ tôi chắc đang đợi và đang lo lắng, bởi vì tuy chúng tôi rất *hềng kém* cậu Copophin ạ, nhưng chúng tôi rất quăn quít nhau. Nếu cậu muốn đến nhà chúng tôi vào bất kỳ buổi chiều nào và uống một chén nước trà trong ngôi nhà *hềng kém* của chúng tôi, thì mẹ tôi cũng như tôi sẽ rất tự hào được đón tiếp cậu.

Tôi đáp lại rằng tôi sẽ vui lòng đến chơi. Uria đặt quyển sách lên giá và nói:

“Cám ơn cậu Copophin. Tôi chắc rằng cậu sẽ ở đây ít lâu có phải không cậu Copophin?”

Tôi nói rằng tôi sẽ sống ở đây hễ tôi còn học ở trường. Uria nói:

“Ồ, thế à? Thế thì tôi chắc thế nào cuối cùng cậu cũng sẽ bước vào công việc này, cậu Copophin ạ”.

Tôi phản đối nói rằng tôi không hề có ý nghĩ gì về điều đó và cũng chẳng có ai có sự kiến bảo tôi làm việc này, nhưng Uria cứ kiên quyết đáp lại một cách dịu dàng, trả lời tất cả những lời cam đoan của tôi. “Ồ! Cậu Copophin ạ, tôi tin chắc rằng thế nào cậu cũng sẽ làm việc này”, và hần chắc rằng thế nào cậu cũng sẽ làm việc này”, và hần nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Cuối cùng khi đã sẵn sàng đầu đầy để rời khỏi phòng giấy, hần hỏi tôi xem tôi có thấy bất tiện nếu hần tắt đèn không. Tôi vừa trả lời “không” thì hần tắt đèn ngay.

Sau khi giơ tay cho tôi bắt (trong bóng tối tôi có cảm tưởng như nắm phải một con cá), hần khe khẽ mở cái cửa nhìn ra đường, lén ra rồi đóng sầm ngay lại và để tôi trở vào nhà, lẩn mò vất vả từng bước, làm tôi vấp phải cái ghế

đầu của hắn và ngã chúi. Chắc hẳn đó là nguyên nhân trực tiếp khiến tôi mơ thấy hắn lúc nửa đêm, tôi nằm mơ thấy hắn vút ngôi nhà của ông Pécgôti ra biển để đi ăn cướp, trên cột buồm treo một lá cờ đen đề mấy chữ: “Quyển sách thủ tục tố tụng của Tít”; và dấu hiệu ma quái ấy, hẳn mang tôi và bé Emili đến biển Caraip để nhận chìm chúng tôi.

Sáng hôm sau, khi đi học, tôi đã thắng được một phần sự lúng túng của tôi. Những ngày sau đó tôi đã thắng được nhiều hơn, dần dần tôi đã tự chủ được hoàn toàn và tiến bộ đến nỗi trong không đầy hai tuần lễ, tôi đã cảm thấy hết sức thoải mái và sung sướng được sống giữa những người bạn mới. Tôi còn khá vụng về trong những trò chơi của họ và cũng còn kém sút họ về mặt học vấn; nhưng tôi hy vọng rằng tập quán sẽ làm cho tôi khá dần về điểm thứ nhất và việc học hành chỉ sẽ giúp tôi về điểm thứ hai. Kết quả là tôi bắt tay vào việc nghiêm túc khác, và do đó tôi rất được khen. Trong một thời gian ngắn, cuộc sống của tôi ở Mocketon Grinbi trước kia đã trở nên xa lạ đối với tôi, khiến tôi khó lòng có thể tin rằng đã từng sống cuộc sống ấy; trái lại, cuộc sống hiện tại đối với tôi trở nên quen thuộc đến nỗi tôi có cảm tưởng như đã sống cuộc sống này từ lâu.

Trường học của bác sĩ Xtrong là một trường học tuyệt diệu, hoàn toàn khác xa cái trường của ông Crichcon, cũng như cái thiện khác xa cái ác. Nó được lãnh đạo một cách nghiêm túc, và đúng đắn theo một phương pháp thông minh. ở đây, trong tất cả mọi việc, người ta đều đòi hỏi đến lòng trung thực và trọng danh dự của học sinh, với ý nghĩ rõ ràng rằng người ta tin vào những đức tính ấy của học

sinh để học sinh tỏ ra xứng đáng với lòng tin. Và phương pháp ấy đã đưa đến kết quả tuyệt diệu. Tất cả chúng tôi đều ý thức rằng mình tham dự vào việc quản lý nhà trường, bênh vực danh dự và phẩm giá nhà trường. Vì vậy cho nên chẳng bao lâu chúng tôi trở nên gắn bó với trường. (Về phần tôi, tôi tin chắc đó là trường hợp của tôi, và suốt thời gian học, tôi không thấy có cậu học trò nào lại có ý nghĩ khác). Chúng tôi học tập rất thích thú với mong muốn là làm vinh dự cho trường. Ngoài giờ học, chúng tôi chơi những trò chơi thú vị, rất tự do. Nhưng ngay trong việc này, tôi còn nhớ, trong thành phố người ta vẫn có ý kiến tốt về chúng tôi và ít khi có trường hợp làm hại đến danh tiếng của bác sĩ Xtrong và học sinh của ông do thái độ hay cử chỉ của chúng tôi.

Một vài học sinh thuộc các lớp lớn ở ký túc trong nhà của bác sĩ. Nhờ họ, tôi biết một vài chi tiết gián tiếp về đời bác sĩ. Chẳng hạn, tôi biết rằng ông lấy Anni, bà vợ trẻ và đẹp mà tôi gặp trong phòng giấy của ông, chưa đầy một năm, và đối với ông, đây là đám cưới vì tình vì cô chẳng có một xu dính túi, đã thế lại có cả một lô bà con nghèo (các bạn tôi thường nói thế) sẵn sàng kéo nhau vào nhà bác sĩ để đuổi ông ra khỏi nhà. Tôi cũng biết rằng thái độ trầm tư của bác sĩ có thể là do một điều suy nghĩ thường xuyên của ông, ông luôn luôn tìm tòi những từ căn Hy Lạp. Trong tình trạng ngây thơ và ngu dốt, tôi tưởng rằng bác sĩ có thú say mê gì đấy về thực vật học, tôi càng nghĩ như vậy vì ông cứ luôn luôn nhìn xuống đất khi dạo chơi, cho đến khi tôi hiểu được rằng đấy là việc tìm từ căn của những từ sẽ đưa vào một quyển từ điển mới mà ông dự

định làm. Adam, chú học sinh giỏi nhất trường, vẫn sẵn có óc toán học, đã tính toán xem muốn hoàn thành quyển từ điển này, theo phương pháp và theo tốc độ làm việc của bác sĩ, thì sẽ mất bao lâu. Anh ta tính rằng quyển sách có thể hoàn thành trong một ngàn sáu trăm bốn mươi sáu năm, kể từ ngày sinh nhật của bác sĩ, tức là sinh nhật lần thứ sáu mươi hai.

Nhưng bác sĩ lại là người được tất cả trường tôn thờ, và phải là một trường gồm những đứa học trò hư hỏng lắm mới có thể có ý nghĩ khác, vì ông là con người nhân từ nhất trên đời, với một lòng tin mộc mạc có thể khiến cho những trái tim đá của những chiếc vai đặt trên tường cũng phải xúc động. Khi ông đi bách bộ trên sân gần trường học, và những con quạ khoang và những con quạ lạc đàn đưa mắt nhìn theo, gật gật cái đầu một cách hóm hỉnh dường như chúng hiểu rằng chúng còn thông thạo việc đời hơn ông, và lúc đó, nếu có một thằng ma-cà-bông nào dám đến gần đôi giây cột kẹt của ông và chỉ việc làm cho ông chú ý đến một câu về câu chuyện khổ cực mà nó bịa ra tức thì nó sẽ được tiền tiêu xài trong hai ngày. Đây là một điều mà ở trong nhà ai cũng biết: các thầy giáo và những người học sinh ưu tú tìm cách chặn những tên lưu manh này ở các góc bằng cách nhảy ra khỏi cửa sổ và đuổi chúng ra khỏi sân trước khi chúng có thể làm cho bác sĩ để ý đến sự có mặt của chúng. ở ngoài khu vực của ông và không có sự bảo vệ này thì ông như là một con cừu, tha hồ ai muốn cắt lông cũng được. Ông sẽ tháo đến cả đôi ghệt của mình để cho người khác. Thực vậy, có một câu chuyện lưu truyền trong bọn chúng tôi (tôi không bao giờ có ý nghĩ xem

chuyện này ở đâu ra, nhưng từ lâu tôi vẫn tin, đến nỗi bây giờ tôi có cảm tưởng là điều đó hoàn toàn đúng): một hôm vào mùa đông tiết trời giá lạnh, quả thực ông đã biếu đôi giày cho một bà ăn mày, bà này đã gây ra một việc tai tiếng ở chung quanh bằng cách mang một đứa trẻ mới sinh, xinh xắn, đi hết nhà này đến nhà khác mang đôi giày ấy. Mọi người nhận ra ngay đôi giày của ông vì nó cũng nổi tiếng trong vùng chẳng kém gì ngôi nhà thờ. Câu chuyện còn được nói thêm rằng bác sĩ là người duy nhất không nhận ra đôi giày của mình! Ít lâu sau, đôi giày được bày ở cửa hàng của một người bán quần áo cũ, anh này vốn đã có tiếng không hay, anh ta đổi những đồ vật kiểu ấy để lấy rượu mạnh. Người ta thấy bác sĩ nhiều lần dừng lại đấy, mê m mê ngắm nghía đôi giày có vẻ tán tụng lắm, dường như ông tán thưởng đôi giày này được đóng theo kiểu mới, xinh xắn, và ông cho rằng nó hơn hẳn đôi giày của mình.

Nhìn bác sĩ ở bên cạnh bà vợ trẻ trung, xinh đẹp thực là thú. Ông có một cách biểu lộ tình yêu đối với vợ rất dịu dàng và âu yếm như cha đối với con. Riêng điều này cũng đủ nói lên rằng ông là một người tốt. Tôi thường thấy hai người dạo chơi trong vườn, cạnh những cây đào. Đôi khi tôi có dịp quan sát họ gần hơn ở trong phòng giấy hay trong phòng khách. Tôi thấy bà vợ có vẻ săn sóc và yêu quý chồng lắm, nhưng tôi không bao giờ tin rằng bà quan tâm tha thiết đến quyển từ điển, tác phẩm mà lúc nào bác sĩ cũng mang theo một vài mảnh đồ sộ ở trong lần lốt của chiếc mũ, và trong khi đi dạo chơi, hình như ông đã đem những trang ấy ra để giải thích cho bà vợ nghe.

Tôi thường gặp bà Xtrong vì hai lý do: trước hết, vì bà có thiện cảm với tôi buổi sáng hôm tôi được giới thiệu với bác sĩ, và kể từ ngày ấy bao giờ bà cũng tỏ ra quan tâm và tử tế đối với tôi, thứ hai là vì bà rất yêu Acnet và thường đến chơi nhà chúng tôi. Tôi có cảm tưởng rằng giữa ông Uychcophin và bà có một điều gì lúng túng khó hiểu (bà có vẻ sợ ông Uychcophin) và điều này không bao giờ bà chịu để cho ông tiễn bà mà thích chạy về nhà với tôi. Đôi khi, trong lúc chúng tôi cùng nhau vui vẻ chạy qua sân nhà thờ và nghĩ rằng sẽ không gặp bất kỳ ai thì chúng tôi bất gặp ông Jác Mandon, và bao giờ ông cũng tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy chúng tôi.

Bà mẹ của bà Xtrong là một người tôi thích. Tên bà là Macloham, nhưng bọn học sinh vẫn thường gọi bà là "vị cựu chiến binh" vì bà có tài làm tướng và rất thông thạo trong khi cầm đầu một đội quân đông đảo trong gia đình để tấn công bác sĩ. Đó là một người đàn bà nhỏ nhắn, có cặp mắt sắc, bao giờ cũng đội một cái mũ có những bông hoa với hai con bướm giả dường như đang bay phấp phới trên những bông hoa giả này. Bọn chúng tôi kháo nhau một cách thần phục rằng cái mũ này làm ở Pháp và chỉ những người thợ thủ công của cái nước khéo léo ấy mới có thể làm được. Duy có một điều tôi biết chắc chắn là chiều nào cái mũ ấy cũng xuất hiện cùng lúc với bà Macloham mỗi khi bà đi dự những buổi họp thân mật, tay xách một cái làn Ấn Độ, trong đựng chiếc mũ. Mấy con bướm có đặc tính là luôn luôn run rẩy, chúng giống như hai con ong chăm chỉ, luôn luôn lợi dụng những giờ nắng ráo để bóc lột bác sĩ Xtrong.

Tôi được gíp thuận lợi để quan sát vị “cựu chiến binh” (tôi dùng từ này không có ý châm biếm gì hết) trong một buổi chiều sẽ mãi mãi in sâu trong óc tôi vì có một chuyện mà tôi sẽ kể lại đây. Buổi chiều hôm ấy ở nhà bác sĩ có một cuộc họp mặt nhân dịp ông Jắc Mandon sắp đi Ấn Độ, ông ta đến đây làm học sinh sỹ quan hay một cái gì tương tự, bởi vì ông Uychcophin cuối cùng đã thu xếp xong công việc. Hôm đó, lại đồng thời là ngày sinh nhật của bác sĩ. Chúng tôi được nghỉ, buổi sáng chúng tôi đã mang quà tặng bác sĩ, người đứng đầu lớp đã đọc một bài diễn văn ngắn và chúng tôi đã hoan hô đèn cả cổ, làm bác sĩ cũng phải chảy nước mắt. Và bây giờ đến chiều, ông Uychcophin cùng Acnet và tôi uống trà ở nhà bác sĩ trong không khí gia đình. Ông Jắc Mandon đã đến đây trước chúng tôi. Khi chúng tôi vào bà Xtrong mặc đồ trắng, thắt chiếc dải đỏ sẫm và đang đánh dương cầm, còn ông Xtrong đang cúi xuống phía bà vợ để gỡ những tờ bạc. Lúc bà quay về phía chúng tôi, tôi cảm thấy màu da trắng hồng của bà không tươi như mọi ngày, nhưng vẫn rất đẹp... hết sức đẹp. Khi chúng tôi đã ngồi xuống, bà mẹ của bà Xtrong nói:

“Thưa bác sĩ, tôi quên chúc mừng sinh nhật ông, mặc dầu như ông biết đấy, tôi thấy đây không phải chỉ là những lời chúc tụng theo thường lệ. Ông cho phép tôi chúc ông có nhiều ngày sinh nhật sung sướng như ngày hôm nay”.

“Tôi rất cảm ơn” bác sĩ đáp

“Có nhiều ngày sung sướng, nhiều ngày sinh nhật sung sướng” vị cựu chiến binh nói “không những sung sướng cho ông, mà cả cho Anni, cho Jắc Mandon và cho

nhiều người khác nữa. Tôi có cảm tưởng hôm vừa qua đây, anh Jắc ă, anh là một cậu bé thấp hơn cậu Copophin một cái đầu và đang ve vãn Anni đằng sau những bụi phúc bồn tử trong vườn”.

“Mẹ đừng nhắc những chuyện ấy nữa, mẹ ă” bà Xtrong nói.

“Anni ngớ ngẩn” bà mẹ đáp. “Nếu bây giờ làm một bà già có chồng, nghe những chuyện như thế mà con đỏ mặt thì đến khi nào con mới hết đỏ mặt?”

“Già ư?” Jắc Mandon kêu lên. “Anni già à? Nói gì thế?”

“Phải đấy anh Jắc ă” vị cựu chiến binh đáp, “nó là một bà già có chồng, già vì cảnh ngộ, mặc dù nó không phải già về tuổi (bởi vì đời thuở nào lại có một cô gái hai mươi tuổi mà già về tuổi?) nhưng cô em họ anh là vợ của bác sĩ và tôi có thể dùng những lời ấy để nói với cô. Anh Jắc ă, cô em họ anh là vợ của bác sĩ, đó là một điều tốt cho anh đấy. Anh đã tìm thấy ở bác sĩ một người bạn tốt bụng và có thể lực. Tôi dám quả quyết rằng. Ông sẽ còn tốt hơn nữa nếu anh xứng đáng với lòng tốt của ông. Tôi không tự hào vớ vẩn đâu. Tôi không bao giờ ngần ngại thừa nhận rằng rõ ràng là có những người trong gia đình chúng ta cần đến một người bạn. Anh đã từng là một người trong gia đình trước khi ảnh hưởng của cô em họ anh giúp cho anh có được một người bạn”.

Bác sĩ vốn là người nhân từ, khoát tay có ý muốn nói chuyện đó không có gì quan trọng, để cho ông Jắc Mandon đừng nhắc nhở thêm nữa. Nhưng bà Macloham đã rời khỏi ghế, đến ngồi cạnh bác sĩ, đặt cái quạt lên trên

ông tay áo của mình, và nói:

“Không, thực đấy mà, bác sĩ ạ, ông phải tha lỗi cho tôi nếu như tôi có vẻ nhấn mạnh đến điểm này bởi vì tôi rất cảm kích. Tôi gọi điều đó là cái bệnh cố chấp của tôi, vì đó là một điều tôi rất hay để ý đến. Ông là một người hết sức tốt đối với chúng tôi. Ông quả thực là ân nhân của chúng tôi”.

“Ấy chết, sao lại nói thế !” bác sĩ nói.

“Không! Không! Tôi xin lỗi ông”, vị cựu chiến binh dấp lại ngay - “Hiện nay không có ai ngoài người bạn thân thiết và tâm sự của chúng ta là ông Uychcophin, nên tôi không thể nào yên lặng được. Nếu ông cứ làm như vậy thì tôi sẽ dùng quyền lực của một bà mẹ vợ và tôi sẽ cự lại ông. Tôi hết sức thẳng thắn và trung thực. Điều tôi nói hôm nay là điều tôi đã nói khi ông làm cho tôi rất đỗi ngạc nhiên (chắc ông hẳn nhớ lúc ấy tôi ngạc nhiên thế nào chứ?) khi ông hỏi Anni làm vợ. Không phải việc ông hỏi nó làm vợ là kỳ lạ đâu (nếu nói như vậy thì sẽ lố bịch), nhưng bởi vì ông đã biết người cha nghèo hèn của nó, và ông đã biết nó từ khi nó còn là con bé sáu tháng. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều này, chưa bao giờ nghĩ rằng ông sẽ lấy vợ, chỉ có thể thôi, ông biết không?”

“Đúng! Đúng!” Bác sĩ tươi tỉnh nói” Chuyện đó có quan trọng gì ?”

“Nhưng đối với tôi thì lại quan trọng cơ đấy!” Vị cựu chiến binh nói, giơ cái quạt lên môi bác sĩ - “Quan trọng lắm chứ! Tôi nhắc lại những việc ấy để cho người ta có thể cãi lại, nếu như tôi nói sai. Sau đó tôi nói lại với Anni và tôi bảo nó: “Con ạ, bác sĩ Xtrong đến gặp mẹ, nói ông ấy

yêu con và ngờ ý hỏi con làm vợ”. Tôi có ép buộc gì nó không? Không! Tôi nói: “Anni, bây giờ con nói thực cho mẹ biết trái tim con có nghĩ đến ai không?” Nó khóc và nói với tôi: “Mẹ ơi, con còn trẻ lắm (và điều đó rất đúng), con chưa biết con có trái tim hay không?” Thế rồi tôi bảo nó: “Này con ạ, con có thể yên tâm, như thế tức là trái tim con chưa nghĩ đến ai. Dầu sao, con ơi, bác sĩ Xtrong cũng đang ở trong tình trạng bối rối và ta phải trả lời cho ông ta. Không thể để ông ta ở trong tình trạng chờ đợi, lo lắng hiện nay”. Anni vẫn khóc và bảo tôi: “Mẹ ơi, không có con, ông ta có khổ không? Nếu ông khổ thì con nghĩ rằng con sẽ lấy ông, bởi vì con rất tôn trọng và kính nể ông”. Thế là công việc thu xếp xong. Sau đó tôi mới nói với Anni: “Anni, bác sĩ Xtrong không chỉ là chồng con, mà sẽ còn là người thay mặt cha con đã quá cố: ông sẽ thay thế người chủ gia đình chúng ta, sẽ tiêu biểu cho sự khôn ngoan và địa vị xã hội, và mẹ có thể nói, ông sẽ lo cho gia đình ta có cách sinh sống, tóm lại một chữ, ông sẽ là ân nhân của con”. Lúc ấy tôi đã dùng chữ ấy và hôm nay tôi lại dùng chữ ấy. Nếu như tôi có một ưu điểm thì đó là trí nhớ của tôi trước sau như một”.

Suốt trong lúc bà mẹ thuyết như vậy, cô con gái vẫn cứ ngồi yên, cặp mắt nhìn đăm đăm xuống đất, người anh họ cô đứng cạnh, cũng nhìn xuống đất. Lúc này cô mới nói hết sức dịu dàng, giọng run run:

“Mẹ ơi, mẹ nói xong chưa ạ?”

“Không, Anni ạ” vị chượng chiến binh đáp “mẹ chưa nói xong. Con yếu quý của mẹ, vì con hỏi mẹ cho nên mẹ trả lời rằng chưa xong. Mẹ than phiền về chỗ con thật sự ít

thương yêu gia đình con, nhưng than phiền với con thì cũng chẳng ăn thua gì, mẹ muốn than phiền với người chồng của con. Nào bác sĩ, bác sĩ hãy nhìn bà vợ đại dột của mình một chút”.

Khi bác sĩ quay gương mặt hiền hậu với nụ cười dịu dàng và mộc mạc về phía vợ thì bà vợ lại cúi gằm mặt xuống hơn nữa. Tôi nhận thấy ông Uychcophin nhìn bà Xtrong chăm chú.

Bà mẹ lắc đầu, phe phẩy cái quạt về phía con gái có vẻ bồn chột và nói tiếp:

“Hôm trước, khi tôi có dịp nói với con bé ngốc nghếch này rằng trong gia đình ta có một hoàn cảnh mà nó phải nói đến (thậm chí theo tôi, nhiệm vụ của nó là phải nói với ông), thì nó bảo rằng nói với ông hóa ra là cầu xin ân huệ, và vì ông là người quá nhân từ nó muốn cầu xin gì cũng được, cho nên nó đã từ chối”.

“Em Anni ạ” bác sĩ nói “em nghĩ thế là sai, em làm anh mất một điều sung sướng”.

“Đúng lắm, chính tôi cũng bảo nó như thế nào” - bà mẹ nói to “Lần sau nếu tôi biết rằng nó không nói với ông một điều gì chỉ vì lý do này mà thôi thì, thưa bác sĩ tôi rất muốn nói thẳng với ông”.

“Tôi rất sung sướng”, bác sĩ đáp.

“Thực không?”

“Thực đấy mà!”

“Thế à? Thế thì tôi sẽ nói” vị cựu chiến binh nói “Việc này thế là thu xếp xong”.

Khi đã đạt được mục đích của mình (theo ý nghĩ của tôi) bà ta hôn cái quạt rồi cầm nó gõ gõ mấy cái nhẹ nhẹ

lên bàn tay bác sĩ, đoạn trở lại vị trí cũ của mình hân hoan đắc thắng.

Vì những người khách khác lại đến, trong số này có hai thầy giáo và Adam nên câu chuyện trở thành chuyện chung. Dĩ nhiên người ta nói đến ông Jắc Mandon và cuộc viễn du của ông ta, đến cái nước mà ông ta sẽ đến và tất cả những dự định của ông ta. Ông ta phải ra đi ngay sau bữa ăn chiều hôm ấy, bằng xe trạm đến Grâyvoxen, rồi xuống tàu ở đấy. Trừ phi ông ta xin phép trở về nghỉ, hay vì lý do sức khỏe của ông ta sẽ phải vắng mặt không biết bao nhiêu năm trời. Tôi nhớ tất cả mọi người đều đồng ý rằng ấn Độ là một nước bị người ta nói xấu, chứ nó không có cái gì đáng chê trách, chỉ trừ có dăm ba con hổ và có hơi nóng một chút trong khoảng thời gian ít mát nhất ngày. Về phần tôi, tôi thấy ông Jắc Mandon là một Ximbat hiện đại⁽¹⁾, tôi tưởng tượng ông là bạn thân của tất cả các quốc vương ở phương đông, ngồi dưới một chiếc lọng, hút thuốc bằng những cái tẩu vàng cong vút, tẩu này sẽ dài đến một dặm nếu như người ta có thể uốn cho nó thẳng ra.

Bà Xtrong hát rất hay, tôi biết điều đó vì thường nghe bà hát một mình. Không hiểu vì bà ta mất một giọng hay sợ hát ở chỗ đông người, mà rõ ràng là hôm ấy bà ta không sao hát được. Có một lần bà thử song ca với ông anh họ Mandon, nhưng bà đã không thể nào bắt giọng được. Sau đó một hồi lâu, bà thử hát một mình, thì mặc dầu bà bắt đầu rất dịu dàng, nhưng đến nửa chừng giọng bà bỗng nhiên bị tắc và bà đã hốt hoảng gục đầu xuống các

⁽¹⁾ Nhân vật của "Một ngàn lẻ một đêm" đã đi bảy cuộc phiêu lưu kỳ diệu.

phím đàn. Bác sỹ tốt bụng bảo thân kinh bà bị xúc động và để nâng đỡ bà, ông đề nghị đánh bài (ông ta đánh bài cũng kém như chơi kèn hai ống). Nhưng tôi thấy vị cựu chiến binh liền che chở cho ông là người cùng chơi với mình, và với tư cách ông là người mới nhập môn, bà ra lệnh cho ông phải dốc tất cả những đồng tiền của ông ở trong túi ra.

Cuộc đánh bài hôm ấy vui vẻ, không phải vì những sai lầm của bác sỹ mà nó bớt vui, bởi vì bác sỹ đã phạm vô số sai lầm mặc dầu có sự tích cực của những con bôm và sự giận dữ của chúng. Bà Xtrong từ chối không chơi vì thấy mình hơi khó ở. Còn ông anh họ Mandon cũng từ chối vì phải lo thu xếp hành lý. Tuy vậy, sau khi thu xếp xong, ông ta cũng đến ngồi cạnh bà Xtrong. Trên ghế xô-pha, để nói chuyện. Chốc chốc bà Xtrong lại liếc mắt nhìn xem cách đánh bài của bác sỹ và bảo ông nên đánh như thế nào. Mặt bà tái xanh khi cúi về phía ông ta và tôi cảm thấy ngón tay bà run run khi chỉ những con bài; nhưng tôi có cảm tưởng bác sỹ được vợ săn sóc như vậy thì sung sướng quá nên chẳng để ý đến gì hết.

Bữa ăn tối hôm ấy không hoàn toàn vui vẻ như hồi nãy. Ai cũng cảm thấy sự ly biệt này là một cái gì vướng víu và phút chia tay càng đến gần thì tình trạng ấy càng tăng thêm. Ông Jắc Mandon cố nói liến thoắng, nhưng không cao hứng cho lắm nên không khí càng thêm tẻ. Tôi cảm thấy vị cựu chiến binh cũng không làm cho không khí vui hơn vì bà cứ luôn luôn nhắc đến những chuyện thời thơ ấu của ông Jắc Mandon.

Tuy vậy, tôi vẫn chắc chắn rằng bác sỹ có cảm tưởng là mình làm cho mọi người sung sướng, nên ông rất hài

lòng và yên trí rằng chúng tôi đều vô cùng thích thú. Ông rót rượu vào cốc của mình, nhìn đồng hồ và nói:

“Em Anni ạ, đã đến giờ anh Jắc ra đi, chúng ta không nên giữ anh ấy lại nữa, vì như tục ngữ đã nói “thời giờ và thủy triều không chờ đợi ai” và ở đây chính là trường hợp của cả hai. Anh Jắc Madon ạ, anh phải đi một đoạn đường dài, đến một đất nước xa lạ. Nhưng nhiều người đã từng chịu đựng cả hai thử thách ấy, và nhiều người khác sẽ còn chịu đựng như vậy mãi mãi. Những ngọn gió mà anh phải đương đầu đã đưa hàng ngàn hàng triệu con người đến số phận may mắn, và sau đó đã đưa họ trở về đất nước, sung sướng.

“Thực là cảm động”, bà Macloham nói, “dù chúng ta đứng trên quan điểm nào, khi thấy một chàng thanh niên xinh trai mà mình đã biết từ khi còn thơ ấu, phải đi đến nơi góc biển chân trời, bỏ lại tất cả những người thân thuộc và không biết những gì sẽ chờ đợi mình, chúng ta cũng phải thấy xúc động. Một chàng thanh niên phải chịu đựng những sự hy sinh như vậy” bà đưa mắt nhìn bác sĩ “xứng đáng được nâng đỡ và che chở”.

“Thời gian sẽ qua nhanh đối với anh, anh Jắc Madon ạ”, bác sĩ nói tiếp, “và đối với chúng, tôi cũng thế. Một vài người trong số chúng ta có lẽ không thể hy vọng được đón chào khi anh trở về, nếu như sự việc cứ trôi theo nhịp độ bình thường của nó. Cách tốt nhất là hy vọng như vậy, và đó là trường hợp của tôi. Tôi sẽ không đưa ra những lời khuyên tốt đẹp để quấy rầy anh. Từ lâu anh đã có một tấm gương tốt ở trước mắt đó là cô em họ Anni của anh. Anh hãy bắt chước những đức tính của cô ấy.”

Bà Macloham quạt lia lia và lắc đầu.

“Từ biệt anh Jắc”, bác sĩ nói, đoạn đứng dậy và tất cả chúng tôi đều đứng dậy, “Tôi chúc anh thượng lộ bình an, tìm được ở đấy một tiền đồ rực rỡ và trở về nước sung sướng”.

Tất cả chúng tôi đều uống rượu chúc mừng và bắt tay ông Jắc Mandon. Sau đó, ông ta vội vã từ biệt các bà đang đứng ở đấy rồi nhanh nhẹn chạy ra cửa: ở đấy ông được bọn học sinh hoan hô nhiệt liệt ngay lúc ông bước lên xe, chả là bọn học sinh đã tập hợp quanh bồn hoa với mục đích ấy! Tôi lao mình nhập vào bọn để cho hàng ngũ đông hơn, tôi đã len đến sát cạnh chiếc xe ngựa khi nó chuyển bánh, và tôi có một ấn tượng mãnh liệt giữa cảnh huyên náo và bụi bặm bốc lên khi thấy ông Jắc Mandon mặt mày ngơ ngác, cầm trong tay một vật gì màu đỏ sẫm.

Sau khi hoan hô lần thứ hai để chúc mừng bác sĩ và hoan hô lần nữa để chúc mừng bà vợ của ông, bọn học sinh giải tán và tôi lại bước vào nhà, đứng cạnh những người khách đang quây quần chung quanh bác sĩ, bàn về việc ra đi của ông Jắc Mandon, về thái độ, tình cảm của ông ta và những chuyện khác quanh vấn đề ấy. Trong khi mọi người đang nhận xét, bà Macloham bỗng kêu lên:

“Anni đâu rồi?”

Anni không có ở đây! Và mọi người gọi mãi cũng không thấy bà ta trả lời! Khi tất cả chúng tôi kéo nhau ra khỏi phòng để xem có chuyện gì xảy ra thì thấy bà nằm sòng sọt bất tỉnh trên đất, trong phòng áo. Lúc đầu, mọi người cũng rất lo ngại, nhưng sau những phương pháp cứu chữa thường ngày, bà đã tỉnh lại. Bác sĩ nâng đầu vợ đặt

lên đầu gối mình, lấy tay vén những mớ tóc phủ trên mặt vợ, nhìn quanh và nói:

“Thực tội nghiệp cho Anni! Nhà tôi chung thuỷ và dịu dàng. Nhà tôi bất tỉnh như thế này là vì người bạn thân thuở nhỏ đã ra đi! ô, thật là tiếc, tôi rất đau lòng!”.

Khi bà mở mắt, biết rằng mình đang ở đâu và thấy chúng tôi đang đứng chung quanh, bà đứng dậy với sự giúp đỡ của chồng, rồi gục đầu vào vai bác sĩ... Tôi không biết có phải là để che mặt không? Chúng tôi bước ra phòng khách, để mặc bà với bác sĩ và bà mẹ, nhưng bà nói rằng bà cảm thấy đỡ nhiều so với buổi sáng và muốn được đưa lại ngồi với chúng tôi. Vì vậy người ta đưa bà đến đặt nằm trên ghế xô-pha, tôi thấy da bà có vẻ tái đi và bà rất yếu. Bà mẹ vuốt áo bà và nói:

“Anni con ạ, con đã mất một cái nơ của con rồi. Có ai chịu khó tìm hộ cái ruy-băng... một cái ruy-băng màu đỏ sẫm?”

Đó chính là cái nơ bà mang trước ngực. Chúng tôi đều tìm kiếm quanh quần. Riêng phần tôi thì tôi tìm khắp mọi nơi, nhưng chẳng ai tìm thấy cái nơ ấy cả. Bà mẹ hỏi:

“Con có nhớ nơi con vừa mang cái nơ ấy không?”

Tôi tự hỏi tại sao tôi lại có thể thấy bà tái xanh đến thế, và bà đỏ mặt lên khi trả lời rằng cách đây không lâu, cái nơ ấy vẫn ở đấy, nhưng theo ý bà thì không hơi đâu mà tìm nó nữa.

Tuy vậy người ta vẫn tìm lại lần nữa, nhưng chẳng có kết quả gì. Acnet và tôi ngắm đêm sáng trăng và ông Uychcophin luôn luôn nhìn xuống đất. Khi chúng tôi ra đến cửa, Acnet bỗng nhớ ra cô ta đã bỏ quên cái túi thêu.

Tôi liền chạy vào tìm, và cảm thấy sung sướng khi được giúp đỡ cô.

Tôi bước vào phòng ăn, nơi Acnét bỏ quên cái túi thêu. Nhưng căn phòng vắng vẻ và tối om. Cánh cửa này ăn thông với phòng giấy của bác sĩ và trong ấy có ánh sáng nên tôi bước vào đấy để nói tôi muốn tìm gì và xin một ngọn nến.

Bác sĩ đang ngồi trên ghế bành cạnh lò sưởi, bà vợ của ông ta đang ngồi trên chiếc ghế đầu ngay sát chân ông. Bác sĩ nở một nụ cười thỏa mãn và đang cất cao giọng đọc lời giải thích hay bản trình bày trích trong cuốn từ điển không bao giờ có thể làm xong của ông, còn bà vợ thì đang ngược mắt nhìn chồng. Thực chưa bao giờ tôi thấy gương mặt bà như vậy: sắc mặt xanh xao nhưng đường nét của nó thực là thanh tú! Nó có cái dáng say sưa trong cái vẻ lơ đãng của nó, nó có cái vẻ kỳ lạ của một người vừa đi vừa ngủ và có sắc thái mơ màng kinh khủng mà tôi không hiểu nguyên nhân từ đâu? Đôi mắt mở to, mớ tóc nâu xoắn xuống thành hai làn sóng tuyệt đẹp trên đôi vai và cái áo trắng tinh bị nhăn vì thiếu cái nơ. Tôi còn nhớ rất rõ cái nhìn của bà, nhưng tôi không thể nói lúc đó nó biểu hiện cái gì! Thậm chí, tôi cũng không thể nói, đối với tôi, nó biểu hiện cái gì khi nó xuất hiện lại, mặc dù óc suy nghĩ của tôi bây giờ đã chín chắn hơn. Tôi thấy tất cả: đau xót, nhẫn nhục, xấu hổ, tự hào, tình yêu và lòng tin; trọng tất cả tình cảm ấy tôi còn thấy sự hoảng sợ và tôi không hiểu là hoảng sợ cái gì.

Việc tôi bước vào và nói lý do tại sao tôi quay lại làm cho bà bừng tỉnh. Điều đó cũng làm phiền cho bác sĩ,

vì khi tôi quay lại để đặt cây nến vào chỗ cũ trên bàn, tôi thấy bác sĩ đang vuốt đầu vợ với thái độ âu yếm của người cha và nói rằng mình thực là một người ngớ ngẩn, tàn nhẫn, đáng lý không nên để cho vợ lười cuốn mình, bảo mình đọc từ điển, và ông muốn đưa vợ đi ngủ.

Nhưng bà vẫn khẩn khoản yêu cầu ông để bà ngồi lại đây, giọng nói hấp tấp và thiết tha. Như thế là để bà cảm thấy mình thực sự được chồng tin cậy đêm hôm ấy (tôi nghe bà thì thầm những chữ rời rạc đại khái như vậy). Sau khi bà liếc nhìn tôi đi ra cửa và rời khỏi phòng, tôi thấy bà quay lại phía chồng, chấp tay đặt lên đầu gối ông và ngược mắt nhìn ông cũng với vẻ mặt như hồi nãy nhưng điềm tĩnh hơn, trong lúc ông lại tiếp tục đọc.

Cảnh tượng này đã gây cho tôi một ấn tượng mãnh liệt, khiến tôi còn nhớ mãi đến sau này và tôi sẽ có dịp kể lại khi cần.

Chương XVII

MỘT NGƯỜI NÀO ĐÓ XUẤT HIỆN

Từ khi bỏ trốn đi, tôi vẫn chưa có dịp nói đến chị Pécgôti, nhưng tất nhiên đã viết cho chị một bức thư ngay sau khi tôi được ở Đơvơ và một bức thư ngay sau khi tôi được ở Đơvơ và một bức thư khác dài hơn kể lại đầu đuôi mọi việc từ khi cô tôi đã chính thức đứng ra che chở cho tôi. Khi tôi đến trường bác sĩ Xtrông, tôi lại viết cho chị một bức thư nữa kể lại tỉ mỉ về hoàn cảnh sung sướng của tôi hiện nay và sau này. Tôi không bao giờ cảm thấy sung sướng cho bằng khi dùng số tiền mà ông Đích đã cho tôi gửi trả chị Pécgôti: trong bức thư sau cùng này tôi gửi một đồng vàng nửa ghi- ni để trả số tiền tôi đã vay, và cũng trong bức thư này, chứ không phải trước đây, tôi nhắc đến anh chàng trẻ tuổi đẩy xe lừa.

Nhận được những bức thư này, chị Pécgôti trả lời ngay, cũng nhanh chóng nếu không phải là cũng chính xác như một viên chức hăng buôn. Chị đã sử dụng hết tài năng diễn đạt của mình (tài năng ấy về mặt viết lách thì chẳng là bao) để kể cho tôi nghe những cảm xúc của chị về cuộc

hành trình của tôi. Bốn trang giấy với những câu mở đầu lộn xộn và đầy những dấu than, kết thúc bằng những vết hoen bẩn đã tỏ ra không đủ sức để làm cho chị bớt hồi hộp. Nhưng những vết hoen bẩn này đối với tôi lại còn đầy ý nghĩa hơn bài văn viết gầy gọn nhất, vì nó tỏ cho tôi biết rằng chị Pécgôti đã khóc trên tất cả những trang giấy ấy và tôi còn có thể đòi hỏi gì nữa kia chứ?

Tôi hiểu một cách không khó khăn rằng chị vẫn chưa hoàn toàn có thiện cảm với cô tôi. Sau khi đã có thành kiến xấu trong một thời gian dài như vậy, chị vẫn chưa có đủ thì giờ thay đổi ý kiến. Chị viết rằng không ai có thể biết chắc người đời như thế nào những nghĩ rằng cô Bétxi có thể khác hẳn điều người ta vẫn nghĩ về cô ấy, như vậy thì quả là một bài học về đạo đức! Chị viết như thế. Rõ ràng chị vẫn còn sợ cô Bétxi bởi vì chị gửi lời thăm cô tôi một cách rất dè dặt và rõ ràng là chị còn sợ cả tôi nữa vì chị nhận thấy rồi đây thế nào tôi cũng sẽ bỏ trốn một lần thứ hai nữa. Tôi có thể đoán được điều đó vì thấy chị cứ luôn luôn gợi ý rằng chị sẵn sàng gửi tiền cho tôi để đi xe trạm đến Yácmao, chỉ cần tôi yêu cầu chị mà thôi.

Chị cho tôi biết một tin làm tôi rất buồn, đó là đồ đạc trong ngôi nhà cũ kỹ của chúng tôi đã bị đem bán, còn ông Mócxtôn và cô Mócxtôn đã bỏ đi, cái nhà đã bị khóa lại để cho thuê hay để bán. Trời phật chứng giám cho rằng tôi cũng chẳng gắn bó gì với cái nhà ấy hề hai người kia còn ở đấy, nhưng khi nghĩ rằng ngôi nhà cũ kỹ thân yêu kia sẽ bị bỏ quên hoàn toàn... phó mặc cho cỏ mọc ngoài vườn, cho lá ứ đọng chất phủ đầy lối đi thì tôi cảm thấy đau lòng.

Trong óc tôi hình dung những ngọn gió mùa đông sẽ

kêu gào chung quanh nhà, những cơn mưa lạnh sẽ đập vào những tấm kính và ánh trăng sẽ vẽ lên những bức tường của những căn phòng trống trải những con ma để canh suốt đêm trong cảnh tịch mịch! Tôi lại nghĩ đến ngôi mộ dưới cây ở nghĩa địa, tôi cảm thấy rằng bây giờ ngôi nhà đã chết, cũng như tất cả những gì gắn liền với cha mẹ tôi đều tan biến hết.

Trong những bức thư của chị Pécgôti còn có những tin tức khác. Ông Backit là một ông chồng rất tốt, chị nói, chỉ có hơi khít khao một chút. Nhưng trên đời ai mà chẳng có khuyết điểm này khuyết điểm nọ, và chị cũng có nhiều khuyết điểm (mặc dầu quả thực tôi không biết chị có những khuyết điểm gì) và anh ấy gửi lời thăm tôi, căn phòng nhỏ của tôi bao giờ cũng sẵn sàng chờ đón tôi. Ông Pécgôti mạnh khoẻ và Ham cũng thế. Còn bà Gommit thì không được khoẻ lắm và bé Emili không chịu gửi lời thăm tôi, nhưng cô ta nói với ông Pécgôti rằng cô có thể gửi lời thăm tôi nếu ông muốn.

Tôi nói tất cả những tin ấy với cô tôi, riêng chỉ giữ về phần tôi những lời bóng gió về bé Emili vì linh cảm của tôi cho tôi biết rằng cô tôi không thú việc đó. Trong khi tôi vẫn còn là một anh học trò mới ở trường bác sĩ Xtrong, cô tôi có đến Cantobori mấy lần để thăm tôi, và bao giờ cũng đến vào những giờ bất ngờ, hình như là để bắt chột tôi. Nhưng nhận thấy rằng tôi chăm học, được mọi người khen, và nghe mọi người nói rằng ở trường, tôi tiến bộ rất nhanh, chẳng bao lâu, cô tôi không đến thăm như vậy nữa. Tôi gặp cô tôi cứ ba tuần một lần hay một tháng một lần vào ngày thứ bảy khi tôi rất muốn đến Đơvơ, và tôi gặp ông

Đích hai tuần một lần vào ngày thứ tư. Ông đi xe trạm đến vào buổi trưa và ở lại cho đến sáng hôm sau.

Trong những trường hợp này, ông Đích bao giờ cũng mang theo một cái bàn viết bằng da đựng đủ các dụng cụ văn phòng và quyển “Hồi ký”. Về vấn đề này, ông có cảm tưởng rằng thời gian bây giờ đã bắt đầu gấp và thế nào cũng phải viết cho xong.

Ông Đích rất thích loại bánh ngọt thơm. Để cho những cuộc đi thăm của ông càng thêm thú vị, cô tôi ra lệnh cho tôi mở một tài khoản ở hiệu bánh ngọt, mỗi lần ông đến ăn thì chỉ được dọn cho ông một si-linh bánh ngọt thơm trong một ngày hôm đó. Ngoài ra, tất cả các hóa đơn của cái quán ông đến nghỉ đều chuyển cho cô tôi trước khi trả tiền, cho nên tôi dám ngờ rằng ông chỉ có quyền rung túi bạc lằng xằng, chứ không có quyền tiêu tiền. Sau khi điều tra, tôi phát hiện thấy sự việc diễn ra như vậy là tốt và giữa ông với cô tôi đã có một sự thỏa thuận rằng ông sẽ báo cáo với cô tôi về tất cả các khoản chi tiêu. Vì ông không hề có ý nghĩ lừa dối cô tôi, trái lại bao giờ cũng muốn làm cho cô tôi vui lòng, nên ông ngần ngại không chi tiêu bừa bãi. Về điểm này cũng như về tất cả các điểm khác, ông Đích vẫn yên trí rằng cô tôi là một người đàn bà khôn ngoan và tuyệt diệu nhất trên đời như ông vẫn thường nhắc với tôi nhiều lần và bao giờ cũng nhắc bằng giọng thì thầm:

“Trótút ă” ông Đích tâm sự với tôi vào một ngày thứ tư có vẻ bí mật “cháu có biết con người ẩn nấp ở cạnh nhà chúng ta và làm cho cô cháu sợ là ai không?”

“Làm cho cô cháu sợ à?”

Ông Đích gật đầu:

“Trước kia chú vẫn tưởng cô cháu không sợ gì hết” ông nói” Bởi vì... (đến đây ông bắt đầu nói rất khẽ) không cần phải nhắc nữa ... cô là con người thông minh và đáng phục nhất”.

Sau khi đã nói với tôi như vậy, ông bước lùi một bước để xem câu nói này có gây ảnh hưởng gì đối với tôi không, đoạn ông nói tiếp:

“Người ấy đến lần đầu tiên... ờ, để nghĩ xem... Năm 1949, năm vua Saclo bị hành hình. Chú nhớ rằng cháu bảo đó là năm 1649 có phải không?

“Vâng ạ”.

“Chú không hiểu việc này làm sao có thể xảy ra được” ông Đích nói, lắc đầu hết sức lúng túng “Chú không tin rằng câu chuyện xảy ra lại lâu như vậy”.

“Có phải năm ấy chú đã thấy con người kia xuất hiện không?” tôi hỏi.

“Quả thực chú không hiểu tại sao việc này lại có thể xảy ra vào năm ấy, Trótút ạ. Có phải cháu đã thấy năm ấy ở trong quyển sử ký của cháu không?”

“Vâng”.

“Cháu cho rằng những quyển sử ký không bao giờ nói dối, có phải không?” Ông Đích nói, hy vọng.

“ồ, không! Không đâu chú ạ!” tôi đáp, giọng kiên quyết. Lúc bấy giờ tôi còn trẻ, ngây thơ và tôi tịn như vậy.

“Chú không tài nào giải thích được vấn đề này” ông Đích nói và lắc đầu “Có cái gì không đúng ở đây. Dù thế nào đi nữa thì ít hôm sau khi người ta bắt chú phải chịu đựng một phần những lo lắng của vua Saclo thì người ấy

xuất hiện lần đầu tiên. Chú cùng cô Trótút đi dạo chơi sau khi uống nước trà, đứng vào lúc xâm xẩm tối thì người ấy đứng đấy rồi, gần cạnh nhà chúng ta!”.

“Ông ta có đi dạo không?” tôi hỏi.

“Đi dạo chơi à?” ông Đích lặp lại. “Để xem... chú phải cố gắng nhớ lại một chút. Không, không, ông ta không đi dạo chơi”.

Muốn đi đến kết luận nhanh chóng hơn, tôi hỏi lúc ấy ông ta làm gì.

“Thế này: lúc ấy ông ta không ở đấy”, ông Đích nói “cho đến khi ông ta đột nhiên xuất hiện sau lưng cô Trótút và thì thầm với cô ấy. Cô ấy bèn quay lại và ngất đi, còn chú thì đứng ngây người nhìn con người ấy, và ông ta đã đi xa. Nhưng có một điều kỳ lạ là, từ hôm đó trở đi, người ấy vẫn ẩn nấp ở đâu đấy (ở dưới đất hay ở đâu chú cũng chẳng biết).

“Chú chắc là từ hôm đó người ấy cứ ẩn nấp sao?” tôi hỏi.

“Cái đó thì chắc”, ông Đích đáp và lắc đầu có vẻ quan trọng. “Ông ta không bao giờ xuất hiện, chỉ trừ tối qua. Tối qua chú và cô Bétxi đang dạo chơi bỗng lại thấy ông ta xuất hiện sau cô Bétxi, và chú đã nhận ra”.

“Ông ta có làm cho cô cháu hoảng sợ nữa không?”

“Cô cháu run lấy bầy” ông Đích nói, bắt chước tình huống và hàm răng run lập cập “cô cháu nắm lấy song cửa. Cô khóc, nhưng Trótút, cháu nghe này (nói đến đây, ông kéo tôi lại sát bên người, thì thầm), tại sao cô ấy lại cho người kia tiền ở dưới trăng?”

“Có lẽ đó là người ẩn mày!”

Ông Đích lắc đầu, dường như muốn bác bỏ hoàn toàn giả thuyết này, ông nhắc lại nhiều lần có vẻ tâm sự: “Không phải ăn mày đâu! Không phải ăn mày đâu!” Ông nói tiếp và cắt nghĩa cho tôi biết rằng sau đó, lúc đêm khuya đứng ở cửa sổ ông đã thấy có tôi đưa tiền cho người ấy lúc đó đứng bên kia hàng rào sắt, dưới ánh trăng, rồi sau đó người ấy lại lén lút bỏ đi (ông đoán có lẽ hẳn lại chui xuống đất) và biến mất trong khi cô tôi vội vàng lên bước vào nhà; sáng hôm sau, cô tỏ ra khác hẳn ngày thường. Và ông Đích rất lo ngại về điều đó.

Lúc mới nghe câu chuyện này, tôi vẫn hoàn toàn yên trí rằng con người lạ mặt kia chẳng qua chỉ là một sự sáng tạo trong trí tưởng tượng của ông Đích và tôi tin rằng nó giống như ông vua tội nghiệp kia đã làm cho ông bán khoản khổ sở, nhưng sau khi nghĩ lại, tôi bắt đầu tự hỏi không biết có phải người ta cố tìm cách dọa cướp ông Đích tội nghiệp ra khỏi sự che chở của cô tôi hay không, và có lẽ cô tôi (cô tôi có nói với tôi rằng cô rất quý ông Đích) bắt buộc phải trả một số tiền để giữ cho ông ta được sống thoải mái và yên ổn. Tôi rất yêu ông Đích và lo lắng đến hạnh phúc của ông cho nên những điều lo ngại của tôi lại càng củng cố thêm giả thuyết kia, và trong một thời gian dài, mỗi khi đến ngày thứ tư hàng tuần là tôi đâm lo ngại, sợ không thấy ông xuất hiện bên cạnh anh xà ích trên chỗ ngồi của cỗ xe trạm. Nhưng bao giờ ông cũng đến, với mái tóc hoa râm, thái độ niềm nở, sung sướng và không bao giờ ông nhắc lại với tôi về con người đã có thể làm cho cô tôi sợ hãi ấy nữa.

Hôm thứ tư ấy là ngày sung sướng nhất trong đời

ông Đích, và đối với tôi, đó cũng là ngày thú vị nhất. Chẳng bao lâu, tất cả học trò trong trường đều biết ông Đích. Ông không bao giờ tham dự tích cực vào một trò chơi nào, trừ trò thả diều, nhưng ông cũng quan tâm đến tất cả những trò giải trí của chúng tôi một cách chăm chú chẳng kém gì bất kỳ đứa nào trong bọn chúng tôi. Biết bao nhiêu lần tôi thấy ông chăm chú theo dõi một ván bí hay một ván đánh quay, ông ngấm ngấm có vẻ hết sức quan tâm và gặp những lúc hứng thú, ông hầu như nín thở. Biết bao nhiêu lần khi coi trò bắt thỏ hay đi săn, tôi thấy ông trèo lên một mô đất, khuyến khích tất cả những người chơi bằng cách hoan hô và cầm mũ vẫy lia lịa trên mái đầu hoa râm, quên bẵng mất cái đầu của vua Sálơ đã bị hy sinh và tất cả những gì liên quan đến chuyện đó. Trong mùa hè, ông đã đứng ở ngoài sân chơi cầu trụ hàng giờ, đó là những giờ phút hạnh phúc nhất của ông. Mùa đông, tôi đã thấy ông đứng dưới tuyết và gió rét, mũi bị lạnh tím ngắt, nhìn bọn học sinh trượt tuyết và vỗ hai bàn tay đeo đôi găng bằng len to tướng một cách sung sướng, say sưa!

Ông được mọi người chiều chuộng và tài khéo léo của ông trong những việc nhỏ thực là vô địch. Ông có thể cắt cam theo những hình thù mà không một ai trong bọn chúng tôi có thể hình dung được. Ông có thể làm một chiếc tàu thủy bằng bất kỳ cái gì, ngay với cả cái xiên nướng thịt, ông có thể biến những mẫu xương thành những con cò, cắt những chiếc xe trần của người La-mã bằng những quân bài cũ, có thể làm những bánh xe có nan hoa bằng những ống cuốn sợi, làm những chiếc lông chim bằng những sợi dây thép cũ. Nhưng ông tài nhất là trong

việc làm những đồ bằng rơm và bằng dây, tất cả chúng tôi đều tin chắc rằng ông có thể làm được tất cả những gì mà bàn tay con người có thể làm.

Danh tiếng ông Đích không chỉ bó hẹp mãi trong bộ học sinh chúng tôi. Sau một vài buổi thứ tư thì đến cả bác sĩ Xtrông cũng hỏi tôi về ông, và tôi đã kể lại tất cả những điều cô tôi đã nói với tôi. Điều đó làm cho bác sĩ thích thú đến nỗi ông yêu cầu lần sau ông Đích đến thăm thì giới thiệu ông Đích với ông. Tôi đã làm được nhiệm vụ ấy - Bác sĩ yêu cầu ông Đích mỗi khi không thấy tôi ở nhà xe trạm thì cứ đến thẳng trường và nghỉ ở đấy đợi chúng tôi học buổi sáng xong. Vì vậy cho nên chẳng bao lâu, ông Đích có thói quen cứ yên tâm đến trường. Nếu chúng tôi tan học hơi muộn một chút, và điều này thường hay xảy ra vào ngày thứ tư, thì ông thường đi dạo ngoài sân để đợi tôi. Chính ở đây ông đã làm quen với bà vợ trẻ tuổi và xinh đẹp của bác sĩ (lúc này trông bà xanh hơn trước, tôi có cảm tưởng rằng tôi cũng như mọi người đều ít gặp bà hơn, bà không vui như trước nhưng vẫn xinh đẹp như xưa). Dần dần ông càng trở nên quen thuộc cho đến sau này, ông thường vào lớp ngồi đợi. Bao giờ ông cũng ngồi ở một góc duy nhất, trên một chiếc ghế đẩu riêng, và vì vậy chiếc ghế này được gọi là "Đích". Ông ngồi ở đấy, mái đầu hoa râm cúi về phía trước, chăm chú lắng nghe tất cả những gì có thể xảy ra, thành tâm kính phục cái trí thức mà ông không bao giờ có thể có được.

Ông Đích cũng có thái độ tôn kính ấy đối với bác sĩ mà ông cho là nhà triết học tế nhị nhất và hoàn toàn nhất của mọi thời đại. Trong một thời gian dài, hễ ông Đích nói

với bác sĩ là bao giờ cũng cất mũ. Ngay cả khi bác sĩ và ông đã thành một đôi bạn thân, đi chơi với nhau hàng giờ trên cái sân mà chúng tôi gọi là đường đi của bác sĩ, ông Đích chốc chốc vẫn cất mũ để tỏ lòng kính trọng sự thông thái và hiểu biết của bác sĩ. Tôi không sao hiểu được rằng bác sĩ làm thế nào để có thể đọc những đoạn trong quyển từ điển trứ danh của mình trong khi đi chơi như vậy. Có lẽ lúc đầu ông ta vẫn có cảm tưởng như là đọc cho mình nghe chăng? Dẫu sao điều đó cũng đã thành một thói quen và ông Đích trong khi lắng nghe với khuôn mặt sán ngời vì tự hào và thích thú, trong thâm tâm vẫn tin rằng quyển từ điển này là quyển sách thú vị nhất trên đời.

Khi tôi nghĩ đến cảnh hai người đi bách bộ dưới cửa sổ lớp học chúng tôi, khi tôi nghĩ đến cảnh bác sĩ miệng nở nụ cười thỏa mãn, đang đọc tác phẩm của mình, chốc chốc lại hoa bản thảo lên hay gật gật cái đầu có vẻ trầm ngâm, còn ông Đích thì lắng nghe say mê, cái đầu óc tội nghiệp của ông đang phiêu lưu đi đâu họa có trời biết hay đang cưỡi lên đôi cánh của những chữ hóc búa kia, tôi cho đó là một điều thú vị nhất đời mà tôi có thể thấy được. Tôi có cảm tưởng rằng họ có thể cứ đi bách bộ như thế mãi mà điều đó có thể làm cho thế giới tốt đẹp hơn, dường như hàng nghìn việc mà thế giới chú ý đến, đối với nó cũng như đối với tôi, đều không quan trọng bằng việc này.

Chẳng bao lâu Acnét đã trở thành người bạn của ông Đích, và vì ông Đích hay đến nhà nên ông làm quen với cả Uria. Tình bạn giữa tôi và ông mỗi ngày một tăng. Nhưng nó vẫn được duy trì trên mối quan hệ kỳ quặc: trong khi ông Đích đến với thái độ săn sóc của một người đỡ đầu, thì

ông lại luôn luôn hỏi ý kiến tôi về tất cả những vấn đề nhỏ nhất đã làm cho ông ngờ vực, và bao giờ ông cũng nghe theo lời khuyên của tôi, bởi vì không những ông rất tôn trọng cái trí khôn sẵn có của tôi mà ông còn cho rằng tôi đã thừa hưởng một phần lớn những đức tính của cô tôi.

Một buổi sáng thứ năm, khi tôi theo ông Đích từ khách sạn đến trạm xe ngựa trước lúc trở về lớp học (vì chúng tôi còn phải học một giờ trước khi ăn sáng), tôi bỗng gặp Uria ở ngoài đường. Hắn nhắc tôi rằng tôi đã hứa đến uống trà với mẹ con hắn, hắn nói thêm, người uốn éo:

“Nhưng tôi không cho rằng cậu sẽ giữ lời hứa, cậu Copophin ạ, vì chúng tôi rất *hềng kém*”.

Quả thực, tôi vẫn không thể quyết định xem tôi yêu hay ghét hắn. Tôi vẫn còn đầy ngờ vực về việc đó khi tôi đứng ở ngoài đường, nhìn thẳng vào mặt hắn. Nhưng thấy hắn bảo tôi tự kiêu thì tôi cảm thấy rất bức và tôi nói rằng tôi chỉ muốn được mời đến. Uria nói:

“Ồ nếu chỉ có thế mà thôi, cậu Copophin, và nếu không phải sự *hềng kém* của chúng tôi đã cản trở cậu, thì tôi nay cậu vui lòng đến nhà chúng tôi nhé! Nhưng nếu đó là do hoàn cảnh *hềng kém* của chúng tôi thì tôi hy vọng rằng cậu sẽ không ngần ngại thừa nhận điều đó vì chúng ta đã biết rõ hoàn cảnh của nhau, cậu Copophin ạ.

Tôi nói rằng tôi sẽ báo với ông Uychcophin, và nếu như ông bằng lòng, mà nhất định ông sẽ bằng lòng, thì thế nào tôi cũng vui lòng đến.

Thế là sáu giờ chiều hôm ấy (hôm ấy phòng giấy đóng cửa sớm), tôi bảo Uria rằng tôi đã sẵn sàng. Khi chúng tôi cùng đi, hắn nói:

“Mẹ tôi sẽ rất hân hạnh, hay ít nhất mẹ tôi sẽ hân hạnh nếu như đó không phải là một tội lỗi, cậu Copophin ạ”.

“Thế mà sáng nay anh cứ bảo là tôi tự kiêu đấy” tôi đáp.

“Ồ, không đâu, cậu Copophin ạ” Uria đáp “ồ ! cậu biết cho, tôi không bao giờ nghĩ thế đâu. Tôi không bao giờ dám cho cậu là tự kiêu, nếu như cậu cho rằng chúng tôi là những người quá *hèn kém* đối với cậu, bởi vì chúng tôi hết sức *hèn kém*”.

“Đạo này anh có học luật nhiều không?” Tôi hỏi để chuyển sang chuyện khác.

“Ồ, cậu Copophin ạ” hắn nói với cái vẻ khiêm tốn “tôi đọc như thế đâu có phải là học! Thỉnh thoảng buổi chiều tôi đọc Tít một hai giờ, có thế thôi”.

“Sách ấy khó lắm nhỉ?” tôi nói.

“Đối với tôi đôi khi cũng thật hóc búa” Uria đáp “nhưng không biết đối với một người có khiếu thì thế nào”.

Sau khi đánh nhịp một điệu nhạc nhẹ nhẹ ở trên cầm với hai ngón tay của bàn tay phải khẳng khiu trong lúc đang đi, hắn nói:

“Cậu Copophin ạ, có những thành ngữ, những chữ la-tinh, những thuật ngữ trong quyển sách của ông Tít thực là khó đối với một độc giả hiểu biết kém cỏi như tôi”.

“Anh có muốn học tiếng la-tinh không?” tôi phấn khởi hỏi “Tôi sẽ sẵn sàng dạy anh vì tôi đang học”.

“Ồ! Cảm ơn cậu, cậu Copophin ạ”, hắn đáp và và lắc đầu “Tôi biết rằng cậu đề nghị như vậy là rất tốt bụng đấy, nhưng tôi là người *hèn kém* quá không thể chấp nhận được.

“Anh nói vớ vẩn quá, anh Uriah ạ”.

“Ồ, thật đấy mà, cậu tha lỗi cho tôi, cậu Copophin ạ. Tôi rất cảm ơn cậu và tôi rất thích điều đó, tôi cam đoan với cậu như vậy, nhưng tôi là người *hèn kém* quá. Ngay ở địa vị *hèn kém* của tôi cũng đã có chán người chà đạp tôi dưới gót chân mà không cần tôi động chạm đến lòng tự ái của họ bằng cách muốn có học vấn nữa là. Học vấn không phải để dành cho tôi. Tốt hơn cả là một người như tôi đừng tỏ ra có tham vọng. Nếu nó muốn sống trên đời thì phải sống *hèn kém*, cậu Trốtút ạ”.

Tôi chưa bao giờ thấy miệng hắn mở to và những nếp nhăn trên má hắn sâu hoắm như vậy khi hắn biểu lộ những ý nghĩ ấy, hắn vừa nói vừa lắc đầu lia lịa và uốn éo thân hình khúm na khúm núm. Tôi nói:

“Tôi cho rằng anh nghĩ như thế là sai, Uriah ạ. Tôi dám chắc tôi có thể dạy anh nhiều điều, nếu như anh muốn học”.

“Ồ, tôi không hoài nghi gì điều đó cả, cậu Copophin ạ” hắn đáp, “không hoài nghi chút nào hết. Nhưng vì cậu không ở địa vị *hèn kém* cho nên có lẽ cậu không nhận xét đúng về những con người *hèn kém*. Cảm ơn cậu. Tôi không muốn làm cho những người có địa vị cao hơn tôi phật ý bằng sự hiểu biết của tôi. Tôi là con người *hèn kém* quá chừng. Đây là ngôi nhà *hèn kém* của tôi, cậu Trốtút ạ”.

Chúng tôi bước vào một gian phòng thấp, đáng cổ lỗ, ăn thông ra đường và thấy bà Hip ở đấy; bà giống hệt Uriah, nhưng chỉ có điều là tâm vóc nhỏ bé. Bà tiếp tôi với cái vẻ hết sức khúm núm và xin lỗi tôi về việc bà hôn anh con trai

và tuyên bố rằng mặc dầu họ địa vị *hèng kém*, họ cũng có những tình cảm tự nhiên và hy vọng rằng điều đó sẽ không làm ai phật ý. Đó là một căn phòng thơm mát, đồng thời là phòng khách, kiêm nhà bếp, nhưng hoàn toàn không phải là một căn phòng ẩm cúng. Mấy cái tách uống trà đặt trên một cái bàn và cái siêu nước đang sôi sùng sục trên bếp. Trong phòng có một cái tủ, mặt trên làm thành bàn viết để cho Uria viết hay đọc vào buổi chiều, cái cặp màu xanh của Uria nằm dưới đất, giấy má lòi ra ngoài; có những quyển sách của Uria, tất cả một lô dưới sự chỉ huy của ông Tit; trong góc có một tủ đựng bát đĩa và những đồ đặc thông thường. Tôi không nhớ có đồ vật nào đặc biệt có cái vẻ trơ trụi, khắc khổ và khô khan, nhưng nhớ là toàn bộ căn phòng đều có cái vẻ ấy.

Có lẽ một phần vì sự khiêm tốn của bà Hip mà bà Hip còn để tang, mặc dù thời gian từ khi ông Hip qua đời đến nay đã xa lơ xa lắc. Tôi nghĩ cái mũ của bà là một sự nhượng bộ nào đấy, nhưng trừ cái đó ra thì bộ tang phục của bà ta vẫn y hệt như những ngày đầu khi ông chồng qua đời. Bà Hip vừa pha trà vừa nói:

“Hôm nay là một ngày mà chúng ta sẽ ghi nhớ mãi, mẹ tin chắc như vậy. Uria ạ, vì cậu Copophin đến thăm chúng ta”.

“Con đã nói rằng mẹ cũng nghĩ như vậy” Uria nói.

“Nếu như tôi tiếc rằng cha cháu không còn sống với chúng tôi” bà Hip nói “thì đó là vì ông ấy không được cái diễm phúc ngồi cạnh cậu chiều nay”.

Những lời khen ấy làm tôi lúng túng, nhưng tôi cũng nhận thấy rằng tôi được đón tiếp như một người khách quý

và tôi nghĩ rằng bà Hip là một người đàn bà dễ chịu. Bà Hip nói:

“Cháu Uria từ lâu vẫn mong đợi cậu đến thăm. Cháu sợ địa vị thấp *hèng* của chúng tôi là một sự cản trở và tôi cũng có ý nghĩ như vậy. Chúng tôi thấp *hèng* lắm. Trước đây chúng tôi đã thấp *hèng*. Hiện nay và sau này chúng tôi sẽ mãi mãi thấp *hèng*”.

“Tôi tin chắc rằng bà không có lý do gì để nghĩ như vậy” tôi nói “trừ phi bà thích”

“Cảm ơn cậu” bà Hip trả lời ngay “Chúng tôi hiểu hoàn cảnh chúng tôi và chúng tôi tự lấy làm thỏa mãn”.

Tôi nhận thấy bà Hip dần dần nhích về phía tôi, còn Uria thì dần dần ngồi trước mặt tôi và họ nhét cho tôi những món ăn ngon nhất ở trên bàn một cách cung kính. Thực ra thì ở đây cũng chẳng có món gì đặc biệt ngon, nhưng tôi chú ý đến ý định của họ hơn là hành động, và tôi cảm thấy là họ rất quan tâm đến tôi. Lát sau, họ bắt đầu nói đến những người cô, những người dì, và thế là tôi cũng cho họ biết bà cô tôi, họ nói đến cha mẹ và tôi cũng nói cho họ biết cha mẹ tôi. Sau đó, bà Hip bắt đầu nói đến người bố chồng, và tôi bắt đầu nói đến ông bố dượng của tôi, nhưng tôi ngừng bật bởi vì cô tôi đã dặn là phải giữ kín điều đó. Nhưng cũng như một cái nút chai lỏng không thể nào chống cự lại được hai cái mở nút, cũng như một cái răng mới mọc không thể chống lại được hai người thợ nhổ răng, cũng như một quả cầu không thể chống lại được hai cái vọt, cũng vậy, tôi cũng không thể chống lại được Uria và bà Hip. Hai người tha hồ muốn làm gì tôi cũng được, và họ đã bắt tôi phải bộc lộ những điều mà tuyệt nhiên tôi

không muốn nói ra. Họ làm việc đó thành thạo đến nỗi tôi đã đỏ bừng cả mặt khi nghĩ lại, nhất là trong tuổi trẻ ngây thơ, tôi rất sung sướng được bộc lộ tâm sự và cảm thấy mình là người chiếu cố đến hai người chủ kính nể mình.

Có một điều chắc chắn: họ rất thương nhau. Tôi cho rằng điều đó làm tôi cảm động vì đó là một điều tự nhiên của con người. Nhưng thái độ khôn khéo của mỗi người để làm bất kỳ điều gì người kia nói là một dấu hiệu của cái mảnh khảnh mà tôi vẫn không sao đối phó lại được. Khi không còn gì để moi về bản thân tôi (vì tôi cảm như hén về cuộc đời ở Moxtôn và Grinbi cũng như về cuộc hành trình của tôi), họ bắt đầu hỏi đến ông Uychcophin và Acnet. Uria tung quả bóng cho bà Hip, bà Hip chụp lấy rồi ném cho Uria, để nó bay vài phút trên không rồi lại ném cho bà Hip; hai người cứ tiếp tục ném mãi cho nhau như vậy đến nỗi tôi không còn biết ai nắm quả bóng và tôi hoàn toàn sững sốt. Vả chăng quả bóng cứ luôn luôn chuyển từ tay này qua tay kia. Khi thì tôi nói đến ông Uychcophin, khi thì tôi nói đến Acnet, khi thì tôi nói đến những đức tính của ông Uychcophin, khi thì tôi tán phục Acnet, khi thì tôi nói đến tầm quan trọng của việc kinh doanh và tài sản của ông Uychcophin, khi thì tôi nói đến sinh hoạt gia đình của chúng tôi sau bữa ăn chiều, khi thì tôi nói đến thứ rượu mà ông Uychcophin thường uống, tại sao ông ta lại uống như vậy và thấy ông ta uống nhiều thì người ta buồn, khi thì nói chuyện này, khi thì nói chuyện khác, rồi nói tất cả một lúc. Trong suốt thời gian ấy, khi không có vẻ nói luôn hay làm điều gì ngoài việc thỉnh thoảng khuyến khích họ đừng quá rút rè về sự thấp hèn của họ và về cái

vinh dự có tôi ngồi bên cạnh, dần dần tôi thấy tôi cứ dốc tuột ra những điều mà tôi không có quyền gì bộc lộ và tôi có thể nhận thấy tác dụng của những lời nói của tôi ở hai cánh mũi có nốt ruồi của Uria cứ thở phập phồng.

Tôi bắt đầu cảm thấy mình hơi khó chịu và rất muốn chấm dứt cuộc đến thăm này. Bỗng một bóng người đang đi ngoài đường đi qua trước cửa (cánh cửa mở rộng để cho thoáng khí vì phòng này nóng, nhất là đối với thời tiết lúc này thì càng oi bức), người này quay lại liếc nhìn vào nhà rồi bước vào, kêu to:

“Copophin! Anh ở đây à?”

Đó là ông Micôbơ. Đúng là ông Micôbơ với chiếc kính tay, cái gậy, cái cổ sơ mi, cái dáng điệu lịch sự và giọng nói bề trên ồ ồ, chẳng chiều chút gì! Ông Micôbơ chìa tay nói:

“Anh bạn Copophin thân mến, đây quả thực là một cuộc hội ngộ có thể làm cho trí óc người ta cảm thấy tính chất giấy lát và bấp bênh của tất cả việc đời... tóm lại, đây là một cuộc hội ngộ kỳ lạ nhất. Tôi đang đi dạo trên đường này, lòng đang nghĩ đến cái dịp may có lẽ sẽ xuất hiện (và tôi cũng rất tin về điều đó), thì bỗng thấy xuất hiện trước mắt mình một người bạn tuy trẻ nhưng rất quý báu, gần bó với mình trong cái giai đoạn sóng gió nhất trong đời, tôi có thể nói, trong cái bước ngoặt của đời mình. Cậu Copophin, thế nào anh bạn? Anh bạn mạnh khỏe chứ?”

Tôi không thể nói... quả thực tôi không thể nói rằng tôi sung sướng được gặp ông Micôbơ ở chỗ này, nhưng tôi cũng sung sướng được thấy ông, tôi niềm nở bắt tay ông và hỏi thăm tin tức, sức khỏe bà Micôbơ.

“Cơm ơn” ông Micôbơ nói, vẫn vẽ vẩy bàn tay như mọi ngày và kéo cái cầm vào trong cổ áo “nhà tôi mạnh khoẻ lắm. Cặp sinh đôi không còn bám lấy nguồn sống của thiên nhiên để hấp thụ thức ăn của chúng nữa... tóm lại” ông Micôbơ nói, đây về tâm sự “chúng tôi đã cai sữa cho chúng và nhà tôi hiện cùng đi đường với tôi. Nhà tôi sẽ vui mừng, anh Copophin ạ, được gặp lại con người, về tất cả mọi mặt, đã tỏ ra xứng đáng là con người hành lễ ở cái điện thiêng liêng của tình bằng hữu”.

Tôi nói nếu được gặp bà Micôbơ thì tôi thích lắm. “Anh thực là tốt bụng”, ông Micôbơ nói.

Ông Micôbơ mỉm cười, lại kéo cái cầm vào, đưa mắt nhìn quanh và nói:

“Tôi đã phát hiện ra anh bạn Copophin của tôi” ông ta lại nói tiếp “trong khi không nói với người nào đặc biệt, không phải ở trong tình cảnh cô độc, mà đang dự bữa cơm với một quả phụ, và một người có vẻ là con trai của bà, tóm lại” ông Micôbơ nói, lại tỏ ra vẽ thân mặt “đó là cậu con trai của bà. Tôi rất lấy làm hân hạnh, nếu được giới thiệu”.

Trong trường hợp này tôi chẳng biết làm gì hơn là giới thiệu ông Micôbơ với Uria Híp và mẹ hắn ta nên tôi đã làm việc đó. Hai người cúi rạp trước mặt ông, ông Micôbơ ngồi lên ghế và hoa bàn tay ra vẽ lịch sự nhất đời, nói:

“Tất cả bạn bè của anh bạn Copophin của tôi đều là những người thân của tôi”.

“Chúng tôi là những người *thấp hèn* quá ông ạ” - bà Híp đáp, “cháu nó và tôi đâu dám tự xem là bạn của cậu

Copophin. Cậu ấy có lòng tốt đến uống trà với chúng tôi và chúng tôi rất cảm ơn việc đến thăm của cậu ấy cũng như cảm ơn sự chiếu cố của ông”.

“Thưa bà” ông Micôbơ nói, cúi rạp mình xuống chào “bà thực tử tế quá. Nào, bây giờ anh làm gì anh Copophin? Vẫn buôn rượu chứ?”

Tôi hết sức lo lắng muốn đưa ông Micôbơ đi nơi khác. Tôi đáp trong khi cầm mũ trên tay, mặt đỏ bừng - tôi tin chắc như vậy - rằng tôi là học trò của bác sĩ Xtrong.

“Học trò à?” Ông Micôbơ hỏi, nhướn đôi lông mày “Tôi rất sung sướng được biết tin ấy - Mặc dầu một đầu óc như đầu óc ông bạn Copophin của tôi... (câu này là để nói với Uria và bà Hip) không cần phải được vun xới nhiều như vậy, nhưng dầu sao đây vẫn là một miếng đất màu mỡ, ở đây sẽ thu hoạch được những mùa màng phong phú... Tóm lại”, ông Micôbơ nói, mỉm cười và lại tỏ vẻ thân mật “đây là một trí thông minh có thể nắm được tất cả các tác giả cổ điển trên đời”.

Uria lấy hai bàn tay dài xoắn vào nhau một cách chậm chạp, uốn éo thân hình một cách kinh khủng để tỏ rằng hắn ta tán thành lời nhận xét này về tôi.

“Chúng ta đi thăm bà Micôbơ đi!” tôi nói để kéo ông Micôbơ đi.

“Nếu anh chiếu cố đến chúng tôi như vậy thì tốt lắm, anh Copophin” ông Micôbơ nói và đứng dậy. “Tôi không giấu giếm gì mà nói trước mặt những người bạn của chúng ta đang đứng đây rằng tôi là một người mấy năm nay phải vật lộn, chống lại những khó khăn cấp bách về ngân sách (tôi biết ông không thể bỏ lỡ dịp để nói một câu theo kiểu

này, vì ông rất thích khoe khoang những khó khăn của mình). Đôi khi tôi đã thắng được những khó khăn. Đôi khi chính những khó khăn đã... tóm lại, đánh gục tôi. Có những lúc tôi giáng cho chúng những cái tát, nhưng có những lúc chúng đã thắng tôi và tôi đành chịu thua và nói với bà Micôbơ như Catô đã nói⁽¹⁾: “Platô, ông nói đúng đấy! Bây giờ tất cả đã xong rồi, tôi không còn chiến đấu được nữa!” “Nhưng trong đời tôi”, ông Micôbơ nói, “không có lúc nào tôi cảm thấy thoả mãn cho bằng khi trút những điều khó khăn bực bội của tôi (nếu như tôi có thể gọi những điều khó khăn do những giấy uỷ quyền và những giấy trả nợ sau hai hay bốn tháng bằng danh từ này) vào trong lòng ông bạn Copophin của tôi”.

Ông Micôbơ kết thúc lời khen ngợi đẹp đẽ này bằng cách nói: “Chào anh Hip! Kính chào bà Hip!” rồi bước ra với tôi với dáng điệu lịch sự nhất, gót chân nện trên lề đường, miệng ngheo ngao một bài hát ngắn.

Ông Micôbơ bước vào một khách sạn nhỏ. Ông ở một cái phòng nhỏ ở đây. Phòng này cách cái phòng chung bởi một bức vách và sặc mùi khói thuốc lá. Tôi cho rằng nó ở ngay phía trên nhà bếp vì hình như có mùi mỡ nóng bốc lên qua khe hở dưới sàn và trên tường có nước đóng keo đàn nhỏ giọt. Tôi biết rằng phòng này gần nơi uống rượu vì nghe tiếng cốc tách chạm nhau lanh canh và ngửi thấy mùi rượu. Ở đây, bà Micôbơ nằm dài trên cái xôpha, dưới một bức tranh miêu tả một con ngựa đua, bà Micôbơ

⁽¹⁾ Trong vở kịch Catô viết năm 1713, Addison miêu tả Ca tô, nhà chính trị La-mã đọc những bài đối thoại của Platô, nhà triết học Hy Lạp và nói “Đúng là thế, Platô, ông nói đúng”.

đang nằm sóng soài, cái đầu sát lửa, hai chân suýt nữa làm rơi rau cải đặt trên một cái bàn để bát đĩa ở góc đối diện. Ông Micôbơ bước vào trước tiên và nói:

“Này em, anh xin phép giới thiệu một người học trò của bác sĩ Xtrong”.

Nhân tiện, tôi nhận thấy rằng tuy ông Micôbơ hết sức lẩn lộn về tuổi và hoàn cảnh của tôi, nhưng ông vẫn luôn luôn nhớ rằng tôi là học trò bác sĩ Xtrong và đó là một điều đáng yêu.

Bà Micôbơ sững sờ, nhưng rất sung sướng được gặp tôi. Tôi cũng rất sung sướng được thấy bà. Sau khi hai bên trao đổi những lời chào thân mật, tôi ngồi bên cạnh bà, trên cái xô-pha nhỏ. Ông Micôbơ nói:

“Này em, em hãy chịu khó nói cho cậu Copophin biết tình cảnh hiện nay của chúng ta như thế nào, chắc hẳn cậu muốn biết điều đó, còn trong lúc này, anh sẽ đi xem báo xem trong những lời quảng cáo có cơ hội gì may mắn không”.

“Tôi tưởng rằng bà ở Palimao” tôi nói với bà Micôbơ khi ông ta đi ra.

“Cậu Copophin ạ” bà đáp “chúng tôi đã đến Plaimao”.

“Đến tận nơi” tôi gợi ý.

“Đúng thế”, bà Micôbơ nói, “đến tận nơi. Nhưng thực ra ở trong thuế quan người ta không cần đến tài năng. ảnh hưởng của gia đình tôi ở trong miền này tỏ ra hoàn toàn bất lực không thể tìm một việc làm trong ngành này cho một người có nhiều khả năng đặc biệt như anh Micôbơ. Nếu được làm thì anh chỉ càng làm nổi bật sự

kém cỏi của những người khác. Ngoài việc đó ra”, bà Micôbơ nói, “tôi không muốn giấu cậu làm gì, cậu Copophin ạ, khi gia đình tôi ở Plaimao, thấy anh Micôbơ khá nặng gánh: cháu Uynkin và em nó đi theo, lại còn hai đứa sinh đôi và cả tôi nữa, nên họ không đón tiếp với tất cả nhiệt tình mà anh có thể chờ đợi sau khi vừa ra khỏi cảnh tù ngục. Thực ra”, bà Micôbơ cúi đầu nói, “điều này là chỉ nói giữa chúng ta mà thôi... người ta đón tiếp chúng tôi lạnh nhạt”.

“Trời ơi!” tôi nói.

“Đúng thế”, bà Micôbơ nói “Nhìn thế thái nhân tình ở trong cái tình trạng ấy thì thật đến bức mình, cậu Copophin ạ, nhưng người ta đón tiếp chúng tôi quả là lạnh nhạt, điều đó thì không còn nghi ngờ gì nữa. Thực vậy, chi nhánh gia đình tôi ở Plaimao tỏ ra rất khó chịu đối với anh Micôbơ sau khi chúng tôi tới đây không đầy một tuần”.

Tôi nói và tôi cũng nghĩ rằng đáng lý họ phải xấu hổ về hành động của họ. Bà Micôbơ nói tiếp:

“Ấy thế mà thực tình là như thế. Trong những hoàn cảnh như vậy, con người đầy nghị lực như anh Micôbơ biết làm gì bây giờ? Chỉ còn một lối thoát duy nhất: vay gia đình tôi một ít tiền để trở về Luân-đôn và nhất định phải về, dù ra sao thì ra”.

“Thế là tất cả gia đình ta lại trở lại có phải không bà?” tôi hỏi.

“Tất cả chúng tôi đều trở lại”, bà Micôbơ đáp. “Từ đó, tôi đã hỏi dò những chi nhánh khác trong gia đình tôi xem xem anh Micôbơ nên làm như thế nào thì tốt nhất; bởi vì tôi chủ trương thế nào anh cũng phải chọn một con

đường, cậu Copophin ạ” bà Micôbơ nói có vẻ hùng hồn “một gia đình sáu miệng ăn, không kể người đầy tớ, không thể sống bằng không khí được cái đó là dĩ nhiên”.

“Đúng thế đấy bà ạ” tôi nói.

“Ý kiến của những người khác trong gia đình tôi” bà Micôbơ nói tiếp “là anh Micôbơ phải lập tức chuyển hướng về than đá”.

“Về cái gì thưa bà?”

“Về than đá”, bà Micôbơ đáp, bà Micôbơ đáp, “về nghề buôn than đá. Sau khi điều tra, anh Micôbơ đã đi đến nhận định rằng, trong nghề buôn than ở Metuây có thể có một chỗ trở tài cho một người nhiều tài năng như anh. Thế rồi, như anh Micôbơ nói rất đúng, bước đầu tiên là phải đến tận nơi. Chúng tôi đến Metuây xem sao. Tôi nói “chúng tôi”, cậu Copophin ạ, bởi vì...” bà Micôbơ nói, giọng cảm động “tôi không bao giờ, tôi không bao giờ xa lìa anh Micôbơ”.

Tôi nói thầm tỏ vẻ tán thành và thán phục. Bà Micôbơ nói tiếp:

“Chúng tôi đã đến và đã thấy miền Metuây. ý kiến của tôi về việc buôn than trên sông này là: có thể nó đòi hỏi phải có tài, nhưng còn một điều chắc chắn là nó đòi hỏi phải có tiền. Về tài thì anh Micôbơ có, nhưng về tiền thì lại không. Chúng tôi đã nhìn thấy phần lớn miền Metuây và kết luận của cá nhân tôi là như vậy. Vì chúng tôi rất gần nơi này nên anh Micôbơ nghĩ rằng nếu không đến thăm nhà thờ một chút, thì cũng quá đáng. Thứ nhất, vì nhà thờ cũng đáng xem và chúng tôi chưa bao giờ thấy nó; và thứ hai là có thể có một dịp may nào đó xảy đến ở

trong địa phận” bà Micôbơ nói. “Chúng tôi đã ở đây ba ngày nay. Vẫn chưa có dịp may nào cả, và chắc cậu cũng không ngạc nhiên, cậu Copophin ạ, như một người lạ khác khi cậu biết rằng hiện nay chúng tôi đang chờ đợi một số tiền trả từ Luân-đôn gửi đến để thanh toán việc tiền nong ở khách sạn này. Khi tờ giấy ấy chưa đến” bà Micôbơ nói, giọng rất cảm động “tôi còn phải sống xa nhà cửa, đây là tôi muốn nói đến cái nhà của tôi ở Pentônvín, có đồ đạc hắt hoi, xa con trai, con gái và hai đứa bé sinh đôi của tôi”.

Tôi cảm thấy hết sức ái ngại cho ông bà Micôbơ trong tình cảnh tuyệt vọng đầy lo âu như vậy và tôi cũng nói thế với ông Micôbơ lúc này vừa trở về; tôi nói thêm rằng tôi chỉ tiếc không có đủ để cho họ mượn số tiền họ cần. Câu trả lời của ông Micôbơ biểu lộ đầu óc ông ta rối loạn. Ông xiết chặt tay tôi và nói: “Cậu Copophin ạ, cậu là một người bạn chân thành, nhưng khi sự tình đã đến lúc quần bách thì vẫn còn một người bạn cuối cùng, miễn là có một lưỡi dao cạo!”.

Khi nghe lời nói bóng gió ghê rợn ấy, bà Micôbơ ôm chèoang lấy cổ ông chồng và van lơn ông hãy bình tâm. Ông ta khóc, nhưng ngay sau đó lại bình tĩnh lại, rung chuông gọi người hầu sáng và sai làm một chiếc bánh pút-dinh có bầu dục nóng và một đĩa tom để mai ăn sáng.

Khi tôi chia tay về, hai người thiết tha yêu cầu tôi trở lại ăn cơm với họ trước khi họ ra đi, làm tôi không tài nào từ chối. Nhưng tôi biết rằng ngày hôm sau tôi không thể đến được vì buổi tối tôi còn phải chuẩn bị nhiều, ông Micôbơ quyết định buổi sáng hôm sau sẽ đến gặp bác sĩ

Xtrong (ông ta có linh cảm rằng chỉ trong ngày hôm nay là số tiền sẽ đến với chuyến thư sắp tới), và đề nghị đến ngày kia tôi sẽ đến, nếu như tôi thấy tiện. Do đó hôm sau, đang giờ học, tôi được gọi ra gặp người quen ở phòng khách, và thấy ông Micôbơ đang ở đấy. Ông ta đến bảo rằng bữa ăn sẽ thu xếp như đã định trước. Khi tôi hỏi ông ta về khoản tiền trả nợ đã đến chưa thì ông bắt tay tôi thật chặt rồi ra về.

Chiều hôm ấy, khi nhìn ra cửa sổ, tôi ngạc nhiên và hơi khó chịu khi thấy ông Micôbơ và Uria Hip khoác tay nhau đi qua trước mặt. Uria Hip tỏ ra rất cảm động vì một người thấp hèn như hắn lại được đối xử vinh dự như thế; còn ông Micôbơ thì khoái trá vì được tỏ vẻ che chở đối với Uria. Nhưng một điều còn làm tôi ngạc nhiên hơn là ngày hôm sau, khi tôi đến khách sạn vào đúng giờ đã hẹn, tức là bốn giờ chiều thì tôi nghe ông Micôbơ nói rằng ông ta đã cùng Uria về nhà hắn và uống rượu mạnh ở đấy. Ông Micôbơ nói:

“Tôi sẽ nói cho cậu biết một điều, cậu Copophin ạ, anh bạn Hip của cậu là một chàng trai trẻ có thể trở nên một ông tổng biện lý. Nếu như trước đây tôi quen anh ta vào những lúc khó khăn của tôi đã đến cực điểm thì tôi chỉ có thể nói một điều là mấy lão chủ nợ của tôi đã bị tôi chơi cho khổ sở hơn nhiều”.

Tôi không hiểu làm sao điều này có thể xảy ra được vì dẫu sao ông Micôbơ cũng không chịu trả gì hết, nhưng tôi thấy không nên hỏi thì hơn. Tôi không dặn ông đừng thân mật quá với Uria Hip, cũng không hỏi ông có nhiều về tôi hay không, tuy tôi rất muốn nói. Tôi sợ làm phật ý

ông hay ít nhất là làm phật lòng bà Micôbơ vì bà rất dễ xúc cảm, nhưng điều đó làm cho tôi rất băn khoăn cho nên sau đó tôi cứ nghĩ tới nghĩ lui mãi.

Bữa ăn hôm đó thực tuyệt diệu. Chúng tôi chén một đĩa cá ra trờ, một đĩa thịt thân bê, thịt rán, xúc-xích chiên, một con chim trĩ và một chiếc bánh pút-đinh. Có cả rượu nho và bia mạnh. Sau bữa ăn, bà Micôbơ tự tay rót cho tôi một bát rượu ngũ vị nóng hổi.

Ông Micôbơ tỏ ra niềm nở khác thường. Tôi chưa bao giờ thấy ông vồ vập, hể hả như vậy. Rượu ngũ vị làm mặt ông sáng lên đến nỗi tất cả gương mặt dường như mới được quét sơn. Khi nói đến thành phố, ông tỏ vẻ đa cảm một cách vui nhộn và uống rượu chúc mừng sự phồn thịnh của thành phố, tuyên bố rằng bà Micôbơ và cá nhân ông đã sống ở đây hết sức thoải mái, đầy đủ tiện nghi và ông sẽ không bao giờ quên những giờ phút thú vị đã sống ở Cantôbori. Sau đó, ông đề nghị uống chúc mừng sức khỏe tôi; ông và bà Micôbơ cùng tôi ôn lại tình xưa nghĩa cũ của chúng tôi và nhắc lại cái thời buổi mà chúng tôi đã bán sạch tất cả tài sản. Sau đó tôi đề nghị uống rượu chúc mừng sức khỏe bà Micôbơ, hay ít nhất, tôi đã nói một cách khiêm tốn: “Bà Micôbơ, bà có vui lòng cho phép tôi được uống rượu chúc mừng sức khỏe của bà không?” Thế là ông Micôbơ đọc một bài ca ngợi nhân cách bà Micôbơ, nói rằng xưa nay bà vẫn là một người dẫn đường, một nhà triết học, một người bạn của ông, và khi tôi đến tuổi thành hôn, ông ta đề nghị tôi hãy lấy một bà vợ như thế, nếu như có thể kiếm được một người đàn bà thứ hai trên thế gian này.

Rượu ngũ vị càng cạn dần thì ông Micôbơ càng tỏ ra

thân mật và rôm rả. Vì tinh thần của bà Micôbơ cũng sáng khoái hơn nên chúng tôi hát bài “tử biệt”. Khi chúng tôi hát đến câu “Đây là bàn tay của tôi, hồi người bạn thân yêu” thì tất cả chúng tôi nắm tay nhau bao quanh chiếc bàn và chúng tôi tuyên bố rằng chúng tôi sẽ uống một trận say sưa, tuy không hiểu câu đó có ý nghĩa gì, và chúng tôi đều rất cảm động.

Tóm lại, tôi chưa bao giờ thấy có người nào vốn vã và vui vẻ như ông Micôbơ trong suốt buổi chiều và tối hôm ấy, cho đến phút cuối cùng của buổi tối, khi tôi bắt tay từ biệt ông và bà vợ dễ thương của ông. Do đó, tôi không ngờ rằng sáng hôm sau tôi nhận được bức thư mà ông viết vào lúc chín giờ rưỡi tối hôm trước, tức là mười lăm phút sau khi tôi chia tay với ông:

“Anh bạn trẻ thân mến,

Số phận đã thế rồi, hồng hét cả rồi. Che giấu những sự tàn phá của lo âu dưới cái vẻ vui nhộn hời hợt bên ngoài, chiều qua tôi không nói cho anh biết rằng không còn hy vọng gì nhận được số tiền! Trong hoàn cảnh này, cực nhục khi phải chịu đựng và cực nhục khi phải nhìn thấy nó, cực nhục khi phải kể lại, tôi đã giải quyết các khoản chi tiêu ở khách sạn này bằng cách ký một tờ giấy cam kết rằng sau khi ký nửa tháng, tôi sẽ trả số tiền ở ngôi nhà của tôi ở Pentônvîn thành Luân-đôn. Khi thời hạn ấy đã hết, tiền nợ sẽ không được trả, kết quả là : phá sản. Lưỡi tăm sét sẽ giáng xuống và cái cây thế nào cũng đổ gục.

Anh Copophin thân mến. Hãy để cho con người khốn nạn đang nói chuyện với anh lúc này được làm ngọn đèn

báo trước cho anh trên bước đường đời. Chính vì nghĩ như vậy và hy vọng như vậy mà nó viết cho anh. Nếu nó có thể nghĩ rằng tấm gương của nó sẽ có ích cho anh về mặt này thì một ánh sáng yếu ớt sẽ có thể lọt vào cái ngục tối tăm buồn thảm của cuộc đời còn lại của nó, mặc dầu việc sống còn của nó hiện nay (nó không muốn nói quá đáng) thực là hết sức bấp bênh.

Anh Copoplin thân mến, đây là bức thư cuối cùng mà anh nhận được của con người bị ruồng bỏ.

Phải đi ăn xin.

Uynkin Micôbơ”.

Nội dung bức thư đau đớn này làm tôi hoảng hốt, tôi tất tả chạy tới cái khách sạn nhỏ với ý định đến đấy trước khi đến trường để an ủi ông Micôbơ một đôi lời. Nhưng đi được nửa đường, tôi chợt thấy chiếc xe ngựa trạm của Luân-đôn với hai ông bà Micôbơ đang ngồi đằng sau. Ông Micôbơ điềm nhiên sung sướng không ai bằng, đang mỉm cười nghe bà Micôbơ nói chuyện, miệng ăn hạt dẻ trong một gói giấy và ở cái túi phía trong có một cái chai thò cổ ra ngoài. Vì họ không trông thấy tôi, nên tôi nghĩ đi nghĩ lại thấy tốt nhất là dừng gặp họ. Thế là lòng tôi trút bớt được một gánh nặng; tôi rẽ vào con đường hẻm là con đường đi đến trường gần nhất, và dù sao đi nữa, tôi vẫn cảm thấy nhẹ hẫng người vì họ đã đi... mặc dầu tôi vẫn rất yêu họ.

Chương XVIII

NHÌN LẠI QUÁ KHỨ

Thời học sinh của tôi! Cuộc đời của tôi trôi đi lặng lẽ, êm đềm... nó cứ trôi đi lặng lẽ, không ai thấy, không ai biết từ thời thơ ấu đến tuổi thanh niên! Bây giờ quay lại nhìn dòng nước cuộn cuộn kia, nay chỉ là một rãnh nước đã khô, đầy những lá, tôi hãy hồi tưởng lại xem nó có để lại dấu vết gì nhắc lại dòng sông ngày trước hay không.

Hãy đợi xem... kìa tôi đang ngồi ở chỗ ngồi quen thuộc ở nhà thờ, là nơi sáng chủ nhật nào chúng tôi cũng đến, sau khi đã tập hợp ở trường. Mùi đất, mùi không khí không có ánh nắng xông lên trong khi cảm thấy mình sống cách biệt khỏi thế giới bên ngoài, và ngay tiếng đàn oóc-gơ ngân lên qua các hành lang và các lễ đường bên cạnh với những cái vòm trắng xóa hay đen sì, đó là những cặp cánh mang về quá khứ, và khiến tôi bay chập chờn qua những ngày xưa trong một giấc mơ nửa mê nửa tỉnh.

Ở trường, tôi không phải là đứa bết láp. Chỉ trong vài tháng, tôi đã cười cổ được nhiều câu. Nhưng câu đầu lớp, đối với tôi, vẫn là một nhân vật kỳ lạ ngự trị ở một nơi xa

xôi vôi vôi không sao vươn đến được. Acnet bảo “không phải thế”, nhưng tôi thì bảo là “đúng thế”. Tôi bảo cô rằng cô không thể quan niệm được tất cả những tri thức tích lũy trong đầu óc nhân vật kỳ diệu này, nhưng cô tin tưởng rằng ngay một người tầm thường như tôi, nếu cố gắng mãi cũng có thể dần dần lên đến địa vị của cậu. Cậu không phải là người bạn riêng và người che chở tôi một cách chính thức như Xtiécphoóc ngày xưa. Nhưng tôi rất kính trọng cậu. Đặc biệt, tôi tự hỏi không biết sau này cậu sẽ thành con người như thế nào khi cậu rời khỏi trường của bác sĩ Xtrong và nhân loại sẽ làm thế nào để có thể có một địa vị mà cậu không đạt đến được.

Nhưng hình ảnh con người nào xuất hiện đây? Đó là cô Sephot, người mà tôi yêu.

Cô Sephot là học sinh ký túc ở trường học của các cô Néttingon. Tôi tôn thờ cô. Đó là một cô gái nhỏ. Cô mặc áo xpen-xơ, có khuôn mặt tròn tĩnh, những mớ tóc quăn màu hung nhạt. Các nữ sinh của các cô Néttingon cũng đến nhà thờ. Tôi không sao đọc được Kinh thánh bởi vì tôi bắt buộc phải nhìn cô Sephot. Trong khi những người đồng ca hát lên, trí óc tôi chỉ nghe đọc có tên cô, tôi đặt cô vào số những con người của hoàng tộc. Khi về nhà, ngồi trong phòng, đôi khi tôi kêu lên say sưa, ngây ngất: “Em Sephot ơi!”

Trong một thời gian, tôi ngờ vực về những tình cảm của cô Sephot, nhưng cuối cùng số phận phù hộ chúng tôi và chúng gặp nhau trong một buổi học khiêu vũ. Tôi được khiêu vũ với cô Sephot. Tôi sờ cái găng tay của cô Sephot và cảm thấy người nổi gai ốc từ ống tay phải của cái áo

chên, cho đến tóc. Tôi không nói câu gì âu yếm với cô Sephot, nhưng chúng tôi hiểu nhau. Cô Sephot và tôi sống là để lấy nhau.

Tôi tự hỏi tại sao tôi lại lén lút tặng cô Sephot mười hai quả hồ đào của xứ Braxin? Những quả này không biểu lộ tình yêu, lại khó gói thành một gói gọn gàng, cần võ ra rất khó, dù có chên vào giữa hai cánh cửa, và khi võ thì lại hăng hắc. Tuy võ vậy tôi vẫn cảm thấy đó là một món quà thích hợp với cô Sephot. Tôi cũng cho cô Sephot những chiếc bánh quy mềm đầy những hạt nhân và vỏ sò cam. Có một lần tôi hôn cô Sephot ở phòng áo. Ngây ngất quá! Tôi cảm thấy đau đớn và phần nộ vô cùng khi hôm sau, tôi nghe tin đồn rằng các cô Nettingon đã hành hạ cô Sephot chỉ vì cô đã coi thường họ.

Cô Sephot là đối tượng duy nhất, hình ảnh duy nhất của đời tôi, nhưng làm sao có thể đoạn tuyệt được với cô? Thực tôi không thể nào quan niệm được. ấy thế mà giữa cô Sephot và tôi đã xảy ra tình trạng lạnh nhạt. Tôi nghe đâu có tin đồn rằng cô Sephot nói cô muốn tôi đừng nhìn cô đắm đắm như vậy, và nói rằng cô thích thằng Jôn hơn. ô! Jôn, một thằng bé chẳng có giá trị gì hết. Cái vực ngăn cách tôi và cô Sephot càng ngày rộng. Cuối cùng, một hôm tôi gặp học trò của các cô Nettingon đi dạo chơi ngoài đường. Cô Sephot đi qua trước mặt tôi, nhân mặt một cái và cười với cô bạn bên cạnh. Thôi thế là hết! Đối tượng tôn thờ của tất cả cuộc đời (đối với tôi đó là cả cuộc đời hay cũng gần như thế) đã chấm dứt. Tôi không để ý đến cô Sephot trong buổi lễ sáng chủ nhật và cô không thuộc vào hoàng tộc nữa.

Tôi học tiến bộ và không ai làm cho tôi phải bận tâm. Lúc này tôi không lễ phép chút nào đối với các nữ sinh của các cô Nettingon và không có người nào làm cho tôi yêu dù cho họ đẹp gấp hai và đẹp gấp hai mươi lần. Tôi cho những giờ học khiêu vũ là chán ngắt và tự hỏi tại sao họ con gái không chịu khiêu vũ một mình cho rồi và để cho chúng tôi yên thân. Tôi trở nên cự phách về thơ la-tinh và không chú ý gì đến việc thắt dây giày. Bác sĩ Xtrong tuyên bố trước mọi người rằng tôi là một học giả trẻ tuổi có nhiều hứa hẹn. Ông Dịch sung sướng đến điên cuồng và cô tôi gửi cho tôi một đồng ghi-ni ngay chuyển thư sau.

Hình ảnh anh hàng thịt trẻ tuổi hiện ra như hình ảnh cái đầu một chiến sĩ hiện ra trong “Macbê”⁽¹⁾. Anh hàng thịt trẻ tuổi là ai? Anh ta là một tai họa cho tất cả thanh niên Cantơbơri.

Có tin đồn rằng thứ mỡ bò anh ta xúc tóc đã cho anh ta một sức mạnh vô biên và có thể đương đầu với bất kỳ ai. Anh ta có đôi mắt to và tròn, cái cổ bạnh ra như cổ bò, gò má sần sùi và đỏ, đầu óc khó chịu và hay chửi bới - Anh ta dùng cái lưỡi của mình chủ yếu lẳng nhục học sinh của bác sĩ Xtrong. Anh tuyên bố công khai rằng nếu bọn họ muốn gì thì anh sẽ cho họ biết tay.

Anh nói rõ tên từng người, trong đó có cả tôi, anh bảo chỉ cần dùng một tay, tay kia buộc sau lưng anh cũng có thể quật ngã họ. Anh rình những học trò nhỏ nhất đi qua để nện vào giữa đầu họ một cách hèn nhát và thách

⁽¹⁾ Đây là tác giả nói đến hình ảnh cái đầu của một chiến sĩ hiện ra từ cái chảo của bọn phù thủy ở hồi IV vở kịch “Macbet” của Sêxpia.

thức tôi ở ngay giữa phố. Những lý do ấy đã quá đầy đủ để khiến tôi quyết định choảng nhau với anh.

Đó là một buổi chiều mùa hạ ở một nơi cỏ xanh mơn mơn cạnh một góc tường. Tôi hẹn trước với anh ta sẽ gặp ở đây. Một nhóm học sinh chọn lọc đi theo tôi, còn anh hàng thịt thì có hai anh hàng thịt khác cùng với một người chủ quán và một người nạo ống khói đi theo. Sau khi đã bàn xong các thủ tục, anh hàng thịt và tôi đứng đối diện. Chỉ trong chốc lát, anh hàng thịt đánh cho con mắt trái tôi nảy dom đóm. Và ngay phút sau, tôi không còn biết đâu là tường, tôi ở đâu hay bất kỳ ai ở đâu. Tôi hầu như không phân biệt được anh hàng thịt và tôi, bởi vì chúng tôi ôm chặt lấy nhau và đánh nhau túi bụi trên bãi cỏ đã bị giẫm nát. Khi thì tôi thấy anh hàng thịt máu me đầm đĩa nhưng tỏ vẻ tự tin, khi thì tôi không thấy gì hết và tôi ngồi phịch xuống, thờ hỏn hển trên đầu gối của bạn tôi. Khi thì tôi lao như một thằng điên vào giữa anh hàng thịt, và các khớp xương ngón tay của tôi toác ra vì nện vào mặt anh ta nhưng anh ta vẫn không hề tỏ ra nao núng.

Cuối cùng, tôi tỉnh dậy, trong đầu có một cảm giác kỳ quặc như vừa tỉnh một giấc mơ và tôi thấy anh hàng thịt đi ra, xung quanh có hai anh hàng thịt khác, người chủ quán và người nạo ống khói khen ngợi.

Anh ta vừa đi vừa sửa lại áo. Tôi căn cứ vào đó để kết luận một cách đúng đắn rằng anh ta đã giành thắng lợi.

Người ta đem tôi về nhà trong tình trạng thảm hại.

Người ta đặt bít-tết lên mắt tôi, lấy dấm và rượu bóp cho tôi, và tôi thấy môi tôi sưng lên thành một cục to tướng, trắng bệnh và phồng lên dễ sợ. Tôi ở nhà suốt ba

bốn ngày, mặt mày thắm hại đeo một cái lưới trai che mắt màu xanh. Lẽ ra tôi sẽ rất bức bối nếu không có Acnet sẵn sóc tôi như một người em gái, cô khuyên giải tôi, đọc sách cho tôi nghe và làm cho thời gian trôi đi êm đềm và sung sướng.

Acnet đã được tôi tin tưởng hoàn toàn. Tôi kể cho cô nghe tất cả câu chuyện về anh hàng thịt và những lời anh ta lãng nhục tôi. Cô nghĩ rằng tôi không có cách nào khác là phải choảng nhau với anh, mặc dầu khi nghĩ đến chuyện ấy cô vẫn run sợ và thấy ghê tởm.

Thời gian vẫn lặng lẽ trôi đi, không ai hay không ai biết. Lúc này Adam không còn là học sinh đứng đầu trường nữa, và điều đó đã chấm dứt từ lâu. Adam đã rời khỏi trường từ lâu đến nỗi khi cậu trở lại thăm bác sĩ Xtrong thì ở trường không có mấy người, trừ tôi, nhận ra cậu nữa. Ít lâu nữa Adam sẽ được làm trạng sư và sẽ mang một bộ tóc giả.

Tôi lấy làm ngạc nhiên khi thấy rằng cậu là một người bình hơn là tôi vẫn tưởng và không có vẻ oai vệ như tôi nghĩ. Cậu vẫn chưa làm cho thế giới điên đảo bởi vì thế giới vẫn tiếp tục diễn ra (như tôi có thể nhận thấy) chẳng khác gì trước khi cậu bước vào đời.

Thế rồi, một chỗ trống hiện ra và nhường chỗ cho các chiến sĩ của thi ca và lịch sử rầm rập bước qua thành những đạo quân uy nghi tưởng chừng không bao giờ hết... Thế rồi sau đó có gì? Bây giờ tôi là người đứng đầu trường. Tôi cúi xuống nhìn những hàng học sinh ở dưới tôi với cái nhìn chiếu cố của bề trên đối với những cậu học sinh, nó gợi cho tôi nhớ đến hình ảnh của tôi ngày xưa khi tôi là

một cậu bé mới bước chân đến trường. Tôi có cảm tưởng rằng cậu bé kia không phải là hình ảnh của tôi. Tôi nhớ đến cậu như một vật gì để lại trên bước đường đời, như một cái gì tôi đã gặp hơn là một con người mà trước đây chính là tôi, và tôi coi đó như là một người nào khác.

Còn cô gái nhỏ mà tôi gặp ngày đầu tiên khi đến nhà ông Uychcophin, cô ở đâu? Cô cũng biến mất rồi! Thay thế vào đó là hình ảnh hoàn toàn giống bức chân dung như đúc (chứ không phải là cái gương mặt trẻ con) đi đi lại lại trong nhà, Acnet, cô em gái hiền hậu của tôi (như tôi vẫn hồi tưởng ở trong ký ức), người cố vấn của tôi, người bạn tốt, nàng tiên che chở tất cả những người chịu ảnh hưởng êm dịu, quý hóa, đầy hy sinh của cô, nay đã là một thiếu nữ.

Ngoài sự thay đổi về vóc người, hình dáng và những hiểu biết mà tôi tích lũy được trong thời gian ấy, còn có những điều thay đổi gì nữa. Tôi đeo một chiếc đồng hồ vàng có dây vàng, ngón tay út đeo một cái nhẫn và mặc một cái áo đuôi tôm tôi xúc vô khối mỡ gấu, những điều này cộng với chiếc nhẫn là dấu hiệu chẳng lành. Tôi lại mê ai lần nữa chăng? Vâng. Tôi tôn thờ cô chị cả trong các cô Lackin.

Cô chị cả Lackin không phải là một cô gái nhỏ bé gì. Cô đã là một người đàn bà cao, xinh xắn, tóc hung, mắt đen. Cô chị cả không phải là trẻ vì cô út cũng không trẻ và cô ta phải hơn cô út đến ba bốn tuổi. Có lẽ cô cả độ ba mươi. Lòng say mê của tôi đối với cô thực không bờ bến.

Cô chị cả quan các võ quan. Nghe chuyện đó tôi thực tức tối vô cùng. Tôi thấy họ nói chuyện với cô ở ngoài

đường. Tôi thấy họ đi qua đường để gặp cô khi họ thấy chiếc mũ của cô đến gần (cô có một sở thích đặc biệt về mũ), theo sau là chiếc mũ của cô em. Cô cười cười, nói nói có vẻ thú chuyện đó lắm. Tôi đã bỏ mất chán thời giờ rảnh đi bách bộ để gặp cô. Nếu trong ngày tôi có thể chào cô một lần (tôi quen cô đủ để chào hỏi, vì tôi quen ông Lackin), thế là tôi đã sướng mê lên rồi. Đôi lúc cô hạ cố chào lại. Những nỗi đau khổ ê chề mà tôi phải chịu đựng đêm khiêu vũ (vì tôi biết cô sẽ khiêu vũ ở đấy với các quân nhân) đáng lý phải được bù đắp lại, nếu như trên đời này còn có công lý!

Bệnh si tình của tôi làm tôi ăn tôi ăn mất ngon, nó bắt tôi luôn luôn mang cái khăn quàng bằng lụa mới nhất. Tôi chỉ cảm thấy nhẹ người khi mặc bộ quần áo bảnh nhất và suốt ngày cứ lo đánh bóng đôi giày. Như vậy tôi cảm thấy xứng đáng với cô hơn. Tất cả những gì thuộc về cô hay liên quan đến cô, đối với tôi đều quý báu. Ông Lackin (một ông già càu nhàu, cầm béo phì và một con mắt im lìm) đối với tôi là một người rất thú vị. Khi tôi không thể gặp con gái ông, tôi đến một nơi, ở đấy tôi hy vọng có thể gặp ông. Nếu tôi được nói với ông” “Chào ông Lackin” thì câu ấy có vẻ bóng gió ghê lắm, làm cho tôi đỏ cả mặt.

Tôi cứ băn khoăn về tuổi của mình. ừ, cứ cho rằng tôi mười bảy tuổi, và tuổi mười bảy là quá trẻ so với cô chị cả đi nữa thì đã sao chưa? Vả lại ít lâu nữa tôi sẽ hai mươi mốt tuổi. Tôi thường ngày đi dạo chơi quanh nhà ông Lackin vào một buổi chiều, mặc dầu tôi dứt cả ruột khi nhìn thấy các võ quan bước vào nhà, hay nghe thấy họ nói chuyện trong phòng khách, ở đấy, cô chị cả chơi đàn thụ

câm. Thậm chí có hai ba lần tôi đã đi quanh nhà với dáng điệu buồn rầu, thiếu nảo khi tất cả nhà đã ngủ và tự hỏi không biết cô chị cả nằm ở phòng nào (và khốn khổ là tôi chọn đúng ngay phòng ông Lackin), cứ mong sao ngôi nhà phát hỏa, tất cả đám đông hoảng hốt đứng ngơ ngác, còn tôi sẽ cấp một cái thang, lao qua đám đông, áp thang vào cửa sổ của nàng, giơ hai tay bế nàng ra rồi lại xông vào lấy một vật gì nàng để quên và chết trong ngọn lửa! Nói chung tôi rất vô tư trong tình yêu, tôi nghĩ rằng nếu được tỏ ra là yêng hùng trước mặt cô Lackin rồi sau đó có chết cũng thỏa chí lắm rồi. Thường thường thì như thế chứ không phải bao giờ cũng thế. Đôi khi, những hình ảnh trong sáng hơn hiện ra trước mắt tôi. Khi tôi mặc áo (trò này kéo dài hai tiếng đồng hồ) để đi dự một buổi khiêu vũ do gia đình các cô Lackin tổ chức (tôi chờ đợi ngày ấy đã ba tuần), tôi đã nuôi trong óc những hình ảnh thú vị. Tôi có cảm tưởng rằng tôi có đủ can đảm tỏ tình với cô Lackin. Tôi tưởng tượng rằng cô Lackin sẽ gục đầu vào vai tôi và nói: “ồ, anh Copophin, em nó đã nói thực tất cả với tôi rồi. Anh trẻ nhưng không hề gì. Đây là hai vạn bảng. Chúc anh hạnh phúc”. Tôi tưởng tượng có tôi cảm động cầu Chúa ban phúc cho chúng tôi và ông Đích, bác sĩ Xtrong cũng có mặt trong lễ thành hôn. Tôi nghĩ rằng tôi là một con người biết điều (khi quay lại nhìn quá khứ, tôi cảm thấy tôi tin rằng tôi như vậy), và tôi tin rằng tôi là một người khiêm tốn, nhưng dẫu sao tất cả những ý nghĩ ấy cũng đã nảy sinh trong óc tôi.

Tôi đến ngôi nhà thần tiên ấy, ở đấy có ánh sáng, chuyện trò, âm nhạc, hoa lá, các vũ quan (tôi đau xót nhận

thấy điều này) với cô chị cả đẹp lộng lẫy. Nàng mặc áo màu lam, có những bông hoa cũng màu lam cài trên mái tóc... những bông lưu ly thảo. Tóc đẹp như tóc của nàng mà còn cần phải trang điểm bằng hoa ư? Đó là cuộc hội họp lớn đầu tiên mà tôi được mời đến dự. Tôi thấy lúng ta lúng túng vì cảm thấy mình không thuộc vào nhóm nào hết, chẳng ai cần nói gì với mình, chỉ trừ ông Lackin hỏi tôi: “Các bạn học của anh có khỏe không?” Ông bỏ cái trò ấy đi cho tôi nhờ bởi vì tôi không đến đây để cho người ta chửi.

Nhưng sau khi đứng đợi một lát ở khung cửa sổ nhìn nàng tiên của con tim tôi không chán mắt, tôi thấy nàng đến gần tôi thân ái hỏi tôi: “Anh có khiêu vũ không?” Tôi nghiêng mình chào nàng, ấp úng:

“Có, khiêu vũ với cô, cô Lackin ạ”.

“Chứ không với người nào khác cả ư?” Cô Lackin hỏi.

“Tôi chẳng cảm thấy thú vị gì nếu khiêu vũ với bất kỳ người nào khác”.

Cô Lackin cười và đỏ mặt (hay là tôi cho rằng nàng đỏ mặt) và nói:

“Đến lượt tới, tôi sẽ rất hân hạnh”.

Giây phút đó đã đến! Hình như đây là một điệu van-xơ, cô Lackin nói, lưỡng lự, khi tôi đến trước mặt nàng:

“Anh có khiêu vũ không? Nếu không, đại uý Bailây...”

Nhưng tôi khiêu vũ (và hôm ấy tôi khiêu vũ cũng khá là khác) và đưa cô Lackin đi. Tôi kéo nàng ra khỏi tay đại uý Bailây một cách phũ phàng, chắc hẳn ông ta khó

tâm lắm đấy, nhưng tôi cần cóc gì, tôi cũng khổ tâm lắm kia mà! Tôi khiêu vũ với cô chị cả. Tôi chẳng còn biết tôi khiêu vũ ở đâu, giữa những người nào và trong bao lâu. Tôi chỉ biết rằng tôi trôi bập bênh trong không trung với nàng tiên lam kia trong niềm say sưa hoan lạc tuyệt vời, cho đến khi tôi đứng một mình với nàng trong cái phòng con, ở đấy chúng tôi ngồi trên một cái xô-pha. Nàng ngắm bông hoa (một bông sơn trà màu hồng của Nhật Bản, giá một nửa cơ-rao) tôi đính trên áo. Tôi đưa hoa tặng nàng và nói:

“Tôi yêu cầu cô phải trả với giá hết sức đắt, cô Lackin ạ”.

“Thế à? Bao nhiêu?” Cô Lackin hỏi.

“Một bông hoa của cô để tôi có thể giữ nó khăng khăng như anh hà tiện giữ vàng”.

“Anh quả là một anh chàng to gan” cô Lackin nói “Đây này”.

Nàng đưa cho tôi một bông hoa, không hề giận. Tôi đưa bông hoa lên môi hôn và áp nó vào tim. Cô Lackin cười, khoác tay tôi, nói:

“Bây giờ anh đưa tôi đến với đại úy Bailây”.

Tôi còn đang mơ màng hồi tưởng đến giờ phút gặp gỡ tuyệt diệu ấy và điệu van-xơ của chúng tôi thì nàng lại đi về phía tây khoác tay một người đã đứng tuổi, xấu trai, suốt buổi vẫn chơi bài “huyt” và nói:

“Đây là ông bạn to gan của tôi đây! Anh Copophin.

Ông Setxon muốn làm quen với anh”.

Tôi hiểu ngay đó là một người bạn của gia đình tôi rất hân hạnh làm quen. Ông Setxon nói:

“Tôi thấy anh có con mắt tinh đời, nó làm vinh dự

cho anh. Tôi chắc anh không thích loã mạch lắm nhưng tôi có một đồn điền loã mạch khá lớn. Khi nào anh vui chân đến chơi chỗ chúng tôi (ở miền Atphooc) để xem một vòng cho biết, thì tôi sẵn lòng giữ anh lây mấy cũng được).

Tôi cảm ơn ông Setxon rồi rít và bắt tay ông. Tôi có cảm tưởng sống trong một giấc mơ hạnh phúc. Tôi lại khiêu vũ một lần nữa với nàng; và nàng nói tôi khiêu vũ giỏi lắm!

Tôi trở về nhà, bàng hoàng ngây ngất và suốt đêm cứ khiêu vũ trong giấc mơ, cánh tay ôm lấy thân hình màu lam của nàng tiên yêu quý của tôi. Suốt mấy ngày sau tôi vẫn ngây ngất say sưa như vậy, nhưng tôi không thấy nàng ở ngoài đường cũng như ở nhà nàng khi tôi đến chơi. Tôi đành tạm an ủi mình bằng cách ngắm nghía món quà thiêng liêng là bông hoa đã héo. Một hôm, ăn trưa xong, Acnet bảo tôi:

“Anh Trótút, đồ cậu biết ngày mai đám cưới ai đấy? Cái cô cậu vẫn thần phục ấy mà”.

“Không phải cậu chứ, Acnét?”

“Không phải mình đâu? Acnét nói gương mặt tươi tắn ngẩng lên trong khi đang cúi đầu chép nhạc “Ba có nghe anh ấy nói không? Không phải mình đâu! Cô Lackin chị đấy!”

Tôi chỉ còn đủ sức hỏi:

“Không phải với đại úy Bailây chứ?”

“Không, không phải với một đại úy. Cô ta lấy ông Setxon, một chủ đồn điền loã mạch”.

Trong suốt một hay hai tuần, tôi buồn nản vô cùng. Tôi tháo chiếc nhẫn ra, mặc những quần áo xấu nhất,

không dùng đến mỡ gấu và luôn luôn than vãn về cánh hoa tàn của cô Lackin ngày xưa. Trong thời gian ấy, chán ngấy về cái lối sống này và lại bị thằng cha hàng thịt thách thức một lần nữa, tôi vút bông hoa, đến gặp thằng cha hàng thịt và đánh bại hắn một trận oanh liệt.

Chiến thắng này cùng với việc dùng mỡ gấu một cách vừa phải là những dấu vết cuối cùng mà tôi có thể nhận thấy trên con đường đưa tôi đến tuổi mười bảy.

Chương XIX

TÔI NHÌN XUNG QUANH TÔI VÀ PHÁT HIỆN ĐƯỢC MỘT ĐIỀU

Tôi không biết rõ trong thâm tâm tôi vui sướng hay buồn rầu khi thời gian học của mình chấm dứt và đã đến lúc rời khỏi trường của bác sĩ Xtrông. Từ trước đến nay tôi ở đây rất sung sướng, tôi rất quý bác sĩ và tôi là một nhân vật lỗi lạc và cự phách trong cái thế giới nhỏ bé này. Vì những lý do ấy cho nên khi ra đi tôi cũng tiêng tiếc. Nhưng lại có những lý do khác khá viển vông làm tôi vui sướng. Tôi có những ý nghĩ mơ hồ rằng mình sẽ trở nên một chàng thanh niên tự do, muốn làm gì thì làm, thế nào cũng có một tầm quan trọng đặc biệt. Khi nghĩ mơ hồ rằng một nhân vật kỳ diệu như thế sẽ phải thấy và phải làm những việc kỳ lạ, và thế nào cũng gây nên một tác dụng to lớn đối với xã hội, tôi cảm thấy rất thích thú. Những suy nghĩ viển vông ấy đã có một ảnh hưởng to lớn đối với cái đầu óc ngây thơ của tôi, đến nỗi theo cách nhận xét hiện nay của tôi, lúc ấy tôi có cảm thấy những niềm nhớ tiếc lẽ ra phải rất tự nhiên - sự chia ly này không gây cho tôi nhiều ấn

tượng như những sự chia ly khác. Tôi cố gắng hồi tưởng lại xem lúc bấy giờ tôi có những cảm tưởng gì nhưng không nhớ được gì hết: trong ký ức của tôi, đó không phải là một sự việc quan trọng. Phải chăng cái triển vọng mở ra trước mắt tôi đã làm cho tôi choáng váng? Tôi chỉ biết rằng những kinh nghiệm thời niên thiếu không giúp cho tôi được bao nhiêu, hay không giúp được gì hết, rằng đối với tôi, cuộc sống quả giống như một quyển truyện thần tiên to lớn mà tôi chỉ mới sắp sửa đọc, hơn là giống bất kỳ cái gì khác.

Cô tôi và tôi đã nhiều lần thảo luận nghiêm túc về công việc sau này tôi sẽ phải làm. ít nhất là đã một năm nay, tôi đã cố gắng tìm một câu trả lời thỏa mãn để trả lời cái câu hỏi mà cô tôi vẫn thường nêu ra: "Tôi muốn làm nghề gì?" Nhưng tôi nhận thấy tôi không có một sở thích gì đặc biệt để làm bất cứ nghề gì. Nếu như do một điều ngẫu hứng đột nhiên tôi thấy mình có khiếu về khoa hàng hải, tôi có thể đi trên một chiếc thuyền buồm để chỉ huy một cuộc viễn chinh, hay đi vòng quanh thế giới làm một cuộc khảo sát oanh liệt, và tôi cũng sẽ cho rằng mình hoàn toàn thích hợp với việc đó. Nhưng vì không có những cách giải quyết kỳ diệu như vậy cho nên mong muốn của tôi là làm một nghề gì không làm thiệt hại nhiều cho túi tiền của cô tôi và làm nhiệm vụ mình trong cái nghề ấy bất kỳ đó là nghề gì.

Ông Đích đã dự đều đặn những cuộc hội đàm của chúng tôi với thái độ trầm ngâm và thông thái. Ông không bao giờ đưa ra một đề nghị gì hết, chỉ trừ một lần (tôi không hiểu tại sao ông ta lại có ý nghĩ như vậy) ông ta đột

nhiên đề nghị tôi sẽ làm thợ chữa nồi! Cô tôi tiếp nhận đề nghị ấy một cách khó chịu đến nỗi không bao giờ ông còn dám đưa đưa ra đề nghị thứ hai nào nữa; trái lại, sau đó bao giờ ông cũng chỉ lo nhìn chăm chú vào mặt cô tôi, tay rung túi tiền lằng xằng, chờ xem cô tôi đề nghị điều gì. Một buổi sáng trong thời gian lễ Thiên chúa Giáng sinh tiếp theo sau việc rời khỏi trường, cô tôi bảo tôi:

“Trót, cô muốn nói với cháu một điều. Vì vấn đề học búa này vẫn còn chưa được giải quyết và vì nếu như chúng ta có thể tránh được, chúng ta không thể nào quyết định sai lầm, cho nên cô nghĩ rằng tốt hơn cả là ta nghỉ một lát cho thư thái. Trong lúc đó, cháu hãy cố gắng nhận xét vấn đề theo một quan điểm mới chứ không phải như một cậu học sinh nữa”.

“Thưa cô, cháu sẽ xin cố gắng xem”.

Cô tôi nói tiếp:

“Cô này sinh ra ý nghĩ rằng bây giờ nếu cháu thay đổi không khí một chút và thử nhìn ra ngoài đời thì có lẽ có thể hiểu rõ được ý nghĩ của mình và nhận xét sẽ đúng đắn hơn. Tại sao cháu không đi du lịch một vài hôm? Chẳng hạn trở về nơi cháu đã sống những ngày thơ ấu, đi thăm cái con mẹ kỳ quặc có cái tên man rợ nhất đời kia...”

Cô tôi vừa nói vừa gãi gãi lên mũi vì cô không bao giờ có thể tha thứ hoàn toàn cho chị Pécgôti về cái tội đã có cái tên như vậy.

“Thưa cô, được như thế thì tuyệt quá rồi còn gì!...”

“Được - cô tôi nói - nếu thế thì hay lắm, bởi vì cô cũng muốn thế. Cháu thích như vậy là tự nhiên và hợp lý thôi. Trót ă, cô cũng tin chắc rằng trong bất cứ việc gì,

cháu cũng sẽ làm một cách tự nhiên và hợp lý”.

“Thưa cô, cháu cũng mong được như vậy”.

“Chị Bétxi Trốtút của cháu - cô tôi nói - sẽ là cô con gái tự nhiên và thông minh nhất trên đời. Cháu sẽ xứng đáng với chị cháu chứ?”

“Cháu hy vọng sẽ xứng đáng với cô, cô ạ. Đối với cháu như thế là đủ lắm rồi”.

“Bà mẹ tội nghiệp của cháu, con bé tội nghiệp không sống đến giờ cũng là may” cô tôi vừa nói vừa nhìn tôi có vẻ tán thành “nếu không nó sẽ kiêu hãnh về cậu con trai của nó quá, đến nỗi cái đầu nhỏ bé đại dột ấy sẽ rối loạn lên hết nếu như ở đây vẫn còn một chút thông minh chưa đến nỗi biến thành điên rồ” (Cô tôi bao giờ cũng che giấu thái độ yếu đuối của mình đối với tôi bằng cách mắng mỏ bà mẹ tội nghiệp của tôi như thế) “Trời ơi ! Trốtút! Cô thấy cháu giống mẹ cháu quá!”

“Thế là hay chứ, phải không cô?” tôi nói.

“Nó giống hệt mẹ nó, ông Đích ạ - cô tôi nói, vẻ hùng hồn - nó giống hệt mẹ nó cái buổi trước khi mẹ nó bắt đầu giãy giụa... Trời ơi, nó giống hệt mẹ nó, thật giống như dúc!”.

“Thật thế à?” ông Đích hỏi.

“Nó rất giống Đêvít”, cô tôi nói có vẻ kiên quyết.

“Nó giống Đêvít!” ông Đích phụ họa.

“Nhưng có một điều, Trốt ạ - cô tôi nói tiếp “Cô muốn cháu là một người vững chắc, cô không nói vững chắc về mặt thể lực đâu, mà về mặt tinh thần kia (vì về mặt thể lực thì cháu đã vững chắc rồi). Cô muốn cháu là một con người vững chắc, có ý chí của mình. Một con người có

ý chí kiên quyết” cô tôi vừa nói vừa vẫy cái mũ về phía tôi, nắm chặt tay lại “quyết đoán, có nghị lực. Trót ă, con người có nghị lực nghĩa là không để cho người ta ảnh hưởng đến mình, trừ phi vì những lý do xác đáng. Cô muốn cháu thành một người như thế. Cha cháu và mẹ cháu lẽ ra đều có thể là những người như thế, và nếu được như thế thì đã tốt biết bao nhiêu”.

Tôi nói cho cô tôi biết rằng tôi hy vọng sẽ trở thành một con người như cô tôi mong muốn. Cô tôi nói:

“Để cho cháu có thể bắt đầu, trong một phạm vi nhỏ, chỉ dựa vào mình thôi và tự mình quyết định, cô sẽ để cho cháu đi chơi một mình. Có lúc cô nghĩ rằng nên để ông Đích cùng đi với cháu, nhưng sau khi nghĩ lại, cô thấy nên để ông ở nhà để săn sóc cô thì hơn”.

Ông Đích trong chốc lát có vẻ hơi ỉu xiu, nhưng lát sau, nhận thấy mình được vinh dự săn sóc người đàn bà kỳ diệu nhất đời, nên gương mặt ông lại tươi như hoa. Cô tôi nói:

“Vả lại còn quyển “Hồi ký” nữa”.

“À phải rồi - Ông Đích nói, có vé vôi vã - Cháu Trótút ă, chú có ý định phải làm xong ngay, nhất thiết phải làm xong ngay! Và lúc đó, cháu có biết không, nó sẽ được giới thiệu, và lúc bấy giờ thì...” ông Đích nói, sau khi dừng lại một hồi lâu “sẽ nhốn nháo cả lên cho mà xem”.

Theo đúng cái kế hoạch thú vị của cô tôi, sau đó ít hôm, tôi nhận được một cái ví có khá nhiều tiền, một cái va-ly, và mọi người thân mật tiễn tôi lên đường. Khi chia tay, cô tôi cho tôi nhiều lời khuyên quý báu và vô số cái hôn. Cô tôi bảo, vì cuộc đi chơi này chủ yếu là để cho tôi

quan sát và suy nghĩ, nên cô tôi đề nghị tôi hãy lưu lại Luân-đôn vài ngày, nếu tôi thích hoặc trên đường từ nhà đến Xăpphóc, hoặc trên đường về. Tóm lại, tôi được tự do muốn làm gì thì làm trong ba tuần hay một tháng, và quyền tự do của tôi không bị hạn chế bởi một điều kiện gì hết, ngoài điều kiện đã nói ở trên là hãy quan sát và suy nghĩ, và mỗi tuần phải viết cho cô tôi ba lá thư kể lại trung thực những tin tức về tôi.

Trước hết, tôi đến Cantobori để từ giã Acnet và ông Uychcophin (tôi vẫn chưa bỏ căn phòng cũ của tôi ở trong nhà này) cũng như từ biệt bác sĩ Xtrong thân mến. Gặp tôi, Acnet rất mừng rỡ bà bảo tôi rằng từ khi tôi rời nhà ra đi, ngôi nhà không còn như trước. Tôi nói:

“Mình tin chắc rằng khi mình không ở đây, mình sẽ không còn là mình nữa. Thiếu cậu, mình có cảm tưởng như thiếu cánh tay phải. Nói như vậy vẫn chưa đủ bởi vì trong cánh tay phải không có đầu, cũng không có tim. Bất kỳ ai biết cậu, nếu hỏi ý kiến cậu thì cũng đều được cậu chỉ dẫn cả, Acnet ạ”.

“Bất kỳ ai quen biết mình cũng nuông mình, mình có cảm tưởng như vậy” cô mỉm cười trả lời.

“Không phải thế? Đó là bởi vì cậu khác mọi người, cậu tốt bụng và dịu dàng quá. Bản tính cậu rất dễ thương và bao giờ cậu cũng có lý”.

“Cậu nói với mình” Acnet nói, cười khanh khách vui vẻ trong khi vẫn làm việc “tưởng chừng mình như là cô Lackin trước đây”.

“Ồ kìa! Lạm dụng lòng tin của mình như vậy là không tốt đâu đấy” tôi trả lời, mặt đỏ như gấc khi nhớ lại

nàng tiên lam đã làm tôi mê mẩn “Nhưng dẫu sao, mình cũng vẫn sẽ tâm sự với cậu, Acnet ạ. Mình không bao giờ có thể bỏ được cái thói quen ấy khi nào mình bức bối, hay mình mê ai, nếu như cậu cho phép, mình cũng sẽ nói với cậu, dù cho... là yêu đứng đắn.”

“Nhưng xưa nay cậu vẫn yêu đứng đắn đấy chứ !” Acnet nói lại cười khanh khách.

“Ồ khi đó mình hãy còn trẻ con, hãy còn là học sinh...” tôi nói và cười theo, mặc dầu không khỏi lúng túng. “Bây giờ thời gian đã khác rồi, và mình nghĩ rằng nay mai mình sẽ say mê một cách đứng đắn. Mình chỉ ngạc nhiên một điều là tại sao đến bây giờ cậu vẫn chưa yêu đương gì cả”.

Acnet cười và lắc đầu.

“Ồ! Mình biết là cậu chưa yêu” tôi nói “bởi vì nếu yêu thì cậu đã bảo mình biết rồi... hay ít nhất (vì tôi thấy mặt cô đỏ) cậu đã để cho mình thấy điều đó. Nhưng theo mình biết chưa có ai xứng đáng để cậu yêu cả. Acnet ạ, muốn được mình tán thành người ấy phải có tính tình cao thượng và xứng đáng về tất cả mọi mặt, hơn bất kì người nào mà mình đã biết. Trong thời gian chờ đợi, mình sẽ chú ý tất cả những người tôn thờ cậu và mình sẽ yêu cầu rất nhiều ở người chiến thắng ấy, mình cam đoan với cậu như vậy đấy!”

Nãy giờ, chúng tôi vẫn nói chuyện với cái giọng tâm sự, nửa thật nửa đùa, đó là kết quả tự nhiên của mối quan hệ giữa chúng tôi từ khi chúng tôi mới chỉ là trẻ thơ. Nhưng đến lúc này Acnet bỗng ngược mắt nhìn tôi và nói với một giọng khác:

“Trótút à, có một điều mình muốn hỏi cậu và có lẽ trong một thời gian dài mình sẽ không có một thời gian nào khác để hỏi cậu nữa. Mình muốn hỏi cậu một điều mà mình không muốn hỏi ai... Cậu có thấy sự thay đổi dần dần ở ba mình không?”

Tôi đã nhận thấy sự thay đổi ấy và nhiều lần tự hỏi không hiểu cô có nhận thấy điều đó không. Gương mặt tôi lúc ấy chắc biểu hiện điều đó, vì tôi thấy cô nhìn xuống một lúc và đôi mắt rung rung. Cô nói hạ thấp giọng:

“Theo ý cậu thì sự thay đổi đó thế nào?”

“Acnet à, mình nghĩ rằng... mình có nên nói thực không, vì mình yêu quý ba cậu lắm”.

“Cậu cứ nói thực đi” cô nói.

“Mình nghĩ rằng nếu ông cụ cứ làm theo cái tập quán càng ngày càng nặng từ khi lần đầu mình đến đây thì sẽ không tốt cho ông cụ đâu. Ông cụ nhiều khi hay gắt gỏng, hay là mình tưởng tượng như vậy?”

“Không phải tưởng tượng đâu” Acnet nói lắc đầu.

“Tay ông cụ run run, lời nói lúng túng và cặp mắt hoang mang. Mình đã nhận thấy rằng trong những lúc ông cụ lúng túng thì thế nào người ta cũng yêu cầu ông cụ làm một việc gì đấy”.

“Uria yêu cầu” Acnet nói.

“Đúng, và cái cảm tưởng rằng mình không thể giải quyết được điều đó, không thể hiểu điều đó, hay đã để lộ tình cảm của mình, mặc dầu muốn che giấu, dường như làm cho ông cụ khó chịu đến nỗi hôm sau ông lại kém hơn, rồi hôm sau nữa lại kém hơn nữa, và cứ thế, ông cụ trở thành hoang mang ngơ ngác. Acnet à, xin cậu đừng

hoảng hốt về những điều mình nói, mình thấy ông cụ ở trong tình trạng ấy mới buổi chiều trước đây thôi, ông cụ ngồi úp mặt xuống bàn và khóc như một đứa trẻ”.

Cô dịu dàng giơ ngón tay lên môi trong khi tôi đang nói, và lát sau cô đã đón ông cụ ở phòng, bám lấy vai cha. Khi hai người quay về phía tôi, tôi thấy gương mặt cô thật cảm động. Trong khoé mắt xinh đẹp của cô toát ra tình thương triu mến đối với người cha, lòng biết ơn sâu sắc đối với tình thương yêu và sự săn sóc ân cần của cha; khoé mắt ấy như tha thiết van xin tôi đừng có những ý nghĩ quá khắt khe đối với ông cụ, và ngay cả trong ý nghĩ hãy tỏ ra rộng lượng, ân cần - cô tỏ ra tự hào, tận tụy với cha nhưng đồng thời lại có vẻ tội nghiệp, buồn bã và tin cậy đến nỗi không lời nào của cô có thể gây cho tôi một ấn tượng mạnh hơn, hay làm cho tôi cảm động hơn.

Chúng tôi đến uống trà ở nhà bác sĩ. Chúng tôi đến đấy vào giờ thường lệ và thấy bác sĩ, bà vợ trẻ và bà mẹ vợ ngồi quanh lò sưởi trong phòng làm việc. Bác sĩ cho việc tôi ra đi cũng quan trọng như việc tôi phải đi Trung quốc, nên đã tiếp tôi như một vị khách quý, bảo bỏ thêm củi vào lò để ông có thể nhìn thấy gương mặt người học trò cũ đỏ rực lên trong ánh lửa. Bác sĩ hơ tay nói:

“Tôi sẽ không thấy nhiều bộ mặt mới thay thế bộ mặt Trốtút. Bây giờ tôi đâm lười, tôi muốn thoải mái. Sáu tháng nữa, tôi sẽ rời bỏ tất cả những ông bạn trẻ để sống một cuộc đời yên tĩnh hơn”.

“Nhưng ông chả nói như vậy từ mười năm nay là gì?” Uyhcophin nói.

“Nhưng lần này tôi quyết định làm thực”, bác sĩ nói,

“vị giáo sư chính của tôi sẽ thay thế tôi. Lần này tôi nói thực, các ông phải thu xếp giấy giao kèo cho chúng tôi và chúng ta phải bị ràng buộc vào đấy và sẽ đồng cam cộng khổ”.

“Và phải lo sao cho ông khỏi bị lừa nữa chứ, có phải không nào?” ông Uychcophin nói. “Vì trong bất kì giao kèo nào, thế nào thì ông cũng sẽ bị lừa. Được, tôi xin sẵn sàng. Trong cái nghề của tôi còn có những việc tệ hơn nhiều”.

“Lúc ấy tôi sẽ chẳng phải nghĩ đến việc gì” bác sĩ nói, miệng nở một nụ cười “ngoài quyển từ điển và một giấy giao kèo khác là Anni”.

Khi ông Uychcophin liếc nhìn về phía bà Xtrong (lúc ấy đang ngồi ở bàn trà cạnh Acnet) tôi cảm thấy bà tránh cái nhìn của ông Uychcophin với cái vẻ ngẩn ngại, bên lên ít thấy khiến ông Uychcophin nhìn bà dăm dăm đường như thái độ của bà đã gợi cho ông một ý nghĩ gì.

“Tôi thấy có chuyển thư từ ấn Độ về” ông nói, sau khi im lặng một lát.

“Đúng rồi! Có cả thư của Jắc Mandon nữa” bác sĩ nói.

“Thế à?”

“Khổ thân anh Jắc !” - bà Macloham nói, lắc đầu ái ngại - Khí hậu gì mà tệ thế! Người ta bảo là cứ như là sống trên một cồn cát, dưới ngọn lửa. Anh ta nom người khoẻ mạnh, nhưng thực ra thì chẳng khoẻ mạnh đâu. Bác sĩ ạ, anh ta dần thân ra đi liễu lĩnh như vậy là do tinh thần của anh ta chứ không phải tin vào cái tạng người khoẻ mạnh. Anni con ạ, mẹ tin chắc rằng thế nào con cũng phải nhớ

rằng ông anh họ của con không bao giờ khỏe, anh ấy không thuộc vào hạng người có thể gọi là vững chắc, chắc con cũng biết thế” bà Macloham nói, giọng hùng hồn, đưa mắt nhìn tất cả chúng tôi “ngay từ khi con gái tôi và anh ta còn là trẻ con, khoác tay nhau đi dạo chơi suốt ngày.”

Anni nghe mẹ hỏi, không trả lời. Ông Uychcophin hỏi:

“Như bà nói, có phải là ông Mandon ốm không ạ?”

“Ốm à?” vị cựu chiến binh nói, “Thưa ông, anh ta mắc đủ mọi thứ”.

“Từ việc khỏe mạnh, có phải không ạ?” ông Uychcophin hỏi.

“Anh ta ấy à?” bà Macloham đáp, vừa lắc đầu vừa phe phẩy cái quạt “Thưa ông, ông hỏi như vậy là chưa hiểu gì về tính khí của Jắc Mandon cả! Anh ta ấy à? Anh ta không nói đâu. Ông có thể buộc tay chân anh ta vào chân bốn con ngựa hung dữ rồi phi ngựa chạy, nhưng anh ta cũng không hé môi”.

“Mẹ ơi!” Bà Xtrong nói.

“Anni con ạ” bà mẹ đáp “lần này là lần cuối cùng mẹ xin con đừng có nói xen vào lời mẹ, trừ phi là để khẳng định điều mẹ đã nói. Con cũng thừa biết như mẹ rằng, anh họ con là Mandon sẵn lòng để cho bất kỳ bao nhiêu con ngựa hung dữ kéo mình đi (tại sao tôi lại hạn chế vào con số bốn?), tôi có thể nói bốn, tám, mười sáu, ba mươi hai con ngựa bất kham và hung dữ, nhưng vẫn còn hơn là nói một điều gì có thể làm đảo lộn những kế hoạch của bác sĩ”.

“Những kế hoạch của ông Uychcophin” bác sĩ nói,

giở tay xoa mặt và nhìn chăm chú người cố vấn của mình như một kẻ thú tội. “Điều đó có nghĩa là những kế hoạch chung của chúng tôi về anh ấy. Tôi đã nói: ở nước ngoài hay ở nhà”.

“Còn tôi thì tôi nói” ông Uychcophin nói xen vào, giọng trịnh trọng “ở nước ngoài. Chính vì tôi mà anh ấy đi ra nước ngoài đấy. Tôi chịu trách nhiệm về việc đó”.

“Thôi đi! Trách với nhiệm!” vị cựu chiến binh nói. “Mọi việc đều thu xếp đâu đấy cả rồi, thưa ông Uychcophin. Mọi việc đều được làm thân mật và chu đáo nhất, chúng tôi biết lắm mà. Nhưng nếu anh chàng tội nghiệp kia không thể sống ở đấy thì mặc xác hắn. Hắn không sống được ở đấy thì hắn cứ chết ở đây còn hơn là làm đảo lộn những kế hoạch của bác sĩ. Tôi biết anh ta lắm” vị cựu chiến binh vừa nói vừa quạt với cái vế đau khổ điềm nhiên và biết trước sự tất yếu “và tôi biết rằng anh ta sẽ chết ở đấy còn hơn là làm đảo lộn những kế hoạch của bác sĩ”.

“Được rồi, được lắm” bác sĩ nói, vui vẻ “tôi không phải khăng khăng bám lấy kế hoạch của mình, tôi có thể đảo lộn kế hoạch. Tôi có thể thay thế vào đấy những kế hoạch khác. Nếu anh Jack Mandon về nhà vì thiếu sức khỏe thì chúng ta sẽ không để cho anh ta đi nữa và chúng ta sẽ phải cố gắng tìm cho anh ấy một địa vị thích hợp hơn và sung sướng ở trong nước”.

Bà Macloham nghe lời nói cao thượng này thì cảm động đến nỗi (tôi không cần phải nói rằng bác sĩ đã làm cho bà ngạc nhiên và bà cũng không làm điều gì để khiến cho bác sĩ phải nói như vậy) bà chỉ còn có thể nói với bác

sĩ rằng bác sĩ như thế mới thật là tốt, đoạn bà tiếp tục hôn các nan quạt mấy lần, và lấy quạt gõ gõ vào ngón tay. Sau đó, bà mắng yêu cô con gái vì đã không tỏ rõ lòng biết ơn khi bác sĩ đã đối xử tử tế như vậy với người bạn thân cũ chỉ cốt làm vừa lòng vợ mình. Rồi bà kể cho chúng tôi nghe một vài chi tiết về những người rất đung đắn khác ở trong gia đình bà, mà theo ý bà, cũng nên thu xếp cho họ có công ăn việc làm xứng đáng.

Suốt thời gian ấy, cô con gái của bà là Anni vẫn không hé miệng nói một lời, hay ngược mắt lên một lần nào. Trong khi ấy, ông Uychcophin vẫn cứ đắm đắm nhìn bà Macloham khi bà ngồi bên cạnh con gái. Tôi có cảm tưởng bác sĩ không bao giờ cho rằng người ta chú ý đến mình, và tất cả tâm trí ông là để vào Anni, vào những ý nghĩ của mình về vợ đến nỗi hình như ông quên hết mọi việc. Bác sĩ hỏi rằng ông Jắc Mandon thực tế đã viết những gì về mình và viết cho ai.

“Đây này” bà Macloham nói, giọng vui vẻ, tay cầm một bức thư ở giá lò sưởi trên đầu bác sĩ “anh chàng tội nghiệp kia nói với chính bác sĩ đấy... ở chỗ nào nhỉ? à, đây rồi: “Tôi rất buồn báo tin để anh biết rằng sức khỏe của tôi đã sút đi rất nhiều, và tôi sợ sẽ bắt buộc phải trở về Anh một ít lâu, vì có thể mới có hy vọng chữa được bệnh”. Thế là rõ rồi đấy nhé! Tội nghiệp anh ta! Mới có hy vọng chữa khỏi bệnh! Nhưng mà bức thư của anh ta gửi cho Anni lại còn rõ ràng hơn.

Anni, con đưa cho mẹ xem bức thư ấy một lần nữa nào”.

“Bây giờ hãy khoan đã mẹ ạ” bà Xtrong nói, hạ thấp

giọng.

“Con ạ, về một số điểm, con thật là con người lố bịch nhất trên đời” bà mẹ đáp “và có lẽ là con người vô tình nhất đối với những đòi hỏi của gia đình mình. Mẹ nghĩ rằng chúng ta sẽ không bao giờ biết gì về bức thư ấy, nếu chính mẹ không hỏi con. Con bảo thế là tin cậy bác sĩ Xtrong à? Mẹ thật ngạc nhiên quá. Lẽ ra con phải biết điều hơn”.

Bức thư được đưa ra một cách miễn cưỡng, và khi tôi chuyển bức thư cho bà Macloham, tôi thấy bàn tay của bà Xtrong run run, tỏ ra rất ngại ngùng. Bà Macloham vừa nói, vừa đeo kính vào mắt:

“Để xem cái đoạn này ở đâu... “kỷ niệm về những ngày xưa, em Anni thân mến và vân vân”... không phải ở chỗ này. “Ông bác sĩ già đáng yêu” - ông này là ai nhỉ? Trời ơi! Anni, ông anh họ Mandon của con viết thư khó đọc quá chừng, mà mẹ cũng rõ thực là ngốc. Đó là bác sĩ! Nhất định thế rồi. À, đúng là đáng yêu”. Đến đây, bà ta dừng lại để hôn cái quạt một lần nữa, nhằm bác sĩ mà xía xói khi ông đang nhìn chúng tôi với một vẻ điềm nhiên và thỏa mãn. “Bây giờ tôi tìm ra cái đoạn ấy rồi: “có lẽ em sẽ không ngạc nhiên Anni ạ, khi biết tin rằng...”, ồ, cố nhiên là không, bởi vì Anni biết anh ta chẳng bao giờ thực khỏe mạnh. À, mà tôi vừa nói gì thế nhỉ “... rằng ở đây, ở cái nơi xa xôi này, anh đã phải chịu đựng nhiều như thế nào, nên anh quyết định rời bỏ nó, trong bất cứ điều kiện nào. Anh sẽ xin phép nghỉ, cáo ốm nếu có thể, sẽ xin thôi hẳn nếu không xin được phép nghỉ. Điều anh đã chịu đựng và đang chịu đựng ở đây thực là không sao chịu nổi nữa”. Và nếu

không có sự von vã của con người tốt nhất trên đời” bà Macloham nói ve vẩy cái quạt về phía bác sĩ hồi nãy, như người ta đánh điện tín và gấp bức thư lại “tôi cũng không thể nào chịu nổi khi nghĩ đến những điều ấy”.

Ông Uychcophin không nói một lời, mặc dầu bà Macloham cứ nhìn chăm chăm vào mặt ông dường như muốn yêu cầu ông bình luận về những tin này; nhưng ông vẫn ngồi câm như hến, đôi mắt dán xuống đất. Một hồi lâu, sau khi chúng tôi thôi không nói đến chuyện này và bàn sang chuyện khác, ông vẫn ngồi như thế, rất ít khi ngược mắt lên, chỉ trừ khi để nhìn bác sĩ hay bà Xtrong hay nhìn cả hai người một lát và cau mày tư lự.

Bác sĩ rất thích âm nhạc. Acnet hát rất dịu dàng, tình cảm và bà Xtrong cũng vậy. Hai người cùng hát, cùng chơi dương cầm, và chúng tôi có một buổi hòa nhạc nhỏ. Nhưng tôi nhận thấy hai điều: trước hết, mặc dầu Anni đã điềm tĩnh lại và tỏ ra hoàn toàn tự nhiên như cũ, nhưng giữa bà và ông Uychcophin vẫn có một cái hố sâu ngăn cách hẳn hai người; thứ hai là ông Uychcophin xem ra có vẻ không thích thái độ thân mật giữa bà với Acnet, và nhìn điều đó một cách lúng túng. Còn về phần tôi, tôi xin thú thực rằng kỷ niệm tôi đã thấy hôm ông Mandon ra đi lại trở lại với một ý nghĩa nó chưa bao giờ có, và làm cho tôi băn khoăn.

Vẻ đẹp ngây thơ trên gương mặt Anni đối với tôi không còn ngây thơ như trước. Tôi hoài nghi về duyên dáng tự nhiên và cử chỉ lịch sự của bà, và khi tôi thấy Acnet ngồi bên cạnh bà, nghĩ đến tấm lòng quý hóa và chân thành của Acnet thì tôi bắt đầu ngờ vực, cho rằng đó

là một tình bạn không tương xứng.

Tuy vậy, tình bạn ấy đã làm cho bà rất sung sướng và Acnet cũng vậy, họ đã khiến cho buổi tối hôm ấy trôi qua nhanh chóng dường như nó chỉ là một giờ. Buổi tối hôm ấy đã kết thúc bằng một câu chuyện mà tôi nhớ rất rõ: Hai người đang từ giã nhau và Acnet đang sắp sửa ôm hôn bà Ani thì ông Uychcophin bước xen vào giữa hai người hình như là một sự ngẫu nhiên và kéo Acnet ra về một cách vội vàng. Tôi lại cảm thấy, dường như tất cả thời gian gần cách bấy lâu nay đã bị xóa nhòa, và tôi vẫn còn đứng yên ở ngưỡng cửa trong cái buổi ra đi đáng ghi nhớ ấy, và khi bà Xtrong đối diện với ông Uychcophin, tôi lại thấy hiện lên ở bà cái vẻ mặt buổi chiều hôm đó.

Tôi không thể nói rằng hình ảnh ấy đã gây cho tôi một ấn tượng như thế nào; sau này mỗi khi nhớ lại gương mặt của bà Xtrong với vẻ đẹp ngây thơ của nó, tôi không thể nào quên được ấn tượng ấy. Trở về nhà, ấn tượng ấy vẫn cứ ám ảnh tôi như một đám mây đen ảm đạm bao phủ ngôi nhà của bác sĩ. Lòng tôn kính của tôi đối với mái tóc hoa râm của ông đã xen lẫn lòng thương hại về sự cả tin của ông đối với những kẻ lừa dối mình và lòng căm ghét những kẻ làm ông thiệt thòi. Một nỗi đau buồn to lớn, và một bất hạnh nặng nề tuy chưa có gì rõ rệt đã bao phủ nơi tôi học hành và chơi đùa trong thời thơ ấu như một vết nhơ và làm cho nó bị tổn thất đau đớn. Tôi không còn cảm thấy thú vị gì khi nghĩ đến những cây trầm hương già, lá to, có vẻ khắc khổ đứng lẫm lẫm suốt một trăm năm, đến thảm cỏ phẳng lì, đến những chiếc vại bằng đá, đến cảnh bác sĩ đi dạo và tiếng các chuông nhà thờ bao trùm lên tất cả. Tôi có

cảm tưởng rằng cái thánh đường tôn nghiêm, yên tĩnh trong thời thơ ấu của mình đã bị cướp phá trước mắt tôi, và cảnh yên tĩnh cũng như vinh dự của nó đã bị vứt bỏ, tung bay theo gió bốn phương.

Sáng hôm sau tôi đã rời khỏi ngôi nhà cổ kính tràn ngập ảnh hưởng của Acnet, và việc này cũng đủ làm cho tôi bận tâm suy nghĩ. Cố nhiên chỉ vài hôm nữa tôi lại trở về đây, tôi lại có thể ngủ (có lẽ ngủ nhiều lần) trong gian phòng cũ của tôi, nhưng thời gian tôi sống trong ngôi nhà này đã qua, và những ngày qua giờ không còn nữa. Lòng tôi nặng trĩu khi gói ghém sách vở và quần áo còn lại để gửi đi Đôvơ, nhưng tôi không để lộ tình cảm của mình cho Uria biết. Uria tỏ vẻ sẵn sàng giúp đỡ tôi, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng hẳn thấy tôi ra đi thì mừng lắm, và ý nghĩ này thực là bất nhẫn.

Tôi lúng ta lúng túng từ biệt Acnet và ông cụ thân sinh, rồi làm ra vẻ điềm nhiên như người lớn, tôi lên ngôi cạnh anh xà ích trên chiếc xe ngựa đi Luân đôn. Tôi cảm thấy tâm hồn thư thái và sẵn lòng tha thứ mọi chuyện đến nỗi, khi đi qua phố, tôi suýt có ý định chào anh hàng thịt, kẻ thù của tôi trước đây, và vút cho anh năm si-linh để anh ta uống rượu. Nhưng anh vẫn có vẻ rất ngổ ngáo trong khi đang đứng cạo cái thớt to tướng ở trong cửa hàng. Đã thế, mặt mày anh ta lại càng xấu xí hơn vì mất một cái răng cửa (do tôi đánh gãy) nên tôi nghĩ rằng tốt hơn cả là mình đừng chào hỏi trước.

Tôi còn nhớ, khi ra khỏi thành phố, điều tôi chú ý nhất là làm sao cho anh xà ích thấy tôi càng già dặn càng tốt nên tôi đã ăn nói hết sức cầu nhàu. Tôi thực đã khổ

thân nhọc xác mới đạt được mục đích này: nhưng tôi vẫn kiên quyết làm như vậy vì tôi nghĩ rằng có làm thế mới ra vẻ người lớn. Anh xà ích hỏi:

“Ông đi suốt chứ?”

“Ừ, anh Uylym ạ” tôi nói, giọng bẻ trên - (tôi vốn quen anh xà ích) “Tôi đi Luân-đôn, sau đó tôi sẽ đến tận Xăpphóc”.

“Thưa ông có phải đi săn không ạ?” anh xà ích hỏi.

Anh ta cũng hiểu như tôi rằng vào thời gian này trong năm rất có thể là tôi đến đấy săn cá voi nhưng điều này làm cho tôi cao hứng. Tôi nói, làm ra vẻ lưỡng lự:

“Tôi không biết có sờ đến súng hay không nữa”.

“Nghe đâu chim chóc ít lắm” Uylyam nói.

“Hình như thế,” tôi nói.

“Ông có phải người quận Xăpphóc không? Uylyam hỏi.

“Phải” tôi nói, ra vẻ quan trọng “tôi là người quận Xăpphóc”.

“Nghe nói món bánh ngọt nhân táo ở đấy ngon tuyệt” Uylyam nói.

Thực ra tôi chẳng biết chút gì về khoản đó nhưng tôi cảm thấy cần phải bênh vực danh tiếng của quận tôi và tỏ ra mình là thổ công ở đấy tôi bèn gật đầu dường như để bảo: “còn phải nói”!

“Lại còn ngựa ở đấy nữa” Uylyam nói - Thực là không chê được. Ngựa ở Xăpphóc khi nó là giống ngựa tốt thì quý như vàng. Thưa ông ông có bao giờ nuôi ngựa Xăpphóc không ạ?”

“Không” tôi nói “tôi chưa nuôi”.

“Cái ông ngồi sau tôi” Uyliam nói “tôi dám chắc đã nuôi hàng lô ngựa như vậy.”

Con người mà anh ta nói đến là một anh chàng có cái cằm nhô ra ngoài, có một con mắt lác có vẻ bất lương, đầu đội chiếc mũ trắng vành nhỏ rất hẹp mặc cái quần nâu chật đến nỗi người ta tưởng là cúc dọc theo bắp vế từ giấy lên đến háng. Cằm của anh ta nhô qua vai anh xà ích, gần tôi đến mức hơi thở cù vào gáy tôi, và khi tôi quay lại nhìn thì anh ta liếc nhìn những con ngựa với con mắt không lác, ra dáng tinh ranh vô kể. Uyliam hỏi :

“Đúng không nào ?”

“Đúng cái gì ?” người ngồi sau hỏi lại.

“Có phải ông nuôi hàng lô ngựa Xăpphóc không ?”

“Chuyện!” người kia đáp “Chẳng có giống ngựa nào mà tôi không nuôi, cũng như mọi giống chó. Đối với một số người thì chó và ngựa là trò tiêu khiển. Nhưng đối với tôi đó là cơm gạo... nhà ở, vợ con... Việc đọc sách, viết lách, số học, thuốc lá để hút và để hít, và cả việc ngủ nghe nữa cũng đều ăn nhờ ở đấy cả.”

“Con người như vậy thì không thể để ngồi sau anh xà ích được, ông nhỉ !” Uyliam nói thâm vào tai tôi trong khi vẫn cầm cương ngựa.

Tôi cho rằng nhận xét ấy có nghĩa là anh xà ích muốn người kia ngồi vào chỗ của tôi, cho nên tôi nhường chỗ cho anh ta, mặt đỏ bừng. Uyliam nói:

“Nếu như ông thấy không có gì trở ngại thì tôi cho rằng thế này sẽ tiện hơn.”

Xưa nay tôi vẫn cho việc này là thất bại đầu tiên trong đời. Khi mua vé ở trạm xe ngựa, tôi đã bảo viết bên

canh tên tôi “chỗ ngồi của anh xà ích” và tôi đã đưa cho người giữ sổ một nửa cơ-rao. Tôi đã mặc một cái áo khoác rộng, quàng một chiếc khăn san lớn chính là để xứng đáng với cái đặc biệt ấy; tôi đã lấy làm hãnh diện về chỗ ấy và cảm thấy rằng mình làm cho cái xe ngựa cũng được thơm lây. Ấy thế mà mới đi chẳng đường đầu tiên, tôi đã bị thay thế bởi một người ăn mặc bệ rạc, có một con mắt lác, chẳng có tài năng gì ngoài chỗ anh ta hơi như tổ cú, và có thể bước qua trước mặt tôi (như là một con ruồi hơn là một con người) trong khi ngựa vẫn chạy nước kiệu.

Thái độ thiếu tự tin vẫn thường làm cho tôi lúng túng trong nhiều trường hợp nhỏ trong đời, trong khi nhẽ ra tôi vẫn có thể cứ phớt tỉnh; nhưng tình trạng đầu đã chấm dứt ở câu chuyện nhỏ này trên chiếc xe ngựa đi từ Cantobori. Tôi tìm cách che dấu nó bằng lối nói càu nhàu, nhưng vẫn không ăn thua. Trong suốt cuộc hành trình, tôi cố gắng nói một giọng khàn khàn và cảm thấy mình đã hoàn toàn kiệt sức nhưng vẫn còn trẻ khủng khiếp !

Tuy vậy ngồi sau bốn con ngựa trong khi mình là người có học thức, ăn mặc chỉnh tề, trong túi lăm tiền và nhìn lại những nơi trước đây mình đã ngủ lại trong cuộc du lịch vất vả cũng vẫn là một việc ngộ nghĩnh và thú vị. Tôi có nhiều kỉ niệm đáng nhớ ở từng địa điểm trên đường đi. Mỗi khi cúi xuống nhìn một người đi lang thang mà chiếc xe vượt qua và thấy một khuôn mặt quen thuộc hiện ra, tôi cảm thấy bàn tay đen xạm của người thợ hàn lại túm lấy ngực áo sơ-mi của tôi. Khi xe chúng tôi chạy lạch cạch qua con đường Satham chật hẹp, tôi liếc nhìn con đường nhỏ ở đây có cửa hàng của con quỷ sứ già trước đây đã

mua cái áo chèn của tôi, và thò cổ ra cố tìm nơi trước đây tôi đã ngồi dưới ánh mặt trời, rồi ngồi dưới bóng mát để chờ lấy tiền. Cuối cùng khi chúng tôi đến cách Luân- Đôn một trạm xe nữa và đi qua Xa-lem học hiệu, ở đây ông Crichcon đã thắng cánh quạt học sinh, tôi sẵn sàng dốc tất cả tiền trong túi ra để được phép xuống nên cho ông ta một trận và giải phóng tất cả các học sinh bị giam giữ ở đây như những con chim sẽ bị nhốt trong lồng.

Chúng tôi đến khách sạn “Chữ thập vàng” ở Sarinh Crôt. Lúc bấy giờ khách sạn này là một ngôi nhà cũ kĩ trong một khu phố chật hẹp. Một người hầu bàn đưa tôi đến phòng ăn và một chị hầu phòng đưa tôi vào cái phòng ngủ nhỏ xíu, sặc mùi xe ngựa và kín mít như cái hầm rượu. Tôi vẫn đau xót cảm thấy vì mình trẻ quá nên chẳng ai sợ hãi gì mình hết : chị hầu phóng phốt tỉnh trước những nhận xét của tôi về bất cứ điều gì, còn anh hầu bàn thì lại còn tỏ ra suồng sã với tôi và lên giọng khuyên bảo tôi vì thấy tôi không có kinh nghiệm. Anh ta nói giọng tâm sự :

“Thế nào ông dùng món gì ? Thường thường các vị khách trẻ thích gà, vịt ; ông dùng một con gà nhé !”

Tôi bảo anh ta, giọng hết sức chững chạc, rằng tôi không thích ăn gà. Anh hầu bàn nói :

“Thế à? Các vị khách trẻ thường chán thịt bò và thịt cừu, ông ăn sườn bê nhé?”

Tôi gật đầu nhận đề nghị này vì không biết nói gì khác. Anh hầu bàn nói, mỉm cười vẻ mời mọc, đầu nghiêng về một bên:

“Ông có xoi khoai tây không ? Thường thường các vị khách trẻ ngấy khoai tây lắm.”

Tôi dùng một cái giọng nghiêm nghị nhất bảo anh ta dọn một đĩa sườn bê với khoai tây và tất cả những thứ cần thiết; và sai anh ta hỏi ở quầy hàng xem có lá thư nào gửi cho ông Trốtút Copophin không, mặc dầu tôi biết là không có và không thể có, nhưng tôi biết rằng phải làm ra vẻ có thư thì mới là người lớn.

Lát sau anh ta quay lại bảo không có thư (Điều đó làm tôi rất ngạc nhiên) và bắt đầu trải khăn bàn cho tôi ăn ở một chỗ cạnh lò sưởi. Trong khi làm như vậy, anh ta hỏi tôi dùng thứ rượu gì. nghe tôi nói “một cốc rượu anh đào”, tôi có cảm tưởng anh cho rằng đây là một dịp hiếm có để trút những chỗ rượu thừa còn lại ở nhiều cốc nhỏ khác thành một cốc. Tôi nghĩ như vậy, bởi vì khi tôi đang đọc báo thì thấy anh ta đang đứng sau một cái vách thấp bằng gỗ (đó là cái phòng riêng của anh ta) loay hoay rót từ một số bình vào trong một cái cốc như một nhà hoá học hay một nhà bào chế đang pha chế theo một cái đơn gì đấy. Không những thế khi đưa cốc rượu lên, tôi thấy nó nhạt thếch và rõ ràng có nhiều vụn bánh mì Anh hơn là người ta có thể thấy trong bất kì một cốc rượu ngoại quốc thuần túy nào; nhưng vì quá nhút nhát nên tôi cứ uống mà không nói gì.

Tâm hồn sáng khoái (do việc này tôi kết luận rằng đôi khi trò uống thuốc độc, trong vài giai đoạn tiến triển của nó, không phải bao giờ cũng khó chịu), tôi quyết định đi xem kịch. Tôi chọn rạp hát Coven Gacdân, và ở đấy ngồi trong một ghế lò đối diện với sân khấu, tôi xem vở Juliut Xêđá⁽¹⁾ và vở kịch cảm mới nhất. Nhìn tất cả những

⁽¹⁾ Vở kịch của Sêchpia.

con người La mã cao thượng kia sống trước mặt, đi ra đi vào để giải trí cho mình, chứ không phải là những đề bài học búa như ở nhà trường, tôi cảm thấy một cảm giác mới mẻ thích thú. Nhưng sự lẫn lộn giữa cái thực và cái huyền bí của tất cả vở kịch, ảnh hưởng của thơ ca, âm nhạc, ánh sáng, khán giả, những trang trí rực rỡ và lộng lẫy thay thế nhau nhanh chóng khủng khiếp đã làm cho tôi quáng mắt đến nỗi, chúng mở ra trước mắt tôi những niềm vui sướng mênh mông, và khi bước ra ngoài đường mưa gió vào lúc mười hai giờ đêm, tôi có cảm tưởng như mình vừa trên mây - ở đây tôi đã sống hàng thế kỉ một cuộc đời lãng mạn - Bước xuống cuộc đời bùn lầy khốn khổ, mà ở đây, dưới ánh đuốc, người ta cãi cọ nhau, nện giầy lộp cộp, lấy ô huých nhau để tìm lối đi trong khi xe chạy rầm rập.

Tôi đi ra theo một cửa khác và đứng ngoài đường yên lặng một lát, dường như mình quả thực là một người xa lạ ở trên trái đất này. Nhưng cái trò chen chúc và xô đẩy không lịch sự chút nào mà tôi gặp phải chẳng bao lâu đã kéo tôi về thực tế và đưa tôi tới con đường trở về khách sạn. Tôi bèn về khách sạn, và khi đến nhà, sau khi ăn sò huyết và uống rượu poóc-tô, tôi vẫn còn ngồi suy nghĩ mãi đến hơn một giờ đêm, đôi mắt đăm đăm nhìn ngọn lửa trong phòng ăn.

Lòng tôi đang tràn ngập những hình ảnh về vở kịch và quá khứ của mình (vì vở kịch này giống như một tấm kính trong suốt và sáng ngời, qua đó tôi thấy cuộc đời của tôi ngày trước đã diễn ra), tôi không hiểu bóng dáng một chàng thanh niên lịch sự, xinh xắn, ăn mặc không diêm dúa nhưng rất hợp thời trang mà tôi có những lí do để nhớ

lại, đã xuất hiện lúc nào trước mắt tôi. Nhưng tôi nhớ, tôi cảm thấy con người ấy ở bên cạnh tôi, tuy không biết anh ta bước vào lúc nào, trong khi tôi vẫn ngồi trầm ngâm trước ngọn lửa trong phòng ăn.

Cuối cùng, tôi đứng dậy đi ngủ, điều đó làm cho anh hầu phòng ngái ngủ thực mất ruột vì nãy giờ ở trong căn phòng nhỏ của mình, anh thấy cặp giò làm cho mình bức bối nên đang vắn nó, đánh nó, bắt nó phải chịu mọi thứ hình phạt. Khi đến cửa, tôi đi qua trước mặt con người vừa bước vào và thấy cậu ta rõ ràng. Tôi liền quay lại và nhìn lần thứ hai. Cậu ta không nhận ra tôi, nhưng tôi nhận ra ngay tức khắc.

Nếu vào một lúc khác, có lẽ tôi không dám, hay không quyết định nói chuyện ngay với cậu và sẽ hoãn chuyện trò đến hôm sau, và như thế có thể sẽ không gặp cậu ta nữa. Nhưng lúc bấy giờ trong khi tâm hồn tôi còn say sưa về vở kịch, tôi nhất định phải biểu lộ lòng biết ơn về sự che chở ngày xưa. Tình yêu hồn nhiên và tươi mát ngày xưa bỗng tràn ngập tim tôi, tim tôi đập thành thịch và tôi đến gần cậu ta, nói :

“Xtiécphoóc! Anh có muốn nói chuyện với tôi không?”

Cậu nhìn tôi (hệt như xưa kia đôi lúc cậu ta vẫn thường nhìn), nhưng nhìn về mặt của cậu tôi biết là cậu chưa nhận ra tôi. Tôi nói :

“Mình sợ cậu không nhận ra mình”

“Trời ơi !” Cậu đột nhiên thốt lên “Copophin”

Tôi giờ tay siết chặt tay cậu và không thể buông ra. Nếu tôi không sợ xấu hổ và sợ có thể làm cậu phật ý thì tôi

đã ôm lấy cổ cậu mà khóc.

“Mình chưa bao giờ, chưa bao giờ sung sướng như thế này, Xtiécphoóc ạ ! Gặp lại cậu mình mừng quá !”

“Còn mình, được gặp cậu, mình cũng mừng lắm” cậu nói, niềm nở bắt tay tôi “nào cậu Copophin, ông bạn phải tự chủ chứ !”

Tuy vậy, tôi có cảm tưởng rằng cậu sung sướng thấy tôi cảm động và vui mừng như vậy khi gặp cậu.

Tôi lau nước mắt mặc dầu tôi hết sức cố gắng tự chủ mình nhưng vẫn không cầm được nước mắt và cười lúng túng, đoạn tôi ngồi cạnh nhau.

“Thế tại sao cậu lại ở đây?” Xtiécphoóc nói vỗ nhẹ vào vai tôi.

“Hôm nay mình đi xe ngựa Cantobori đến đây. Mình được một bà cô ở miền này nuôi và vừa tốt nghiệp xong. Còn cậu, tại sao cậu lại ở đây?”

“Thế này nhé, tớ là một anh chàng sinh viên Ocxphot như người ta vẫn gọi”, cậu đáp, “nghĩa là mình cứ đến Ocxphot đều đặn để chết buồn ở đấy và lúc này mình trở về nhà mẹ mình. Cậu xinh trai quá Copophin ạ. Cậu vẫn hệt như trước. Bây giờ nhìn lại cậu, mình thấy cậu chẳng thay đổi gì hết”.

“Còn mình thì nhận ra cậu ngay lập tức”, tôi nói, “Quên cậu có phải dễ đâu!”.

Cậu giơ tay vuốt mớ tóc quăn và nói vui vẻ:

“Phải đấy, mình đang đi làm nhiệm vụ đây. Mẹ mình sống cách Luân-đôn một ít. Vì đường xá như khi, và ở nhà thì cũng hơi chán cho nên tối nay mình ở đây chứ không đi luôn về nhà. Mình mới ở Luân-đôn cách đây năm sáu tiếng

đồng hồ thôi, thế mà mình đã buồn ngủ và nói lảm nhảm về kịch”.

“Mình cũng vừa xem kịch về”, tôi nói, “ở Coven Gacdan, kịch thú vị và tuyệt quá, Stiécphoóc ạ”.

Xtiécphoóc cười ròn rã:

“Cậu bé Đêvi ơi!” cậu nói và vỗ vai tôi “Cậu quả là một bông hoa tường vi”⁽¹⁾, bông hoa tường vi ở ngoài vườn lúc mặt trời lên cũng không tươi hơn cậu đâu. Mình cũng vừa ở Coven Gacdan về và chưa bao giờ thấy kịch cọt dờ hơn. Này, anh kia!”

Câu này là nói với anh hầu phòng đứng ở xa đang rất chú ý đến việc chúng tôi nhận được nhau. Anh hầu phòng bước đến có vẻ kính cẩn:

“Anh để ông bạn của tôi, ông Copophin ở đâu?”

“Xin lỗi ông, ông bảo gì ạ?”

“Ông ấy ngủ ở đâu? Số phòng ông ta bao nhiêu? Anh hiểu tôi muốn nói gì chứ?” Xtiécphoóc hỏi.

“Dạ” anh hầu phòng nói, vẻ như xin lỗi “ông Copophin hiện ở phòng bốn mươi tư ạ”.

“Anh hầu phòng nói, vẻ như xin lỗi “ông Copophin hiện ở phòng bốn mươi tư ạ”.

“Anh định làm cái trò khỉ gì thế? Xtiécphoóc nói “khi anh để ông Copophin ở trong cái bọc trên chuồng ngựa à?”

“Dạ thưa ông, chúng tôi không biết ạ” người hầu phòng trả lời vẫn với giọng xin lỗi. “Chúng tôi không biết ông Copophin đặc biệt khó tính. Nếu như ông

⁽¹⁾ Chơi chữ, hoa daisy (đọc: đây-di) nghe cũng na ná như đê-vi.

thích, chúng tôi có thể để ông ấy ở phòng bảy mươi hai, như thế sẽ ở cạnh ông”.

“Cố nhiên tôi thấy thế là hơn” Xtiécphoóc nói. “Anh dọn ngay đi”.

Anh hầu phòng lập tức rút lui để thay phòng. Xtiécphoóc rất khoái về việc tôi bị đưa vào ở phòng bốn mươi tư, nên lại cười rộ, vỗ vai tôi, mời tôi ăn điểm tâm với cậu sáng hôm sau lúc mười giờ. Đó là một việc làm tôi thấy rất sung sướng và tự hào. Vì lúc ấy đã khuya, chúng tôi cầm nến và bước lên cầu thang. Lên đến đây chúng tôi bắt tay nhau niềm nở ở cửa phòng của Xtiécphoóc, và tôi nhận thấy rằng căn phòng mới của tôi khá hơn nhiều so với căn phòng vũ vì nó không bị đóng kín và có một cái giường thênh thang to như một cái áp. Trong giường có đủ gối cho sáu người nằm. Chẳng bao lâu, tôi ngủ thiếp đi sung sướng và nằm mơ thấy thành La-mã cổ đại, thấy Xtiécphoóc và tình bằng hữu, cho đến khi những chiếc xe ngựa đầu tiên buổi sáng chạy rầm rập trong cái vòm dưới chân, làm cho tôi nằm mơ thấy sấm sét và thần linh.

Chương XX

Ở NHÀ XITẾCPHOỐC

Tám giờ sáng, khi chị hầu phòng gõ cửa và báo với tôi rằng nước cạo râu đã đặt ở ngoài hành lang, tôi cảm thấy rất khổ tâm vì không biết dùng nó làm gì và tôi nằm trên giường, mặt đỏ bừng. Ngoài ra, tôi còn ngờ rằng, khi nói câu ấy, chị ta cười, và ý nghĩ này cứ dằn vặt tôi suốt thời gian tôi mặc quần áo, và tôi nhận thấy nó làm cho tôi có cái vẻ lén lút và phạm tội khi tôi đi qua trước mặt chị để xuống điểm tâm. Tôi cảm thấy khó chịu rằng mình trẻ hơn mình tưởng đến nỗi trong một thời gian tôi không sao dám đi trước mặt chị trong hoàn cảnh nhục nhã như thế, và khi tôi nghe tiếng chổi chị quét thì tôi đứng im trước cửa sổ, lén lút nhìn bức tranh vua Sác-lơ ngồi trên mình ngựa chung quanh là cả một đám xe ngựa cho thuê (dưới làn mưa bụi và trong đám sương mù nâu sẫm, ông ta chẳng có vẻ gì là vua cả), cho đến khi anh hầu bàn đến báo rằng ông khách đang đợi tôi.

Lần này tôi thấy Xtiếcphoốc không ngồi đợi tôi trong phòng ăn mà trong một căn phòng nhỏ riêng ẩm

cúng, treo những bức màn đỏ và lót thảm Thổ Nhĩ Kỳ. ở đây lửa đốt sáng rực. Một bữa điểm tâm nóng hổi và ngon lành đã được dọn trên cái bàn phủ khăn sạch sẽ, và cái hình ảnh xinh xinh thu nhỏ lại của căn phòng, của ngọn lửa, của bữa điểm tâm, của Xtiécphoóc và của tất cả mọi vật đang lấp lánh trong một chiếc gương tròn treo trên cái tủ để bát đĩa. Lúc đầu, tôi cũng hơi lún túng vì Xtiécphoóc ra vẻ đường hoàng lắm, lại lịch sự và hơn tôi về mọi mặt (kể cả về tuổi tác), nhưng thái độ hòa nhã và che chở của cậu chỉ trong chốc lát đã làm tôi quên hết và cảm thấy mình hoàn toàn thoải mái như ở nhà. Tôi cứ thần phục mãi sự thay đổi mà cậu đã đưa đến khách sạn “Chữ thập vàng”, và cứ so sánh tâm trạng buồn bã bơ vơ của tôi hôm qua với cái cảnh ấm cúng vui vẻ sáng nay. Còn thái độ sống sã của anh hầu hàn thì đã biến mất từ lúc nào. Anh ta phục vụ chúng tôi có thể nói cứ len lét, nơm nớp.

Khi chúng tôi ngồi một mình với nhau, Xtiécphoóc nói:

“Nào, Copophin, mình muốn nghe cậu kể xem bây giờ cậu đi đâu và nghe tất cả mọi chuyện về cậu. Mình có cảm tưởng rằng cậu đã thuộc về mình rồi”.

Tôi dò bưng mặt sung sướng nhận thấy cậu vẫn chú ý đến tôi như thế. Và tôi kể cho cậu nghe về việc cô tôi đã đề nghị tôi đi chơi một chuyến như thế nào và mục đích của chuyến đi chơi. Xtiécphoóc nói:

“Vì cậu không có gì phải vội vã, cậu hãy đến Haigây chơi với mình một hai ngày. Cậu sẽ yêu mẹ mình (bà cụ cũng hơi ồn ào và kiêu hãnh khi nói về mình nhưng cậu có thể tha thứ khuyết điểm đó cho bà cụ) và bà cụ cũng sẽ yêu

cậu”.

“Mình muốn biết chắc xem mình có được yêu như cậu đã có nhã ý nói không” tôi mỉm cười trả lời.

“Ồ!” Xtiécphoóc nói “Ai yêu mình cũng đều có quyền đòi hỏi ở bà cụ và thế nào bà cụ cũng không làm họ thất vọng”.

“Nếu thế mình sẽ được bà cụ cưng cho mà xem” tôi nói.

“Chuyện!” Xtiécphoóc nói “Cậu cứ đến thí nghiệm xem. Bây giờ chúng mình hãy đi chơi một hai tiếng xem những điều mới lạ ở đây (có một chú mới mẻ như cậu, Copophin ạ, để mà chỉ dẫn những điều ấy thì cũng hay đấy), sau đó chúng mình sẽ lên xe ngựa đi Haigây”.

Tôi khó lòng tin rằng đây là sự thực, tôi cứ tưởng đây chỉ là một giấc mơ, và lát nữa tôi sẽ tỉnh dậy ở trong phòng bốn mươi tư hay thấy lại cái chỗ ngồi cô đơn trong phòng ăn và thái độ suồng sã của anh hầu bàn. Sau khi viết thư cho cô, tôi kể lại việc tôi may mắn gặp người bạn cũ mà tôi thán phục và đã nhận lời mời của cậu, chúng tôi lên xe ngựa đi thăm toàn cảnh thành phố và một vài phong cảnh khác, rồi chúng tôi vào Viện bảo tàng, ở đấy, tôi không thể không thán phục trình độ kiến thức rộng rãi của Xtiécphoóc về vô số vấn đề và cái vẻ cậu tỏ ra coi thường sự hiểu biết của mình. Tôi nói:

“Thế nào cậu cũng sẽ đỗ cao ở trường đại học, Xtiécphoóc ạ, nếu như không phải là cậu đã đỗ rồi, và người ta sẽ có lý do để tự hào về cậu”.

“Tớ mà đi thi à?” Xtiécphoóc cười rộ “Tớ không thi đâu. Này Tường vi của tớ ơi! Tớ gọi cậu là Tường vi, cậu

không giận chứ?”

“Giận cái gì! “Tôi nói.

“Cậu là tay khá đấy! Này Tường-vi” Xiếcphoóc nói và cười rộ “tớ thực không hề có ý định trở tài về mặt này. Tớ đã làm khá nhiều vì mục đích của mình. Bây giờ tớ thấy tớ bắt đầu ngấy về tớ rồi đấy”.

“Nhưng còn danh tiếng...” tôi bắt đầu nói.

“Ồ, Tường vi lãng mạn quá!” Xtiếcphoóc nói, lại cười ròn rã hơn trước “Tại sao tớ lại phải khổ thân nhọc xác để cho một lũ ngốc há hốc miệng và giơ tay lên trời. Thôi hãy để họ làm điều đó với một thằng khác, mặc xác bố ấy kiếm danh tiếng, tớ sẵn sàng nhường đấy!”

Tôi xấu hổ thấy mình hổ như vậy và rất vui mừng được chuyển sang chuyện khác. May sao, làm điều đó không khó khăn gì, vì Xtiếcphoóc bao giờ cũng có thể chuyển từ vấn đề này sang vấn đề khác một cách thoải mái và tự nhiên mà chỉ cậu mới làm được.

Sau khi xem thành phố xong, chúng tôi trở về ăn trưa, và ngày mùa đông ngắn ngủi trôi qua nhanh chóng đến nỗi khi chiếc xe ngựa mang chúng tôi dừng trước một ngôi nhà bằng gạch cũ kỹ ở Haigây, trên một đỉnh đồi thì trời đã hoàng hôn. Một bà đứng tuổi, mặc dầu chưa phải là già, có dáng điệu kiêu hãnh và gương mặt xinh đẹp đứng ở ngưỡng cửa khi chúng tôi xuống xe. Bà gọi Xtiếcphoóc là “Jem của mẹ” và ôm ghì lấy cậu. Xtiếcphoóc giới thiệu tôi với bà, nói đó là mẹ cậu, và bà chào tôi rất lịch sự.

Đó là một ngôi nhà xinh xắn, xây theo kiểu cũ, rất yên tĩnh và ngăn nắp. Nhìn qua cửa sổ gian phòng mình, tôi thấy tất cả Luân-đôn ở xa xa như một đám sương mù,

đầy đó nổi bật lên một vài ánh đèn thấp toáng. Khi thay quần áo, tôi chỉ có thì giờ liếc nhìn những đồ đạc đồ sộ, những bức tranh đóng khung (tôi chắc là do mẹ Xtiécphoóc làm khi bà còn còn gái) và một vài bức tranh bút chì vẽ những người đàn bà tóc rắc phấn, mặc áo chẽn bó lấy ngực hiện lên trên tường rồi lại biến đi khi ánh lửa vừa mới nhóm lên chập chờn và kêu lách tách. Vừa lúc đó, người ta gọi tôi đi ăn tối.

Trong phòng ăn còn một người đàn bà thứ hai nữa, người này thân hình mảnh dẻ, da nâu, trông không xinh nhưng có vẻ dễ coi. Người này khiến tôi chú ý, có lẽ một phần vì tôi không ngờ thấy cô, một phần vì tôi ngồi đối diện, một phần vì cô có một cái gì thực đáng chú ý. Cô tóc đen, mắt đen và sáng, dáng người thanh tú và có một vết sẹo ở môi. Đó là một cái sẹo đã cũ (đúng hơn, đó là một vết sẹo vì nó có màu và đã lành cách đây lâu lắm); vết thương trước đây chắc hẳn phải xuyên qua miệng xuống tận cằm, nhưng ngồi bên kia bàn, tôi chỉ thấy bờ môi, trừ chỗ ở trên môi trên vì ở đấy hình dáng môi bị vết thương làm thay đổi đi. Tôi kết luận rằng cô trạc độ ba mươi và đang muốn lấy chồng. Cô cũng đã hơi già (như một ngôi nhà cũ đã phải cho thuê mãi), tuy vậy, như tôi đã nói, cô vẫn có vẻ dễ coi. Dáng người thanh mảnh của cô dường như là kết quả của một ngọn lửa rạo rực cháy trong lòng và toát ra ở đôi mắt sâu.

Người ta giới thiệu đó là cô Đacton, còn Xtiécphoóc và bà cụ đều gọi cô là Rôda. Tôi được biết rằng cô sống ở đây và là bạn của bà Xtiécphoóc từ lâu. Tôi có cảm tưởng rằng khi muốn gì, không bao giờ cô nói thẳng, mà chỉ nói

bóng, và cái lối nói ấy thu được nhiều kết quả hơn. Chẳng hạn khi bà Xtiécphoóc tuyên bố- đây là để nói đùa thôi - rằng bà sợ cậu con sống một cuộc sống phóng dăng ở trường đại học, thì cô Đacton nói xen vào như sau:

“Thế à? Bác biết đấy, cháu chẳng biết gì cả, cháu hỏi chẳng qua là để cho biết thôi, nhưng có phải bao giờ cũng thế không? Cháu nghĩ rằng ai cũng cho lối sống như thế là... Có phải không?”

“Đó là cách giáo dục để chuẩn bị cho người ta làm một nghề rất quan trọng, có phải chị muốn nói thế không, Rôda?” bà Xtiécphoóc hỏi, giọng rất bình thản.

“Ồ, vâng ạ! Thực đấy ạ” cô Đacton trả lời “nhưng có phải thế không? Cháu muốn hiểu rõ, nếu như cháu lắm... không biết có phải thế không?”

“Không biết cái gì?” bà Xtiécphoóc nói.

“À! Bác muốn nói rằng không phải như vậy chứ gì?” Cô Đacton đáp. “Phải rồi, cháu rất vui mừng được biết như vậy. Bây giờ cháu biết cháu phải làm gì rồi! Hỏi có lợi thế đấy. Cháu sẽ không bao giờ để cho người ta nói trước mặt về việc chơi bời, phóng dăng và những chuyện liên quan đến lối sống ấy nữa”.

“Chị làm thế là đúng” bà Xtiécphoóc nói “Ông giáo sư đỡ đầu Xtiécphoóc là người trung hậu, nếu như tôi không hoàn toàn tin con thì tôi hoàn toàn tin ông ta”.

“Thế à?” cô Đacton nói. “Trời ơi! Ông ta trung hậu à? Có thực trung hậu không?”

“Có chứ, tôi tin chắc như vậy” bà Xtiécphoóc nói.

“Tuyệt thật!” cô Đacton thốt lên. “Yên tâm quá! Thực là trung hậu à? Thế thì ông ta không phải là... nhưng

chắc chắn là không rồi vì ông ta rất trung hậu. Thế thì từ nay cháu sẽ sung sướng khi đánh giá ông ta. Bác không thể biết rằng khi biết chắc ông là người trung hậu thì ông được cháu đánh giá cao như thế nào”.

Cô Đacton cứ dùng cái lối bóng gió như vậy để chuôi những ý nghĩ riêng vào tất cả mọi vấn đề và chống lại những ý kiến mà cô không tán thành. Đôi khi cô làm rất tài tình, tôi phải thú nhận như vậy, mặc dầu ý ấy đối lập với Xtiécphoóc. Một trường hợp như vậy đã xảy ra trước khi bữa ăn tối kết thúc. Vì bà Xtiécphoóc hỏi tôi về việc tôi muốn đi Xăpphóc chơi, tôi ngẫu nhiên nói rằng tôi sẽ rất sung sướng nếu Xtiécphoóc nhận lời cùng đi chơi với tôi. Tôi cắt nghĩa cho cậu biết tôi đi thăm chị bảo mẫu già và gia đình ông Pécgôti, tôi nhắc lại cho cậu nhớ người thủy thủ mà cậu đã thấy ở trường.

“Ồ, ông cục mịch ấy phải không? Ông đến với con trai chứ gì?” Xtiécphoóc nói.

“Không phải con đâu! Đó là cháu gọi ông ta bằng chú đấy, nhưng ông nhận làm con nuôi. Ông còn một cô cháu gái xinh lắm cơ, ông nhận cô làm con nuôi. Tóm lại, nhà ông ta (hay đúng hơn là chiếc tàu của ông bởi vì ông sống trong một chiếc tàu nằm trên đất liền) đầy những người được ông yêu quý và chiều chuộng. Nhìn gia đình ấy, cậu sẽ thích mê”.

“Thế à?” Xtiécphoóc nói. “Mình cũng nghĩ thế. Để mình xem có cách gì không. Đi chơi thế này cũng bỏ công (đó là không kể cái thú được đi chơi với cậu Tường-Vi ạ), được thấy “những con người như vậy” cùng sống với nhau và dự vào cuộc sống của họ”.

Tim tôi nhảy cẫng lên vì hy vọng và sung sướng. Nhưng nghe cái giọng của cậu khi nói “những con người như vậy” thì cô Đacton, từ nãy đến giờ vẫn nhìn chúng tôi chăm chú với đôi mắt bốc lửa, lần này lại nói xen vào:

“Ồ, có phải thế không?” cô ta nói.

“Họ thế nào ạ? Chị nói đến ai thế?” Xtiécphoóc hỏi.

“Những con người như vậy”. Họ có phải là súc vật và những cục đất, họ có phải những giống thuộc một loài khác không? Tôi muốn biết lắm”.

“Thế à, giữa họ và chúng ta có một sự ngăn cách khá lớn” Xtiécphoóc nói, giọng lơ đãng, “họ không dễ cảm như chúng ta. Tính tế nhị của họ rất trầm lặng và họ ít giận dữ. Cố nhiên, họ hết sức đạo đức. Có người chủ trương như vậy, và tôi cam đoan với chị là tôi không muốn trái ý họ. Nhưng họ không phải là những người rất tế nhị (và đó là may cho họ), cũng như da của họ sần sùi và cứng nên họ không bị thương một cách dễ dàng”.

“Thế à!” Cô Đacton nói “Nếu thế thì tôi không biết, xưa nay tôi chưa được nghe điều gì thú vị hơn. Được biết rằng họ đau khổ, nhưng họ vẫn không nhận thấy, tôi thật thích! Đôi khi tôi rất quan tâm lo lắng đến hạng người ấy, nhưng bây giờ tôi sẽ vứt bỏ hoàn toàn những ý nghĩ đó đi. ở tuổi nào cũng phải học. Trước đây tôi có những mối hoài nghi, nhưng những mối hoài nghi ấy bây giờ đã hết. Tôi chưa biết và bây giờ tôi biết. Hỏi người khác là có lợi như thế đấy... có phải không?”

Tôi nghĩ rằng chẳng qua là Xtiécphoóc nói đùa hay gọi cho cô Đacton nói, và tôi chờ cậu nói như vậy khi cô Đacton đã đi ra và hai chúng tôi ngồi trước ngọn lửa.

Nhưng cậu chỉ hỏi tôi về chỗ tôi thấy cô ta như thế nào.

“Bà ấy thông minh lắm, có phải không?” tôi hỏi.

“Thông minh!” Xtiécphoóc nói “bà cho tất cả vào cối xay và nghiền tất cả như bà mài khuôn mặt và thân hình của mình đã bao năm nay. Vì lo mài giũa mãi cho nên người cứ quắt lại. Cả người bà ta là một cái mũi nhọn hoắt”.

“Trên môi có một vết sẹo kỳ quái” tôi nói.

Nét mặt Xtiécphoóc sa sầm lại và cậu im lặng một lát.

“Này, thực ra - cậu đáp - chính mình đã gây ra đấy!”

“Có phải vì ngẫu nhiên vô tình không?”

“Không! Lúc đó mình còn là một thằng bé và bà ta đã làm cho mình phát điên lên được nên mình cầm một cái búa ném vào giữa mặt. Ồ! lẽ ra mình phải là một đứa bé trong trắng đầy hứa hẹn”.

Tôi rất lấy làm buồn vì đã đề cập đến một câu chuyện đau xót như vậy, nhưng bây giờ có hối thì cũng đã muộn.

“Từ hôm đó, bao giờ bà cũng mang cái dấu vết ấy, như vậy đã thấy đấy” Xtiécphoóc nói “và bà sẽ mang nó xuống mồ... nếu bà chịu nằm ở dưới mồ, vì mình khó lòng tin rằng bà chịu nằm ở bất kỳ nơi nào. Bà là con một người anh em họ xa của ông cụ mình. Cha bà mất, mẹ mình lúc ấy góa bụa nên đưa về đây cho có bầu có bạn. Bà có hai nghìn bảng tiền vốn và mỗi năm còn được thêm một số tiền lời để cộng thêm vào số vốn ấy. Thế là bây giờ cậu biết rõ chuyện Rôda Đacton rồi đấy nhé”.

“Chắc là bà ta mến cậu như yêu một người em” tôi hỏi.

“Hừm”! Xtiécphoóc đống lại, trong khi vẫn nhìn ngọn lửa “Có những người anh không được yêu cho lắm; lại có những tình yêu... nhưng Copophin ạ, chúc cậu không mắc phải những việc như vậy. Chúng ta sẽ uống rượu chúc mừng những bông tường vi ngoài vườn để khen ngợi cậu, và chúc mừng những bông hoa huệ ở ngoài thung lũng, không làm việc, không dệt vải ⁽¹⁾ ... chúc mừng mình... chúc mừng như thế chỉ làm mình thêm xấu hổ mà thôi!”

Nụ cười buồn bã này giờ vẫn vương trên gương mặt cậu bỗng biến đi khi cậu nói câu ấy một cách vui vẻ, và cậu lại là anh chàng Xtiécphoóc thực thà và hấp dẫn như xưa.

Tôi không thể nào không liếc nhìn vết sẹo của cô Đacton với một sự chú ý chưa xót khi chúng tôi bước vào phòng khách uống trà. Chỉ trong phút chốc tôi đã nhận thấy ngay rằng vết sẹo ấy là chỗ dễ cảm nhất trong tất cả khuôn mặt của cô Đacton, và khi nào cô tái mặt thì vết sẹo này thay đổi đầu tiên và trở thành một vết xám xám, màu chì, chạy dài suốt cả chiều dọc của nó như dấu hiệu của một thứ mực óa học khi đưa vào lửa. Giữa cô và Xtiécphoóc có sự tranh luận về việc ném xúc xắc để chơi song lục, lúc đó tôi thấy cô nổi giận và vết sẹo nổi bật lên như những chữ viết ngày xưa ở trên tường ⁽²⁾ cung điện Banthada.

Tôi không ngạc nhiên chút nào khi thấy bà

⁽¹⁾ Câu trong kinh thánh: Mathiơ VI, 28

⁽²⁾ Kinh thánh: Đanien V, 5. Banthada, vua Babilon trong bữa tiệc thấy một bàn tay huyền bí viết trên tường ba chữ. Nhà tiên tri Đanien giải thích thần linh báo trước vương quốc sẽ hủy diệt

Xtiécphoóc tận tụy với cậu con trai. Bà cụ dường như không thể nói hay nghĩ đến vấn đề gì khác. Bà chỉ cho tôi xem bức chân dung của cậu con lúc cậu còn là một đứa bé, chân dung này lồng trong một quả tim, ở đáy có một ít tóc của cậu khi còn nhỏ. Bà chỉ cho tôi xem bức chân dung của cậu con lúc cậu còn là một đứa bé, chân dung này lồng trong một quả tim, ở đáy có một ít tóc của cậu khi còn nhỏ. Bà chỉ cho tôi thấy chân dung của cậu hết như lần đầu tiên tôi quen biết cậu; và bà đeo ở ngực bức thư cậu gửi cho bà trong chiếc bàn giấy nhỏ đặt cạnh cái ghế bành của bà ở góc lò sưởi; lẽ ra bà đã đọc cho tôi vài bức thư và tôi đã sung sướng được nghe, nếu như cậu không can thiệp vào bằng một giọng bông đùa để cho bà cụ từ bỏ công việc ấy.

“Em nó bảo tôi rằng hai anh em quen biết nhau ở trường ông Crichcon” bà Xtiécphoóc nói trong khi tôi với bà nói chuyện ở một cái bàn, còn Xtiécphoóc nói trong khi tôi với bà nói chuyện ở một cái bàn, còn Xtiécphoóc và Đacton thì đang chơi cờ ở một bàn khác”. Tôi còn nhớ, lúc bấy giờ em nó bảo có một cậu học sinh ít tuổi hơn nó được nó yêu quý, nhưng tôi không nhớ tên anh, cái đó cũng dễ hiểu”.

“Thưa bác anh ấy rất cao thượng và tử tế đối với con trong thời gian ấy” tôi nói “và con cần một người bạn như thế. Nếu không có anh ấy thì con đã bị chà đạp hoàn toàn rồi”.

“Nó bao giờ cũng cao thượng và tử tế” bà Xtiécphoóc nói, có vẻ tự hào.

Cố nhiên là tôi hoàn toàn toàn tán đồng. Bà cũng

hiếu như vậy, bởi vì thái độ kiêu kỳ trong cử chỉ của bà đối với tôi đã bớt đi, trừ khi bà khen ngợi con mình, và khi đó thái độ của bà bao giờ cũng kiêu kỳ.

“Kể ra, đó không phải là một trường thích hợp với em nó”, bà nói, “còn xa lắm. Nhưng lúc bấy giờ có những trường hợp đặc biệt cần phải lưu tâm đến, những trường hợp còn quan trọng hơn cả việc chọn trường. Tính tình kiêu ngạo của nó làm cho nó cần phải ở một trường của một con người cảm thấy ưu thế của nó và sẵn sàng cúi mình trước nó; và ở đây chúng tôi đã gặp một người như thế”.

Tôi biết điều đó vì tôi biết hẳn. Tuy vậy tôi không khinh bỉ hẳn về việc ấy; trái lại tôi cho đây là một đức tính để chuộc lại nhiều lỗi lầm khác của hẳn, hầu như tôi có thể tha thứ cho hẳn phần nào vì đã không chống đối lại một con người có sức hấp dẫn mãnh liệt như Xtiécphoóc.

“Những năng khiếu to lớn của em nó phát triển ở đây do ý muốn đua tài và lòng tự hào có ý thức” bà Xtiécphoóc nói tiếp, giọng âu yếm. “Em nó sẽ chống mọi sự ràng buộc, nhưng nhận thấy mình là ông vua ở đây cho nên em nó hãnh diện kiên quyết làm sao xứng đáng với địa vị của mình. Bản tính em nó như thế”.

Tôi đã họa lại lời bà với tất cả chân tình rằng cậu ta đúng là như thế”.

“Vì vậy cho nên, tự ý mình, em nó không cần ai bắt buộc, chọn con đường ở đó bao giờ nó cũng có thể vượt tất cả các đối thủ, nếu như nó muốn”, bà tiếp tục “Anh Copophin, em nó nói với tôi rằng anh rất yêu quý nó, và hôm qua, khi nó nhận ra anh, anh đã khóc vì mừng rỡ. Tôi

sẽ là một bà kiêu cách nếu tôi làm ra vẻ ngạc nhiên khi thấy em nó gây nên một cảm xúc như vậy, nhưng tôi không thể thờ ơ đối với bất kỳ ai chú ý đến giá trị của nó. Tôi rất sung sướng được gặp anh ở đây và có thể cam đoan với anh rằng nó yêu anh với một tình bạn ít thấy, và anh có thể tin vào sự che chở của nó”.

Cô Dacton chơi cờ cũng say sưa như làm bất cứ việc gì. Nếu như tôi lần đầu tiên thấy cô đang ngồi chơi cờ thì tôi sẽ tưởng tượng rằng chính vì cứ lo chơi trò này mãi, cho nên người cô mới gầy gò và cặp mắt mới mở to như vậy. Nhưng tôi lầm to bởi vì cô không bỏ sót một lời nào trong câu chuyện giữa tôi và bà cụ, và cũng không bỏ sót một cái nhìn nào của tôi trong khi tôi ngồi nghe bà Xtiécphoóc nói. Tôi và bà cụ, và cũng không bỏ sót một cái nhìn nào của tôi trong khi tôi ngồi nghe bà Xtiécphoóc nói. Tôi cảm thấy hết sức sung sướng trong lòng và thấy vinh dự được bà tín nhiệm, thấy mình già dặn hơn bất kỳ lúc nào kể từ khi rời Cantơbơri.

Lúc đêm đã khuya, người ta đem lên một cái khay đầy những chai và cốc. Xtiécphoóc ngồi bên ngọn lửa, hứa với tôi rằng cậu ta sẽ suy nghĩ nghiêm túc về việc cùng đi nông thôn chơi với tôi một chuyến”. Cậu nói cũng chẳng vội gì, một tuần nữa đi cũng được, và bà mẹ cậu cũng biểu lộ nhã ý hiếu khách như vậy.

Trong lúc nói chuyện, nhiều lần cậu gọi tôi là Tường Vi, điều đó một lần nữa lại làm cho cô Dacton phải can thiệp:

“Thế nào, anh Copophin, đấy có phải là một biệt hiệu không? Tại sao anh ấy lại đặt cho anh cái biệt hiệu

ấy? Anh nói cho tôi biết... có phải... có phải vì anh ấy thấy anh trẻ và ngây thơ phải không? Tôi thực chẳng biết gì về chuyện ấy cả”.

Tôi đỏ mặt đáp lại rằng rồi có cảm tưởng chính vì thế. Cô Đacton nói:

“Ồ! Tôi rất vui sướng được biết điều đó! Tôi hỏi để cho biết, và tôi sung sướng được biết điều đó. Anh ấy cho rằng anh trẻ và ngây thơ, thế anh là bạn của anh ấy có phải không? ừ, rõ thực hay quá nhỉ!”

Lát sau cô đi ngủ và bà Xtiécphoóc cũng rút lui. Xtiécphoóc và tôi còn nấn ná ngồi lại bên bếp lửa nửa giờ nữa để nói chuyện về cậu Trátđơn và về tất cả những cậu học trò khác của Xalem học hiệu ngày xưa. Sau đó chúng tôi cùng lên gác. Phòng của Sổ trang ở ngay cạnh phòng tôi, đó thật là một căn phòng đầy đủ tiện nghi, đầy những ghế bành có đệm, ghế đầu do chính tay bà cụ làm, và chẳng thiếu một thứ gì để có thể làm cho nó hoàn hảo. Lại còn gương mặt thanh tú của bà Xtiécphoóc trong bức chân dung treo trên tường đang cúi xuống nhìn đứa con trai yêu quý, dường như bà lo lắng sao cho ngay trong giấc ngủ của cậu con bà vẫn có thể săn sóc đến cậu.

Lúc này, tôi thấy ngọn lửa trong phòng tôi cháy khá to, và những bức màn chẳng ở cửa và chung quanh giường làm cho nó có vẻ rất ấm cúng. Tôi ngồi trong một chiếc ghế bành to tướng trước cửa bếp lửa, trầm ngâm nghĩ đến hạnh phúc của mình, và tôi còn đang tận hưởng điều đó thì bỗng thấy bức chân dung của cô Đacton trên lò sưởi đang say sưa nhìn tôi.

Đó là một bức tranh hấp dẫn và dĩ nhiên nó có một

cái nhìn hấp dẫn. Người hoạ sĩ không vẽ vết sẹo vào đây, nhưng tôi vẽ thêm vào, và kìa... vết sẹo hiện ra rồi biến mất, khi thì chỉ thu hẹp ở môi trên như tôi đã thấy trong bữa ăn tối, khi thì để lộ toàn bộ diện tích của một vết thương do búa ném vào như tôi đã thấy khi cô nổi giận.

Tôi bực mình tự hỏi tại sao người ta không treo nó ở chỗ khác, bất kỳ ở đâu, mà lại treo nó ngay trong phòng tôi. Để thoát khỏi cô ta, tôi cởi quần áo rất nhanh, tắt đèn rồi nằm ngủ. Nhưng trong giấc ngủ, tôi cũng không thể quên rằng cô ta còn ở đây, đang trở mắt nhìn: “Có phải thật thế không? Tôi muốn biết lắm”. Và khi tỉnh dậy vào ban đêm, tôi nhận thấy rằng trong giấc mơ tôi cứ lo lắng hỏi tất cả mọi người rằng có thật thế hay không, và cũng chẳng hiểu tôi nói thế để làm gì.

Chương XXI

BÉ EMILI

Trong ngôi nhà này có một người đầy tớ (theo như tôi hiểu thì đó là một người thường vẫn theo Xtiécphoóc và phục vụ cậu ở trường Đại học). Bề ngoài, y có vẻ trang trọng không ai bằng. Tôi nghĩ rằng chưa bao giờ có một người ở địa vị y lại có vẻ trang trọng hơn. Y ít nói, đi rón rén, cử chỉ rất lặng lẽ, khúm núm, chăm chú, bao giờ cũng có mặt khi người ta cần đến, và không bao giờ đến gần quá khi không cần, nhưng điều đáng chú ý nhất là cái vẻ trang trọng của y. Bộ mặt của y không dễ thay đổi, y có cái cổ cứng, cái đầu bóng với lớp da căng, tóc cắt ngắn dính ở hai bên đầu, có một lối nói dịu dàng và một kiểu nói thâm đặc biệt bằng cách phát âm chữ s kéo dài rõ rệt đến nỗi dường như y dùng chữ ấy nhiều hơn bất kỳ người nào khác. Mọi đặc điểm của y đều làm cho y có vẻ trang trọng. Nếu như y có cái mũi lộn ngược lại chẳng nữa thì y cũng sẽ làm cho cái nét ấy thành trang trọng. Y tạo ra quanh mình một không khí trang trọng và y hoạt động ở đấy một cách yên tâm. Hầu như không thể nào nghi ngờ y phạm bất kỳ lỗi gì

vì y có vẻ trang trọng vô cùng. Không ai nghĩ đến việc cho y mặc y phục riêng của dầy tớ vì y có một vẻ rất trang trọng. Bất y phải làm một việc thấp hèn thì dường như sẽ là một lời phỉ báng đối với tình cảm của một người hết sức trang trọng. Và tôi nhận thấy hai người dầy tớ gái ở trong nhà cũng có ý thức về điểm này một cách tự giác, vì bao giờ họ cũng thân hành làm những việc này trong khi nói chung y vẫn ngồi đọc báo ở cạnh lửa trong nhà bếp.

Tôi chưa hề thấy ai kín đáo như vậy. Nhưng đức tính này cũng như mọi đức tính khác mà y có được, dường như chỉ càng làm thêm trang trọng. Bản thân việc không ai biết họ y là gì dường như cũng góp phần vào đấy. Người ta không thể chê trách gì ở chỗ tên của y là Litimơ, như người ta thường gọi. Pie có thể bị treo cổ, Tôm có thể bị khổ sai, nhưng cái tên Litimơ thì rất trang trọng.

Phải chăng điều đó có lẽ là vì tính chất đáng kính của sự trang trọng nói chung, nhưng tôi cảm thấy tôi đặc biệt non trẻ khi đứng trước con người ấy. Tôi không thể nào đoán biết y bao nhiêu tuổi và điều này cũng như những điều khác cũng góp phần tạo nên danh tiếng của y, bởi vì dưới cái vẻ trang trọng bình thản, y có thể là năm mươi mà cũng có thể là mới ba mươi.

Litimơ bước vào phòng tôi buổi sáng trước khi tôi ngủ dậy để mang cho cái thứ nước cạo râu đáng nguyên rửa ấy và đem quần áo của tôi ra ngoài. Khi vén màn nhìn ra, tôi thấy y vẫn trơ trơ trước ngọn gió đông của tháng giêng thậm chí đến hơi thở cũng không hề tỏ ra rét. Y đặt đôi giày của tôi bên ghế, mũi chìa ra ngoài, rồi thổi vào áo tôi cho bay hết bụi, đoạn lại đặt nó xuống ghế như đặt một

dứa trẻ sơ sinh.

Tôi chào y và hỏi xem mấy giờ rồi. Y rút trong túi ra một chiếc đồng hồ quả quýt kiểu đi săn rất sang, lấy ngón tay cái giữ lò xo để cho nó khỏi mở rộng, liếc mắt nhìn vào trong dường như muốn hỏi một cái vỏ sò tiên tri, đoạn đóng đồng hồ lại và nói:

“Xin lỗi ông, đã tám giờ rưỡi rồi ạ. Ông Xtiécphoóc sẽ sung sướng được biết ông ngủ có ngon giấc không ạ?”

“Cảm ơn” tôi nói, “tôi ngủ ngon lắm. Còn ông Xtiécphoóc ngủ ngon chứ?”

“Cảm ơn ông, ông Xtiécphoóc ngủ cũng khá khá ạ”.

Đây lại là một đặc điểm của y. Không bao giờ y dùng những tính từ so sánh tuyệt đối. Bao giờ y cũng dùng một lời trung bình, bình thản và lạnh lùng.

“Thưa ông, con có thể giúp ông được việc gì nữa không ạ? Chuông đồng hồ báo thức sẽ rung vào lúc chín giờ và gia đình ăn điểm tâm vào lúc chín giờ rưỡi”.

“Không, cảm ơn anh”.

Dạ, chính con phải cảm ơn ông chứ ạ”.

Nói đoạn y khẽ cúi đầu khi đi qua trước giường, dường như để xin lỗi vì đã bắt bẻ tôi, đoạn ra ngoài và đóng cửa lại cũng nhẹ nhàng như sợ đôi bỏ mất một giấc ngủ ngon lành để lấy lại sức.

Buổi sáng nào cũng cái câu chuyện in hệt như vậy... không bao giờ tôi cũng vẫn thành một đứa trẻ. Dù cho tối qua tôi có vươn lên cao hơn tuổi của mình, và đã tiến tới một tuổi tác già dặn hơn nhiều nhờ ngôi cạnh Xtiécphoóc, được nghe những lời tâm sự của bà Xtiécphoóc, hay nói chuyện với cô Đacton nhưng khi đứng trước con người hết

sức trang trọng này thì tôi lại trở thành “Một đứa trẻ” như một nhà thơ nhỏ của chúng ta đã nói trong những bài hát của mình⁽¹⁾.

Y đưa ngựa đến cho chúng tôi và Xtiécphoóc là người thông thạo mọi thứ, dạy cho tôi cưỡi ngựa. Y trong những hoàn cảnh thuận lợi như thế này. Chúng tôi đi xe tram. Tôi nhớ rằng tôi rất chú ý đến vinh dự của thành phố Yacmao đến nỗi khi chúng tôi đi qua những con đường tối tăm để đến quán trọ, Xtiécphoóc nói, trong phạm vi cậu có thể nhận thấy được, đấy cũng là một nơi ngộ nghĩnh, đáng yêu và độc đáo, thì tôi rất đắc chí. Khi chúng tôi đến, chúng tôi đi ngủ (tôi nhận thấy có một đôi giày và một đôi ghệt bẩn thỉu của ông bạn cá heo của tôi khi chúng tôi đi qua cửa), và sáng hôm sau chúng tôi ăn điểm tâm muộn. Xtiécphoóc, tinh thần sáng khoái, đã đi dạo chơi trên bờ biển trước khi tôi dậy, và cậu bảo tôi rằng, cậu đã làm quen với một nửa dân chài ở vùng này. Không những thế, cậu đã nhìn thấy một vật gì ở phía xa mà cậu quả quyết rằng đó chính là ngôi nhà của ông Pécgôti với làn khói tỏa ra từ ống khói, và cậu rất muốn bước vào đấy để thể sống thể chết rằng mình là Đêvít Copophin, nhưng mọi người không nhận ra được vì đã lớn quá. Cậu nói:

“Tuồng-Vi ạ, khi nào thì cậu định giới thiệu mình với cái nhà ấy đấy? Mình sẵn sàng cả rồi, cậu chuẩn bị đi”.

“Được, mình nghĩ rằng chiều nay sẽ là thời gian thuận tiện nhất, Xtiécphoóc ạ, khi mọi người đều quay

⁽¹⁾ Âm chỉ Mac Lêmôn, bạn của Dickens, tác giả bài “Ước gì tôi lại là trẻ con”. Danh từ “nhà thơ nhỏ” ở đây để nói đùa vì Lêmôn rất béo.

quần quanh ngọn lửa. Mình muốn rằng cậu thấy cái nhà ấy khi nó hết sức ấm cúng.Ồ, nơi ấy ngộ lắm!”

“Được thôi!” Xtiécphoóc nói “Chiều nay nhé”.

“Mình sẽ không báo cho họ biết rằng mình ở đây, cậu biết không?” tôi nói, sung sướng “Chúng mình phải đến vào lúc bất ngờ!”

“Ừ, phải thế chứ!” Xtiécphoóc nói “Nếu chúng mình không đến đột ngột thì mất vui, chúng mình hãy đi xem những người dân ở đây trong điều kiện tự nhiên của họ”.

“Mặc dầu họ là cái “loại người” mà cậu đã nhắc đến”, tôi nói.

“Ha ha! Thế nào? Cậu nhớ những cuộc đấu khẩu của mình với bà Rôda chứ gì?” Cậu kêu lên, liếc nhìn tôi tinh quái “Trời đánh thánh vật cái bà ấy! Mình cũng sợ bà ta chết đi được. Đối với mình, bà ta như một con chim yêu quái ấy. Nhưng thầy kệ bà ta! Nào, bây giờ cậu định làm gì nào? Cậu định đến thăm chị bảo mẫu ngày xưa của cậu chứ gì?”

“Đúng rồi!” tôi đáp “trước hết mình phải đến thăm chị Pécgôti đã”.

“Thế à?” Xtiécphoóc nói, đưa mắt nhìn đồng hồ “Cứ cho là mình sẽ để mặc cậu thút thút suốt hai tiếng đồng hồ, đủ chưa nào?”

Tôi cười khanh khách, đáp lại rằng sau một thời gian như vậy thì tôi cho rằng không còn khóc được nữa, nhưng cậu cũng phải đi, vì cậu sẽ thấy rằng danh tiếng của cậu đã đến trước cậu, và cậu cũng là một nhân vật vĩ đại chẳng kém gì tôi.

“Cậu muốn mình đi đâu mình cũng đi” Xtiécphoóc

nói “và mình sẽ làm bất kỳ điều gì cậu thích. Cậu cứ bảo mình đến đâu là trong hai giờ nữa mình sẽ đến, mặt mày như thế nào tùy cậu, cảm động hay lố bịch mình đều làm được tuốt”.

Tôi cho cậu những chi tiết để cậu tìm chỗ ở của ông Backit, xà ích ở Blondoxton và những nơi khác, sau đó tôi đi ra một mình. Không khí dễ chịu, lành lạnh, mặt đất khô ráo, biển sáng và mát mẻ, mặt trời đã tỏa ánh sáng ấm áp tung bừng và mọi vật đều vui vẻ, rộn ràng. Bản thân tôi cũng vui vẻ, rộn ràng trong niềm vui mừng được đến đây đến nỗi tôi có thể ngăn những người đi đường để bắt tay.

Đường sá có vẻ nhỏ, cố nhiên... tôi có cảm tưởng rằng những con đường mà chúng ta chỉ thấy trong thời thơ ấu, bao giờ cũng trở thành nhỏ hẹp khi ta đã lớn lên, nhìn lại nó. Nhưng tôi vẫn không quên bất kỳ cái gì ngoài phố, và tôi thấy không có gì thay đổi cho đến khi tôi đến trước cửa hiệu của ông Âmơ. Bây giờ cửa hiệu mang một cái biển đề “*Âmơ và Jôram*” - chứ không phải chỉ đề “*Âmơ*” như ngày xưa - nhưng những chữ “*Thợ may, bán len dạ, đồ may vá, đồ tang*” thì vẫn nguyên vẹn.

Bước chân tôi hình như đã đưa thẳng tôi đến cửa hiệu một cách tự nhiên, sau khi tôi đã đọc những chữ này từ bên kia đường. Tôi bước qua đường và nhìn vào trong hiệu. Cuối cửa hiệu có một người đàn bà xinh xắn đang cho một thằng bé nhảy trong vòng tay trong khi một đứa khác bám vào tạp dề. Tôi nhận ra ngay, không một chút khó khăn rằng đó là chị Minni và những đứa con của chị. Cánh cửa kính ở phòng khách chưa mở nhưng trong cái xường bên kia sân, tôi có thể nghe thấy giọng hát quen thuộc vang

lên nhẹ nhẹ, tựa hồ như những tiếng hát này chưa bao giờ ngừng.

“Cụ Ấmơ có nhà không ạ?” Tôi bước vào hỏi “Tôi muốn gặp cụ một lát, nếu như cụ có nhà”.

“Ồ, có đấy ạ, thưa anh có nhà đấy ạ” Minni nói. “Thời tiết này, cụ mắc bệnh suyễn nên đi ra không tiện. Jô con đỡ ông ngoại ra đi con”.

Thằng bé này giờ bám vào cái tạp dề thét lên một tiếng để gọi ông nó mạnh đến nỗi tiếng của nó làm cho nó phát thẹn và rúc đầu vào váy mẹ, trong lúc bà mẹ nhìn nó thán phục. Tôi nghe tiếng thở hổn hển nặng nề đi về phía chúng tôi, và lát sau, ông Ấmơ, hơi thở còn ngắn hơn trước, nhưng không có vẻ già đi cho lắm đã đứng trước mặt tôi. Ông Ấmơ nói:

“Thưa ông, ông cần gì ạ?”

“Cụ có thể bắt tay tôi nếu như cụ muốn” tôi nói và chìa tay ra. “Trước kia cụ rất tốt đối với tôi trong một hoàn cảnh mà tôi sợ chưa bộc lộ cho cụ biết rằng tôi rất cảm kích”.

“Tốt à, thực không?” ông già đáp “Tôi rất sung sướng được nghe điều đó, nhưng không nhớ vào lúc nào, ông có chắc rằng đó là tôi không?”

“Còn phải nói!”

“Tôi nghĩ rằng trí nhớ tôi hiện nay cũng ngắn như hơi thở của tôi vậy”. Ông Ấmơ đưa mắt nhìn tôi và lắc đầu “vì tôi không nhớ ông là ai?”

“Cụ có nhớ đã đến đón tôi ở xe ngựa, rồi sau khi tôi ăn điểm tâm ở đấy, cụ đã đến Blondoxton với tôi... lúc bấy giờ cả tôi, cụ chị Jôram và anh Jôram, lúc ấy chưa lấy chị

ấy cơ”.

“Trời ơi! lạy Chúa!” ông Âumơ thốt lên sau khi ho sù sụ một hồi vì quá ngạc nhiên “Đúng rồi! Minni ơi, con có nhớ không? Trời ơi đúng rồi! Một bà chứ gì?”

“Mẹ tôi đấy”, tôi đáp.

“Đúng rồi!” ông Âumơ đáp, lấy ngón tay trở sờ vào chiếc gi-lê của tôi. “Lúc ấy có cả một cậu bé nữa. Có hai người: người nhỏ nằm bên cạnh người kia. Cố nhiên đó là ở Blondoxton. Trời ơi! Thế từ dạo ấy đến nay ông ra sao?”

Tôi cảm ơn ông, nói rằng tôi vẫn mạnh và hy vọng rằng ông cũng thế.

“Ồ, chẳng có gì phải than phiền cả, ông ạ”, ông Âumơ nói. “Tôi thấy hơi thở có ngắn đi, nhưng khi người ta già thì chẳng mấy khi hơi thở lại dài ra. Trời cho thế nào thì tôi chịu thế và cố gắng tận hưởng. Thế là tốt nhất có phải không ông?”

Ông Âumơ lại ho sù sụ vì phá lên cười. Cô con gái giúp ông khắc phục cơn ho. Cô đứng bên cạnh tôi, để đứa nhỏ nhất nhảy trên quầy hàng.

“Trời ơi!” ông Âumơ nói. “Đúng rồi! Có hai người. Này anh biết không chính trong buổi đi ngựa “Ba định đi ba!” Minni cũng nói: “Ba định ngày đi”, và thế là bây giờ anh ta béc vào nghề. Anh ta đấy, còn thằng bé nhỏ nhất kia kìa!”

Chị Minni cười khúc khích lấy tay vuốt giải lụa buộc tóc ở trên thái dương trong khi ông đặt một ngón tay to tướng vào bàn tay đứa bé mà chị để cho nhảy trên quầy hàng. Ông Âumơ gật đầu có vẻ suy nghĩ và nói:

“Đúng rồi, hai người! Đúng thế, và Jôram lúc ấy

đang đóng một chiếc quan tài màu xám, có đinh bằng bạc, không phải bằng chùng này đâu (ông muốn nói đến đứa bé đang nhảy trên quầy hàng), nhưng lớn hơn hai in-so⁽¹⁾. Ông có dùng gì không?”

Tôi cảm ơn ông và từ chối.

“Để tôi nhớ xem nào!” ông Ấmơ nói “Và vợ anh xà ích Backít, chị Pécgôti ấy mà, em gái một người đánh cá, chắc là có quan hệ gì với gia đình ông chứ? Thế nào chị ấy chẳng làm việc ở đây?”

Tôi trả lời có, làm cho ông sướng mê. Ông Ấmơ nói:

“Tôi nghĩ rằng hơi thở tôi chuyến này sẽ khá hơn cho mà xem, bởi vì ký ức của tôi tốt thế đấy. Ông ạ, ở đây chúng tôi có một người bà con trẻ tuổi của chị ấy đang học nghề, cô ấy rất giỏi công việc may vá đến nỗi... tôi cam đoan với anh, tôi tin rằng ở nước Anh không có bà hầu tước nào sánh kịp cô ta đâu”.

“Có phải bé Emili không ạ?” Tôi bất giác hỏi.

“Cô ấy tên là Emili” ông Ấmơ nói “và người cô cũng nhỏ bé; ông muốn tin tôi hay không cái đó tùy ý, nhưng gương mặt cô ấy xinh đẹp đến nỗi một nửa số đàn bà trong thành phố này đâm ghen”.

“Ba nói vớ vẩn lắm?” chị Minni nói.

“Con ạ”, ông Ấmơ nói và nháy mắt với tôi một cái “ba không nói đấy là trường hợp của con, ba bảo rằng một nửa số đàn bà ở Yácmao, ô... trong vòng năm dặm quanh đây, người ta ghen với cô ấy”.

⁽¹⁾ Một sin-so là 2cm54

“Giá cô ấy cứ giữ nguyên địa vị xã hội của mình, bà” Minni nói “và làm cho người ta không có dịp nói mình, như vậy thì mọi người đã phải câm miệng rồi”.

“Con bảo phải câm miệng à? Ông Ấmơ nói đốp lại “Phải câm miệng à? Con chẳng hiểu đời gì hết. Có điều gì mà người đàn bà có thể giữ kín được - tuy đáng lý không nên nói - nhất là vấn đề sắc đẹp của một người đàn bà khác?”

Tôi nghĩ rằng, sau khi đã buông ra những câu bông đùa xúc phạm giới phụ nữ như vậy, chuyện này thì ông Ấmơ đi đứt. Ông ho chí tử, và hơi thở của ông làm cho ông không tài nào cố gắng kìm hãm cơn ho được khiến tôi chợt có ý nghĩ sẵn sàng chờ đợi thấy đầu của ông ta biến mất đằng sau quầy hàng, và cái quần ngắn đen tí xít, ở đầu gối có điểm những cái nơ xinh bằng ruy-băng màu sẫm rí, cũng run lẩy bẩy trong cuộc vật lộn cuối cùng nhưng đều bất lực cả. Tuy vậy, cuối cùng ông cũng khá hơn, mặc dầu vẫn còn thở hồng hộc và ông bị kiệt sức, phải ngồi lên chiếc ghế đầu ở quầy hàng. Ông lau trán, thở khó nhọc và nói:

“Ông thấy đấy, cô ấy không thích chơi bời với ai ở đấy,... cô ấy không thân mật đặc biệt với ai trong số bạn bè quan biết, đó là không nói đến những anh chàng mê cô. Do đó, có câu chuyện đồn đại không hay rằng cô Emili muốn làm một bà sang trọng. Theo ý tôi, có chuyện đồn đại này chủ yếu là do chỗ ngày xưa, lúc đi học, cô có nói gì đấy rằng nếu cô là một bà sang trọng, thì cô sẽ làm những gì cho ông cậu... anh biết không, và sẽ mua cho ông cậu những vật quý báu gì đấy”.

“Cụ ạ, tôi cam đoan với cụ là cô cũng đã nói với tôi như vậy, lúc ấy chúng tôi còn trẻ con”, tôi nhanh nhẩu trả lời.

Ông Âumơ cúi đầu, xoa xoa tay lên cằm:

“Đúng rồi, và như anh thấy đấy, cô ấy chẳng cần có gì cũng có thể tỏ ra xinh đẹp hơn phần lớn những người khác mặc dầu có nhiều quần áo. Và chính cái đó làm cho câu chuyện thành khó chịu. Vả lại, tính khí cô, có thể nói, cũng hơi đồng bóng một tí” ông Âumơ nói. “Cô không hiểu thực ra mình muốn gì; cô cũng hơi được nuông chiều quá, và lúc đầu không biết tự kìm hãm bản thân mình cho lắm. Người ta chỉ có thể chê trách cô về mặt đó mà thôi, có phải không Minni?”

“Dạ, không ạ” bà Jôram nói “Theo con thì đó là điều tệ nhất”.

“Vì vậy cho nên khi cô tìm được việc làm” - ông Âumơ nói “làm người giúp việc cho một bà già sang trọng, tính khí gắt gỏng, thì hai người không thích nhau, và cô cũng không ở đấy nữa. Cuối cùng, cô đến đây học nghề trong ba năm. Đến nay đã được gần hai năm rồi đấy và cô ấy tỏ ra là cô gái tốt nhất trên đời. Cô ấy làm việc bằng sáu người cơ. Minni, có phải cô ấy làm việc bằng sáu người không?”

“Thưa ba đúng ạ. Bà đừng bảo con nói xấu cô ấy nữa đấy nhé!”

“Tốt lắm” ông Âumơ nói “điều đó là đúng. Và bây giờ, ông ạ” ông nói thêm sau khi xoa xoa cái cằm một lúc “để cho ông đừng bảo tôi là con người hơi thờ thì ngán nhưng hay nói dai, tôi nghĩ rằng, về chuyện này, tôi chỉ

biết có thể”.

Trong khi nói chuyện về Emili, ông hạ thấp giọng, cho nên tôi đoán chắc rằng cô ấy ở gần đầu đấy. Khi tôi hỏi ông Âumơ có phải thế không thì ông gật đầu và hát hăm về phía cánh cửa phòng khách. Tôi hỏi ông tôi có thể liếc nhìn vào phòng khách không và ông hoàn toàn đồng ý. Tôi nhìn qua tấm kính và thấy Emili đang ngồi làm việc. Tôi thấy cô, con người nhỏ bé hết sức xinh đẹp, có cặp mắt xanh biếc, trong suốt đã từng nhìn vào con tim bé dại của tôi, gương mặt rạng rỡ đầy vẻ tự hào đang quay lại cười với một đứa con khác của chị Minni đang ngồi chơi gần cô, cái đó cũng đủ để xác nhận những điều tôi đã nghe với ít nhiều tính chất đồng bóng e thẹn của cô ngày xưa hẳn còn thấp thoáng... Nhưng tôi tin chắc rằng trong dáng điệu xinh đẹp của cô, tất cả đều làm người ta nghĩ đến đạo đức và hạnh phúc, và tất cả đều hướng về phía đạo đức và hạnh phúc.

Suốt thời gian ấy, ở đâu kia sân, tiếng cành cành nhẹ nhàng vẫn không bao giờ chấm dứt (than ôi, đó là cái nhịp điệu không bao giờ chấm dứt!) Ông Âumơ nói:

“Ông có muốn vào nói chuyện với cô ấy không? Ông cứ vào nói chuyện với cô ấy đi! Ông cứ tự nhiên như ở nhà!”

Tôi bẽn lễn quá không dám làm như vậy. Tôi sợ làm cô lúng túng và cũng sợ chính bản thân mình sẽ làm mình lúng túng. Tôi bèn hỏi xem đến mấy giờ chiều cô ấy sẽ nghỉ việc để có thể đến thăm cho thích hợp. Và sau khi từ giả ông Âumơ, cô con gái xinh xắn và những đứa cháu của ông, tôi đi thẳng đến nhà chị Pécgôti, người bạn cũ thân

miến của tôi.

Kìa... chị đang đứng trong cái nhà bếp lát gạch vuông và đang làm bữa ăn trưa. Nghe tôi gõ cửa, chị liền mở cửa và lễ phép hỏi xem tôi muốn hỏi gì. Tôi mỉm cười nhìn chị, nhưng chị vẫn không mỉm cười lại với tôi. Tôi vẫn luôn luôn viết thư cho chị, nhưng từ khi chúng tôi xa nhau đến nay cũng đã bảy năm rồi. Tôi vờ giọng cầu nhàu hỏi:

“Thưa bà, ông Backit có nhà không ạ?”

“Thưa ông, nhà tôi có nhà ạ” chị Pécgôti đáp, “nhưng nhà tôi bị đau khớp xương nên nằm trên giường”.

“Bây giờ ông ấy không đi Blondoxton nữa à?” tôi hỏi.

“Khi nào khỏe thì nhà tôi lại đi” chị đáp.

“Bà Backit, có bao giờ bà đến đây không?”

Chị nhìn tôi chăm chú hơn và tôi nhận thấy hai bàn tay của chị đột nhiên sát lại gần nhau hơn.

“Bởi vì tôi muốn hỏi về một ngôi nhà ở đây mà người ta gọi... gọi là gì nhỉ?” “à, Ô-lư!” tôi nói.

Chị bước lùi lại, giờ hai tay ra có vẻ lưỡng lự sưng sốt như muốn đẩy tôi ra.

“Chị Pécgôti!” tôi gọi.

“Đứa em yêu quý của chị!” Chị kêu lên.

Thế rồi chúng tôi khóc òa lên và ôm chầm lấy nhau.

Tôi không có đủ can đảm để kể lại tất cả những điều kỳ quặc chị làm: chị hết cười lại khóc trên vai tôi. Chị tỏ ra kiêu hãnh, vui mừng... đồng thời buồn bã vì con người xem tôi là niềm kiêu hãnh và nguồn vui đã không thể hôn tôi một cách âu yếm. Tôi không băn khoăn về chỗ

sợ mình đáp lại những cảm xúc của chị thì sẽ hóa ra còn ít tuổi! Trong đời tôi, tôi chưa bao giờ cười và khóc thoải mái hơn sáng hôm ấy, ngay cả đối với chị. Chị Pécgôti lấy tạp dề lau mắt, nói:

“Anh Backit sẽ sung sướng lắm, việc này làm cho anh ấy khỏe hơn là hàng lít thuốc bóp. Để chị lên báo cho anh biết là em ở đây nhé. Em có lên thăm anh ấy không?”

Cố nhiên là tôi muốn lên. Nhưng chị Pécgôti không thể bước ra khỏi phòng dễ dàng như chị định vì mỗi khi chị bước đến cửa sổ và quay lại nhìn tôi thì chị lại cười và khóc trên đôi vai tôi. Cuối cùng, để cho công việc dễ dàng hơn, tôi cũng bước lên cầu thang với chị và sau khi đứng đợi ở ngoài một lát để chị vào báo trước cho anh Backit, tôi bước đến trước mặt anh.

Anh hết sức phấn khởi đón tiếp tôi. Vì anh bị đau khớp xương nặng nên tôi không thể bắt tay anh, nhưng anh yêu cầu tôi nắm lấy chóp trên chiếc mũ trụi của anh, và tôi đã vui vẻ làm điều đó. Khi tôi ngồi xuống cạnh giường, anh bảo tôi rằng anh sung sướng vô cùng và có cảm tưởng như đang đưa tôi về nhà trên con đường Blondeston như ngày trước. Vành nằm thẳng trên giường, lưng dán xuống chiếu và toàn thân đắp chăn, chỉ trừ cái mặt, cho nên trông anh giống hệt bức tranh của một thiên thần (theo những tranh vẽ ước lệ) và tôi có cảm tưởng anh là một vật kỳ quặc nhất trên đời. Anh Backit hỏi tôi, với nụ cười chậm chạp của một người bị chứng thấp khớp:

“Ồ trong xe ngựa anh đã viết cái tên gì em nhỉ?”

“À, anh Backit! Có phải chúng ta đã bàn bạc những điều quan trọng về vấn đề đó phải không?”

“Tôi muốn và muốn đã lâu, có phải không?” anh Backit nói.

“Muốn đã lâu” tôi nói.

“Và anh không thấy hối tiếc gì về việc đó” anh Backit nói “Em có nhớ, một lần em đã nói gì với anh về việc chị ấy làm tất cả các thứ mất táo, và tất cả mọi việc nấu nướng không?”

“Chuyện! Em rất nhớ, đúng lắm” tôi đáp.

“Thực là đúng như sách” anh Backit nói, gật gật cái mũ trập đội trên đầu, đó là cách duy nhất của anh để nhấn mạnh những lời nói của mình - “cũng đúng như là... thuê má. Chẳng có gì đúng hơn”.

Anh Backit đưa mắt nhìn tôi như muốn yêu cầu tôi tán thành kết luận này của sự suy nghĩ khi anh nằm liệt giường, và tôi đã tán thành ngay. Anh Backit nhắc lại:

“Thật chẳng có gì đúng hơn! Một người nghèo khổ như anh nhận thấy rất rõ điều đó khi anh ta nằm liệt giường. Anh là người nghèo, em ạ”.

“Em rất buồn khi biết điều đó, anh Backit ạ”.

Đến đây, bàn tay phải của anh từ từ thò ra khỏi chân và run rẩy nắm lấy cái gậy buộc lưng lỏng ở bên giường. Sau khi dùng chiếc gậy này sờ soạng một lát trong lúc đó, gương mặt biểu lộ nhiều vẻ hoảng hốt khác nhau) anh Backit chạm chiếc gậy vào một cái hòm, một đầu hòm này giờ tôi vẫn thấy lòi ra ngoài. Bấy giờ gương mặt của anh mới có vẻ an tâm. Anh Backit nói:

“Quần áo cũ cả đấy”.

“Ồ!” tôi nói.

“Tiếc rằng đó không phải là tiền!” anh Backit nói.

“Thật em cũng tiếc như vậy! tôi nói.

“Nhưng đó không phải là tiền đâu!” anh Backit nói, đôi mắt mở thao láo.

Tôi cũng tỏ ra là mình hoàn toàn tin thế, và anh Backit đưa mắt nhìn vợ có vẻ dịu dàng hơn, rồi nói:

“Clara Péctôti Backit là người đàn bà tốt nhất và có ích nhất trên đời. Nhà tôi xứng đáng với mọi lời khen và người ta có thể nói, và còn hơn thế nữa. Nay em, hôm nay em hãy dọn một bữa cơm kha khá cho vị khách của chúng ta nhé, có cái gì ăn, uống ngon ngon một chút, em đồng ý chứ?”

Lẽ ra tôi đã phản đối cách biểu lộ sự săn sóc tôi không cần thiết như vậy, nếu như tôi không thấy chị Pécgôti đứng bên kia giường tỏ vẻ hết sức lo lắng sợ tôi không nhận lời, cho nên tôi im lặng. Anh Backit nói:

“Anh có ít tiền lẻ ở đâu đấy em ạ. Nhưng anh hơi mệt. Nếu em và cậu Đêvít để cho anh ngủ một lát thì tốt quá. Khi nào thức dậy, anh sẽ tìm”.

Chúng tôi rời khỏi phòng theo lời yêu cầu ấy. Khi chúng tôi đứng ở bên kia cánh cửa, chị Pécgôti nói cho tôi biết rằng dạo này anh ấy hơi “riết ráo” hơn mọi ngày và bao giờ cũng dùng cái “thuật” ấy trước khi đưa ra một đồng trong vốn liếng của anh, và anh chịu đựng những sự đau đớn, khổ cực không thể tưởng tượng được để tự mình trườn ra khỏi giường lấy món tiền trong cái hòm tội nghiệp kia. Thật vậy, lát sau chúng tôi nghe anh thốt ra những tiếng rên rĩ nghẹn ngào hết sức kinh khủng, vì cái “thuật” này đã làm cho tất cả các khớp xương anh nhức nhối. Nhưng trong khi cặp mắt của chị Pécgôti đầy thương cảm

đối với anh, chị vẫn bảo rằng thái độ nhân từ ấy sẽ tốt cho sức khỏe của anh và đừng nên cản trở anh. Vì vậy nên anh rên rỉ mãi cho đến khi anh lại nằm lên giường, tôi chắc là anh đã đau đớn như bị hành hình. Sau đó anh gọi chúng tôi vào, làm ra vẻ vừa mới ngủ một giấc ngon lành và đưa ra một đồng ghi-ni ở dưới gối. Niềm thỏa mãn của anh về trò đánh lừa đã có kết quả tốt, và sự bí mật về cái hòm vẫn được giữ nguyên hình như cũng là một sự bù đắp đầy đủ cho anh sau khi đã chịu đựng tất cả những cực hình.

Tôi báo trước cho chị Pécgôti biết rằng Xtiécphoóc sẽ đến và chỉ lát sau là cậu ta tới. Tôi tin chắc rằng chị sẽ không có chút gì phân biệt giữa một người là ân nhân của chị với người bạn tốt của anh ta và chị sẽ tiếp đón với tất cả lòng biết ơn và tận tụy. Nhưng tính vui vẻ, rôm rả của Xtiécphoóc, những cử chỉ ân cần, vẻ lịch sự và biệt tài săn sóc của cậu để đi thẳng vào trái tim con người mà cậu muốn chinh phục và cái tài có thể thích nghi với bất kỳ người nào cậu ưa thích, tất cả những cái đó chỉ trong vòng năm phút đã làm cho chị hoàn toàn tận tụy đối với cậu. Chỉ riêng những cử chỉ cậu đối với chị cũng đủ để chinh phục được chị, huống hồ lại còn thêm tất cả những mặt kia phối hợp, cho nên tôi tin chắc rằng chị khâm phục và trọng vọng cậu trước khi cậu rời khỏi nhà vào tối hôm ấy.

Cậu ngồi đấy với tôi để ăn trưa. Nếu tôi nói cậu vui lòng ngồi vẫn chưa diễn đạt được thái độ vui vẻ và niềm nở của cậu. Cậu bước vào phòng anh Backit làm cho gian phòng này sáng lên và mát mẻ dường như cậu đem đến đây một bầu không khí trong lành. Trong bất kỳ điều gì cậu làm cũng đều không có gì là âm ỉ, là gượng gượng, là cố

ý, mà đều mang cái vẻ thanh thần không thể tả xiết, dường như không thể nào làm một cái gì khác hay làm hơn thế. Thái độ ấy thực là dễ thương, tự nhiên và thoải mái đến nỗi bây giờ, khi nhớ lại, nó vẫn còn làm tôi sửng sốt.

Chúng tôi vui đùa trong phòng khách nhỏ, ở đấy, quyển sách “Những người tử vì đạo”, không ai sờ đến từ thời thơ ấu của tôi, vẫn nguyên vẹn trên chiếc bàn viết như ngày xưa, và lúc này tôi lật lại những trang vẽ những bức tranh kinh khủng, hồi tưởng lại những cảm giác ngày xưa chúng đã gọi cho tôi. Chị Pécgôti nói đến cái mà chị gọi là gian phòng của tôi, nói rằng nó sẵn sàng đón tiếp tôi tối nay và hy vọng tôi sẽ ở đấy. Tôi chưa kịp ngẩn ngại nhìn Xtiecpôóc thì cậu đã hiểu tất cả tình hình. Cậu nói:

“Cố nhiên cậu cứ ngủ ở đây trong thời gian chúng mình ở đây, còn mình sẽ về ngủ ở khách sạn”.

“Nhưng, bắt cậu đi xa như vậy” tôi nói “rồi lại bắt cậu ở riêng một mình, mình cảm thấy thế nào ấy”.

“Thôi đi! Cậu thuộc hạng người nào thế?” cậu nói “Chẳng phải cảm thấy cảm thấy gì hết!”

Và vấn đề coi như đã giải quyết!

Cậu vẫn giữ tất cả những đức tính thú vị cho đến phút chót, lúc chúng tôi ra đi vào khoảng tám giờ tối để đến chiếc tàu của ông Pécgôti. Cố nhiên những đức tính của cậu càng ngày càng biểu lộ rõ rệt hơn; vì ngay lúc bấy giờ tôi đã nghĩ (và bây giờ thì tôi không nghi ngờ gì nữa) rằng vì có ý thức về chỗ mọi người thích mình và muốn làm mọi người thích cho nên nhận xét của cậu càng thêm tế nhị, và mặc dầu tình cảm ấy rất tế nhị, cái ý thức vẫn làm cho sự cố gắng của cậu thành dễ dàng hơn. Nếu như

lúc ấy có người nào bảo tôi rằng tất cả những điều ấy đối với cậu chẳng qua chỉ là một trò chơi thú vị để tìm một niềm vui chốc lát nhằm biểu lộ nghị lực của mình và lòng ham muốn vô lý để tỏ ra mình hơn người, rằng đó là một cách phung phí vô ích nhằm thu những cái mà cậu ta xem là chẳng có giá trị gì hết để rồi, phút sau vất đi ngay, tôi dám chắc... đêm hôm ấy nếu có người nào nói với tôi những lời bịa đặt như vậy thì không biết tôi sẽ giận đến mức nào.

Có lẽ điều đó chỉ càng làm tăng thêm những tình cảm lãng mạn về sự trung thành và tình bằng hữu của tôi khi tôi đi bên cạnh cậu trên bãi cát trong bóng tối mùa đông để đến chiếc tàu cũ kỹ, trong khi tiếng gió chung quanh chúng tôi thờ dài còn náo nức hơn cái đêm tối khi tôi hiện ra lần đầu tiên trên ngưỡng cửa nhà ông Pécgôti.

“Đây có phải là một nơi hoang vu không, Xtiécphoóc?”

“Trong bóng tối thì nó cũng khá ảm đạm đấy” cậu nói “còn mặt biển thì gào thét như muốn nuốt sống chúng ta. Nơi có ánh sáng đằng xa kia có phải là chiếc tàu không đấy?”

“Đúng, nó đấy” tôi nói.

“Nếu thế thì đúng là chiếc tàu mình thấy buổi sáng nay rồi” cậu đáp. “Khi sáng, mình đã đi thẳng đến đó có lẽ vì linh tính thì phải”.

Khi tới gần ánh sáng đó, chúng tôi không nói nữa mà bước rất nhẹ nhàng đến bên cửa. Tôi đặt tay lên then cửa và nói thầm với Xtiécphoóc bảo cậu đứng sát tôi rồi tôi bước vào.

Từ lúc đứng ngoài cửa tôi đã nghe tiếng thì thào, và khi bước vào tôi nghe thấy tiếng vỗ tay - mà lạ thay đó là tiếng vỗ tay của chính bà Gommit, con người xưa nay vẫn rầu rĩ. Nhưng bà Gommit không phải là con người duy nhất đặc biệt bận rộn trong nhà. Ông Pécgôti gương mặt sáng bừng lên vì đắc chí khác thường, cười ha hả, dang rộng đôi tay sẵn sùì như để cho bé Emili chạy vào ôm lấy, còn Ham thì nét mặt vừa thần phục, say sưa, vừa có cái vẻ then thừng, ngượng nghịu rất thích hợp với anh, đang cầm tay bé Emili, dường như để giới thiệu cô với ông Pécgôti. Bé Emili, gương mặt đỏ bừng vì then nhưng sung sướng vì thấy ông Pécgôti vui vẻ. Đôi mắt cô biểu lộ niềm hân hoan ấy và cô bỗng dừng lại khi chúng tôi bước vào (vì cô là người đầu tiên nhìn thấy chúng tôi) ngay lúc cô định rời khỏi tay Ham để ôm chầm lấy ông Pécgôti mà hôn. Trong cái nhìn đầu tiên, chúng tôi đã thấy tất cả, và lúc chúng tôi từ trong đêm tối lạnh lẽo bước vào gian phòng ấm áp, sáng trưng thì mọi người vẫn đang ngồi quây quần như vậy và bà Gommit ở cuối phòng đang vỗ tay như một người điên.

Bức tranh nhỏ bé này đi nhanh chóng khi chúng tôi bước vào đến nỗi người ta có thể tự hỏi xem lúc trước có nó thật không. Tôi đang đứng giữa cái gia đình ngơ ngác, đối diện với ông Pécgôti và giơ tay ra bắt tay ông thì Ham kêu lên:

“Cậu Đêvi! Cậu Đêvi!”

Lát sau, tất cả chúng tôi bắt tay nhau, tíu tít hỏi thăm sức khỏe nhau và nói rằng chúng tôi vui sướng thế nào vì được gặp lại nhau, và tất cả đều nói nhao nhao cùng một lúc. Thấy chúng tôi, ông Pécgôti kiêu hãnh và khoái trá

đến nỗi ông không biết nói gì, cứ bắt tay tôi rồi lại bắt tay Xtiécphoóc rồi rít, rồi lại xoa mớ tóc rồi bừa trên đầu, rồi lại cười với cái vẻ đắc thắng và hân hoan đến nỗi cứ nhìn ông đã thấy vui như tết.

“Hai anh ạ, bây giờ hai anh đều nón cả rồi, nài đến cái nhà này tối nay chứ không phải tối nào khác trong đời tôi” ông Pécgôti nói “đó nà một điều xưa nay chưa bao giờ có, tôi tin như vậy đấy - Cháu Emimi, nài đây! Hòn ngọc bé bỏng của cậu, nài đây! Đây nà bạn của cậu Đêví đấy, cháu ạ! Đây nà người mà cháu đã được nghe nói, Emimi ạ. Anh ấy đến thăm cháu cùng với cậu Đivi trong cái đêm rực rỡ nhất của đời cậu, kể từ trước đến nay cũng như từ nay về sau và sẽ không có đêm nào được như thế. Hoan hô!”.

Sau khi đọc bài diễn văn này một hơi, hết sức phấn chấn và vui vẻ, ông Pécgôti say sưa đặt hai bàn tay to tướng lên hai má của cô cháu gái, và hôn cháu mười hai lần, đoạn áp đầu cháu lên cái ngực rộng của mình với tấm lòng kiêu hãnh dễ thương và đầy trù mến, rồi vỗ về cô cháu như thể bàn tay ông là bàn tay của một người đàn bà. Sau đó, ông buông cô ta, và trong khi Emili chạy vào căn phòng nhỏ bé mà trước kia tôi vẫn ngủ, ông đưa mắt nhìn chúng tôi, người nóng bừng và nghệt thở vì vui sướng vô ngần. Ông Pécgôti nói:

“Hai cậu đã thành người nón rồi, nài nà những người nịch sự quá”.

“Đúng thế, đúng thế!” Ham nói “Chú nói đúng quá! Đúng thật! Cậu đêvi... hai người lớn... đúng ời là đúng”.

“Nếu hai cậu, hai công tử của tôi” ông Pécgôti nói - “Không tha nổi cho tôi đã say sưa như thế này khi các cậu

biết sự việc nà như thế nào thì tôi xin nổi hai cậu. Cháu Eminì, cháu nó biết tôi sẽ nói gì với các cậu đấy”. Đến đấy, niềm vui sướng của ông lại bốc lên - Cháu nó bỏ chạy rồi...Này bà mẹ, bà chịu khó vào xem nó như thế nào nhé, một phút thôi mà!”

Bà Gommit gật đầu và biến mất. Ông Pécgôti nói, trong khi ngồi giữa chúng tôi bên bếp lửa:

“Nếu tối nay không phải nà cái tối từng bình nhất trong đời tôi, thì tôi nà một thằng ích kỷ, một con tôm... một con tôm bị nuộc... tôi chỉ có thể nói thế mà thôi”.

Ông hạ thấp giọng nói với Xtiécphoóc:

“Con bé Eminì mà cậu thấy đấy, con bé cậu vừa thấy đỏ mặt hồi nãy đó mà...”

Xtiécphoóc chỉ gật đầu nhưng với vẻ quan tâm thích thú và cái dáng điệu chia vui với ông Pécôgi này của cậu đã khiến ông trả lời cậu dường như cậu đã nói rồi.

“Đúng rồi, ông Pécgôti nói. Cháu nó đấy, cháu nó như thế đấy, cảm ơn cậu”.

Ham gât đầu với tôi mấy lần dường như anh cũng muốn nói như thế. Ông Pécgôti nói:

“Con bé Eminì của chúng tôi mà các cậu vừa thấy đấy, xưa nay ở trong nhà chúng tôi như nà một hòn ngọc (tôi nà một người ngu dốt nhưng tôi tin như vậy), được mọi người nuông chiều. Cháu nó không phải nà con tôi... tôi không có con, nhưng tôi không thể nào yêu cháu hơn thế nữa. Các cậu hiểu chứ, tôi yêu cháu vô cùng”.

“Tôi rất hiểu” Xtiécphoóc nói.

“Tôi biết nà cậu hiểu, và một lần nữa tôi cảm ơn cậu. Còn cậu Đêvi thì cậu ấy có thể nhớ trước đây cháu nó như

thế nào, cậu có thể tự mình nhận xét xem cháu nó nà người như thế nào. Nhưng cả hai cậu đều không thể biết đầy đủ trước đây cháu có như thế nào, bây giờ nó như thế nào, sau này sẽ như thế nào đối với con tim trù mền của tôi. Cậu ạ, tôi nà một người thô nỡ - ông Pécgôti nói - tôi cũng thô lỗ như một con nhím... nhưng tôi có cảm tưởng rằng không có một người nào, có nẽ trừ phi đó nà một người đàn bà, có thể hiểu được cháu Eminì đối với tôi nà một người như thế nào. Nhưng giữa chúng ta” ông hạ thấp giọng hơn nữa “phải nói rằng người đàn bà ấy sẽ không phải nà bà Gommit, mặc dầu bà Gommit có khối đức tính”.

Ông Pécgôti lại lấy hai tay gãi đầu làm cho tóc xù lên như để chuẩn bị cho điều ông sắp nói, rồi tiếp tục nói, đặt hai bàn tay lên hai đầu gối:

“ Có một anh chàng nào đó đã biết cháu Eminì của chúng tôi từ lúc cha cháu chết đuối, và vẫn nuôn nuôn thấy cháu nó khi còn nà một đứa trẻ, rồi nà một cô gái.

- Anh ta thì chẳng nịch sự gì năm đầu, anh ta thì cũng na ná như tôi, cũng thô nỡ, chẳng thiếu gì điểm giống tôi, đặc biệt đầy nước mận... nhưng đại khái nà một anh chàng trung thực, có con tim chân thành”.

Tôi nghĩ rằng tôi chưa bao giờ thấy Ham mỉm cười hể hả với bất kỳ một cái gì như khi anh ta cười với chúng tôi lúc ấy. Ông Pécgôti nói tiếp, gương mặt bừng sáng như mặt trời vào giữa trưa:

“Thế rồi cái anh chàng quý quái kia nằm gì? Anh ta say cô bé Eminì của chúng tôi như điên đảo. Anh ta theo cô ta khắp nơi, trở thành một thứ dây tở của cô ta, cô ta ăn

mắt ngon, ngủ mắt yên, và cuối cùng anh ta nói thẳng với tôi cái điều khổ sở. Các cậu thấy đấy! Bản thân tôi cũng chỉ muốn và cô bé Emini của chúng ta đi nấy chồng. Dẫu sao tôi cũng chỉ muốn cháu nó nấy một con người trung thực, có quyền bảo vệ nó. Tôi không biết tôi sẽ sống đến bao giờ hay bao giờ tôi sẽ chết, nhưng tôi biết rằng nếu một buổi tối nào đó, tôi bị đắm tàu trong một cơn bão ở đây, ở Yácmao này, và tôi thấy những ánh sáng của thành phố chiếu sáng nần cuối cùng trên những ngọn sóng mà tôi khoong thể đương đầu nổi, tôi sẽ chìm xuống biển bình thản hơn vì nghĩ rằng: "Trên bờ kia có một con người hoàn toàn trung thành với cháu Emini của tôi (nay Chúa phù hộ cho cháu nó!) và hễ con người ấy còn sống thì Emini của tôi sẽ không bao giờ bị khổ cực".

Ông Pécgôti cảm động một cách mộc mạc, ve vẩy cánh tay phải dường như đang vẫy tay lần cuối cùng với những ánh đèn của thành phố, và sau khi gạt đầu với Ham để trao đổi ý kiến vì bất gặp đôi mắt của anh, ông lại tiếp tục nói với cái giọng như trước:

"Thế nà tôi khuyên cậu nói với Emini. Cậu ta người to nớn nhưng nhát hơn trẻ con, nên không dám hé môi. Thế nà tôi nói. Emini bảo tôi: "Anh ấy à? Con người mà cháu đã quen thân từ bao năm nay và yêu quý hết sức! ô, cậu ạ, cháu không bao giờ có thể nấy anh ấy đâu, Anh ấy nà một người rất tốt!" Tôi hôm cháu và tôi chỉ nói thế này: "Cháu ạ, cháu nghĩ gì thì cứ nói thẳng như thế nà tốt, cháu phải chọn đi, cháu tự do như một con chim". Thế rồi tôi đến gặp anh ta và nói: "Tôi tiếc rằng việc đó không thành, mặc dẫu tôi rất muốn. Nhưng hai bên vẫn có thể như trước,

và điều tôi nói với anh nà anh hãy đối xử với nó như một người đàn ông”. Anh ta nói với tôi trong khi bắt tay tôi: “Tôi sẽ nằm thê”. Và anh ấy vẫn cứ tỏ ra một người xứng đáng và trọng danh dự. Suốt hai năm, và chúng tôi ở đây vẫn đối xử với nhau như trước”.

Nét mặt ông Péctôti đã thay đổi nhiều lần trong câu chuyện, bây giờ lại trở lại cái vẻ say sưa, đắc thắng hồi nãy trong khi ông đặt một bàn tay lên đầu gối tôi và bàn tay kia lên đầu gối Xtiecpôóc (trước đây ông đã làm cho cả hai bàn tay ướt dẫm để cho cử chỉ của mình có nhiều sức mạnh hơn) và đọc bài diễn văn như sau, khi thì quay về phía tôi, khi thì quay về phía Xtiecpôóc:

“Đột nhiên, một buổi chiều (một buổi chiều như hôm nay chẳng hạn), bé Emini đi nằm về, và anh chàng cùng đi với cháu. Chắc các cậu sẽ bảo việc đó thì có ý nghĩa gì. Không, bởi vì anh chàng săn sóc cháu như một người anh, khi trời đã tối và cả trước khi trời tối nữa kia, bất kỳ lúc nào. Nhưng cái anh chàng quái quỷ kia nài cầm nấy tay nó và reo nên với tôi vui vẻ: “Xem này, cô ta sẽ nà người vợ nhỏ bé của tôi đấy!”. Và cháu nó nói, nửa mạnh dạn, nửa e nê, nửa khóc, nửa cười. “Đúng đấy cậu ạ, nêu như cậu muốn!”. Nếu như tôi muốn à?” Ông Pécgôti kêu lên, ngoáy tí cái đầu một cách ngây ngất say sưa khi nghĩ đến điều đó “Này Chúa! Tôi không muốn sao được? Nếu như cậu bằng lòng, cháu sẽ ngon hơn. Cháu đã thay đổi ý kiến và sẽ hết sức giúp đỡ anh ấy như một người vợ nhỏ bởi vì anh ấy nà một người rất thân và rất tốt!. Và thế nà bà Gommit vô tay như xem kịch, rồi các cậu vào! Tất cả mọi bí mật chỉ có thế! Các cậu vào! Câu chuyện chỉ vừa mới

xảy ra ở đây thôi, và đây nà anh chàng sẽ nấy cháu nó khi nào cháu nó học nghề xong”.

Ham lão đảo bước trước cái đôn ông Pécgôti giáng cho anh trong niềm vui tràn ngập để tỏ lòng tin cậy và tình thân thiết. Điều đó không có gì lạ. Nhưng cảm thấy phải nói một điều gì với chúng tôi, anh nói rất ngập ngừng và khó khăn:

“Cậu Đêvi ạ... lần đầu tiên khi cậu đến đây thì cô ấy cũng chẳng cao hơn... Lúc ấy tôi đã nghĩ sau này lớn lên cô ấy sẽ như thế nào. Tôi đã thấy cô ấy lớn lên, các cậu ạ, như một bông hoa. Tôi sẵn sàng hy sinh đời mình cho cô ấy, cậu Đêvi ạ... ô! Được làm thế tôi hết sức vui lòng và sung sướng các cậu ạ. Đối với tôi cô ấy là tất cả mọi điều đòi hỏi và hơn cả những gì tôi có thể nói. Tôi tin chắc tôi yêu cô ấy chân thành, không có một người nào ở trên mặt đất, không có một người nào lênh trên biển cả có thể yêu người yêu của mình hơn tôi yêu cô ấy... mặc dầu có rất nhiều người tâm thường... Nhưng sẽ nói điều họ muốn nói thạo hơn tôi nhiều”.

Tôi cảm thấy xúc động khi một chàng lực lưỡng như Ham đang đứng run run do cái tình cảm mạnh mẽ của anh đối với cô bé xinh xắn đã chinh phục tim anh. Tôi nhận thấy lòng tin tưởng mộc mạc của ông Pectôti và của Ham đối với chúng tôi thực là cảm động. Tôi bị tất cả câu chuyện này làm xúc động. Những tình cảm của tôi đã bị những ký ức của tuổi thơ ảnh hưởng đến chừng nào, tôi không biết. Tôi chỉ biết rằng tất cả điều này làm tôi tràn ngập niềm vui, nhưng niềm vui ấy có vẻ hết sức mong manh đến nỗi chỉ một sự thay đổi nhỏ nhất cũng đủ biến

nó thành đau buồn.

Vì vậy cho nên nếu như tôi có nhiệm vụ phải làm họ rung cảm nhất, thì tôi sẽ làm một cách rất vụng về. Nhưng đó là nhiệm vụ của Xtiécphoóc; và cậu đã làm điều đó tài tình đến nỗi chỉ trong vòng vài phút, chúng tôi đều đã cảm thấy hết sức sung sướng và thoải mái. Cậu nói:

“Ông Pécgôti, ông là một người hết sức tốt và xứng đáng được sung sướng như tối nay ông đã sung sướng. Nào, bắt tay nào... Bắt tay anh Ham, tôi khen ngợi anh. Bắt tay cậu cả Tường Vi nữa; ta đốt lửa lên cho nó kêu lách tách đi! Còn ông pécgôti, nếu ông không thể làm sao thuyết phục cho cô cháu dễ thương đến đây (tôi dành cho cô ấy cái chỗ ngồi này ở xó bếp) thì tôi sẽ đi đấy! Trong một buổi tối như tối nay, có bất kỳ một chỗ trống nào bên bếp lửa, nhất là để một chỗ trống như thế thì dù cho tôi tất cả của cải của nước ấn Độ, tôi cũng không nghe đâu!”.

Ông Pécgôti bèn đi vào cái phòng cũ của tôi để tìm bé Emili. Lúc đầu bé Emili không chịu ra. Sau đó Ham đến. lát sau họ đưa cô ra ngồi cạnh bếp lửa, thẹn thùng, bẽn lẽn. Nhưng chỉ một lát là cô mạnh dạn hơn vì thấy Xtiécphoóc nói với cô một cách dịu dàng và kính cẩn. Cậu có cái biệt tài tránh tất cả những gì làm cô lúng túng. Cậu nói thao thao bất tuyệt với ông Pécgôti về những chuyện tàu bè, thuỷ triều và cá. Cậu nhắc lại cái tời cậu thấy ông Pécgôti ở Xalem học hiệu, cậu tỏ vẻ thú vị về chiếc tàu và tất cả những vật ở trong tàu. Cậu nói lưu loát và thoải mái đến nỗi dần dần cậu làm cho chúng tôi nói thao thao không gìn giữ gì nữa, thành một cuộc họp mặt thú vị, say sưa.

Thực ra tối hôm ấy Emili nói ít nhưng cô nhìn và lắng nghe, gương mặt cô tươi lên, và cô rất xinh. Xtiécphoóc kể lại một chuyến đi trên tàu kinh khủng (nhân nói chuyện với ông Pécgôti), dường như cậu thấy cả cảnh tượng ấy đang diễn ra trước mắt, và cặp mắt của Emili cũng dán chặt vào cậu trong suốt câu chuyện, dường như cô cũng thấy cái cảnh tượng ấy diễn ra. Cậu kể cho chúng tôi một câu chuyện vui của chính cậu để bù lại câu chuyện vừa rồi, cậu nói vui vẻ hầu như đối với cậu, câu chuyện cũng mới mẻ như là đối với chúng tôi; và bé Emili cười ròn rã, khiến cho cả chiếc tàu đều vang lên tiếng cười êm dịu, và tất cả chúng tôi (cả Xtiécphoóc nữa) đều cười vang vì thấy đồng tình với niềm vui vô tư dào dạt ấy. Cậu làm cho ông Pécgôti hát, hay đúng hơn là gào lên, “khi những ngọn gió bão bùng thổi lên, thổi lên ⁽¹⁾ và bản thân cậu cũng hát những bài hát thuỷ thủ với một giọng đầy cảm xúc và hay đến nỗi tôi dường như có thể hình dung thấy ngọn gió ầm ầm đang thổi buồn bã chung quanh nhà và thì thầm trong cái cảnh im lặng của chúng tôi.

Còn về bà Gômmit thì cậu làm cho nạn nhân của bệnh buồn nản này đạt đến một kết quả mà trước đây không ai làm được (ông Pécgôti bảo tôi thế) từ khi ông già chết đi. Cậu làm cho bà ta không có thì giờ cảm thấy mình cực khổ, khiến hôm sau bà ta phải nói rằng bà ta đã bị ma ám.

Nhưng cậu không đọc chiếm tất cả sự chú ý của mọi

⁽¹⁾ Bài hát của Tômát Camben: “Hỡi các anh, những thuỷ thủ của nước Anh”.

người, hay tất cả câu chuyện. Khi Emili đã mạnh dạn hơn và ngồi đối diện với tôi, nói với tôi trước ngọn lửa (nhưng vẫn còn bẽn lễn) về những cuộc đi chơi lang thang trên bờ biển của chúng tôi để nhặt sỏi và sò, khi tôi hỏi cô xem cô có nhớ lúc ấy tôi tận tụy với cô như thế nào không, khi cả hai chúng tôi đỏ mặt cười ngoái nhìn lại cái thời xa xưa thú vị, nhưng bây giờ nhìn thì có vẻ xa xôi, thì cậu ngồi im lặng và chăm chú, quan sát chúng tôi một cách đầy tư lự. Lần này cô ngồi suốt cả buổi tối trên chiếc hòm trong cái góc nhỏ bé ngày xưa của cô bên cạnh bếp lửa, cạnh Ham, chỗ mà trước kia tôi vẫn ngồi. Tôi không biết phải chăng đó là cái lỗi của riêng cô để làm người ta đau khổ, hay cái thái độ e lệ của người con gái trước mặt chúng tôi, khiến cô ngồi dán sát vào tường, cách xa Ham; nhưng tôi nhận thấy cô cứ ngồi như vậy suốt cả buổi tối.

Tôi nhớ khi chúng tôi từ già họ thì trời đã gần khuây. Chúng tôi có một ít bánh bích quy và cá nướng để ăn tối, và Xtiécphoóc rút trong túi ra một chai rượu Ha-lan mà chúng tôi, những người lớn (bây giờ tôi có thể nói chúng tôi là người lớn mà không thẹn) đã uống hết. Chúng tôi chia tay vui vẻ trong khi mọi người đều đứng quanh cửa để chiếu sáng đường chúng tôi đi cho thật xa. Tôi thấy đôi mắt biếc của bé Emili lấp ló nhìn theo chúng tôi và nghe giọng nói dịu dàng của cô bảo chúng tôi đi cẩn thận. Xtiécphoóc khoác tay tôi nói:

“Con bé mê hồn. Kể ra, cũng là một nơi đến ngộ nghĩnh và những người ngộ nghĩnh. Sống với họ, mình có một cảm giác thực mới lạ”.

“Chúng mình-lại may mắn quá” tôi đáp “được đến

chúng kiến hạnh phúc của họ trước đám cưới nay mai. Mình chưa bao giờ thấy những người sung sướng thế. Nhìn thấy họ đến thích, và được dự vào niềm vui trung thực của họ, như chúng mình hồi nãy, cũng đến thích”.

“Cu cậu cũng hơi vụng về thô lỗ so với con bé, có phải không nào?” Xtiécphoóc hỏi.

Nãy giờ cậu vẫn tỏ ra thân mật với Ham và với mọi người cho nên nghe câu nói lạnh lùng và bất ngờ ấy tôi thấy khó chịu. Nhưng khi quay nhanh lại phía cậu, thấy nụ cười trong cặp mắt của cậu, tôi trả lời một cách an tâm:

“Xtiécphoóc, bao giờ cậu cũng có thể bông đùa khi nói về người nghèo! Cậu có thể chiến đấu với bà Đacton, hay tìm cách che giấu những thiện cảm đối với mình để đùa nghịch nhưng mình còn biết rõ cậu nhiều hơn nữa. Khi mình thấy cậu có thể hiểu họ hoàn toàn cậu có thể thông cảm với một hạnh phúc như hạnh phúc của người đánh cá mộc mạc kia, hay trân trọng một tình yêu như tình yêu của chị bảo mẫu già của mình thì mình biết rằng cậu không thể thờ ơ đối với bất kỳ vui buồn, bất kỳ cảm xúc nào của họ. Và mình lại càng phục và yêu cậu gấp trăm lần, Xtiécphoóc ạ”.

Xtiécphoóc dừng lại, nhìn tôi chăm chú và nói:

“Tuông Vi, mình cho rằng cậu nói đúng đắn và cậu tốt. Nếu tất cả chúng ta đều thế thì tốt lắm nhĩ”.

Lát sau, cậu vui vẻ hát bài hát của ông Pécgôti, trong khi chúng tôi rào bước trở về Yácmáo.

Chương XXII

MỘT VÀI CẢNH CŨ VÀ MỘT VÀI NGƯỜI MỚI

Tôi và Xtiécphoóc sống ở vùng này hơn nửa tháng. Chúng tôi thường sống bên nhau, chẳng cần phải nói, nhưng thỉnh thoảng lại tách rời nhau vài giờ liền. Cậu có máu thủy thủ. Còn tôi, tôi chẳng để tâm đến điều đó; và khi cậu đi thuyền ra khơi với ông Pécgôti, đó là cái thú cậu ham thích nhất thì tôi thường ở trên bờ. Tôi giữ gian phòng chị Pécgôti dành cho tôi nên phải chịu một sự ràng buộc mà cậu không mắc phải. Biết chị suốt ngày săn sóc chăm nom anh Báckít tôi không muốn trở về khuya; trái lại, Xtiécphoóc sống ở quán nên chỉ cần theo sở thích mình. Tôi nghe nói khi tôi đã đi ngủ cậu còn tổ chức những bữa tiệc nhỏ đãi những người đánh cá ở quán “Người hảo tâm” là quán ông Pécgôti thích nhất, hay cậu mặc quần áo đánh cá ra khơi mấy đêm rồng dưới ánh trăng rồi lại trở về với nước thủy triều lên vào buổi sáng. Từ lúc này tôi đã biết cậu thích chạy theo cái bản tính xông xáo và cái đầu óc táo bạo chẳng hạn thích tìm những công việc nhọc nhằn lúc

thời tiết gay go, cũng như tìm mọi thứ kích thích khác mà cậu cho là mới mẻ, vì vậy những việc ấy không làm tôi ngạc nhiên chút nào.

Một nguyên nhân khác làm chúng tôi sống xa nhau: cố nhiên tôi thích trở về Blondeston thăm những cảnh cũ quen thuộc thời thơ ấu, còn Xtiécphoóc sau khi đến đây một lần, cố nhiên không thích trở lại nữa. Vì vậy tôi nhớ đầu ba, bốn lần, mỗi người đi chơi theo sở thích của mình sau khi ăn điểm tâm rất sớm rồi lại gặp nhau vào bữa ăn chiều rất muộn. Trong thời gian này tôi không có một khái niệm gì về chỗ cậu dùng thì giờ như thế nào, chỉ biết đại khái là ở Yácmao cậu được mọi người thích, cậu có trăm cách tiêu khiển, trong khi người khác có thể không tìm ra cách nào.

Về phần tôi trong những cuộc hành hương cô độc tôi hồi tưởng lại từng thước một trên con đường xưa cũ trong khi thơ thần cảnh cũ thân thiết xưa kia không bao giờ biết chán, chân tôi đến thăm, cũng như ký ức của tôi đã từng nghĩ đến và tần ngần thơ thần giữa những cảnh ấy cũng như những ý nghĩ của tôi lúc còn nhỏ vẫn thường lân la ở đây trong khi ở xa. Tôi đã thơ thần hàng giờ bên ngôi mộ dưới bóng cây, nơi cha mẹ tôi yên nghỉ... ngôi mộ tôi đã nhìn từ cửa sổ khi mới chỉ là ngôi mộ của cha tôi với những mối thương cảm là lạ, và tôi đã đứng bên cạnh, trong lòng tan nát, khi nó mở ra đón mẹ tôi cùng với đứa con xinh xắn của người... ngôi mộ mà chị Pécgôti bây nay vẫn săn sóc trung thành, quét dọn sạch sẽ và biến thành một cái vườn. Nó nằm hơi xa con đường của nghĩa địa, trong một góc tĩnh mịch, nhưng không quá xa nên tôi có

thể đọc những cái tên ghi trên đá khi tôi đi đi lại lại và giắt mình nghe tiếng chuông nhà thờ điểm giờ, vì nó giống tiếng nói của một người đã khuất. Những điều ngẫm nghĩ bằng khuáng trong những giờ phút này bao giờ cũng gần với địa vị mai đây của tôi trong đời và những việc đặc biệt tôi sẽ phải làm. Bước chân tôi vang lên cũng hòa nhịp theo những điều suy nghĩ và luôn luôn nhắc nhở dường như tôi về quê để xây dựng những ước mơ viễn vông cạnh một bà mẹ đang sống.

Ngôi nhà cũ của tôi đã thay đổi nhiều. Những tổ quạ tan tác, từ lâu vắng bật tiếng chim nay đều biến mất, cây cối đã bị cắt tỉa đã mất hình dáng ngày xưa. Khu vườn đã thành hoang dại và một nửa cửa sổ trong nhà đã bị đóng kín. Ngôi nhà có người ở, nhưng đó chỉ là một anh chàng tội nghiệp mắc bệnh điên, với những người săn sóc anh ta. Bao giờ anh ta cũng ngồi cạnh cái cửa sổ nhỏ bé của tôi, nhìn ra nghĩa địa, và tôi tự hỏi không biết cái đầu óc điên đảo kia có bao giờ nghĩ đến cái hình ảnh đã từng lẩn quẩn trong óc tôi vào những buổi sáng hồng; khi tôi mặc quần áo ngủ, lấp ló nhìn ra ngoài, qua cái cửa sổ nhỏ bé kia, và thấy những con cừu điểm nhiên ăn cỏ dưới ánh sáng mặt trời đang lên.

Các bạn láng giềng xưa của chúng tôi, ông bà Gráypơ, đã đi Nam Mỹ, nước mưa đã xối thùng mái ngói nhà trống rỗng của họ và làm cho những bức tường bên ngoài hoen ố. Ông Silip lại tục huyền với một bà đáng người cao, xương xương, mũi nhọn; và hai người đã có một đứa con nhỏ gầy gò, đầu nặng trĩu mà nó không mang nổi. Nó có đôi mắt yếu đuối ngơ ngác như bao giờ cũng ngạc

nhiên không hiểu tại sao nó lại ra đời.

Tôi thường lang thang ở làng quê với một tâm trạng khó tả vừa buồn buồn vừa vui vui, cho đến khi mặt trời mùa đông rực đỏ lên, nhắc tôi lên đường trở về. Nhưng khi đã bỏ nơi ấy lại phía sau, và nhất là khi Xtiécphoóc và tôi ngồi sung sướng trước bữa ăn, cạnh ngọn lửa cháy rừng rực, tôi cảm thấy khoái trá khi nghĩ rằng mình đã đến đây. Tôi cũng có cảm tưởng như vậy, mặc dầu ở một mức nhẹ hơn, khi bước vào căn phòng rất sạch sẽ của tôi vào buổi tối, tay giở những trang của quyển sách cá sấu (nó bao giờ cũng ở đấy, trên một cái bàn con). Lòng đầy biết ơn, tôi hồi tưởng thấy tôi thực tốt phúc có được một người bạn như Xtiécphoóc một người bạn như chị Pécgôti và một người thay thế tất cả những cái gì tôi đã mất như người cô quý hóa và nhân từ của tôi.

Con đường ngắn nhất để về Yácmao sau khi đi những đoạn đường dài như vậy, là đi qua phà. Chiếc phà đưa tôi đến một cánh đồng giữa thành phố và mặt biển, và tôi có thể đi thẳng qua cánh đồng, do đó bớt được một đoạn đường quanh khá dài trên đường cái. Ngôi nhà của ông Pécgôti lại ở cái nơi trống trải ấy, cách con đường tôi đi không đầy trăm mét, cho nên mỗi khi đi qua bao giờ tôi cũng tat vào. Tôi có thể chắc chắn gặp Xtiécphoóc đang ngồi chờ tôi ở đấy, và chúng tôi lại tiếp tục ra đi trong không khí giá lạnh, trong khi sương mù dâng lên về phía những ánh đèn lấp lánh của thành phố.

Một buổi tối hôm ấy trời rất tối, vì tôi trở về muộn hơn mọi ngày (hôm ấy tôi đi thăm Blondxton trước khi từ biệt vì chúng tôi sắp sửa phải về), tôi thấy một mình cậu

trong nhà ông Pécgôti, ngồi trầm ngâm trước ngọn lửa. Cậu đang mãi mê suy nghĩ đến nỗi hoàn toàn không biết tôi đến gần. Dù cậu có ít trầm ngâm hơn thì cậu cũng không dễ gì nghe những bước chân tôi giẫm nhẹ nhàng trên mặt đất phủ cát ở chung quanh, nhưng ngay cả việc tôi bước vào cũng không làm cho cậu bừng tỉnh. Tôi đứng sát cạnh cậu, nhìn cậu, thế mà cậu vẫn ngồi yên, vầng trán tư lự, dăm chiêu suy nghĩ. Khi tôi đặt tay lên vai cậu, cậu giật mình đánh thót một cái, làm tôi cũng giật mình theo. Cậu nói gần như giận dữ:

“Cậu đâm bỏ vào người mình như một con ma oán trách người ta ấy”.

“Mình cũng phải tự giới thiệu như thế nào chứ!” tôi đáp. “Có phải mình đã lôi cậu từ trên cung trăng xuống không đấy?”

“Không!” cậu đáp “Không phải”.

“Thế từ nơi nào xuống?” Tôi nói và ngồi cạnh cậu.

“Mình đang nhìn những hình ảnh trong ngọn lửa” cậu đáp

“Nhưng cậu làm hỏng hết cả!” Tôi nói trong khi cậu vội vàng khơi lửa với một khúc gỗ đỏ rần rật, làm tung ra cả một đám lửa đỏ rực bay lên trên cái lò sưởi nhỏ bé, rồi bay ra ngoài kêu vù vù.

“Cậu sẽ không thấy được những hình ảnh ấy” cậu đáp. “Mình ghét cái giờ hỗn tạp này, ngày không ra ngày, đêm chẳng ra đêm. Sao cậu về muộn thế? Cậu đi đâu thế?”

“Mình đi từ biệt nơi mình vẫn thường đến chơi”, tôi nói.

“Còn mình thì này giờ vẫn cứ ngồi ở đây”

Xtiécphoóc nói, đưa mắt nhìn quanh phòng, “nghĩ đến những con người mà chúng ta thấy vui sướng thế nào, đêm chúng ta đến đây, rồi có thể tan tác (nếu cứ xét theo cái cảnh tượng buồn tênh của ngôi nhà vào lúc này) hay chết đi, hay gặp những cảnh bất hạnh nào mình cũng không biết nữa. Đêvi ạ, giá hai mươi năm nay trời cho mình một người cha nghiêm nghị tốt thì tốt quá!”

“Xtiécphoóc, có việc gì thế?”

“Mình rất tiếc rằng mình không được hướng dẫn tốt hơn!” Cậu nói gần như thét “Mình rất tiếc rằng mình không thể nào hướng dẫn cho mình tốt hơn!”

Trong cử chỉ của cậu có cái vẻ buồn bã da diết làm cho tôi hết sức ngạc nhiên. Tôi không bao giờ có thể tin rằng tâm trạng cậu bỗng khác hẳn ngày thường như thế.

“Thà mình là cái ông Pécgôti nghèo khổ, thà mình là anh cháu vụng về của ông ta” cậu vừa nói vừa đứng dậy, uể oải dựa vào lò sưởi, mặt hướng về ngọn lửa “còn hơn là mình giàu hơn họ hai mươi lần và thông thái hơn họ hai mươi lần, nhưng lại gây cho mình những điều phiền muộn như mình đã làm trong chiếc tàu thủy quỷ quái này, trong nửa giờ vừa qua!”

Tôi sững sốt trước sự thay đổi của cậu đến nỗi lúc đầu tôi chỉ biết im lặng nhìn: cậu đứng, bàn tay đỡ lấy đầu cúi xuống nhìn ngọn lửa, nét mặt ủ dột. Cuối cùng, tôi đem tất cả lòng chân thành cầu khẩn cậu nói cho tôi biết điều gì đã làm cậu bức mình kỳ quặc như vậy, để tôi có thể thông cảm với nỗi đau buồn của cậu, nếu như tôi không thể đưa ra những lời khuyên. Nhưng tôi chưa nói hết, cậu đã bắt đầu cười ròn rã, lúc đầu còn cúi kính, nhưng chỉ trong

chốc lát lại vui vẻ ngay.

“Ồ, có quái gì đâu, Tường - Vi ạ! Có gì đâu” cậu nói “mình đã nói với cậu trong cái quán ở Luân Đôn rằng đôi khi mình là một anh bạn đường khó chịu ngay đối với cả chính mình. Mình là một cơn ác mộng đối với chính mình, mình nghĩ rằng mình vừa mơ thấy một cơn ác mộng. Trong những giờ buồn bã, những chuyện trẻ con bỗng hiện lên trong ký ức của mình, nhưng không biết nó ở đâu đến. Mình tưởng rằng mình là một đứa trẻ ác không để ý đến gì hết và trở thành cái mối cho những cơn sợ hãi... đó là một cách nói cho nó oai để bảo rằng công việc hồng bát. Mình bị xâm chiếm bởi cái mà các bà già bảo là những ảo giác... Mình sợ cả mình nữa”.

“Mình nghĩ rằng ngoài cái đó ra cậu không sợ gì nữa?” tôi nói.

“Có lẽ thế, ấy thế mà vẫn có khá nhiều điều mình phải sợ” cậu đáp. “Thôi! Chuyện ấy qua rồi, mình không mơ mộng lối cuốn nữa đâu, Đêvi ạ. Nhưng mình nói thực với cậu một lần nữa, ông bạn ạ, giá mình có được (và cả những người khác chứ không phải chỉ mình) một người cha nghiêm nghị và sáng suốt thì sẽ tốt hơn nhiều”.

Gương mặt cậu bao giờ cũng gợi cảm, nhưng tôi không bao giờ thấy nó hiển hiện một thứ tình cảm thiết tha, ồ dột như khi cậu nói những câu này, đôi mắt vẫn đắm đắm nhìn vào ngọn lửa.

“Thôi ta nói sang chuyện khác” cậu nói, khoát tay đường như cậu nhẹ nhàng tung lên trời một vật gì “*Phải đấy, bây giờ nó đã biến mất, ta lại là con người như cũ, như mình không làm bữa tiệc gián đoạn vì một hành động*

mất trật tự hết sức kỳ lạ”⁽¹⁾ (theo kiểu Macbet) Tường Vi ạ”.

“Nhưng mình muốn biết họ đi đâu cả rồi?” tôi nói.

“Có trời biết” Xtiếcphoóc nói, “mình đi thơ thẩn trên bến phà để tìm cậu, rồi mình lại thơ thẩn vào đây. Mình thấy nơi này vắng tanh. Điều đó làm cho mình suy nghĩ, và cậu thấy mình đang ngồi suy nghĩ đấy.

Bà Gommit xuất hiện, tay cầm cái rổ, làm tôi hiểu tại sao ngôi nhà trống trải như vậy. Bà vội vã chạy ra ngoài mua một thứ gì cần thiết, trước khi ông Pécgôti trở về với ngọn thủy triều, và bà đã để cửa mở vì nghĩ rằng Ham và bé Emili (đó là ngày mà cô được nghỉ về nhà sớm) sẽ về nhà trong khi bà đi vắng. Xtiếcphoóc sau khi đã làm cho bà Gommit vui vẻ hơn nhiều bằng những lời chào vui vẻ, và một cái hôn tình nghịch, vội vã khoác tay kéo tôi ra ngoài.

Cậu cũng đã tỏ ra vui vẻ hơn nhiều, chẳng kém gì bà Gommit, vì trên đường đi, cậu đã trở thành như mọi ngày và nói chuyện rất rôm rả. Cậu vui vẻ nói:

“Thế là từ mai chúng mình sẽ từ bỏ cuộc sống giang hồ này phải không?”

“Phải đấy, chúng mình đã quyết định như thế” tôi đáp. “Chúng mình đã giữ chỗ ở xe ngựa rồi, cậu biết chứ?”

“Phải rồi, chẳng còn cách nào khác, mình cũng nghĩ vậy” Xtiếcphoóc nói “mình hầu như đã quên rằng trên đời này còn có những việc khác, ngoài việc đi lênh đênh trên

⁽¹⁾ Hai câu nói của Macbet với vợ (Macbet III, 4) sau khi con ma xuất hiện rồi sau đó biến mất.

biển ở đây. Minh mong rằng không có cái gì khác”.

“Hề cái điều mới mẻ còn có thể kéo dài” tôi nói và cười khanh khách.

“Có thể như thế” cậu đáp. “Đối với một người ngây thơ trẻ trung như cậu thì nhận xét trên của cậu là rất châm biếm. Đúng đấy, mình có thể nói mình là một người tính đồng bóng. Đêvi ạ. Minh biết mình là một người tính đồng bóng. Đêvi ạ. Minh biết mình lắm, nhưng khi cờ đến tay thì mình cũng biết phát ra trò. Minh nghĩ rằng mình đã có thể thi kỳ thi thủy thủ ở biển Yácmao với một kết quả khá.

“Ông Pécgôti nói cậu là một người phi thường” tôi nói.

“Một kỳ quan về hàng hải chứ gì?” Xtiécphoóc nói cười ròn rã.

“Ông ta nói thế thực và cậu biết là ông ta có lý. Chỉ cần nhìn cậu đeo tuổi say sưa những ham thích và có thể thông thạo nó dễ dàng như thế nào là đủ rõ. Minh ngạc nhiên quá Xtiécphoóc ạ, tại sao cậu lại chỉ vui lòng sử dụng khả năng của mình một cách không chuyên tâm như vậy?”

“Vui lòng à?” cậu trả lời vui vẻ. “Minh không bao giờ vui lòng về cái gì hết, không kể về vẻ tươi tắn của cậu, Tường Vi ạ. Còn về chỗ thích thay đổi thì mình không bao giờ học lối tự trói buộc mình vào bất kỳ chiếc bánh xe nào, trên đó những Icxion⁽¹⁾ trong thời đại này đang quay như

⁽¹⁾ Icxion: Vua xứ Lapit được Đor cho lên núi Ôlêmpư, nhưng vì hỗn xược với Junô nên bị đẩy xuống địa ngục và bị buộc vào bánh xe quay tít

chong chóng. Mình bỏ mất cái nghệ thuật ấy vì tập dượt kém và bây giờ mình chẳng thiết gì đến trò ấy nữa. Cậu biết mình đã mua một chiếc thuyền nhỏ ở đây chứ?”

“Cậu thật là một người kỳ lạ, Xtiécphoóc ạ” tôi kêu lên, sững sốt (Bởi vì đó là lần đầu tiên tôi nghe cậu nói đến việc mua bán này) khi cậu có thể không bao giờ trở lại miền này!”

“Mình không cần biết đến điều đó” cậu đáp. “Mình đã thích nơi này. Dẫu sao, (cậu kéo tôi đi nhanh) mình cũng đã mua một chiếc thuyền người ta bán, chiếc thuyền có buồm, theo như ông Pécgôti nói, và đó là sự thực. Ông Péctôti sẽ điều khiển chiếc thuyền ấy khi mình vắng mặt”.

Bây giờ mình hiểu cậu rồi, Xtiécphoóc ạ” tôi nói, giọng tán phục. “Cậu là ra vẻ mua nó cho cậu nhưng thực ra cậu làm như thế để làm ơn cho ông ta. Ngay từ đầu mình đã có thể đoán được điều đó vì mình biết cậu. Xtiécphoóc thân mến và quý hóa, mình biết diễn đạt thế nào những điều mình nghĩ về lòng rộng rãi nhân từ cả cậu?”

“Thôi đi!” Xtiécphoóc nói, mặt đỏ bừng “Cậu nói ít cho tôi nhờ”.

“Mình chẳng nói thế sao?” tôi nói. “Chẳng phải mình đã nói rằng cậu không thờ ơ đối với niềm vui, một nỗi buồn hay một cảm xúc nào của những con tim trung thực như vậy hay sao?”

“Ừ, ừ” cậu đáp “cậu ca ngợi mình như thế là đủ quá rồi đấy, chúng mình đã nói khá nhiều rồi đấy”.

Tôi sợ làm cậu giận nếu cứ tiếp tục nói đến vấn đề ấy khi cậu tỏ ra không có gì quan trọng, cho nên tôi rảo bước

nhánh hơn.

“Chiếc thuyền ấy phải lấp buồm và sửa chữa lại”
Xtiécphoóc nói “và mình sẽ để Litimơ ở đây theo dõi công
việc để có thể biết chắc xem nó có được sửa sang hoàn hảo
không. Mình đã bảo cậu rằng Litimơ đã đến đây chưa
nhỉ?”

“Chưa!”

“Ồ, nó đã đến đây sáng nay và mang theo một bức
thư của mẹ mình”.

Khi mắt chúng tôi gặp nhau, tôi thấy mặt cậu tái
xanh, đến cả đôi môi cũng vậy, mặc dầu cậu vẫn nhìn
thẳng vào tôi không chớp mắt. Tôi sợ có việc xích mích
xảy ra giữa cậu và bà cụ đã khiến cho cậu ở trong tâm
trạng như tôi đã thấy khi tôi bắt gặp cậu ngồi một mình
bên cạnh ngọn lửa. Tôi nói xa xôi ám chỉ điều đó.

“Ồ, không đâu” cậu nói, lắc đầu cười khe khẽ “không
phải thế đâu! Nhưng mà anh đây tởm trứ danh của mình đã
đến đây”.

“Cũng vẫn như trước chứ? tôi hỏi.

“Cũng vẫn như trước? Xtiécphoóc nói “lặng lẽ và xa
xăm như Bắc-cực. Nó sẽ trông nom cho đến khi chiếc
thuyền được gọi bằng một cái tên mới. Hiện nay tên nó là
“Hải điểu trong bão táp” Ông Pécgôti cần quái gì đến
những con Hải điểu trong bão táp? Mình sẽ đặt lại tên cho
nó”.

“Đặt tên gì?” tôi hỏi.

“*Cô bé Emil*”

Cậu vẫn cứ tiếp tục nhìn tôi chăm chú. Tôi cho rằng
cái nhìn ấy nhắc cho tôi nhớ rằng cậu không thích người ta

ca ngợi thái độ ân cần của mình. Tôi không thể không biểu lộ trên nét mặt rằng điều đó đã làm cho tôi thích thú như thế nào, tôi chỉ nói mấy lời và cậu lại mỉm cười như mọi ngày, có vẻ khoan khoái. Cậu nhìn ra phía trước mặt và nói.

“Nhưng này, kìa cô bé Emili bằng xương bằng thịt đến đây”! Lại cả cậu ta cùng đi với cô ta nữa, có phải không? Mình dám chắc cậu ta là một hiệp sĩ trung thành, cậu ta không bao giờ rời cô ả!”

Lúc này Ham là thợ đóng thuyền. Anh đã phát huy khả năng tự nhiên của mình về nghề này cho đến khi trở thành một người thợ thành thạo. Anh mặc quần áo làm việc và có vẻ hơi thô nhưng cũng khá oai vệ, và anh là người bảo vệ xứng đáng với con người nhỏ nhắn tươi như hoa đi bên cạnh anh. Gương mặt anh có cái vẻ chân thành, trung thực, biểu lộ không giấu diếm lòng kiêu hãnh về tình yêu của mình đối với Emili, và điều này đối với tôi là vẻ đẹp cao quý nhất. Khi hai người tiến về phía chúng tôi, tôi thấy họ thật xứng đôi vừa lứa, ngay cả về mặt này.

Emili bèn lên rút tay ra khỏi Ham khi chúng tôi dừng lại nói chuyện với hai người, và đỏ bừng mặt khi đưa tay cho Xtiécphoóc và tôi bắt. Khi hai người tiếp tục đi sau vài câu trao đổi, cô không nắm tay Ham như trước nữa mà bước một mình ra về bên lên, ngược ngừng. Tôi thấy cử chỉ của cô thực duyên dáng, đáng yêu, và Xtiécphoóc hình như cũng nghĩ như vậy trong khi chúng tôi nhìn theo bóng hai người đang mờ dần trong ánh trăng non.

Đột nhiên chúng tôi bắt gặp một người đàn bà rõ ràng đang bước theo họ. Chúng tôi không chú ý đến việc

người ấy đến gần, nhưng khi người này đi qua, tôi nhìn khuôn mặt và nhớ mang máng không biết đã thấy người này ở đâu. Người này ăn mặc sơ sài, trông táo tợn, ngờ ngác, kiêu hãnh và nghèo, nhưng lúc này dường như đã vứt tất cả mọi điều bận tâm kia cho ngọn gió thổi vù vù, và chỉ nghĩ một điều là đi theo họ. Vì cánh đồng tối đen trước mặt đã nuốt mất hình bóng của họ và làm cho chúng tôi chỉ thấy nó chạy dài từ chúng tôi đến mặt biển hay từ chúng tôi đến bầu trời đầy mây, nên hình bóng người kia cũng biến mất như vậy, nhưng vẫn cách xa hai người yên lặng nói:

“Cái bóng đen đang đi theo người con gái kia là cái gì vậy?”

Anh nói hạ thấp giọng làm tôi thấy có vẻ lạ lùng. Tôi nói:

“Có lẽ muốn xin xỏ họ gì đấy”.

“Người ăn mày không phải cái gì mới mẻ” Xtiécphoóc nói, “nhưng một người ăn mày lại có cái hình dáng như tối nay thì cũng lạ thực”.

“Sao thế?” tôi hỏi.

“Kể ra”, cậu nói tiếp sau khi im lặng một lát, “chẳng qua chỉ vì mình đang nghĩ đến một điều gì tương tự khi bóng đen kia xuất hiện. Con mụ quỷ quái kia ở đâu ra thế nhỉ?”

“Mình nghĩ rằng ở trong bóng tối của bức tường này đi ra”, tôi nói, vì lúc đó chúng tôi vừa đến một con đường chạy dọc theo một bức tường.

“Nó qua rồi!” Xtiécphoóc đáp lại sau khi ngoái cổ lại nhìn “và tất cả những gì rui ro đều đi theo nó. Bây giờ

ta về ăn tối đi!”

Nhưng cậu lại ngoái cổ nhìn về phía chân trời lấp lánh xa xa trên mặt biển, rồi lại nhìn lần thứ hai. Rồi cậu lại ngạc nhiên về điều đó, quá một vài câu nói nhát gừng mà cậu nói nhiều lần trên đoạn đường ngắn ngủi còn lại. Cậu hình như chỉ quên điều đó khi chúng tôi ngồi ẩm áp và vui vẻ trước bữa ăn trước ánh lửa và ánh sáng những ngọn nến.

Litimơ ở đây, và y vẫn gây cho tôi một ấn tượng như mọi ngày. Khi tôi bảo y rằng tôi chắc là bà Xtiécphoóc và cô Đactơn vẫn mạnh khỏe thì y trả lời kính cẩn (và cố nhiên trang trọng) rằng họ cũng khá khỏe mạnh, rồi y cảm ơn tôi và chuyển cho tôi lời chúc mừng của họ. Y chỉ nói có thế, tuy vậy tôi vẫn cảm thấy hình như y nói trắng với tôi rằng: “Ông ơi, ông non nớt lắm, ông còn non nớt quá !”

Chúng tôi ăn sắp xong, bỗng y rời khỏi cái góc mà y vẫn ngồi để canh chúng tôi, hay đúng hơn (đó là cảm tưởng của tôi, để canh tôi, và bước một hai bước về phía cái bàn để nói với ông chủ:

“Xin lỗi ông, cô Maosơ đã đến đây”.

“Ai?” Xtiécphoóc hỏi hết sức ngạc nhiên.

“Thưa ông cô Maosơ ạ”

“Con mẹ ấy đến đây làm quái gì?” Xtiécphoóc nói.

“Thưa ông hình như đây là quê của cô, cô bảo tôi rằng năm nào cô cũng đến đây vì công việc. Chiều nay tôi gặp cô ngoài đường và cô muốn biết cô có được phép vào thăm ông sau bữa ăn chiều không ạ”.

“Cậu có biết con người khổng lồ mình vừa nói đến không, Tường-Vi?” Xtiécphoóc hỏi.

Tôi đành phải thú nhận (tôi cảm thấy xấu hổ về sự thua kém ấy trước mặt Litimơ) rằng tôi không hề biết cô Maosơ.

“Thế thì cậu sẽ biết” Xtiécphoóc nói “vì cô là một trong bảy kỳ quan của thế giới... Khi cô Maosơ đến anh cứ đưa cô vào”.

Tôi cảm thấy rất háo hức, tò mò muốn biết cô, nhất là vì Xtiécphoóc cười sảng sặc khi tôi nhắc đến cô, và dứt khoát không chịu trả lời câu hỏi nào của tôi về cô. Do đó, tôi càng chờ đợi nồn nóng. Sau khi đã cất khăn bàn độ nửa giờ, chúng tôi đang ngồi trước ngọn lửa cạnh bình rượu bỗng cánh cửa mở ra, và Litimơ vẫn thản nhiên như mọi ngày báo tin:

“Cô Maosơ đã đến”.

Tôi nhìn về phía cửa nhưng chẳng thấy gì hết. Tôi cứ nhìn về phía ấy, nghĩ rằng cô Maosơ còn lâu mới xuất hiện. Bỗng tôi vô cùng ngạc nhiên thấy xuất hiện một người lùn tìn tịt, lạch bạch bước quanh cái xôpha, đứng giữa tôi và cánh cửa. Cô trạc bốn mươi hay bốn mươi lăm, đầu và mặt to tướng, đôi mắt xám ranh mãnh và hai cánh tay nhỏ bé khủng khiếp đến nỗi để có thể đặt một ngón tay lên cái mũi hếch trong khi liếc mắt ra hiệu với Xtiécphoóc, cô phải giơ ngón tay lên rồi cúi đầu đặt mũi lên ngón tay. Cầm cô như người ta nói, có hai ngấn, béo phịch nuốt hẳn dây mũ, kể cả cái nơ. Cô không có cổ họng, không có thân hình, còn cặp chân thì không đáng kể đến, bởi vì mặc dầu nửa người trên, từ đầu đến thắt lưng thoáng trông thì cũng như người thường, và mặc dầu quả cô cũng có một cặp chân như mọi người, nhưng cô vẫn nhỏ bé đến nỗi cô

đứng trước một cái ghế, kích thước trung bình như đứng trước một cái bàn, và cô đặt cái vật cầm ở tay lên ghế. Người đàn bà này ăn mặc xoàng xĩnh và không cầu kỳ, đặt ngón tay trở lên mũi một cách khó nhọc như tôi vừa tả, khi đứng đầu lúc nào cũng nghiêng về một bên còn một con mắt tinh quái sắc sảo thì nhắm tít lại, làm thành một vẻ mặt hết sức tinh ranh... người ấy sau khi đã đưa mắt nhìn Xtiécphoóc, tuôn ra cả một tràng:

“Thế nào, bông bao của tôi?” Cô bắt đầu nói, giọng bông đùa, lúc lắc cái đầu to tướng về phía Xtiécphoóc, “Ông mãnh ở đây à? ồ chú thực tệ, xấu hổ lắm! Chú làm gì ở cái nơi xa nhà xa cửa thế này? Đúng là làm trò bậy bạ rồi. ồ, chú là một tay tinh quái nhất đời, Xtiécphoóc ạ, còn tôi cũng là một tay như vậy phải không nào? Ha! ha! ha!... Chú sẵn sàng đánh cuộc mười ăn một rằng chú sẽ không thấy tôi ở đây chứ gì nữa? Nhưng lại Chúa, anh bạn ơi, tôi ở khắp nơi,... ở đây, ở đó, ở khắp nơi, như một đồng tiền vàng mà nhà ảo thuật bỏ vào trong cái khăn tay của một công nương. Về khoản khăn tay, và các cô thì chú đúng là nguồn an ủi cho bà cụ thân sinh đáng kính, có phải không, ông mãnh, chuyện này ta nói riêng với nhau và tôi không nói tên ai đâu đấy!”

Cô Maosơ tháo dây buộc mũ khi nói đến đoạn này, vứt nó ra phía sau, rồi ngồi thở hổn hển, trên một chiếc ghế đầu trước ngọn lửa, biến bàn ăn thành một vòm cây che phủ đầu cô như một nơi trú ẩn bằng gỗ đào hoa tâm.

“Ôi chào! Có trời chứng giám!” cô nói tiếp, đặt bàn tay lên một đầu gối nhỏ xíu và nhìn tôi tinh quái. Ông Xtiécphoóc ạ, tôi bông bột quá, sự thực là thế. Sau khi leo

lên cầu thang gác, tôi hít từng hơi thở cần thiết cũng khó nhọc như kéo những xô nước. Nếu chú thấy tôi nhìn ra ngoài cửa sổ ở trên nhà gác thì chú sẽ cho tôi là một người đàn bà xinh xắn, đúng không nào?”

“Bất kỳ gặp cô ở đâu tôi cũng nghĩ như vậy”, Xtiécphoóc đáp lại.

“Thôi đi, đồ yêu!” con người nhỏ bé thét lên, cầm cái khăn tay đang lau mặt để quất cậu. “Đừng có táo tợn đấy! Tôi lấy danh dự thề với chú rằng tuần trước tôi ở nhà bà Mitơ (bà ta cừ thật! Trẻ lâu thật! Bộ tóc giả của ông cũng giữ được đến lâu, vì ông mang nó đã mười năm nay) ông cứ khen lấy khen để đến nỗi tôi bắt đầu nghĩ rằng mình cần phải rung chuông báo hiệu. Ha! ha! ha! Ông ta là một thằng khốn nạn hấp dẫn, nhưng ông sống chẳng theo đạo đức gì hết”.

“Cô làm gì cho bà Mitơ thế?” Xtiécphoóc hỏi.

“Đó là chuyện bí mật, ông mãnh ơi” cô đáp lại, lại vỗ vỗ lên mũi, cau mặt, và nháy mắt ra hiệu như một con yêu tinh thông minh tuyệt trần “chớ nghĩ đến chuyện đó! Chú muốn biết có phải tôi đã làm cho tóc của bà ta không rụng, hay là tôi nhuộm tóc, tô điểm nước da, trang điểm đôi lông mày cho bà hay không chứ gì? Rồi chú sẽ biết, ông mãnh ạ... khi mà tôi nói cho chú biết. Chú có biết cụ cố của tôi tên gì không?”

“Không”

“Ông ta tên là Bông dừa, ông mãnh yêu quý ạ” cô Maosơ đáp “ông cụ xuất thân từ dòng họ Bông dừa đã bao đời nay và đã để lại cho tôi tất cả các ngón đùa nghịch gia truyền”.

Tôi chưa bao giờ thấy cái gì có thể sánh với cái lối nháy mắt ra hiệu của cô Maosơ, trừ thái độ tự chủ của cô. Đã thế cô lại có một cách nghe người ta nói với mình, hay chờ người ta trả lời mình rất tuyệt diệu là nghiêng đầu về một bên rất tinh quái, còn một con mắt thì ngược lên như con ác -là. Tóm lại, tôi ngồi ngẩn người và sững sốt, trở mắt nhìn. Quả thật tôi sợ mình đã quên mất những qui tắc xã giao.

Lúc này cô đã kéo cái ghế về phía mình và đang hý hoáy lấy ở cái xắc ra (cứ mỗi lần lấy như vậy lại thọc cái cánh tay nhỏ xiu lút đến tận vai) nào là chai nhỏ, bột biển, lược, bàn chải, những mẫu rạ, những cặp nhỏ để uốn tóc và những dụng cụ khác rồi chất thành một đồng ở trên ghế. Bỗng cô bỏ bằng công việc này và hỏi Xtiećphoóc khiến tôi rất lúng túng.

“Ông bạn chú là ai đấy?”

“Ông Copophin”. Xtiećphoóc nói “ông ta muốn biết cô đấy”.

“Được! Thế thì sẽ biết! Tôi nghĩ rằng ông ta có vẻ muốn biết tôi!”

Cô đến, bước lạch bạch về phía tôi tay cầm cái xắc vừa đi vừa cười: “Da mặt như quả đào”. Cô kiễng chân lên để véo má tôi trong khi tôi vẫn ngồi. “Ngon đáo để! Tôi thích ăn đào lắm! Rất sung sướng được làm quen với ông Copophin, thực đấy mà!”

Tôi cũng nói rằng, tôi rất hân hạnh được biết cô và như thế là cả hai bên đều sung sướng.

“Lạy Chúa tôi, chúng mình lễ phép quá rồi đấy!”

Cô Maosơ thốt lên, cố sức mãi để lấy bàn tay tí xiu

che cái mặt to tướng nhưng không được. “Chúng mình sống trong cái thế giới ăn chơi nghịch ngợm có phải không nào?”

Câu này là để tâm sự với cả hai chúng tôi, trong khi bàn tay nhỏ xíu của cô rời khỏi mặt, và lại vùi mình vào cái xác, ngập cả cánh tay.

“Cô muốn nói gì thế cô Maosơ?” Xtiécphoóc hỏi.

“Ha! ha! ha! Chúng mình là một lũ nghịch ngợm đến nhộn có phải không nào, ông mãnh?” Người đàn bà tí tẹo kia nói, tay sục sạo trong cái xác, cái đầu nghiêng về một bên và con mắt ngước lên trời. “Xem đây!” (cô ta rút ra một cái gì) “mẩu móng tay của một ông hoàng Nga! Ông hoàng A-bê-xê-lăng-nhăng-lít-nhít, tôi gọi ông ta như thế, vì tên ông ta có đủ các chữ cái, lung tung bát nháo”.

“Ông hoàng Nga là một khách hàng của cô có phải không?” Xtiécphoóc hỏi.

“Tôi cũng nghĩ thế” cô Maosơ đáp. “Tôi cắt móng tay móng chân cho ông ta. Mỗi tuần hai lần, cả móng tay móng chân cho ông ta. Mỗi tuần hai lần, cả móng tay móng chân”.

“Ông ta trả tiền khá chứ?” Xtiécphoóc hỏi.

“Ông ta nói giọng mũi và khi trả tiền thì trả đàng hoàng”⁽¹⁾ cô Maosơ đáp. “Ông hoàng không phải hạng người cạo người ta sát da. Chú sẽ nói như vậy nếu chú thấy bộ râu mép của ông ta, trước kia màu đỏ nhưng nhờ nghệ thuật nên đã thành đen”.

“Nhờ nghệ thuật của cô chứ gì?” Xtiécphoóc hỏi.

⁽¹⁾ Chơi chữ: pay through the nose, nghĩa là “trả không tính toán”

Cô Maosơ nháy mắt tán thành.

“Ông ta bắt buộc phải gọi đến tôi, không thể nào làm khác được. Khí hậu làm ảnh hưởng đến màu râu của ông ta. Ở nước ta thì râu vào đáy cằm nhưng sang đây thì không ăn thua. Chưa bao giờ thấy một ông hoàng hân rĩ như ông ta. Chẳng khác sắt rỉ mấy!”

“Có phải vì vậy mà cô vừa bảo ông ta là người tinh quái có phải không?” Xtiécphoóc hỏi.

“Ôi chao! ông tướng tinh ranh nhất đời”, cô Maosơ nói, lắc đầu lia lịa “Tôi bảo chúng mình nói chung là bọn bán trời không văn tự, và tôi đã đưa cho chú xem những mẫu móng tay, móng chân của công hoàng để chứng minh cho điều chú thấy đó. Trong các tư gia lịch sự, những của này giúp cho tôi nhiều hơn là tất cả mọi tài năng của tôi gộp lại. Bao giờ tôi cũng mang nó trong người, đó là lời giới thiệu tốt nhất: Nếu cô Maosơ cắt móng tay cho hoàng thì cô ta phải là con người hoàn toàn! Tôi sẽ phân phát của này cho các tiểu thư, tôi chắc rằng các cô sẽ bỏ vào an-bom. Ha! ha! ha! Mẹ kiếp, toàn bộ chế độ xã hội (như người ta nói khi đọc diễn văn ở quốc hội) chỉ là một hệ thống những móng của ông hoàng thôi!” người đàn bà nhỏ bé nhất trên đời kia nói, tìm cách khoanh hai cánh tay tí xiu và lúc lắc cái đầu to tướng.

Xtiécphoóc cười ròn rã, và tôi cũng thế, trong lúc đó cô Maosơ vẫn cứ lắc đầu lia lịa (đầu cô nghiêng hẳn về một phía) một mắt nhìn lên trời còn mắt kia thì nhắm tít lại.

“Này, này!” cô nói, vỗ lên hai đầu gối tí xiu và đứng dậy “Đây không phải là công việc. Này chú Xtiécphoóc,

chúng mình đi khám phá Bắc cực và làm cho xong đi”.

Cô lấy hai, ba dụng cụ trong số những dụng cụ tí xiu, và một cái lọ nhỏ bé và hời (điều này làm cho tôi ngạc nhiên) xem cái bàn có chịu nổi sức nặng của cô không. Khi Xtiécphoóc trả lời được cô kéo cái ghế lại gần bàn, nhờ tôi giúp đỡ một tay, đoạn trèo thoăn thoắt lên bàn như đó là sân khấu. Khi đã ngồi chắc chắn trên bàn, cô nói:

“Nếu người nào trong hai chú mắt cá của tôi thì cứ nói đi và tôi sẽ về nhà tự tử”.

“Tôi không thấy: Xtiécphoóc nói.

“Tôi cũng thế”, tôi nói.

“Được! Thế thì được” cô Maosơ kêu lên “Tôi bằng lòng sống vậy. Và bây giờ, nào ông tướng, ông tướng hãy để cho bà ngoáo ộp giết nhé!”

Câu nói này là để mời Xtiécphoóc ngồi dưới hai bàn tay của cô và cậu ngồi như vậy lưng quay về phía bàn và mặt tươi cười quay về phía tôi, đoạn giơ đầu ra cho cô Maosơ khám, dĩ nhiên không có mục đích gì ngoài việc làm cho tôi giải trí. Cảnh cô Maosơ đứng nhìn xuống đầu cậu, ngắm nghía mớ tóc nâu và dày của cậu qua cái kính lúp lớn và tròn mà cô vừa lấy trong túi ra nom thực là kỳ lạ.

“Chú là tay cừ đấy! Cô Maosơ nói sau khi quan sát một lát. Một năm nữa đỉnh đầu chú sẽ trọc lóc như một tu sĩ nếu không có tay tôi. Ông bạn trẻ, nửa phút nữa tôi sẽ cho ông bạn một lớp dầu, nó sẽ giữ những mớ tóc quân của ông bạn trong mười năm nữa”.

Nói đoạn, cô rót một ít ở trong cái lọ con lên một mảnh da nhỏ và sau khi đã chấm một ít thuốc ở trong chai

lên những cái bàn chải nhỏ xíu, cô bắt đầu lấy hai dụng cụ này kỳ cọ và gãi dữ dội trên đỉnh đầu của Xtiếcphoóc với cái vẻ bận rộn tôi chưa bao giờ thấy, miệng vẫn nói huyền thiên.

“Cứ xem Sacli Pigrâyvơ, con trai hầu tước thì biết” cô nói “chú biết Sacli chứ?” (cô thò đầu ra để nhìn vào giữa mặt Xtiếcphoóc).

“Có biết qua loa”

“Tay cừ đấy! Ria thế mới là ria! Còn bộ giò của Sacli, nếu nó là một bộ giò (nhưng nó lại không phải) thì không ai địch nổi. Chú có tin rằng cậu ta tìm cách phớt tôi... mặc dù thuộc hạng muốn giữ tuổi xuân không?”

“Thằng cha điên mất!” Xtiếcphoóc nói.

“Chứ còn gì nữa! Tóm lại dù có điên hay không, cậu ta cũng đã tìm cách thoát khỏi tay tôi. Có biết cậu ta làm gì không? Cậu ta vào cửa hiệu bán nước hoa hỏi mua một chai Madagatxca”

“Mua cái gì? Có phải đồ uống không?” Xtiếcphoóc hỏi.

“Uống à?” Cô Maosơ đáp, dừng lại, tát yêu vào má Xtiếcphoóc “Để săn sóc bộ râu của mình chú biết không? Trong hiệu có một bà đã đứng tuổi, một tay hung dữ, bà ta chưa bao giờ nghe nói đến cái danh từ này. “Xin lỗi ông” bà hung dữ kia, hỏi Sacli “đó có phải là sáp môi hay không ạ?” “Sáp môi à” Sacli bảo bà ta “Không, không. Đồ... (cái này những lỗ tai lịch sự không nghe được) bà bảo tôi dùng sáp môi để làm gì?” Bà hung dữ kia nói: “Thưa ông, tôi không muốn làm phật ý ông đâu, nhưng người ta hỏi chúng tôi thứ đó bằng vô số tên khác nhau cho nên tôi

tường là nó”. “Này ông mãnh”, cô Maosơ nói tiếp trong khi vẫn cọ xát dữ dội như trước “đây lại là một thí dụ của cái trò bông đùa thú vị mà tôi vừa nói cho chú nghe. Tôi có làm đôi chút về cái mặt ấy, có lẽ khá nhiều, có lẽ thôi. Ông mãnh, cái đó không quan trọng!”

“Cô muốn nói về khoản gì đấy? Về khoản sáp môi ấy à?” Xtiécphoóc nói.

“Chú đổ cái này vào cái này, chú học trò yêu quý của tôi? cô Maosơ lờ đi, đưa một ngón tay sờ lên mũi, “cứ làm theo quy tắc của bí mật nhà nghề và thứ thuốc này sẽ cho chú kết quả mong muốn. Tôi nói cũng có làm qua loa về mặt này. Một bà quả phụ sang trọng gọi đó là thuốc bôi môi. Một người khác gọi đó là găng tay. Một người khác lại gọi đó là cái tua viền khăn trùm đầu. Một người khác lại gọi đó là cái quạt. Họ muốn gọi là cái gì thì tôi gọi thế. Tôi cung cấp thứ thuốc ấy cho họ và chúng tôi tôn trọng trò đùa này đối với nhau và chơi hài kịch giỏi đến nỗi chẳng bao lâu họ nghĩ đến việc bôi nó khi ngồi ở giữa phòng khách cũng như ngồi ở trước mặt tôi. Và khi nào tôi đến thăm họ, đôi khi họ bảo tôi (trong lúc đó trên mặt họ có cả một lớp dày ai cũng thấy) “mặt mày tôi thế nào, cô Maosơ? Tôi có xanh lăm không? Ha! ha! ha! Thế có ngộ không, ông bạn trẻ?”

Trong đời tôi chưa bao giờ thấy cái gì giống như cô Maosơ khi cô ta đứng lên cái bàn ăn, thường thức khoái trá câu chuyện mình kể, kỳ cọ xát dữ dội đầu Xtiécphoóc và nháy mắt với tôi qua cái Xtiécphoóc.

“À! Cô nói, ở miền này người ta không đòi hỏi lắm những của như thế. Điều đó làm tôi phải cuốn gói đi. Từ

khi đến đây, chú Jêm ạ, tôi chẳng thấy cô nào xinh”.

“Có thật không?” Xtiécphoóc nói.

“Chả thấy một ma nào coi được” cô Maosơ đáp.

“Tôi thấy chúng mình có thể chỉ cho cô thấy một người bằng xương bằng thịt” Xtiécphoóc nói, quay nhìn tôi “Thế nào Tường-Vi?”:

“Đúng đấy” tôi nói.

“Ha! ha! Ha!” Con người nhỏ bé thét lên, liếc mắt nhìn vào mặt tôi một cách ranh mãnh, rồi sau đó lại nhìn Xtiécphoóc “Hừm!”

Tiếng thốt ra đầu tiên nghe như một câu hỏi đặt ra cho chúng tôi, còn tiếng thứ hai như một câu hỏi chỉ đặt ra cho Xtiécphoóc mà thôi. Cô như không tìm thấy câu trả lời cho cả hai câu hỏi của mình mà cứ tiếp tục kỳ cọ, trong khi đầu vẫn nghiêng về một bên, con mắt ngược lên, dường như tìm một câu trả lời trong không trung và chắc rằng sẽ thấy câu ấy xuất hiện ngay.

“Có phải là một cô em của chú không, chú Copophin?” Cô nói sau một phút im lặng và không thay đổi thái độ. “Thế nào?”

“Không”, Xtiécphoóc nói. “Trước khi tôi có thể trả lời không có gì như thế cả. Trái lại ông Copophin, nếu tôi không lầm, trước đây rất thần phục cô ta”.

“Thế nào? Bây giờ chú không thần phục cô ta nữa à?” cô Maosơ hỏi “Người đâu mà thay đổi nhanh thế? Có phải chú là con ong đã hút nhụy tất cả các bông hoa đẹp, luôn luôn thay đổi từng giờ một, cho đến khi bướm chán ong chê không? Có phải tên cô ta là Hoa không?”

Thái độ vội vã tinh ma của cô khi tấn công tôi với

câu hỏi ấy và cái nhìn xoi mói của cô làm tôi sững sốt một lúc.

“Không, cô Maosơ ạ” tôi đáp. “Tên cô ta là Emilli”.

“Ha! ha! Ha! “ cô kêu lên, giọng cũng hệt như trước “Hừm, tôi là đồ bép xép quá, ông Copophin nhỉ? Có phải tôi lảm lòi không?”

Giọng nói và cái nhìn của cô biểu lộ một cái gì không thú vị lắm đối với tôi về vấn đề này; cho nên tôi nói, giọng trang trọng hơn những lời mà từ nãy đến giờ tôi đã nói.

“Cô vừa xinh vừa có nết. Cô đã hứa hôn với một người hết sức xứng đáng và có giá trị, cũng ở địa vị xã hội như cô. Tôi qui cô về chỗ biết điều cũng như tôi tán thưởng vẻ đẹp của cô.

“Nói được đấy!” Xtiécphoóc nói “Hoan hô, hoan hô! hoan hô! Và bây giờ mình sẽ làm cho đầu óc hiếu kỳ của cái bà tinh quái nhỏ bé này được thoả mãn, Tường-Vi ạ, bằng cách làm cho bà ta hết chỗ đoán mò. Cô ấy hiện nay đang tập sự, hay làm một việc tương tự ở hiệu Âumơ và Jôram bán hàng may vá, đồ trang sức phụ nữ và vân vân. Cô nhớ chưa? Hiện Âumơ và Jôram! Chuyện hứa hôn mà ông bạn tôi vừa nói đã xong xuôi và cô hứa hôn với người anh họ; tên là Ham, họ Pécgôti, nghề nghiệp đánh cá, cũng ở thành phố này... Cô là nàng tiên nhỏ bé nhất, hấp dẫn nhất và xinh đẹp nhất ở trên đời này. Tôi vô cùng tán thưởng cô ta, cũng như ông bạn của tôi. Nếu tôi không sợ phủ nhận cái tương lai của cô ta (điều này sẽ làm cho ông bạn của tôi không thích) thì tôi sẽ nói thêm rằng đối với tôi, cô xem ra bỏ phí đời mình và tôi tin chắc rằng cô có

thể có một địa vị khá hơn, tôi thể rằng cô sinh ra để làm một bà sang trọng.

Cô Maosơ nghe tất cả những lời ấy (Xtiécphoóc nói rất chậm rãi và rõ ràng) đầu nghiêng về một bên, mắt ngược lên trời, dường như đang chờ đợi câu trả lời. Khi cậu ngừng lại, cô ta lại nhanh nhẩu ngay và nói liếng thoảng thao thao bất tuyệt làm tôi ngạc nhiên.

“Câu chuyện chỉ có thể thôi chứ gì?” cô thốt lên, tia râu mép của Xtiécphoóc, với cái kéo nhỏ đang hí hoáy lượn quanh đầu cậu ở tất cả mọi hướng “Hay lắm! hay lắm! Đó là một câu chuyện khá dài và phải kết thúc như thế này: và từ đó hai người sống sung sướng. Chứ gì nữa. ô, đây là một trò chơi chữ. Tôi yêu *Emili* của tôi bởi vì tên nàng bắt đầu bằng E, bởi vì nàng *Êm dịu*, tôi ghét nàng, bởi vì nàng đã bị *ép Duyên*, tôi đưa nàng đến cái cảnh Êm đêm và đem nàng đi trốn, tên nàng đến cái cảnh Êm đêm và đem nàng đi trốn, tên nàng là *Emilivà* nàng sống ở phương đông ⁽¹⁾ Ha! ha! ha! ông Copophin, có phải tôi lắm mồm không?”

Cô nhìn tôi với cái vẻ ranh mãnh kỳ quặc và không chờ đợi trả lời gì hết, lại tiếp tục nói luôn một hơi:

“Này, nếu như có việc gì được chuẩn bị, và thực hiện đến mức tuyệt diệu thì điều đó là do ông tướng đấy, ông Xtiécphoóc ạ. Nếu như ở trên đời này tôi hiểu được một người nào thì người đó là chú. Chú có hiểu tôi khi tôi nói với chú điều đó không, ông mãnh? Tôi hiểu đầu óc của

⁽¹⁾ Chơi chữ *Emili enticing* (hấp dẫn) *engage* (hứa hôn) *element* (bỏ trốn) *east* (phương đông)

chú lăm” cô cúi đầu xuống, nhìn vào mặt Xtiécphoóc “còn bây giờ chú có thể rút lui, chú Xtiécphoóc ạ (như người ta vẫn nói ở tòa án) và nếu như ông Copophin ngồi vào đây thì tôi sẽ làm giúp ông”.

“Cậu nghĩ thế nào, Tường-Vi?” Xtiécphoóc hỏi, phá lên cười, rời khỏi ghế “Cậu có muốn tô điểm không?”

“Cảm ơn cô, cô Maosơ ạ, chiều nay thì không”

“Đừng nói không chứ” người đàn bà tỷ hon nói, đưa mắt nhìn tôi ra vẻ lỗi đời “thêm một ít lông mày nhé!”

“Cảm ơn cô” tôi đáp “thôi để lần khác”

“Anh cho nó dài thêm một phần tư lông tay về phía thái dương nhé. Tôi có thể làm điều đó trong hai tuần lễ”.

“Không cảm ơn cô, lúc này hãy khoan”

“Vậy thì làm thêm một ít râu” cô nói, giọng khản khoản “Không à? Mời ông lên đoạn đầu đài cho để tôi làm cho ông một bộ ria mép. Nào!”

Tôi không khỏi đỏ bừng mặt khi từ chối điều đó, vì tôi cảm thấy câu chuyện đã đề cập đến nhược điểm của tôi. Cô Maosơ nhận thấy rằng lúc này tôi không thích chấp nhận bất kỳ sự trang điểm nào thuộc lĩnh vực nghệ thuật của cô, và trong lúc này tôi thờ ơ đối với mọi sự mơn trớn của cái lọ tí xiu mà cô giơ ra trước mặt một con mắt để cho lời nói càng thêm sức thuyết phục, nên tuyên bố với tôi rằng, một ngày khác, cô sẽ bắt tay vào việc; rồi yêu cầu tôi giúp đỡ để đưa cô rời khỏi cái vị trí cao của mình. Tôi giúp đỡ và cô nhảy xuống bàn nhanh nhẹn và bắt đầu buộc dây mũ lại ở dưới cái cằm béo phị. Xtiécphoóc nói:

“Tiền thưởng là...”

“Năm si-linh” cô Maosơ đáp và như thế là hết sức rẻ

đấy, ông mãnh à... Tôi lảm lời quá, có phải không, ông Copophin?"

Tôi trả lời lễ phép: "Có gì đâu", nhưng tôi nghĩ quả thực cô cũng lảm lời, trong khi đó cô tung lên trời hai đồng nửa cơ-rao của Xtiécphoóc như một anh hàng bánh ngọt tinh quái, chộp lấy rồi bỏ vào túi, và vỗ đánh đét một cái. Cô Maosơ lại đứng trước ghế và bỏ vào xác tất cả những thứ đồ linh tinh, gồm những vật tí xiu mà cô vừa lấy ra khỏi sắc và nói:

"Đấy là cái tủ. Tôi đã có đủ tất cả những cái cạm bẫy của tôi chưa? Có lẽ đủ rồi. Tôi không thích làm như cái ông Net Bitut nào đó, người ta đưa ông ta ra nhà thờ để ông ta lấy một người đàn bà (như ông ta nói) nhưng người ta lại quên mất cô dâu. Ha! ha! ha! BỐ NÉT thực là tên thằng khốn nạn độc ác nhưng cũng rất tức cười. Và bây giờ tôi biết tôi đang làm tìm các chú tan nát đây, nhưng tôi không bắt buộc phải từ biệt các chú. Các chú phải đem tất cả nghị lực ra để cố gắng chịu đựng. Chào ông Copophin. Liệu hồn đấy, ông mãnh ơi! à, kể ra tôi đã nói nhiều quá thực! Nhưng đó là do lỗi của hai ông tướng cả. Tôi tha lỗi cho các công! Bông hoa!"⁽¹⁾ như người ta thường nói để chào nhau khi bắt đầu học tiếng Pháp, và nhận thấy điều đó sao mà giống tiếng họ quá, "Bông hoa"! Chào các chú gà con của tôi!"

Cô quàng xác lên vai, lạch bạch bước ra, vừa đi vừa nói liến thoắng. Cô lạch bạch đến cửa sổ, và dừng lại ở đấy

⁽¹⁾ Chơi chữ: trong nguyên bản là "Boh swore" (Bốp đã thề) để nhại chữ (Bonsoir) (bông hoa) (chào) của Pháp

để hỏi xem cô có cần để lại cho chúng tôi một vài món tóc của cô không? “Tôi lắm lời quá nhỉ?” Cô nói thêm để giải thích lời đề nghị ấy rồi giơ một ngón tay lên mũi, và biến mất.

Xtiécphoóc cười sảng sặc khiến tôi cũng không thể nào nhìn cười được, tuy vậy tôi không chắc sẽ có làm thế không, nếu không bị cậu lôi cuốn. Khi chúng tôi đã cười khản cả cổ, nghĩa là sau một lúc lâu, cậu bảo tôi rằng cô Maosơ quen biết rất rộng và tỏ ra có ích cho nhiều người theo nhiều cách khác nhau. Có người đùa bỡn cô, xem như một vật kỳ quặc, cậu nói, nhưng cô quan sát tinh ranh sắc sảo chẳng kém bất kỳ người nào mà cậu biết, và tuy tay chân ngắn như vậy nhưng đầu óc thì khôn lỏi. Cậu cho tôi biết rằng cô khoe cô ở đây ở đó, ở khắp nơi là đúng vì cô hay đi đến các tỉnh, và hình như bất kỳ ở đâu cô cũng tìm ra được những khách hàng mới và biết tất cả mọi người. Tôi hỏi cậu bản tính cô như thế nào... Cô có phải là một người độc ác, hay là có những thiện ý; nhưng tôi không làm sao cho cậu chú ý đến điểm này và sau khi hỏi hai ba lần, tôi không hỏi nữa hay quên không nhắc lại. Trái lại, cậu nói rất nhanh và rất nhiều về tài của cô Maosơ, về những cách kiếm ăn của cô, về chỗ cô đặt bầu giác rất khoa học, nếu như khi nào tôi có dịp cần đến cái tài này của cô.

Cô là đầu đề chính trong câu chuyện giữa chúng tôi suốt buổi tối hôm ấy và khi chúng tôi chia tay nhau để về ngủ thì Xtiécphoóc đứng ở chỗ tay vịn cầu thang mà nói: “Bông hoa” trong khi tôi đi xuống cầu thang.

Tôi rất ngạc nhiên, khi đến nhà ông Backit, thấy

Ham đang đi đi lại lại trước nhà và lại càng ngạc nhiên hơn khi nghe anh nói rằng bé Emili cũng ở trong nhà. Cố nhiên tôi hỏi tại sao anh không ở trong nhà luôn mà lại đi bách bộ ngoài đường một mình như thế. Anh đáp, giọng lưỡng lự:

“Vì cậu thấy đấy, cậu Đêvit ạ, Emili đang nói chuyện với một người nào trong nhà”.

“Tôi nghĩ rằng điều đó càng bắt anh phải ở đấy chứ, phải không anh Ham?” tôi mỉm cười hỏi.

“Cậu Đêvi ạ, đúng đấy, theo lệ thường thì phải thế” anh đáp. “Nhưng mà cậu Đêvi ạ, cậu nghe một chút” anh hạ thấp giọng, nói rất nghiêm trang “cậu.à... đó là một người đàn bà trẻ tuổi, một người đàn bà trước đây Emili đã biết một lần và lẽ ra không nên biết nữa”.

Khi nghe những lời ấy, cái bóng dáng mà tôi đã thấy đi theo hai người mấy tiếng đồng hồ trước đây, bắt đầu được soi sáng dưới một ánh sáng mới. Ham nói:

“Đó là một con giun tội nghiệp đã bị tất cả thành phố giẫm lên, từ đầu phố cho đến cuối phố... Đất ở ngoài nghĩa địa không chứa một sinh vật nào mà người ta trốn tránh ghê tởm hơn nó”.

“Có phải tôi đã thấy cô ta tối nay trên bãi cát sau khi gặp hai anh chị không?”

“Và cứ đi theo chúng tôi có phải không?” Ham nói “Có thể thế lắm, cậu Đêvi ạ. Không phải tôi thấy nó khi nó ở đấy đâu cậu ạ, nhưng vì sau đó nó lại lén lút ở dưới cửa sổ nhỏ của Emili khi nó thấy có ánh sáng và đã nói thầm: “Chị Emili, chị Emili, vì tình yêu của Chúa, xin chị nhìn tôi với trái tim của một người đàn bà. Ngày xưa tôi cũng

như chị”. Đó là những lời nghe ra vẻ trang trọng lắm có phải không cậu Đêvi?”

“Cố nhiên là thế, anh Ham ạ. Thế Emili đã làm gì?”

“Emili hỏi: “Macta, có phải chị đấy không? ồ, lẽ nào lại là chị?...” Ham nói tiếp “bởi vì họ đã làm việc bên cạnh nhau đã lâu ở nhà ông Ấmơ, cậu Đêvi ạ”.

“Tôi nhớ ra cô ta rồi” Tôi nói, hồi tưởng lại một trong hai người con gái mà tôi đã thấy lần đầu tiên khi tôi đến đây. Tôi không nhớ rõ cô ta cho lắm.

“Macta Enden” Ham nói “Cô ta hơn Emili hai hay ba tuổi, và trước đây cùng học một trường”.

“Tôi chưa bao giờ nghe nói đến tên cô” tôi nói. “Tôi không có ý muốn ngắt lời anh”.

“Về vấn đề này, cậu Đêvi ạ”, Ham trả lời “hầu hết tất cả đều đã nói trong những chữ này: “chị Emili, chị Emili, vì tình yêu của Chúa, chị hãy nhìn tôi với trái tim một người đàn bà. Trước đây tôi cũng như chị”. Nó muốn nói với Emili. Emili không thể nào nói với nó ở đây vì ông cậu quý hóa của cô đã về nhà, chú không muốn, không, chú không muốn” Ham nói, say sưa “ tuy chú là con người bản tính nhân từ, dịu dàng, chú không thể nào để hao hai người ngồi cạnh nhau, dù cho người ta có cho chú tất cả mọi kho tàng cất giấu dưới đáy biển”.

Tôi thấy nhận xét ấy đúng vô cùng. Tôi hiểu ngay điều đó cũng như Ham.

“Thế rồi Emili viết mấy chữ bằng bút chì trên một mảnh giấy, đưa qua cửa sổ cho nó, bảo nó đem đến đây” Ham nói tiếp: “Emili nói: Chị hãy đưa cái này cho mẹ tôi là bà Backit, mẹ tôi vì tôi sẽ để cho chị ngồi bên bếp lửa cho

đến khi chú tôi ra đi và tôi có thể tới đó". Một lát sau, Emili bảo cho tôi biết điều tôi vừa nói với cậu, cậu Đêvi ạ, và yêu cầu tôi đưa cô ấy đến đây. Tôi biết làm gì bây giờ? Lẽ ra Emili không nên quen biết những hạng người như thế, nhưng tôi không thể từ chối khi mắt cô ràn rụa nước mắt".

Anh thọc tay vào túi trong của cái áo chên đã sờn và rất cẩn thận rút ra một cái ví tiền nhỏ xíu.

"Và dù tôi có thể từ chối cô khi nước mắt cô ràn rụa, cậu Đêvi ạ". Ham vừa nói, vừa dịu dàng đặt ví tiền trên mu bàn tay sần sùi "tôi làm sao từ chối được khi cô đưa cho tôi cái này để mang cho nó... và biết rằng cô mang ví tiền đi để làm gì? Một đồ chơi xinh như thế này!" Ham nói, nhìn cái ví có vẻ tự lự "Cô có ít tiền thế này, Emili yêu quý của tôi".

Tôi nắm chặt tay anh khi anh cất cái ví đi (bởi vì trong lúc này đối với tôi, một cái bắt tay sẽ nói nhiều hơn tất cả những điều tôi có thể nói) và chúng tôi đi bách bộ trong một hay hai phút, không nói nửa lời. Bỗng cánh cửa mở ra, và chị Pécgôti xuất hiện, ra hiệu cho Ham bước vào. Tôi muốn tránh, nhưng chị theo tôi, khẩn khoản yêu cầu tôi cũng bước vào. Mặc dầu thế, đáng lý tôi đã tránh không bước vào căn phòng ở đây có tất cả mọi người, nhưng họ lại ở đúng trong cái bếp lát gạch ô vuông xinh xắn mà tôi đã nhiều lần nhắc đến - Cánh cửa đưa thẳng vào gian phòng này nên tôi thấy mình đã đứng giữa mọi người, trước khi nghĩ đến việc mình nên đi đâu.

Người con gái (đúng là người mà tôi đã gặp trên bờ biển) đang ngồi bên cạnh bếp lửa. Chị đang ngồi dưới đất,

dầu và một cánh tay đặt trên chiếc ghế. Nhìn tư thế của chị, tôi đoán rằng Emili vừa mới rời khỏi chiếc ghế và cái đầu tội nghiệp của Macta có lẽ vừa gối đầu của Emili. Tôi không trông rõ mặt chị bởi vì tóc chị xoã ra che kín cả mặt, hình như chị đã lấy tay mình làm cho đầu óc rối tung. Chị Pégôti vừa khóc. Bé Emili cũng thế. Khi chúng tôi bước vào, chẳng ai nói một lời, và trong cảnh im lặng, cái đồng hồ Hà Lan ở bên cạnh tủ đựng thức ăn dường như kêu to hơn ngày thường gấp hai lần. Emili nói trước tiên:

“Macta muốn đi Luân-đôn” nàng nói với Ham.

“Tại sao lại đi Luân-đôn?” Ham hỏi.

Ham đứng giữa hai người, đưa mắt nhìn người con gái nằm rạp dưới đất và với cái vẻ vừa thương hại vừa ghen tức vì người kia là chỗ quen biết với con người mà anh yêu tha thiết, và bao giờ tôi cũng nhớ một cách rõ rệt cái nhìn ấy. Hai người nói hình như người kia là một người ốm, giọng họ dịu dàng và cố nén lại, nhưng nghe rõ ràng, mặc dầu chỉ to hơn tiếng thì thầm một chút.

“Ồ Luân Đôn còn hơn ở đây” tiếng thứ ba nói to... đó là tiếng Macta, mặc dầu chị không cử động “ở đây không ai biết tôi cả. ở đây ai cũng biết tôi hết”.

“Cô ta sẽ làm gì ở đấy?” Ham hỏi.

Người con gái ấy ngẩng đầu lên và quay về phía Ham với cái nhìn ử dột, rồi lại cúi gục xuống, lấy bàn tay phải ôm lấy cổ như một người lên cơn sốt rét, hay một người bị đạn bắn, đau khủng khiếp, đang quằn quại. Bé Emili nói:

“Chị ấy sẽ cố gắng sống lương thiện. Anh không biết chị ấy đã nói gì với chúng tôi. Anh ấy không biết, các anh

ấy không biết, có phải không có?”

Chị Pécgôti lắc đầu ái ngại. Macta nói:

“Tôi sẽ cố gắng nếu như các người giúp cho tôi đi. Tôi sẽ không bao giờ có thể làm điều gì tệ hơn điều tôi đã làm ở đây. Tôi có thể làm khá hơn. Ồ...” chị nói, rùng mình khiếp sợ “hãy đưa tôi ra khỏi những đường phố này, ở đây tất cả thành phố đều biết tôi từ khi tôi còn bé”.

Khi Emili giơ tay ra cho Ham, tôi thấy anh đặt vào bàn tay Emili một túi nhỏ bằng vải. Nàng cầm lấy và cứ yên chí rằng đó là ví tiền của mình, rồi bước đi một hai bước về phía trước, nhưng nhận thấy mình lầm, nàng lại bước về phía anh lúc đó đang đứng cạnh tôi và đưa cái túi tại cho anh.

“Tất cả cái đó là của em, Emili ạ” tôi không anh nói “Trên đời này, anh không có cái gì không phải là của em, em yêu quý. Không có cái gì làm cho anh thích thú hết, chỉ trừ có em”.

Mất Emili lại rung rung, nhưng nàng quay mặt đi và đến cạnh Macta. Emili cho chị bao nhiêu tiền tôi không biết. Tôi chỉ thấy nàng cúi mình trên người Macta và đặt tiền vào lòng. Nàng thì thầm một câu gì đó, hình như hỏi như thế đã đủ chưa. “Thế là đủ quá rồi”, người kia nói và nắm lấy tay Emili mà hôn.

Sau đó Macta đứng dậy, quấn khăn lên cổ, lấy khăn che mặt, bước chậm rãi về phía cửa và khóc to lên. Chị dừng lại một lát trước khi bước ra, như muốn nói một điều gì, hay muốn quay lại, nhưng vẫn không thốt ra được một lời nào. Thế rồi chị bước đi, trong khi những tiếng rên rỉ rất nhỏ, dễ sợ và thảm hại vẫn thốt ra bên trong cái khăn

quàng.

Khi cánh cửa đóng lại, bé Emili nhìn tất cả ba người chúng tôi có vẻ vội vàng, rồi lấy tay che mặt khóc rưng rức.

“Emili!” Ham nói, vỗ nhẹ lên vai, âu yếm “Em đừng khóc chứ! Em đừng nên khóc như thế, em yêu quý”.

“Ồ, anh Ham ạ” nàng kêu lên, vẫn khóc một cách tội nghiệp “em không phải là con người tốt như em muốn! Em biết đôi khi tim em không biết ơn mà lẽ ra thì nó phải biết ơn!”

“Có chứ, có chứ, nhất định em như thế. Anh biết mà!” Ham nói.

“Không phải đâu!” Bé Emili kêu lên, khóc rưng rức và lắc đầu quây quây “Em không phải là người tốt như em muốn, còn xa lắm!”

Rồi nàng cứ khóc mãi dường như tim nàng muốn tan vỡ.

“Em đã bắt tình yêu của anh phải chịu đựng quá nhiều thử thách. Em biết thế lắm!” nàng khóc rưng rức. “Nhiều khi em giận dữ anh, tính tình đồng bóng đối với anh, mà lẽ ra thì em phải khác hẳn. Không bao giờ anh đối với em như thế. Tại sao bao giờ em cũng đối với anh như thế, trong khi đáng lẽ ra em không nên nghĩ đến điều gì hết, ngoài việc phải tỏ ra biết ơn anh, và làm cho anh sung sướng”.

“Em bao giờ cũng làm cho anh sung sướng”. Ham nói, “em yêu quý! Nhìn thấy em là anh sung sướng rồi. Suốt ngày anh sung sướng khi nghĩ đến em”

“Ồ! Thế thì không đủ đâu!” Nàng kêu lên. “Đó là vì

anh tốt, chứ không phải vì em tốt! “Ồ... anh yêu quý, số anh sẽ tốt hơn nếu anh yêu một người khác, một người chung thủy hơn và xứng đáng hơn em, bao giờ cũng gắn bó với anh, không lố lãng và hay thay đổi như em!”

“Tội nghiệp cho cô em bé bỏng của tôi!” Ham nói, hạ thấp giọng “Mactá đã làm cho cô ta hoàn toàn sững sốt”.

“Cô ơi, lại đây” Emili khóc rung rức “cô lại đây cho cháu gục đầu vào cô. Ồ! Đêm nay cháu thực khốn khổ, cô ạ. Tôi không phải là một người đàn bà tốt như lẽ ra tôi phải thế. Tôi không tốt, tôi biết lắm!”

Chị Pécgôti vội vàng bước đến cái ghế đặt trước ngọn lửa. Emili lấy tay quàng cổ chị, quỳ bên cạnh chị, ngược mắt nhìn vào chị một cách say sưa.

“Mợ ơi! Cháu van vợ, mợ giúp cháu với! Anh Ham yêu quý ơi, anh giúp em với! Anh Đêvit ơi, vì những kỷ niệm xưa, anh hãy giúp em với! Em muốn làm một người đàn bà tốt hơn em bây giờ. Em muốn cảm thấy mình biết ơn một nghìn lần hơn bây giờ. Em muốn cảm thấy hơn nữa hạnh phúc được làm vợ một người chồng tốt và sống một cuộc đời phẳng lặng. Ôi! Trời ơi! ôi, anh yêu quý ơi, anh yêu quý ơi!”

Nàng gục mặt vào ngực chị bảo mẫu già của tôi và thôi không rên rỉ van lơn nữa. Vẻ đau đớn và buồn khổ của nàng, nửa là của người đàn bà, nửa là của đứa trẻ, cũng như tất cả cử chỉ của nàng (và theo ý tôi, thái độ này có vẻ tự nhiên và thích hợp với sắc đẹp của nàng hơn bất kỳ thái độ nào khác) và nàng bắt đầu khóc tỉ tê trong khi chị bảo mẫu già của tôi đỡ nàng như đỡ một đứa trẻ.

Dần dần nàng trở nên bình tĩnh hơn, và chúng tôi an ủi nàng, khi thì khuyến khích, khi thì pha chút bông đùa, cho đến khi nàng ngẩng đầu lên và nói chuyện với chúng tôi. Chúng tôi cứ làm như thế cho đến khi nàng có thể mỉm cười, rồi phá lên cười và cuối cùng ngồi thẳng lên, tỏ ra hơi xấu hổ, trong khi chị Pécgôti sửa lại những mớ tóc quần của nàng đã rối tung, lau nước mắt cho nàng làm nàng lại tươi tắn như cũ, để cho khi trở về, chú nàng khỏi ngạc nhiên tại sao cô cháu yêu lại khóc.

Tôi hôm ấy, tôi thấy nàng làm một điều mà trước đây nàng chưa bao giờ làm: nàng hôn một cách ngây thơ lên má người chồng tương lai và nép người vào cái thân hình thô kệch của anh, dường như đó là chỗ dựa tốt nhất của nàng. Khi cả hai đã ra về trong ánh trăng đang mờ nhạt dần và tôi đưa mắt nhìn theo, trong óc so sánh việc họ ra đi với việc Macta ra đi, tôi thấy nàng lấy hai tay giữ chặt lấy ánh tay của Ham và ứng sát vào người anh.

Chương XXIII

NHỮNG LỜI NÓI CỦA ÔNG ĐICH ĐƯỢC XÁC NHẬN VÀ TÔI CHỌN MỘT NGHỀ

Sáng hôm sau, khi thức dậy, tôi nghĩ rất nhiều đến bé Emili và đến niềm xúc cảm nằng đã biểu lộ tối qua sau khi Macta ra đi. Tôi cảm thấy dường như tôi đã biết được những điều buồn bã và thân mật trong gia đình này là do một tấm lòng tin cậy thiêng liêng, mà nếu nói ra thì sẽ không đúng, dù là nói với Xtiécphoóc. Tôi không bao giờ có những tình cảm dịu dàng hơn đối với bất kỳ ai cho bằng đối với cô bé xinh xắn trước đây là người bạn chơi đùa với tôi thuở nhỏ, và bao giờ tôi cũng tin và sẽ tin cho đến ngày nhắm mắt rằng thờ ấy tôi tha thiết yêu nằng. Tôi cảm thấy nếu tôi nói lại với bất kỳ người nào (dù là với Xtiécphoóc) những tình cảm mà nằng không thể biết, thì đó sẽ là mộ hành động tàn nhẫn, không xứng đáng với tôi, không xứng đáng với ánh sáng của thời thơ ấu ngây thơ trong trắng mà bao giờ tôi cũng thấy tỏa sáng quanh nằng. Do đó, tôi quyết định chôn vùi những điều bộc lộ ấy trong đáy lòng và ở đấy, những điều bộc lộ này làm cho hình

ảnh của nàng có thêm một vẻ duyên dáng mới.

Trong khi chúng tôi ngồi ăn sáng, người ta đưa cho tôi một bức thư của cô tôi. Vì bức thư này bàn về những vấn đề mà Xtiécphoóc có thể khuyên bảo tôi chẳng kém bất kỳ người nào, và tôi biết rằng sẽ rất thích thú khi hỏi ý kiến cậu, nên tôi quyết định lấy nó làm một đầu đề bàn luận trên đường về. Trong lúc này, chỉ riêng việc từ giã tất cả các bạn của chúng tôi đã làm chúng tôi bận túi bụi. Anh Backit còn xa lắm mới là con người cuối cùng trong số những người tiếc về việc chúng tôi ra đi, và tôi tin rằng thậm chí anh có thể mở hòm một lần nữa, và hy sinh một đồng ghi-ni thứ hai, nếu như món tiền ấy có thể giữ chúng tôi lại bốn mươi tám tiếng đồng hồ nữa ở Yacmao. Chị Pécgôti và tất cả gia đình đều buồn rầu khi chúng tôi ra đi. Tất cả gia đình hiệu *Ămơ* và *Jôram* đều ra tiễn chúng tôi, và có biết bao nhiêu tay thủy thủ sẵn lòng phục vụ Xtiécphoóc khi những chiếc va-li của chúng tôi được đưa lên xe ngựa, đến nỗi nếu như chúng tôi có một số hành lý bằng số hành lý của cả một trung đoàn đi nữa, thì hầu như chúng tôi cũng không cần đến người khuân vác để mang giúp. Tóm lại chúng tôi ra đi làm mọi người khuyến tiếc, thán phục, và làm nhiều người buồn. Thấy Litimơ đứng đợi chiếc xe ngựa ra đi, tôi hỏi:

“Anh có ở đây lâu không, anh Litimơ?”

“Thưa ông, không ạ”, anh ta đáp, “có lẽ không lâu lắm đâu ạ”.

“Hiện nay anh ta còn khó có thể nói dứt khoát được”, Xtiécphoóc nhận xét bằng quơ “Anh ta biết mình cần phải làm gì, và anh ta sẽ làm”.

“Tôi cũng tin chắc như vậy”, tôi nói.

Litimơ đưa tay sờ lên mũi như để cảm ơn lời khen của tôi và tôi bỗng cảm thấy mình chỉ mới lên tám. Y lại sờ tay lên mũi lần thứ hai để chúc chúng tôi lên đường may mắn, và khi chúng tôi ra đi, y đứng bên lề đường, trông cũng bí mật và trang trọng như bất kỳ cái kim tự tháp nào ở Ai-cập.

Trong mấy phút đầu, chúng tôi không nói chuyện, vì Xtiécphoóc lần này trầm lặng khác thường, còn tôi thì đang bận bịu, trong lòng đang tự hỏi xem khi nào tôi sẽ nhìn lại những nơi quê cũ, và trong thời gian ấy, tôi cũng như cảnh vật, có thể có những đổi thay gì? Cuối cùng, Xtiécphoóc phút chốc bỗng trở nên vui vẻ và rôm rả, dường như trong bất kỳ lúc nào cậu cũng có thể thay đổi tính khí theo ý mình. Cậu kéo tay tôi, nói:

“Kìa Đêvit, cậu mở miệng ra chứ! Bức thư cậu vừa nhận được lúc ăn điểm tâm nói chuyện vì thế?”

“Ồ...” tôi nói, rút bức thư ra khỏi túi “đó là bức thư của cô mình”.

“Bà cụ có nói điều gì quan trọng không?”

“Cậu ạ, bà cụ nhắc mình rằng mình đi chuyến này để quan sát và để suy nghĩ một chút”. Tôi nói.

“Cố nhiên cậu đã làm điều đó rồi chứ?”

“Thực ra mình không thể nói rằng mình đã làm điều đó. Thú thực với cậu, mình sợ mình đã quên điều đó”.

“Thế à? Vậy thì bây giờ cậu hãy quan sát chung quanh để chuộc lại cái tội lơ đãng ấy đi”, Xtiécphoóc nói “Cậu hãy nhìn sang bên phải và cậu sẽ thấy một cánh đồng bằng phẳng với vô số đầm lầy; cậu hãy nhìn sang bên trái,

và cậu cũng sẽ thấy như vậy. Nhìn phía trước, cậu sẽ thấy không có gì khác và nhìn phía sau thì cũng cái cảnh tượng ấy!”

Tôi phì cười và đáp lại rằng nhìn tất cả quang cảnh chung quanh, tôi chẳng thấy có nghề nghiệp nào thích hợp, cái này có lẽ do chỗ nó bằng phẳng quá.

“Bà cụ nói gì về vấn đề này?” Xtiécphoóc hỏi. “Bà cụ có gợi ý gì không?”

“Có. Trong thư, bà cụ hỏi mình xem mình có muốn làm biện lý - luật sư không. Theo cậu, việc ấy thế nào?”

“Thế này nhé, mình không biết” Xtiécphoóc đáp, giọng điềm nhiên “Cậu có thể làm nghề ấy cũng như bất cứ nghề nào khác, mình nghĩ vậy”.

Tôi lại không thể nào không phì cười lần thứ hai khi thấy cậu ta xem mọi nghề nghiệp và mọi công việc đều như nhau, và tôi bảo cậu ta như vậy.

“Biện lý - luật sư là cái gì thế, Xtiécphoóc?” tôi hỏi.

“Mẹ kiếp, đó là một thứ luật sư của nhà thờ trong một số toà án đã lạc hậu, ở Pháp viện (một xo xỉnh cũ kỹ và lười biếng gần nghĩa địa Xanh Pôn) cũng đóng vai trò hết như các luật sư ở các tòa án khác. Đó là một anh công chức mà sự tồn tại, nếu theo sự diễn biến tự nhiên của sự vật thì phải được chấm dứt cách đây độ hai trăm năm. Muốn cho cậu biết đó là cái gì thì phải nói Pháp viện là cái gì đã. Đó là một ngôi nhà nhỏ bé, khó vào, ở đấy người ta bàn về cái gọi là luật giáo hội, và ở đấy người ta chơi mọi thứ trò với những con quỷ già cũ rích làn hững chứng thư cũ của quốc hội, mà ba phần tư thế giới không biết gì hết, còn phần tư kia tưởng rằng chúng được đào lên từ thời các

vua Et-uốc, dưới hình thức hóa thạch. Đó là một cái nhà tù rất lâu đã chiếm độc quyền về những vụ kiện liên quan đến việc di chúc, hôn thú và những cuộc cãi cọ giữa những tàu lớn và tàu nhỏ”.

“Cậu đùa đấy chứ, Xtiécphoóc?” tôi thốt lên “Cậu không có ý muốn nói rằng có sự liên quan gì giữa những vấn đề hàng hải với những việc của giáo hội đấy chứ?”

“Cố nhiên là không, chú bé ạ” Xtiécphoóc đáp “Nhưng mình muốn nói rằng những việc này đều được quản lý và giải quyết bởi một bọn như nhau cũng ở trong cái Pháp viện ấy. Một hôm nào đó, cậu có thể đến đấy và sẽ thấy họ nói gần hết một nửa tất cả các thuật ngữ hàng hải trong cuốn tự điển của Yung, bởi vì chiếc tàu *Năngxi* đã làm chiếc *Xara-Jáyno* đắm, hay bởi vì ông Pécgôti và các thủy thủ ở Yacmao, trong cơn bão táp đã mang neo và dây cáp đến cứu chiếc tàu *Nen-xon* chở hàng sang Ấn Độ đang bị nguy khốn, và một ngày khác, cậu sẽ lại thấy họ bù đầu bù tai trong những chứng từ của bên nguyên và bên bị về một giáo sĩ đã hành động sai, và cậu sẽ thấy ông quan tòa trong vụ hàng hải lại thành trạng sư trong vụ của nhà tu hành, hay ngược lại. Họ như những người diễn kịch: khi thì người này là quan tòa, và cứ lần lượt như thế. Nhưng bao giờ đó cũng là một việc kinh doanh hết sức thú vị và kiếm được nhiều tiền, và là một cách diễn kịch của những người nghiệp dư, trước một đám khán giả hết sức chọn lọc”.

“Thế thì trạng sư và biện lý - luật sư không phải là một người hay sao?” tôi hỏi, hơi lúng túng “Có phải thế không?”

“Không!” Xtiécphoóc nói “Trạng sư là những người thường đã thi đỗ tiến sĩ ở trường đại học... và đó là lý do chính khiến mình biết được đôi chút về việc đó. Còn các biện lý thì dùng các trạng sư. Cả hai đều được những món tiền rất hời và cả bọn làm thành một tổ chức nhỏ khá ăm cúng. Nói chung mình khuyên cậu nên nhìn Pháp viện một cách có thiện cảm. Đêvit ạ, ở đây, các bố rất tự hào về tính chất cao quý của nghề họ, mình có thể cam đoan với cậu như thế, nếu như cậu thích điều đó”.

Tôi chấp nhận lối nhìn vấn đề một cách phớt đời của Xtiécphoóc; và trong khi nghĩ đến cái không khí trang trọng và cổ kính làm tôi liên tưởng đến cái “góc lười biếng cũ kỹ cạnh nghĩa địa Xanh Pôn”, tôi cảm thấy thích thích đề nghị của cô tôi, cô tôi cho tôi tự do quyết định và không giấu diếm tôi, rằng cô tôi mới nảy ra ý kiến ấy khi đến thăm ông biện lý của mình ở Pháp viện, với ý định làm bản di chúc để lại gia sản cho tôi.

“Muốn nói thế nào thì nói, đó là một hành động đáng khen của bà cụ” Xtiécphoóc nói khi tôi nhắc đến điều ấy, “và một hành động rất đáng khuyến khích, Tường-Vi ạ, mình khuyên cậu nên nhìn Pháp viện với con mắt thiện cảm”.

Tôi cũng quyết định sẽ làm như vậy. Tôi bèn bảo Xtiécphoóc rằng cô tôi đang đợi tôi ở Luân-đôn (tôi biết điều này qua bức thư của cô tôi) và cô tôi đã thuê một chỗ ở trong một khách sạn trong vòng một tuần lễ, đấy là một khách sạn tư nhân ở đường Lincôn In Phin, ở đấy có một cái cầu thang bằng đá, một cái cửa rất tiện ở mái... bởi vì cô tôi yên trí rằng ngôi nhà nào ở Luân đôn cũng có thể bị

cháy vào bất kỳ đêm nào.

Cuộc du lịch của chúng tôi kết thúc thú vị, đôi khi chúng tôi nhắc đến Pháp viện và hình dung trước một ngày xa xôi kia khi tôi sẽ là một biện lý, còn Xtiécphoóc thì miêu tả ngày ấy với cái vẻ ngộ nghĩnh và hóm hỉnh, làm cho cả hai chúng tôi đều vui vẻ. Khi chúng tôi kết thúc cuộc du lịch, Xtiécphoóc về nhà, hẹn hai hôm sau sẽ đến thăm tôi, còn tôi thì đi xe ngựa đến đường Lincon In Phin, ở đây tôi gặp cô tôi đang ngồi đợi tôi về ăn tối.

Nếu như tôi có đi vòng quanh quả đất từ khi chia tay đến nay, thì chúng tôi cũng không thể sung sướng hơn khi lại được gặp nhau. Cô tôi khóc òa lên, ôm hôn tôi và vừa cố gượng cười, vừa nói rằng nếu bà mẹ tội nghiệp của tôi còn sống, thì con bé ngốc nghếch ấy chắc chắn cũng sẽ chảy nước mắt. Tôi nói:

“Thế cô để ông Đích ở nhà à? Tiếc thật!. à, chị Jannet, sức khỏe chị thế nào.”

Trong khi chị Jannet cúi chào, tỏ ý chúc tôi cũng mạnh khỏe, tôi nhận thấy gương mặt của cô tôi sa sầm lại. Cô tôi nói, lấy tay xoa mũi:

“Cô cũng rất tiếc điều đó. Từ khi cô ở đây, cô cũng không thấy yên tâm gì cả, Trôt ạ!”

Tôi chưa kịp hỏi nguyên do thì cô tôi đã nói:

“Cô tin chắc” cô tôi đặt tay lên bàn với một dáng điệu buồn bã, nhưng rất kiên quyết “ông Đích không phải là hạng người có thể bắt bọn lừa phải tránh xa khỏi nhà. Cô tin chắc ông ta thiếu nghị lực. Lẽ ra cô phải để Jannet ở nhà chứ không phải ông ta, vì như thế có lẽ cô sẽ yên tâm hơn. Nếu như xưa nay có một con lừa giẫm lên bờ cỏ của

cô” cô tôi nhấn mạnh, “thì việc này đã xảy ra vào lúc bốn giờ chiều hôm nay. Toàn thân cô lạnh toát, và cô *biết* đó là một con lừa”.

Tôi tìm cách an ủi cô tôi về điểm này, nhưng cô tôi gạt phăng đi. Cô tôi nói:

“Đó là một con lừa, và chính lại là con lừa có cái đuôi cụt lủn mà con mụ “giết người: kia cuối khi mụ đến nhà cô. Nếu như ở Đôvơ có một con lừa táo tợn làm cho cô khó chịu hơn cả”, cô tôi nói, đập tay lên bàn, “thì chính là con lừa ấy!”

Jannet đánh bạo gợi ý cho cô tôi rằng cô tôi lo lắng như vậy là không cần thiết, vì theo chị ta biết thì con lừa đó lúc này đang bận vào việc chở dãi chở cát, cho nên không có dịp vi phạm bờ cỏ, nhưng cô tôi vẫn không chịu nghe gì hết. Bữa ăn tối rất chu đáo, lại nóng sốt, mặc dầu căn phòng cô tôi ở rất cao (tôi không hiểu cô tôi chọn phòng ấy để đỡ tốn tiền hơn hay để ở gần cái cửa trên mái hơn). Bữa ăn gồm một con gà con quay bít-tếch và một ít rau. Tôi ăn tất cả các đĩa và đĩa nào cũng ngon tuyệt. Nhưng cô tôi lại có ý nghĩ riêng của mình về vấn đề thực phẩm ở Luân-đôn và chỉ ăn rất ít. Cô tôi nói:

“Cô cho rằng con gà con bắt hạnh này sinh ra và được nuôi trong hầm rượu, chưa bao giờ ra ngoài trời, trừ phi lúc đứng đợi xe ngựa chở nó đi. Cô hy vọng rằng món bít-tếch cũng là thịt bò đấy, nhưng cô không tin. Theo ý cô, ở đây không có cái gì là thực cả, trừ bụi bặm”.

“Thế cô không cho rằng con gà này ở nhà quê lên hay sao?” tôi gợi ý.

“Cố nhiên là không” cô tôi đáp “bọn con buôn ở

Luân-đôn sẽ không cảm thấy thú vị gì nếu bán một cái gì đúng là cái họ bảo!”

Tôi không dám bác lại ý kiến ấy, nhưng tôi ăn một bữa ngon lành, và cô tôi cũng thoả mãn khi thấy tôi ăn như vậy. Sau khi bàn ăn đã dọn dẹp xong, chị Jannet giúp cô tôi sửa lại mái tóc, đội cái mũ chụp, mũ này kiểu đẹp hơn ngày thường (“trong trường hợp hỏa hoạn” như cô tôi thường nói) và kéo cái áo lên, gấp trên đầu gối... vì đó là những điều cô tôi vẫn làm để sưởi cho ấm trước khi đi ngủ. Tôi bèn rót theo những quy tắc nhất định, không được vi phạm, dù chỉ vi phạm một ly - một cốc rượu trắng, nóng, hòa với ít nước và cắt dọc một - một khoanh thịt rán thành từng sợi nhỏ. Với những thứ này, chúng tôi ngồi cạnh nhau để tiêu khiển hết buổi chiều, và cô tôi ngồi trước mặt tôi, uống rượu trắng, nóng, hòa với ít nước và cắt dọc một khoanh thịt rán thành từng sợi nhỏ. Với những thứ này, chúng tôi ngồi cạnh nhau để tiêu khiển hết buổi chiều, và cô tôi ngồi trước mặt tôi, uống rượu nóng pha nước, lần lượt nhúng từng lát bánh nướng vào cốc rượu trước khi ăn và nhìn tôi ầu yếm qua những nếp nhăn tổ ong của chiếc mũ chụp. Cô tôi lắc đầu:

“Thế nào, Trốt? Cháu nghĩ thế nào về việc làm luật sư đấy? Hay là cháu vẫn chưa bắt đầu nghĩ đến điều đó?”

“Cháu đã nghĩ nhiều đến điều đó rồi, cô ạ”, tôi nói “và cháu đã nói chuyện nhiều về việc đó với Xtiecp hóóc. Cháu rất thích việc đó, cháu thích lắm”.

“Được”, cô tôi nói, “thế thì hay quá”.

“Cháu chỉ thấy có một điều bất tiện thôi, cô ạ”

“Cháu cứ nói đi, có điều gì thế?” cô tôi hỏi.

“Cháu muốn hỏi cô điều này, theo như cháu biết, nghề này chọn rất ít người, cháu không biết trước vào nghề ngày có mất nhiều tiền lắm không?”

“Sẽ tốn đúng một nghìn bằng” cô tôi đáp “để trả tiền giao kèo học nghề của cháu”

“Cô ạ” tôi nói, kéo cái ghế lại gần “nếu thế thì cháu rất băn khoăn. Cô đã tiêu rất nhiều tiền để nuôi cháu ăn học, và đối với cháu, trong tất cả mọi mặt, bao giờ cô cũng đều hết sức rộng rãi. Cô là hiện thân của lòng độ lượng. Chắc chắn thế nào cũng có những nghề, trong đó cháu có thể bắt đầu cuộc đời của mình, hầu như không phải tốn gì, mà vẫn có hy vọng chắc chắn là sẽ tiến, nhờ quyết tâm và cố gắng. Cô có thấy đi theo cách kia là tốt hơn không? Cô có tin chắc rằng cô có thể trả một số tiền lớn như vậy và tiêu như thế là đúng không? Cháu chỉ xin cô nghĩ đến điều đó, cô là người mẹ thứ hai của cháu. Cô có chắc như thế không?”

Cô tôi ăn nốt miếng bánh, nhìn chăm chú vào mặt tôi, đoạn đặt cái kính lên giá lò sưởi, khoanh tay đặt trên chiếc váy gấp lại và nói:

“Trốt, cháu ạ, nếu cô có một mục đích nào trên đời, thì đó là lo làm sao cho cháu trở nên một người tốt, hiểu biết lẽ phải và được sung sướng. Cô đã quyết tâm làm thế nào và ông Đích cũng vậy. Cô thích nói với những người quen biết về những điều ông Đích đã nói về việc này. Trí khôn của ông thực đáng phục. Nhưng ngoài cô ra, không ai biết khả năng trí tuệ của con người này cả”.

Cô tôi dừng lại một lát, xiết chặt tay tôi và nói:

“Bây giờ mà nhắc lại chuyện cũ, Trốt ạ, thì cũng vô

ích, trừ phi là nó có một ảnh hưởng đối với hiện tại. Có lẽ cô có thể thân mật hơn với cha cháu, có lẽ cô có thể thân mật hơn với mẹ cháu, con bé tội nghiệp, ngay cả sau khi chị cháu là Bétxi Trótút đã làm cô thất vọng. Khi cháu đến tìm cô, như một thằng bé ma-cà-bông, mình mẩy đầy bụi bặm và mệt lử vì đi đường, có lẽ cô cũng đã nghĩ như vậy. Nhưng từ đó đến nay, Trót ả, cháu vẫn làm vinh dự cho cô, thành niềm kiêu hãnh và niềm vui của cô. Ngoài cháu ra, không ai có quyền gì về gia tài của cô; ít nhất..." đến đây tôi rất ngạc nhiên thấy cô tôi ngần ngại và lúng túng "... không, không có ai ngoài cháu, có quyền gì về tài sản của cô, cháu là đứa con nuôi của cô. Cháu chỉ cần làm một đứa con thân ái đối với cô, khi cô già, chịu đựng cái tính khí đồng bóng và những sở thích của cô. Chỉ cần thế là cháu đã tốt đối với bà già, mà trong tuổi thanh xuân không được sung sướng, cũng không được thanh thản như đáng lý bà ấy phải được, và bà ấy đã chịu ơn cháu nhiều hơn là cháu đã chịu ơn bà ta".

Đó là lần đầu tiên tôi nghe cô tôi nhắc đến thời quá khứ của mình. Trong cách nói lặng lẽ, và sau đó trong cách xua đuổi những kỷ niệm quá khứ, có cái gì cao thượng làm cho tôi càng thêm kính trọng và yêu quý cô tôi nếu như có cái gì có thể làm thế. Cô tôi nói:

"Giữa cô cháu ta, chúng ta đã đồng ý về tất cả mọi điểm, và đã hoàn toàn hiểu nhau, Trót ả, và chúng ta không cần bàn đến điều đó nữa. Cháu hãy hôn cộ đi rồi chúng ta sẽ đến Pháp viện ngày mai, sau bữa ăn điểm tâm".

Chúng tôi còn ngồi nói chuyện một hồi lâu bên ngọn

lửa trước khi đi ngủ. Tôi nằm ngủ trong cái phòng cũng cùng một tầng với cô tôi, và suốt đêm ấy, cô tôi cứ thức dậy luôn và đến gõ cửa phòng tôi, mỗi khi có tiếng xe ngựa cho thuê hay xe những người bán rau ở đằng xa, làm cho cô tôi lo lắng và hỏi: “Tôi có nghe tiếng những người cứu hỏa không?” Nhưng về sáng thì cô tôi ngủ ngon hơn, và nhờ vậy, tôi cũng được ngủ yên.

Vào khoảng giữa trưa, chúng tôi đến phòng giấy của các ông Xpenlô và Joockin - luật sư ở Pháp viện. Cô tôi vốn sẵn có một quan niệm khái quát khác về Luân đôn, cho rằng tất cả những người cô tôi thấy đều là những dân móc túi, nên trao cái ví của mình cho tôi giữ, trong đó có mười ghi-ni và một vài đồng tiền bạc.

Chúng tôi dừng lại trước cửa hàng đồ chơi đường phố Pholit để nhìn những người khổng lồ ở Xanh Đonxtan đánh chuông (chúng tôi đã chọn giờ ra đi để có thể nhìn họ làm việc này vào lúc giữa trưa), rồi chúng tôi lại tiếp tục đi đến đồi Lutgây và nghĩa địa Xanh Pôn. Chúng tôi sắp đi qua đường phố để đến nơi ấy, bỗng tôi thấy cô tôi rảo bước rất nhanh và tỏ vẻ hoảng hốt. Đồng thời, tôi nhận thấy một người, vẻ mặt dễ sợ và ăn mặc lôi thôi, trước đấy một lát đã dừng lại và trở mắt nhìn chúng tôi khi chúng tôi đi qua, và lúc này đang đi gần chúng tôi đến nỗi đi sát vào người cô tôi. Cô tôi nói thầm có vẻ hoảng sợ, xiết chặt cánh tay tôi:

Trốt ơi, Trốt, cô bây giờ không biết phải làm gì?”

“Cô đừng sợ, tôi nói chẳng có gì mà phải sợ. Cô cứ bước vào một cửa hiệu và cháu sẽ cho thằng kia xéo đi ngay”.

“Không, không cháu ạ”, cô tôi đáp, “Cháu đừng nói với hần, cô van cháu, cô ra lệnh cho cháu đấy”

“Trời, cô ơi! Nó chỉ là một thằng ăn mày lão xược thôi”.

“Cháu không biết nó là một người như thế nào đâu! Cháu không biết nó là ai đâu! Cháu không biết cháu nói gì!”

Trong khi đó, chúng tôi đã dừng lại dưới một vòm cửa trống, và hần cũng dừng lại.

“Đừng nhìn hần! Cô tôi nói khi tôi quay lại nhìn hần có vẻ bức bối! Cháu gọi cho cô một chiếc xe ngựa và đợi cô ở nghĩa địa Xanh Pôn”.

“Đợi cô à?” tôi nhắc lại.

“Phải, cô tôi đáp. Cô phải đến đây một mình”.

“Với hần à, có phải thế không cô? Với thằng ấy à?”

“Cô vẫn còn đủ trí khôn” cô tôi đáp “và cô bảo cháu rằng nhất thiết cô phải đi. Cháu đi gọi cho cô một chiếc xe ngựa”.

Mặc dầu tôi sưng sốt đến mức nào đi nữa, tôi vẫn hiểu rằng tôi không có quyền chống lại một mệnh lệnh kiên quyết như vậy. Tôi vội vàng bước đi vài bước và gọi một chiếc xe ngựa trống không đang đi qua. Tôi vừa kịp kéo cái bọc xe xuống thì không biết bằng cách nào cô tôi đã nhảy tọt vào trong, và người kia cũng vào theo. Cô tôi ra lệnh cho tôi tránh ra với một cử cử tha thiết đến nỗi mặc dầu đang rất lúng túng, tôi cũng quay mặt đi ngay. Trong khi ấy tôi nghe cô tôi bảo anh xà ích:

“Anh đánh xe bất kỳ đi đâu, cứ đi thẳng”

Và chiếc xe đi qua trước mặt tôi, vượt lên ngọn đồi.

Điều ông Đích đã nói với tôi mà tôi vẫn cho là do óc tưởng tượng của ông nghĩ ra, bây giờ lại đến với tôi. Tôi tin chắc rằng con người này chính là con người mà ông Đích đã nói với tôi một cách bí mật; mặc dầu tôi hoàn toàn không thể đoán tại sao hắn lại có ảnh hưởng to lớn đối với cô tôi như vậy. Sau khi đứng đợi nửa tí ngoài nghĩa địa, tôi thấy chiếc xe ngựa quay lại. Anh xà ích dừng lại cạnh tôi, và cô tôi đang ngồi một mình trong xe.

Cô tôi vẫn còn chưa hoàn toàn làm chủ được những cảm xúc của mình để có thể sẵn sàng đưa tôi đến thăm nơi chúng tôi định đến. Cô tôi bảo tôi lên xe và bảo anh xà ích cho xe đi đi lại lại một chốc. Cô tôi chỉ nói: Con ạ, đừng bao giờ con hỏi cô về việc đã xảy ra, cũng đừng bao giờ nhắc tới chuyện đó" cho đến khi cô tôi đã hoàn toàn bình tĩnh lại, cô tôi bảo mình đã hoàn toàn tự chủ như cũ và chúng tôi có thể xuống xe. Khi cô tôi trao cho tôi cái ví để trả tiền cho anh xà ích, tôi nhận thấy tất cả cái ví để trả tiền cho anh xà ích, tôi nhận thấy tất cả những đồng ghi-ni đều đã biến mất, chỉ còn những đồng bạc lẻ.

Chúng tôi đi đến Pháp viện, qua một vòm cổng thấp. Chúng tôi vừa bước vài bước qua cái vòm cổng thì những tiếng động của thành phố như được một phép lạ làm tan chìm vào một nơi xa xôi. Chúng tôi đi qua mấy cái sân buồn tênh và một vài con đường hẹp dẫn đến phòng giấy của ông Xpenlô và ông Joockin phòng này có những cửa sổ ở mái chiếu sáng và trong phòng áo của cái điện thờ mà những kẻ hành hương có thể bước vào không cần phải gõ cửa. Có ba bốn nhân viên đang hí hoái sao chép. Một người trong bọn, thân hình nhỏ bé và quắt lại đang ngồi

một mình, mang một mớ tóc giả màu nâu và cứng đờ, dường như mớ tóc này được làm bằng bánh ngọt thơm, đứng dậy tiếp cô tôi, và đưa chúng tôi vào phòng làm việc của ông Xpenlô. Con người khô quắt này nói:

“Thưa bà, ông Xpenlô đang ở tòa án. Hôm nay có phiên họp của tòa án giáo hội, nhưng tòa án ở gần đây thôi, tôi sẽ đi gọi ông ấy về ngay”.

Trong khi chúng tôi đang đứng đợi người ta đi gọi ông Xpenlô về, tôi nhân dịp ấy nhìn quanh mọi vật trong phòng. Đồ đạc ở đây theo kiểu cũ và đầy bụi bặm, tấm da xanh phủ mặt bàn đã phai hết màu, nhãn nhúm và xanh xao như một cụ già nghèo khổ. Trên bàn có nhiều gói giấy, có cái thì đề là “*Chúng cứ có cái* (điều này làm tôi ngạc nhiên) đề *Kháng cáo*, có cái đề *Tòa án của các Giáo sĩ*, có cái đề *Tòa án Giáo hội*, có cái đề *Tòa án Đặc quyền*, có cái đề *Tòa án Hải quân*, có cái đề *Tòa án Đại biện*. Tất cả những cái này làm cho tôi ngạc nhiên không biết tất cả có bao nhiêu tòa án, và muốn hiểu tất cả những tòa án này thì phải mất bao nhiêu thời giờ. Ngoài những gói giấy này ra, lại còn có nhiều quyển sách viết tay to tướng, ghi lại những lời làm chứng - sau khi đã tuyên thệ - được đóng chắc chắn và buộc lại với nhau thành từng tập đồ sộ, cứ mỗi vụ thì có một tập, dường như mỗi vụ là một quyển sử dày từ mười đến hai mươi tập. Tất cả trò này đều có vẻ hết sức đắt tiền - tôi nghĩ như vậy - và điều đó cho tôi một khái niệm thú vị về cái nghề của một người biện lý - luật sư. Tôi liếc mắt nhìn, với cái vẻ càng ngày càng thích thú, xem những vật này và nhiều vật khác tương tự, bồng trong cái phòng áo bên ngoài có tiếng chân bước vội vã, và ông Xpenlô, mặc

chiếc áo dài đen, viền da lông trắng toát vội vã bước vào, vừa đi vừa cất mũ.

Ông là một người nhỏ nhắn, tóc hung, đi đôi ghệt đẹp, không chề được, thắt cái cà-vạt trắng muốt, cứng đờ và cái cổ sơ-mi cứng nhất trên đời. Ông mặc chiếc áo cái khuy từ cổ trở xuống trông rất gọn gàng, đóm dáng và chắc hẳn phải mất khá nhiều thời giờ để trau chuốt bộ ria vì nó được uốn rất cẩn thận. Dây đồng hồ vàng của ông to đến nỗi tôi bỗng nảy ra ý nghĩ kỳ quặc là phải có một cánh tay bằng vàng lực lưỡng như những cánh tay người ta đặt ở cửa hiệu của những người dát vàng mới có thể kéo nó ra được. Ông ăn mặc cẩn thận và cứng nhắc đến nỗi ông phải khó nhọc lắm mới cúi xuống được, và một khi ngồi xuống để nhìn giấy tờ ở bên trái thì ông bắt buộc phải cử động tất cả thân hình từ phía dưới xương sống như một thằng nộm.

Tôi đã được cô tôi giới thiệu trước và được ông tiếp một cách lịch sự. Ông bảo tôi:

“Thế nào, anh Copophin, anh muốn bước vào nghề của chúng tôi à? Tôi ngẫu nhiên có nói với cô Tóttút khi tôi có dịp trò chuyện với cô hôm trước” đến đây ông lại cúi cái thân hình người nộm của mình một lần nữa “rằng ở đây có một chỗ trống. Cô Tróttút có nhã ý nói rằng cô có một cậu cháu mà cô hết sức yêu quý và muốn tìm cho cậu ấy một địa vị cao quý chắc hẳn bây giờ tôi được hân hạnh tiếp cậu cháu đây”.

Nói đến đây, ông lại chào theo kiểu người nộm một lần nữa. Tôi cúi chào tỏ ý cảm ơn, nói cô tôi đã bảo tôi ở đây có một chỗ trống, và tôi nghĩ rằng tôi sẽ thích cái nghề ấy, rằng tôi nhận ngay đề nghị ấy, tuy tôi chỉ có thể

dám chắc rằng tôi sẽ thích làm việc này sau khi biết rõ hơn. Tôi nói, mặc dầu đây chỉ là vấn đề hình thức, nhưng tôi cũng muốn có dịp thí nghiệm xem tôi thích cái nghề này đến đâu trước khi hoàn toàn bước vào nghề.

“Ồ, cố nhiên, cố nhiên!” ông Xpenlô nói “ở trong nhà này bao giờ chúng tôi cũng đề nghị một tháng... một tháng chuẩn bị. Riêng về phần tôi, tôi sẽ rất sung sướng được đề nghị hai tháng, ba tháng, một thời gian vô định, nhưng thực ra có một người cộng tác là ông Joockin”.

“Còn số tiền vào ngành, thưa ông, là một nghìn bảng?” tôi hỏi.

“Về số tiền vào ngành, kể cả tiền đăng ký là một nghìn bảng” ông Xpenlô nói. “Như tôi đã nói với cô Tróttút, tôi không chú ý đến chuyện tiền nong... hiếm có người ít chú ý đến vấn đề này như tôi, tôi nghĩ thế... nhưng ông Joockin có ý kiến của ông ta về vấn đề này, và tôi có nhiệm vụ tôn trọng ý kiến của ông ta. Tóm lại, ông Joockin cho rằng số tiền một nghìn bảng là rất ít”.

“Thưa ông”, tôi nói, vì tôi còn có ý định bớt đi cho cô tôi một số tiền “tôi không biết đây có cái lệ, nếu có một người tập sự tỏ ra hết sức có ích và thông thạo nghề nghiệp của mình (tôi không thể không đổ mặt vì có vẻ tự khen mình), tôi không biết đây có cái lệ, trong những năm cuối cùng của thời gian học nghề, cho anh ta...”:

Ông Xpenlô hết sức cố gắng ngẩng đầu lên khỏi cái cà-vạt để lắc và trả lời, không đợi tôi nói chữ “tiền lương”.

“Không tôi có thể bảo anh rằng tôi quan niệm về vấn đề này như thế nào, anh Copophin ạ, nếu như tôi được tự do hành động. Nhưng ông Joockin thì kiên quyết lắm”.

Tôi hết sức hoảng sợ khi nghĩ đến cái ông Joock kinh khủng kia. Nhưng sau đó, tôi phát hiện ra rằng ông là một người hiền hành, tính tình buồn bã, và vai trò trong việc kinh doanh là đứng ở hàng thứ yếu, luôn luôn được nêu lên thành một con người cứng rắn và khắc nghiệt nhất trên đời. Nếu một nhân viên muốn tăng lương, thì ông Joockin không muốn nghe nói đến cái đề nghị ấy. Nếu một khách hàng chậm trả tiền giấy tờ thì ông Joockin kiên quyết bắt họ phải trả, và mặc dầu việc này có thể (bao giờ thì cũng thế) làm cho ông Xpenlô bực mình đến đâu, ông Joockin cũng yêu cầu phải thực hiện điều đã cam kết. Ông thần từ thejen Xpenlô nhẽ ra bao giờ cũng có con tim cõi mở, nếu như ông ta không bị con ác quỷ Joockin kìm hãm. Khi nhiều tuổi hơn, tôi thấy tôi đã có kinh nghiệm về một vài nhà khác cũng kinh doanh theo cái kiểu của Xpenlô và Joockin!

Người ta quyết định rằng tôi sẽ bắt đầu thời gian tập sự một tháng khi nào tôi thích, và tôi không cần phải ở lại Luân-đôn, cũng không cần phải quay lại khi thời hạn này đã hết, vì những điều khoản của tờ giao kèo - trong đó tôi là đối tượng - sẽ được gửi về nhà một cách dễ dàng để có tôi ký. Khi đã thảo luận đến điểm này, ông Xpenlô đề nghị đưa tôi vào toà án ngay để chỉ cho tôi thấy nơi ấy là như thế nào. Tôi cũng rất thích thế cho nên chúng tôi đi ra để xem, để cô tôi ngồi lại, vì cô tôi bảo không thích đến một nơi như thế và theo tôi, cô tôi nhìn mọi tòa án như là một thứ thuốc súng, có thể nổ tung bất kỳ lúc nào.

Ông Xpenlô đưa tôi qua một cái sân lát đá, chung quanh có những ngôi nhà gạch tôn nghiêm. Thấy tên các

tiền sĩ đề ngoài cửa, tôi cho đó là chỗ ở chính thức của những trạng sư thông thái, mà Xtiếcphoóc đã nói cho tôi biết. Chúng tôi bước vào một căn phòng rộng rãi, âm thầm, ở phía tay trái, và theo ý tôi, không phải không giống một cái điện thờ. Phần cuối của căn phòng này bị tách ra khỏi toàn bộ căn phòng, và ở đây, ở hai phía của một cái bục rất cao hình móng ngựa, trên những chiếc ghế thoải mái của phòng, ngăn theo kiểu cũ, có mấy ngài mặc áo dài đỏ mang tóc giả màu xám ngói, và tôi biết đó là những tiền sĩ đã nói ở trên. Ngồi cúi mình trên một chiếc bàn viết giống như một bục giảng ở nơi cao nhất của vành móng ngựa là một người đã già, mắt hấp ha hấp háy, mà chắc tôi sẽ tưởng là một con cú, nếu tôi thấy ông ta ở trong một cái lồng; nhưng người ta bảo tôi đó là quan chánh án. Trong khoảng trống giữa vành móng ngựa, và ở một mức thấp hơn (nghĩa là gần ngang mặt đất), có nhiều người đồng sự với ông Xpenlô và cũng như ông ta, họ mặc áo dài đen, viền da lông trắng, ngồi sau một cái bàn dài màu lá cây. Nhìn chung, tôi có cảm tưởng họ có những chiếc cà-vạt cứng đờ, và vẻ mặt họ kiêu kỳ; nhưng về điểm này, sau một lát tôi nhận thấy tôi đã bất công đối với họ vì khi hai hay ba người trong bọn đứng lên để trả lời một câu hỏi của ông chánh án, thì tôi chưa bao giờ thấy ai rụt rè hơn. Công chúng, được đại diện bởi một thằng bé mang khăn quàng và một con người đứng đắn, nhưng ăn mặc bệ rạc, đang vụng trộm ăn những mảnh bánh mì ông ta lấy ở túi áo ra, cái công chúng ấy đang sưởi ở gần một cái lò sưởi giữa phòng. Cảnh tượng yên tĩnh, buồn bã của nơi này chỉ bị phá vỡ bởi tiếng lửa reo lách tách và giọng nói của một

trong số các tiến sĩ đang chậm rãi đi qua cả một thư viện những chứng cứ, và chốc chốc lại dừng lại để nêu lên những luận cứ. Nói chung, trong đời tôi, tôi chưa bao giờ dự một cuộc hội họp gia đình ấm cúng, ngái ngủ, cũ kỹ, yên tĩnh và dờ dẩn như thế, và tôi có cảm tưởng rằng nơi đó sẽ là một thứ thuốc ngủ êm dịu nhất cho bất kỳ ai, có lẽ trừ các bị cáo.

Rất thỏa mãn về tính chất mơ màng của nơi ở ẩn ấy, nên tôi nói với ông Xpenlô rằng lần này tôi đã nhìn được khá nhiều, và chúng tôi trở về gặp cô tôi. Lát sau, tôi và cô tôi rời khỏi Pháp viện và tôi có cảm tưởng rằng mình rất trẻ, vì khi tôi bước ra khỏi nơi làm việc của ông Xpenlô và Joockin, tôi thấy các nhân viên lấy bút hích nhau để chỉ vào tôi.

Chúng tôi đến đường Lincôn In Phin không gặp một biến cố nào khác ngoài việc gặp một con lừa bất hạnh thắng vào cái xe của một anh bán hàng xén, và con vật ấy gọi cho cô tôi những ý nghĩ khó chịu. Chúng tôi lại nói nhiều về những dự định của tôi khi chúng tôi đã về nhà một cách yên ổn. Biết rằng cô tôi nóng ruột muốn về nhà và không bao giờ cảm thấy yên tâm ở Luân-đôn, dù chỉ nửa giờ vì hết sợ hỏa hoạn, sợ thức ăn, lại sợ bị móc túi nên tôi khản khoản yêu cầu cô tôi đừng lo lắng gì về phần tôi, và hãy để tôi thu xếp một mình.

“Đến mai là cô ở đây được một tuần, và bấy lâu cô vẫn cứ nghĩ đến điều đó, cháu ạ”, cô tôi nói “Có một căn phòng nhỏ cho thuê có đủ đồ đạc ở đường Ađenphi, Trốt ạ, và phòng ấy chắc sẽ thích hợp với cháu lắm”.

Sau lời giới thiệu ngắn ngủi này, cô tôi đã rút trong

túi áp ra một tờ quảng cáo mà cô tôi đã cất cẩn thận trong một tờ báo. Tờ quảng cáo nói rằng ở đường Bockinhham, khu phố Adenphi có một căn phòng cho thuê, có đồ đạc, nhìn ra sông Temxơ, làm thành một chỗ ở xinh xắn, rất thuận tiện cho một sinh viên trẻ tuổi của trường luật và có thể ở được ngay. Tiền thuê nhà phải chăng, và có thể chỉ thuê trong một tháng cũng được.

“Ồ, cái phòng này thực là hợp với cháu, cô ạ” tôi nói, mặt đỏ bừng khi nghĩ đến cái hân hạnh được sống trong một căn phòng.

“Thế thì cháu đến đi”, cô tôi đáp, cầm ngay lấy cái mũ mà cô tôi vừa đặt xuống trước đấy một phút. “Chúng ta đến xem đi”.

Thế là chúng tôi đi. Tờ quảng cáo báo cho chúng tôi biết phải hỏi bà Cróp về nơi này, và chúng tôi rung cái chuông ở tầng dưới, dường như cái chuông ấy liên lạc với bà Cróp. Chúng tôi phải rung chuông hai ba lần bà ấy mới trả lời, và cuối cùng bà ta xuất hiện. Đó là một bà béo phịch, mặc một cái váy bằng nỉ mỏng, với một cái áo bằng lụa Thượng-Hải.

“Bà làm con cho chúng tôi xem cái phòng của bà”, cô tôi nói.

“Có phải cho ông này không?” bà Cróp vừa nói vừa lấy tay lần tìm chìa khóa trong túi.

“Phải đấy, cho cháu tôi” cô tôi đáp.

“Đối với một người như ông này thì thực là tuyệt!” Bà Cróp nói.

Thế là chúng tôi bước lên cầu thang.

Căn phòng ở tầng trên cùng (đó là một điểm quan

trọng đối với tôi, vì nó gần lối thoát ra nếu xảy ra hóa hoạn), có một lối đi vào tối om, một cái nhà bếp cũng tối om mà ở đây dường như người ta không thấy gì hết, một phòng khách và một phòng ngủ. Đồ đạc đã phai màu hết cả, nhưng cũng khá tốt đối với tôi, và cố nhiên ở bên ngoài, phía dưới cửa sổ, có con sông Temxơ.

Vì tôi rất thích nơi này, nên cô tôi và bà Crop rút vào nhà bếp để thảo luận về những điều kiện, trong khi tôi ngồi trên cái xô-pha ở phòng khách, và khó lòng nghĩ rằng số mình lại có thể được sống ở một nơi sang trọng thế này. Sau một cuộc chiến đấu một chọi một khá dài, hai người quay lại; nhìn nét mặt của bà Crop cũng như của cô tôi, tôi vui vẻ nhận thấy rằng công việc đã thu xếp xong. Cô tôi hỏi:

“Đây có phải là đồ đạc của người khách cuối cùng không?”

“Thưa bà đúng đấy ạ” bà Crop đáp.

“Ông ta bị làm sao thế?” cô tôi hỏi.

Bà Crop nổi lên một cơn ho dữ dội và giữa cơn ho, bà nói có vẻ rất khó nhọc:

“Thưa bà, ông ta ốm ở đây.Ồ, ồ, trời ơi... ông ta chết!”

“Thế nào? Ông ta chết vì bệnh vì thế?”

“Thưa bà, ông ta chết vì uống rượu, và” bà Crop nói, giọng tâm sự “... vì cả khói nữa!”

“Khói à? Không phải vì khó lò sưởi chứ?” cô tôi hỏi.

“Thưa bà không ạ” bà Crop đáp lại “vì... khói xì-gà và thuốc lá ạ!”

“Dầu sao cái đó cũng không truyền nhiễm”, cô tôi quay lại phía tôi và nói.

“Cố nhiên là không” tôi nói.

Tóm lại, cô tôi thấy tôi thú về cái chỗ ở này lắm cho nên thuê nó một tháng và có thể tôi sẽ ở đấy một năm khi thời hạn này đã hết. Bà Crop phải lo việc giặt giũ và nấu ăn, còn mọi thứ cần thiết đều đã có sẵn; và bà Crop vốn đã nói cho tôi biết rằng bà yêu tôi như con trai. Hai ngày nữa tôi sẽ đến ở đấy và bà Crop nói rằng nhờ ơn trời, bây giờ bà mới tìm thấy một người bà có thể săn sóc.

Khi chúng tôi về khách sạn, cô tôi nói cho tôi biết rằng trong thâm tâm, cô tôi tin rằng cuộc sống mà tôi sắp sống sẽ làm cho tôi vững vàng và tự tin, đó là những đức tính mà tôi còn thiếu. Cô tôi nhắc lại điều đó nhiều lần vào ngày hôm sau, trong những lúc rỗi rãi không bận thu xếp để đưa đồ đạc và quần áo và sách vở từ nhà ông Uychcophin đến. Tôi đã viết cho Acnet một bức thư dài về việc dọn nhà, cũng như về thời gian nghỉ của tôi gần đây, và cô sẽ mang bức thư ấy đến vì hôm sau cô tôi sẽ rời khỏi nơi này. Để khỏi nói dài dòng những chi tiết này, tôi chỉ cần nói thêm rằng cô tôi chú ý đến tất cả những điều tôi có thể cần đến trong một tháng tập sự của tôi, rằng Xtiécphoóc không xuất hiện trước khi cô tôi ra đi, điều đó làm cho tôi thất vọng và cô tôi cũng thế; rằng tôi tiễn cô tôi lên xe ngựa ở Đôvơ, và tôi thấy cô tôi ngồi chễm chệ, sung sướng, vì với sự giúp đỡ của Jannet, cô tôi sẽ trị thẳng tay những con lừa đi lang thang.

Sau đó chiếc xe trạm đi xa, tôi đi về phía Ađenphi, trầm ngâm suy nghĩ đến những vòm cầu ngầm dưới đất, và nghĩ đến những đổi thay sung sướng đã đưa tôi lên mặt đất.

Chương XXIV

HÀNH ĐỘNG BỪA BÃI ĐẦU TIÊN

Thực là tuyệt khi được làm chủ cái dinh thự to lớn kia, và sau khi đóng cửa ngoài lại, tôi cảm thấy một cảm giác chẳng khác gì Rôbinxơn Cruxâu cảm thấy khi anh ta đã vào trong thành lũy của mình và kéo thang lên. Thực là tuyệt khi được đi thơ thẩn ngoài đường với cái chìa khóa trong túi và biết rằng mình có thể mời bất kỳ ai đến nhà, và hoàn toàn tin chắc rằng điều đó sẽ không làm phiền ai hết, nếu như nó không làm phiền mình. Thật là tuyệt khi mình được tự do tha hồ đi ra đi vào, không cần phải nói với ai một lời, và có thể rung chuông để gọi bà Crop, hỗn hển từ trong lòng đất bước lên, khi cần đến bà ấy và khi bà ta muốn đến. Tất cả những điều này thực là tuyệt... nhưng tôi phải thú nhận rằng có đôi lúc cũng đến chán.

Buổi sáng thì thật thú, nhất là những buổi sáng đẹp trời. Cuộc đời có vẻ tươi trẻ, tự do khi mặt trời lên, lại càng tươi trẻ và tự do hơn dưới ánh mặt trời. Nhưng chiều xuống dần thì cuộc đời tôi cũng dường như đi xuống - Tôi không hiểu tại sao nó lại như vậy... nhưng ở dưới ánh nến thì ít

khi nó có vẻ đẹp. Tôi thiếu một người để trò chuyện. Tôi thiếu Acnet. Tôi cảm thấy một nỗi trống rỗng khủng khiếp khi thiếu người bạn tâm sự xinh tươi. Bà Crop đối với tôi rất xa lạ. Tôi nghĩ đến ông chủ căn phòng này trước khi tôi đến đã chết vì rượu và thuốc lá, và tôi tiếc rằng ông ta không chịu khó sống đến giờ để đừng làm tôi băn khoăn về cái chết của ông ta.

Sau hai ngày hai đêm, tôi cảm thấy dường như đã sống ở đây được một năm, tuy vậy tôi vẫn không già thêm được một giờ nào và vẫn bị dần vật bởi cái tuổi trẻ của mình như mọi khi.

Xtiécphoóc vẫn không đến làm cho tôi nghĩ rằng cậu ta ốm. Ngày thứ ba tôi rời khỏi pháp viện trước giờ để đến Haigây. Bà Xtiécphoóc rất vui mừng được gặp tôi, và nói rằng Xtiécphoóc đã đi chơi với một người bạn ở trường đại học Ocxphot để thăm một người bạn khác sống gần Xanh Anban, nhưng bà hy vọng rằng cậu sẽ trở về trong ngày mai. Tôi mê cậu ta quá đến nỗi tôi đâm ghen với những người bạn của cậu ở Ocxphot.

Vì bà Xtiécphoóc yêu cầu tôi ở lại ăn trưa nên tôi nhận lời và nhận thấy rằng suốt ngày chúng tôi chỉ nói chuyện về cậu. Tôi nói với bà rằng những người ở Yácmao yêu quý cậu như thế nào, và cậu là một người bạn thú vị như thế nào. Cô Đacton luôn luôn nói bóng nói gió và đưa ra những câu hỏi bí ẩn, nhưng rất chú ý đến tất cả câu chuyện và cứ nói: "Thật thế à?" và vân vân, đến nỗi cô bắt tôi tuôn ra tất cả những điều cô muốn biết. Cái vẻ bên ngoài của cô vẫn hết như tôi đã miêu tả khi gặp lần đầu. Ngồi nói chuyện với hai người đàn bà này thực là thú và

tôi cảm thấy rất tự nhiên nên có cảm tưởng hơi mê cô Đacton. Nhiều lúc trong buổi chiều hôm ấy, và đặc biệt khi tôi cuốn bộ về nhà, tôi nảy ra ý nghĩ rằng nếu cô ấy ở đường Bockinhham thì sẽ là một người bạn thú vị lắm.

Sáng hôm sau, tôi đang uống cà phê và ăn bánh mì trước khi đến Pháp viện (nhân tiện tôi có thể nói rằng tôi rất ngạc nhiên thấy bà Crop dùng nhiều cà phê mà cà phê này vẫn rất nhạt) bỗng chính Xtiécphoóc bước vào làm cho tôi mừng quýnh. Tôi nói:

“Xtiécphoóc, mình đã bắt đầu tưởng rằng không còn được gặp cậu nữa”.

“Mình bị chúng nó lôi đi” Xtiécphoóc nói, “mình vừa về nhà sáng qua. Thế nào, Tường-Vi? Cậu ở đây có vẻ một anh chàng độc thân già hiếm có quá”.

Trong lòng kiêu hãnh, tôi chỉ cho cậu xem cái nhà, không bỏ quên cái bếp, và cậu cũng hết sức khen ngợi. Cậu nói thêm:

“Mình sẽ nói cho cậu một điều, ông bạn ạ, mình sẽ xem nơi này là chỗ trú chân của mình ở Luân-đôn, trừ phi cậu đuổi mình đi”.

Nghe nói vậy, tôi sướng mê cả người và bảo cậu rằng nếu như cậu đợi đến lúc ấy thì cậu phải đợi đến lúc trời sập mất.

“Nhưng mà cậu phải chén cái gì chứ?” tôi nói, định rung chuông. “Bà Crop sẽ pha cho cậu cà phê mới và mình sẽ rán cho cậu một ít dăm-bông trong một cái chảo của anh chàng độc thân mà mình có ở đây”.

“Không, không! Xtiécphoóc nói. Đừng rung chuông. Mình không ăn đâu. Mình sắp đi ăn với một thằng bạn ở

khách sạn Piatda ở Coven Gacdan”.

“Nhưng cậu sẽ quay lại đây ăn trưa chứ?” Tôi hỏi.

“Tiếc quá, mình không sao đến được. Mình rất thích đến, nhưng mình phải ở đây với hai thằng ấy. Sáng mai ba đưa lại đi rồi”.

“Thế thì cậu kéo họ đến đây ăn trưa”, tôi nói, “Cậu có cho rằng họ nhận lời không?”

“Ồ, chúng nó đến ngay thôi” Xtiécphoóc nói “nhưng chúng tớ quấy quả cậu quá. Cậu đến ăn với chúng tớ ở đâu đấy thì hơn”.

Tôi nhất quyết không chịu nghe theo đề nghị ấy, bởi vì tôi nảy ráy nghĩ rằng tôi phải ăn mừng nhà mới một chuyến, và không thể có dịp nào tốt hơn dịp này nữa. Căn nhà của tôi càng làm cho tôi có một niềm kiêu hãnh mới, sau khi đã được cậu khen và tôi nóng ruột muốn phát huy tất cả ưu thế của mình. Vì vậy tôi bắt cậu phải nhận danh hai người bạn hứa nhất định sẽ đến và chúng tôi định giờ ăn vào sáu giờ chiều.

Khi Xtiécphoóc đã đi, tôi rung chuông gọi bà Crop lên và nói cho bà biết về kế hoạch táo bạo của tôi. Bà Crop nói, trước hết dĩ nhiên ai cũng biết rằng bà không thể phục vụ trong bữa ăn, nhưng bà biết có một người trẻ tuổi, tháo vát, mà theo bà, có thể nhờ giúp với số tiền năm si-linh, và tôi cũng đồng ý. Tôi nói thế nào chúng tôi cũng phải có người ấy. Sau đó bà Crop nói rằng cố nhiên bà không thể ở cả hai nơi một lúc (điều này tôi thấy cũng có lý) và cần phải có một cô con gái đứng ở bếp, dưới ánh nến, để luôn luôn rửa bát đĩa. Tôi hỏi bà thuê người ấy hết bao nhiêu tiền và bà Crop nói rằng, theo bà, số tiền mười tám pen-ni

cũng không tốn kém gì nhiều cho tôi. Tôi nói rằng cố nhiên là không, và thế là việc ấy thu xếp xong. Thế rồi bà Crop nói: “Bây giờ ta bàn đến các món ăn”.

Anh chàng làm ống khói, khi xây cái bếp của bà Crop, đã tỏ ra không biết lo xa gì hết, vì ở bếp chỉ có thể nấu sườn cừu và khoai tây nghiền nát. Còn về việc nấu cá, bà Crop nói, tôi chỉ cần liếc nhìn cái lò một chút là biết! Bà không thể nói gì hơn. Bà làm như là tôi muốn nhìn lắm! Vì có lại nhìn tôi cũng không biết thêm được gì, cho nên tôi từ chối và nói: “Thôi, không ăn cá nữa”, nhưng bà Crop lại nói: “Thôi, không ăn cá nữa”, nhưng bà Crop lại ỏi: “Đừng nói thế, bây giờ có sò huyết, tại sao lại không ăn sò huyết?” và thế là điều đó đã quyết định xong. Sau đó bà Crop nói rằng bà đề nghị dọn những món ăn như sau; hai con ga con rán nóng và một đĩa thịt bò nấu có cả rau lấy ở hiệu làm bánh ngọt, hai đĩa bánh ngọt phụ thêm chẳng hạn, một đĩa pa-tê và một đĩa bầu dục cũng lấy ở hiệu làm bánh ngọt, một đĩa bánh nhân mứt, và nếu như tôi muốn, một đĩa mứt trái cây và cũng lại lấy ở hiệu làm bánh ngọt. Bà Crop nói rằng làm thế thì bà sẽ rảnh tay tập trung sự chú ý vào món khoai tây và dọn phomát và rau cần tây như ý muốn của bà.

Tôi theo ý của bà Crop và thân hành đi đặt các món trên ở hiệu bánh ngọt. Sau đó, trong khi đi ở Xtrandơ và nhìn thấy ở cửa sổ của một hiệu bán thịt bò và dăm-bông, có một chất gì cứng cứng và lấm chấm giống như cẩm thạch với cái nhãn là “Đầu bé làm theo kiểu mai rùa”, tôi bước vào hiệu mua một khoanh đủ cho mười lăm người ăn-sau đó tôi nhận thấy thế - Bà Crop khó khăn lắm mới nhận

nấu cái thứ này, vì nó xẹp lại chảy thành nước đến nỗi chúng tôi nhận thấy nó “chỉ gần đủ” cho bốn người, như Xtiécphoóc nói. Sau khi đã hoàn thành công việc chuẩn bị, tôi mua một ít trái cây và đặt mua khá nhiều rượu ở hiệu rượu bán lẻ gần đấy. Khi trở về nhà lúc chiều, nhìn thấy những chai rượu xếp thành hình vuông trên sàn nhà bếp, tôi thấy nhiều quá (mặc dầu đã thiếu đi mất hai chai và điều đó làm cho bà Crop rất bức mình), đến nỗi tôi thực sự đâm hoảng.

Một người bạn của Xtiécphoóc tên là Granhgo và người kia tên là Macham. Cả hai đều là những dân vui nhộn. Granhgo lớn hơn Xtiécphoóc một chút, còn Macham thì rất trẻ, anh ta chắc không đến hai mươi. Tôi nhận thấy bao giờ anh ta cũng nói về mình một cách phiếm định là “người ta” và ít khi hay không bao giờ dùng ngôi thứ nhất.

“Ở đây người ta sống rất thích. Copơphin ạ” Macham nói, ý muốn nói mình.

“Địa điểm cũng không đến nỗi tồi”, tôi nói “và căn phòng thì thực là tiện”.

“Mình hy vọng rằng hai cậu đến đây đều ngon miệng cả chứ?” Xtiécphoóc nói.

“Thú thực”, Macham nói “thành phố Luân-đôn hình như làm cho người ta ngon miệng. Người ta đói suốt ngày, người ta ăn suốt ngày”.

Lúc đầu, tôi cũng hơi lúng túng, và cảm thấy mình còn trẻ quá không thể chủ tọa được bữa ăn nên tôi yêu cầu Xtiécphoóc ngồi ở đầu kia bàn khi bữa ăn bắt đầu và tôi ngồi đối diện với cậu. Món gì cũng ngon, chúng tôi không bỏ quên rượu, và Xtiécphoóc tỏ ra rất rôm rả lịch thiệp làm

cho mọi việc thành thú vị và bữa tiệc của chúng tôi vui từ đầu đến cuối. Trong bữa ăn, riêng tôi, tôi không thoải mái như tôi muốn, bởi vì ghế của tôi đối diện với cánh cửa và sự chú ý của tôi bị lãng đi vì phải nhìn con người trẻ tuổi “tháo vát” kia cứ luôn luôn ra khỏi phòng, và cái bóng của anh ta, ngay sau đó, bao giờ cũng xuất hiện ở trên tường nhà bếp với một cái chai ở miệng. Cô “con gái” cũng làm cho tôi lo lắng như vậy... không phải vì cô không lo rửa bát đĩa, mà vì cô làm vỡ bát đĩa. Bởi vì tính tò mò và không tự kiềm chế mình (mặc dầu cô đã được chỉ thị hẳn hoi) ở trong nhà bếp, nên cô cứ luôn luôn lấp la lấp ló nhìn trộm chúng tôi và luôn luôn tưởng rằng mình bị phát hiện, và mỗi khi tưởng như vậy, cô ta lại rút lui và giấu lên những cái đĩa, (mà cô ta đã cẩn thận lát lên sàn nhà) gây nên những sự phá hoại rất lớn.

Tuy nhiên, tất cả những điều bất tiện này đều là nhỏ và được quên đi một cách dễ dàng khi cái khăn bàn đã được cất đi một cách dễ dàng khi cái khăn bàn đã được cất đi và đồ tráng miệng được đặt lên bàn. Đến lúc này, người ta phát hiện ra rằng con người trẻ tuổi “tháo vát” kia là một chàng câm. Tôi ngầm ra lệnh cho anh ta đến với bà Crop, và tổng luôn có con gái xuống cái nhà ở dưới hầm, và chúng tôi tha hồ đùa bỡn vui chơi.

Tôi bắt đầu tỏ ra rôm rả và đặc chí đặc biệt. Tất cả những chuyện đã gần như bị quên lãng bỗng hiện ra trong óc tôi, khiến tôi thao thao bất tuyệt khác hẳn ngày thường. Tôi cười khanh khách khi nghe những câu pha trò của chính mình cũng như của tất cả mọi người; tôi cảnh cáo Xtiécphoóc vì không chuyển rượu cho mọi người uống; tôi

thê sẽ đến Ocxphơ; tôi tuyên bố rằng muốn tổ chức một bữa tiệc hết như thế này mỗi tuần một lần cho đến khi có ý thức khác, và như một thằng điên, tôi hít nhiều thuốc trong cái hộp thuốc lá của Granhơ đến nỗi tôi phải vào nhà bếp nhảy mũi liên tiếp suốt mười phút đồng hồ.

Tôi tiếp tục chuyển rượu mỗi lúc một nhanh và luôn luôn đứng lên cầm cái mở nút chai để mở thêm rượu nữa, mặc dầu đã lâu không ai cần uống. Tôi đề nghị uống rượu, chúc mừng sức khỏe của Số trang, tôi nói cậu là người bạn thân nhất của tôi, người che chở tôi trong thời thơ ấu và người bạn của tuổi thanh niên. Tôi nói tôi rất sung sướng được chở tôi trong thời thơ ấu và người bạn của tuổi thanh niên. Tôi nói tôi rất sung sướng được uống rượu chúc mừng sức khỏe của cậu. Tôi nói tôi chịu ơn cậu mà không bao giờ có thể trả hết, và thán phục cậu không sao tả xiết. Tôi kết luận rằng: “Tôi đề nghị các bạn uống rượu chúc mừng Xtiếcphoóc! Cầu Chúa phù hộ cậu! Hoan hô!” Chúng tôi cùng nhau chạm cốc ba lần để chúc mừng cậu, chạm cốc một lần thứ tư và một lần nữa để kết thúc. Tôi đánh vỡ cái cốc của tôi khi đi quanh bàn để bắt tay cậu và nói lè nhè (bằng mấy chữ “Xtiếcphoóc, cậu-là-ngôi-sao-chỉ-dẫn-đời-mình”).

Tôi tiếp tục, những bỗng nhiên nhận thấy có người nào đang hát: đó là Macham, anh ta hát “Khi con tim nặng trĩu u sầu”. Hát xong, anh ta đề nghị chúng tôi nâng cốc, chúc sức khỏe củ “các cô đào”. Tôi phản đối vào và không thể nào chấp nhận điều đó. Tôi nói uống rượu chúc mừng như vậy không đúng đắn và trong nhà tôi, tôi chỉ cho phép người ta uống rượu chúc mừng “các tiểu thư”. Tôi rất cầu

đối với anh ta, theo ý tôi, chủ yếu là vì tôi thấy Xtiécphoóc và Granhgo cười tôi... hay cười Macham... hay cười cả hai, Macham nói không ai được phép ra lệnh cho *người ta* hết. Tôi bảo được. Cậu ta nói không ai được phép mắng nhiếc người ta, và tôi bảo về điểm này thì cậu nói đúng... Điều này không bao giờ xảy ra ở dưới mái nhà của tôi, ở đây, thần thổ công là thiêng liêng và những luật hiếu khách là tuyệt đối. Cậu ta bảo, phải thú nhận rằng tôi là một anh chàng dễ thương hết sức, và nói, điều đó không xúc phạm gì đến danh dự của người ta. Tôi liền đề nghị uống chúc mừng sức khỏe của cậu ta.

Có người nào hút thuốc. Tất cả chúng tôi đều hút. Tôi cũng hút và cố gắng kìm hãm cái xu thế của mình là cứ muốn run lấy bầy. Xtiécphoóc đọc một bài diễn văn về tôi, trong lúc đó tôi gần như muốn khóc vì cảm động. Tôi cảm ơn cậu và hy vọng rằng những người có mặt ở đây sẽ vui lòng ăn với tôi ngày mai... ngày kia... tất cả mọi ngày vào lúc năm giờ để có thể tận hưởng cái thú vui trong việc trò chuyện và chơi đùa suốt cả buổi tối. Tôi nhận thấy mình phải đề nghị họ uống rượu chúc mừng một người. Tôi muốn họ uống rượu chúc mừng sức khỏe của cô tôi... cô Bétxi Trótút, con người tốt nhất trong giới phụ nữ.

Có người nào đang vươn mình ra ngoài cửa sổ phòng ngủ của tôi, và để cho trán được mát, áp trán vào tấm đá lạnh ở bao lon và cảm thấy không khí phả vào mặt. Người đó là tôi. Tôi nói với mình, tự nhủ “Copophin, sao mày lại tập cái trò hút thuốc? Mày phải biết là mày không hút được!” Rồi có người nào đó đang nhìn nét mặt mình ở trong gương, vẻ mặt ngơ ngác: người đó cũng là tôi. Trong

gương, tôi tái xanh, cặp mắt đờ đẫn và tóc của tôi (chỉ có tóc mà thôi chứ không phải cái gì khác) cũng có vẻ như say rượu.

Có người nào bảo tôi: “Đi xem hát đi, Copophin”. Trước mặt tôi không có phòng ngủ nào nữa, nhưng lại thấy cái bàn rung rinh, đây những cốc, cái đèn, ở bên tay phải tôi là Granhơ, bên tay trái là Macham và Xtiécphoóc ngồi đối diện, cả ba đều ở trong một đám sương mù và rất xa xôi. Đi xem hát à? Cố nhiên! Hay đấy! Chúng ta đi đi... Nhưng họ phải tha lỗi cho tôi nếu như tôi tiễn mọi người ra trước rồi tắt đèn... sợ xảy ra hỏa hoạn.

Trong bóng tối lộn xộn, cánh cửa đã biến mất. Tôi đang lấy tay sờ soạng những tấm màn ở cửa sổ để tìm cánh cửa, bỗng Xtiécphoóc cười khanh khách, khoác tay tôi và đưa tôi ra. Chúng tôi theo nhau bước xuống cầu thang. Đến gần cuối cầu thang, có người nào khác nói đó là Copophin. Nghe vu cáo như vậy, tôi nổi xung cho đến khi nhận thấy mình đang nằm sóng soài ở lối đi và bắt đầu nghĩ rằng lời nói ấy không phải không có căn cứ.

Đêm ấy, sương mù dày đặc và chung quanh những ngọn đèn ở ngoài đường có những quầng sáng lớn. Tôi loáng thoáng nghe người ta nói rằng trời ẩm ướt. Theo tôi thì trời giá lạnh. Xtiécphoóc phủ bụi cho tôi dưới một cái đèn ngoài đường, nấn lại cái mũ của tôi do một người nào đó đưa ra một cách hết sức kỳ lạ từ nơi nào mà tôi không biết vì trước đây tôi không đội mũ! Xtiécphoóc hỏi tôi: “Cậu đỡ hẳn rồi chứ, Copophin?” và tôi bảo : “*Khá quá rồi!*”

Một người nào đó ngồi thấp thoáng trong sương mù

ở một chỗ trông như cái chuồng chim bồ câu và một người khác đưa tiền cho anh ta; anh ta hỏi tôi có phải là một trong những vị khách trả tiền vào cửa không, và xem chừng như ngờ vực (tôi nhớ mang máng như vậy, khi thoáng nhìn anh ta) không biết có nên nhận số tiền người ta trả hộ tôi hay không. Ngay sau đó, chúng tôi ngồi rất cao trong một rạp hát nóng bức, nhìn xuống một cái pác-te rộng lớn có vẽ đầy những khối, vì những người chen chúc nhau ở đấy trông rất lờ mờ. ở đấy cũng có một cái sân khấu lớn có vẻ rất sạch sẽ và trơn láng giống như đường cái, ở trên ấy có những người đang nói, tôi không hiểu họ nói gì, vì nghe không rõ gì cả. Đèn sáng trung, có nhạc và có những cô con gái ở trong những ghế lô phía dưới, và tôi không còn biết gì nữa! Tất cả ngôi nhà, đối với tôi dường như đang bốc hơi, như tôi tìm cách giữ nó lại thì nó có cái vẻ rất kỳ quặc.

Có người nào đó đề nghị, nên chúng tôi quyết định đi xuống những ghế lô ở bao lơn, ở đấy có các tiểu thư. Khi đi qua tôi thoáng thấy một anh chàng, quần áo chỉnh tề, nằm gài trên cái xô-pha, tay cầm ống nhòm và tôi thấy đầy đủ cả cái hình dáng của tôi từ đầu đến chân ở trong một tấm gương. Sau đó, người ta đưa tôi vào một trong những ghế lô ấy và hình như tôi có nói một câu gì đó khi ngồi xuống, bởi vì những người xung quanh tôi bảo “Im lặng!” với một người nào đó, và các tiểu thư liếc mắt nhìn tôi có vẻ khó chịu, và... ô kìa, đúng rồi, Acnet đang ngồi trong cái ghế trước mặt tôi; cũng trong cái ghế lô ấy, bên cạnh là một người đàn bà và một người đàn ông mà tôi không biết là ai. Hiện nay, tôi nhìn thấy gương mặt của cô

còn rõ hơn tôi thấy cô lúc bấy giờ, tôi có thể nói như vậy, cô quay 1 mặt về phía tôi, nhìn tôi có vẻ hết sức buồn bã và ngạc nhiên. Tôi nói, giọng lè nhè:

“Acnet! Trời ơi! Acnet!”

“Anh im đi, tôi van anh!” cô đáp (tôi không hiểu tại sao) anh đang làm cho các khán giả bức mình đấy! Nhìn lên sân khấu đi!”

Nghe cô nói, tôi cố gắng nhìn lên sân khấu và lắng nghe xem trên ấy diễn cái gì nhưng không sao làm được. Chốc chốc tôi lại nhìn nàng và thấy nàng thu mình vào một góc, để bàn tay đeo gang lên trán. Tôi nói:

“Acnet, cậu-không-ôm-chứ?”

“Không, không. Anh không phải lo về tôi. Trótút” cô đáp “Hãy nghe kìa! Anh đi ngay chứ?”

“Tôi-sẽ-di-ngay à?” tôi lặp lại.

“Vâng:

Tôi có ý định ngu ngốc là trả lời rằng tôi sẽ đợi để đưa xuống cầu thang. Tôi cho rằng, bằng cách này hay cách khác, tôi đã nói như vậy, bởi vì sau khi chăm chú nhìn tôi một lát, cô có vẻ hiểu tôi, và hạ thấp giọng trả lời:

“Tôi biết rằng anh sẽ làm điều tôi yêu cầu, nếu tôi bảo anh rằng tôi nói điều ấy là đúng đắn. Anh về ngay đi, Trótút, anh về ngay đi. Anh cứ làm thế vì tôi đi và bảo các ông bạn anh đưa anh về nhà.

Nàng đã làm cho tâm hồn tôi lúc ấy khá hơn nhiều, khiến cho đầu giận cô, tôi vẫn cảm thấy xấu hổ. Tôi nói một tiếng “ào-ô” ngán ngùi (tôi muốn nói “chào cô”) đoạn đứng dậy, đi ra. Những người khác đi theo tôi, và tôi bước ngay ra khỏi cái ghế lô để vào ngay phòng ngủ của tôi, ở

đấy chỉ có một mình Xtiếcphoóc bên cạnh tôi. Cậu giúp tôi thay quần áo, và khi thì tôi nói với cậu rằng Acnet là người em gái của tôi, khi thì tôi khẩn khoản yêu cầu cậu đem cái mở nút chai đến để mở thêm một chai rượu nữa.

Và thế là có một anh chàng nào đó nằm sóng soài trên cái giường của tôi, suốt đêm cứ nói lảm nhảm những câu ấy và làm tất cả những cử chỉ ấy trong một giấc mơ kinh khủng... trên một cái giường bông bênh như mặt biển nhấp nhô không bao giờ lặng. Và kìa, trong khi cái anh chàng ấy dần dần dịu đi, dần dần trở thành tôi, tôi bắt đầu cảm thấy khô cổ và có cảm tưởng rằng lớp da bên ngoài của tôi là một tấm ván khô cứng, cái lưỡi của tôi ở dưới đáy một cái chảo trống không, đầy cáu ghét vì đã dùng lâu năm cứ nằm trên ngọn lửa riu riu, và lòng bàn tay tôi là những tấm kim khí nóng bỏng, mà không một thứ băng giá nào có thể làm nguội được.

Nhưng hôm sau, khi tôi đã bắt đầu vỡ lẽ ra, tôi cảm thấy thực đau khổ hối hận và xấu hổ. Tôi cảm thấy khủng khiếp khi nghĩ đến việc mình đã phạm một nghìn điều sai trái mà mình đã quên đi và không có gì có thể chuộc lại được... tôi hồi tưởng lại cái nhìn không sao quên được mà Acnét đã nhìn tôi, cảm thấy bị dằn vặt đau đớn, không sao liên lạc được với nàng vì không biết (tôi thật là khổ) tại sao nàng lại ở Luân-đôn và nàng đang ở chỗ nào... tôi chán ngấy khi nhìn cái phòng mà ngày hôm qua bọn tôi đã ăn uống, đùa nghịch...đầu tôi quay cuồng... mùi thuốc lá... những cốc rượu... việc tôi không thể đi ra và thậm chí không thể đứng lên! Ôi, một ngày kinh khủng!

Chiều hôm ấy thực là một chiều buồn tẻ khi tôi ngồi

bên ngọn lửa, trước mặt bát canh thịt cừu đầy những mỡ, và nghĩ rằng tôi đang đi theo con đường của người chủ trước tôi và tôi sẽ tái diễn cái số phận bi thảm của ông ta cũng như đã thừa hưởng gian phòng của ông ta; tôi gần như đã thừa hưởng gian phòng của ông ta; tôi gần như muốn chạy xỏ về Đôvơ và thú nhận tất cả! Chiều hôm ấy, thực là một buổi chiều buồn tẻ khi bà Crop bước vào phòng để mang bát canh thịt cừu đi và đưa ra một cái đĩa trên có pho-mát và một chiếc bầu dục để ăn điểm tâm và nói rằng tất cả bữa tiệc hôm qua chỉ còn lại bấy nhiêu; và tôi cảm thấy muốn gục đầu vào cái ngực mặc đồ lụa Thượng Hải để nói một cách hối hận thành thực: “Bà Crop ơi! Bà Crop! Bà đừng nhắc đến những món ăn còn lại nữa, khổ tôi lắm!” Nhưng tôi không chắc rằng ngay trong cảnh ngộ ấy, bà Crop là hạng người đàn bà để cho tôi bộc lộ tâm sự.

Chương XXV

TIÊN VÀ QUỶ

Buổi sáng, sau cái ngày thảm hại, đau đầu, người mệt mỏi và hối hận ấy, tôi vừa định ra cửa, trong lòng còn đầy những ý nghĩ lẫn lộn về cái ngày tôi mời ăn tiệc (đường như cả một lũ khổng lồ đã túm lấy một cái đòn bẩy to tướng và bẩy cái ngày hôm kia đi xa cách đây mấy tháng), bỗng một người đưa thư hộ bước lên cầu thang, tay cầm một bức thư giúp, nhưng khi thấy tôi ở đầu cầu thang, đang đưa mắt nhìn anh qua lan can thì anh chạy vù lên, thờ hồn hển như chạy nhiều quá nên kiệt sức.

“Ông Trốtút Copophin”, người đưa thư nói, lấy đầu cán gậy nhỏ chạm lên mũi.

Tôi hầu như không dám nhận rằng đó là tên mình, bởi vì tôi lúng túng khi biết rằng bức thư này là của Acnét. Tuy vậy, tôi vẫn bảo anh rằng tôi là ông T.Copophin. Và anh cũng tin như vậy. Anh trao cho tôi bức thư, nói rằng người ta yêu cầu tôi trả lời. Tôi đóng cửa lại, để anh đứng ở chân cầu thang đợi trả lời, đoạn bước vào phòng. Tôi ở trong tình trạng bị kích động đến nỗi bắt buộc phải đặt bức

thư trên bàn ăn và làm quen với cái bề bề ngoài của nó một lát, trước khi quyết định mở ra.

Khi mở, tôi thấy đó là một bức thư rất thân mật, không nhắc một lời nào đến cảnh tượng của tôi ở rạp hát. Tất cả bức thư như sau:

“Anh Trốtút thân mến, tôi hiện ở tại nhà một nhân viên của cha tôi là ông Oatobruc, ở quảng trường Elim, đường Hônbec. Hôm nay anh có đến chơi được không. vào bất kỳ giờ nào tùy ý anh định. Người bạn bao giờ cũng thân với anh. Acnét”.

Tôi mất khá nhiều thì giờ mới viết được một bức thư trả lời làm cho tôi phân nào vừa ý, đến nỗi tôi không hiểu người đưa thư có thể nghĩ gì, trừ phi anh ta nghĩ rằng tôi đang học viết. Ít nhất là tôi đã viết đến sáu bức thư trả lời. Một bức thư bắt đầu bằng *“Acnet thân mến. Làm sao mình có thể hy vọng sẽ xóa nhòa cái ấn tượng xấu xa ở trong ký ức của cậu...”* Viết đến đó, tôi không thích nữa và xé. Tôi bắt đầu một bức thư khác: *“Sécpiá đã nhận thấy, Acnét ạ, có điều thực lạ lùng khi con người ta bỏ kẻ thù của mình vào miện...”⁽¹⁾*, nhưng lối viết ấy làm tôi nhớ đến Mácham, và tôi không viết nữa. Thậm chí tôi tìm cách làm thơ. Tôi bắt đầu viết một câu thơ *“Xin đừng nhớ tới hôm nào”* nhưng cái vần “ào” ấy lại bắt tôi nghĩ đến cuộc du hành “ồn ào” ngày mồng 5 tháng mười một⁽²⁾ và trở thành một điều quái gở. Sau khi viết đi viết lại mãi, tôi viết: *“Acnét thân mến. Cậu như thế nào thì bức thư của cậu như*

⁽¹⁾ Sécxpiá; Otenlô, hồi 2, cảnh 3.

⁽²⁾ Cuộc du hành của Thị trưởng thành Luân-đôn

vậy, thực mình không biết tìm lời nào tốt đẹp hơn để ca ngợi. Mình sẽ đến lúc bốn giờ chiều. Thân mến và rất buồn T.C”

Viết bức thư xong, vừa trao cho người đưa thư, tôi đã muốn lấy lại ngay, nhưng cuối cùng, người đưa thư đã mang nó đi.

Nếu như ngày hôm đó cũng dễ sợ đối với một người nào khác ở Pháp viện cũng như đối với tôi, tôi dám chắc ông ta đã vắng mặt không dự cái toà án giáo hội vũ rích này. Mặc dầu tôi rời khỏi chỗ làm việc lúc ba giờ rưỡi chiều và đã bắt đầu thư thảo xung quanh chỗ hẹn sau đấy vài phút, nhưng nếu tính theo đồng hồ của nhà thờ Xanh André ở đường Hônborc thì phải mười lăm phút sau giờ hẹn, trong cảnh tuyệt vọng, tôi mới có thể đem hết nghị lực ra để kéo dây chuông treo ở cột cửa bên trái căn nhà riêng của ông Oatobruc.

Việc kinh doanh của ông Oatobruc diễn ra ở tầng dưới, còn việc tiếp khách (việc này cũng quan trọng) diễn ra ở tầng trên của ngôi nhà. Tôi được đưa vào một phòng khách xinh xắn nhưng hơi chật, ở đấy tôi thấy Acnét ngồi, đang tết một cái ví.

Nàng có vẻ lặng lẽ và hiền hậu, và nhắc tôi nhớ đến những ngày học sinh vui vẻ vô tư của tôi ở Cantobori, và cái thằng khốn nạn, khổ sở, ngu ngốc sặc mùi thuốc lá đêm hôm trước là tôi, trong khi không có ai ở đấy, cảm thấy mình xấu xa và hổ hèn quá nên tóm lại đã cư xử như một thằng ngốc. Tôi không thể chối rằng tôi đã khóc. Ngay cả lúc này tôi cũng không biết, nói chung, đó là thái độ khôn ngoan nhất hay là thái độ lỗ bịch nhất mà tôi có

thể có. Tôi nói, quay mặt đi phía khác:

“Nếu một người nào khác thấy mình chứ không phải là cậu thì mình sẽ không để ý. Nhưng đó lại là cậu! Mình tiếc rằng trước đây mình không chết đi cho rồi!”

Nàng đặt bàn tay lên cánh tay tôi một lúc, bàn tay ấy không giống như bất kỳ bàn tay nào khác, và tôi cảm thấy được an ủi nhiều bởi cái cử chỉ thân mật ấy, khiến tôi không thể nào không đưa bàn tay nàng lên môi hôn, lòng đầy biết ơn. Acnét nói, vui vẻ:

“Trốtút, cậu ngồi xuống đi. Cậu đừng khổ sở nữa. Nếu cậu không thể tin cây mình thì cậu sẽ tin cây ai?”

“Ồ! Acnét!” tôi nói “Cậu là nàng tiên của mình”.

Nàng mỉm cười buồn buồn, tôi cảm thấy như vậy, và lắc đầu.

“Đúng thế đấy Acnét ạ, cậu là nàng tiên của mình, cậu bao giờ cũng là nàng tiên của mình”.

“Nếu mình quả thật như vậy, Trốtút ạ, thì có một điều mà mình rất quan tâm”.

Tôi nhìn nàng có vẻ dò hỏi nhưng tôi đã đoán được nàng muốn nói gì.

“Đó là” Acnét nói, với cái nhìn nghiêm nghị “mình muốn bảo cậu đề phòng con quỷ của cậu”.

“Acnét thân mến”, tôi bắt đầu nói “cậu muốn nói đến Xtiếpphốc chứ gì?”

“Đúng thế, Trốtút ạ” nàng đáp.

“Acnét ạ, nếu thế thì cậu đối xử với anh ấy không đúng. Anh ta làm sao có thể là con quỷ của mình, hay của bất kỳ người nào khác? Anh ta xưa nay là người dẫn đường, chỗ nương tựa và người bạn của mình. Acnét ạ, nếu

cậu nhận xét anh ấy căn cứ vào điều cậu thấy ở mình tối hôm ấy, thì chẳng là oan và không xứng đáng với cậu sao?”

“Mình không xét đoán anh ta căn cứ vào điều mình thấy ở cậu tối hôm ấy!” Nàng trả lời lặng lẽ.

“Thế thì căn cứ vào cái gì?”

“Căn cứ vào rất nhiều chuyện, bản thân nó đều là những chuyện vật, nhưng đối với mình, khi nó được gộp lại thì không phải là chuyện vật. Mình xét đoán anh ta, một phần theo điều cậu nói với mình về anh ta, Trótút ạ, cũng như căn cứ vào tính cách và ảnh hưởng của anh ta đối với cậu”.

Trong giọng nói khiêm tốn của nàng bao giờ cũng có một cái gì dường như làm rung lên khi nghe tiếng nói của nàng mà thôi. Giọng nói của nàng bao giờ cũng nghiêm trang; nhưng khi nào nó nghiêm trang lắm - chẳng hạn trong lúc này - thì nó run run làm cho tôi hoàn toàn bị chinh phục. Tôi ngồi nhìn nàng khi nàng cúi nhìn cái ví của mình; tôi vẫn ngồi yên lặng lắng nghe và mặc dầu tôi rất yêu Xtiécphoóc, hình ảnh cậu ta cũng bị mờ đi do ảnh hưởng của giọng nói ấy. Acnét ngược mắt nhìn tôi, nói:

“Mình cảm thấy quá bạo, khi một người bao giờ cũng sống cảm cung và biết rất ít về cuộc đời bên ngoài như mình lại khuyên cậu một cách chắc chắn như thế, hay thậm chí có một ý nghĩ quyết đoán như thế. Nhưng mình biết cái gì đã làm cho mình có ý nghĩ ấy Trótút ạ, đó là vì mình nhớ đến thời bọn mình cùng lớn lên bên nhau và mình rất quan tâm đến tất cả những điều liên quan đến cậu. Chính điều đó làm cho mình thành táo bạo, Mình tin chắc rằng điều mình nói là đúng. Mình hoàn toàn tin chắc

như thế. Mình có cảm tưởng rằng có một người khác chứ không phải mình đang nói với cậu khi mình báo cho cậu biết trước rằng cậu đã chơi với một ông bạn nguy hiểm”.

Tôi lại nhìn nàng; tôi lại lắng nghe nàng nói sau khi nàng đã im lặng; và hình ảnh của Xtiécphoóc, mặc dầu đã khắc sâu vào tim tôi, bỗng tối sầm lại. Sau khi ngừng một lát, Acnét nói với tôi, với cái giọng mọi ngày:

“Mình không phải vô lý đến nỗi hy vọng rằng cậu sẽ thay đổi ngay, hay có thể thay đổi ngay cái tình cảm đã thành một niềm tin tưởng ở cậu. Cậu không nên hành động vội vã như thế. Mình chỉ yêu cầu cậu một điều. Trốtút a, nếu như cậu nghĩ đến mình”. (Nàng nói, nở một nụ cười lặng lẽ vì tôi sắp ngắt lời nàng và nàng biết tại sao tôi lại làm thế). “Mỗi khi cậu nghĩ đến mình thì cậu nghĩ đến điều mình đã nói. Cậu có tha lỗi cho mình về lời khuyên ấy không?”

“Mình sẽ tha lỗi cho cậu, Acnét ạ”, tôi đáp “khi cậu tỏ ra công bình với Xtiécphoóc và yêu anh ta như mình yêu”,

“Con trước thì không à?” Acnét hỏi.

Tôi thấy một bóng đen vương trên gương mặt của nàng khi nàng nói đến tên Xtiécphoóc; nhưng nàng lại mỉm cười ngay với tôi và chúng tôi lại tỏ ra thân mật và hoàn toàn tin cậy nhau như trước. Tôi hỏi:

“Còn cậu, Acnét, khi nào cậu sẽ tha lỗi cho mình về việc tối hôm trước?”

Nàng muốn dừng lại đến đó”, Acnét nói.

Nàng muốn dừng lại ở đó; nhưng trong lòng tôi đầy những điều muốn nói nên không thể làm như vậy, và tôi kể

lại cho nàng biết việc ấy xảy ra như thế nào, tại sao tôi lại làm cho tôi mất thể diện như vậy, và những trường hợp ngẫu nhiên như thế nào cuối cùng đã đưa đến rạp hát. Làm như thế tôi cảm thấy như trút được một gánh nặng và biểu lộ lòng biết ơn của tôi đối với Xtiếpphoóc vì cậu đã sẵn sàng tôi khi tôi không thể lo lắng đến thân thân. Acnét lặng lẽ chuyển sang chuyện khác thì tôi vừa nói xong:

“Cậu không được quên rằng bao giờ cậu cũng phải cho mình biết không những khi cậu gặp khó khăn, mà cả khi nào cậu yêu ai đấy nhé. Sau cô Lackin, đến cô nào thế, Trốtút?”

“Không có ai cả, Acnét ạ”.

“Không có cô nào à, Trốtút?” Acnét cười khanh khách, giơ ngón tay lên.

“Không, Acnét ạ, mình thề với cậu đấy! Cố nhiên ở nhà bà Xtiếpphoóc có một cô rất thông minh và mình thích nói chuyện với cô ta... Đó là cô Đacton, nhưng mình không yêu cô ta”.

Acnet lại cười rộ khi thấy mình sâu sắc và bảo tôi rằng nếu tôi cứ trung thực bộc lộ tâm sự với nàng thì nàng sẽ làm một quyển sổ nhỏ để ghi những say mê của tôi, có đủ ngày tháng, thời gian kéo dài và thời điểm chấm dứt của từng mối tình, như cái bảng của vương triều các vua và hoàng hậu trong lịch sử Anh. Đoạn nàng hỏi tôi xem tôi đã gặp Uria chưa.

“Uria Híp à? tôi nói, mình không gặp. “Hắn có ở Luân-đôn không?”

“Ngày nào hắn cũng đến cái phòng làm việc ở dưới nhà” Acnét đáp “Hắn đến Luân-đôn một tuần trước mình.

Mình sợ rằng hấn đang làm việc gì không hay, Trốtút ạ”.

“Chắc là một việc gì khiến cậu lo ngại, có phải không, Acnét” tôi hỏi. “Việc gì thế?”

Acnét đặt cái ví sang một bên, vòng tay, đôi mắt xinh đẹp dịu dàng nhìn tôi có vẻ tư lự và nói:

“Xem chừng hấn sắp trở thành người cộng tác với ba mình”.

“Thế nào? Uria ? Cái thằng hèn hạ đê tiện ấy lại ngoi lên cao đến thế à?” tôi thét lên, phẫn nộ, “Acnét, cậu không phản đối gì về việc ấy sao? Cậu hãy nghĩ xem một việc như thế sẽ dẫn đến kết quả như thế nào? Cậu phải nói thực, không thể để cho ba cậu làm một việc điên rồ như vậy. Cậu phải ngăn cản điều đó, Acnét ạ, trong khi còn đủ thì giờ”.

Trong khi vẫn dăm dăm nhìn tôi, Acnét nghe tôi nói, lắc đầu, miệng nở nụ cười nhợt nhạt trước vẻ nồng nhiệt của tôi, rồi đáp:

“Cậu hấn còn nhớ câu chuyện chúng ta nói với nhau về ba lần đầu tiên chứ? Sau đấy không lâu... chỉ độ hai hay ba ngày, ba đã nói bóng gió cho mình biết điều mình nói với cậu. Nhìn ba cố gắng đấu tranh, một mặt muốn tỏ ra rằng mình tự ý quyết định, nhưng mặt khác muốn tỏ ra rằng mình tự ý quyết định, nhưng mặt khác lại không sao giấu được rằng mình bị bắt buộc, mình thật rất khổ tâm. Mình cảm thấy rất buồn”.

“Bị bắt buộc ư, Acnét? Ai bắt buộc ông cụ?”

“Uria”, nàng đáp sau khi ngần ngừ một lát “đã trở thành một người cần thiết cho bà. Hấn tinh ranh và khôn khéo. Hấn đã nắm được tất cả những chỗ yếu của ba, xúi

bấy nó, lợi dụng nó cho đến khi... mình muốn nói tất cả ý nghĩ của mình ở trong một câu, Trốtút ạ, cho đến khi ba đâm sợ hấn”.

Tôi thấy rõ ràng là có những điều khác nữa mà nàng có thể nói, có những điều khác nữa nàng đã biết hay đang ngờ vực. Nhưng tôi không thể làm phật lòng nàng bằng cách hỏi vặn xem đó là những điều gì, vì tôi biết rằng nàng giấu tôi điều ấy, để tha thứ cho cha mình. Tôi hiểu rằng tình hình sự việc đưa đến tình cảnh này đã bắt đầu từ lâu lắm. Đúng thế, khi nghĩ lại, tôi không thể không cảm thấy rằng đã có nhiều điều xảy ra nên mới đi đến tình cảm này. Tôi nín lặng. Acnét nói:

“Hấn có một uy lực rất lớn, hết sức lớn đối với ba. Ngoài mặt, hấn làm vẻ hèn kém và chịu ơn huệ (có lẽ đó là sự thực, mình nghĩ thế). Nhưng địa vị của hấn đã là địa vị nắm quyền lực và mình sợ rằng hấn sẽ dùng quyền lực thẳng tay”.

Tôi nói rằng hấn là một con chó và lúc đó lời nói này làm cho tôi rất đặc chí. Acnét nói tiếp:

“Vào thời gian mình vừa nói với cậu (thời gian ba mình nói với mình), hấn đã bảo ba rằng hấn định bỏ đi, rằng hấn có tiền đồ hơn. Lúc bấy giờ ba rất tuyệt vọng và lo lắng băn khoăn như chưa bao giờ cậu hay mình thấy thế. Nhưng ba mình có vẻ an tâm hơn bằng cách giải quyết cho hấn làm người cộng tác, tuy đồng thời ba mình cảm thấy bị tổn thương và xấu hổ về việc đó.

“Còn cậu có thái độ gì khi nghe đề nghị ấy. Acnét?”

“Mình ấy à? Trốtút, mình hy vọng rằng đã làm điều cần phải làm. Cảm thấy chắc chắn rằng ba muốn sống yên

ôn thì phải có hân, rằng cần phải hy sinh, mình đã van nài ba làm điều ấy. Mình nói rằng điều đó sẽ làm cho gánh nặng của ba nhẹ bớt... (Mình hy vọng đó sẽ là sự thực) và mình sẽ có nhiều dịp hơn nữa để luôn luôn ở cạnh ba. Trốtút oi!" Acnét kêu lên, giơ hai tay lên che mặt, nước mắt ràn rụa "mình gần như cảm thấy mình là kẻ thù chứ không phải đứa con yêu quý của ba mình nữa. Bởi vì mình biết, vì tận tụy đối với mình, ba mình đã thay đổi như thế nào. Mình biết ba đã thu hẹp phạm vi đi lại và giao thiệp để tập trung tất cả tâm trí vào một mình mình. Mình biết vì mình ba đã từ bỏ nhiều điều và những ý nghĩ băn khoăn về mình, đã làm cho cuộc đời ba tối sẫm lại, làm cho hơi sức và nghị của ba yếu dần đi vì cứ phải làm cho hơi sức và nghị lực của ba yếu dần vì cứ phải hướng về một ý nghĩ duy nhất. Ước gì mình có thể cứu chữa được điều đó! Ước gì mình có thể làm cho ba mình bình phục lại sau khi vô tình đã trở thành nguyên nhân khiến cho ba mình bị suy nhược!"

Xưa nay, tôi chưa bao giờ thấy Acnét khóc. Tôi đã thấy những giọt lệ long lanh ở khoé mắt nàng khi tôi ở trường về nhà với những thành tích mới, và lần cuối cùng, khi chúng tôi nói chuyện về ông cụ tôi đã thấy nàng quay gương mặt buồn hiên hậu đi khi chúng tôi chia tay, nhưng tôi chưa bao giờ thấy nàng buồn phiền như vậy. Điều đó làm cho tôi khổ tâm đến nỗi tôi chỉ có thể nói một cách ngốc nghếch và tuyệt vọng: "Mình xin cậu, Acnét ạ! Cậu đừng khóc, cô em gái thân yêu của tôi".

Nhưng Acnét hơn hân tôi về tính cách và nghị lực - như bây giờ tôi biết rõ - mặc dầu lúc bấy giờ tôi có thể

không biết, cho nên tôi không cần phải van nài lâu. Cái vẻ diễm nhiên xinh đẹp làm cho nàng khác hẳn mọi người ở trong ký ức của tôi lại trở lại, dường như một đám mây đã bay khỏi bầu trời quang đãng. Acnét nói:

“Có lẽ chúng mình không còn ở một mình như thế này được lâu, và trong khi mình còn được như vậy, cậu cho phép mình van xin cậu, Trốtút ạ, cậu hãy tỏ ra thân mật đối với Uria. Cậu đừng xua đuổi hắn. Cậu đừng bực bội (vì mình cho rằng cậu thường có cái tính như vậy) về tất cả những điểm hắn có thể làm cho cậu khó chịu. Có lẽ hắn không đáng bị đối xử như vậy, bởi vì chúng ta chưa biết điều gì chắc chắn để trách hắn. Nhưng đầu sao, cũng xin cậu trước hết hãy nghĩ đến ba mình và mình!”

Acnét không kịp nói thêm, vì cánh cửa phòng khách mở ra và bà Oatobrúc, một bà to béo (hay ít nhất mặc một cái áo phồng phình, tôi không rõ, vì tôi không biết phần nào thuộc về cái áo và phần nào thuộc về ba ta) bệ vệ bước vào. Tôi nhớ mang máng đã thấy bà ở rạp hát, dường như đã thấy bà ở trong một cái đèn kéo quân ánh sáng mờ mờ. Nhưng bà thì tỏ ra biết tôi lắm và thậm chí còn ngờ rằng tôi đang say rượu.

Nhưng dần dần thấy rằng tôi không uống rượu (tôi hy vọng như thế) và thấy tôi là một chàng thanh niên khiêm tốn, bà Oatobrúc tỏ ra dịu dàng đối với tôi hơn nhiều và hỏi tôi, thứ nhất tôi có hay đến các công viên hay không, và thứ hai, tôi có hay đến những nơi giao tế hay không. Khi tôi trả lời “không” đối với hai câu hỏi ấy, tôi có cảm tưởng rằng bà ta lại đánh giá tôi thấp đi, nhưng bà vẫn giấu ý nghĩ của mình một cách nhũn nhặn và mời tôi

ngày mai đến ăn cơm. Tôi nhận lời mời và từ già bà, định khi ra sẽ ghé thăm Uria trong phòng giấy nhưng hẳn không có đấy nên tôi để lại tấm danh thiếp của tôi cho hẳn.

Hôm sau, tôi đến dự bữa ăn chiều và khi cái cửa ra vào vừa mở, tôi thấy mình ngập ở trong hơi nước của những giờ cầu, tôi đoán rằng tôi không phải là người khách suy nhất. Tôi nhận ra ngay anh đưa thư cho tôi tuy đã ăn mặc khác, đang giúp chị đầu bếp và đang đứng chờ ở chân cầu thang để báo tin tôi đến cho người nhà trên gác. Tôi thấy anh cố làm ra vẻ chưa bao giờ thấy tôi khi anh hỏi tên tôi một cách kín đáo, nhưng tôi rất biết anh và anh cũng rất biết tôi. Lương tâm của chúng ta làm cho chúng ta thành hèn nhất⁽¹⁾.

Tôi thấy ông Oatobruc là một người trạc tuổi trung niên, có cái cổ ngắn và một cái áo sơ mi to tướng, chỉ còn thiếu một cái mũ đen là sẽ thành một con chó ở phòng khách. Ông bảo tôi rằng ông rất sung sướng được làm quen với tôi và khi tôi chào bà Oatobruc xong, ông trình trọng giới thiệu tôi với một bà rất dữ tợn mặc áo nhung đen, đội mũ nhung đen to tướng mà tôi nhớ giống như một người bà con thân thuộc của Hămlet, và bảo rằng đó là cô của ông ta.

Bà này tên là bà Henri Xpaicơ và chồng bà cũng có mặt ở đấy.... một con người lạnh lẽo đến nỗi đầu ông ta tuy chưa hoa râm nhưng vẫn có vẻ bạc phơ. Người ta tỏ ra kính trọng ông bà Xpaicơ vô cùng và Acnét cho tôi biết rằng

⁽¹⁾ Câu này lấy trong lời độc thoại của Hămlet, Hồi 3, cảnh 1: “Như vậy lương tâm quả thực làm cho chúng ta thành những tên hèn nhất”.

ông Xpaicơ là luật sư của một cái gì đó hay của một người nào đó, tôi không nhớ rõ nữa, và có những quan hệ xa xôi với Ngân khố.

Trong số các tân khách, tôi nhận ra Uria Hip mặc đồ đen, vẻ rất khúm núm. Khi tôi bắt tay hắn, hắn bảo tôi rằng hắn tự hào được tôi chú ý đến và hắn quả thực biết ơn về sự chiếu cố của tôi. Tôi chỉ mong rằng hắn bớt biết ơn tôi thì hơn, vì suốt buổi tối hôm ấy hắn cứ luẩn quẩn quanh tôi để tỏ ra biết ơn, và mỗi khi tôi nói một lời nào đó với Acnét thì nhất định thế nào cũng có hắn đằng sau chúng tôi, với cặp mắt trơ trẽn và gương mặt xương xẩu, và nhìn chúng tôi một cách dễ sợ.

Lại có những vị khách khác, tất cả đều có vẻ lạnh lùng như vừa được ướp nước đá xong rồi mới vào đây, trông họ chẳng khác gì rượu nho. Nhưng có một người làm tôi chú ý - trước khi bước vào đây - vì tôi nghe người ta giới thiệu ông ta là Trátđơn. Tôi liền hồi tưởng đến Xalem học hiệu, tôi tự hỏi không biết có phải là cậu Tômmi Trátđơn vẫn thường vẽ những bộ xương người hay không.

Tôi đưa mắt nhìn Trátđơn với một vẻ hứng thú đặc biệt. Đó là một chàng thanh niên đứng đắn ra dáng nghiêm chỉnh, cử chỉ nhún nhường, có một bộ tóc trông rất buồn cười và đôi mắt mở to. Anh ta cúi ngay một góc tối nên tôi cũng khó lòng nhận ra. Cuối cùng, tôi nhìn anh ta từ đầu đến chân để xem có phải cặp mắt của tôi lừa dối tôi hay đó chính là anh bạn Trátđơn tội nghiệp ngày xưa.

Tôi bước đến gần ông Oatobrúc và nói:

“Tôi có cảm tưởng được dịp may mắn gặp một người bạn cũ ở đây”.

“Thế à?” Ông Oatobrúc và nói:

“Tôi có cảm tưởng được dịp may mắn gặp một người bạn cũ ở đây”.

“Thế à?” Ông Oatorbrúc nói, ngạc nhiên “Anh còn trẻ lắm, làm sao lại có thể cùng học với ông Henri Xpaicơ?”

“Ồ, tôi không nói ông ấy đâu” tôi đáp. “Tôi muốn nói đến chàng thanh niên tên là Trátđơn kia”.

“Ồ! Vâng! Vâng ! Thế à?” ông chủ nói, bớt hân hào hứng “Cũng có thể.

“Nếu như đó chính là cậu Trátđơn ấy” tôi nói, liếc mắt nhìn anh ta “thì chúng tôi đã sống với nhau ở một trường học gọi là Xalem học hiệu và anh là một người bạn tốt”.

“Ồ! Đúng đấy, Trátđơn là một anh bạn tốt” - ông chủ đáp lại, gật gật đầu có vẻ độ lượng nhân từ - “Trátđơn tốt ra phết”.

“Thực là một sự gặp gỡ ngẫu nhiên” tôi nói.

“Đúng rồi” ông chủ đáp, “thực là một sự gặp gỡ ngẫu nhiên khi Trátđơn có mặt ở đây, bởi vì ông Trátđơn chỉ mới được mời sáng hôm nay mà thôi, ghế của ông ấy trước định dành cho người anh của bà Henri Xpaicơ, nhưng ghế bỏ trống vì ông ta khó ở, ông Copophin ạ! Ông anh của bà Henri Xpaicơ là một người lịch sự nhất đời”.

Tôi nói thêm tỏ ý tán thành và như thế cũng là thân mật lắm rồi, vì tôi cũng chẳng biết tí gì về ông ta, và tôi hỏi về nghề nghiệp của Trátđơn.

“Ông Trátđơn” ông Oatobrúc bảo “là một thanh niên đang học luật. Phải đấy, ông ấy là một người rất tốt, chẳng

có một kẻ thù nào khác... ngoài bản thân ông”.

“Ông ta là kẻ thù của mình sao?” tôi hỏi, buồn bã vì nghe tin ấy.

“Thế này...” ông Oatobruc đáp, dẫu môi và lúc lắc sợi dây đồng hồ ra vẻ thoải mái và hãnh diện “tôi nói rằng ông ta thuộc hạng người tự mình cản trở bước tiến của mình. Vâng, tôi muốn nói rằng ông ấy sẽ chẳng bao giờ kiếm được năm trăm bảng một năm chẳng hạn. Một anh bạn đồng nghiệp giới thiệu ông Trátđơn với tôi. Ô, vâng ! Vâng! Ông ta cũng là tay thành thạo trong việc lập hồ sơ, trình bày một vụ kiện cáo. Tôi đã có dịp kiếm cho Trátđơn một ít tiền trong năm, một số tiền lớn đối với ông ta. Ô, vâng! Vâng!”

Tôi rất chú ý đến cái vẻ hết sức thoải mái và đắc chí của ông Oatobruc khi chốc chốc ông ta lại “vâng” một tiếng ngắn ngủi. Tiếng “vâng” ấy hấp dẫn lạ kỳ. Nó nói lên đầy đủ ý nghĩ của một con người ra đời tuy không phải với một chiếc thìa bạc trong miệng, nhưng với một cái thang và đã dùng nó để lần lượt leo lên tất cả các đỉnh cao nhất của cuộc sống và kết quả là, bây giờ, đứng trên đỉnh chiến lũy chót vót, ông liếc cặp mắt của một triết gia và của người che chở cúi nhìn những người đang lúc nhúc dưới chiến hào.

Những ý nghĩ của tôi về mục đích này vẫn đang tiếp diễn miên man thì người ta báo “Bữa ăn đã dọn”. Ông Oatobruc cùng bà cô Hăm lét bước xuống. Ông Henri Xpaicơ khoác tay bà Oatobruc. Tôi muốn đi theo Acnét nhưng nàng đã khoác tay một anh chàng mặt mày nhăm nhở có đôi chân nhún nhảy. Uriá, Trátđơn và tôi, những

người trẻ nhất trong bọn, bước xuống sau cùng. Lẽ ra tôi phải bực mình vì mất Acnét, nhưng tôi không bực mình cho lắm bởi vì điều đó cho phép tôi có dịp giới thiệu mình với Trátđon ở cầu thang, và cậu hân hoan đón chào tôi, trong khi Uria quần quai thân hình với cái vẻ khoái trá và khúm núm khó chịu đến nỗi tôi muốn giơ tay qua tay vịn của cầu thang để vả vào người hắn.

Trátđon và tôi ngồi cách nhau, hai người bị ném vào hai góc: Cậu ngồi dưới bóng của bà cô của Hăm lét. Bữa ăn rất lâu và câu chuyện bàn quanh vấn đề quý tộc và huyết thống. Bà Oatobrúc nhắc đi nhắc lại với chúng tôi rằng nếu như bà có một nhược điểm thì đó là nhược điểm của huyết thống.

Nhiều lần tôi có ý nghĩ rằng chúng tôi sẽ thoải mái hơn nhiều nếu như chúng tôi không phải lịch sự như thế. Chúng tôi lịch sự quá đến nỗi phạm vi hoạt động của chúng tôi rất hạn chế. Trong bữa tiệc có ông và bà Giopít nào đó, hai người có một việc gì phải thu xếp (ít nhất là ông Giopít) với luật lệ của ngân hàng và chúng tôi làm thành một nhóm người cách biệt như là nhóm *Công báo đối* với ngân hàng Anh và đối với ngân khố. Để bổ cứu việc đó, bà cô của Hăm lét, với cái thói quen của gia đình là cái thói độc thoại, cứ ngồi nói một mình đầu Ngô mình Sở, đến bất kỳ câu chuyện gì được đề cập đến. Kể ra, cũng có nhiều vấn đề huyết thống cho nên bà ta đã có một phạm vi rộng rãi để suy nghĩ bằng quơ chẳng kém gì người cháu của bà.

Người ta có thể tưởng rằng chúng tôi dự bữa tiệc của những con ngoáo ộp, vì câu chuyện cứ toàn nói đến

máu với me.

“Tôi thú thực, tôi tán thành ý kiến của bà Oatobruc” nói, giờ cốc rượu lên trước mặt “Những việc khác, xét theo kiểu của nó đều rất toát, nhưng về phần tôi, tôi cần có huyết thống!”.

“Chuyện!” bà cô của Hămlet nói, “chẳng có cái gì làm chúng ta thoả mãn được đâu. Trong tất cả các thứ kia, nói chung chẳng có cái gì thật phù hợp với cái *đẹp lý tưởng*... Có những đầu óc thấp hèn (tôi hy vọng rằng không có nhiều, nhưng vẫn có), nhưng đầu óc thích làm cái điều mà riêng tôi, tôi gọi là phủ phục trước những thần tượng. Đó là những thần tượng thực sự, quỳ lạy trước những việc người ta giúp mình, trước trí thông minh, vân vân... Nhưng những điều này là những điều mơ hồ trừu tượng. Trái lại, huyết thống thì khổng thể. Chúng ta thấy huyết thống ở trong hình dáng của cái mũi và chúng ta nhận ra ngay. “Đúng rồi, đó là huyết thống”. Đó là một sự kiện thực tế. Chúng ta vạch nó ra được. Người ta không thể nào nghi ngờ nó”.

Anh chàng có bộ mặt nhẵn nhừ, cặp giò nhún nhảy khi nãy, đặt vấn đề, theo ý tôi, còn khẳng định hơn:

“Ồ! Các ông thấy đấy, mẹ kiếp” anh chàng nói, đưa mắt nhìn khắp cả bàn tiệc với một nụ cười ngốc nghếch “không thể nào bỏ huyết thống được đâu. Phải có huyết thống. Có thể có một vài người trẻ tuổi, như các vị đã biết, có thể tỏ ra thấp kém hơn địa vị xã hội của họ về mặt giáo dục hay đạo đức, và có thể đi sai lạc một chút, như các vị biết, và gây nên những tình trạng khó khăn cho bản thân họ và cho những người khác, vân vân... và tất cả những

việc như thế... Nhưng... mẹ kiếp, khi nghĩ rằng họ có huyết thống thì người ta cảm thấy sung sướng. Riêng về phần tôi, thà bị một người có huyết thống đánh dục còn hơn là được nâng đỡ bởi một người chẳng có huyết thống gì hết”.

Lời tuyên bố này, với tính cách lời tổng kết vấn đề chung dưới hình thức ngắn gọn nhất, làm mọi người hoàn toàn thoả mãn và khiến anh chàng được chú ý cho đến khi các và rút lui. Sau đó tôi nhận thấy rằng ông Gôn-pít và ông Henri Xpaicơ, từ nãy giờ vẫn tỏ ra rất dè dặt, đã kết một bản liên minh tự vệ chống lại chúng tôi, kẻ thù chung, và trao đổi với nhau một câu chuyện bí mật từ đầu này bàn đến đầu kia bàn để đánh bại và lật đổ chúng tôi.

“Cái việc về bản giao kèo đầu tiên bốn ngàn năm trăm bảng đã không tiến hành như chúng ta dự định, ông Xpaicơ ạ”, ông Gôn-pít nói.

“Có phải ông muốn nói đến cái Đ của A không?” ông Xpaicơ nói.

“Cái C của B cơ!”

Ông Xpaicơ dưới lông mày, tỏ ra rất tự lự.

“Khi vấn đề này đã đưa lên đến hầu tước... Tôi không cần nói tên ông ta ra làm gì”, ông Gôn-pít nói và dừng lại ở đấy.

“Tôi hiểu rồi” ông Xpaicơ nói “N...”

Ông Gôn-pít gật gật cái đầu có vẻ dễ sợ.

“Khi vấn đề đưa lên ông ta thì câu trả lời của ông ta là: “Phải đưa tiền ra, nếu không, không tha!”

“Lạy chúa!” ông Xpaicơ kêu lên.

“Phải có tiền, nếu không thì không tha!” Ông Gôn-pít nhắc lại, giọng kiên quyết. “Thế rồi con người thừa kế gần

nhất, ông hiểu tôi chứ?”

“K?” ông Xpaicơ nói với cái nhìn đầy ý nghĩa.

“K đã kiên quyết từ chối không chịu ký. Người ta đến Niu Mackét để tìm ông ta, nhưng ông ta vẫn kháng không chịu”.

Ông Xpaicơ để cả tâm trí vào việc đó đến nỗi ông ta cũng đờ ra như đá.

“Thế là câu chuyện hiện nay dừng lại ở đó!” ông Gompit nói, ngả người ra lưng ghế — “ông bạn Oatơbrúc của chúng ta sẽ tha lỗi cho tôi nếu tôi không giải thích rõ ràng về tầm quan trọng của những việc hữu quan”.

Ông Oatơbrúc chỉ cảm thấy sung sướng — tôi có cảm tưởng như vậy — khi những món tiền và những cái tên vừa nói đã được gọi lên từ đầu này bàn qua đầu kia bàn. Ông ta làm ra vẻ hiểu biết lắm — (mặc dầu tôi dám chắc ông chẳng hiểu gì về câu chuyện này hơn tôi), tỏ vẻ rất tán thành thái độ dè dặt của ông bạn. Sau khi ông Xpaicơ đã được người ta tâm sự theo cái lối như vậy, dĩ nhiên ông cũng muốn ký thác cho ông bạn một điều tâm sự của riêng ông. Sau cuộc đối thoại vừa rồi lại tiếp đến câu chuyện khác, lần này đến lượt ông Gompit ngạc nhiên, rồi đến một câu chuyện đối thoại thứ ba và lần này lại đến lượt ông Xpaicơ ngạc nhiên, và cứ lần lượt như vậy.. Trong suốt thời gian ấy, chúng tôi — những người ngoại đạo — cứ ngồi trơ như phỗng trước tầm quan trọng to lớn của câu chuyện, và ông chủ chúng tôi nhìn chúng tôi một cách tự đắc, xem chúng tôi như nạn nhân của một niềm kính sợ và hoảng hốt bỏ ích.

Tối rất sung sướng được lên gác với Acnét, được nói

chuyện với nàng trong một góc phòng và được giới thiệu Trátđơn với nàng. Cậu ta bền lễn nhưng dễ thương và vẫn là con người tốt bụng như xưa. Vì cậu ta phải rời khỏi nơi này sớm hơn, và sáng mai cậu đã phải từ giã Luân đôn một tháng nên tôi không thể nào nói chuyện nhiều với cậu như tôi muốn, nhưng chúng tôi đã trao đổi địa chỉ cho nhau và hứa sẽ gặp nhau khi cậu trở về Luân đôn. Cậu tỏ ra thích thú khi nghe tôi nói rằng tôi quen biết Xtiêcphoóc và cậu nói về Xtiêcphoóc đầy nhiệt tình, vì vậy tôi đã bảo cậu nói cho Acnét biết ý nghĩ của cậu về Xtiêcphoóc. Nhưng Acnét chỉ nhìn tôi trong khi cậu nói và chỉ khẽ lắc đầu khi chỉ còn một mình tôi nhìn nàng.

Vì nàng sống giữa những người mà tôi tin rằng nàng cảm thấy không thoải mái, cho nên tôi cảm thấy gần như sung sướng khi nghe tin vài ngày nữa này sẽ về. Tôi buồn rầu khi nghĩ rằng chỉ sau ít hôm nữa là tôi phải từ biệt nàng. Vì vậy tôi đã nán lại, sau khi các tân khách đã ra về. Tôi nói chuyện với nàng và nghe nàng hát. Điều đó nhắc cho tôi nhớ đến cuộc đời sung sướng của tôi ở trong ngôi nhà cổ kính mà nàng đã làm cho nó đẹp lên. Tôi có thể ở lại đây cho tới nửa đêm, nhưng vì không có lý do gì để nán lại lâu hơn khi tất cả các ngọn đèn trong phòng khách của ông Oatơrúc đều đã tắt, tôi đành từ biệt ra về. Hơn bao giờ hết, lúc bấy giờ hết, lúc ấy tôi cảm thấy là nàng tiên của tôi và nếu như tôi nghĩ rằng khuôn mặt dịu dàng của nàng và nụ cười bình thản dường như từ một đáng xa xôi giống như một vị thiên thần chiếu xuống, thì theo ý tôi, đó vẫn là một ý nghĩ vô hại.

Tôi đã nói rằng tất cả tân khách đều ra về, nhưng tôi

phải loại trừ thằng cha Uria mà tôi không thể xếp vào hàng tân khách được — vẫn cứ luôn luôn quanh quẩn cạnh chúng tôi. Hắn theo sts bên tôi khi tôi bước xuống cầu thang, chậm rãi nhét những ngón tay dài khẳm khiu vào trong những ngón dài hơn của đôi găng tay, xúng đáng được dùng làm đôi găng tay của Guy Phaoco⁽¹⁾

Tôi không thích đi cạnh Uria chút nào, nhưng vì nhớ đến lời van nài của Acnét hôm trước, nên tôi hỏi hắn có muốn cùng tôi về phòng uống một cốc cà phê không.

“Ồ! Cậu Copopin”, hắn nói “tôi xin lỗi cậu, lẽ ra tôi phải gọi cậu là ông, nhưng cái chữ “cậu” cứ đến một cách tự nhiên... Tôi không muốn rằng cậu phải tự gò ép một mình khi mới một người *hèng kém* như tôi đến nhà cậu”

“Chẳng có gì là gò ép cả” tôi nói. “Anh có đến không?”

“Tôi rất muốn đến, rất muốn” Uria nói, người uốn éo.

“Nếu thế thì đi thôi!” tôi nói.

Tôi không thể nào không có thái độ hơi xẵng đối với hắn, nhưng hắn tỏ ra không để ý đến điều đó cả.

Chúng tôi đi theo con đường gần nhất, trên đường đi không nói chuyện nhiều, còn hắn tỏ ra khúm núm với đôi găng tay xấu xí mà hắn đang dút vào ngón tay và dường như không tiến được một bước nào trong công việc khó khăn này. Khi chúng tôi về đến nhà, tôi dắt hắn lên cầu

⁽¹⁾ Guy Phaoco là người muốn làm nổ tung thành phố Luân đôn bằng cách chôn thuốc súng rồi châm ngòi đốt vào năm 1605. Mỗi năm ở Luân đôn vào ngày 11 người ta đốt một hình bù nhìn của Guy Phaoco để kỷ niệm.

thang tối om, để cho đầu hần khỏi va phải bất kỳ vật gì, nhưng quả thật bàn tay lạnh và ướt nhờn nhớt của hần nằm trong tay tôi như một con cóc, đến nỗi có lúc tôi đã muốn vứt nó đi để bỏ chạy, nhưng Acnét và lòng hiếu khách đã thắng, và tôi dẫn hần đến bên bếp lửa. Khi tôi đốt nến lên, hần tỏ ra say sưa ngây thơ trước căn phòng, và khi tôi đun cà phê trong một cái hộp sắt tây mà bà Cróp vẫn thích dùng vào việc này (chủ yếu, theo ý tôi, vì đó là một cái hộp đựng xà phòng cạo râu chứ không phải để dùng vào việc này, và như vậy, một cái đun cà phê đắt tiền có thể nằm mốc meo trong nhà bếp), hần tỏ ra cảm động đến nỗi tôi muốn luộc cả hần đi.

“Ồ! Cậu Copophin, tôi muốn nói ông Copophin” Uria nói, “cậu tiếp tôi thực là một điều không bao giờ dám nghĩ tới! Nhưng dẫu sao cũng có nhiều việc đã xảy tới cho tôi mà tôi không bao giờ dám ngờ tới. Thực vậy, trong địa vị thấp hàng của tôi, tôi có cảm tưởng như trời phật đang phù hộ tôi. Cậu có nghe nói gì về một sự thay đổi trong tiền đồ của tôi không, cậu Copophin? À quỳên, tôi muốn nói ông Copophin”.

Nhìn hần ngồi trên cái xô-pha của tôi, hai đầu gối dài lòng thòng gấp lại dưới cái tách cà phê của hần cái thìa cứ luôn luôn chạy quanh tách một cách chậm chạp, đôi mắt đỏ trơ trên có vẻ như đã đốc hết cả lông mi đang quay về phía tôi, nhưng không nhìn tôi, hai lỗ mũi mà tôi đã miêu tả ở trên hóp lại thành những lỗ sâu hoắm dễ sợ mỗi khi hần hít vào rồi lại biến mất khi thở ra, và toàn thân hần quần quai như con rắn từ cằm đến đôi bốt, trong lòng tôi cảm thấy ghét hần vô cùng. Tôi cảm thấy lúng túng đã

mời hắn về nhà, vì lúc bấy giờ tôi còn trẻ không quen che giấu một cảm giác mà tôi cảm thấy rất sâu sắc.

“Cậu có nghe nói qua, chắc hẳn thế, về một sự thay đổi đã xảy đến trong tương lai của tôi không, cậu Copophin - à, tôi phải gọi là Ông Copophin chứ?” Uria nói.

“Có” tôi nói, “tôi có nghe”

“À! Tôi chắc rằng cô Acnét phải biết chuyện đó!”

Hắn trả lời, giọng điềm nhiên. “Tôi rất sung sướng thấy cô Acnét biết việc đó. Ồ! Cảm ơn cậu, cảm ơn cậu, à quen, ông Copophin”.

Tôi muốn ném cái xô giấy vào mặt hắn (cái này nằm sờ sờ trên thảm) trừng phạt hắn đã dùng mảnh khoé bắt tôi phải bộc lộ một điều gì về Acnét, mặc dầu điều ấy hết sức vụn vặt. Nhưng tôi chỉ uống cà phê.

“Quả thật cậu là một đơn vị tiên tri trứ danh, cậu Copophin ạ! Uria nói tiếp “Trời ơi! Cậu thực là tiên tri! Cậu có nhớ có lần cậu bảo tôi rằng tôi sẽ là người cộng tác trong công việc của ông Uychcophin và biết đâu ngôi nhà này sẽ mang tên Uýchcophin và Híp? Cậu có thể không nhớ điều đó. Nhưng khi người ta *hèng kém*, cậu Copophin ạ, người ta giữ những kỷ niệm ấy như những bảo vật”.

“Tôi nhớ có nói thế” tôi nói “mặc dầu lúc bấy giờ quả thực tôi không tin là có thể xảy ra”.

“Ồ! Lúc đó ai có thể tin là có thể xảy ra, cậu Copophin!” Uria đáp, giọng say sưa. “Tôi dám chắc rằng chính tôi cũng không tin. Tôi nhớ chính tôi đã bảo với cậu rằng tôi là người thấp *hèng* quá. Tôi quả thực nghĩ như vậy...”

Khi tôi nhìn hắn thì hắn đang đắm đắm nhìn ngọn lửa. Một cái cười nhả nở hiện lên, in sâu hoắm trên mặt hắn.

“Nhưng những con người thấp hèn nhất, cậu Copophin ạ, cũng có thể là những công cụ có ích. Tôi rất vui sướng nghĩ rằng tôi đã là một công cụ có ích cho ông Uýchcophin và tôi còn có thể là một công cụ như thế. Ồ, ông ta thực là một con người quý hóa, cậu Copophin ạ! Nhưng ông không biết lo xa”.

“Tôi rất buồn khi nghe điều đó” tôi nói và không thể nào không nói thêm, giọng châm biếm: “về tất cả mọi mặt!”

“Đúng là như thế, cậu Copophin ạ” Uria đáp “về tất cả mọi mặt. Và nhất là về cô Acnét. Chắc cậu không nhớ những lời hùng hồn mà cậu đã nói, những cậu Copophin ạ tôi thì tôi nhớ có một hôm cậu bảo tôi rằng mọi người đều phải thần phục cô ấy và tôi biết ơn cậu về cậu ấy lắm! Cậu đã quên điều ấy, chắc là thế phải không, cậu Copophin?”

“Không” tôi nói rất xẵng giọng.

“Ồ! Nghe cậu nói cậu không quên, tôi thật là mát ruột” Uria kêu lên “khi nghĩ rằng cậu là người đầu tiên đã nhen lên cái tia lửa tham vọng ở trong lòng ngực thấp hèn của tôi và cậu không quên lời nói ấy...”

Ồ! Cậu tha lỗi cho tôi, cậu cho tôi một tách cà phê nữa nhé?”

Có cái gì trong giọng nói của hắn khi hắn nói đến việc nhen lên tia lửa kia, và có cái gì trong ánh mắt của hắn hướng về phía tôi khi hắn nói câu ấy, điều đó làm tôi giật nảy mình như thấy hắn được chiếu sáng bởi một ánh

sáng rực rỡ. Hắn nhắc lại lời yêu cầu với một giọng khác hẳn làm tôi sực tỉnh và tôi lại lấy cái hộp xà phòng cao râu để đun, nhưng trong khi đun bày tay tôi cứ run lẩy bẩy và đột nhiên tôi cảm thấy rằng không thể nào đương đầu nổi với hắn, và cảm thấy một niềm lo lắng mơ hồ không biết rồi hắn sẽ nói điều gì đây và thế nào tôi cũng không thoát khỏi sự quan sát của hắn.

Hắn không nói gì hết. Hắn cứ thong thả quấy cà phê, uống từng ngụm nhỏ, lấy bàn tay ghê tởm sờ nhẹ lên cằm, hắn nhìn ngọn lửa, hắn nhìn xung quanh gian phòng, hắn há hốc miệng hơn là cười với tôi. Người hắn uốn éo và du đưa với cái vẻ khúm na khúm núm rất hèn hạ. Hắn lại quấy cà phê và uống từng ngụm nhỏ, mặc tôi nói tiếp câu chuyện. Cuối cùng, tôi nói:

“Ông Uýchcophin giá trị hơn anh gấp năm trăm lần... hay hơn tôi như vậy” (tôi nghĩ rằng nếu câu này liên quan đến đời tôi, tôi cũng không thể nào không cắt câu này một cách vụng về thành hai đoạn) anh nói rằng ông Uýchcophin không biết lo xa, phải không?”

“Thực đấy mà, không biết lo xa, cậu Copophin ạ” Uria đáp, thờ dãi có vẻ khúm núm “Ồ! Thật thế mà! Nhưng tôi muốn cậu cứ gọi tôi là Uria, nếu như cậu thích. Điều đó làm chúng ta nhớ đến thời xưa”.

“Được! Vậy thì Uria” tôi nói, nhưng gọi tên hắn một cách khó khăn thế nào ấy.

“Rất cảm ơn” hắn trả lời say sưa “Cảm ơn cậu Copophin. Nghe cậu gọi Uria, tôi như nghe đến tiếng gió bắc thổi hay tiếng chuông ngày xưa. Nhưng, xin lỗi cậu. Tôi vừa nói điều gì đấy nhỉ?”

“À! Anh vừa nói về ông Uychcophin” tôi nói.

“Ồ! Vâng, đúng thế”, Uria nói “ông ta thực là không biết lo xa, cậu Copophin ạ. Đây là một câu chuyện mà tôi không muốn nói với ai ngoài cậu. Ngay cả với cậu nữa tôi cũng chỉ dám nói phớt qua. Nếu có một người khác chứ không phải tôi ở vào địa vị của tôi mấy năm nay thì hẳn đã cười lên cổ ông Uychcophin (mặc dầu, cậu Copophin ạ, ông ta là một con người đứng đắn!), cười... lên cổ ông!” Uria nói, giọng rất chậm rãi, xoè bàn tay có vẽ tàn ác lên bàn tay và ấn ngón tay trở lên đấy mạnh đến nỗi cái bàn rung chuyển và cả gian phòng cũng rung chuyển theo.

Trước cảnh tượng ấy, tôi có cảm tưởng rằng dù tôi thấy hẳn giẫm chân lên đầu ông Uychcophin, tôi cũng không thể nào căm ghét hẳn hơn.

“Ồ! Lay chúa! Thực đấy, cậu Copophin ạ” hẳn nói, giọng dịu dàng, trái ngược hẳn với cử chỉ của ngón tay trở vẫn cứ đè nặng như trước “về khoản ấy thì không phải nghi ngờ gì hết. Ông ta sẽ bị phá sản, mất thể diện và không biết còn bị những gì nữa. Ông Uychcophin biết điều đó lắm. Tôi là công cụ thấp hèn đã phục vụ ông một cách thấp hèn và ông đã đưa tôi lên một địa vị cao quý mà tôi không thể nào dám mong mỗi đạt đến. Tôi đội ơn ông ta vô cùng!”

Hắn quay mặt về phía tôi khi nói xong câu này, nhưng không nhìn tôi, hẳn rút ngón tay trở cong queo ra khỏi cái nơi hắn đã cắm vào và gãi gãi cái cằm xương xẩu ra về tư lự như hắn đang cạo râu.

Tôi còn nhớ lòng tôi sôi sục căm phẫn khi tôi thấy cái mặt tinh quái của hắn càng lộ rõ dưới ánh sáng đỏ của

ngọn lửa và biết rằng hắn đang chuẩn bị nói một điều gì nữa.

“Cậu Copophin”, hắn bắt đầu “nhưng tôi sợ làm cậu mất ngủ”

“Không đâu, thường thường đến khuya tôi mới ngủ”

“Cảm ơn cậu. Tôi đã leo lên khỏi địa vị thấp hèn của tôi từ khi cậu nói với tôi lần đầu tiên, điều đó là sự thực, nhưng bao giờ tôi cũng vẫn là kẻ thấp hèn. Tôi hy vọng rằng sẽ cứ vẫn thấp hèn như thế. Chắc cậu sẽ không có ý nghĩ xấu hơn về tình cảnh thấp hèn của tôi nếu như tôi bộc lộ với cậu một chút ít tâm sự cậu Copophin, cậu thấy thế nào?”

“Ồ, không đây” tôi nói gượng gạo.

“Rất cảm ơn!”

Hắn rút gân tay ra, bắt đầu lau mu bàn tay.

“Cậu Copophin à, cô Acnét...”

“Cái gì thế? Uria ...”

“Ồ! Được nghe cậu gọi tôi là Uria một cách hồn nhiên, thật sung sướng quá”. Hắn nói to và nhồm người một cái như một con cá đang giãy giụa “Cậu thấy cô ấy tối nay rất xinh đẹp, có phải không cậu Copophin?”

“Tôi thấy cô ấy cũng như mọi ngày, hơn tất cả mọi người ở chung quanh về mọi mặt” tôi đáp.

“Ồ, cảm ơn cậu! Thật là đúng quá” hắn kêu lên:

Cảm ơn cậu lắm vì đã nói thế”.

“Có gì đâu”, tôi nói, giọng khinh khỉnh. “anh chẳng có lý do gì để cảm ơn tôi hết”.

“Có chứ, thưa cậu” Uria nói “điều tâm sự của tôi mà tôi đánh bạo nói với cậu chính là ở đây! Mặc dầu tôi là kẻ

thấp hèn đến đau” (hắn lau tay còn dử dội hơn nữa và lần lượt nhìn ngọn lửa rồi đến hai bàn tay) “mặc dầu mẹ tôi có thấp hèn đến đâu và ngôi nhà của chúng tôi nghèo nàn nhưng lương thiện có thấp hèn đến đâu, hình ảnh của cô Acnét vẫn ngự trị trong trái tim tôi đã bao năm nay (tôi đánh bạo nói cho cậu biết điều bí ẩn của tôi, cậu Copophin ạ vì xưa nay tôi vẫn đầy thiện cảm đối với cậu, từ hôm đầu tiên tôi được dịp ngắm cậu trong chiếc xe ngựa). Cậu Copophin ạ! Tôi yêu với một tình yêu trong trắng, ngay cả mặt đất mà nàng Acnét của tôi đã giẫm lên”.

Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ điên rồ là vô lấy thanh sắt khơi lò đang nóng đỏ kéo ra khỏi ngọn lửa và đâm qua người hắn. ý nghĩ ấy xuyên qua người tôi làm tôi đau nhói như bị một phát đạn, nhưng hình ảnh Acnét bị con vật tóc đỏ kia làm ô nhục, tuy chỉ trong ý nghĩ, vẫn gắn vào trí óc tôi khi nhìn hắn đang ngồi lệch cả người (đường như cái tâm hồn hèn hạ của hắn làm cho thân hình của hắn quằn quại) và tất cả điều này làm tôi chóng mặt. Tôi dường như thấy hắn lớn lên, phình to ra trước mặt ôi, căn phòng dường như đầy tiếng vang giọng nói của hắn và tâm hồn tôi bị xâm chiếm bởi một cảm giác lạ lùng (mặc dầu có lẽ không ai biết) rằng tất cả điều này trước đây đã xảy ra ở một thời gian vô địch, và tôi biết điều hắn sắp sửa nói.

Tôi kịp thời nhìn thấy trên mặt hắn ý thức về quyền lực của hắn và điều đó đã giúp cho tôi nhiều hơn tất cả những cố gắng của tôi để nhớ lại lời cầu khẩn của Acnét. Tôi bèn hỏi hắn, giọng điềm tĩnh hơn, rằng một phút trước đây, tôi không tin rằng hắn có thể bộc lộ tình cảm của hắn về Acnét.

“Ồ! Không, cậu Copophin ạ!” hắn đáp. “Cố nhiên là không. Tôi chỉ nói điều đó với cậu mà thôi. Tôi chỉ vừa mới ngoi lên khỏi địa vị thấp hèn của mình, như cậu thấy đấy. Tôi hy vọng nhiều về chỗ cô Acnét sẽ thấy tôi có ích cho ông cụ như thế nào. (vì tôi quả thực tin chắc rằng tôi rất có ích cho ông cụ, cậu ạ). Cô sẽ hiểu tôi đã dẹp được những khó khăn của ông cụ và làm cho ông cụ khỏi suy sụp. Cô rất yêu quý ông cụ, cậu Copophin ạ! (và đức tính ấy ở một người con gái thực là đáng yêu). Và có thể, tôi nghĩ như vậy, cô để ý đến tôi vì ông cụ...”

Tôi hiểu hết mức độ sâu sắc của tất cả mưu mô của tên hèn mạt này và tôi hiểu tại sao hắn lại thổ lộ cho tôi biết.

“Nếu như cậu có lòng tốt giữ bí mật cho tôi, cậu Copophin ạ!” hắn nói “và nói chung, không cản trở tôi, thì tôi sẽ xem đó là một đặc ân. Chắc cậu không muốn gây cho tôi những điều khó chịu. Tôi biết rằng cậu là một người bụng rất tốt nhưng vì cậu chỉ biết tôi ở địa vị thấp hèn (tôi phải nói là ở địa vị thất hèn nhất, bởi vì tôi vẫn còn rất thấp hèn), cậu có thể làm hại đến tôi về việc nàng Acnét của tôi. Tôi gọi là cô *Acnét của tôi* như cậu thấy đấy, cậu Copophin ạ! Có một bài hát nói rằng: “Tôi hy vọng rằng một ngày kia tôi cũng sẽ nói được như vậy”.

Acnét thân yêu! Con người yêu quý mọi người và tốt với mọi người, lẽ nào số phận lại bắt nàng trở thành vợ của tên hèn mạt này?.

“Hiện nay vẫn chưa có gì là gấp, cậu thấy đấy, cậu Copophin ạ” Uria nói tiếp, với những cử chỉ uốn éo trong khi tôi ngồi trở mặt nhìn hắn, đầu óc chỉ nghĩ tới điều đó,

“nàng Acnét của tôi còn trẻ lắm, hai mẹ con tôi còn phải vươn lên nhiều nữa và phải xếp đặt nhiều việc nữa mới có thể thực hiện được điều đó. Như vậy tôi sẽ còn thì giờ dần dần làm cho nàng quen với những mong ước của tôi khi nào có dịp. Ô! Tôi rất cảm ơn cậu đã nghe lời tâm sự này! Ô! Cậu không thể tưởng tượng được rằng lòng tôi nhẹ nhàng như thế nào khi biết rằng cậu hiểu tình cảnh của tôi và chắc hẳn sẽ không cản trở tôi (bởi vì cậu không muốn gây khó khăn cho gia đình cô Acnét!)”.

Hắn nắm lấy tôi mà tôi không dám từ chối, và sau khi nắm chặt tay tôi làm tay tôi ướt đầm, hắn gỡ cái đồng hồ xanh mốc của hắn ra.

“Trời!” hắn nói, “đã hơn một giờ khuya rồi à? Thời gian trôi nhanh quá khi người ta nhắc đến thời xưa quý báu, cậu Copophin ạ! Đã gần một giờ rồi!”

Tôi đáp lại rằng tôi tưởng là còn khuya hơn thế nữa, không phải vì tôi thực tình tin như vậy, nhưng vì tất cả tài nói chuyện của tôi quả thực đã tiêu ma hết.

“Trời ơi!” hắn nói, cở vẻ nghĩ ngợi “ngôi nhà mà hiện nay tôi ở, gần Niu Rivo, là một thứ khách sạn gia đình và nhà chứa trọ, cậu Copophin ạ, ở đây người ta ngủ đã được hai giờ rồi”.

“Tôi rất tiếc”, tôi đáp “ở đây chỉ có một cái giường... và tôi...”

“Ô! Đừng nói đến chuyện giường chiếu gì nữa, cậu Copophin ạ” hắn nói, giọng say sưa, co một chân lên. “Cậu có thấy trở ngại gì khi tôi nằm ở trước bếp lửa không?”

“Nếu đã đến tình cảm này” tôi nói, “thì anh cứ ngủ trên giường tôi đi. Còn tôi, tôi sẽ nằm trước lò sưởi”.

Để từ chối đề nghị này, hắn kêu lên một tiếng lanh lảnh vì quá ngạc nhiên và tỏ vẻ khiêm tốn đến nổi tiếng kêu đến tai bà Cróp, tôi chắc rằng bà ta lúc này đang ngủ trong một căn phòng ở xa, gần mặt nước khi nước xuống, ở đây giấc ngủ của bà được rù bởi tiếng kêu tích tắc của một chiếc đồng hồ bất tri mà bao giờ bà cũng viện ra làm chứng khi chúng tôi có chuyện cãi cọ về việc giờ giấc của bà, đồng hồ này bao giờ cũng chậm ít nhất là bốn mươi lăm phút, mặc dầu sáng nào bà cũng lấy lại giờ theo những đồng hồ uy tín nhất. Tất cả những lý do tôi đưa ra trong lúc hoảng hốt đều không có tác dụng gì đối với sự khiêm tốn của Uria và không làm sao cho hắn nằm trên giường, tôi đành phải thu xếp cho hắn nằm trước ngọn lửa một cách chu đáo nhất. Chiếc đệm của cái xô pha (quá ngắn đối với thân hình to lớn khảng khuu của hắn), những chiếc gối của cái xô pha, chiếc chăn, chiếc khăn bàn, một chiếc khăn ăn sạch sẽ và một áo khoác to tướng, làm thành một cái giường cho hắn và hắn cho rằng như thế là tươm tất lắm rồi. Sau khi trao cho hắn một cái mũ trập mà hắn đội ngay lên đầu, làm cho hắn có một dáng điệu kinh khủng (đến nỗi từ hôm ấy tôi không bao giờ dám đội cái mũ ấy nữa) tôi để mặc hắn nằm ngủ.

Tôi sẽ không bao giờ quen được đêm hôm ấy. Tôi sẽ không bao giờ quên tôi đã nằm trần trọc như thế nào, cứ nghĩ đến Acnét và cái thằng ấy, cứ nghĩ đến những điều tôi có thể làm và tôi phải làm, và tôi chỉ đi đến một kết luận duy nhất, thái độ thích hợp nhất để cho Acnét được yên tĩnh, đó là đừng nói gì hết và giữ riêng trong lòng những điều tôi đã biết được.

Tôi vừa chớp mắt được vài phút thì gương mặt của Acnét, với đôi mắt đầy trù mến và hình ảnh của cha nàng đang nhìn nàng âu yếm (như tôi vẫn thường thấy ông nhìn nàng) lại hiện ra trước mắt tôi với những nét cau khấn làm cho tôi hoảng sợ vẩn vơ. Khi tôi chợt thức tỉnh, ý nghĩ rằng Uria nằm ngủ ở căn phòng bên cạnh đèn nặng trong đầu óc tôi như một cơn ác mộng, làm tôi sợ hãi mơ hồ, dường như có một con quỷ hèn hạ đang ở trọ trong nhà.

Không những thế, cái que cời than cũng lọt vào những ý nghĩ mơ màng của tôi mà không chịu đi đâu hết. Đầu óc mơ mơ màng màng, tôi cho rằng nó đang đỏ rực và tôi đã kéo nó ra khỏi bếp lửa và đâm qua người Uria. ý nghĩ này ám ảnh tôi đến nỗi mặc dầu tôi biết đó là một ý nghĩ ngớ ngẩn, tôi vẫn phải lén vào căn phòng bên cạnh để nhìn hấn. Tôi thấy hấn nằm ở đấy, đôi chân dài vô tận, cổ họng ngáy khò khó, lỗ mũi thở phì phì và miệng há hốc như một hòm thư. Trong thực tế, hấn còn xấu hơn là cái hình ảnh của hấn trong ức tưởng tượng ốm yếu của tôi, và tuy căm ghét hấn, tôi vẫn cứ bị thu hút về phía hấn và không thể nào không nhìn hấn, cứ sau nửa giờ tôi lại phải quay lại một lần, liếc mắt nhìn hấn. Nhưng đêm dài dằng dặc vẫn có vẻ nặng nề, tuyệt vọng và bầu trời âm u không hứa hẹn buổi ban mai sẽ đến!.

Khi tôi thấy hấn bước xuống cầu thang gác sáng sớm hôm sau (bởi vì may phúc cho tôi hấn không ở lại ăn điểm tâm), tôi có cảm tưởng bóng đêm cùng biến mất với hấn. Khi tôi đến Pháp viện tôi ân cần dặn bà Crop cứ để cửa sổ mở rộng để cho phòng thoáng khí và quét sạch sự có mặt của Uria.

Chương XXVI

TÔI BỊ CẤM TÙ

Tôi không gặp lại Uria Hip mãi cho đến ngày Acnét rời khỏi Luân đôn. Tôi đến trạm xe ngựa để từ giã nàng và tiễn chân nàng. Hân cũng có mặt ở đây, hân trở về Cantơbơri cùng chuyến xe. Nhìn thấy cái áo khoác màu tím sẫm ngắn cũ cốn với đôi vai nhọn hoắt, nhô lên bên cạnh chiếc ô giống như một chiếc lều con, ở chỗ ngoài cùng của hàng ghế cuối trên chiếc xe ngựa, trong khi Acnét cố nhiên là ngồi ở phía trong, tôi cảm thấy cũng hơi thình thích. Những cố gắng mà tôi phải chịu đựng để có thể tỏ ra thân mật đối với hân dưới con mắt của Acnét cũng đáng được hưởng sự đền bù nhỏ nhặt này. Ngồi ở cửa sổ của chiếc xe ngựa, cũng như ở bữa tiệc hôm nọ, hân dường như bay lượn trên đầu chúng tôi không lúc nào nghỉ, chẳng khác gì một con diều hâu to tướng đang uống từng lời mà Acnét và tôi trao đổi với nhau.

Tâm hồn bối rối do những lời tâm sự của hân với tôi bên lò sưởi đêm hôn ấy gây nên, việc tôi đã nhiều lần nghĩ đến điều Acnét nói với tôi về việc cha nàng cộng tác với

Uria Hip: “Tôi đã làm điều tôi cho là phải làm. Cảm thấy chắc chắn rằng sự hy sinh này là cần thiết để cho ba tôi được yên ổn, tôi đã van nài ba tôi cứ làm như thế”. Từ phút ấy, một linh cảm nặng nề đè lên tâm trí tôi rằng nàng sẽ vâng theo lời cha cũng vì những ý nghĩ như vậy, và những ý nghĩ ấy sẽ khiến cho nàng có đủ nghị lực chịu mọi sự hy sinh vì tình yêu đối với cha. Tôi biết rằng nàng yêu cha lắm. Tôi biết rằng bản tính nàng có thể chịu đựng được những sự hy sinh to lớn như thế nào. Tôi biết vì đã nghe chính nàng nói, rằng nàng tự cho mình là nguyên nhân vô tội khiến cho cha nàng lâm lạc, và nàng cảm thấy mắc một món nợ đối với cha mà nàng rất thiết tha muốn trả. Tôi không cảm thấy một chút an ủi nào khi nhìn thấy nàng thực khác xa cái thằng tóc đỏ đáng ghét mặc áo khoác màu tím sẫm, bởi vì tôi nhận thấy rằng nguy cơ chủ yếu lại chính là sự khác nhau giữa lòng hy sinh của cái tâm hồn trong trắng của nàng với sự hèn mạt bẩn thỉu của Uria. Dĩ nhiên hẳn biết tất cả những điều đó và hẳn đã khôn ngoan tính trước tất cả.

Tuy nhiên, tôi tin chắc một điều, đó là cái viễn cảnh - dù xa xôi đi nữa - của một sự hy sinh như vậy thế nào cũng làm tiêu ma tất cả hạnh phúc của Acnét. Thái độ của nàng làm tôi thấy rõ ràng rằng hẳn vẫn còn chưa toả cái bóng đen của hẳn xuống người nàng, và tôi có thể làm cho nàng đau khổ nếu báo cho nàng biết những điều đe dọa đang chờ đợi nàng. Thế là chúng tôi chia tay không một lời giải thích. Nàng vẫy tay và mỉm cười với tôi ở cửa xe ngựa, còn thằng quý sứ của nàng thì đang uốn éo thân hình ở trong xe, dường như hẳn đã đắc thắng tóm được nàng giữa

những nanh vuốt của hắn.

Trong một thời gian dài tôi không sao xua đuổi được hình ảnh này của cuộc chia tay. Khi Acnét viết thư báo cho tôi báo rằng nàng đã về nhà bình yên mạnh khoẻ, tôi vẫn đau khổ như khi tiễn nàng ra đi. Cứ mỗi lần tôi buâng khuâng nghĩ ngợi thì câu chuyện này thế nào cũng xuất hiện làm tôi càng khó chịu. Không mấy chốc là tôi không nằm mơ thấy nó. Hình ảnh này trở thành một bộ phận của đời tôi, một bộ phận khăng khít của đời tôi chẳng khác gì cái đầu của tôi.

Tôi có rọng rãi thì giờ để ngẫm nghĩ về điều lo lắng của tôi vì Xtiécphoóc hiện ở Ocxfhot - như cậu ta viết thư cho tôi - và khi tôi không ở Pháp viện thì tôi sống rất cô độc. Tôi nghĩ rằng lúc bấy giờ tôi đã hơi ngờ vực Xtiécphoóc. Tôi trả lời thư cậu rất thân mật, nhưng trong thâm tâm tôi rất sung sướng thấy rằng cậu không thể đến ngay Luân đôn. Tôi cho rằng sự thực là tôi không chịu ảnh hưởng của Acnét và ảnh hưởng ấy không bị hình ảnh Xtiécphoóc cản trở, Acnét lại càng có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với tôi vì nàng chiếm một phần to lớn trong những ý nghĩ và sự quan tâm của tôi.

Trong thời gian này, ngày tháng cứ trôi qua... Tôi đã ký giao kèo với ông Xpenlô và Joockin. Cô tôi mỗi năm gửi cho tôi chín mươi bảng (không kể tiền trợ và những món tiền tiêu vật khác). Gian phòng của tôi thuê trước mười hai tháng, và trong khi vẫn còn cảm thấy những buổi chiều lê thê và buồn bã, tôi vẫn có thể tận hưởng cái lạc thú của những phút mơ màng và uống cà phê (tôi hồi tưởng lại hình như đã uống hàng lít trong thời gian ấy của đời tôi.

Cũng vào thời gian ấy, tôi phát hiện ra ba điều: thứ nhất bà Crop bị hành hạ khổ sở bởi một cái bệnh kỳ quặc gọi là “bệnh suyễn”, bệnh này biểu hiện thường thường ở chỗ cái mũi bị nóng bỏng và đòi hỏi luôn luôn phải bôi bạc hà. Thứ hai là khí hậu ở trong phòng tôi nóng đến nỗi tôi không hiểu làm sao các chai rượu của tôi cứ vỡ tung ra. Và thứ ba, là tôi cô độc trên đời và sẵn sàng nói đến điều đó ở trong những mẫu thơ Anh ngắn ngủi.

Ngày ký giao kèo thực sự không có lễ nghi gì hết trừ những miếng xan-uých và rượu anh đào mà tôi sai mang đến phòng làm việc cho các nhân viên ở đấy, và buổi tối tôi đi xem kịch một mình. Tôi đi xem vở kịch “Người xa lạ”⁽¹⁾ và nghĩ rằng vở kịch này rất thích hợp với những người ở Pháp viện, tôi bị một mẻ hoảng hốt đến nỗi khi trở về nhà, tôi khó lòng nhận ra mình khi nhìn vào gương. Khi tờ giao kèo đã ký, ông Xpenlô tuyên bố sẽ vui sướng đón tiếp tôi tại ngôi nhà của ông ta ở Noocut để ghi nhớ buổi đầu của những mối quan hệ giữa chúng tôi, nếu như ngôi nhà của ông không bị xáo trộn đôi chút về chuyện cô con gái vừa mới học xong ở Pari trở về như đã dự kiến trước. Nhưng ông cho tôi biết rằng khi cô gái đã về nhà, ông hy vọng có dịp mời cô tôi đến chơi. Tôi biết rằng ông góa vợ và chỉ có một cô con gái, và tôi cảm ơn ông.

Ông Xpenlô giữ lời hứa. Sau một hay hai tuần gì đấy, ông nhắc lại lời hứa và bảo tôi rằng nếu tôi vui lòng đến nhà ông ngày thứ bảy sắp đến và ở đấy cho đến ngày thứ hai thì ông sẽ rất sung sướng. Cố nhiên tôi trả lời ông

⁽¹⁾ Vở kịch của August Phridrich Phôn Côtđobuy (1761-1819)

rằng tôi rất muốn đến và ông phải đưa tôi về nhà trên chiếc xe ngựa của ông rồi lại đưa tôi về chỗ làm việc.

Khi ngày ấy đến, túi du lịch của tôi đã trở thành một vật được các nhân viên ăn lương ở đây sùng bái, bởi vì đối với họ, ngôi nhà ở Noocut là một bí mật thiêng liêng. Một người bảo tôi rằng anh ta nghe nói ông Xpenlô chỉ ăn với những bát đĩa sứ và bằng bạc, một người khác nói bóng rắng ở bàn ăn của ông người ta muốn sâm-banh luôn luôn chẳng khác gì những người khác uống bia. Người viên chức già mang tóc giả tên Típphây trong thời gian làm việc đã đến đây nhiều lần và mỗi lần như vậy cụ đều đến tận phòng ăn. Cụ miêu tả phòng này là một căn phòng hết sức sang trọng, và nói rằng ở đây cụ đã uống thứ rượu anh đào mầu nâu của Ấn Độ ngon đến nỗi người ta phải nheo cả hai mắt lại.

Hôm ấy chúng tôi xét một vụ đã được hoãn lại ở toà án các giáo sĩ. Đó là việc rút phép thông công một anh bán bánh mì vì đã phản đối việc trả tiền lát đường ở trong một hội nghị của địa phận. Và bởi vì những chứng cứ viết ra đúng là dài gấp hai quyển *Rôbin-xon Cruxâu* (theo như sự tính toán của tôi) cho nên khi chúng tôi làm xong việc này thì đã muộn. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn rút phép thông công của anh ta trong sáu tuần lễ và bắt anh ta trả những số tiền không biết bao giờ mới hết, sau đó người biện lý - luật sư của anh ta, ông thẩm phán và các trạng sư của cả hai bên (họ đều là bà con thân thiết của nhau) đều cùng nhau rời khỏi Luân đôn và ông Xpenlô cùng tôi lên xe ngựa ra về.

Cỗ xe ngựa này thực là xinh đẹp. Những con ngựa cúi cổ và giơ vó lên đường như chúng biết rằng chúng

thuộc về Pháp viện. Ở Pháp viện cũng có nhiều người ganh đua nhau về mặt ăn diện, cho nên cũng có mấy cô xe lịch sự, nhưng bao giờ tôi cũng nghĩ và sẽ còn nghĩ rằng đầu đề chủ yếu của sự ganh đua là việc dùng hồ để là quần áo mà theo ý tôi mấy ông biện lý - luật sư dùng nó nhiều đến nỗi đạt tới mức cuối cùng mà bản tính con người có thể chịu đựng được.

Chúng tôi lên đường đi rất vui vẻ và ông Xpenlô cho tôi biết vài ý kiến về cái nghề của tôi. Ông bảo tôi rằng đó là cái nghề cao quý nhất trên đời, không thể nào lẫn lộn với nghề luật sư tầm thường bởi vì đó là một việc khác hẳn, khó khăn hơn nhiều, không máy móc như thế và kiếm được nhiều tiền hơn nhiều. ở Pháp viện chúng tôi thấy cuộc sống thoải mái hơn bất kỳ ở đâu - Ông nói — và điều này làm cho chúng tôi tách ra thành một tầng lớp riêng được biệt đãi. Ông bảo rằng không thể nào phủ nhận một việc rất bức mình đó là chúng tôi phải phục vụ luật sư, nhưng dầu sao họ cũng thuộc về một chủng tộc hèn kém bị tất cả các biện lý có óc tự hào khinh bỉ.

Tôi hỏi ông Xpenlô xem trong nghề này ông cho việc gì là thú nhất. Ông đáp lại rằng đó là khi có một vụ kiện thắng thừng về việc tranh chấp gia tài, với một người gia tài kha khá từ ba vạn đến bốn vạn bảng, và điều đó có lẽ là tốt nhất. Ông ta bảo trong vụ kiện như vậy người ta có thể kiếm được kha khá nhiều tiền dưới hình thức những lời biện hộ ở mỗi giai đoạn của vụ kiện, rồi đến hàng núi chứng cứ hết lần này xét hỏi, lại đến lần khác xét hỏi (đây là không nói đến việc khổng tố ở Hạ viện rồi Thượng viện), nhưng vì người ta gần như tin chắc rằng số tiền ấy

trả là lấy vào gia tài cho nên lại càng tấn công nhau dữ dội và hăng hái không kể tốn kém. Nói đoạn, ông Xpenlô lên tiếng ca ngợi các Pháp viện nói chung. Điều đáng phục nhất ở trong đó là một tổ chức chặt chẽ nhất thế giới. Đó là lý tưởng của tiện nghi, tất cả đều rất gọn gàng. Thí dụ anh muốn xin ly hôn, hay xin bồi thường trước toà án các giáo sĩ. Tốt lắm, anh đặt vấn đề ra trước toà án các giáo sĩ. Anh sẽ có một trò chơi thanh nhã, vui vẻ, yên tĩnh ở trong một nhóm nhỏ như một gia đình và anh tha hồ chơi cho đến khi xong. Nếu anh không vừa ý về toà án các giáo sĩ, thì anh sẽ làm gì? Anh sẽ đến viện khống tố của giáo hội. Viện khống tố của giáo hội là cái gì? Cũng toà án ấy, cũng những luật gia ấy, nhưng với một ông chánh án khác, bởi vì ở đây, ông chánh án của toà án các giáo sĩ có thể biện hộ với tính cách trạng sư trong bất kỳ buổi nào. Tốt lắm. Thế rồi cái trò chơi thanh nhã ấy tiếp tục. Anh vẫn không bằng lòng ư? Anh làm gì bây giờ? Anh đến toà án đại diện. Các đại biện là ai?... Họ là những trạng sư đã dự với tính cách khán giả những trò chơi thanh nhã đã diễn ra ở hai toà án kia, đã nhìn thấy người ta đánh bài, đã bàn bạc với những con bạc, thế rồi bây giờ lại đến ngồi để xét xử làm cho mọi người đều thoả mãn. Những kẻ bất mãn - ông Xpenlô nói với tôi, giọng trịnh trọng - tóm lại có thể nói đến trạng mục nát của Pháp viện, về sự cổ hủ của nó, về sự cần thiết phải cải tổ lại Pháp viện, nhưng khi giá tiền một tạ lúa mì lên cao nhất là khi Pháp viện bận việc nhất, và người ta có thể đặt tay lên tim mình mà nói với tất cả thế giới “nếu anh động đến Pháp viện tức là làm nguy hại đến nước nhà đấy!”

Tôi chăm chú lắng nghe tất cả những lời ấy, và mặc dầu thú thật, tôi không tin rằng quốc gia phải chịu ơn Pháp viện nhiều như ở Xpenlô đã nói, nhưng tôi vẫn kính cẩn tán thành ý kiến ông. Còn về chỗ ông nói đến giá một tạ lúa mì, thì tôi khiêm tốn cảm thấy rằng tôi không đủ sức xét đến điều đó và ý nghĩ ấy đã giải quyết vấn đề một cách hoàn toàn. Ngay đến bây giờ tôi vẫn không sao giải quyết được vấn đề một tạ lúa kia. Trong suốt đời tôi, nhiều lần nó lại xuất hiện để bắt tôi phải im lặng về bất kỳ vấn đề gì. Thực tình, tôi không hiểu rõ nó liên quan với tôi như thế trong rất nhiều trường hợp, nhưng mỗi khi tôi thấy ông bạn cũ của tôi và cái tạ lúa mì bị đưa vào câu chuyện một cách vất vả (tôi nhận thấy đó là trường hợp chung thì tôi chịu thua ngay)

Nhưng đây chỉ là chuyện phiếm mà thôi. Tôi không phải là người đưng đến Pháp viện để làm cho nước nhà bị tiêu diệt. Tôi im lặng tỏ vẻ ngoan ngoãn tán thành tất cả những điều tôi nghe một người hơn hẳn tôi về tuổi tác và kiến thức nói. Chúng tôi nói chuyện về vở kịch “Con người xa lạ”, về kịch và về hai con ngựa cho đến khi chúng tôi đến cổng nhà ông Xpenlô.

Ngôi nhà của ông Xpenlô có một cái vườn xinh xắn và mặc dầu thời tiết này không phải là thời tiết đẹp nhất trong năm để ngắm vườn, nhưng cái vườn vẫn được gìn giữ tuyệt diệu làm cho tôi hoàn toàn ngây ngất. Có một bãi cỏ xinh xắn, những lùm cây, những con đường thẳng tắp mà tôi chỉ nhìn thấy lơ mơ trong bóng tối vì bị một vòm đan mắt vào che phủ, trên đấy những bông hoa và những cây con mọc lên vào mùa hạ. Tôi nghĩ thầm: “Cô Xpenlô dạo

chơi ở đây một mình. Trời ơi!”

Chúng tôi bước vào ngôi nhà được chiếu sáng rực rỡ và bước vào phòng áo, ở đây, có mọi thứ, mũ, mũ lưỡi trai, áo khoác, áo du lịch, găng tay, roi ngựa và gậy. Ông Xpenlô hỏi người đẩy tôi.

“Cô Đôra đâu?”

“Đôra! Tôi nghĩ thăm, tên xinh lạ!

Chúng tôi bước vào phòng cạnh đây (theo tôi, đó chính là phòng ăn nổi tiếng với thứ rượu anh đào màu nâu của Ấn Độ). Và tôi nghe có tiếng nói.

“Anh Copophin, xin giới thiệu: Đôra, con gái tôi và người bạn thân của cháu nó”.

Rõ ràng đây là giọng nói của ông Xpenlô nhưng tôi không nhận ra, và không để ý đến chỗ đó là giọng của ai. Trong nháy mắt tất cả đều đã kết thúc, số phận của tôi đã bị quyết định. Tôi bị cầm tù, tôi thành nô lệ. Tôi yêu Đôra Xpenlô đến điên cuồng.

Đối với tôi, nàng không là người trần nữa. Nàng là một nàng tiên, một thiên thần, tôi không biết nàng là gì nữa... Nàng là một bảo vật chưa ai thấy, một vật tất cả mọi người đều mong muốn có được. Trong nháy mắt, tôi bị rơi tõm vào vực thẳm của tình yêu, không còn cách nào dừng lại ở trên bờ... không tài nào nhìn xuống đáy vực hay ngoái cổ lại phía sau. Thế là tôi rơi tõm xuống, đầu xuống trước, trước khi có đủ lý trí để nói với nàng một lời.

“Còn tôi” một giọng nói rất quen thuộc vang lên khi tôi cúi đầu xuống và lẩm bầm điều gì đó “tôi đã gặp ông Copophin”.

Người nói không phải là Đôra, không phải. Đó là

người bạn thân của nàng: Cô Mọcxtôn!

Tôi không nghĩ rằng tôi rất ngạc nhiên. Như tôi có thể nhận thấy, tôi không còn có thể ngạc nhiên nữa. Trong thế giới vật chất còn cái gì đáng làm cho người ta phải ngạc nhiên, ngoài Đơra Xpenlô.

“Ồ” tôi nói “thế nào, cô mạnh khoẻ chứ, cô Mọcxtôn? Cô mạnh khoẻ chứ?”

“Mạnh khoẻ lắm!” Cô ta đáp.

“Còn ông Mọcxtôn thế nào?” tôi nói thêm.

“Em tôi vẫn tráng kiện, cảm ơn ông” cô đáp.

Tôi cảm thấy ông Xpenlô ngạc nhiên thấy chúng tôi nhận ra nhau. Ông ta nói.

“Anh Copophin ạ tôi rất sung sướng thấy hai người đã quen biết nhau từ trước”.

“Ông Copophin và tôi” cô Mọcxtôn nói, với cái vẻ nghiêm nghị lạnh lùng “là chỗ quen biết cũ. Trong lúc ông ấy còn nhỏ, chúng tôi có biết nhau đôi chút. Từ dạo ấy, hoàn cảnh đã làm cho chúng tôi xa cách nhau. Tôi suýt nữa không nhận ra ông ta”.

Tôi đáp lại rằng tôi sẽ nhận ta cô ta bất kỳ ở đâu. Điều đó thực là đúng. Ông Xpenlô nói:

“Cô Mọcxtôn đã có lòng nhận lấy nhiệm vụ, nếu tôi có thể nói như vậy, làm người bạn tâm sự của cháu Đơra. Cháu Đơra tôi không may mồ côi mẹ, cô Mọcxtôn có lòng tốt làm bạn và người che chở cho cháu”.

Ý nghĩ rằng cô Mọcxtôn là một thứ công cụ, một thứ vũ khí gọi là tự vệ - nhưng thực ra không phải để tự vệ mà để tấn công - thoáng hiện lên trong óc tôi. Nhưng vì tôi chỉ có những ý nghĩ thoáng qua đối với bất kỳ những cái gì

không phải là Đơra nên tôi liền quay về phía nàng. Nhìn thái độ cầu kính rất đáng yêu của nàng, tôi tự nhủ nàng xem ra không thích tâm sự với người bạn và người che chở nàng. Vừa lúc ấy có tiếng chuông, ông Xpenlô bảo tôi rằng đó là tiếng chuông đầu tiên báo bữa ăn tối và kéo tôi đi thay quần áo.

Ý nghĩ mặc quần áo hay làm bất kỳ điều gì trong tình trạng say mê của tôi cũng đều có vẻ quá lố bịch. Tôi chỉ biết ngồi trước ngọn lửa, miệng cắn cái thìa khóa của chiếc túi du lịch, đầu óc nghĩ đến nàng Đơra đáng yêu có vẻ đẹp mê hồn, thơ ngây và đôi mắt sáng. Thân hình dẫu mà xinh đẹp thế, gương mặt đáng yêu cỡ chỉ thật là dễ thương, cảm dỗ!”

Tiếng chuông rung lần thứ hai, lát sau vang lên nhanh quá khiến tôi ăn mặc vội vàng, chứ không kịp tô vướt cẩn thận như tôi muốn trong hoàn cảnh này, và tôi bước xuống thang gác. Ở đấy có vài người khách. Đơra nói chuyện với một cụ già tóc bạc. Mặc dầu cụ tóc bạc và mặc dầu cụ nói đến những đứm chất của cụ tôi vẫn đâm ghen tức điên cuồng với cụ.

Tôi ở trong một tình trạng đến buồn cười! Tôi đâm ghen với tất cả mọi người. Tôi không thể nào chịu đựng có một người nào đó quen ông Xpenlô hơn tôi. Nghe người ta nói đến những việc mà tôi không hề tham dự, tôi cảm thấy như chịu cực hình. Khi một ông rất dễ thương có cái trán hói lảng bóng như gương từ đằng kia bàn hỏi tôi có phải đây là lần đầu tôi xem vườn không, tôi cảm thấy muốn trả cho ông ta hết sức phũ phàng tàn nhẫn.

Tôi không nhớ có một người nào có mặt ở đấy, ngoài

Đôra. Tôi cảm thấy rằng chỉ ăn Đôra mà thôi và tôi trả lại đến năm sáu đĩa mà không động đến. Tôi ngồi cạnh nàng. Tôi nói chuyện với nàng. Nàng có giọng nói nhỏ nhẹ ngọt ngào nhất đời, có giọng cười dịu dàng, vui vẻ nhất đời, có những cử chỉ nhẹ nhàng đáng yêu nhất và hấp dẫn nhất đã làm cho thằng bé tội nghiệp rơi vào tình trạng nô lệ tuyệt vọng. Về mọi mặt, cái gì của nàng cũng nhỏ nhẹ. Tôi nghĩ thầm, như thế lại càng quý.

Khi nàng rời khỏi phòng ăn cùng với cô Mọcxtôn (trong số tân khách, không có người đàn bà nào khác), tôi rơi vào một tình trạng mơ mộng và chỉ bị gián đoạn bởi một nỗi lo sợ to lớn về chỗ cô Mọcxtôn sẽ nói xấu tôi trước mặt nàng. Con người đáng yêu có cái trán bóng kể cho tôi nghe một câu chuyện dài, hình như về việc làm vườn. Tôi có cảm tưởng nghe ông ra vẻ rất chú ý đến ông, nhưng trong thực tế, tôi đang đi dạo với Đôra trong vườn thượng uyển.

Nỗi lo sợ bị người ta nói xấu mình với đối tượng duy nhất mình yêu say đắm của tôi lại bùng dậy khi chúng tôi bước vào phòng khách nhìn thấy vẻ mặt nghiêm khắc và lạnh lùng của Mọcxtôn, nhưng tôi đã trút bỏ được mối lo sợ này một cách bất ngờ.

“Anh Đêvít Copophin” cô Mọcxtôn nói với tôi, vẫy tay ra hiệu gọi tôi đến trước một cửa sổ “tôi muốn nói với anh một lời”.

Tôi đứng một mình đối diện với cô Mọcxtôn.

“Anh Đêvít Copophin” cô Mọcxtôn nói “tôi không nói nhiều về những câu chuyện gia đình của chúng ta. Đó không phải là một đề tài thú vị”.

“Còn xa lắm, phải không ạ” tôi đáp.

“Còn xa lắm” cô Mọcxtôn tán thành - “Tôi không muốn làm sống lại kỷ niệm về những cuộc xung đột ngày xưa, về những sự lãng mạ ngày xưa. Tôi đã bị lãng mạ bởi một người (một người đàn bà, tôi rất tiếc phải nói như vậy, bởi vì người ấy không làm vênh dự gì cho nữ giới chúng tôi). Nhưng tôi không thể nào không nói đến mà không khinh bỉ và chán ghét. Cho nên tốt hơn là đừng nói đến người ấy”.

Lời nói bóng gió về cô tôi làm tôi cáu tiết. Nhưng tôi nói rằng tốt hơn cả là đừng nói đến người ấy, nếu như cô Mọcxtôn muốn. Tôi nói thêm rằng tôi không thể nào nhin nổi người ta nói về người ấy một cách xác xược mà không nói rõ ý kiến của tôi.

Cô Mọcxtôn nhắm mắt lại, khinh khỉnh lắc đầu cái đầu rồi chậm chạp mở mắt ra, nói tiếp.

“Anh Đêvit Copophin, tôi không muốn giấu anh rằng lúc anh còn nhỏ, tôi có một ý nghĩ xấu về anh. Có lẽ ý nghĩ ấy là sai, cũng có lẽ anh thôi không còn đáng bị nhận xét như thế nữa. Bây giờ vấn đề không phải là ở đó. Tôi thuộc về một gia đình, theo ý tôi, khá đặc biệt ở chỗ hơi cứng rắn một chút, và tôi không phải là trò chơi của hoàn cảnh, cũng không dễ thay đổi. Tôi có thể có ý kiến riêng của tôi về anh. Anh có thể có ý kiến riêng của anh về tôi”.

Đến lượt tôi, tôi nghiêng đầu. Cô nói tiếp:

“Nhưng những ý kiến của chúng ta không cần phải lại xung đột nhau ở đây. Trong hoàn cảnh hiện nay, thì ý kiến không xung đột nhau vẫn tốt hơn. Vì những điều ngẫu nhiên của cuộc sống đã kéo chúng ta lại mặt giáp mặt, và

có thể lại còn làm cho chúng ta gặp nhau nhiều lần nữa, cho nên tôi có ý kiến rằng ở đây chúng ta chỉ nên xem nhau là những người quen biết xa. Những câu chuyện lục đục trong gia đình cũng chỉ là một lý do đầy đủ để cho chúng ta không có những quan hệ khác, và việc người này đưa ra những nhận xét về người kia là hoàn toàn vô ích. Anh đồng ý chứ?”

“Cô Mecxton” tôi đáp “tôi nghĩ rằng cô và ông Mecxton đã đối xử rất tệ với tôi và hai người đã đối xử tàn nhẫn với mẹ tôi. Chừng nào tôi còn sống, tôi không thay đổi ý kiến về điểm đó. Nhưng tôi sẵn sàng chấp nhận điều cô đề nghị”.

Cô Mecxton lại nhắm mắt lại và nghiêng đầu một cái. Đoạn giờ đầu ngón tay lạnh lùng và cứng đờ sờ vào sống bàn tay tôi, cô bỏ đi, vừa đi vừa sắp xếp lại những sợi dây chuyền nhỏ ở cổ tay và xung quanh cổ. (Tôi có cảm tưởng rằng đó vẫn là cái đồ trang sức ngày xưa và chúng vẫn ở trong tình trạng như cũ khi tôi thấy cô lần cuối). Mỗi khi nghĩ đến tính cách của cô Mecxton, thứ trang sức này lại làm tôi liên tưởng đến những sợi dây xích treo trên cửa nhà tù; chúng báo trước cho tất cả những người đứng đợi ở ngoài những điều nhà tù đang chờ đợi họ.

Tất cả những điều tôi biết về phần còn lại của buổi tối hôm ấy, đó là tôi nghe vị hoàng hậu của trái tim tôi hát những bài tình ca thần tiên bằng tiếng Pháp, vừa hát vừa đệm với một nhạc cụ tuyệt vời, giống như một chiếc đàn ghi-ta (ý nghĩa của những bài hát này là dù có việc gì xảy đến ta vẫn cứ phải nhảy múa Ta-ra-la! Ta-ra-la) Tôi cảm thấy ngây ngất trong tình trạng say sưa tràn đầy hạnh

phúc, và tôi không uống bất kỳ thứ gì. Tôi đặc biệt ghét thứ rượu ngũ vị. Khi cô Moxton mang Đora đi để gìn giữ, Đora mỉm cười với tôi, giơ bàn tay nhỏ nhắn cho tôi bắt, tôi liếc nhìn vào một tấm gương thấy mình có cái dáng điệu hết sức ngớ ngẩn và ngốc nghếch. Tôi ngủ trong tình trạng thảm hại nhất và khi tỉnh dậy thấy mình say mê điên cuồng.

Buổi sáng hôn ất trời rất đẹp và vì còn sớm, tôi tự nhủ hãy đi dạo chơi bách bộ trên một trong những con đường có vòm đan mát cáo che phủ và ôn lại mối tình say đắm bằng cách nhớ đến hình ảnh của nàng. Khi đi qua phòng áo, tôi thấy con chó nhỏ của nàng tên là Jip (đó là tên tắt của Jipxi - nghĩa là người lãng tử) Tôi dịu dàng bước đến gần bởi vì tình yêu của tôi lan rộng đến cả nó. Nhưng nó nhe hai hàm răng, chui xuống dưới một cái ghế, gầm gừ và nhất định không chịu nhận bất kỳ thái độ thân mật nào của tôi.

Khu vườn lạnh và cô tịch. Tôi đi bách bộ, trong lòng tự hỏi nếu tôi có trở thành vị hôn phu của cái vưu vật kỳ diệu này thì sẽ hạnh phúc biết bao. Còn về vấn đề hôn nhân và tiền bạc thì lúc bấy giờ tôi vẫn ngây thơ và đại dột như thời gian tôi yêu bé Emili. Được quyền gọi là là "Đora", được quyền viết thư và thờ phụng nàng, có đủ lý do để nghĩ rằng trong khi nàng sống với những người khác, nàng vẫn nghĩ đến tôi, đối với tôi, tất cả những điều đó dường như là tột đỉnh của tham vọng con người, và tôi tin rằng đó cũng là tột đỉnh của tham vọng của tôi. Không nghĩ ngợi gì nữa, tôi là một anh chàng ngốc nghếch dễ cảm, nhưng tình yêu của tôi trong trắng đến nỗi dù tôi bây giờ

mỉm cười, với những kỷ niệm ngày xưa, tôi vẫn không thấy mình có một kỷ niệm hoàn toàn đáng khinh.

Tôi đi bách bộ một lát thì gặp Đơra ở chỗ ngoặt cuối đường. Tôi còn run rẩy từ đầu đến chân khi hồi tưởng lại bước ngoặt ấy và ngòi bút ở trong tay tôi cũng run lên.

“Cô...cô... cô dậy sớm thế, cô Xpenlô?” tôi nói

“Ồ trong nhà chán chết” nàng nói “và cô Mợxtôn rõ ngốc! Cô ấy bảo những điều đến vớ vẩn! Cô ấy bảo rằng phải đợi cho thoáng gió rồi hãy ra. Thoáng gió!” (đến đây nàng cười rộ, hết sức mê hồn) “Sáng chủ nhật, vì em đã bảo với ba rằng thế nào em cũng phải ra vườn chơi. Vả lại, đây là lúc rục rờ nhất của cả ngày. Anh không thấy thế sao?”

Tôi đánh bạo nói bóng gió (mặc dầu không phải không áp ứng) rằng đối với tôi, thời tiết lúc này thực là rạng rỡ, mặc dầu trước đây một phút rất âm u!

“Có phải anh khen em đấy không?” Đơra nói “Hay quả là thời tiết đang thay đổi như thế thực?”

Tôi càng nói áp ứng hơn rằng điều tôi nói không phải là khen ngợi mà đó là hoàn toàn là sự thực. Mặc dầu tôi không nhận thấy thời tiết có thay đổi gì hết. Sự thay đổi là ở trong những tình cảm của tôi - tôi giải thích bên lề.

Tôi chưa bao giờ thấy tóc ai quăn như tóc của nàng (tôi làm sao thấy được bởi vì không bao giờ có những mớ tóc như thế!) khi nàng lắc đầu để cho tóc xoã xuống gương mặt, che đôi gò má ửng hồng. Còn về chiếc mũ rơm với những cái dải màu lam trên làn tóc quăn ấy, nếu tôi có thể treo nó ở trong phòng của tôi, đường Buckinghham, thì đó thực là một kho tàng vô giá!

“Cô vừa ở Pari về phải không?” tôi nói.

“Vâng!” Nàng đáp “Anh đã bao giờ đi Pari chưa?”

“Chưa”

“Ồ! Em hy vọng chẳng bao lâu nữa anh sẽ đến đấy! Anh sẽ thích nó lắm cơ”.

Những dấu vết của một niềm đau đớn sâu xa xuất hiện trên gương mặt tôi. Tôi không thể nào chịu nổi khi nghe nói rằng người ta hy vọng tôi sẽ ra đi hay ý nghĩ rằng tôi có thể ra đi. Tôi nói xấu Pari, nói xấu nước Pháp. Tôi tuyên bố rằng trong hoàn cảnh hiện nay, tôi nhất định không rời khỏi nước Anh. Không có cái gì có thể khiến cho tôi làm như vậy. Tóm lại nàng lại lúc lắc những tàn tóc quăn để che mặt. Bỗng con chó nhỏ xiu chạy lọc dọc theo lối đi và giúp chúng tôi ra khỏi cảnh lúng túng.

Nó đâm ghen với tôi một cách dữ dội và cứ nhìn tôi mà sủa. Nàng bế nó lên (trời ơi!) vuốt ve nó, nhưng nó vẫn sủa. Khi tôi tìm cách sờ đến nó thì nó không chịu để cho tôi sờ, nàng bèn đánh nó. Những nỗi đau khổ của tôi tăng lên cực điểm khi tôi thấy nàng đánh yêu lên cái mũi tẹt của nó để trừng phạt nó, trong khi nó nhắm tịt đôi mắt liếm bàn tay của nàng và cứ vẫn tiếp tục gặm gù như một cây đàn công-trơ-bát nhỏ. Cuối cùng nó im lặng (nó không thể làm khác được bởi vì Đơra đã đả cái cằm mồm mồm lên đầu nó). Chúng tôi đi dạo để thăm nhà ủ cây.

“Anh không thân với cô Moxtôn chứ?” Đơra hỏi “Đồ yêu” (Hai chữ này là dành cho con chó. Trời ơi! Ước gì những chữ ấy là dành cho tôi”).

“Không!” tôi đáp “không thân chút nào hết”.

“Bà ấy chán lắm” nàng nói, khẽ bĩu môi. “Em không

hiếu ba em có ý nghĩ gì khi chọn một con người khó chịu như thế để làm bạn với em. Em có cần ai che chở đâu? Em tin chắc rằng em không cần ai che chở. Jíp có thể che chở cho em hơn cô Mợxtôn nhiều... Có phải thế không? Jíp yêu quý?”

Con chó chỉ nheo một mắt có vẻ thờ ơ khi nàng hôn cái đầu của nó tròn như một quả bóng.

“Ba em bảo cô là bạn tâm sự của em, nhưng em nói thực với anh cô chẳng phải là bạn tâm sự gì hết... Có phải thế không Jíp? Chúng tôi không muốn tâm sự với những người dễ ghét như thế, cả Jíp và em đều không muốn. Chúng tôi muốn tâm sự với người nào chúng tôi thích và muốn tìm những người bạn của mình chẳng cần ai tìm họ... Có phải thế không Jíp?”

Jíp trả lời bằng một thứ tiếng nho nhỏ đặc chỉ nghe như tiếng nổi nước sôi đang reo lên. Còn đối với tôi, mỗi lời nói của nàng là một giây xích mới trối lên trên giây xích cũ.

“Thực là buồn, bởi vì em không có bà mẹ đáng yêu nên cứ phải thay thế bằng một cô gái già ủ dột và cau có ở đâu cũng đi theo... Có phải thế không Jíp? Jíp đừng sợ, chúng ta sẽ không thân với bà ấy và chúng ta sẽ thu xếp để sống hết sức sung sướng không cần đến bà ấy, rồi chúng ta sẽ trêu bà ấy, sẽ làm cho bà ấy khó chịu... Có phải thế không Jíp?”

Nếu như lời nói như thế cứ tiếp tục, tôi sợ rằng tôi sẽ phải quỳ xuống dưới chân nàng trên lớp sỏi (và có rất nhiều hy vọng bị lột da và bị đuổi ra khỏi nhà ngay). Nhưng may sao cái nhà ủ cây không ở xa đấy và khi nàng

nói đến đây thì chúng tôi đã tới đó.

Nhà ủ cây có cả một loạt hoa hương diệp rất đẹp. Chúng tôi dừng lại để ngắm bông này bông nọ, và tôi cũng dừng lại để ngắm những bông ấy. Đờa cười khanh khách, giơ con chó lên với dáng điệu trẻ con để cho nó ngửi những bông hoa, và nếu như cả ba chúng tôi không ở trong cõi thần tiên thì ít nhất cũng có một người là tôi. Ngay lúc này, mùi lá hương diệp vẫn làm tôi ngạc nhiên. Nửa buồn cười, nửa đứng đắn, tôi nghĩ đến sự đổi thay đột ngột đã xảy đến với tôi, thế là tôi thấy lại một chiếc mũ rom với những dải xanh lam, những làn tóc quăn và con chó nhỏ và đen được đôi cánh tay mảnh dẻ của nàng dơ lên về phía vô số những bông hoa và những ngọn lá xanh ròn.

Cô Mécxtôn đã tắt tả đi tìm chúng tôi. Cô bắt gặp chúng tôi ở đây và giơ cái gò má dề ghét, đẩy những nếp nhăm, bực phẫn xúc tức cho Đờa hôn. Sau đó cô khoác tay Đờa, đoạn kéo chúng tôi đến phòng ăn một cách long trọng, như kéo chúng tôi đi theo một đám ma nhà binh.

Tôi không nhớ đã uống bao nhiêu tách nước trà chỉ vì Đờa đã pha. Nhưng tôi nhớ định ninh rằng đã say sưa nốc nhiều trà đến nỗi tất cả hệ thần kinh “nếu như lúc bấy giờ tôi có hệ thần kinh” đều hoàn toàn tê liệt. Lát sau, chúng tôi đi nhà thờ. Mécxtôn ngồi trên chiếc ghế dài giữa Đờa và tôi. Nhưng tôi vừa nghe Đờa hát là tất cả các con chiên đều biến mất có một bài giảng đạo “có nhiên là về Đờa và dĩ nhiên tôi ngại rằng trong tất cả buổi lễ hôm ấy tôi chỉ nhờ có thế”.

Ngày trôi qua êm ả. Không có khách. Một cuộc đi dạo chơi, một bữa cơm tối ở gia đình với bốn người ăn và

một buổi tối trong đó tôi cùng Đôra xem những quyển sách và những bức tranh (cô Mócxtôn tay cầm một quyển sách giảng đạo và cặp mắt mở to đang tích cực canh phòng). Ôi! tối hôm ấy, trong bữa ăn, khi ông Xpenlô ngồi trước mặt tôi, trên đùi phủ chiếc khăn tay, ông khó lòng đoán được trong trí tưởng tượng của tôi, với tư cách chàng rể, tôi đang hôn ông tha thiết như thế nào, ông cũng chẳng thể nào ngờ rằng chính ông vừa tỏ ý tán thành cho phép tôi hứa hôn với Đôra và tôi cầu thượng đế ban cho ông mọi điều hành phúc!

Sáng hôm sau chúng tôi ra đi từ sáng sớm, vì chúng tôi phải đến toà án bộ Hải quân xét về việc thưởng cho những người cứu được một chiếc tàu bị đắm. Đây là một vụ đòi hỏi những hiểu biết chính xác về tất cả khoa hàng hải. Vì người ta không thể hy vọng rằng ở Pháp viện chúng tôi biết nhiều chuyện như thế, nên quan chánh án đã yêu cầu hai người thành thạo ở Hội Hải vụ, vì lòng nhân đạo, đến đây giúp chúng tôi. Tuy vậy, từ sáng sớm Đôra đã xuất hiện ở bàn ăn điểm tâm để pha trà lần nữa và tôi bước lên xe băng khuâng mong nhớ cất mũ chào nàng trong lúc nàng bế Jíp trên tay đứng trước ngưỡng cửa.

Ngày hôm ấy tôi không chú ý gì đến bộ hải quân và trong khi nắn nghe, vụ án đối với tôi càng ngày càng trở lên ngớ ngẩn; tôi thấy chữ “Đô ra được chạm vào tiếng mái chèo bằng bạc mà người ta đặt lên bàn mà tượng trưng cho quyền xét xử cao cả kia và khi ông Xpenlô trở về nhà không có tôi cùng đi (tôi có một niềm hy vọng điên cuồng rằng ông sẽ mang tôi đi theo), tôi có cảm tưởng rằng tôi cũng là thủy thủ, nhưng chiếc tàu của tôi đã giương buồm

ra khơi, vớt tôi lại trên một hòn đảo hoang vu. Nếu như cái toà án cũ kỹ và ngái ngủ kia có thể thức dậy và bộc lộ dưới một hình thức cụ thể như những điều mơ mộng ban ngày của tôi về Đôra thì nó sẽ nói lên thực sự của tôi.

Tôi không muốn nói đến những giấc mơ của tôi riêng hôm đó, mà của tất cả mọi ngày, hết tuần này sang tuần khác, hết quý này sang quý khác. Tôi đến Pháp viện không phải để nghe những điều xảy ra, mà để nghĩ đến Đôra. Nếu lúc nào đấy tôi nghĩ đến công việc trong khi công việc kéo dài lê thê, nhọc mệt trước mặt tôi không bao giờ chấm dứt - thì đó là để ngạc nhiên về những trường hợp kết hôn (trong khi nghĩ đến Đôra) tại sao người ta lấy nhau đôi khi lại có thể không có hạnh phúc; và khi người ta xử về những vụ di chúc, tôi lại nghĩ đến những việc đầu tiên mà tôi sẽ phải thực hiện ngay về vấn đề Đôra, nếu như số tiền này được trao cho tôi. Trong tuần đầu tiên tôi say mê Đôra, tôi mua bốn chiếc gi-lê sang trọng (không phải vì tôi... vì nó không làm cho tôi hãnh diện chút nào mà vì Đôra). Tôi bắt đầu đeo găng da dê màu nhạt đi ngoài đường, cuối cùng tôi làm cho đôi bàn chân mọc đầy những chai cứng. Nếu người ta so sánh số của những chiếc giày tôi mang lúc ấy giờ với hình dáng tự nhiên của bàn chân tôi, người ta sẽ thấy rõ ràng tâm trạng tôi đau khổ như thế nào.

Tuy vậy, mặc dầu tôi đã làm cho chân bị khắp khiễng để tỏ lòng tôn kính với Đôra, tôi cũng vẫn quốc bộ mỗi ngày hàng dặm để hy vọng bắt gặt năng. Chẳng bao lâu không những trên đường Noócut ai cũng biết tôi chẳng kém gì những người đưa thư đi trên đường, mà họ còn thấy

tôi xuất hiện ở khắp Luân đôn. Tôi thơ thẩn ở các phố, ở đây có những cửa hiệu đẹp nhất bán hàng cho phụ nữ, tôi đến cửa hàng tạp hóa như một con quỳ đau khổ, tôi cứ đi đi lại lại qua công viên mặc dầu đã kiệt sức từ lâu. Đôi khi trong những trường hợp hãn hữu, cách nhau rất lâu, tôi bắt gặp Đơra. Có lúc tôi gặp nàng rồi cùng nàng và cô Mocxtôn đi một đoạn đường ngắn và nói chuyện với nàng. Trong trường hợp này, sau đó bao giờ tôi cũng hết sức khổ sở khi nghĩ rằng mình chưa nói được điều gì có thể có ích cho mình, hay nghĩ rằng nàng không biết gì đến mối tình tha thiết của tôi đối với nàng, hay này không để ý gì đến tôi. Có thể nói tôi cứ luôn luôn chờ đợi ông Xpenlô sẽ mời tôi đến nhà một lần nữa. Và tôi cứ luôn luôn thất vọng vì không được mời.

Bà Cróp chắc hẳn là người sâu sắc lắm bởi vì khi mối tình này chỉ mới chớm nở được vài tuần và tôi vẫn chưa có đủ can đảm để viết thư rõ ràng ngay cả cho Acnét, tôi chỉ nói với nàng rằng tôi đến nhà ông Xpenlô. "Trong gia đình ấy - tôi nói thêm - chỉ có một cô con gái", thì ngay từ giai đoạn đầu ấy, bà đã tìm ra sự thực! Một buổi chiều, bà đến tìm tôi trong khi tâm hồn tôi rất buồn - để nhờ tôi làm ơn cho bà (vì hôm ấy bà mắc cái bệnh mà tôi vừa nói) một ít rượu ngâm tiểu đậu khấu trộn lẫn với đại hoàng, nhỏ thêm bảy giọt nước đinh hương làm thành thứ thuốc tốt nhất. Rượu mạnh đối với bà tuy không hợp khẩu vị bằng, nhưng vì không có thứ thuốc kia nên đó là thứ thuốc thích hợp nhất. Nhưng vì tôi chưa hề bao giờ nghe nói đến thứ thuốc thứ nhất và trong phòng tôi bao giờ cũng có thứ thuốc thứ hai, cho nên tôi cho bà một cốc rượu mạnh và bà Cróp

uống ngay trước mặt tôi (để tôi khỏi nghi bà và đã dùng nó vào một việc gì không thích hợp). Bà nói:

“Anh ơi! Can đảm lên! Tôi không thể nào đành tâm nhìn anh ở trong tình trạng như thế. Tôi cũng là mẹ”.

Tôi không hiểu nhận xét này áp dụng vào trường hợp tôi như thế nào, nhưng tôi cố gắng mỉm cười hết sức dịu dàng với bà. Bà nói tiếp.

“Này anh, tôi xin lỗi anh. Tôi biết đó là việc gì rồi. Thế nào cũng có một cô nào đấy thôi”.

“Bà Cróp!” Tôi nói to, mặt đỏ bừng.

“Lạy chúa! Xin anh đừng nản chí” bà Cróp gật gật đầu tỏ vẻ khuyến khích “Anh đừng thất vọng. Nếu cô ta không thích anh thì có nhiều người khác sẽ thích. Anh là chàng thanh niên sinh ra để được đàn bà cười tình, anh Copophin ạ, và anh phải biết giá trị của anh chứ!”

Bà Cróp bao giờ cũng gọi tôi là anh Copophun (thứ nhất, chắc hẳn vì đó không phải tên tôi, và thứ hai như tôi có xu hướng nghĩ như vậy, bởi vì nó làm cho bà mang máng nghĩ đến một ngày giặt giũ gì đấy⁽¹⁾)

“Điều gì khiến cho bà nghĩ rằng có một cô gái trong câu chuyện này, bà Cróp?” tôi hỏi.

“Anh Copophun ạ” bà Cróp giọng nói cảm động “tôi cũng là một bà mẹ chứ!”

Trong vài phút, bà Cróp đặt bàn tay lên cái ngực phủ lụa Thượng hải và trấn tĩnh mình để chống lại nỗi đau đớn có thể trở lại trong khi nhấp thứ thuốc của bà. Cuối cùng, bà nói:

⁽¹⁾ Chơi chữ: Copper —full là một thùng giặt đầy

“Khi căn nhà này được cô yêu quý của anh thuê cho anh, anh Copophun ạ, tôi nghĩ rằng bây giờ tôi đã gặp một người mà tôi có thể yêu... Anh không chịu ăn, anh ạ, anh cũng không chịu uống nữa”.

“Có phải bà đoán thế vì căn cứ vào đây không bà Cróp?” tôi hỏi.

“Anh ạ” bà đáp, giọng nói gần như nghiêm nghị “tôi đã giặt áo quần cho nhiều người trẻ tuổi, ngoài anh. Một chàng thanh niên có thể săn sóc quá đáng đến thân hình mình và cũng có khi thờ ơ quá đáng đối với nó. Có những lúc anh ta chải tóc quá mượt cũng có những lúc anh ta để nó rối tung như tổ quạ. Có những lúc anh ta đi giày quá rộng, nhưng cũng có lúc lại đi giày quá chật. Tất cả tùy theo tính cách và bản tính của chàng thanh niên! Nhưng mỗi lần anh ta chạy theo một thái cực này hay một thái cực khác thì, thưa anh, bao giờ cũng có một cô gái là nguyên nhân của điều ấy”

Bà Cróp lắc đầu có vẻ kiên quyết đến nỗi tôi không có cách nào cãi lại.

“Đấy, cái ông chết ở đây trước anh” bà Cróp nói “Ông ta yêu một người phục vụ ở tiệm rượu, ông ta mặc gi-lê chật lại tuy ông đã bị me men làm cho người trưởng lên”.

“Bà Cróp, tôi xin bà đừng có so sánh người con gái trong trường hợp của tôi với một cô phục vụ ở tiệm rượu hay bất kỳ cô nào thuộc loại như vậy”.

“Anh Copophun ạ” bà Cróp nói “tôi cũng là mẹ chứ! Anh không phải lo ngại gì hết. Nếu tôi làm phiền anh thì tôi xin lỗi. Tôi không muốn làm phiền người ta khi người

ta không thích. Nhưng anh là một chàng thanh niên, anh Copophun ạ, và tôi muốn khuyên anh một điều như sau: Anh hãy can đảm lên, đừng có thất vọng, phải hiểu giá trị của mình... Nếu anh muốn anh hãy thử chú ý đến việc gì khác, đến việc chơi “cầu trụ” chẳng hạn, trò chơi này tốt cho sức khoẻ và anh sẽ thấy có lẽ nó làm cho anh thay đổi ý kiến và nó tốt cho anh”.

Nói đoạn, bà Cróp làm ra vẻ không chú ý đến rượu mạnh - rượu mạnh đã hết nhãn - cúi mình chào tôi một cách bệ vệ và rút lui. Khi bóng bà biến mất trong bóng tối của phòng áo, tôi có cảm tưởng rằng lời khuyên kia quả là một điều tự do quá trớn. Nhưng đồng thời tôi bằng lòng tiếp nhận lời khuyên, vì về một mặt khác đó là một điều báo trước mà tôi phải để ý để từ nay giữ bí mật của mình cẩn thận hơn.

Chương XXVII

TOMMI TRATĐƠN

Có lẽ vì những lời khuyên của bà Cróp hay chỉ vì lý do đơn giản là giữa chữ Skitton⁽¹⁾ và Trátđơn có một sự liên quan nào đấy về âm thanh nên ngày hôm sau tôi nảy ra ý nghĩ đi tìm Trátđơn. Thời hạn cậu ta định đã qua từ lâu. Cậu ở một phố nhỏ gần trường Thú - y ở Camden Taonơ. Dân tron ở đấy phần lớn là sinh viên (một viên chức của chúng tôi cũng ở khu phố nhỏ ấy đã bảo tôi thế), họ mua lừa sống để đem những con vật bốn chân này về thí nghiệm ở trong phòng riêng của mình. Tôi hỏi anh đường đến trường rồi tôi ra đi ngay lúc xế chiều để thăm ông bạn cũ.

Tôi nhận thấy đường phố này không đáng yêu như tôi có thể trông đợi, vì tôi yêu quý Trátđơn. Nhân dân hình như có thói vứt ra đường những vật không cần thiết, kết quả không những làm cho đường phố hôi tanh bùn lầy mà còn bẩn thỉu vì đầy những lá su hào. Rác rưởi không phải

⁽¹⁾ Skittles "cầu trượt" đọc gần giống Traddles.

hoàn toàn thuộc về giới thực vật, vì trong khi tìm số nhà Trátđơn, chính mắt tôi đã thấy một chiếc giấy, một cái xoong đã gãy gập, một cái mũ đen, và một cái ô, tất cả đều đã đạt đến những trình độ thối rữa khác nhau.

Quang cảnh chung của nơi này nhắc tôi nhớ một cách mãnh liệt đến những ngày tôi sống với ông bà Micôbơ. Ngôi nhà mà tôi tìm càng nổi bật về mặt này vì nó có cái vẻ lịch sự lỗi thời khó tả làm cho nó khác những ngôi nhà khác (mặc dầu tất cả những ngôi nhà này đều xây theo một kiểu chung đơn điệu và giống như những bản sao đầu tiên của một đứa trẻ đang học vẽ những cái gậy vung vè - làm bằng gạch và vôi vữa, và điều này làm tôi nhớ đến ông bà Micôbơ). Tôi đến cửa cùng một lúc với người bán sữa địa phương hàng buổi chiều, và một lần nữa, điều đó lại nhắc tôi nhớ đến ông bà Micôbơ hơn bao giờ hết.

“Thế nào” người bán sữa hỏi một chị đầy tớ gái rất trẻ “có tin tức gì về giấy đòi tiền của tôi không?”

“Thì ông chủ đã bảo sẽ thu xếp ngay thôi mà” có tiếng trả lời.

“Bởi vì...” người bán sữa vẫn tiếp tục câu nói của mình như không nghe trả lời, và nghe giọng nói của anh, người ta đoán rằng anh đang giáo dục một người nào trong nhà chứ không phải giáo dục cô đầy tớ trẻ (ấn tượng này còn được xác nhận bởi những cái nhìn hung dữ của anh về phía cuối hành lang) “Bởi vì tờ giấy đòi tiền này đã gửi đến từ lâu lắm nên tôi bắt đầu nghĩ rằng người ta đã đánh mất nó rồi, và tôi sẽ không bao giờ nghe nói đến nó nữa. Nhưng tôi không chịu thế đâu, chị biết không? “Người bán sữa nói, vẫn tiếp tục bắt những tiếng nói của mình vào

trong nhà và ném những cái tin tức tồi về phía cuối hành lang.

Nhân tiện, tôi cũng nói thêm - thực chưa bao giờ có điều kỳ quặc hơn khi người ta thấy anh ta bán một thứ hàng hiền lành như sữa, nhưng cử chỉ là anh ta thì lại có vẻ hung tợn như thể anh ta là một anh hàng thịt hay hàng rượu.

Giọng nói của chị đầy tớ trẻ tuổi yếu đi nhưng nhìn đôi môi chị mấp máy tôi có cảm tưởng chị thì thầm rằng người ta sẽ lo đến việc ấy ngay lập tức.

“Tôi muốn nói với chị một điều” anh bán sữa nói, đưa mắt nhìn chằm chặp vào mặt chị và giờ tay nắm lấy cầm chị “chị có thích sữa không nào?”

“Có, thích chứ” chị đáp

“Tốt lắm” anh hàng sữa nói “thế thì ngày mai chị sẽ không có sữa đâu! Chị đã nghe chưa? Ngày mai chị sẽ không có một giọt sữa nào hết!”.

Tôi có cảm tưởng là nhìn chung chị lại có vẻ yên tâm kia đấy, vì nghĩ rằng hôm nay vẫn còn có sữa! Anh hàng sữa nhìn chị, gật đầu một cách dễ sợ, đoan bụng cầm chị ra và, với dáng điệu miễn cưỡng nhất, rót số lượng sữa hàng ngày vào cái bình của gia đình. Làm xong, anh ta đi ra, miệng cầu nhàu và kêu lên tiếng kêu nghề nghiệp của anh ở cái bên cạnh với một giọng the thé hần học.

“Ông Trátđon có ở đây không?” tôi bèn hỏi.

Một giọng nói bí mật đáp lại “Có!” và người đầy tớ lại lặp lại. Nghe vậy tôi bước vào nhà, và theo đúng chỉ dẫn của chị, tôi bước lên cầu thang. Khi đi qua cánh cửa phòng khách nhỏ nhìn ra sân, tôi có cảm ưởng đang bị theo

dôi bởi một con mắt bí mật có lẽ cũng của con người đã nói tiếng nói bí mật kia.

Khi tôi lên đến đầu thang gác (ngôi nhà chỉ có hai tầng) Trátđơn đứng ở trên đầu cầu thang đón tôi. Cậu hoan khi thấy tôi và hết sức niềm nở mời tôi vào căn phòng nhỏ bé của cậu. Phòng này nhìn ra đường và hết sức gọn gàng, mặc dầu đồ đạc rất sơ sài. Đó là căn phòng duy nhất của cậu, theo như tôi thấy, bởi vì ở đây có một cái giường đồng thời là di-văng, và tôi nhận thấy những cái bàn chải đánh giày lẫn lộn giữa những quyển sách với hộp xi đánh giày (ở ngăn trên, sau một quyển từ điển). Trên bàn đầy những giấy tờ và cậu đang làm việc hăng say, mình mặc một cái áo cũ. Tôi không có cảm tưởng đã nhìn thấy tất cả, ngay cả ngôi nhà thờ vẽ trên bình mực bằng sứ (năng khiếu này của tôi đã phát triển trong thời gian sống với ông bà Micôbơ) Tôi chú ý đặc biệt đến cách thu xếp rất khéo léo của cậu để che cái tủ và để đặt những đôi giày, cái gương cạo râu...v.v.v... bởi vì chúng làm tôi nhớ đến cũng cái anh chàng Trátđơn ngày xưa đã làm những hang voi bằng giấy để nhốt ruồi và sau khi bị đối xử tàn tệ, đã tự an ủi bằng những công trình nghệ thuật đáng nghi nhớ mà tôi đã nhiều lần nhắc đến.

Trong góc phòng có một vật gì được phủ cẩn thận dưới một tấm vải trắng to tướng. Tôi không hiểu đó là cái gì.

“Trátđơn” tôi nói, bắt tay cậu lần thứ hai “được gặp cậu, mình mừng quá!”.

“Mình cũng rất mừng được gặp cậu, Copophin ạ. Quả thực mình rất mừng. Vì mình rất sung sướng được gặp

cậu khi chúng mình đã gặp nhau ở Eli Plâyxo và mình tin chắc rằng cậu cũng vui sướng khi gặp mình nên mình đã cho cậu biết địa chỉ này chứ không phải địa chỉ nơi mình làm việc”.

“Ồ!” tôi nói “Cậu có phòng làm việc kia à?”

“Có chứ, mình có một phần tư phòng và một hành lang với một phần tư anh nhân viên” Trátđơn đáp “Ba bạn khác và mình đã chung nhau thuê một cái phòng làm việc (điều đó làm cho chúng mình ra vẻ dân kinh doanh tợn) và chúng mình cũng chia anh nhân viên làm bốn. Mỗi tuần mình phải trả nửa crao-nơ”.

Nhìn cậu cười trong khi giải thích, tôi có cảm tưởng như gặp lại cái tâm hồn mộc mạc và thái độ vui vẻ cũng như thấy một phần cái thời bất hạnh của cậu ngày xưa, và tất cả đều đang cười với tôi.

“Không phải mình hãnh diện gì đâu, Copophin ạ cậu biết không” Trátđơn nói “khi nói chung, mình cho người ta biết địa chỉ này. Đó là vì có những người đến thăm mình nhưng có thể không thích đến đây. Còn về phần mình, mình đang vật lộn với bao khó khăn trên bước đường đời cho nên nếu mình làm ra vẻ khác thì sẽ thành lối bịch ngay”

“Có phải cậu học luật không, ông Oatơbrúc bảo mình thế” tôi hỏi.

“Phải đấy” Trátđơn nói, xoa hai tay vào nhau một cách chậm chạp “mình đang học luật. Thực ra thì mình vừa mới ghi tên sau một thời gian trì hoãn khá lâu. Mình làm xong thời kỳ tập sự đã lâu nhưng việc trả số tiền một trăm bảng theo giấy giao kèo đòi hỏi là một vố quá đau. Một vố

quá đau!” Trátđơn nhắc lại, mặt nhăn nhó như người ta vừa nhổ mất một cái răng của cậu.

“Cậu có biết khi mình nhìn cậu trong lúc này mình không thể nào không nghĩ điều gì không?” tôi hỏi

“Không” cậu nói.

“Bộ quần áo xanh da trời mà trước kia cậu vẫn mặc ấy mà!”

“Lay chúa, ừ nhỉ!” Trátđơn phá lên cười. “Hơi chật ở ống tay và ở chân, cậu còn nhớ chứ? Trời ơi! Thời buổi ấy sung sướng quá, cậu nhí?”

“Mình nghĩ rằng lão hiệu trưởng trường chúng mình có thể làm cho thời buổi ấy sung sướng hơn mà vẫn không lại hại đến đứa nào trong bọn chúng mình, mình thú thật như thế” tôi đáp.

“Có thể lắm” Trátđơn nói “Nhưng trời ơi! Chúng mình vẫn chơi đùa nhiều đấy chứ! Cậu có nhớ những buổi tối ở phòng ngủ sau khi ăn tối xong, cậu kể chuyện cho chúng mình nghe không? Ha! ha! ha... Cậu còn nhớ cái ngày mình bị đòn vì khóc thương ông Men không? Cái lão Críchcon kia! Mình muốn gặp lại lão lắm”.

“Lão đối xử với cậu như một con vật!” tôi nói, giọng phẫn nộ, vì thái độ vui vẻ của cậu làm tôi tưởng chừng thấy cậu vừa bị đánh hôm qua.

“Cậu nghĩ thế à?” Trátđơn nói “Thật không? Có lẽ cậu nói đúng đấy. Nhưng tất cả chuyện đó đã qua rồi, đã qua lâu lắm rồi. Ôi chào! Cái lão Críchđơn!”

“Lúc bấy giờ cậu vẫn được ông chủ nuôi đấy chứ?” tôi hỏi.

“Cố nhiên” Trátđơn nói “Mình bao giờ cũng định

viết thư cho ông nhưng không bao giờ viết được. Thế nào? Ha! ha! ha!... Phải đấy, lúc bấy giờ mình có một ông chú, nhưng mình ra khỏi trường được ít lâu thì ông chú mất”.

“Thế ư?”

“Phải! Có một ông (gọi là gì nhỉ) một ông bán quần áo cũ, một ông bán vải đã thôi bán hàng, nhận mình làm người thừa kế. Nhưng khi mình lớn lên, thì ông không khoái mình nữa”.

Cậu có vẻ thân nhiên đến nỗi tôi tưởng cậu nói tới một việc gì khác. Tôi hỏi:

“Cậu muốn nói ông không yêu cậu nữa à?”

“Ừ! đúng thế, Copophin ạ! Mình muốn nói thế đấy” Trátđơn nói “Rõ đáng tiếc, nhưng ông không khoái mình chút nào. Ông bảo rằng mình hoàn toàn không như ông muốn. Thế rồi ông lấy cô đây tớ gái”.

“Còn cậu, cậu làm gì?”

“Mình chẳng làm gì đặc biệt hết” Trátđơn nói “mình sống với họ, chờ đến lúc bị vứt ra ngoài trường đời, cho đến lúc không may bệnh thống phong của ông lên đến dạ dày... Thế là ông chết và bà vợ lấy một anh chàng trẻ tuổi. Còn mình thì tứ cố vô thân”.

“Tóm lại, họ không để lại gì cho cậu cả à, Trátđơn?”

“Có chứ!” Trátđơn nói “Mình được năm mươi bảy nhưng mình không được dạy dỗ để làm nghề nghiệp gì hết và lúc đầu mình bối rối không biết nên làm gì. Cuối cùng mình bắt đầu nhờ sự giúp đỡ của người con một ông trạng sư trước đây cũng học ở Xalem học hiệu, tên là Yaolơ, cái cậu mũ lệch ấy mà! Cậu có nhớ không?”

“Không! Hắn không ở trường khi mình ở đấy. Khi

mình ở đây, mũi nào cũng thẳng!”

“Điều đó chẳng có gì quan trọng” Trátđơn nói. “Nhờ sự giúp đỡ của cậu ta, mình bắt đầu bằng cách sao chép các văn kiện về luật. Việc đó không kiếm được tiền. Sau đó mình bắt đầu lập hồ sơ cho họ, viết những bản tóm tắt và làm những việc đại loại như thế. Bởi vì mình rất gạo, Copophin ạ, và mình đã được học cách làm những thứ của nợ ấy rất chu đáo. Thế rồi điều đó làm cho mình nảy ra ý nghĩ ghi tên làm sinh viên luật. Và thế là tất cả số tiền còn lại về cái khoản năm mươi bảng đều mất tuốt. Nhưng Yaolơ đã giới thiệu mình với một hay hai phòng giấy (đặc biệt giới thiệu với ông Oatobruc) và mình cũng có khối việc. Ngoài ra, mình lại được dịp may làm quen với một ông làm việc xuất bản, ông đang lo xuất bản một bộ tự điển bách khoa, và giao công việc cho mình. Thế là (cậu ta liếc mắt nhìn lên bàn) trong giờ phút này mình đang làm cho ông ta. Trong cái nghề sưu tầm” Trátđơn nói, vẫn giữ cái vẻ tự tin vui vẻ về tất cả những điều cậu nói “mình không đến nỗi tồi, nhưng mình không có chàng thanh niên nào lại kém óc sáng tạo như mình”.

Trátđơn hình như chờ đợi sự tán thành của tôi như một điều dĩ nhiên, tôi gật đầu tán thành và cậu nói tiếp cũng với cái vẻ kiên nhẫn hóm hỉnh (tôi không biết có thể gọi thế nào cho đúng hơn) như ngày xưa.

“Thế là, dần dần bằng cách sống khiêm tốn, mình đã ky cóp được một trăm bảng” Trátđơn nói “và nhờ trời mình đã được số tiền ấy... Nhưng điều đó quả thật...” Trátđơn nhăn mặt một cái như người ta vừa nhổ cái răng thứ hai của cậu “đó là một vết rất đau. Mình vẫn sống và tiếp tục

sống bằng cái nghề mình vừa nói với cậu, mình hy vọng một ngày kia mình sẽ bắt liên lạc được với một tờ báo, và điều đó đối với mình sẽ gần như là phát tài đấy. Và bây giờ, Copophin ạ, cậu vẫn giống hệt như ngày xưa, với gương mặt xinh xắn và rất mừng rỡ được gặp cậu cho nên mình sẽ không giấu giếm cậu điều gì hết. Cậu phải biết, mình đã hứa hôn”.

“Đã hứa hôn! Trời ơi! Đờa!”

“Cô là con một mục sư” Trátđơn nói “gia đình có mười người con... ở Đêvonơ. Phải đấy!” (Vì cậu thấy tôi vô tình liếc mắt nhìn ảnh ở trên bình mực) “đúng là ngôi nhà thờ ấy đấy! Cậu đến chỗ này rồi rẽ quặt về bên trái, đi qua cái cổng nhỏ này” (cậu lấy ngón tay vạch đường đi ở trên bình mực) “và đúng vào nơi mình đặt ngòai bút là nhà cô ấy đấy. Cậu biết không? Đối diện với nhà thờ”

Về vui sướng của cậu khi nhắc đến những chi tiết này lúc ấy không làm tôi chú ý, vì ngay lúc ấy những ý nghĩ ích kỷ của tôi đang lo vạch cho tôi bản đồ của ngôi nhà và khu vườn của ông Xpenlô.

“Cô dễ thương lắm” Trátđơn nói “Cô nhiều tuổi hơn mình một chút nhưng dễ thương vô cùng. Mình đã bảo cậu rằng mình rời khỏi Luân đôn rồi chứ? Mình đến đây. Mình đi chân đến đấy rồi cuốc bộ về và mình đã sống ở đấy những giây phút thực tuyệt trần. Mình nghĩ rằng thời hứa hôn của chúng mình có lẽ sẽ khá dài, nhưng khẩu hiệu của chúng mình là “Chờ đợi và hy vọng” và bao giờ cũng nhắc nhau như vậy. Và đối với mình, Copophin ạ, cô ấy sẽ chờ đợi cho đến khi sáu mươi tuổi, đến bất kỳ tuổi nào có thể tưởng tượng được”.

Trátđơn rời khỏi ghế, nở một nụ cười đắc thắng và đặt bàn tay lên tấm vải trắng mà tôi đã quan sát.

“Tuy nhiên” cậu nói “điều đó không có nghĩa là chúng mình không bắt đầu lo đến việc gia đình. Hoàn toàn không! Chúng mình đã bắt đầu rồi đấy. Chúng mình phải tiến dân, nhưng chúng mình đã bắt đầu rồi. Đây này (cậu nói, cất tấm vải một cách kiêu hãnh và thận trọng) đây là hai đồ dùng đầu tiên. Cái bình hoa và cái giá của nó là do cô ấy mua đấy. Cậu hãy đặt nó trước cửa sổ của phòng khách” Trátđơn nói, bước lùi một bước để ngắm dễ dàng hơn “với một cái cây ở trong chậu, và thế là chu! Còn cái bàn tròn có mặt bàn bằng cẩm thạch (chu vi của nó là bảy mươi phân) là do mình mua. Cậu cần đặt một quyển sách chẳng hạn, hay một người nào đó đến thăm cậu, thăm vợ cậu, cần một chỗ để đặt tách trà và... thế là chu. Đây là một công trình đáng phục, vững như tảng đá!”

Tôi ra sức ca ngợi những vật này và Trátđơn nói “nhưng dầu sao cũng có. Điều làm mình ngại nhất là những khăn trải bàn, những mặt gối, Copophin ạ. Lại còn những thìa, nĩa, dao, những hộp đựng nến, những cái xiên nướng thịt và tất cả trăm thứ bà già khác, bởi vì những vật này rất đắt mà lại cần phải có nhiều. Nhưng dầu sao “hãy chờ đợi và hy vọng”. Và mình cam đoan với cậu rằng cô ta sẽ thương vô cùng”

“Mình cũng tin chắc như vậy” tôi nói.

“Trong khi chờ đợi” Trátđơn nói, lại ngồi xuống ghế “mình sẽ chấm dứt bài diễn văn dài dòng nói về mình. Mình cố gắng thu xếp. Mình không kiếm được nhiều, nhưng mình cũng không tiêu nhiều. Nói chung mình ăn

với những người ở tầng dưới. Họ là những người rất dễ thương. Ông bà Micôbơ rất từng trải và là những người bạn rất quý”.

“Câu Trátđơn” tôi vội thốt lên ‘cậu bảo mình gì thế?’

Trátđơn nhìn tôi, có lẽ ngạc nhiên về điều tôi hỏi.

“Ông bà Micôbơ à?” tôi nhắc lại “Mình thân với họ lắm”.

Hai tiếng gõ cửa đúng lúc đột nhiên vang lên, hai tiếng mà tôi quen biết vì trước kia đã nghe ở quảng trường Uynxo và đích là ông Micôbơ chứ không còn ai nữa đã gõ vào cánh cửa này, và hai tiếng gõ cửa này đã xua tan tất cả mọi ngờ vực trong đầu óc tôi về chỗ họ là ai: Thôi đúng là bạn cũ. Tôi bảo Trátđơn mời ông chủ nhà lên... Trátđơn làm theo lời tôi, nhô người ra khỏi tay vịn mà gọi, và ông Micôbơ vẫn không thay đổi chút nào, với cái quần chật ống, cái gậy, cái cổ cồn giả và cái kính ty hệt như xưa, bước vào phòng với cái vẻ lịch sự và trẻ trung.

“Xin lỗi ông Trátđơn” ông Micôbơ nói, cũng với hai tiếng ô ô trong giọng nói ngày xưa trong khi ngừng nghêu ngao khe khẽ “tôi không biết có người lại ở trong quý phủ”.

Ông Micôbơ khẽ nghiêng mình trước mặt tôi và kéo cái cổ cồn giả lên.

“Ông mạnh khỏe chứ, ông Micôbơ?” tôi hỏi.

“Thưa ông” ông Micôbơ nói “cảm ơn ông tôi vẫn như hiện trạng.”

“Thế còn bà Micôbơ?” tôi hỏi tiếp.

“Thưa ông, nhờ chúa, nhà tôi vẫn như hiện trạng”

“Thế còn các cháu, ông Micôbơ?”

“Thưa ông, tôi rất vui sướng được trả lời ông rằng

chúng vẫn được hưởng một sức khoẻ bình thường”.

Từ nãy đến giờ ông Micôbơ vẫn không nhận ra tôi mặc dầu đứng đối diện với tôi. Nhưng đến đây, thấy tôi cười, ông nhìn tôi chăm chú hơn, bước lùi một bước, cuối cùng thốt lên.

“Có thể thế ư? Tôi lại được sung sướng gặp lại Copophin ư?”

Và ông nắm chặt hai tay tôi, hết sức thiết tha trù mến.

“Trời ơi! Anh Trátđơn ơi!” ông Micôbơ nói “Tôi làm sao có thể nghĩ rằng anh là chỗ quen biết với ông bạn thời thanh niên của tôi, ông bạn của những ngày xưa cũ! Em ơi!” (ông ta gọi bà Micôbơ qua tay vịn câu thang trong khi Trátđơn có vẻ ngạc nhiên - điều đó cũng dễ hiểu thôi - khi thấy tôi được định nghĩa như vậy) “ở trong phòng anh Trátđơn có một người mà anh rất muốn giới thiệu với em, em ạ”.

Sau đó, ông Micôbơ lại xuất hiện ngay và lại nằm.

“Thế nào, ông bác sĩ - ông bạn quý của chúng ta có mạnh khoẻ không và tất cả những người ở Cantôbôri có mạnh khoẻ không?”

“Tôi chỉ nghe những tin lành về họ” tôi nói.

“Tôi sung sướng được nghe nói như vậy” ông Micôbơ nói “Chúng mình gặp nhau lần cuối ở Cantôbôri, ở dưới bóng (nếu tôi có thể dùng một hình ảnh bóng bẩy) của ngôi nhà thờ thiêng liêng mà Xôxơ⁽¹⁾ đã làm nó thành

⁽¹⁾ Xôxơ: một thi hào nổi tiếng bậc nhất của nước Anh vào thế kỷ 14 đã viết tập thơ “Những câu chuyện ở Cantôbôri” đó là tác phẩm thơ vĩ đại đầu tiên của văn học Anh.

bất tử và xưa kia là nơi hẹn hò của những khách hàng hương từ miền xa xôi nhất đến... Tóm lại ông kết luận “ngay ở cạnh nhà thờ”.

Tôi trả lời ông rằng quả thực đúng như vậy. Ông Micôbơ tiếp tục nói với cái vẻ thao thao bất tuyệt mà ông có thể nói, nhưng không phải không để lộ (tôi có cảm tưởng như vậy khi nhìn cái vẻ lúng túng trên khuôn mặt) rằng ông ta nhận thấy những tiếng động ở phòng bên (hình như bà Micôbơ đang rửa tay, đang vội vã mở và đóng những ngăn kéo đã xộc xệch).

“Anh thấy chúng tôi, anh Copophin ạ” ông Micôbơ nói với tôi, trong khi vẫn liếc mắt nhìn Trátđơn “bây giờ đã đến một bậc thang có thể nói tuy nhỏ nhưng cũng là một bậc thang, nhưng câu chuyện trên bước đường tôi đã gặp nhiều khó khăn và việc chiến thắng nhiều trở lực khoong phải là điều xa lạ với anh. Anh thường biết rằng trong đời tôi có những lúc tôi đã phải dừng lại, đợi những dịp may bất ngờ, có những lúc tôi phải bước lùi trước khi làm cái mà tôi gọi (không đến nổi táo bạo, chắc hẳn thế) là một bước nhảy về phía trước. Giây phút hiện nay đối với tôi là một trong những giai đoạn quyết định như vậy trong cuộc đời của một con người. Anh đã thấy tôi bước lùi về phía sau để nhảy một cái lên phía trước, và tôi có đủ lý do để hy vọng rằng một bước nhảy mạnh mẽ nay mai sẽ bù đắp lại cái bước thụt lùi trong chốc lát”.

Tôi đang biểu lộ nổi thích thú của mình, bỗng bà Micôbơ bước vào, ăn mặc hơi xộc xệch hơn trước (hay ít ra lúc này bà có vẻ như vậy) đối với đôi mắt lâu nay không quen nhìn bà, nhưng dấu sao cũng đã tô điểm một chút để

tiếp tôi và ty đeo đôi găng màu nâu.

“Em ơi!” ông Micôbơ bảo vợ và kéo vợ về phía tôi “Đây là chàng thanh niên Copôphin, muốn nối lại tình xưa với em”.

Lẽ ra, ông ta phải chuẩn bị một cách dịu dàng và dần dần để đi đến lời báo tin ấy mới phải vì bà Micôbơ vốn đã yếu sẵn. Nghe tin ấy, bà choáng váng cả người cho nên ông Micôbơ phải lật đật chạy xuống cầu thang, đến cái bàn đựng nước mưa ở sân sau, múc lên một thau nước và đắp nước vào trán vợ. Lát sau bà ta hồi tỉnh và rất sung sướng được gặp lại tôi. Tất cả bốn người chúng tôi nói chuyện trong nửa tiếng đồng hồ. Tôi hỏi họ những tin tức về hai đứa con sinh đôi, bà bảo tôi rằng chúng đã trở thành “người lớn” tôi hỏi về cậu Micôbơ và cô Micôbơ mà bà miêu tả như là những người “khổng lồ” nhưng hôm ấy hai nhân vật này không xuất hiện.

Ông Micôbơ rất băn khoăn muốn giữ tôi lại ăn cơm. Tôi sẵn sàng nhận lời nếu như tôi không có cảm tưởng mình nhìn thấy trong cặp mắt bà Micôbơ một nỗi lo ngại nào đấy và thấy bà nhăm tính về số lượng thịt nguội còn lại. Tôi bèn hẹn đến lúc khác vì nhận thấy bà Micôbơ như vừa trút được một gánh nặng, tôi chống lại mọi lời mời mọc. Nhưng tôi nói với Trátđơn và ông bà Micôbơ rằng tôi không nghĩ đến việc chia tay trước khi họ định ngày sẽ đến ăn cơm với tôi. Công việc của Trátđơn bắt cậu phải định một ngày hơi xa, nhưng cuối cùng chúng tôi đã tìm được ngày thích hợp cho tất cả, và tôi từ giã ra về.

Ông Micôbơ mượn cớ chỉ có tôi con đường về ngắn hơn con đường tôi đến, tiễn tôi ra tới góc phố. Ông muốn

nói vài lời đặc biệt đối với một ông bạn cố tri như tôi.

“Anh Copophin ạ” ông Micôbơ nói “tôi không cần phải nói với anh rằng trong hoàn cảnh hiện nay riêng việc có trong nhà một tâm hồn sáng ngời (nếu như tôi được phép dùng danh từ này) như anh bạn Trátđơn của anh, thực là một niềm an ủi không thể nói hết. Trong khi tôi có những người láng giềng gần nhất là một bà giặt quần áo, bán bánh kẹo nuga ở cửa sổ phòng khách của tôi, và một anh cảnh sát ở ngôi nhà đối diện, anh có thể tưởng tượng sự có mặt của anh Trátđơn đối với nhà tôi là một niềm an ủi như thế nào. Hiện nay, anh Copophin ạ, tôi đang làm đại ký bán bia. Việc này không kiếm được nhiều tiền, nói khác đi không kiếm được tiền... và những khó khăn tạm thời về mặt kinh tế là hậu quả của tình cảnh này. Nhưng tôi sung sướng nói thêm rằng hiện nay tôi vẫn có hy vọng sẽ có một việc gì xảy ra ít hôm nữa thôi (tôi không thể nào nói với anh nó xảy ra như thế nào) sẽ giúp tôi giải quyết hoàn toàn những nhu cầu của tôi cũng như những nhu cầu của anh bạn Trátđơn của anh mà tôi rất quan tâm đến. Có lẽ anh không ngạc nhiên khi biết sức khoẻ của nhà tôi làm cho người ta có thể nghĩ rằng bà ấy sẽ có thêm một yếu tố cộng thêm vào những biểu hiện của tình yêu... Tóm lại, có thêm một đứa con nữa! Những người trong họ hàng tôi đã có lòng tốt biểu hiện thái độ bất bình của họ trước tình trạng này. Tôi chỉ cần nói cho họ biết rằng tôi không thấy điều đó liên quan gì đến họ và tôi đã khinh bỉ gạt bỏ cái lối thương vay khóc mượn của họ.

Nói đoạn, ông Micôbơ bắt tay tôi lần cuối rồi chia tay.

Chương XXVIII

LỜI THÁCH THỨC CỦA ÔNG MICÔBÔ

Mãi cho đến ngày phải tiếp những ông bạn cũ tôi vừa gặp lại, chủ yếu tôi sống bằng Đờa và cà phê . Trong tình yêu tuyệt vọng, tôi càng ngày ăn càng không biết ngon, và tôi lấy làm sung sướng về điều đó bởi vì tôi có cảm tưởng rằng ăn ngon miệng như mọi ngày sẽ là một hành động phản bội đối với Đờa. Tôi đi bộ nhiều nhưng điều đó cũng không ảnh hưởng gì tốt bởi vì tâm trạng tuyệt vọng của tôi thaúng cả không khí trong lành. Vả lại, tôi tự hỏi, căn cứ vào kinh nghiệm sâu sắc tôi đã có trong giai đoạn này của cuộc đời, tôi ngờ vực về chỗ người ta có thể ăn ngon lành khi chân luôn luôn bị hành hạ đôi giày quá chật. Tôi nghĩ rằng đầu và chân phải thoải mái yên ổn thì dạ dày mới có thể hoạt động tích cực.

Trong bữa ăn nhỏ thân mật, tôi không lặp lại những trò chuẩn bị lu bù ngày trước. Tôi chỉ mua hai con cá măng, một giò cừu nhỏ và một khúc pa-tê bồ câu. Bà Cróp phạt ý phản đối khi lần đầu tiên tôi hỏi bà một cách xa xoi dè dặt xem bà có nấu được cá và thịt không. Bà trả lời với

cái vẻ lòng tự ái bị động chạm.

“Không! không! Ông không nên bảo tôi làm một việc như thế, bởi vì ông thừa hiểu tôi không thể làm điều gì một cách miễn cưỡng”.

Cuối cùng, chúng tôi đi đến một bản thỏa hiệp và bà Cróp đồng ý thực hiện kỳ công ấy và điều kiện tôi ăn ở khách sạn suốt hai tuần sau.

Nhân tiện đây tôi xin phép nói rằng bà Cróp bắt tôi phải chịu những hình phạt khủng khiếp do chế độ chuyên chế của bà đối với tôi. Tôi chưa bao giờ sợ ai đến thế. Bất kỳ cái gì cũng phải kết thúc bằng một sự thỏa hiệp. Nếu tôi ngần ngừ thì thế nào bà cũng bị cái bệnh kỳ quặc kia xưa nay vẫn phục kích trong hệ thần kinh của bà và sẵn sàng lao vào tấn công những cơ quan chủ yếu của bà khi có dấu hiệu đầu tiên. Nếu tôi rung chuông có vẻ nóng ruột, sau khi đã kéo đến năm sáu lần một cách kín đáo nhưng vô hiệu, và cuối cùng bà đến (điều này không có gì chắc) thì bà xuất hiện với cái vẻ trách móc, thờ hờn hển, ngồi sụp xuống một cái ghế cạnh cửa ra vào, đặt một bàn tay lên cái ngực mặc lụa Thượng hải và trở nên ồm ỹ đến nỗi tôi đành phải để bà đi cho rảnh bằng bất kỳ sự hy sinh nào, bằng rượu mạnh hay bằng một thứ nào khác. Nếu tôi than phiền về chỗ bà dọn giường cho tôi vào lúc năm giờ chiều (hiện nay tôi vẫn cho cách làm ấy là bất tiện) thì bà chỉ cần giơ bàn tay chỉ cái nơi che giấu nỗi cảm xúc bị va chạm được phủ bằng lụa Thượng hải là tôi bắt buộc phải áp dụng một câu xin lỗi. Tóm lại, tôi sẽ làm bất cứ điều gì; miễn là điều ấy không đến nỗi nhục nhã, để khỏi làm bà Cróp phật ý, và bà trở thành một mối đe dọa đối với đời tôi.

Tôi mua lại một cái bàn tròn quay được để dùng vừa bữa tiệc ấy chứ không thuê anh chàng trẻ tuổi nhanh nhẩu như trước vì tôi đã có một thành kiến không hay đối với anh ta, một sáng chủ nhật, tôi gặp anh ở Xtandơ, mặc cái áo gi-lê giống một cách kinh khủng cái áo gi-lê của tôi đã biết mất từ bữa ăn trước đây. Tôi vẫn thuê lại “chị con gái” nhưng ra lệnh cho chị ta chỉ được mang các đĩa thức ăn rồi rút lui đứng ở chân cầu thang, để khách khỏi nhận thấy rằng chị có thói khịt mũi và để cho chị không thể nào giẫm lên các đĩa khi rút lui.

Tôi đã chuẩn bị những thứ cần thiết để cho ông Micôbơ chế một cốc rượu ngũ vị, tôi đã mua một chai nước hoa, hai cây nến, một gói kim khâu có đủ kiểu và một gói nhỏ để cầm kim mà tôi đặt trên giá rửa mặt để cho bà Micôbơ chải tóc và sau khi thân hành trải khăn bàn, tôi ngồi điềm nhiên chờ đợi kết quả.

Đến giờ đã hẹn, ba người khách của tôi cùng đến. Ông Micôbơ mang một cái cổ giả còn cao hơn mọi ngày và buộc một dải lụa mới ở cái kính tay, bà Micôbơ với một cái mũ phủ giấy bọc hàng màu trắng và Trátđơn một tay cầm mũ một tay khoác tay bà Micôbơ. Cả ba người tỏ vẻ sung sướng về căn phòng của tôi. Khi tôi dẫn bà Micôbơ vào ngắm. Ông Micôbơ nói:

“Anh Copophin ạ! Thế này là sang lắm! Lối sống này nhắc tôi nhớ đến thời tôi chưa có vợ và vẫn chưa cầu khẩn bà Micôbơ thể trước bàn thờ của hôn lễ”.

“Anh ấy muốn nói rằng anh ấy chưa cầu xin tôi, anh Copophin ạ” bà Micôbơ nói ranh mãnh. “Anh ấy không thể nói thay những người khác”.

“Em ạ! Ông Micôbơ đáp, đột nhiên trở nên nghiêm trang “anh không muốn nói thay những người khác. Anh hiểu quá rõ rằng khi những mệnh lệnh không thể lường được của Tạo hóa đã gắn bó em với anh có thể Tạo hóa đã bắt em phải gắn bó với một con người mà số phận, sau bao nhiêu vật lộn, đã trở thành vật hy sinh của những khó khăn về kinh tế hết sức phức tạp anh hiểu lời nói bóng gió của em, em ạ! Anh rất lấy làm tiếc nhưng anh vẫn chịu đựng được”.

“Anh Micôbơ!” bà Micôbơ thốt lên, nước mắt ràn rụa “em có đến nỗi để anh nói thế không? Em không bao giờ rời bỏ anh, không bao giờ muốn rời bỏ anh, anh Micôbơ!”

“Em ơi!” Ông Micôbơ nói với vợ, giọng cảm động “Em tha lỗi cho anh, và anh bạn cũ, người bạn đã được thử thách là anh Copohin chắc hẳn sẽ tha lỗi cho anh về lời nói cay đắng trong chốc lát của một tâm hồn bị thương tổn càng trở nên tứt tở vì phải va chạm với một kẻ quyền thứ ưu đãi (nói khác đi với một lão làm việc thô lỗ của công ty cung cấp nước) và anh tin rằng anh bạn sẽ tha thứ cho những điều quá đáng của anh với lòng đầy thương hại chứ không trách móc anh”.

Đoạn, ông Micôbơ âu yếm hôn bà Micôbơ và nắm lấy tay tôi, lời nói bóng gió đứt quãng hồi nãy làm cho tôi đoán biết rằng việc cung cấp nước cho gia đình hôm ấy đã bị cắt vì không có tiền trả cho công ty nước.

Để cho ông Micôbơ dừng nghĩ đến câu chuyện buồn bã ấy, tôi bảo ông rằng tôi muốn nhờ ông điều chế một cốc rượu ngũ vị và tôi dẫn ông đến trước những quả chanh.

Cái vẻ buồn bã vừa rồi (tôi không muốn dùng chữ tuyệt vọng) bỗng biến mất. Tôi chưa bao giờ thấy một người sung sướng ở giữa mùi hương vỏ chanh, mùi đường, mùi rượu rum bốc cháy và hơi nước sôi sùng sục như ông Micôbơ vào buổi tối hôm ấy. Thực là thú vị khi nhìn gương mặt ông sáng bừng lên đằng sau làn mây mỏng của làn hơi nước thơm phức, trong khi ông ta quấy quấy, trộn cái này vào cái kia và nếm một cách say sưa, dường như không phải ông ta đang làm rượu ngũ vị mà đang làm ra vận mệnh của gia đình cho đến thời hậu thế xa xăm nhất. Còn về bà Micôbơ, tôi không hiểu đó là vì tác dụng của cái mũ, của nước hoa, của những cái kim găm, của lửa hay của những ngọn nến, nhưng khi bà vừa ở trong phòng tôi ra, bà cũng tương đối đẹp và không có con sáo nào vui hơn người đàn bà quý hóa này.

Tôi giả thiết (tôi không bao giờ dám hỏi nhưng tôi giả thiết) rằng bà Cróp sau khi chiên cá măng thì bị ốm bởi vì bữa ăn đến đó bỗng bị gián đoạn. Khi cái giò cừu được mang lên thì bên trong rất đỏ và bên ngoài thì tái nhợt, ngoài ra, nó còn được rắc một thứ bột mì lạ lùng nham nhám hình như nó đã được nhả xuống lớp tro của cái bếp trứ danh ở lò sưởi. Nhưng chúng tôi không biết nói như thế nào về khoản nước thịt, bởi vì chị con gái đã đổ nước thịt lênh láng ở cầu thang và nó cứ nằm lì ở đấy thành một vệt dài mãi cho đến ngày những dấu chân xóa hẳn nó đi. Món pa-tê bỏ câu không dở nhưng đó là một thứ patê đánh lừa người ta bởi vì vỏ của nó giống một cái sọ kinh khủng của khoa nghiên cứu sọ người, đầy những chỗ u và chỗ mồi, còn ở dưới thì chẳng có gì hết. Tóm lại, bữa ăn là một sự

thất bại khổ sở (tôi nói bữa ăn khổ sở chứ riêng tôi thì xưa nay tôi vẫn khổ sở vì Đô-đa) cho nên nếu không có thái độ vui tính của các vị khách và lời gợi ý sáng suốt của ông Micô-bơ thì tôi thực hết sức khổ tâm. Ông Micô-bơ bảo tôi.

“Anh bạn Copophin! Trong những gia đình nội trợ khéo nhất cũng vẫn cố điều không may, và trong những gia đình ở đây thiếu cái ảnh hưởng tối cao làm cho tất cả thành thiêng liêng, làm cho tất cả được nâng lên... tôi muốn nói ảnh hưởng của người đàn bà với tính cách cao quý của người vợ, thì ta phải tin chắc rằng những điều đó nhất định sẽ xảy ra và phải chịu đựng với thái độ triết gia. Nhưng nếu như anh cho phép tôi nhận xét rằng không có món ăn nào ngon hơn là món thịt nướng, và nếu như ta có thể phân công để làm một món ăn tuyệt trần miễn là chị con gái phục vụ cho chúng tôi một cái nướng thịt thì anh sẽ thấy rằng tai hại nhỏ bé này sẽ được bù đắp rất dễ dàng”.

Ở trong tủ đồ ăn có một cái nướng thịt tôi vẫn dùng để nướng khoai mỡ của tôi mỗi bữa ăn điểm tâm. Trong nháy mắt, chúng tôi đem ra và chúng tôi bắt tay thực hiện ý kiến của ông Micô-bơ. Việc phân công mà ông ta nói đến đại ý là như sau: Trát-đơn cắt thịt cừ ra từng khoai, ông Micô-bơ (ông ta có thể làm mọi việc như thế này một cách tuyệt trần) bóp tiêu, muối, mù tạt và ớt, tôi lấy một cái đĩa để lật đi lật lại theo lời chỉ dẫn của ông Micô-bơ, còn bà Micô-bơ nấu một ít sốt cà chua với nấm ở trong một cái xoong mà bà khuấy lia lịa. Khi chúng tôi đã có đủ những khoai thịt nước chín để bắt đầu ăn, chúng tôi ngồi vào bàn trong khi những khoai khác vẫn kêu xèo

xèo sáng rực ở trên ngọn lửa và sự chú ý của chúng tôi bị phân tán ở giữa những miếng thịt đặt trên đĩa với những miếng thịt đang nướng.

Vì những món ăn này lạ miệng và rất ngon, đồng thời cái cảnh tượng ồn ào nó gây nên cũng như vì chúng tôi luôn luôn phải đứng lên để theo dõi rồi lại ngồi xuống để làm biến mất mỗi khi những khoanh thịt giòn tan nóng hổi rời khỏi cái nướng thịt, vì chúng tôi làm việc hăng hái, má đỏ bừng do hơi nóng của ngọn lửa, vì chúng tôi thích thú ở giữa những tiếng động và mùi thơm ngon lành, nên chúng tôi đã chén cái giò này cho đến tận xương. Tôi bỗng cảm thấy ngon miệng lạ lùng. Nói điều này tôi rất xấu hổ, nhưng quả thật trong chốc lát tôi đã quên mất Đô-ra. Tôi yên trí rằng ông bà Micô-bơ không thể nào chén một bữa cơm ngon hơn dù cho họ phải bán một cái giường để đánh chén. Trát-đơn suốt thời gian ấy cười ròn rã khoái trá, vừa ăn vừa làm việc. Thực ra tất cả chúng tôi đều như thế, và tôi dám chắc rằng chưa bao giờ có một bữa ăn ngon lành hơn.

Nỗi vui sướng của chúng tôi lên đến tột độ và tất cả chúng tôi mỗi người trong phần việc của mình đều hí hoáy làm cho loạt khoanh cuối cùng đạt đến trình độ tuyệt mỹ để cho bữa tiệc chấm dứt một cách oanh liệt.

Bỗng tôi nhận ra có người lạ mặt ở trong phòng và cặp mắt của tôi gặp phải cặp mắt của gã Litimơ trang trọng đứng trước mặt tôi, tay cầm mũ.

“Có việc gì thế?” tôi bất giác hỏi.

“Xin lỗi ông! Người ta bảo con vào, ông chủ con không ở đây sao?”

“Không”

“Thế ông không gặp ông ấy à?”

“Không, không phải ông ấy sai anh đến đây à?”

“Thưa không ạ!”

“Ông ấy bảo anh rằng anh sẽ tìm ông ấy ở đây không?”

“Dạ! Không ạ! Nhưng con nghĩ rằng ngày mai ông ấy sẽ đến, nếu như hôm nay ông ấy chưa đến đây”

“Ông chủ ở Ocphot về à?”

“Con xin ông” hấn trả lời kính cẩn “ông cứ ngồi xuống cho và cho phép con làm việc này. Nói đoạn, hấn cầm lấy cái nĩa ở trong bàn tay không kháng cự của tôi và cúi xuống nhìn cái nướng thịt. Đường như tất cả mọi sự chú ý của hấn đều tập trung vào đấy. Tôi dám chắc dù Xtiêcphoóc có đến, chúng tôi cũng không bối rối chút nào, nhưng trong chốc lát chúng tôi đã trở thành những con người hiền lành nhất trên đời trước mặt anh đây tở trang trọng này. Ông Micôbơ đang ngheu ngao một bài hát để tỏ ra rằng mình hết sức thoải mái, bỗng buông mình rơi phịch xuống ghế, với cái cán nĩa giấu một cách vội vàng lòi ra ngoài cổ áo dường như ông muốn cầm nó để đâm vào ngực. Bà Micôbơ đeo đôi găng màu nâu làm ra vẻ buồn rầu lịch sự. Trátđơn đưa hai bàn tay bết bết những mỡ lên tóc, mớ tóc dựng đứng lên, nhìn xuống cái khăn bàn có vẽ sừng sờ. Còn về phần tôi, tôi giống như một đứa trẻ ngồi ở bàn ăn của mình và khó khăn lắm mới dám liếc mắt nhìn cái hiện tượng trang trọng không biết từ nơi nào rơi xuống để làm cho nhà tôi thành ngăn nắp trật tự.

Về phần hấn, hấn đã rút thịt cừu ra khỏi lửa và

nghiêm trang mời tất cả chúng tôi ăn. Tất cả chúng tôi đều ăn nhưng chúng tôi không còn thích thú gì nữa và chỉ làm ra vẻ ăn mà thôi. Khi mỗi người trong chúng tôi đã đẩy đĩa ăn đi một nơi, hần lặng lẽ cất các đĩa ăn và dọn pho mát. Hần cũng cất pho mát đi, khi tất cả chúng tôi đã ăn xong, dọn bàn, chồng tất cả bát đĩa lên cái bàn quay, đưa cho chúng tôi những cốc rượu và tự động đẩy chiếc bàn quay vào phòng.

Tất cả những điều này đều được làm một cách thành thạo và mắt hần không lúc nào rời khỏi công việc. Tuy vậy, hai cùi tay của hần, khi hần quay lưng lại tôi dường như vẫn nhắc lại ý nghĩ mà hần đã có về tôi rằng tôi còn rất non nớt.

“Thưa ông, con có thể làm gì nữa không ạ?”

Tôi cảm ơn hần và nói.

“Không, nhưng anh không ăn gì cả à?”

“Ồ! Không ạ! Xin cảm ơn ông”

“Ông Xtiécphoóc ở Ocxfhot về không?”

“Con nghĩ rằng ngày mai ông chủ con có thể ở đây. Thưa ông con nghĩ rằng hôm nay ông chủ con đã đến đây rồi cơ... Nhưng thưa ông, rõ ràng là con lầm”

“Nếu anh thấy ông ta trước tôi...” tôi nói

“Nếu ông tha lỗi cho, con nghĩ rằng con sẽ không thấy ông Xtiécphoóc trước ông đâu”.

“Nếu anh gặp ông ấy, anh làm ơn bảo với ông ấy rằng tôi rất tiếc hôm nay ông ấy không đến đây bởi vì ông sẽ gặp ở đây một người bạn học cũ”

“Thế à, thưa ông?” Hần chào cả tôi lẫn Trátđơn và đưa mắt nhìn Trátđơn.

Hắn nhẹ nhàng bước ra cửa trong khi đó tôi cố gắng một cách tội nghiệp nói một điều gì một cách tự nhiên - điều mà tôi không bao giờ làm được khi nói với con người này - tôi nói:

“Này Littimơ!”

“Dạ, có gì ạ?”

“Lần trước anh có lưu lại lâu ở Yácmao không?”

“Không lâu lắm ạ”

“Anh đã thấy chiếc tàu đóng xong rồi chứ?”

“Thưa vâng ạ! Con đã ở đây cốt để xem khi nào chiếc tàu đóng xong”.

“Tôi biết (hắn ngược mắt, kính cẩn nhìn tôi). Ông Xtiécphoóc chắc hẳn vẫn chưa thấy chiếc tàu chứ?”

“Về việc đó thì con không biết ạ. Theo ý con... nhưng con thực không biết ạ! Xin chào ông”

Hắn chào tất cả mọi người một cách trang trọng, sau khi nói câu này, rồi biệt mất. Các vị khách của tôi có vẻ được thõa tự do hơn khi hắn đi khỏi. Bản thân tôi nhẹ cả người vì ngoài việc cảm thấy lúng túng do một tình cảm kỳ quặc vì thấy mình ở trong một tình thế bất lợi khi đứng trước con người kia, lương tâm của tôi cũng làm cho tôi băn khoăn vì nó cứ thì thầm bên tai tôi rằng tôi không còn tin cậy vào ông chủ của hắn nữa. Tôi không thể nào đè nén một nỗi lo sợ mơ hồ khi nghĩ rằng có thể hắn nhận ra điều đó. Tại sao trong khi trong thực tế tôi chẳng có gì phải che giấu, bao giờ tôi cũng có ấn tượng rằng bị con người kia nhìn thấy tâm can của mình?

Ông Micôbơ kéo tôi ra khỏi những điều nghĩ ngợi xen lẫn với một nỗi lo sợ băn khoăn về chỗ sẽ thấy

Xiếcphoóc xuất hiện, bằng cách ra sức tán dương Litimơ sau khi hắn đã đi và cho hắn là một con người trang trọng bậc nhất và một người đầy tớ hết sức cừ. Nhân tiện, tôi nói thêm rằng ông Micôbơ đã được hưởng tất cả cái chào trang trọng của Litimơ và đã nhận cái chào với một thái độ ban ơn đặc biệt.

“Nhưng còn rượu ngũ vị, anh Copophin” ông Micôbơ vừa ném vừa nói với tôi “bởi vì thời gian và thủy triều không đợi chờ ai. Em ạ! Lúc này nó thơm lắm đấy. Này em, em thấy rượu thế nào?”

Bà Micôbơ tuyên bố rằng rượu ngon tuyệt trần. Ông Micôbơ nói.

“Thế thì tôi sẽ uống nếu anh bạn Copophin của tôi cho phép uống tự do, để nhớ tới những ngày đã qua, trong đó anh bạn Copophin và tôi trẻ hơn bảy giờ và chúng tôi sát cánh nhau chiến đấu để tìm một lối đi trên bước đường đời. Tôi có thể nói về anh Copophin và về tôi bằng cách dùng một câu hát mà trước đây chúng tôi đã cùng nhau hát, rằng:

Hai chúng tôi đã chạy qua bao núi đồi

Hái những bông hoa xinh đẹp⁽¹⁾

Theo nghĩa bóng và đã nhiều lần như vậy. Quả thực, tôi không biết rõ (ông Micôbơ nói, cũng với cái giọng ô ô ngày xưa, cũng với cái vẻ khó tả muốn nói một điều gì lịch sự) những bông hoa kia là những bông hoa gì, nhưng có một điều chắc chắn là anh Copophin và tôi sẽ hái được nhiều nếu như chúng tôi có dịp”.

⁽¹⁾ Một câu trích trong bài hát “Từ biệt” của Bơxơ bằng tiếng Xcôtlân

Và ngay lúc đó, ông Micôbơ uống một ngụm rượu ngũ vị. Chúng tôi đều làm thế. Còn Trátđơn thì ngạc nhiên vô cùng tự hỏi không biết ở vào thời buổi tám hoành nào ông Micôbơ và tôi đã sát cánh nhau chiến đấu trên bước đường đời.

“Hừm!” ông Micôbơ nói, khẽ ho một cái lấy giọng và người bốc lên do ảnh hưởng của rượu ngũ vị và của ngọn lửa “Một cốc nữa, em nhé!”

Bà Micôbơ đáp lại rằng bà chỉ nên uống rất ít thôi, nhưng chúng tôi không thể cho bà làm thế, và bà phải uống một cốc nữa đây.

“Vì chúng ta đều là người nhà, anh Copophin ạ” bà Micôbơ vừa nói vừa nhấp rượu ngũ vị từng ngụm nhỏ “vì anh Trátđơn cũng là chỗ gia đình, nên tôi muốn hỏi ý kiến các anh về tương lai anh Micôbơ. Về chuyện buôn lúa mì” bà Micôbơ nói giọng giải thích - như tôi đã nhiều lần nói với anh Micôbơ, có lẽ là một việc làm ăn lịch sự nhưng không kiếm chác được mấy. Cứ mười lần ngày nhận được hai si-linh và chín pen-ni về tiền mách mối hàng, thì không thể nào xem là kiếm ra tiền, mặc dù tham vọng của chúng tôi có ít đến đâu đi nữa”.

Tất cả chúng tôi đều tán thành điểm ấy.

“Thế thì” bà Micôbơ nói tiếp, tự hào về chỗ mình nhìn thấy rõ vấn đề và về chỗ sự khôn ngoan của người phụ nữ đã kéo ông Micôbơ lại con đường đúng đắn mỗi khi ông muốn đi một con đường quanh co “thế thì tội tự đặt cho tôi câu hỏi này: “Ta đã không thể nhờ cậy vào chuyện buôn bán than được không? Chắc chắn là không”. Theo đề nghị của gia đình, chúng tôi đã chú ý đến điều này, nhưng

chúng tôi đã nhận thấy đó là một ý kiến hồng hót”.

Ông Micôbơ ngả người ra lưng ghế, thọc hai tay vào túi quần, nhìn chúng tôi gật gật cái đầu dường như bảo chúng tôi rằng vấn đề đã được nêu lên rất rõ ràng.

“Hai cái khoản lúa mì và than” bà Micôbơ nói, giọng ngày càng có vẻ giải thích “bây giờ không cần bàn đến nữa, anh Copophin ạ!” Đương nhiên là tôi đưa mắt nhìn quanh và hỏi một con người có nhiều tài năng như anh Micôbơ có hy vọng thành đạt ở ngành nào đây? Tôi gạt bỏ câu chuyện mách mối hàng cho bất kỳ cái gì bởi vì nghề nông này không đem đến cái gì chắc chắn cả. Tôi tin chắc rằng đối với một người có tính cách như anh Micôbơ thì điều thích hợp nhất là một ngành gì đem lại một thu hoạch chắc chắn.”

Trátđơn và tôi thì thầm biểu lộ rằng phát hiện vĩ đại này quả thực là đúng đối với ông Micôbơ và thật là một vinh dự cho ông.

“Tôi không che giấu các anh, anh Copophin ạ” bà Micôbơ nói “rằng riêng tôi, từ lâu tôi vẫn cho rằng nghề làm rượu bia là nghề đặc biệt thích hợp đối với anh Micôbơ. Nay các anh xem đây Baccolây và Packin!. Các anh hãy xem Truman Hambori và Bucxtôn!⁽¹⁾ Phải là những việc có tầm to lớn như thế thì anh Micôbơ (tôi rất biết anh ấy nên có thể nói như vậy) mới có thể trở được, và những món tiền lời ở đây, người ta nói, thực là lớn! Nhưng nếu như anh Micôbơ không thể bước vào những

⁽¹⁾ Bucxtôn lúc đầu làm nhân viên ở hãng bia Truman và Hambori, ba năm sau được vào ban lãnh đạo hãng và sau đó làm nghị sĩ Quốc hội.

nhà này (họ không chịu trả lời những việc phụ thuộc) thì nghĩ đến những điều ấy để làm gì? Không có ích gì hết. Tôi tin chắc rằng có lẽ những cử chỉ của anh Micôbơ...”

“Hừm! Thôi đi mình!” Ông Micôbơ nói xen vào

“Này mình, mình yên lặng cho” bà Micôbơ nói đặt bàn tay đeo găng tay nâu lên cánh tay của chồng “Tôi tin chắc, anh Copophin ạ, rằng những cử chỉ của anh Micôbơ làm cho anh ấy đặc biệt thích hợp trong những công việc ở ngân hàng. Tôi nghĩ rằng nếu tôi có tiền gửi ngân hàng thì những cử chỉ của anh Micôbơ với tính cách người đại diện của ngân hàng này sẽ làm cho tôi tin cậy và sẽ làm cho công việc thêm chạy. Nhưng các ngân hàng không chịu sử dụng đến những khả năng của anh Micôbơ, hay họ tiếp nhận một cách khinh bỉ đề nghị xin làm việc của anh. Vậy cứ nghĩ mãi đến điều này thì có ích gì không? Không có ích gì hết! Còn về việc thành lập một ngân hàng mới thì tôi biết rằng nếu một vài người trong gia đình tôi vui lòng đưa tiền cho anh Micôbơ thì họ có thể lập một doanh nghiệp như thế. Nhưng vì họ không muốn đưa tiền của họ cho anh ấy, và sự thực là thế, thì nghĩ đến điều này để làm gì? Một lần nữa tôi nhận thấy chúng ta vẫn đứng yên tại chỗ chẳng khác gì lúc đầu”.

Tôi lắc đầu nói “Đúng thế” Trátđơn cũng lắc đầu nói “Đúng thế”.

“Tôi phải kết luận gì đây?” Bà Micôbơ tiếp tục cũng với cái vẻ muốn trình bày rõ ràng một sự việc “Này anh Copophin, tôi bị lôi cuốn đếm một kết luận không sao chống lại được. Tôi có lầm không khi tôi nói rằng hiển nhiên là chúng tôi phải sống?”

Tôi trả lời “Hoàn toàn không!” và Trátđơn lặp lại “Hoàn toàn không!” và tôi cảm thấy mình đang nói thêm một cách đĩnh đạc, rằng người ta hoặc phải sống hoặc phải chết.

“Đúng thế! bà Micôbơ nói “anh Copophin ạ, sự thật là chúng tôi *không thể nào* tiếp tục sống nếu không có một dịp gì may mắn (rất khác tình cảnh chúng tôi hiện nay) xuất hiện trong thời gian gần đây. Riêng tôi, tôi tin chắc, và mấy hôm nay tôi đã nhiều lần nói với anh Micôbơ rằng người ta không thể chờ đợi dịp may cho nó xuất hiện. Có lẽ tôi lầm chãng nhưng tôi đã có ý kiến như vậy”

Trátđơn và tôi đều nhiệt liệt tán thành ý kiến ấy.

“Hay lắm!” Bà Micôbơ nói “bây giờ tôi phải khuyên gì đây? Đây là Micôbơ... một người có nhiều khả năng và rất có tài”.

“Thôi đi mình” ông Micôbơ nói

“Tôi van mình, mình cứ để cho tôi nói. Đây là anh Micôbơ có nhiều năng lực về nhiều mặt, và rất có tài.. Riêng tôi, tôi có thể nói, có thiên tài, nhưng có lẽ đó là thái độ thiên lệch của một người vợ chãng?”

Trátđơn và tôi đều nói thắm: “Không đâu”

“Và đây là anh Micôbơ không có địa vị gì, cũng không có công việc gì thích hợp với anh ấy. Ai chịu trách nhiệm đây? Xã hội cố nhiên là thế. Vì vậy tôi muốn nêu lên yêu cầu xã hội phải giải quyết. Anh Copophin ạ!” bà ta nói tiếp, giọng bốc lên “ông Micôbơ chỉ còn cách giơ tay lên thách thức xã hội và nói đại khái: “Xem nào, ai là người nhận lời thách thức? Xin bước ra ngay”.

Tôi đánh bạo hỏi bà Micôbơ làm thế nào để thách

thức?

“Phải chăng quảng cáo trên tất cả các báo” bà Micôbơ nói “Tôi cảm thấy rằng điều anh Micôbơ phải làm để tỏ ra công bình đối với cái xã hội từ trước đến nay vẫn bỏ rơi anh, là đăng quảng cáo trên tất cả các báo. Cứ miêu tả anh ấy cho đúng, có những năng lực gì và kết luận bằng cách nói “Và bây giờ hãy dùng tôi đi, với những điều kiện có lợi và hãy trả lời, tiền bưu phí ông W.M chịu, hòm thư... Camden Taono”.

“Ý kiến này của bà Micôbơ, anh Copophin ạ” ông Micôbơ nói, kéo hai đầu cái cổ cồn giả về phía cằm và liếc nhìn tôi “chính là cái bước nhảy về phía trước mà tôi đã nói với anh khi gặp anh hôm nọ”

“Tiền đăng quảng cáo hình như cũng đắt đấy” tôi nói, giọng ngờ vực.

“Đúng thế!” bà Micôbơ nói, cũng với cái vẻ phân bua như trước “Đúng lắm, anh Copophin ạ! Tôi đã nói như thế với anh Micôbơ. Nhưng chính vì thế mà anh Micôbơ phải (như tôi đã nói, để tỏ ra công bình với mình, với gia đình và với xã hội) vay một số tiền nào đó bằng một tờ giấy cam đơn”.

Ông Micôbơ ngả người ra lưng ghế, ve vẩy cái kính tay, ngược mắt nhìn lên trần nhà, nhưng tôi có cảm tưởng là trong lúc ấy ông vẫn liếc nhìn Trátđơn trong khi Trátđơn đang nhìn ngọn lửa.

“Nếu không một người nào trong gia đình tôi” bà Micôbơ nói “có đủ từ tâm để nhận cái giấy ấy... Tôi nghĩ rằng có một thuật ngữ chuyên môn thích hợp hơn để diễn đạt điều tôi muốn nói”.

“Chiết khấu” ông Micôbơ nói, mắt vẫn nhìn lên trần.

“Để chiết khấu tờ giấy ấy” bà Micôbơ nói “theo ý tôi, anh Micôbơ phải vào đồ thị, mang cái giấy ấy đến ngân khố để lấy được số tiền người ta bằng lòng trao cho anh ấy, nếu như những người ở ngân khố bắt anh Micôbơ phải chịu hy sinh nặng nề thì đó là việc giữa họ với lương tâm họ. Tôi kiên quyết xem việc đó như là việc gửi tiền vậy. Anh Copophin ạ, tôi khuyên anh Micôbơ cũng cứ làm như thế, cứ coi việc ấy như là việc gửi tiền và thế nào cũng có lãi để kiên quyết chịu đựng mọi hy sinh”.

Tôi cảm thấy (nhưng thực tôi không hiểu tại sao) thái độ này biểu hiện lòng tận tụy hy sinh của bà Micôbơ, và tôi khê nói một điều gì cũng đại khái như vậy. Trátđơn theo gương tôi cũng làm thế trong khi vẫn tiếp tục nhìn ngọn lửa.

“Tôi không muốn” bà Micôbơ kết luận, uống cạn cốc rượu ngũ vị và kéo khăn quàng lên vai trước khi bước vào phòng riêng của tôi “tôi không muốn kéo dài những nhận xét này về tình hình kinh tế của anh Micôbơ. Ở cạnh bếp lửa của anh, anh Copophin ạ, và trước mặt anh Trátđơn tuy không phải là một bạn cũ như anh, nhưng cũng hoàn toàn là người trong nhà, tôi không thể nào không nói cho các anh biết những phương pháp tôi dùng để khuyên anh Micôbơ cứ làm theo điều ấy. Tôi nghĩ rằng đã đến lúc anh Micôbơ phải nêu cao giá trị mình, tôi muốn nói thêm, phải khẳng định giá trị mình và hình như tôi đã đưa ra những cách để đạt đến mục đích. Tôi thừa hiểu tôi chỉ là một người đàn bà, người ta thích thêu ý kiến của một người đàn ông hơn. Nhưng tôi không thể nào quen rằng khi tôi

sống ở nhà với bà mẹ tôi, ba tôi vẫn thường nói: “Con Emma người nhỏ lách nhách nhưng nhận xét vấn đề thì sâu sắc chẳng thua ai”. Tôi biết rằng ba tôi quá thiên lệch nhưng lý trí và bốn phần của tôi không cho phép tôi ngờ vực về chỗ ba tôi - trong một chừng mực nào đó - là một người qua sát tính cách rất tinh”.

Nói đoạn, không chịu nghe theo lời cầu khẩn của chúng tôi (chúng tôi yêu cầu bà ngồi đây để cùng chúng tôi uống cạn hết chỗ rượu ngũ vị còn lại) bà Micôbơ bước vào phòng tôi. Quả thật tôi cảm thấy bà là một người đàn bà cao quý, thuộc về hạng những bà mẹ La-mã có thể làm tất cả mọi hành động anh hùng trong những lúc tổ quốc lâm nguy.

Lòng tràn đầy cảm giác kính phục như vậy, tôi khen ngợi ông Micôbơ đã có được một kho tàng vô giá. Trátđon cũng làm thế. Ông Micôbơ lần lượt giơ tay cho chúng tôi bắt và lấy khăn tay che mặt, theo tôi khăn này đầy những dấu vết của thuốc lá để hút hơn là ông tưởng. Sau đó ông lại vui vẻ quay lại với cốc rượu ngũ vị và tỏ ra rôm rả vô cùng.

Ông hết sức hùng biện. Ông cho chúng tôi biết rằng người ta sống lại ở con cái và mặc dầu bị những khó khăn kinh tế thúc ép, mọi đứa con ra đời đều được chào đón hân hoan.

Ông nói gần đây bà Micôbơ có lo ngại về điểm đó, nhưng ông đã xua tan những điều lo ngại và làm bà an tâm. Còn về gia đình bà Micôbơ thì họ hoàn toàn không xứng đáng với bà, và ông hoàn toàn không đếm xỉa gì đến tình cảm của họ và họ có thể (tôi dùng đúng danh từ của ông)

xéo đi cho được việc!.

Sau đó ông Micôbơ đọc một bài diễn văn ca ngợi Trátđơn. Ông tuyên bố rằng Trátđơn có những đức tính vững chắc mà chính ông (ông Micôbơ) cũng không dám khoe là có được, nhưng nhờ trời, ông vẫn biết tán thưởng. Ông nói bóng, với một giọng cảm động, về cô con gái xa lạ mà Trátđơn đem lòng yêu mến Trátđơn và làm cho Trátđơn vô cùng hạnh phúc. Ông Micôbơ nâng cốc chúc sức khỏe của cô ta. Tôi cũng làm thế. Và Trátđơn cảm ơn chúng tôi, bằng cách nói với cái vẻ mộc mạc và chân thành mà tôi thấy rất đáng yêu.

“Tôi cảm ơn các bạn. Tôi nói thực, đó là cô gái dễ thương nhất trên đời”.

Sau đó ông Micôbơ tóm ngay lấy cơ hội đầu tiên để nói hết sức tế nhị và lịch sự đến những tình cảm của tôi. Trừ phi anh bạn Copophin của ông trình trọng xác nhận điều ngược lại, ông tuyên bố bỏ tất cả mọi việc đều làm ông có ấn tượng rằng anh bạn Copophin đang yêu và đang được yêu. Tôi cảm thấy nóng cả mặt và ngượng đến chín cả người, sau khi đỏ bừng mặt, ấp úng chối cãi, tôi nâng cốc rượu lên nói:

“Vậy thì tôi xin các bạn nâng cốc chúc sức khỏe của Đ...”

Câu ấy làm ông Micôbơ cảm động và thích thú đến nỗi ông chạy tuốt vào phòng tôi, tay cầm một cốc rượu để cho bà Micôbơ uống chúc sức khỏe của Đ... Bà ta làm một cách nhiệt tình, từ trong phòng thét lên giọng lanh lảnh:

“Hoan hô! Hoan hô anh bạn Copophin thân mến! Tôi rất sung sướng! Hoan hô!”

Và vỗ vào bức tường để tỏ vẻ hoan nghênh.

Sau đó, câu chuyện của chúng tôi rằng ông thấy Camden Taonơ bất tiện, và việc đầu tiên mà ông có dịp may mắn, đó là dọn nhà. Ông nói đến một khu nhà ở cuối đường Ocphốt nhìn ra công viên Haidơ Pác mà bấy lâu ông vẫn chú ý, nhưng ông vẫn chưa có thể đến đấy được bởi vì nó đòi hỏi một số đầy tớ khá đông. Cố nhiên, phải có một thời kỳ quá độ, ông giải thích, trong đó ông sẽ vui lòng ở những tầng gác trên của một hãng buôn đáng kính... ở Piccadili chẳng hạn. Đó sẽ là một khu phố vui vẻ nhộn nhịp đối với bà Micôbơ, và ở đấy chỉ cần thu xếp chút ít, chẳng hạn mở một cánh cửa nhỏ ra ngoài hay làm cho mái nhà cao lên một chút là họ có thể sống ấm cúng trong vài năm. Dù cho tương lai của ông sau này như thế nào, và dù cho ông ở nơi nào, chúng tôi vẫn có thể tin chắc một điều, thế nào cũng có một phòng cho Trátđơn, và một bộ dao nĩa cho tôi. Chúng tôi cảm ơn lòng tốt của ông. Ông xin tôi tha thứ đã nói đến những vấn đề thực tiễn có tính cách kinh doanh, và tha thứ cái xu hướng rất tự nhiên đối với một người đáng lo toả chức lại hoàn toàn cuộc sống của mình.

Bà Micôbơ lại gõ gõ vào tường để xem nước pha trà đã sôi chưa và do đó làm cho giai đoạn đặc biệt này của câu chuyện thân mật giữa chúng tôi bị gián đoạn. Bà pha trà cho chúng tôi một cách rất lịch sự và mỗi khi tôi đến gần bà để mang các tách và bánh mì phết bơ thì bà hỏi thăm rằng Đ... tóc đen hay tóc hung, nàng người nhỏ nhắn hay cao lớn và những câu đại loại như vậy, và tôi nghĩ rằng điều đó làm tôi thích thú. Uống trà xong, ngồi trước ngọn lửa, chúng tôi bàn về mọi vấn đề linh tinh. Bà Micôbơ có

nhã ý hát cho chúng tôi nghe (với giọng hát the thé và yếu mà tôi nhớ lúc còn nhỏ tôi đã xem là tốt của âm nhạc) nhưng bài dân ca “Người trung sĩ trắng táo bạo” và “Cô bé Tapholin”. Đó là hai bài hát làm bà Micôbơ nổi tiếng khi bà sống ở nhà với cha mẹ. Ông Micôbơ tuyên bố với chúng tôi rằng lần đầu tiên, khi ông nghe bà hát “Người trung sĩ” ở trong nhà ông bà cụ thân sinh, bà đã làm cho ông phải chú ý đặc biệt, và khi bà hát đến bài “Cô bé Tapholin” thì ông quyết tâm hoặc phải chinh phục cho được người đàn bà này hoặc vì nang mà chết!

Vào khoảng mười, mười một giờ, bà Micôbơ đứng dậy gói chiếc mũ trụp vào cái gói giấy bao màu trắng ngà và đội mũ. Ông Micôbơ lợi dụng lúc Trátđơn đang mặc áo khoác để dúm tay tôi một bức thư và nói thầm bên tai tôi bảo tôi đọc nó khi nào rảnh. Về phần tôi, nhân lúc cầm một ngọn nến để soi đường cho họ xuống cầu thang - ông Micôbơ đi đầu dẫn bà Micôbơ còn Trátđơn đang sắp sửa đội mũ đi theo họ - tôi đã giữ Trátđơn lại một alts trên đầu cầu thang.

“Này Trátđơn” tôi bảo cậu “ông Micôbơ không muốn hại ai, con người tội nghiệp nhưng nếu mình là cậu thì mình sẽ không cho ông ấy vay gì hết”

“Copophin ạ!” Trátđơn đáp, mỉm cười “Mình có gì để cho vay đâu!”

“Dẫu sao cậu cũng có cái tên của cậu chứ, cậu hiểu chứ?” tôi nói.

“Ồ! Cậu bảo đó là một cái gì để cho mượn à?” Trátđơn nói có vẻ tự lự.

“Cố nhiên”

“À! Trátđơn nói “ừ, đúng lắm! Mình rất cảm ơn cậu Copophin ạ. Nhưng... mình sợ đã cho ông ấy mượn cái tên của mình mất rồi”.

“Có phải để viết vào tờ giấy đi vay mà ông ấy bảo là một việc gửi tiền chắc chắn chứ gì?” tôi hỏi.

“Không” Trátđơn nói “không phải chuyện ấy mình nghĩ có lẽ đến lúc về nhà ông ta sẽ đề nghị mình điều ấy. Nhưng mình cô cho ông ta mượn tên trong một việc khác”.

“Mình hy vọng việc này sẽ không làm cho cậu bực mình” tôi nói.

“Mình cũng hy vọng là không” Trátđơn nói “mình nghĩ là không, vì vừa mới ngày hôm kia ông ta bảo mình rằng tờ giấy vay nợ ấy đã được thanh toán rồi. Ông ta nói là: “Đã trả rồi”.

Ngay trong lúc nguy ngập ấy, ông Micôbơ ngược mắt nhìn lên chỗ chúng tôi đang đứng, nên tôi chỉ còn thì giờ nhắc lời cảnh cáo. Trátđơn cảm ơn tôi, và bước xuống thang. Nhưng nhìn cái dáng điệu vui vẻ của Trátđơn khi ra đi, tay cầm mũ, khoác tay bà Micôbơ tôi lo sợ không khéo cậu ta sẽ để người ta trối gô lại xách đến Ngân khố mất.

Tôi quay lại bếp lửa, trầm ngâm nghĩ ngợi, nửa vui nửa nghiêm trang về tính khí của ông Micôbơ và về những mối liên hệ trước đây của tôi với ông, bỗng tôi nghe thấy tiếng chân nhanh nhẹn bước lên cầu thang. Lúc đầu tôi tưởng rằng đó là Trátđơn quay lại tìm một vật nào mà bà Micôbơ đã bỏ quên, nhưng khi tiếng bước chân đến gần thì tôi nhận ra, tim tôi đập thình thình, máu dồn lên mặt, vì đó là bước chân của Xtiêcphoóc.

Bao giờ tôi cũng nghĩ đến Acnét và không bao giờ

hình ảnh của nàng rời khỏi tâm trí tôi (nếu tôi có thể nói như vậy, vì ngay từ đầu, hình ảnh của nàng đã nằm ở đấy). Nhưng Xtiécphoóc bước vào và đứng thẳng trước mặt tôi, giơ hai tay ra, thì cái bóng tối bao phủ người cậu ta biến thành ánh sáng và tôi thấy then thùng lúng túng vì đã ngỡ vực con người tôi yêu quý chân thành như vậy. Không phải vì thế mà tôi kém yêu Acnét, bao giờ tôi cũng em nàng là một nàng tiên hiển từ rộng lượng ở trong đời tôi. Tôi trách tôi chứ không trách nàng đã có ý nghĩ xấu về Xtiécphoóc. Tôi sẵn sàng làm tất cả để chuộc cái lỗi ấy, nhưng tôi không phải làm những gì và làm như thế nào.

“Ồ kìa Tường vi, cậu cảm như hén thế à?” Xtiécphoóc nói, cười khanh khách, thân mật bắt tay tôi và buông tay ra một cách vui vẻ “Mình lại vớ được cậu ở trong một bữa tiệc nữa kìa à? Đồ rượu ché nhé! Các bố ở Pháp viện là những dân ăn chơi nhất Luân đôn, các bố đánh bại chúng mình, bọn sinh viên khô khan ở Ocxphơt”

Khi ngồi cạnh tôi trên cái xô pha do bà Micôbơ vừa bỏ trống, đôi mắt lấp lánh ánh sáng của cậu đảo một lượt khắp phòng và nhen to lửa cho sáng bừng lên.

“Lúc đầu mình ngạc nhiên quá” tôi nói, sau khi chào cậu với tất cả vẻ niềm nở mà tôi có thể biểu lộ “quả thực mình không còn đủ hơi sức để chờ cậu nữa Xtiécphoóc ạ”.

“Tốt lắm. Hình ảnh của mình có ảnh hưởng tốt đối với những đôi mắt mệt mỏi, như người ta nói cậu Xcốtlan” Xtiécphoóc nói “và hình ảnh của cậu cũng thế, bông Tường vi đang độ nở rộ kia. Thế nào Lưu Linh, cậu mạnh khỏe chứ?”

“Mình mạnh khỏe lắm” tôi nói “mình chẳng phải tay

rượu chè đầu, mặc dầu thú thực tối nay mình có mời ba người bạn”.

“Tớ đã gặp cả ba ở ngoài đường, họ hết lời ca ngợi cậu” Xtiécphoóc trả lời “Cái anh chàng mặc quần chẽ ống là ai thế?”

Tôi cố sức giới thiệu bằng vài câu một khái niệm tốt nhất mà tôi có thể nói về ông Micôbơ. Xtiécphoóc cười khanh khách về bức chân dung tội của tôi về con người ấy, và nói rằng đó là một người cần phải quen và thế nào cậu cũng làm quen.

“Nhưng đố cậu biết người khách thứ hai là ai đấy?” Đến lượt tôi hỏi lại cậu.

“Hoạ có trời biết!” Xtiécphoóc nói “Chắc không phải là một anh thợ cạo chó? Mình thấy hắn ta có cái dáng thợ cạo lắm”.

“Trátđon đấy! tôi nói, giọng hân hoan.

“Ai nhỉ?” Xtiécphoóc hỏi, vẻ lơ đãng.

“Cậu không nhớ Trátđon à? Cậu Trátđon ở cùng phòng ngủ với chúng mình ở học hiệu Xalem ấy mà!”

“Ồ! Tướng ấy à?” Xtiécphoóc nói, lấy cái que cời than gõ gõ vào một cục than đặt trên ngọn lửa “Cu cậu vẫn cứ ngốc ngếch như trước à? Cậu tìm ra cái thằng quý ấy ở đâu đấy?”

Tôi tăng bốc Trátđon hết lời, bởi vì tôi cảm thấy Xtiécphoóc coi thường cậu ta. Xtiécphoóc gạt câu chuyện ấy đi bằng cách khẽ nghiêng đầu, cậu mỉm cười bảo rằng dẫu sao đi nữa cậu cũng muốn gặp ông bạn cũ Trátđon kia, rồi cậu hỏi tôi có gì cho cậu ăn không. Trong thời gian chính của câu chuyện đối thoại ngắn ngủi này, khi cậu

không nói một cách say sưa bông bột, thì cậu vẫn cầm cái que cời than gõ gõ lên cục than. Tôi nhận thấy cậu vẫn cứ làm như vậy trong khi tôi mang cho cậu pa tê bỏ câu và những thức ăn khác còn lại.

“Ồ! Tường vi bữa ăn chúa thật!” Cậu nói to, phá vỡ sự yên lặng của mình, đoạn ngồi xuống cái ghế ở cạnh bàn “Mình phải chén ra trò vì mình vừa mới ở Yacmao đến đây”.

“Mình tưởng cậu ở Ocphót đến” tôi nói

“Đâu có” Xtiécphoóc nói “mình ra biển, việc này thú vị hơn nhiều...”.

“Hôm nay Litimơ đến đây hỏi thăm tin tức cậu” tôi nói “Nghe lời hấn nói, mình tưởng cậu ở Ocphót nhưng bây giờ nghĩ lại mình nhớ rõ rằng hấn không nói như vậy”.

“Litimơ thật là ngốc hơn mình tưởng, nếu hấn đến đây hỏi về mình” cậu vừa nói vừa vui vẻ rót một cốc rượu và uống chúc sức khỏe của tôi “còn nếu cậu hiểu được chút gì qua những điều hấn nói, Tường vi ạ, thì cậu khôn hơn phần lớn bọn mình đấy”.

“Đúng quá!” tôi nói, kéo cái ghế của tôi lại gần bàn “Xtiécphoóc, thế cậu đi Yacmao à? (tôi rất quan tâm đến tất cả các chi tiết về vấn đề này). Cậu có ở đấy lâu không?”

“Không” cậu đảo “chơi lãng nhăng độ một tuần thôi”.

“Thế họ có mạnh khỏe không? Cố nhiên, cô bé Emili vẫn chưa lấy chồng chứ?”

“Chưa, sắp rồi đấy, theo mình... độ vài tuần nữa hay đại khái như vậy. Mình không gặp họ. À, nhân tiện...” cậu nhanh nhẹn đặt con dao và cái đĩa mà cậu đang dùng

xuống bàn “mình có đem một bức thư người ta gửi cho cậu đây”.

“Thư ai thế?”

“Của chị bảo mẫu già của cậu” cậu vừa nói vừa kéo mấy tờ giấy ra khỏi cái túi trong của áo vét tông - “Ông Xtiếcphoóc, khách sạn *Người hảo tâm...*” cái này không phải. Cứ bình tĩnh, mình sẽ tìm ra ngay. Cái ông gì ấy ốm nặng, mình có cảm tưởng chị viết về việc ấy”.

“Có phải anh Báckít không?”

“Ừ!” cậu vẫn cứ lục lọi trong túi áo và nhìn những vật trong túi... “Mình xem chừng anh Báckít tội nghiệp hết hy vọng rồi. Mình thấy ở đây một ông bán thốc... ông giải phẫu hay ông cha căng chú kiết nào đấy đã đưa tiên sinh ra chào đời. Ông ta nói với mình một mớ danh từ bác học về trường hợp này, nhưng kết luận là anh Xà ích chẳng bao lâu nữa sẽ đi đoạn đường cuối cùng... Cậu thọc tay vào cái túi trong áo khoác của mình vớt ở trên ghế đằng kia xem, mình chắc cậu sẽ tìm ra bức thư. Có đấy không?”

“Đấy rồi!”

“Tốt lắm!”

Đó là thư của chị Pécgôti: thư khó đọc hơn ngày thường một chút và rất ngắn. Chị báo cho tôi biết tình trạng tuyệt vọng của chồng và nói bóng gió rằng anh hơi “khít khao” hơn ngày trước, và vì vậy khó lòng săn sóc anh chu đáo hơn. Bức thư không nói gì đến chuyện chị mệt nhọc và thức đêm, mà chỉ hết sức tán dương anh Báckít. Bức thư với tình thương mộc mạc, chân thành và quen thuộc mà tôi biết là thành thực, và kết luận bằng mấy chữ “Gửi lời thăm đũa con muôn đời yêu quý” tức là tôi. Trong

khi tôi đang lẩn mò đọc thư, Xtiécphoóc vẫn tiếp tục ăn và uống rượu.

“Kể ra, đó là một chuyện buồn” cậu nói khi tôi đọc xong bức thư “nhưng chiều nào mặt trời cũng lặn, và giây phút nào cũng có người chết, cho nên chúng ta không nên để cho cái số phận chung của chúng ta làm chúng ta sợ hãi. Nếu như chúng ta mất tinh thần, bởi vì nghe đâu bước chân của cái kẻ đến gần cửa sổ của tất cả mọi người, không trừ một ai⁽¹⁾ thì tất cả mọi niềm vui trên đời sẽ biến mất. Không! Chúng ta hãy tiếp tục tiến lên. Nếu cần hãy bước một cách tàn nhẫn, còn không thì hãy bước nhẹ nhàng! Nhưng bao giờ cũng phải bước lên! hãy vượt qua mọi trở lực để chiến thắng trong cuộc đua”.

“Thắng cuộc đua nào?” tôi hỏi

“Thắng cuộc đua mà chúng ta đã tham sự. Phi ngựa nhanh lên thôi!”

Tôi còn nhớ khi cậu im bật, đưa mắt nhìn tôi, gương mặt tuấn tú hơi hất về phía sau, tay nâng cốc rượu, tôi nhận thấy mặc dầu không khí tươi mát của miền biển đang in trên nét mặt làm nó râm hồng, nhưng mặt cậu đã có những nếp nhăn. Tôi có cảm tưởng thế nào cậu cũng đang lao vào những trò chơi hằng ngày với cái nghị lực hung bạo mà một khi bừng tỉnh, lại say mê đắm đuối. Tôi đang định trách cậu về chỗ cậu say sưa leo theo những sở thích đồng bóng lôi cuốn cậu (chẳng hạn ham thích vật lộn với sóng dữ và xông pha mưa bão), nhưng ý nghĩ của tôi lại quay trở

⁽¹⁾ Nhắc đến một câu thơ của Hôraxiut “Thân chết xanh xao bước đến túp lều của người nghèo cũng như cung điện của vua chúa”

về đầu đề chính của câu chuyện của chúng tôi, và tôi tiếp tục.

“Minh muốn nói với cậu một điều, Xtiêcphoóc ạ! Nếu như đầu óc táo tợn của cậu chịu nghe mình”.

“Đó là một đầu óc hùng mạnh sẽ làm bất kỳ điều gì cậu thích!” Cậu đáp, rời khỏi bàn ăn, quay lại ngồi cạnh lửa.

“Này! Minh muốn nói với cậu điều này, Xtiêcphoóc ạ. Minh phải đến Yacmao thăm chị bảo mẫu già của mình. Không phải vì mình giúp ích được gì cho chị hay làm cho chị được việc gì trong thực tế, nhưng vì chị yêu mình lắm nên mình tới thăm sẽ có ảnh hưởng tựa hồ như mình làm thế, cho nên đó sẽ là một nâng đỡ và an ủi đối với chị. Kể ra ở địa vị mình, cậu có đi cuộc hành trình một ngày ấy không?”

Guarăng cậu bỗng trở nên tư lự, và cậu ngồi suy nghĩ một lát trước khi trả lời, giọng khẽ khẽ.

“Được, cậu cứ đi đi. Cậu chẳng có thể làm điều gì có hại”

“Cậu vừa ở đấy về” tôi nói “nếu cậu cùng đi đến đấy với mình thì chỉ vô ích, có phải không?”

“Đúng lắm!” cậu đáp “Tối nay mình lên đường đi Haigây. Đã lâu mình không gặp bà cụ, điều đó làm lương tâm mình cắn rứt, bởi vì được yêu như bà đã yêu thằng con phá gia chi tử cũng là một điều đặc biệt đấy. Hừm! Vớ vẩn cả... Cậu định đến mai sẽ đi phải không?” (Cậu giơ thẳng hai tay túm lấy tôi, mỗi tay giữ lấy một vai tôi).

“Ừ! Minh định thế đấy”.

“Tốt lắm! Thế thì ngày kia sẽ đi. Minh muốn mời

cậu đến nhà mình chơi vài hôm. Mình đến rủ cậu đấy, thế mà cậu lại **định** lao về Yacmao ư?”

“Xtiécphoóc a, cậu cứ trách người tay bay đi, thực là cậu to gan quá. Chính **cậu** cứ luôn luôn bay đi theo một cuộc phiêu lưu điên cuồng và bí mật nào đó!”

Cậu nhìn tôi một lúc, im lặng đoạn nói tiếp, hai tay vẫn giữ lấy vai tôi và lắc khê khê.

“Này nhé! Đợi đến ngày kia nhé, còn phần lớn thì giờ ngày mai cậu phải ở với tớ. Có trời biết bao giờ chúng mình lại gặp nhau lần nữa! Thôi, cậu cứ nói đến ngày kia cậu mới đi xem nào! Mình cần có cậu đứng giữa Rôda Đác-ton và mình để tách chúng mình ra”.

“Không có mình ở đấy, hai ông bà sẽ yêu nhau đến thế kia à?”

“Ừ! hay ghét nhau quá cũng chưa biết chừng!”
Xtiécphoóc cười ha hả “điều đó không quan trọng. Nào! Ngày kia cậu hãy đi chứ!”

Tôi bèn quyết định đến ngày kia sẽ đi, và cậu mặc áo khoác, châm điều xì gà rồi lên đường về nhà. Thấy vậy, tôi cũng mặc áo khoác (nhưng không đốt xì-gà vì tôi đã ngáy xì gà trong một thời gian dài) và tiễn cậu ra đường cái. Con đường này đi buổi tối thì chả thú vị gì. Suốt trên đường đi, cậu cao hứng lắm và khi chúng tôi chia tay nhìn cậu đi xa với cái dáng đi đẹp đẽ và nhẹ nhõm để trở về nhà, tôi nhớ đến cái câu cậu nói “Hãy vượt qua mọi trở lực để thắng trong cuộc đua”. Và lần đầu tiên, tôi tiếc rằng cậu chưa dự vào một cuộc đua nào xứng với cậu.

Khi thay quần áo trong phòng ngủ, bỗng bức thư của ông Micôbơ rơi xuống đất. Tôi nhớ đến sự có mặt của nó

và xé bức thư ra đọc. Bức thư này viết một giờ rưỡi trước bữa ăn tối. Tôi quen nhắc rằng mỗi khi lâm vào một tình trạng đặc biệt tuyệt vọng, ông Micôbơ thường có cái thói dùng những thành ngữ về luật pháp. Chắc hẳn ông nghĩ rằng điều đó cũng tương đương với việc thu xếp công việc của mình một cách chu đáo.

“Thưa ông... vì tôi không dám gọi là anh Copophin thân mến.

“Tôi cần phải báo cho ông biết rằng kẻ ký tên dưới đây đã gục. Có lẽ ông sẽ thấy hôm nay hẳn làm những cố gắng chốc lát để cho ông khỏi thấy trước tình trạng tuyệt vọng của hẳn, nhưng hy vọng đã rời khỏi chân trời, và kẻ ký tên dưới đây đã gục.

“Bức thư này viết trong phạm vi cá nhân (tôi không dám nói xã hội) một người mà tâm trạng gần như là say rượu và thuộc quyền sai khiến của anh bán đồ cũ. Gã này, trên pháp luật, đã chiếm lấy chỗ ở, căn cứ vào giấy tịch ký, vì không trả được tiền trọ.

“Đồ đạc của hẳn không những gồm mọi thứ đồ đạc và tài sản thuộc về kẻ ký tên dưới đây với tư cách người ở hằng năm của ngôi nhà, mà còn gồm tất cả những đồ đạc của ông Trátđơn, khách trọ, nhân viên của hội trường Luật đáng kính. Nếu như một giọt đắng cay vẫn còn thiếu ở trong cốc rượu đầy tràn hiện nay “dâng cho”(theo câu nói của một nhà văn bất tử)⁽¹⁾ đôi môi của kẻ ký tên dưới đây, thì hẳn sẽ tìm thấy điều đó ở một tờ giấy đòi nợ, trong đó ông Tômát Trátđơn đã chịu khó làm người bảo lãnh cho số

⁽¹⁾ Nhắc đến một câu trong “Mắc-bét” của Séc-xpia.

tiền hai mươi ba bảng bốn si-linh và chín pen-ni, đã hết hạn phải trả nhưng không trả được. Kết quả là, con số những trách nhiệm liên quan đến người ký tên dưới đây, theo diễn biến tự nhiên, sẽ tăng thêm một vật hy sinh vô tội và người ta sẽ thấy nó xuất hiện (tính theo số chẵn) sau thời hạn không quá sáu tháng âm lịch kể từ hôm nay.

"Sau những tiền đề như thế, không cần phải nói thêm rằng tro bụi sẽ vĩnh viễn phủ lên.

"Đầu của Uynkin Micôbơ".

Tội nghiệp cho Trátđơn! Tôi biết rõ ông Micôbơ cho nên có thể thấy trước rằng ông sẽ chịu đựng được cái hòm ấy, nhưng tối hôm ấy tôi không sao ngủ được khi nghĩ đến Trátđơn, đến cô con gái ông mục sư ở Đêvônơ có tất cả chín chị em, con người rất dễ thương và sẽ chờ đợi Trátđơn (lời khen đến giờ!) cho đến năm sáu mươi hay đến bất kỳ lúc nào!

Chương XXIX

Tôi lại đến nhà Xtiécphoóc thăm cậu ta

Sáng hôm sau, tôi nói với ông Xpenlô xin nghỉ vài hôm, và vì tôi chưa nhận lương bổng gì cho nên tôi được ông Joóckin khất khe đối đãi khá tử tế và không gây khó dễ. Nhân dịp ấy tôi nói giọng ấp a ấp úng trong cổ trong khi cặp mắt mờ đi, rằng tôi hy vọng cô Xpenlô vẫn khoẻ mạnh. Ông Xpenlô trả lời tôi chẳng cảm động gì hơn khi ông nói đến người bình thường rằng cô vẫn mạnh khoẻ và ông rất cảm ơn tôi.

Với tư cách nhân viên tập sự sau này sẽ thuộc vào tầng lớp quý tộc các biện lý - luật sư, tôi được đối xử kính nể đến nỗi lúc nào tôi cũng gần như là người chủ của bản thân mình. Tuy nhiên, vì không muốn đến Haigây trước một hay hai giờ trưa, và vì sáng hôm ấy chúng tôi còn phải xét một vụ rút phép thông công khác ở toà án dưới nhãn hiệu: "Vụ kiện do Típkin chống lại Bulóc vì hạnh phúc của linh hồn ông ta" cho nên tôi ngồi bên cạnh ông Xpenlô trong một hay hai giờ rất thú vị. Đó là vụ xung đột giữa

hai nhân viên nhà thờ, một người bị cáo là đã đẩy người kia vào một cái bom, nhưng vì chỗ tay cầm của cái bom này nằm ở trong một phòng học dưới mái nhà thờ cho nên việc xô đẩy này thuộc phạm vi nhà thờ xét xử. Đó là một vụ kiện ngộ nghĩnh, và trong khi ngồi trên xe ngựa, bên cạnh anh xà ích, đến Haigây tôi vẫn nghĩ đến Pháp viện, và nghĩ đến lời ông Xpenlô nói rằng đùng chạm đến Pháp viện sẽ làm quốc gia tiêu diệt.

Bà Xtiecpoóc rất sung sướng được gặp tôi, và Rôđa Đác-ton cũng vậy. Tôi ngạc nhiên thú vị vì Litimơ không có đấy và việc phục vụ là do một chị hầu phòng nhỏ nhằm khiêm tốn, đôi cái mũ điểm những dải màu lam, có đôi mắt dễ thương hơn nhiều và ít khó chịu hơn nhiều khi ngẫu nhiên người ta bắt gặp phải - so với đôi mắt của con người trang trọng kia. Nhưng điều làm tôi chú ý nhất, ngay trước khi ở trong nhà được nửa giờ, đó là việc cô Đác-ton theo dõi tôi một cách chăm chú và hình như trong thâm tâm cô so sánh mặt tôi với mặt Xtiecpoóc với mặt ôi, và rình xem có điều gì xảy ra giữa hai chúng tôi không. Mỗi khi tôi nhìn về phía cô, thế nào tôi cũng bắt gặp cái gương mặt nồng nhiệt với đôi mắt đen dễ sợ và cái trán dô hơi hướng về phía tôi hay quay rất nhanh từ phía tôi sang phía Xtiecpoóc, hay bao gồm cả hai người trong một cái nhìn chung. Khi thấy tôi nhìn cô cô vẫn không hề gạt bỏ cái nhìn chăm chú như cái nhìn của con cáo, trái lại, trong lúc ấy cô lại hướng đôi mắt sắc sảo với cái vẻ chăm chú tập trung hơn nhiều về phía tôi. Và mặc dầu biết rằng mình vô tội, và không trốn tránh đôi mắt kỳ lạ ấy và không sao chịu nổi ánh sáng háo hức của nó.

Suốt ngày hình như cô ám ảnh cả ngôi nhà. Hễ tôi nói chuyện với Xtiécphốc ở trong phòng của cậu là tôi nghe thấy tiếng áo sột soạt của cô ở hành lang bên ngoài. Nếu chúng tôi chơi những trò chơi quen thuộc trên bãi cỏ sau nhà là tôi thấy gương mặt của cô lang thang từ cửa sổ này đến cửa sổ khác như một luồng ánh sáng vật vờ, cho đến khi nó dừng lại trước một cửa sổ và quan sát chúng tôi. Khi bốn người chúng tôi đi dạo vào buổi chiều, bông bàn tay gầy gò của cô nắm lấy cánh tay tôi như một cái lò xo để giữ tôi lại về phía sau, trong khi Xtiécphốc và bà cụ đi ra ngoài tầm nghe, và đến lúc đó cô mới nói với tôi.

“Đã lâu anh không đến đây” cô nói “Nghề của anh có phải thực là hấp dẫn và thích thú đến nỗi lôi cuốn hết cả tâm trí của anh không? Tôi hỏi anh điều đó bởi vì bao giờ tôi cũng muốn biết điều mà tôi chưa biết. Có thật thế không?”

Tôi trả lời cô rằng tôi yêu nghề của tôi nhưng quả thực tôi không dám nói rằng đã để hết tâm trí vào đó.

“À! Tôi rất sung sướng được biết điều đó, bởi vì bao giờ tôi cũng muốn người ta sửa chữa cho tôi, nếu tôi sai lầm” Rôđa Đác-ton nói. “Có lẽ anh muốn nói rằng nghề ấy cũng hơi khô khan có phải không?”

“Đúng đấy!” tôi đáp. “Có lẽ đôi khi cũng hơi khô khan thực”

“Ồ! Có phải vì thế mà anh cần phải nghỉ ngơi và thay đổi... tóm lại, chơi đùa có phải không? à! đúng lắm. Nhưng anh có thấy điều đó cũng hơi... thế nào nhỉ. Đối với anh ấy, tôi không muốn nói đối với anh đâu”.

Nhìn cô ta vội đưa mắt về phía Xtiécphoóc đang đi, trong khi bà cụp tay vào anh, tôi hiểu ngay cô muốn nói về ai. Nhưng tôi vẫn không thể nào hiểu gì hơn ngoài điều đó. Tôi hoàn toàn ngỡ ngàng. Và cái vẻ ngỡ ngàng của tôi hiện rõ trên nét mặt.

“Này, anh có thấy... (tôi không nói rằng đó là sự thực đâu nhé, anh nên nhớ tôi chỉ muốn biết đấy thôi) có phải anh ấy hơi dễ tâm quá đến việc ấy phải không? Điều đó làm cho anh ấy càng ít về thăm con người yêu anh ấy một cách mù quáng. Có phải không?” Cô lại liếc mắt nhìn về phía họ, rồi lại liếc mắt nhìn tôi, cái nhìn của cô dường như đi vào đến tận những ý nghĩ sâu xa nhất của tôi.

“Cô Đác-ton” tôi đáp “tôi xin cô, cô đừng có nghĩ rằng...”

“Tôi không nghĩ gì hết!” Cô Đác-ton nói “Ôi! Lay chúa! anh đừng có cho rằng tôi nghĩ đến điều gì. Bản tính tôi không đa nghi đâu. Tôi chỉ nêu câu hỏi thế thôi. Tôi không có ý kiến gì hết. Tôi muốn có một ý kiến căn cứ vào điều anh nói. Vậy thì có phải như thế không? Này, tôi sẽ rất sung sướng nếu biết được điều đó”.

“Sự thực chắc chắn không phải như vậy” tôi nói, lúng túng “nếu cô bảo vì tôi mà Xtiécphoóc vắng mặt ở nhà nhiều hơn trước... nên như sự thực là như vậy. Nhưng ngay cả bây giờ tôi vẫn chưa biết về điều đó, và chính những lời nói của cô mới làm tôi nghĩ đến điều đó thôi. Đã rất lâu tôi không gặp anh ấy, mãi cho đến tối hôm qua mới gặp lại”.

“Thực thế à?”

“Đúng thế, cô Đác-ton ạ, đúng thế!”

Trong khi cô trở mắt nhìn tôi, tôi thấy những đường nét kéo dài ra, tái hằn đi, và dấu vết của vết thương ngày xưa kéo dài đến nỗi nó cắt ngang qua cái môi dưới làm thành một đường xiên chạy ngang qua khuôn mặt. Tôi cảm thấy một cảm giác rùng rợn ở trong cái nhìn ấy cũng như ở trong ánh mắt của cô khi cô nhìn chăm chú vào mắt tôi mà hỏi.

“Hiện nay anh ấy đang làm gì?”

Tôi lặp lại câu hỏi ấy cho tôi hơn là cho cô bởi vì tôi rất sùng sốt.

“Hiện nay anh ấy đang làm gì?” Cô nói với cái vẻ háo hức như một ngọn lửa bên trong đủ để đốt cháy người cô. “Cái thằng cha mà lúc nào tôi cũng thấy mắt của hắn có một cái vẻ giả dối không thể lường được mỗi khi hắn nhìn tôi, không biết hắn giúp ích gì cho anh ấy? Nếu anh là con người trung thực tôi muốn hỏi anh, tôi không muốn bảo anh phản bội bạn, tôi chỉ muốn anh cho tôi biết anh ấy làm như vậy vì tức giận vì căm thù, vì kiêu ngạo, vì lo lắng, hay vì một sở thích đồng bóng nào đấy, hay vì tình yêu, nhưng là vì cái gì mới được chứ?”

“Cô Đác-tơn” tôi nói “tôi biết nói làm sao để cho cô tin rằng theo ý tôi, tôi không thấy Xtiécphoóc thay đổi gì hết từ khi lần đầu tiên tôi đến đây. Tôi không thấy gì hết. Tôi tin rằng không có gì hết. Quả thực tôi không hiểu cô muốn nói gì nữa cơ”

Trong khi cô vẫn tiếp tục nhìn tôi đăm đăm không cử động, tôi thấy vết sẹo dai co lại và giật giật. Nó khiến tôi không thể nào không liên tưởng đến một nỗi đau đớn, xuất hiện trong vết sẹo tàn nhẫn này, đã kéo khoé môi của cô

lên thành một thái độ đầy khinh bỉ, hay đầy thương hại xen lẫn với khinh bỉ. Cô vội vã giơ tay lên miệng (một bàn tay thật mảnh dẻ và yếu đuối đến nỗi lần đầu tiên khi tôi thấy cô giơ bàn tay lên trước ngọn lửa để che mặt, trong thâm tâm tôi đã so sánh nó với thứ sứ hảo hạng). Thế rồi sau khi bảo tôi với một giọng rất nhanh, dữ tợn và tha thiết: “anh phải thề với tôi rằng anh giữ kín điều này” cô không nói thêm một lời nào nữa.

Bà Xtiécphoóc có vẻ đặc biệt sung sướng ở bên cạnh con và ngày hôm ấy Xtiécphoóc tỏ ra đặc biệt chăm sóc và kính cẩn đối với mẹ. Tôi thích nhìn hai người bên cạnh nhau không phải vì họ giống nhau mà bởi vì cái vẻ kiêu hãnh và sôi nổi ở cậu đã được tuổi tác và giới tính ở bà mẹ làm dịu đi, trở thành một điều trang trọng dễ thương. Đã nhiều lần nhìn hai người, tôi thấy họ sung sướng về chỗ không có sự bất đồng nào quan trọng làm hai người đối lập nhau; vì hai tính cách như tính cách của họ (đúng hơn hai sắc thái của một tính cách) còn khó đoàn kết nhau hơn là hai thái cực xa nhau nhất. ý nghĩ này không phải do tài nhận xét của tôi mà có, mà do một câu trả lời của Rôđa Đác-ton.

Ở bàn ăn, cô nói

“Ồ! Một trong hai người phải cho tôi biết... Bởi vì suốt ngày tôi đã nghĩ đến điều này, và tôi rất muốn biết”.

“Muốn biết cái gì, Rôđa?” Bà Xtiécphoóc trả lời.

“Tôi xin chị, chị Rôđa ạ, chị đừng làm ra vẻ bí mật nữa”.

“Bí mật à? Cô ta kêu lên “Thực thế à? Bác bảo cháu bí mật à?”

“Thế chẳng phải tôi đã van nài chị nói cho nó rõ ràng và tự nhiên sao? Bà Xtiécphoóc nói.

“Ồ! Thế chẳng phải là cách nói tự nhiên của cháu đấy ư?” cô đáp “Nhưng quả thực hai người phải kiên nhẫn với tôi mới được, vì tôi rất muốn biết. Người ta không ai tự biết mình thực sự?”

“Cái lối này ở chị đã thành một bản tính thứ hai” bà Xtiécphoóc nói không chút câu kính “nhưng tôi nhớ có thời (chắc hẳn chị cũng phải nhớ) cử chỉ của chị khác thế này cơ, không dè dặt như bây giờ, mà cởi mở hơn”.

“Cháu chắc rằng bác nói đúng” cô ta đáp “thế là những tập quán xấu đã thắng rồi đấy! Thực thế à? ít dè dặt hơn và cởi mở hơn à? Cháu tự hỏi làm thế nào cháu lại có thể dần dà thay đổi như thế được nhỉ? ừ! lạ thực đấy! Cháu phải cố sức lấy lại tính cách trước đây của mình mới được”.

“Nếu thế thì tôi sẽ rất sung sướng” bà Xtiécphoóc nói, mỉm cười.

“Ồ! Cháu muốn thế lắm chứ! Cháu phải học những bài học về thành thực với... ai bây giờ nhỉ... với Jem nhé?”

“Chị không thể học được cách ăn nói thành thực ở đâu cho bằng ở Jem, Rôda ạ” bà Xtiécphoóc trả lời ngay - “Bởi vì trong tất cả những điều chị nói bao giờ cũng có một chút gì châm biếm, ngay cả lúc vô tình nhất như lúc này”.

“Phải! Cháu tin chắc như vậy” cô trả lời giọng tha thiết khác thường “nếu có một điều mà cháu tin chắc thì chính là điều đó”.

Tôi có cảm tưởng rằng bà Xtiécphoóc tiếc rằng mình

đã hơi cẩu, bởi vì ngay sau đấy, bà nói giọng dịu dàng:

“Này, chị Rôđa ạ! Chị không bao giờ nói cho chúng tôi biết chị cần biết về những cái gì?”

“Cháu muốn biết cái gì à?”

Cô trả lời, giọng điềm nhiên phớt đời “Có gì đâu! muốn biết xem người ta có tính khí giống nhau không đấy thôi... Nói thế có được không nhỉ?”

“Nói như thế cũng được”, Xtiécphoóc nói.

“Cảm ơn!... Nếu những người tính khí giống nhau dễ xung đột hơn những người khác, vậy thì gặp một sự xích mích quan trọng giữa hai người, chắc hẳn họ sẽ bị chia rẽ bởi những tình cảm bực bội sâu sắc và mãnh liệt, có phải thế không?”

“Theo ý tôi thì có đấy” Xtiécphoóc đáp,

“Thế à?” Cô ta đáp “Trời ơi! nếu giả sử (tôi muốn đưa ra bất kỳ giả thiết vô lý nhất nào) nếu như giữa bà cụ và anh có điều gì sung đột quan trọng... ”.

“Chị Rôđa” bà Xtiécphoóc cười vui vẻ nói xen vào “Chị phải tìm một giả thiết khác chứ. Jêm và tôi biết rõ bốn phận đối với nhau, lay chúa!”.

“Ừ nhỉ!” cô Đác-ton nói, gật đầu tư lự. “Điều ấy đúng, những điều ấy có thể ngăn cản mọi xích mích không? Cố nhiên, điều đó là dĩ nhiên! ừ nhỉ! tôi nêu nên vấn đề này thực là ngốc, vì nếu biết rằng nếu bốn phận của hai người đối với nhau sẽ ngăn cản mọi xích mích thì sung sướng biết mấy. Tôi rất cảm ơn”.

Nhân nói tới cô Đác-ton, có một chuyện nhỏ mà tôi không nên bỏ qua, vì sau này tôi còn có dịp nhắc lại khi cái quá khứ không thể cứu vãn được đã xuất hiện rõ ràng.

Suốt ngày hôm ấy - nhưng chủ yếu là từ giờ phút ấy - Xtiếcphoóc đã vận dụng tất cả tài năng của mình, và làm điều đó với một thái độ tự nhiên vô cùng, để biến con người kỳ quặc kia thành một người bạn dễ thương và vui vẻ. Thành công của cậu về mặt này không làm cho tôi ngạc nhiên. Tôi cũng không ngạc nhiên về chỗ lúc đầu cô đã tìm cách kháng cự lại sức hấp dẫn của cái nghệ thuật tuyệt diệu này của cậu (hay đúng hơn - như lúc bây giờ tôi nghĩ - của cái bản tính tuyệt diệu của cậu), vì tôi biết rằng tính cô đôi khi cau có cả với mình. Nhưng tôi thấy gương mặt và cử chỉ của cô dần dần thay đổi. Tôi thấy cô ngày càng kháng cự yếu ớt nhưng bao giờ cũng có vẻ giận giữ, dường như cô tự trách mình quá yếu đuối không sao chống lại sự hấp dẫn của cậu: và cuối cùng cái nhìn của cô dịu lại, nụ cười trở nên đáng yêu và nỗi lo sợ mà cô đã gây cho tôi suốt cả ngày, cuối cùng cũng biến đi. Tất cả chúng tôi ngồi quanh bếp lửa, vừa nói vừa cười với nhau, cởi mở chẳng khác những đứa trẻ.

Phải chăng vì câu chuyện đã kéo dài hay vì Xtiếcphoóc không chịu bỏ mất thời cơ mà cậu đã dành được - tôi không biết - nhưng có một điều là chúng tôi không lưu lại trong phòng ăn năm phút sau khi cô rời khỏi phòng.

“Bà ấy chơi thu cầm” Xtiếc phoóc hạ thấp giọng nói với cô cửa phòng khách “và mình nghĩ rằng đã ba năm nay, ngoài mẹ mình không ai nghe bà ấy chơi”.

Cậu nói câu ấy với nụ cười lạ lùng và nụ cười này biến mất ngay. Chúng tôi bước vào phòng khách, ở đấy cô

Đáctơn đang ngồi một mình.

“Chị đừng đứng dậy chứ (nhưng cô ta đã đứng lên) Rôda ạ! nào, ngoan nào, hát cho chúng tôi nghe một bài dân ca - ái-nhĩ-lan đi”.

“Anh thì cần gì đến dân ca ái-nhĩ-lan?” cô đáp,

“Cần làm chứ! cần hơn bất kỳ cái gì khác và đây là Tường - vi, cậu ta yêu âm nhạc với tất cả tâm hồn. Chị hãy hát cho chúng tôi nghe bài hát ái-nhĩ-lan, chị Rôda ạ! và tôi sẽ ngồi nghe chị hát như ngày xưa”.

Tôi không đụng đến người cô, cũng không đụng đến cái ghế cô vừa rời khỏi, mà đến ngồi bên cạnh cô. Cô đứng một lát cạnh cây đàn, lưỡng lự một cách kỳ quặc, bàn tay sờ lên giây đàn làm những động tác như để gảy nhưng không gảy cuối cùng cô ngồi xuống, đột ngột kéo cây đàn về phía mình và vừa hát vừa đệm đàn.

Tôi không biết trong cách đệm đàn và trong giọng hát của cô có cái gì khiến cho bài hát ấy là bài hát kỳ lạ nhất trên đời mà tôi đã được nghe hoặc thậm chí là đã có thể tưởng tượng được. Có cái gì dễ sợ trong cái vẻ hiện thực của nó. Người ta có cảm tưởng rằng người ta chưa bao giờ viết nó ra hay phổ nó thành nhạc, nhưng nó tuôn ra từ đáy sâu của dục vọng, và dục vọng này biểu hiện một cách kín đáo trong giọng hát trầm trầm của cô rồi lại biến vào người cô khi cô yên lặng. Tôi đứng cầm như hén khi cô nghiêng mình về phía cây đàn thụ cảm, vẫn tiếp tục lấy bàn tay phải chơi nhưng không làm cho tiếng đàn vang lên.

Một phút sau, câu chuyện này đã làm cho tôi tỉnh khỏi giấc mơ Xtiêcphoóc đã rời khỏi ghế, đi về phía cô,

lấy hai tay ôm lấy cô, cười khanh khách và nói:

“Nào chị Rôda, từ nay về sau chúng mình phải là những người bạn thân”.

Nhưng cô ta đánh anh và đẩy anh với cái vẻ hung hăng của một con meo rừng, rồi nhảy sổ ra khỏi phòng, hỏi.

“Chị ấy vừa là một nàng tiên được mấy phút mẹ à, Xtiéc phoóc đáp bây giờ để bù lại, chị ấy lại chuyển sang một thái cực khác.

“Con phải cẩn thận đừng làm chị ấy phát cáu Jêm à, con phải nhớ rằng tính khí chị ấy đã thành ra cáu gắt và tốt hơn cả là đừng làm chị ấy phật ý.”

Rôda không quay lại và người ta không nói đến cô nữa, cho đến khi tôi vào phòng Xtiécphoóc để chúc anh ngủ ngon. Bây giờ cậu chế nhạo cô và hỏi tôi có thấy ở đâu có một con người hung dữ và khó hiểu như vậy không?

Tôi tỏ vẻ hết sức sửng sốt và hỏi cậu có đoán biết cái gì đã làm cho Rôda phật ý và cáu gắt đột ngột như thế không? “Ôi chao! hoá có trời biết” Xtiécphoóc nói. Bất kỳ cái gì tùy ý cậu,... hay không có gì cả. Nhưng mình đã nói với cậu, bà mài tất cả trên một hòn đá mài, ngay đến cả con người bà ấy nữa. Rôda đã có một dụng cụ sắc bén mà người ta phải rất cẩn thận trong khi sử dụng bà ta bao giờ cũng nguy hiểm. Chúc cậu ngủ ngon Xtiécphoóc, chúc cậu ngủ ngon. Mình sẽ ra đi trước khi cậu tỉnh dậy sáng mai. Chào cậu”.

Cậu không muốn để tôi đi và vẫn tiếp tục đặt hai bàn tay lên vai tôi như cậu đã làm ở nhà tôi.

“Này Tường-vì!” cậu nói mỉm cười “... mặc dầu đây

không phải là cái tên ông bố đỡ đầu, hay bà mẹ đỡ đầu của cậu đã đặt cho cậu, nhưng mình vẫn cứ thích đặt cho cậu cái tên ấy, mình rất tiếc rằng cậu không thể đặt cho mình cái tên ấy.

“Nhưng cậu muốn, nếu mình muốn” tôi nói. “Trường-vi, nếu như có một điều gì làm chúng ta xa cách nhau, thì cậu hãy nghĩ đến mặt tốt của mình cậu nhé. Thôi! chúng mình hãy ký kết bản giao kèo ấy đi. Cậu hứa chỉ nhớ đến mặt tốt của mình, nếu như có những hoàn cảnh làm chúng mình xa nhau”. “Đối với mình Xtiếcphoóc ạ, cậu chẳng có mặt tốt mặt xấu gì hết, bao giờ mình cũng yêu cậu và quý cậu xuất phát từ tận đáy lòng”.

Trong thâm tâm tôi cảm thấy rất hối hận khi nghĩ rằng có lúc tôi đã nghĩ đến những mặt xấu của cậu, dù đó là một ý nghĩ mơ hồ, đến nỗi xuýt nữa tôi thổ lộ điều tâm sự. Và tôi chắc rằng tôi sẽ nói mặc dầu tôi sấu hổ vì phải làm trái lòng tin cậy của Acnét và mặc dầu tôi sợ thế nào cũng thổ lộ điều đó. Nhưng cậu ta đã nói: “Cậu chúa phù hộ cậu... chúc cậu ngủ ngon”, trong khi tôi còn lưỡng lự. Chúng tôi bắt tay nhau rồi đi ngủ.

Tôi tỉnh dậy khi bình minh còn mờ nhạt, mà sau khi mặc quần áo hết sức nhẹ nhàng, tôi bước vào phòng cậu. Cậu đang ngủ say sưa, một cánh tay đặt dưới đầu như tôi vẫn thường thấy cậu ngủ khi ở nhà trường.

Giây phút đã đến (và giây phút ấy đã đến rất nhanh) giây phút trong đó tôi ngạc nhiên tại sao cậu có thể yên tĩnh như vậy trong khi tôi chăm chú nhìn cậu. Nhưng cậu vẫn ngủ... hãy để cho mình nhớ đến cậu đang ngủ như vậy... như mình vẫn thường thấy cậu ngủ ở nhà trường...

ngủ như vậy, cũng trong cái giờ yên lặng như thế này. Tôi rời cậu và ra đi.

- Không bao giờ nữa, cậu chúa tha thứ cho cậu Xtiếcphoóc ă! Không bao giờ mình có thể nắm bàn tay im lìm kia, lòng tràn ngập tình yêu và tình bạn, không bao giờ, không bao giờ nữa!..

Chương XXX

Một tổn thất

Tôi tới Yacmao vào buổi chiều và đến quán trọ. Tôi biết rằng căn phòng giành cho khách của chị Pécgôti (căn phòng của tôi, ít lâu nữa sẽ có người ở, ngay dù cho vị khách lớn kia, mà mọi người sống đều phải nhường bước, hiện nay không phải đã ở trong nhà. Do đó tôi đến quán trọ, ăn cơm ở đấy và thuê giường.

Khi tôi ra đường thì đã mười giờ. Phần lớn các cửa hàng đã đóng cửa và thành phố buồn teo. Đến cửa hiệu của Âumơ và Jôram tôi thấy cửa sổ đã đóng nhưng cửa hiệu vẫn còn mở. Vì từ xa tôi đã có thể nhìn thấy ông Âumơ ở trong phòng, hút cái tẩu, cạnh cửa ra vào của phòng khách, nên tôi bước vào hỏi thăm sức khoẻ ông.

“Kìa, trời ơi! anh mạnh khoẻ không?”

Ông Âumơ hỏi tôi. “Mời anh ngồi tôi hút thuốc lá, anh không thấy khó chịu chứ?”

“Khộng ạ” tôi nói “Cháu thích người khác hút thuốc”.

“Chứ không phải anh hút chứ?” ông Âumơ nói, cười

khánh khách. “Càng tốt, đối với một thanh niên thì đó là một tội sấu. Nào mời anh ngồi! còn tôi, tôi hút vì mắc bệnh suyễn”.

Ông Âumơ nhường chỗ cho tôi vào và kéo một cái ghế lại cho tôi ngồi. Ông lại ngồi xuống, và thờ hỏn hỏn có vẻ mệt nhọc lắm, hít cái tẩu một hơi dài, dường như nó chứa đựng cái chất cần thiết không có nó thì ông chết mất.

“Cháu rất buồn khi nghe tin về anh Báckít,” tôi nói. Ông Âumơ nhìn chằm chằm vào mặt tôi và lắc đầu.

“Cụ có biết tối nay anh ấy thế nào không?” tôi hỏi.

“Chính tôi cũng đang muốn hỏi thế”, ông Âumơ đáp “Nhưng sợ sẽ đường đột, nghề chúng tôi có chỗ bất tiện thế đấy. Người ta ồm nhưng chúng tôi không thể nào hỏi thăm sức khoẻ.

Tôi không nghĩ đến những điều bất tiện này, mặc dầu đã có những linh cảm trước khi bước vào, vì nghe tiếng cạch cạch quen thuộc ngày xưa. Tuy nhiên khi ông Âumơ nhắc đến điều ấy tôi cũng thừa nhận điều đó và nói với ông như thế.

“Vâng! vâng, anh hiểu chứ”, anh Âumơ nói, gật gật cái đầu “Chúng tôi không dám hỏi. Lay chúa, phần lớn người ta khó chịu và không chịu nổi cái câu Âumơ và Jôram gửi lời thăm ông và muốn hỏi thăm sáng nay sức khoẻ ông thế nào”. Hay chiều nay, tùy trường hợp”.

Ông Âumơ và tôi nhìn nhau gật đầu, đoạn ông Âumơ lại ra sức hít một hơi dài trong khi vẫn ngậm tẩu.

“Đó là lý do không cho phép những người làm nghề của chúng tôi quan tâm đến người khác như chúng tôi muốn. Tôi không phải mới quen biết anh Báckít một năm

nay, chỉ đủ để chào khi anh ta đi qua. Tôi quen anh đã bốn mươi năm nay. Nhưng tôi không thể nào đi hỏi: “Sức khỏe anh thế nào?”

Tôi thấy điều đó đối với ông Ấmơ cũng gay thục và tôi nói với ông ta như thế.

“Tôi cũng không thích ích kỷ hơn người khác, tôi nghĩ như vậy” ông Ấmơ nói. Anh hãy xem tôi đây! tôi có thể dứt hơi bất kỳ lúc nào và trong những phút như vậy, theo như tôi biết, khó lòng người ta không nghĩ đến mình. Tôi nói rằng điều đó không phải khó xảy ra đối với một người biết rằng nay mai mình sẽ dứt hơi chẳng khác gì một cái bể bị cắt làm đôi, đặc biệt khi người ta đã là ông ngoại rồi”, ông Ấmơ nói.

“Đúng thế!” tôi nói.

“Không phải tôi tham tiền về nghề nghiệp của mình đâu” ông Ấmơ nói. “Không phải như vậy. Nghề nào cũng có cái vinh và cái nhục. Cố nhiên. Tôi chỉ muốn rằng người ta nên có nghị lực hơn nữa”.

Với vẻ mặt đặc chí rất dễ thương, ông Ấmơ lặng lẽ kéo vài hơi, đoạn trở lại nhận xét đầu tiên của mình. “Vì vậy cho nên muốn hỏi thăm về sức khỏe anh Báckít, tôi chỉ còn cách hỏi Emili. Cô ấy biết tình cảm thực của tôi, và không sợ cũng không ngờ vực chúng tôi chẳng khác gì tất cả chúng tôi đều hiền lành như bụt vậy chiều nay Mili và Jôram vừa đến đấy. (Emili đến đấy giúp bà cô một chút, sau khi công việc đã xong) để hỏi thăm sức khỏe anh Báckít. Nếu anh chịu khó đợi họ trở về, thì họ sẽ cho anh biết mọi chi tiết. Anh có uống gì không? một cốc nước ngọt nhé! về phần tôi, bao giờ tôi cũng uống một cốc nước

ngọt, trước khi hút. Ông Ấmơ nói giờ cốc lên “Vì người ta bảo rằng nước này làm dịu cái hơi thở khốn khổ của tôi. Nhưng tôi cam đoan với anh” ông Ấmơ nói, giọng khàn khàn “không phải là khí quản tôi hỏng đâu! “Hãy cho ba có đủ hơi thở - tôi thường nói với cháu Mili- Ba sẽ tìm ra lối đi cho nó, con ạ”.

Quả thực, ông không tiết kiệm hơi thở, và nhìn ông ta cười thì thực hoảng. Khi ông ta lại có thể tiếp tục nói chuyện với tôi, tôi cảm ơn ông đã mời tôi uống nước ngọt, nhưng tôi từ chối, nói rằng vừa ăn xong. Sau khi nói tôi sẽ ngồi đợi, vì ông có lòng tốt mời tôi ngồi cho đến khi con gái và con rể về, tôi hỏi ông về tin tức của bé Emili.

“Anh ạ!” ông Ấmơ nói, cất tẩu ra khỏi miệng để có thể gãi cằm “tôi nói thật đấy, tôi sẽ rất sung sướng khi lễ cưới được tổ chức”.

“Sao thế?” tôi hỏi.

“Thế này nhé, bởi vì dạo này tâm chí cô ta cứ để đâu ấy”, ông Ấmơ nói “Không phải cô không xinh đẹp như trước, mà còn xinh hơn... Tôi cam đoan với anh là còn xinh hơn cơ. Không phải là vì cô làm việc kém trước: Cô có thể làm gấp sáu người và vẫn làm việc gấp sáu người. Nhưng cô có vẻ thiếu nhiệt tình. Nếu như anh hiểu điều tôi muốn nói một cách khái quát bằng cái câu” ông Ấmơ nói, xoa cái cằm và hút một lát rồi nói “kéo mạnh, kéo mạnh. Anh em nào cùng nhau ta kéo, hò dô ta!”⁽¹⁾ tôi muốn nói chính cái ấy, và nói chung tôi rất tiếc, Emili tôi đang thiếu

⁽¹⁾ Một câu trong quyển “Jacóp, người trung thành” (1834) của Mariat, Mariat là bạn của Dicksenx”.

cái đó”

Gương mặt và những cử chỉ của ông Âumơ rất gợi cảm khiến tôi phải gật gật đầu tỏ ý tán thành để ông hiểu rằng tôi đoán được ý nghĩ của ông. Thấy tôi hiểu nhanh như vậy, ông sung sướng, nói tiếp.

“Anh ạ! Tôi thấy chủ yếu là vì cô lưỡng lự, phân vân. Tôi đã nói nhiều với ông cậu, với chồng chưa cưới của cô sau khi làm việc, và tôi cho chủ yếu là do cô băn khoăn. Bao giờ người ta cũng phải nhớ” ông Âumơ bảo tôi, lúc lắc đầu một cách điệu dàng rằng “Emili là một cô bé hết sức điệu dàng. Có câu phương ngôn nói: “Không thể bắt mèo đi cây” Tôi thì không tin như vậy. Tôi cho rằng vẫn có thể, miễn là bắt đầu khá sớm. Cô đã làm cho một chiếc tàu cũ kỹ kia thành một tổ ấm mà những ngôi nhà bằng đá hay bằng cẩm thạch cũng không thể nào hơn được”

“Cháu cũng tin như thế” tôi nói.

“Xem con bé xinh xinh quần lấy ông cậu” ông Âumơ nói “Thấy nó ngày càng quần quýt cậu, thực rất cảm động. Anh ạ, anh có biết không trong những trường hợp như vậy, bao giờ trong lòng tôi cũng có một cuộc vật lộn. Tại sao lại kéo dài cuộc vật lộn, nếu không cần thiết?”

Tôi lắng tai nghe con người già cả tốt bụng kia nói và trong thâm tâm rất tán thành điều ông nói.

“Vì vậy, tôi đã bảo họ như sau” ông Âumơ nói, giọng thân mật hể hả. Tôi bảo họ “Bây giờ đừng xem Emili bị trói buộc bởi một thời hạn nào hết. Tùy ý các ông chọn lúc nào cũng được. Cô đã giúp được nhiều việc hơn là người ta có thể tưởng, cô học nhanh hơn là người ta có thể tưởng. Âumơ và Jôram có thể cầm bút gạc một cái bỏ tất

cả thời gian học tập sự còn lại và khi nào các ông muốn thì lúc ấy cô sẽ tự do. Nếu sau đó, cô muốn thu xếp đôi chút, chẳng hạn làm những việc vặt cho chúng tôi ở nhà, thì sẽ rất tốt. Còn nếu không thì cũng cứ rất tốt. Dầu sao đi nữa, chúng tôi cũng không mất gì bởi vì anh thấy đấy” ông Âumơ nói, lấy tấm chạm vào người tôi “một con người hơi thờ ơ ngẩn như tôi, đã là ông ngoại rồi chứ phải chơi đâu, lẽ nào lại khó dễ với một cô bé tí tẹo có cặp mắt biếc như cô ấy?”

“Nhất định là không rồi, cháu tin chắc như vậy” tôi nói

“Nhất định là không rồi! Anh nói đúng lắm. Này! Anh biết cô ta sẽ lấy ông anh họ chứ?”

“Có! Cháu biết anh ấy lắm” tôi đáp.

“Cố nhiên là biết” ông Âumơ nói “Thế này, anh biết không, ông anh họ cô ta xem ra có một chỗ làm ăn tốt, và cũng sung túc. Anh ta đã cảm ơn tôi một cách lịch sự, có thể nói như vậy, về đề nghị ấy (tôi phải nói rằng nói chung anh ấy đã cư xử với một thái độ khiến tôi đánh giá anh rất cao). Anh đã thuê một ngôi nhà nhỏ, ấm cúng nhất mà tôi hay anh có thể mong ước. Ngôi nhà nhỏ này bây giờ có đủ đồ đạc, chu đáo lắm cơ, xinh xắn và đầy đủ như một phòng khách của búp bê, và nếu như căn bệnh của ông Báckít không lâm vào tình trạng hiểm nghèo như thế này - rõ tội nghiệp cho ông ta - thì tôi tin chắc rằng lúc này họ đã thành vợ chồng rồi. Nhưng trong tình hình này họ đã phải hoãn đám cưới lại”.

“Thế còn Emili, cụ Âumơ?” Tôi hỏi “Cô ấy có bớt đống bóng không?”

“Anh biết không, thế này nhé” ông vừa đáp vừa gãi cái cằm béo phị “có nhiên người ta không thể chờ đợi điều đó. Triển vọng có một sự thay đổi và một sự xa cách hay mọi cách như thế, có thể nói, vừa gần lại vừa xa. Nếu anh Backít chết, người ta sẽ không bắt buộc phải hoãn đám cưới lại lâu, nhưng nếu bệnh kéo dài thì điều ấy sẽ là cần. Dù thế nào đi nữa, tình trạng này vẫn chưa có gì là chắc chắn, như anh biết đấy”.

“Tôi biết lắm” tôi đáp.

“Do đó, Emili hơi buồn rầu và hơi bị xúc động: Có lẽ nói chung, cô có vẻ ngày càng quẩn lầy ông cậu và ngần ngại không muốn rời bỏ chúng tôi. Một lời nói dịu dàng của tôi đủ làm cô ấy rung rung nước mắt và nếu như anh được thấy cô ấy chơi với con bé của cháu Mini thì anh sẽ không bao giờ quên được. Cậu chúa phù hộ!” ông Âumơ nói, có vẻ tư lự “cô ta yêu cháu nó quá”.

Gặp dịp tốt như vậy, tôi nảy ra ý nghĩ hỏi ông Âumơ - trước khi con gái và con rể của ông trở về làm gián đoạn câu chuyện của chúng tôi - xem ông có tin tức gì về Mácta không?

“ô!” Ông trả lời, lắc đầu có vẻ buồn bã. “Không có gì hay cả. Tôi không hiểu tại sao anh lại biết con ấy được. Nhưng anh có xét về mặt nào đi nữa thì đó cũng là một câu chuyện buồn. Tôi không bao giờ có thể nghĩ rằng con bé ấy là một đứa hư. Tôi không muốn nói đến nó trước mặt cháu Mini vì cháu nó sẽ cãi lại ngay, nhưng tôi không bao giờ tin thế. Không ai trong chúng tôi lại nghĩ thế”.

Ông Âumơ đã nghe trước tôi tiếng bước chân của con gái, ông lấy cái tẩu chạm vào tay tôi và nheo một mắt

có ý báo trước. Liên sau đó, hai anh chị Jôram, bước vào.

Họ báo cho tôi biết rằng bệnh tình anh Bắckít “rất trầm trọng” anh đã mê man bất tỉnh và ông Silip ở dưới nhà bếp, cách đây một lát trước khi ra về, đã rầu rĩ tuyên bố rằng cả trường y khoa, trường giải phẫu và hội bán thuốc, dù có được tập hợp lại cũng không giúp đỡ được gì cho anh cả. Cả hai trường thuốc và trường giải phẫu không còn làm được gì và hội bán thuốc chỉ có thể đầu độc anh mà thôi.

Nghe vậy, và nghe nói ông Pécgôti đang ở đấy, tôi quyết định đến đó ngay. Tôi chào ông Âumơ và anh chị Jôram và với cảm giác có một điều gì rất quan trọng đang diễn ra làm cho anh Bắckít thành một nhân vật khác hẳn, tôi đi đến nhà anh.

Tiếng gõ cửa nhẹ nhàng của tôi được ông Pécgôti trả lời. Thấy tôi, ông ngạc nhiên như tôi tưởng. Tôi cũng nhận thấy điều đó ở chị Pécgôti khi chị ở trên gác xuống. Tôi đã thấy nhiều trường hợp như vậy kể từ lúc ấy tôi nghĩ rằng trong khi chờ đợi điều bất ngờ kinh khủng kia, thì mọi thay đổi khác và mọi điều bất ngờ khác đều trở thành nhỏ bé, vô nghĩa.

Tôi bắt tay ông Pécgôti và xuống bếp trong khi ông khe khẽ đóng cánh cửa lại. Bé Emili ngồi bên cạnh lửa, lấy hai tay che mặt. Ham đứng bên cạnh nạng.

Chúng tôi thì thầm, chốc chốc lại lắng tai nghe những tiếng động từ căn phòng trên gác vọng xuống. Tôi không để ý đến điều đó trong dịp tôi đi thăm lần trước, nhưng lần này tôi cảm thấy sự vắng mặt của anh Bắckít trong bếp là một điều lạ lùng đối với tôi.

“Cậu Đêvit, cậu đến đây thực quý hóa quá” ông Pécgôti nói.

“Thực đặc quý hóa” Ham nói.

“Kìa cháu Emili” ông Pécgôti kêu lên “cháu nhìn xem! Cậu Đêvi đến đây này! Can đảm nên chứ cô bé! Cháu không nói gì với cậu ấy sao?”

Ngay lúc này tôi còn có thể thấy rằng run lấy bầy. Tôi còn có thể cảm thấy đôi bàn tay lạnh toát của nàng khi tôi chạm đến. Dấu hiệu duy nhất tỏ rằng nó còn cử động là nó rút khỏi tay tôi. Thế rồi Emili rời khỏi ghế, lách mình dân sang bên kia, đến gần ông cậu và lặng lẽ gục đầu, run lấy bầy trên ngực ông.

“Nó là con bé dễ cảm” ông Pécgôti nói, lấy bàn tay to tướng, sần sùi, vuốt mớ tóc dày của Emili “cháu nó không chịu được cái cảnh buồn thảm này. Cậu Đêvit ạ! Đối với những người trẻ tuổi chưa qua những thử thách, thì đó nà thường, nhất nà khi họ nhút nhát như con chim non của tôi... Đó nà thường!”

Nàng càng bám chặt lấy ông, nhưng vẫn không ngẩng đầu lên, và không nói một lời.

“Này cháu, đã khuya rồi” - ông pécgôti nói “anh Ham đến đây tìm cháu để đưa cháu về nhà đấy. Cháu hãy về với con người yêu quý cháu. Thế nào Emili? Thế nào, hòn ngọc của cậu?”

Giọng nói của Emili không vang đến tai tôi, nhưng ông Pécgôti cúi dường như để lắng nghe và nói.

“Cháu muốn ngồi nài với cậu à? Ai nài nói thế? ở đây với cậu, hờ cháu, con búp bê của cậu? Kìa còn người sắp nà chồng của cháu đang đứng đấy để đưa cháu về nhà.

ô! Ai dám tin rằng con bé nhỏ bé thế này nại ở cạnh một anh chàng quen đương đầu với phong ba bão táp như tôi” ông Pécgôti nói, quay đầu về phía Ham và tôi với một niềm kiêu hãnh vô bờ bến “Nhưng muốn ngoài biển cũng không nhiều hơn tình yêu của nó đối với tôi... con bé Emini đạt đột này”.

“Emili làm thế là có lý đấy, cậu Đêvít ạ! Ham nói “Này nhé, vì Emili muốn thế và cô hay sợ, lại dễ bị xúc động, cho nên tôi sẽ để cô ấy ở đây đến sáng mai. Tôi cũng sẽ ở lại”.

“Không, không” ông Pécgôti nói “khi người ta có vợ như anh... hay đại khái như thế, người ta không được bỏ phí một ngày nằm việc nào. Thế mà anh không thể vừa thức đêm và nằm việc. Như thế không ổn. Anh cứ về nhà đi ngủ. Anh chả phải lo người ta không săn sóc Emini”.

Ham nghe theo lời khuyên ấy, cầm mũ và đi ra. Ngay cả khi anh hôn nàng (tôi không bao giờ thấy anh bước đến gần nàng mà không thấy rằng tạo hóa đã ban cho anh tâm hồn của một con người cao thượng) nàng có vẻ càng quấn chặt lấy người cậu dường như muốn lẫn trốn người chồng mình đã lựa chọn. Tôi đóng cửa lại sau lưng anh, để cho tiếng động không phá vỡ cảnh yên lặng trong nhà, và khi quay lại, tôi lại thấy ông Pécgôti vẫn còn nói với cô cháu.

“Bây giờ cậu sẽ nên nói với cô của cháu rằng cậu Đêvít ở đây và điều đó sẽ nằm cô ấy phần chấn nên một chút. Trong núc ấy, cháu hãy ngồi cạnh ngọn lửa, cháu nhé, và hơ hai bàn tay nhỏ bé đã nạnh cứng. Cháu chả cần gì phải sợ sệt và buồn bã như thế. Thế nào? Thôi, cháu cứ

đi nên với cậu nhé? Thôi được, cháu cứ đi nên với cậu. Nếu như ông cậu của nó bị đuổi ra khỏi nhà, nang thang cầu bơ cầu bất và phải nằm ở dưới hố, cậu Đêvit ạ” ông Pécgôti nói với tôi, lòng cũng tràn đầy kiêu hãnh như lần trước “tôi chắc rằng cháu nó cũng theo tôi! Nhưng chẳng bao lâu nữa sẽ có một người khác, sẽ có một người khác... Eminì ạ!”

Sau đó, khi tôi lên gác, đi qua cửa căn phòng nhỏ bé của tôi, trong đó tối om, tôi có cảm tưởng thấy nàng ở trong phòng đang nằm sóng soài trên đất. Nhưng tôi không biết đó có thật là nàng không hay chỉ là do ảnh hưởng bóng tối thấp thoáng của caum phòng gây nên mà thôi.

Ngồi trước ngọn lửa ở bếp, tôi được dịp nghĩ đến nỗi lo sợ của bé Eminì xinh đẹp khi nghĩ đến cái chết sắp đến (điều này cộng với điều ông Âmơ đã nói với tôi là nguyên nhân khiến cho nàng có vẻ khác thường như vậy) và trước khi chị Pécgôti xuống bếp, tôi có thì giờ nhìn cái vẻ yếu ớt ấy một cách rộng lượng hơn trong khi đếm tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ và cảm thấy vẻ yên lặng trang nghiêm bao phủ quanh tôi. Chị Pécgôti ôm chầm lấy tôi, cầu chúa ban phúc cho tôi, và cảm ơn tôi không biết bao nhiêu lần vì đã đem đến cho chị một nguồn an ủi (chị bảo thế) trong cảnh bất hạnh. Đoạn chị yêu cầu tôi lên gác, ghen ngào nói rằng anh Backít bao giờ cũng yêu tôi và quý tôi, rằng anh đã nhiều lần nói đến tôi trước khi mê man bất tỉnh; rằng nếu như anh tỉnh lại anh sẽ vui lòng tha dạ khi được thấy tôi, nếu như trên trần thế này có thể có điều gì làm anh vui lòng tha dạ.

Nhưng khi tôi nhìn thấy anh thì cái hy vọng anh sẽ

tĩnh lại tỏ ra rất mong manh. Anh nằm dài, đầu và vai thò ra ngoài đường, trong một tư thế không thoải mái chút nào, nửa người nằm trên cái hòm đã gây cho anh bao lo lắng bồn khoăn. Người ta bảo tôi rằng khi không thể nào lẻ mình khỏi giường để mở hòm và không có thể yên trí rằng nó vẫn nằm đấy bằng cách dùng chiếc dũa thần như tôi đã thấy anh làm, anh yêu cầu đặt nó trên một chiếc ghế ở đầu giường và từ hôm ấy vẫn ngày đêm ôm ghì lấy nó. Lúc này cách tay anh vẫn đặt lên hòm. Thời gian và thế giới đang rời khỏi tay anh nhưng cái hòm vẫn nằm trơ trơ đấy, và những lời cuối cùng mà anh nói (với giọng giải thích) là “Quần áo cũ”

“Anh Backít ơi!” Chị pécgôti nói, giọng gần như vui vẻ, cúi mình trên người anh, trong khi ông pécgôti và tôi đứng ở chân giường “Đây là em Đêvit, đứa con yêu quý của em... đứa con yêu quý của em, người đã xe duyên cho chúng mình, người đã giúp anh ngỏ lời với em, anh Backít anh nhớ không, anh không muốn nói gì với em Đêvit sao?”

Anh vẫn im lặng và vô tri vô giác như cái hòm và thân hình vẫn trơ trơ như thế.

“Chú ấy sẽ ra đi cùng với nước thủy triều” ông Pécgôti lấy tay che miệng nói thầm với tôi.

Nước mắt tôi ràn rụa và ông Pécgôti cũng thế, nhưng tôi vẫn nhắc lại giọng thều thào.

“Với nước thủy triều à?”

“Phải” ông Pécgôti nói “ở trên bờ biển người ta chỉ chết khi thủy triều đã xuống rất thấp, người ta chỉ ra đời khi thủy triều đã dâng nên khá cao và việc sinh đẻ để kết thúc khi thủy triều nên thật cao. Chú ấy ra đi với nước thủy

triều. Vào lúc ba giờ rưỡi nước thủy triều sẽ xuống thấp và năm yên nửa tiếng. Nếu chú ấy sống cho đến khi thủy triều lên, thì chú ấy còn giữ vững thời gian thủy triều lên cao và sẽ ra đi khi nước xuống”

Chúng tôi đứng đấy nhìn anh một hồi lâu... hàng giờ. Tôi không dám nói sự có mặt của tôi có ảnh hưởng gì huyền bí đối với anh trong tình trạng mê man ấy. Nhưng cuối cùng, khi anh bắt đầu nói thều thào yếu ớt thì rõ ràng là anh đang nói lấp bấp về việc đánh xe cho tôi đến trường.

“Anh ấy tỉnh rồi đấy” chị Pécgôti nói.

Ông Pécgôti sờ vào cánh tay tôi nói lấp bấp, giọng cảm động và kính cẩn.

“Thủy triều và chú ấy đều đi nhanh”

“Anh Backít!” Chị Pécgôti nói

“Clara Pécgôti Backít” anh nói, giọng yếu ớt “Người đàn bà tốt nhất trên đời!”

“Anh nhìn đi! Đây là em Đêvi” chị Pécgôti nói bởi vì đôi mắt anh đã mở to.

Tôi đang định hỏi anh có nhận ra tôi không, bỗng anh cố gắng giơ cánh tay ra, nói với tôi, giọng rõ ràng miệng nở một nụ cười hồn hậu.

“Báckít muốn...”

Lúc này nước thủy triều xuống, và anh ra đi cùng nước thủy triều.

Hết quyển 1

SÁC LỖ ĐICKENX

ĐÊ VIT CÔ PÔ PHIN

Tập I

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
VŨ VĂN ĐÁNG

Chịu trách nhiệm bản thảo
NGUYỄN ĐỨC HÙNG

Biên tập:	VĂN ĐỨC
Trình bày:	BẰNG GIANG
Sửa bản in:	VĂN ĐỨC

In 600 cuốn, khổ 13 x 19 tại xí nghiệp In Sơn La. Giấy
phép trích ngang kế hoạch xuất bản số: 253/1413 CXB
In xong và nộp lưu chiểu quý I - năm 2001



Đ Ê V Í T
Copóphin

Tập 1

Giá: 69.000đ